NGUYỄN CHÍ VỊNH

NGƯỜI THẦY



Truyện

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

NGƯỜI THẦY

NHÀ XUẤT BẢN
MONG BẠN ĐỌC GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Nguyễn Chí Vịnh
Người thầy : Truyện / Nguyễn Chí Vịnh. - H. : Quân đội nhân dân, 2023. - 496 tr. ; 24 cm

ISBN 978-604-51-9237-5

1. Văn học hiện đại 2. Truyện 3. Việt Nam

895.92234 - dc23

QDM0344p-CIP

NGUYỄN CHÍ VỊNH

NGƯỜI THẦY



Truyện

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2023

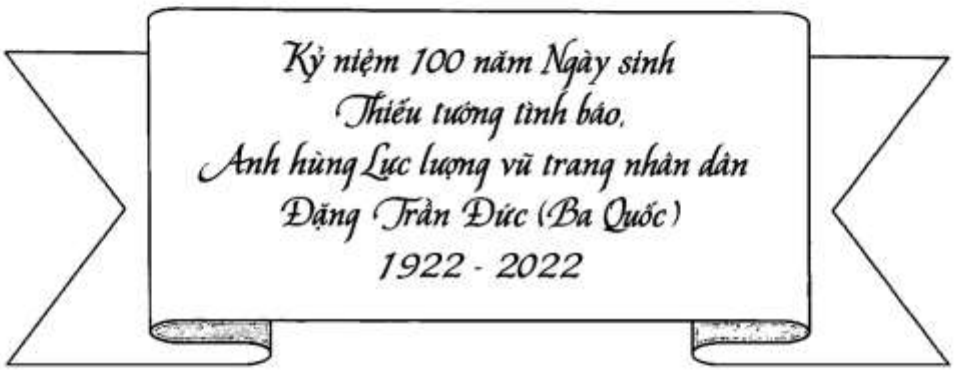
Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh
Thiếu tướng tình báo,
Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân
Đặng Trần Đức (Ba Quốc)
1922 - 2022

Lời giới thiệu

Tôi gặp Nguyễn Chí Vịnh lần đầu vào năm 1983, khi cậu ấy mới tốt nghiệp Trường Sỹ quan Thông tin, còn tôi đang chỉ huy một sư đoàn chiến đấu ở Campuchia. Cậu ấy tới tìm tôi để trình bày nguyện vọng được sang công tác tại chiến trường. Đây là nguyện vọng chính đáng, nhưng tôi không phải là người đưa ra quyết định, mà ở lãnh đạo cấp cao. Vịnh sau đó không về đơn vị tôi, mà được phái sang đơn vị Tình báo Quân sự ở Campuchia, Đoàn 817 thuộc Cục 2, Bộ Quốc phòng.

Đến năm 1995, tôi đảm nhận cương vị Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam và một thời gian ngắn sau đó (năm 1997) là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Tôi thường xuyên làm việc với anh Ba Quốc, khi anh là Cục trưởng Cục 12, Ủy viên Ban Chỉ đạo Tổng cục II. Con người này đã để lại cho tôi ấn tượng sâu sắc, đó là chỉ sống chết với nghề tình báo, một người chuyên nghiệp. Nhưng hơn cả, đây là một con người có lý tưởng và nghiêm túc đến mức khắc nghiệt đối với công việc. Không ít lần tôi chứng kiến anh Ba Quốc nói ngược với cấp trên, trong đó có cả tôi.

Cũng trong thời gian ấy, tôi được chứng kiến mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, giữa thầy và trò của anh Ba Quốc với Nguyễn Chí Vịnh. Có thể nói đây là một mối quan hệ mẫu mực của một cán bộ cao cấp của Quân đội với một sỹ quan cấp dưới.

Anh Ba Quốc đã đào tạo Nguyễn Chí Vịnh từ một trợ lý mới bước vào ngành Tình báo, chưa qua chiến đấu, thử thách để trở thành một trợ lý giỏi, rồi từ đó đi xa hơn trong ngành Tình báo chiến lược của Quân đội. Từ những ngày đầu tiên vào ngành năm 1984, cho đến năm 2000, khi Nguyễn Chí Vịnh được giao trọng trách Tổng cục trưởng Tổng cục II, không một ngày nào thiếu sự hiện diện của anh Ba Quốc bên cạnh người học trò của mình và đã giúp cậu ấy "nên người".

Cuốn sách này sẽ giúp ích cho thế hệ trẻ, nhất là những bạn trẻ trong Quân đội, có được tấm gương về mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, giữa thầy và trò, giữa các thế hệ bồi dưỡng nối tiếp nhau. Ngoài ra, không thể không nhắc đến sự hy sinh thầm lặng của các cán bộ tình báo, tiêu biểu là anh Ba Quốc, không chỉ trong chiến tranh, mà ngay cả trong thời bình, trong đó có nỗ lực rất lớn để đào tạo nên thế hệ kế cận của ngành Tình báo, những người xứng đáng thay thế mình. Việc anh Ba Quốc đào tạo Nguyễn Chí Vịnh là một đóng góp không nhỏ cho ngành Tình báo và Quân đội ta.



Đại tướng PHẠM VĂN TRÀ
Ủy viên Bộ Chính trị (khóa VIII, IX)
Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (1997 - 2006)

Lời nói đầu

Tôi có một cơ may hiếm hoi trên đời là gặp được một người thầy kiệt xuất, vừa nghiêm khắc, vừa ân cần, dạy dỗ tôi nên người khi mới bước chân vào ngành Tình báo, đến khi ông mất 20 năm sau đó. Ông Ba Quốc - Thiếu tướng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Đặng Trần Đức, một trong những "con Át" của ngành Tình báo Quốc phòng Việt Nam.

Khi ông về nghỉ hưu, tôi từng nhiều lần thuyết phục ông nói và viết về cuộc đời hoạt động cách mạng và những năm tháng cống hiến cho ngành Tình báo. Đến năm 2000, ông lần đầu tiếp xúc với báo chí. Chỉ sau một thời gian ngắn, báo Thanh Niên đã đăng tải 36 số báo về những câu chuyện của ông Ba Quốc. Ngoài ra, nhà văn Khuất Quang Thụy cũng đã xuất bản một cuốn sách về ông mang tên: "Tình báo không phải là nghề của tôi".

Sau khi đọc hết những trang viết đó, tôi ngẫm lại rằng hầu như chẳng có dòng nào ông Ba Quốc nói về mình. Những hoạt động của ông trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ đã được Đảng và Nhà nước tôn vinh. Nhưng còn giai đoạn sau năm 1975, ông có những đóng góp to lớn cho ngành Tình báo và sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tất cả đều không có

chữ "tôi". Ông nói: "Tôi không muốn nói về mình. Những câu chuyện sau giải phóng thì càng không bao giờ nói ra". Dù không giải thích lý do, nhưng tôi hiểu ông luôn có một nguyên tắc cứng nhắc, đó là tình báo thì phải "đóng kín". Ngay từ lúc ấy, tôi đã tự nhủ sẽ có ngày viết về ông, ít nhất là về đoạn đời 20 năm tôi được sống gần ông.

Câu chuyện ấy tôi không chỉ nghĩ trong lòng, mà đã nói với ông Ba và gia đình ông. Khi đó, ông chỉ cười: "Chuyện của tôi có gì hay mà viết". Các anh chị con ông Ba Quốc cũng nhắn nhủ với tôi: "Trước giải phóng, anh chị không được sống gần ông, không hiểu gì về ông, thì sau này anh chị đã được nghe kể lại rất nhiều. Nhưng còn đoạn đời sau giải phóng, khi mà anh, chị được gần gũi ông, thì lại không được biết gì. Khi ông còn sống, cậu từng nói là sẽ viết sách về ông?".

Cả gia đình ông Ba Quốc đã phải chờ đợi hơn 20 năm để được nghe nốt về đoạn đời sau này của ông. Vì vậy, tôi đặt bút viết về một trong những tấm gương kiệt xuất của ngành Tình báo Quốc phòng, cũng như của Đảng và Quân đội ta.

Cuốn sách này không chỉ nói về công lao của ông Ba Quốc, mà nói về những trăn trở, hy sinh, những khó khăn phải vượt qua, về đạo đức, tình cảm của ông, đặc biệt là tình vợ chồng, cha con, thầy trò... Những bài học về nghề, về người, về đời của ông để giúp cho thế hệ trẻ, đặc biệt là các bạn trẻ trong ngành Tình báo tiếp thu trong quá trình trưởng thành.

Trong cuốn sách này, tôi cố gắng viết tất cả những gì mình biết và hiểu về ông Ba Quốc, trừ những điều không được nói ra. Vì vậy, chắc chắn sẽ có những điểm mờ và tạo ra nhiều câu hỏi.

Mong bạn đọc thông cảm, vì đây là nguyên tắc nghề nghiệp, cũng là nguyên tắc của chính ông Ba. Tôi muốn cuốn sách này như một lời nhắc nhớ cho những người còn sống, về một con người bất tử.

Thượng tướng NGUYỄN CHÍ VỊNH
Ủy viên Trung ương Đảng (khóa XI, XII)
Tổng cục trưởng Tổng cục II (2000 - 2009)
Thứ trưởng Bộ Quốc phòng (2009 - 2021)



CHƯƠNG MỘT

ÔNG BA QUỐC



BUỔI CHIA TAY

Khi đó là mùa thu, tháng Mười năm 2000.

Tôi tiếp nhận cương vị Tổng cục trưởng Tổng cục II được vài tháng trong một bối cảnh đầy khó khăn, có nhiều vấn đề của giai đoạn trước để lại và những thách thức của tháng năm trước mắt. Chúng tôi phải đánh giá lại, rút kinh nghiệm và có cách làm mới để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Đó cũng là thời điểm chuẩn bị Đại hội IX của Đảng với nhiều biến động của môi trường chính trị cùng hoạt động chống phá của các thế lực bên ngoài.

Trong bối cảnh khó khăn trăm bề như vậy thì tại Tổng cục II cũng là thời điểm chuyển giao thế hệ. Thời điểm ấy, "thế hệ vàng" của ngành Tình báo Việt Nam, các trụ cột, cán bộ lâu năm, nhiều kinh nghiệm trong tất cả những lĩnh vực ở các đơn vị đều đã quá tuổi nghỉ hưu. Thủ trưởng Vũ Chính - Tổng cục trưởng thì chuyển ra ngoài, các đồng chí Cục trưởng với tuổi đời đã quá bảy mươi cũng đến lúc sức khỏe không trụ nổi, cũng như không thực sự phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Những "con Át" của ngành Tình báo làm cố vấn, chuyên gia cho các đơn vị như ông Hai Trung (Phạm Xuân Ẩn), ông Hai Nhạ (Vũ Ngọc Nhạ), ông Ba Quốc

(Đặng Trần Đức), ông Sáu Trí (Nguyễn Văn Khiêm), ông Năm Thúy (Lê Hữu Thúy)... đều là những Anh hùng, chuyên gia lão luyện của ngành Tình báo Quốc phòng - cũng đều quá tuổi thất thập.

Với một sự chuyển giao thế hệ đồng loạt và đông đảo như vậy thì tâm trạng chung là băn khoăn, cả đối với những người sắp rời cương vị cũng như thế hệ chúng tôi đảm nhận cương vị mới. Băn khoăn về việc chuyển giao thế hệ như thế nào để hoàn thành nhiệm vụ của ngành Tình báo. Không chỉ vậy, phải làm sao duy trì, phát triển được vị thế, chức năng, nhiệm vụ của tình báo chiến lược trong tình hình mới phức tạp lúc bấy giờ.

Quyết định chuyển giao thì đã có từ đầu năm 2000 nhưng cứ lần lữa mãi, cuối cùng cũng đến lúc phải trao quyết định và nói lời chia tay.

Chúng tôi chọn ngày 25 tháng Mười năm 2000 - nhân kỷ niệm 55 năm Ngày thành lập ngành Tình báo Quốc phòng để tổ chức sự kiện tôn vinh công lao đóng góp của các nhà tình báo hàng đầu trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và trong thời kỳ Đổi mới. Đồng thời cũng là ngày chia tay các đồng chí lão thành tình báo nghỉ hưu.

Sự kiện ý nghĩa và cảm động ấy được tổ chức tại số 34 Trần Phú, Hà Nội (trụ sở Tổng cục II lúc đó). Ba "ông già tình báo" lừng danh là Hai Trung, Hai Nhạ, Ba Quốc - những "con Át" của Tình báo Quốc phòng Việt Nam, đại diện cho lớp tình báo kỳ cựu, phát biểu đôi lời tạm biệt, với những dặn dò, động viên đầy tâm huyết dành cho thế hệ lãnh đạo mới của ngành Tình báo Quốc phòng Việt Nam.

Ông Hai Nhạ nói:

- Các đồng chí hỏi tôi có buồn không? Tôi thì không buồn, ngược lại rất vui, vì tôi nghỉ, nhưng có lớp kế thừa xứng đáng, tin cậy, có gì mà buồn!

Ông Hai Trung thì nhận xét:

- Tình báo ta trước nay đóng kín, chỉ chuyên về quân sự. Nay bắt đầu mở, phải đẩy mạnh làm tình báo ngoại và bắt đầu làm tình báo chiến lược toàn diện. Như vậy là tiếp cận với trình độ quốc tế. Tôi mong vậy lâu rồi, mong các em, các cháu cứ thế mà làm cho tốt!

Im lặng một lát, mọi người quay sang ông Ba Quốc chờ đợi. Ông trầm ngâm:

- Tôi nhận quyết định nghỉ hưu, nhưng có rời ngành Tình báo đâu mà nói chia tay? Mình không đảm nhiệm chức vụ nhưng sẽ không rời đội ngũ. Với tôi, suốt đời phục vụ tình báo, sống tình báo nuôi, chết tình báo chôn. Vậy đó!

Nghe ông Ba nói xong, không khí trong phòng thay đổi hẳn, các ông già gật gù tâm đắc: "Đúng! Sống tình báo nuôi, chết tình báo chôn. Chúng mình có rời đội ngũ đâu mà phải chia tay".

Thế là buổi chia tay trở thành cuộc gặp mặt chúc mừng, dặn dò thế hệ lãnh đạo mới của ngành Tình báo.

Với tôi, buồn nhất là sẽ không còn được thường xuyên gần gũi các ông, đều là thủ trưởng trực tiếp, nhưng cũng là thầy, là cha chú mình, là chỗ dựa bất kỳ lúc nào khó khăn hay chậm bước.

Tôi đi cạnh ông Ba - người thầy của mình, nói đủ thứ chuyện cho ông vui, mà chủ yếu là để động viên chính mình, vì thực sự trong lòng tôi trĩu nặng, hiểu rằng từ lúc đó mình không được gần ông thường xuyên nữa.

Về mặt tình cảm, như một thói quen, tất cả những việc gì khó kể cả công hay tư tôi đều chia sẻ với ông, nhưng bây giờ sẽ không thực hiện được.

Bên cạnh tình cảm cá nhân ấy, thì chúng tôi cũng phải hình dung từ giờ thiếu các ông ấy thì mình phải làm như thế nào?

Thực ra chúng tôi cũng rất tự tin là thế hệ của mình sẽ làm được việc. Nhưng thói quen bao nhiêu năm nay dù đúng, dù sai, dù nhỏ, dù lớn, cũng đều có những người mình tin cậy họ tuyệt đối, mỗi lúc khó lại xin ý kiến rồi sau đó rất yên tâm thực hiện, còn khi họ không đồng ý thì cũng sẽ nghiêm túc xem lại quyết định của mình. Bây giờ chỗ dựa ấy không còn.

Tôi nghĩ về câu nói của ông Ba với tất cả mọi người, đồng thời cũng là nói với chính tôi: "Chúng tôi nghỉ là rời cương vị chứ không rời ngành Tình báo". Ông muốn bày tỏ rằng, lúc nào các ông cũng ở bên cạnh, vẫn là chỗ dựa vững chắc giúp chúng tôi thực hiện tốt công việc của mình.

HAI MƯƠI NĂM GẮN BÓ

Buổi chia tay các "ông già tình báo" hôm ấy để lại trong tôi một khoảng lặng. Vào thời điểm đó, tôi 41 tuổi, 25 năm quân ngũ và 16 năm làm nghề tình báo, cũng là 16 năm sống và làm việc cạnh ông Ba.

Tôi nhớ lại cả một thời kỳ dài mình sống, làm việc gắn với ông Ba - người thầy rất mực quý trọng và gần gũi của tôi

và cả các "ông già tình báo" khác mà chúng tôi chia tay hôm ấy. Từng thời kỳ ở bên ông Ba cứ sống lại trong tôi như một đoạn phim quay chậm.

Thời điểm gia nhập ngành Tình báo - năm 1984 - tôi vào thẳng đơn vị do ông Ba phụ trách. Từ đó tôi liên tục được làm việc bên cạnh ông, đứng dưới bóng của ông, thực hiện tất cả các nhiệm vụ dưới sự lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp của ông.

Giai đoạn 1984 - 1989, tôi công tác liên tục ở Campuchia, là trợ lý Phòng N, Đoàn 817 do ông Ba trực tiếp chỉ đạo.

Hồi đó, là một sỹ quan mới ra trường, tôi bỡ ngỡ đến một đơn vị mà bản thân chưa biết gì về nhiệm vụ, được ông Ba tạo điều kiện cho học việc, rồi trở thành trợ lý điệp báo. Cho đến giai đoạn cuối ở Campuchia thì tôi được làm trợ lý của ông Ba. Có thể nói đây là giai đoạn ông dạy tôi trở thành một trợ lý tình báo.

Trong suốt thời kỳ đó từ làm việc, đi lại, ăn ở, mọi chuyện của tôi đều có ông. Đây cũng là thời gian mà tôi hiểu kỹ hơn về quá trình hoạt động của ông trong hậu địch, ở Sài Gòn giai đoạn 1954 - 1974.

Giai đoạn 1989 - 1990, sau một thời gian ngắn tập huấn nghiệp vụ ở Liên Xô, tôi được tháp tùng ông Ba đi dọc biên giới phía Bắc nhằm góp phần tìm ra "con đường" để "hạ nhiệt" chiến tranh, đi đến bình thường hóa quan hệ với nước láng giềng phía Bắc. Thời gian này đã để lại kỷ niệm không thể quên của một tập thể nhỏ rất gắn bó, gồm ông Ba Quốc, ông Ba Quang (Đại tá Trang Công Doanh), tôi và một vài trợ lý giúp việc. Về đến Hà Nội, tôi trực tiếp phục vụ ông Ba làm việc, xin ý kiến chỉ đạo với những

người lãnh đạo cao nhất của Quân đội và của Nhà nước lúc bấy giờ: ông Sáu Nam (Chủ tịch nước Lê Đức Anh), ông Đoàn Khuê (Bộ trưởng Bộ Quốc phòng), còn ở Tổng cục II thì được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ông Tư Văn (Trung tướng Nguyễn Như Văn), Trung tướng Vũ Chính và một số cán bộ chủ chốt khác.

Hơn một năm dọc ngang biên giới phía Bắc, tôi được nghe ông Ba kể nhiều về khoảng thời gian ông mới vào ngành Công an ở Hà Nội, chặng đường đầu tiên ông tham gia Cách mạng trong kháng chiến chống Pháp, cũng là thời trai trẻ của ông. Tôi được gặp gia đình ông và bà Thanh - người vợ đầu của ông, cũng như hiểu nhiều hơn về con người và cuộc đời riêng của ông. Thời gian này, tôi được ông chỉ bảo để bắt đầu thực hiện các kế hoạch tình báo độc lập.

Giai đoạn 1990 - 1992, tôi làm Phó phòng thuộc Cục 12. Thời điểm này nhiệm vụ được mở rộng. Trước hết chúng tôi phải tìm đường quay trở lại Campuchia, chuẩn bị đón UNTAC (Cơ quan Chuyển tiếp Liên Hợp quốc tại Campuchia) và hỗ trợ giúp bạn giữ chính quyền, bảo vệ Đảng Nhân dân Campuchia. Đồng thời, chúng tôi tiếp nhận nhiệm vụ mới là hoạt động ở ngoài nước để trả lời câu hỏi của ông Sáu Nam về "Kịch bản Liên Xô và Đông Âu sụp đổ". Bên cạnh đó, phải phát hiện, tìm đường đi vào lực lượng phản động, phản bội ở ngoài nước ngóc đầu trở lại móc nối với bên trong để hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước ta. Rồi thêm nữa - hoạt động tình báo khoa học công nghệ để phục vụ cho nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật quân sự của Quân đội.

Có thể nói đây là thời điểm tôi bắt đầu "bay đơn", làm việc độc lập và rời xa sự chỉ đạo trực tiếp của ông Ba. Nhưng mọi đường đi nước bước vẫn đặt dưới sự chỉ bảo từng giờ, từng phút của ông. Với tư cách là người thầy thì thời gian này ông Ba dạy tôi làm cán bộ tình báo hoạt động độc lập và Tổ trưởng các tổ tình báo hoạt động tầm xa.

Giai đoạn 1993 - 1995, tôi được giao nhiệm vụ Trưởng phòng, sau đó là Cục phó Cục 12, tức là làm phó về nghiệp vụ cho ông Ba. Nhiệm vụ thì rất lớn, nhưng thực chất đây là giai đoạn tôi học việc, học để làm người chỉ huy tình báo. Ông Ba là người vừa bàn giao cho tôi, nhưng đồng thời vừa là người thầy dạy tôi để có thể thay thế, tiếp quản vị trí rất nặng gánh của ông. Tuy nhiên, trong giai đoạn này tôi mới bắt tay vào vị trí, nên hầu hết mảng nghiệp vụ vẫn do ông Ba phụ trách cùng với sự chỉ đạo trực tiếp của ông Vũ Chính từ trên Tổng cục.

Trong thời gian này, ông Ba bắt đầu dạy tôi cách thức chỉ huy một đơn vị tình báo lớn như thế nào. Ông chỉ bảo cho tôi cách quản lý một đơn vị Quân đội với đầy đủ các ban bệ, cơ quan, đơn vị cấp dưới, dạy tôi về công tác đảng, công tác chính trị đối với tình báo. Ông đưa tôi đi các nơi để giới thiệu với các địa phương, các quân khu, các cơ quan của Tổng cục II. Ông hướng dẫn tôi cách sử dụng quan hệ để thực hiện nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, bài học lớn nhất mà ông tốn nhiều công sức rèn giũa tôi đó là cái "đạo" làm tình báo, làm người chỉ huy tình báo.

Cũng trong giai đoạn này, ông Ba giao nhiệm vụ cho tôi kiêm nhiệm trợ lý cho ông Hai Trung để học về tình báo

danh nghĩa công khai, thông qua báo chí truyền thông, tình báo tầm xa. Sau ông Hai Trung thì đến ông Sáu Trí, ông Ba giao nhiệm vụ ông Sáu Trí dạy tôi về công tác tham mưu, kế hoạch điệp báo trong hơn một năm.

Như vậy trong khoảng 3 - 4 năm, tôi phải đi theo học ba người thầy, một người dạy về chỉ huy tình báo, điệp báo, một người dạy về truyền thông báo chí, tình báo hướng ngoại và một người dạy về công tác kế hoạch tình báo.

Nếu nói có giai đoạn trưởng thành trong ngành Tình báo thì đây là giai đoạn tôi bắt đầu trưởng thành. Tôi bắt đầu hiểu một cách tương đối đầy đủ về nghề. Sau 12 - 13 năm vào nghề mà nói mới bắt đầu hiểu nghề tình báo thì quá muộn, nhưng sự thực là như thế. Với nghĩa rộng là hiểu đầy đủ về nghề tình báo thì lúc bấy giờ tôi mới đủ độ chín, đủ thông tin để tự tin mình có hiểu biết ban đầu về nghề tình báo.

Năm 1997, tôi quay lại Campuchia lần thứ ba. Khi thực hiện nhiệm vụ ông Sáu Nam và ông Ba giao để sang Campuchia lần đó, bản thân tôi vẫn chưa hiểu hết rằng thời điểm ấy đánh dấu một kỷ niệm không thể quên được trong cuộc đời công tác của mình. Đó là giai đoạn sóng gió ở Campuchia cũng là cột mốc đánh dấu một giai đoạn đầy biến động và bất trắc, khó khăn kéo dài đến năm 1999.

Có thể nói hai năm tiếp theo ấy, chúng tôi đã dành 100% sức lực cho địa bàn Campuchia để giữ gìn thành quả cách mạng của bạn và ta, vượt qua những khó khăn cho đến khi giải giáp hoàn toàn Khmer Đỏ vào tháng Mười hai năm 1999.

Lúc này, bên trong là cương vị Cục trưởng Cục 12, nhưng với bên ngoài tôi có thêm nhiệm vụ phái viên của lãnh đạo cấp cao, thực hiện một số nhiệm vụ đặc biệt. Hai cương vị này đều mới mẻ đối với cả tôi và ông Ba.

Hai thầy trò đều phải làm quen với vai trò mới, thực chất ông Ba là người đứng sau, chỉ đạo những nội dung công việc, những nhiệm vụ để tôi thực hiện. Có thể nói bối cảnh tôi hoạt động tại Campuchia như một sân khấu lớn, Tổng đạo diễn là các lãnh đạo cấp cao, cụ thể và thường xuyên nhất là ông Sáu Nam, chỉ đạo diễn xuất là ông Ba, còn tôi là diễn viên hành động. Thời gian này tôi "xa" ông Ba hơn về khoảng cách, nhưng trong công việc vẫn là một. Khi đó, nội dung nhiệm vụ của tôi liên quan đến chính trị nhiều hơn là tình báo. Tuy nhiên, mọi lúc, mọi nơi tôi đều không thiếu vắng sự chỉ bảo, động viên của ông Ba.

Đây cũng là thời kỳ bắt đầu xuất hiện khó khăn, những e ngại, băn khoăn của hai thầy trò về những vấn đề nội bộ, những vấn đề mình không muốn có sau lưng. Và cũng thời gian này tôi được cấp trên dự báo phải ra Hà Nội. Có thể hình dung trước mắt sẽ là một giai đoạn rất khó khăn, đó là đi hay ở, và đi thì phải như thế nào?

Đầu năm 2000, tôi nhận vị trí Tổng cục trưởng Tổng cục II, ông Ba làm cố vấn. Vai cố vấn của ông không có quyết định bổ nhiệm chính thức, nhưng mặc nhiên là như thế và đây là cái "chức" mà ông Sáu Nam (lúc đó là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương) trực tiếp giao cho ông Ba với điều kiện: "Đưa cậu Vịnh làm Tổng cục trưởng thì anh Ba phải làm Cố vấn", như vậy thì ông Sáu mới chịu.

Nhưng làm cố vấn được ít hôm thì ông Ba bỏ về miền Nam, khi tôi hỏi thì ông chỉ bảo: "Tôi không giúp được gì cho cậu!".

Khi ấy tôi rất buồn, và cũng suy nghĩ, tâm tư: "Vì sao ông lại bỏ mình về?".

Nhưng rồi tôi hiểu, ông Ba không muốn làm tôi bận tâm, không muốn lúc nào tôi cũng hỏi ý kiến của ông nữa. Ông bảo tôi: "Tự làm đi, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm đi". Ông dặn, khó khăn gì thì gặp ông, bỏ thói quen cái gì cũng xin ý kiến, cái gì cũng hỏi.

Tuy nhiên, thời gian ấy, tôi rất cần sự bảo ban và tiếp sức mạnh, niềm tin từ ông. Nên dù ở Hà Nội, nhưng gần như tuần nào tôi cũng vào Thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi lần vào là thầy trò có bữa cơm chiều với nhau, có một buổi sáng báo cáo tình hình để qua đó tôi lắng nghe ý kiến của ông, khi đó không còn là chỉ đạo về nghiệp vụ, mà chủ yếu ông kể về những thời hoạt động xa xưa để gợi ý những việc tôi nên làm.

Và cứ như vậy, cho đến khi ông Ba mất vào ngày 26 tháng Ba năm 2004.

"TÌNH BÁO KHÔNG PHẢI LÀ NGHỀ CỦA TÔI"

Ông Ba đã nói như vậy, khi lần đầu tiên "mở lòng" với giới truyền thông. Suốt hai thập kỷ gắn bó với ông Ba, tôi luôn bị thôi thúc phải tìm lời giải cho câu hỏi: "Điều gì đã làm nên sự đặc biệt trong nghề nghiệp tình báo của ông Ba?".

Chỉ trong thời gian vài năm đầu khi tôi làm việc và được ông Ba chia sẻ những kỷ niệm, những công việc mà ông thực hiện trong quá trình ở hậu địch cho đến sau năm 1975, khi ở những cương vị công tác khác nhau trong ngành Tình báo, rồi sau này khi được nghiên cứu tài liệu, thì một câu hỏi đã hiển hiện trong tôi: "Vì sao ông Ba Quốc được phong Anh hùng? Và hơn thế nữa vì sao ông được coi là nhà tình báo lỗi lạc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, bên cạnh những cây đại thụ, những "con Át" khác như Hai Trung, Hai Nhạ, Năm Thúy...?". Tiếp nữa: "Sau năm 1975 ông đã đóng góp được những gì cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?...".

❖ Đảm nhận cả ba vai trong ngành Tình báo

Trong ngành Tình báo có ba vị trí khác nhau: Đầu tiên là một tình báo viên/điệp viên - tức là một nhân viên mật chui vào trong lòng địch, làm việc cho địch để phục vụ cho ta. Thứ hai là người chỉ huy các tình báo viên, điệp viên và chỉ huy những cán bộ có nhiệm vụ điều khiển lưới điệp viên. Thứ ba, cao hơn nữa, là người lãnh đạo hàng đầu của ngành Tình báo, chỉ huy, chỉ đạo cả bộ máy tình báo hoạt động nhịp nhàng, ăn khớp, vô cùng chính xác, khẩn trương nhưng cũng hết sức thầm lặng, bí mật.

Do sự phân công của tổ chức nhưng chủ yếu là năng lực và sự cố gắng hết mức của ông Ba, nên ông kinh qua cả ba vị trí này. Ở mỗi vị trí, ông đều bước giữa lằn ranh thành hay bại, giữa sự sống và cái chết. Ví dụ như khi làm điệp viên, ông đã phải trải qua nhiều lần vào sinh ra tử để

được an toàn quay trở về, để không bị nghi ngờ, để tiếp tục làm được vị trí thứ hai - đó là chỉ đạo các điệp viên khác. Rồi trong quá trình chỉ đạo các điệp viên, các lưới tình báo của ông phải đạt thành tích quan trọng như thế nào để ông khẳng định được uy tín của một người chỉ huy tình báo. Và cuối cùng với phẩm chất, trình độ, năng lực và lòng tin của tổ chức như thế nào thì ông mới được đưa lên vị trí cao nhất, một trong những người lãnh đạo đầu ngành, hay người ta thường gọi "dân dã" là một trong những "ông trùm" của ngành Tình báo.

Ông Ba là người trải qua ba "vai" đó, cả ba cương vị đó.

❖ Điệp viên nhị trùng

Đặc điểm thứ hai trong cuộc đời hoạt động của ông Ba Quốc, đó là một điệp viên nhị trùng siêu hạng. Tức là tình báo ta làm việc trong cơ quan tình báo địch và khi ở tình báo địch lại phải chỉ huy, chỉ đạo tình báo địch nắm lại tình báo ta.

Như vậy, một điệp viên mà chui vào Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu của quân đội Sài Gòn, vào các cơ quan đầu não của đối phương... đã vô cùng hiếm hoi và quý giá, nhưng một điệp viên lại nằm đúng ở trong cơ quan tình báo địch để tham gia chỉ đạo lực lượng tình báo địch đánh ngược nội bộ ta, thì ở Việt Nam chỉ duy nhất có ông Ba Quốc, còn ở nước ngoài cũng vô cùng hiếm một tấm gương tình báo nào có vị trí lợi hại như vậy.

Vị trí này có được nhờ sự nỗ lực của ông Ba là đương nhiên, nhưng cũng phải nói đến tầm nhìn xa của tổ chức.

Đó là việc giữ bằng được cho ông ở ngành Công an của địch trong thời kỳ Pháp chiếm đóng trước năm 1954, rồi vào Nam thì cũng phải cố chui vào ngành Công an, mật vụ của địch, từ đó lọt vào cơ quan tình báo đối phương. Vì mục tiêu tối cao và khó nhất của ngành Tình báo không phải vào được Phủ Tổng thống hay các địa điểm "cấm" nào khác, mà chính là vào cơ quan tình báo địch.

Vì sao như vậy?

Ông Ba nói với tôi: "Mỗi năm, từ Phủ Tổng thống, từ Bộ Tổng tham mưu, từ các cơ quan lãnh đạo tối cao của chính quyền Sài Gòn đưa ra hàng loạt các bản yêu cầu điều tra, trong đó có hàng trăm câu hỏi về những vấn đề mà chính quyền Sài Gòn và đằng sau đó là CIA cần biết về phía ta. Tất cả các đầu mối lãnh đạo, chỉ huy của đối phương đều muốn nắm được tình hình miền Bắc cũng như của Quân Giải phóng. Và chỉ đọc những câu hỏi ấy thôi, với một bộ óc phân tích thông minh và có hệ thống thì không cần thêm cái gì khác nữa, cơ bản ta cũng đã hiểu được thời gian tới địch muốn gì ở ta và sẽ làm gì với mình".

Sự lợi hại là ở chỗ ấy.

Nên riêng chuyện cứ mỗi một năm ông đưa ra Hà Nội một bản nội dung yêu cầu điều tra của địch là phía mình cũng... "toát mồ hôi", biết được địch định làm gì mình. Và khi có yêu cầu điều tra ấy chúng ta không chỉ đánh lừa địch bằng tin giả, mà còn đối phó với toàn bộ âm mưu sẽ diễn ra, mặc dù chưa có gì cụ thể. Đó là một nguồn tin cực kỳ quý giá cho Bộ Thống soái tối cao chỉ đạo kháng chiến ở miền Nam và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

❖ **Điểm yếu "chết người"**

Đặc điểm thứ ba trong cuộc đời hoạt động và cũng được coi là "điểm yếu" của ông Ba - ông là người trọng nghĩa khí.

Cũng giống như những nhà tình báo lỗi lạc khác, ông Ba cho rằng giữa chế độ Sài Gòn với chế độ Xã hội chủ nghĩa của ta là thù địch, nhưng những cá nhân làm việc cho chế độ Sài Gòn mà không nợ máu với Cách mạng, với nhân dân thì không phải ai cũng coi là địch. Ông cư xử với tất cả những con người mà ông từng cộng tác trong hậu địch một cách rất chí tình, thủy chung, nghĩa khí. Ví dụ như bà Mai, tất cả những thông tin bà ấy biết đều tiết lộ cho ông. Đầu tiên, bà Mai tưởng ông Ba phục vụ cho chính quyền Sài Gòn - cụ thể là Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo. Nhưng rồi bà "vỡ" ra ông là tình báo cộng sản, vậy mà bà vẫn tiếp tục cấp tin, đến khi chịu không nổi nữa thì bà bảo: "Anh coi chừng! Anh là tình báo cộng sản mà đến giờ tôi mới hay. Tôi cũng sẽ đi Mỹ, bởi vì đến anh mà cũng làm cho cộng sản thì chính quyền này thua rồi!".

Đây cũng là điểm yếu của ông Ba mà ông Hai Trung cũng rất nhạy khi nhận ra: "Ông này có quyền, có tiền mà không ăn chơi, không tham vật chất, không ham địa vị thì hoặc là có vấn đề, hoặc là cộng sản".

Chính điểm yếu này làm ông nhiều lần suýt bị bại lộ vì ông không che giấu được lối sống của mình. Người ta thường nghĩ, tình báo là nghề "đồng hành" với tiền tài, gái đẹp, những casino sang trọng, những vũ trường náo nhiệt, những cuộc chiêu đãi thâu đêm... Trước những cám dỗ ấy, người ta phải có một ý chí và bản lĩnh cao độ để vượt qua.

Nhưng ông Ba có những tình huống phải vượt qua còn cam go hơn thế. Có tình huống khiến ông "chết dở" vì lộ điểm yếu, đó là khi những người cộng sự của ông cùng Phủ Đặc ủy đưa ra những câu hỏi mà ông bảo là "toát mồ hôi". Ông kể, một tháng nhận lương ông chia làm ba phần, một phần đưa cho vợ, một phần ông học tiếng Anh để bám tụi Mỹ, phần còn lại đãi các nguồn tin. Vì thế, lương của ông ở Phủ Đặc ủy cùng với phụ cấp dù không hề thấp, nhưng không bao giờ ông thấy đủ tiền, lúc nào cũng thấy thiếu. Cuộc sống của ông "eo hẹp" đến mức, có người cùng làm trong Phủ Đặc ủy đã thắc mắc với ông: "Sao ông lại sống như thầy tu trong khi tất cả mọi người lại sống dư dả?".

❖ Cụm trưởng tình báo

Sau giải phóng năm 1975, ông Ba chính thức lấy lại tên "cúng cơm" của mình là Đặng Trần Đức nhưng vẫn dùng bí danh Trần Văn Quốc, mọi người thường gọi là ông Ba Quốc. Giai đoạn này, ông Ba chuyển từ một điệp viên, một cơ cán hoạt động mật sang cán bộ tình báo hoạt động công khai và sau đó là cương vị chỉ huy tình báo.

Kể cả những người thân trong gia đình của ông Ba cũng không biết rõ về giai đoạn lừng lẫy trong sự nghiệp của ông. Đó là thời kỳ ông tham gia chiến đấu tại mặt trận Campuchia liên tục từ năm 1977 đến khi Quân tình nguyện Việt Nam rút quân vào tháng Mười một năm 1989.

Vào năm 1977, khi tình hình Campuchia "nóng" lên thì ông Ba được phái xuống Hà Tiên làm Cụm trưởng Điệp báo. Đây là một lĩnh vực hoàn toàn mới với ông, về cơ bản là tình báo quân sự, không phải là sở trường tình báo

chính trị hay tình báo chiến lược của ông. Ông được bổ nhiệm vào vị trí mới này để đối phó với hoạt động của Khmer Đỏ. Công lao của ông Ba giai đoạn đó cũng xuất phát từ những mối quan hệ khi còn hoạt động trong địch hậu của ông. Có một sỹ quan của chính quyền Lon Nol cũ, là người Việt lai Khmer có quan hệ với ông Ba từ thời chính quyền Sài Gòn, sau này phục vụ cho Khmer Đỏ, lên tới cấp sư đoàn trưởng nhưng vẫn coi ông Ba là đàn anh, là bậc thầy. Năm 1977, người đó tìm về gặp ông Ba không được, anh ta đã gửi cho ông một bản Nghị quyết của Trung ương Khmer Đỏ về việc coi Việt Nam là kẻ thù truyền kiếp, không đội trời chung và khẳng định sẽ phát động chiến tranh với Việt Nam.

Ông Ba đã nhìn ra ngay từ thời điểm ấy ai là người đứng sau hỗ trợ cho Khmer Đỏ. Ông kể: "Sau cuộc gặp với các anh Vũ Chính, Tư Văn ở Thành phố Hồ Chí Minh để nghe tôi báo cáo, ý kiến của các anh vừa nhất trí, vừa phân vân. Vì khi đó, Khmer Đỏ dù đã gây hấn ở biên giới với ta, nhưng vẫn mang danh "cộng sản", vẫn là "bạn". Tôi đề nghị các anh cho gửi một báo cáo trực tiếp ra Quân ủy Trung ương, Bộ Chính trị, tôi ký. Các anh đồng ý".

Bấy giờ ông Sáu Thọ (đồng chí Lê Đức Thọ - Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương) là người trực tiếp phụ trách công tác nghiên cứu chiến lược và các vấn đề an ninh quốc gia. Khi đọc bản tin ấy, ông Sáu Thọ gọi Cục 2 lên nói: "Báo cáo này rất đáng quan tâm nhưng có một điều rất nguy là coi chừng biến bạn thành thù, vì Khmer Đỏ mới chỉ là "bạn xấu" chứ chưa phải là kẻ thù". Ông Ba rất lo lắng, vì lúc ấy ông là Trung tá, Cụm trưởng mà bị ông Lê Đức Thọ phán một câu như thế cũng thấy... tá hỏa.

Cũng may, ông Sáu Thọ sau đó rất quan tâm đến vấn đề này. Ông vào Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu có một cuộc họp với cơ quan tình báo quân sự. Hôm ấy có ông Phan Bình (Trung tướng, Cục trưởng Cục 2), ông Tư Văn, ông Vũ Chính, ông Ba Quốc. Khi vừa gặp, ông Lê Đức Thọ bảo: "Đây là họp nội bộ, không ai đánh giá cả, nên ai biết gì nói đấy, cứ thoải mái. Nhưng khi có đánh giá thống nhất thì phải thực hiện".

Ông Ba Quốc với tính cách và khí chất bẩm sinh đã nói thẳng tất cả những gì ông biết và đánh giá về Khmer Đỏ. Sau cuộc họp, ông Sáu Thọ không phản bác cũng không nhận xét gì, chỉ nói một câu: "Đây là vấn đề cần quan tâm. Tình báo cần phải tích cực nắm thêm ở cấp Trung ương Khmer Đỏ".

Câu nói ấy có nghĩa là cho phép tình báo nắm Khmer Đỏ.

Về nguyên tắc, tình báo không được nắm bạn, "anh" nắm địch mà qua địch "anh" biết bạn thì được, chứ tự nhiên "anh" làm tình báo với bạn thì sẽ ảnh hưởng đến quan hệ hai Đảng, hai nước. Nhưng câu nói của ông Lê Đức Thọ cũng có nghĩa là "bật đèn xanh" cho Tình báo Quân sự ta xúc tiến hoạt động tình báo, nắm đầu não của Khmer Đỏ. Chính việc ấy đã giúp các lực lượng tình báo ta ở khắp các địa bàn bám sát hành động của Khmer Đỏ và đánh giá đúng dã tâm của Khmer Đỏ gây chiến tranh biên giới với Việt Nam.

Rồi thời gian trôi, ông Ba theo sát tình hình Campuchia cho đến khi giải phóng vào năm 1979. Ông được giao nhiệm vụ Cụm trưởng Koh Kong, vốn là địa bàn quen thuộc của ông. Ngay khi ở Hà Tiên, ông Ba đã nắm toàn bộ một dải từ

Kompong Som (nay là Sihanoukville) tới Koh Kong... Trong thời gian ấy, ông giúp lực lượng cách mạng Campuchia có quan hệ với Thái Lan để hạn chế hoạt động của Khmer Đỏ ở phía Nam Thái Lan. Sau này chúng chỉ hoạt động ở vùng Tây Bắc Campuchia.

Sau đó ông Ba lên làm Đoàn phó, trong nhiệm vụ của ông, đối tượng chủ yếu là các lực lượng tình báo, gián điệp của Khmer Đỏ hoạt động trong nội địa Campuchia. Đó là các tổ chức bí mật do Khmer Đỏ lập ra như các hội đoàn, các bang hội, các cơ sở kinh tài, đặc biệt là lực lượng tình báo chiến lược trong nội địa... và ông Ba đã phát hiện ra nhiều vấn đề.

Đầu tiên: "Ai là tác giả của nạn diệt chủng?". Từ câu trả lời vấn đề đó, ông Ba giúp định hướng, thu thập tin tức để ngăn chặn các hoạt động quân sự của Khmer Đỏ thông qua các hoạt động kinh tài do lực lượng ngầm của nước ngoài chống lưng cho Khmer Đỏ ở Campuchia thực hiện - tức là ngăn chặn hoạt động hậu cần của chúng.

Bên cạnh đó, ông Ba phát hiện vấn đề lớn là nghi binh chiến lược của các nước lớn đối với Việt Nam, kết hợp với chiến tranh phá hoại nhiều mặt, đánh vào kinh tế, làm "chảy máu vàng", "tạo nước cho cá lội" do lực lượng ngầm thực hiện từ hướng Campuchia về Việt Nam.

Ở một phương diện khác, là ông đã góp phần phát hiện và tham mưu cho cấp trên đánh sập toàn bộ lưới tình báo chiến lược của địch ở Campuchia bao phủ dày đặc ở tất cả các tầng lớp xã hội, cũng như đặc trưng của tình báo chiến lược Khmer Đỏ là núp dưới hình thức bang hội, các hệ thống kinh tài của ngoại kiều, các đường dây buôn lậu ở Campuchia và khắp Đông Nam Á.

CHƯƠNG HAI

CAMPUCHIA - NHỮNG BÀI HỌC ĐẦU TIÊN

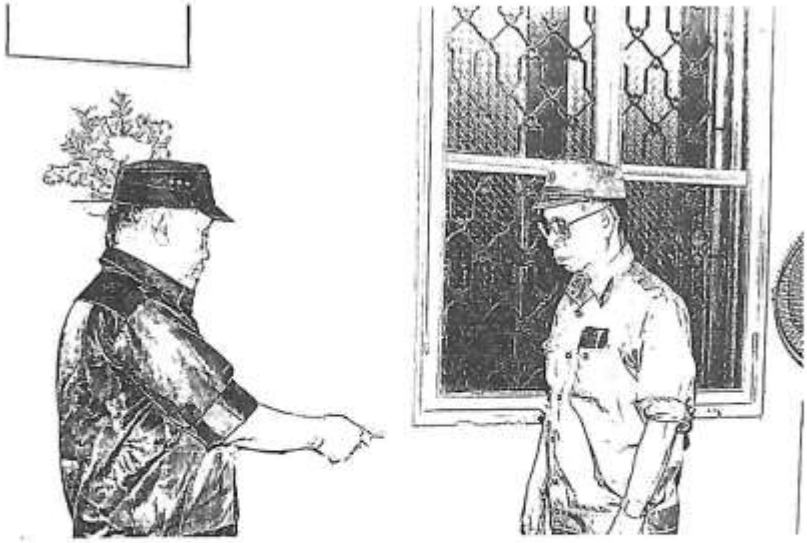

LẦN ĐẦU TIÊN GẶP ÔNG SÁU NAM

Tôi vẫn nhớ mãi không quên lần đầu tiên gặp ông Sáu Nam, khi tôi có quyết định quan trọng của cuộc đời, để rồi được gặp ông Ba Quốc và gắn bó cùng ông suốt 20 năm sau đó. Đó là vào đầu mùa hè năm 1984.

Còn nhớ hôm ấy trời chuyển gió, lá sấu rụng đầy sân Trạm 66 (Hà Nội), tôi lúc đó với quân hàm trung úy, vừa tốt nghiệp trường sỹ quan, lần đầu tiên đến gặp ông Sáu Nam (Đại tướng Lê Đức Anh) - vị tướng chiến trận lừng danh, khi đó là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tư lệnh Quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia (còn gọi Bộ Tư lệnh Mặt trận 719). Tôi đến gặp ông Sáu Nam với một lý do rất riêng và chưa có tiền lệ đối với những sỹ quan trẻ như tôi - đó là xin đi chiến đấu ở chiến trường Campuchia.

Tôi không thể quên nụ cười của ông Sáu hôm ấy, hiền hậu và bao dung, không giống với khuôn mặt lạnh lùng và nghiêm khắc mỗi khi ông xuất hiện trước mọi người.

Ông hỏi tôi:

- Trung úy à? Theo bộ đội vậy là tốt đấy.

Tôi lúng túng chưa kịp nói gì, ông lại hỏi:

- Mẹ cháu thế nào, nhà cửa cháu bây giờ ra sao?

Khi tôi kể chuyện gia đình và đề đạt nguyện vọng được sang chiến trường Campuchia, gương mặt ông trầm lại. Im lặng một lát, ông nói:

- Chú đồng ý cho cháu thực hiện nguyện vọng sang chiến trường Campuchia. Nhưng đi là để công tác và chiến đấu, chưa tiến bộ là chưa về đâu đấy!

Ông nhìn tôi, cười cười:

- Chịu được không?

Tôi nghiêm túc:

- Thưa chú, cháu sẽ cố gắng công tác, chưa nên người, cháu chưa về!

Vậy là, ông Sáu Nam chính là người quyết định cho tôi đi Campuchia.

Tôi lúc ấy, như có ngọn lửa cháy trong lòng, hừng hực khí thế lên đường sang chiến trường bạn, háo hức đón nhận cuộc đời mình sang trang mới.

Chỉ vài hôm sau, chú Phan Bình - Cục trưởng Cục 2, đạp xe sang nhà gặp tôi, trao cho tôi tờ Quyết định về Đoàn 817 công tác. Ông cũng băn khoăn, trăn trở rồi dặn dò tôi:

- Cháu đi cố gắng phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ, vừa là sự trưởng thành của cháu, vừa là giữ lời hứa của Cục với chú Dũng (Đại tướng Văn Tiến Dũng), với chú Sáu Nam sẽ đào tạo cháu trở thành một cán bộ tốt của ngành, của Quân đội.

Chú Phan Bình còn dặn dò thêm:

- Đoàn trưởng Đoàn 817 là anh Vũ Chính, Đoàn phó là các anh Ba Quốc, Tư Kiên, Bùi Nghi, Tám Danh... Cháu sang sẽ gặp các anh ấy.

Chỉ ít ngày sau, tôi lên đường sang chiến trường Campuchia.

Hôm đó, khoảng 8 giờ sáng tôi xuất phát từ Thành phố Hồ Chí Minh. Máy bay hạ cánh xuống sân bay Pochentong (Campuchia) lúc 9 giờ. Ra đón tôi là Trung tá Nguyễn Bá Ngọc - thư ký ông Sáu Nam, cũng là người anh rất thân thiết của tôi. Anh Ngọc đứng trước đầu chiếc ô tô của Mặt trận 719 đậu ngay trên đường băng sân bay đón tôi rồi trực tiếp đưa về đơn vị.

Trên đường đi, anh Ngọc cho biết:

- Anh không đưa chú về Đoàn, mà theo lệnh của "cụ" Lê Đức Anh đưa chú xuống thẳng đơn vị, Phòng N của Đoàn 817. Giấy tờ thủ tục làm sau.

Tôi cũng được anh Ngọc giới thiệu về các lãnh đạo, chỉ huy tình báo ở Campuchia là ông Tư Văn - Cục phó phụ trách phía Nam, ông Vũ Chính - Đoàn trưởng, ông Ba Quốc - Đoàn phó, ông Ba Quang - Trưởng phòng N. Anh Ngọc nhấn mạnh với tôi, thực chất người chỉ đạo toàn bộ các hoạt động của đơn vị này là ông Ba Quốc và ông Ba Quang. Trong đó, người chịu trách nhiệm chỉ đạo toàn quyền là ông Ba Quốc, còn ông Ba Quang quản lý các hoạt động của Phòng.

Lúc đó, tôi chỉ được biết ông Ba Quốc là cán bộ tình báo đi sâu vào lòng địch từ những năm 1950 - 1954, ông vào Sài Gòn hoạt động và lập nhiều chiến công thầm lặng, sau giải phóng ông được phong Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Gần trưa, về đến đơn vị, anh Ngọc đưa tôi vào phòng ông Ba Quốc:

- Thưa anh, anh Sáu Nam giao cho tôi đưa cậu Vịnh đến gặp anh và gia nhập đơn vị.

Thấy tôi đeo ba lô linh kinh chiếu, chăn, màn, ông Ba hỏi:

- Thế đi đâu mà có chiếu với màn thế này?

Tôi nghiêm trang đáp:

- Thưa chú, đây là trang bị cháu được phát khi đi chiến trường.

Ông Ba cười:

- Thôi được rồi, ngủ thì sẽ ở chỗ khác, đến chiều mới về đó. Giờ cậu cứ vào đây ăn cơm, sau đó nghỉ trưa rồi vào làm việc.

Chiều hôm đó, ông Ba Quốc nói với tôi:

- Tôi biết truyền thống gia đình cậu rất vẻ vang, cậu ở ngoài Bắc được ăn học, cũng qua một số đơn vị và đã tốt nghiệp trường sỹ quan. Sang đây thì chỉ có mỗi một việc thôi, đấy là toàn tâm toàn ý vào nhiệm vụ, không có gì khác, và phải rất kiên trì. Nếu làm được thì làm, nếu không làm được cũng nói để tôi báo cáo với anh Sáu Nam cho cậu về, hoặc là chuyển công việc khác phù hợp.

Đây là câu dặn dò đầu tiên của ông Ba với tôi, mặc dù rất thẳng thắn, chí tình nhưng khi đó tôi vẫn còn là một thanh niên 25 tuổi, nên cảm thấy như bị giội một gáo nước lạnh. Tôi đoán rằng ông nghĩ tôi "bị" đưa đi Campuchia, chứ không phải là mong muốn của tôi. Chắc Tổ chức đưa tôi sang đây để rèn luyện, gọi là cho có "kinh nghiệm chiến trường". Hay nói cách khác, là đi "tráng men" chăng?

Tôi mạnh dạn đáp lại ông:

- Thưa chú, cháu sang Campuchia do sự phân công của Tổ chức, nhưng cũng là nguyện vọng của cháu. Cháu báo cáo với chú Sáu Nam và các chú ở ngoài Bắc xin sang đây. Cháu đã sang thì sẽ cố gắng làm việc, nếu cháu làm được việc, các chú dùng thì cháu sẽ ở lâu dài, nếu không dùng được thì xin các chú điều động cháu đi chỗ khác theo quy định của Tổ chức.

Ông Ba nhìn tôi im lặng và hơi có vẻ sửng sốt.

Cái nhìn của ông làm tôi cũng hơi chột dạ, nhưng vẫn nhìn thẳng vào mắt ông. Khi đó tôi vẫn chưa biết được rằng đây là một câu nói "phạm húy" đối với ông Ba, không ai dám nói với ông Ba bằng giọng như thế.

Phải đến tận sau này, khi đã làm việc lâu ngày cùng ông, từng bước hiểu rõ về con người của ông, gần gũi với ông hơn, tôi mới dám hỏi lại:

- Thưa chú, hôm đầu cháu mới sang, chú nói câu ấy cháu mất ngủ mấy tuần. Cứ nhắm mắt lại nghĩ đến câu nói của chú.

- Nói thật với cậu, hồi đó tôi nghĩ về Hà Nội, về miền Bắc vĩ đại, trong sáng, cao cả lắm, đẹp lắm. Nghĩ đến những người miền Bắc đang lao động chiến đấu, tôi thấy ai cũng là người Cộng sản mẫu mực. Nhưng khi ra Bắc, tôi thấy thanh niên khác lắm cậu ạ, đặc biệt là số con em cán bộ vào Thành phố Hồ Chí Minh sau năm 1975 thì có một số ăn chơi, nhậu nhẹt, đánh nhau, cuộc sống khác người thường. Tôi nghĩ con em cán bộ ngoài Bắc được nuông chiều quen rồi, nên mới nói với cậu như thế!

Buổi gặp đầu tiên của tôi với ông Ba đã để lại ấn tượng như vậy đó.

ĐƠN VỊ MỚI

Ngày đầu về Phòng N, tôi quan sát thấy tất cả các cán bộ tham mưu của Phòng đều tập trung tại một căn phòng rộng trong khuôn viên đơn vị, ở đó vừa là nơi làm việc, vừa là nơi ăn uống và nghỉ trưa. Trong bữa ăn, tôi lấy làm lạ khi được ăn cơm trắng, trong khi trước đó tôi đã quen với tiêu chuẩn bữa ăn học viên sỹ quan là cơm mỳ hạt.

Tôi không giấu sự ngạc nhiên, hỏi người bên cạnh:

- Hôm nay là ngày lễ hay sao lại được ăn cơm?

Câu trả lời:

- Ở Campuchia, bộ đội được ăn cơm trắng.

Chiều hôm đó, háo hức với công việc mới, tôi mặc bộ quân phục chỉnh tề đến gặp ông Ba, ông nhìn tôi, lại bật cười:

- Ở đây việc đầu tiên là cất hết quân phục, cứ liên quan đến quân đội thì cất đi. Từ quân phục, giày, mũ, đến đôi tất... cất hết, trừ khi đi họp ở trên Đoàn. Nhưng mà thôi, cậu cứ vào ngồi đây.

Rồi ông giới thiệu cho tôi biết về chức năng và nhiệm vụ của đơn vị tình báo chiến lược đứng chân tại Campuchia.

- Có ba đặc điểm: Thứ nhất, là nhiệm vụ rất khó khăn và phải rất kiên trì, nếu không kiên trì, không kiên nhẫn thì không thể làm được việc. Thứ hai, nguyên tắc giữ bí mật ở đây cao hơn những nơi khác. Ví dụ nhỏ là khi không có việc gì tôi khuyên cậu đừng đứng ở cửa sổ nhìn ra phía đằng sau - ví dụ đơn giản như vậy để hiểu rằng ngay cả đi lại cũng chỉ giới hạn trong không gian được phép. Trong các

câu chuyện hằng ngày cũng phải tuyệt đối đảm bảo bí mật. Thứ ba, đất nước Campuchia mới giải phóng và rất hỗn loạn, cho nên tính kỷ luật phải giữ gìn. Hiện giờ Phnom Penh vẫn chưa có nhiều dân quay về sinh sống, dù đã giải phóng được 5 năm. Tuy nhiên tình hình địa bàn vẫn hết sức phức tạp. Tôi nhắc cậu ba ý như vậy. Còn mọi chuyện thì anh Ba Quang - Trưởng phòng, sẽ thu xếp.

- Vâng, thưa chú!

Ngay sau đó, Trưởng phòng Ba Quang cũng cho tôi biết các thông tin, về mặt quy định, chúng tôi làm việc tại Đội X, nhưng chỗ ở là Phòng N, hai địa điểm riêng. Vì tính chất công việc của Đội X là làm việc cả ngày lẫn đêm, nên chỉ có những người tham gia rất sâu vào công việc mới được ở lại đây.

Khi tìm hiểu về đơn vị, tôi biết thêm về ông Ba Quang - Trưởng phòng N, là cán bộ tình báo của ta đã từng chịu 7 năm tù đày vì bị Đoàn công tác đặc biệt miền Trung của Ngô Đình Cẩn bắt (mà lúc đó ông Ba Quốc lại thuộc Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo của Ngô Đình Cẩn, Trần Kim Tuyến).

Tôi cũng được biết ông Ba Quốc có tính cách khác biệt so với người khác, đó là người vô cùng tự trọng, thầm lặng và đặc biệt nghiêm khắc.

Sau buổi gặp đầu tiên ấy tôi ít gặp trực tiếp ông Ba Quốc, trừ những bữa cơm, mọi người ngồi ăn với nhau tại 2 - 3 cái bàn, cũng chỉ nhìn thấy ông nhưng không nói chuyện. Khi có việc gì được gọi thì mới trực tiếp gặp báo cáo ông.

❖ Đội X

Như tôi đã nói, chỉ có những người có phận sự mới được vào Đội X, là một cơ quan chuyên phân tích, nghiên cứu tin tức và phối hợp với bạn Campuchia về công tác nắm tình hình. Bảo vệ Đội X là một đơn vị trinh sát đặc nhiệm, đã qua chiến đấu, đặc biệt tin cậy. Chỉ huy đội là anh Nhẫn, anh Hùng, chính trị viên là anh Nam, họ đều thân thiết với tôi, cả trong công việc lẫn trên bàn nhậu. Số trợ lý của Phòng N thường làm việc tại đây, nói nôm na là trong mọi việc tôi đều được ngồi "cùng mâm" với họ là "cụ" Viễn, các anh Bẩy, Lược, Sửu, Thắng, Thạnh, Hưng, Thành "còi", Bảo "quốc", Giang "mù", Đúng...

Trụ sở Đội X đặt tại một trường học thời chính quyền Lon Nol, sau được Pol Pot chuyển thành trại giam. Đến giải phóng tháng Một năm 1979, được cải tạo lại thành nơi làm việc chung của Quân Tình nguyện Việt Nam và bộ đội bạn. Khuôn viên rộng rãi, chỉ có một cổng ra vào. Qua cổng chính phải đi ngang qua hai cái ao lớn, rồi mới tới khu làm việc, ở đó có phòng đánh máy của cô Quyên, phòng của y sỹ Lượng.

Sau những bức tường là nơi chúng tôi ăn uống, làm việc, nghỉ ngơi. Tất cả cùng một dãy nhà cấp 4. Ở bên ngoài có Phòng số 1 to nhất, là nơi tập trung vừa sinh hoạt vừa làm việc hằng ngày. Phòng số 2 là nơi lưu trữ. Phòng số 3 ông Ba thường ngồi làm việc. Còn một phòng khác của anh Hùng "béo", là người chuyên đảm bảo cho các hoạt động trong đơn vị, trực tiếp phục vụ ông Ba.

Bên trong là một dãy phòng làm việc, chỉ những ai trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ nghiệp vụ mới được vào

làm việc tại đây. Phía trong cùng, sát hàng rào còn một phòng rộng, vừa bước vào phòng thì đập ngay vào mắt là hình người nằm dang tay in hằn dưới nền nhà. Hỏi ra mới biết hồi giải phóng năm 1979 có cái xác người bị Khmer Đỏ sát hại rồi bỏ ở đó, máu thịt ngấm luôn vào nền gạch không sao lau hết được. Đó là lý do không ai dám ở, dù phòng rất rộng, ai cũng bảo phòng này có ma.

Được một thời gian, tôi thấy cần một không gian riêng vừa tự nghiên cứu, vừa tiện làm việc với "khách". Tôi xin ông Ba cho ở phòng đó, ông Ba hỏi:

- Cậu không sợ à?

- Không ạ. Cháu không mê tín.

Những hôm đầu quả thực cũng cảm thấy tiếng ni non ai oán, lành lạnh sống lưng, nhưng tôi tự trấn an: "Không sợ, chắc là do mình tưởng tượng ra!". Tôi kệ. Thế là sau đó cảm thấy yên ắng. Tôi ở phòng đó suốt 4 năm, một mình.

Hồi đó, khi mỗi trợ lý được xuống làm việc tại Đội X - đó là vinh dự và niềm tự hào đối với những cán bộ trẻ như tôi. Tôi nhớ có những anh tốt nghiệp Học viện Tình báo, rồi qua Trường 481 về Campuchia rất dày dạn kinh nghiệm, từng kinh qua kháng chiến chống Mỹ, vậy mà ở Phòng N được 2 - 3 năm cũng không được xuống Đội. Khó đến mấy, thiếu đến mấy cũng không được. Lý do ông Ba Quốc bảo: "Đây là chiến trường, đây là chiến tranh, là chiến đấu chứ không phải trường học, không được làm hư việc!". Đã vào làm nửa chừng mà không được việc thì phải ra, mà ra thì thông tin sẽ lộ. Nên cũng có thể hiểu là người đã vào cuộc thì không rút ra được, còn người không làm được việc thì... chờ ở ngoài. Nhóm cán bộ Phòng N

làm việc thường xuyên ở Đội X thường được gọi là "Ban chuyên trách", rồi được phân ra thành các "Tổ chuyên trách", do ông Ba Quốc trực tiếp chỉ đạo đến từng trợ lý.

Chính vì thế, số người được đến làm việc ở Đội X mặc nhiên được coi là những người làm việc tốt nhất, vất vả nhất. Do đó cũng được quan tâm hơn theo điều kiện lúc đó. Khẩu phần ăn của chúng tôi được ưu ái, vì phải làm đêm, mỗi người được thêm 5 riel Campuchia mỗi ngày để mua đồ ăn. Chỉ sỹ quan mới được cấp thêm gói thuốc lá Cotab (loại thuốc cuốn 10 điếu trong túi nilon) và gói mỳ ăn đêm, còn lính thì không, thành ra mỗi gói mỳ nấu lên là mấy anh em "cả lính lẫn quan" cùng sì sụp, đói nhưng tình cảm, vui. Tuy nhiên, bữa ăn hằng ngày của chúng tôi hồi đó cũng được cải thiện nhiều do đất rộng, ao sâu, có thể trồng rau, nuôi cá, ngoài ra mỗi lần anh em ra chợ còn xin được đầu cá hoặc mua lòng bò giá rẻ... Và như tôi đã kể, ở đó chúng tôi được ăn cơm trắng, không phải độn.

Ngoài ra Đội X có nuôi một đàn bò hơn hai chục con, thả rông khắp thành phố chứ không nhốt ở trong trại. Đàn bò nổi tiếng đến mức sau này mới "ngộ" ra là chúng cũng làm lộ đơn vị. Cậu lính phụ trách chăn bò lấy sơn trắng sơn lên mông con bò chữ "Đội X", vậy là đàn bò đi khắp Phnom Penh mà không ai dám giết thịt. Lúc đi 21 con, đi hàng tháng khắp thành phố mà đến khi về đếm lại thành 22 - 23 con, hóa ra người ta đỡ đẻ cho bò rồi thả cho nó nhập đàn về.

Hồi đầu tôi ở trên Phòng N, hằng ngày đạp xe xuống Đội X. Sau khi ông Ba cho vào làm việc, tôi mới được ở luôn trong Đội. Đó là khi tôi đã biết tự chủ trong công việc,

bắt đầu tham gia các kế hoạch, được ông Ba tin tưởng thì mới được ở lại đó.

❖ Thành phố không người

Tôi sang Campuchia năm 1984, thời điểm đã 5 năm sau giải phóng. Tôi vô cùng ngạc nhiên với những gì được nhìn thấy ở Thủ đô Phnom Penh. Đó là một thành phố hậu diệt chủng - thành phố không người.

Trong thành phố lúc đó chỉ có ba lực lượng chính: một là khối Bộ đội tình nguyện Việt Nam ở Campuchia gồm Bộ Tư lệnh 719, Bộ Tư lệnh bảo vệ Phnom Penh 7708, đại diện các quân binh chủng, đơn vị của Việt Nam ở Campuchia. Bên cạnh các đơn vị Quân đội là khối các cơ quan, địa phương của Việt Nam (Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh, các ban, ngành...) làm nhiệm vụ chuyên gia giúp bạn.

Cách bố trí doanh trại ở Phnom Penh lúc đó rất đơn giản, mỗi đơn vị chọn một khu biệt thự, khu nhà không người ở, khoanh vùng xong rào lại, đặt bốt gác, thế là thành doanh trại. Những khu biệt thự - doanh trại đó về sau được co gọn lại, giao trả lại phần lớn cho bạn nhưng cơ bản vẫn như ban đầu là cứ khoanh lại, đặt trạm gác là thành doanh trại. Kể cả Bộ Tư lệnh 719 - "Tổng hành dinh" của Quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia, cũng chỉ đóng quân tại một khu biệt thự được rào kín, đặt trạm gác thành khu căn cứ như vậy.

Khối thứ hai là lực lượng Quân đội, Công an của bạn đóng quân tại Phnom Penh. Các đơn vị của bạn sử dụng

doanh trại cũ của Lon Nol, Pol Pot để lại là chính. Thực ra hồi đó lực lượng này rất mỏng, ít người, chủ yếu làm nhiệm vụ bảo vệ Phnom Penh.

Khối thứ ba là cơ quan đầu não dân, chính, đảng của Campuchia, họ sử dụng các công sở Campuchia cũ, kèm theo là gia đình, là những người dân Campuchia đầu tiên được trở về Phnom Penh. Họ cũng được phân những căn biệt thự cũ của Lon Nol vốn hồi đó vô chủ, không ai ở, rất rộng rãi nhưng cũng đã tàn tạ.

Đông đảo hơn cả là những người "dân mới", được xét duyệt mới được quay trở về Phnom Penh để phục vụ những công việc thiết yếu, như bán hàng ở chợ, công chức nhà nước, công nhân thiết yếu, hồi đó cũng chưa sản xuất gì, chủ yếu là làm vệ sinh, cầu đường, phục vụ dịch vụ công. Ở các chợ thì hầu hết là người Hoa chiếm lĩnh, chỉ có người Hoa mới đủ sức đứng sạp vì họ có hàng hóa.

Cho nên, Phnom Penh trừ các chợ ra thì rất vắng vẻ, ở các khu biệt thự trong thành phố chủ yếu chỉ có ta với bạn, gia đình cán bộ cao cấp của bạn, hầu như không có dân.

Tôi nhớ lúc đó cùng với việc không có tòa nhà nào được xây thêm, cũng không tòa nhà nào bị phá đi, đó là lệnh của ông Sáu Nam. Cho nên sau này, khi ta rút quân thì toàn bộ Phnom Penh không có ngôi nhà nào của bạn bị phá, ta giao lại hàng nghìn biệt thự cho bạn, dù đã tả tơi từ trước rồi.

Xã hội Campuchia bấy giờ là đô thị không dân, cho đến sau năm 1985, ta xây dựng "Công trình K5" là phòng tuyến biên giới phía tây, giáp biên giới Thái Lan để ngăn chặn sự xâm lấn của Khmer Đỏ từ bên kia biên giới và

ở khu đất thánh của chúng ở giáp biên giới vào nội địa. Từ đó người dân bắt đầu đổ về các đô thị, bắt đầu hình thành diện mạo của thành phố. Có chợ, có cửa hàng, có tiệm cà phê, có những nơi giải trí, có khách sạn.... thành phố bắt đầu hồi sinh. Còn từ năm 1984 về trước thì thành phố vô cùng vắng vẻ.

Cũng phải nói đến tác dụng của tuyến phòng thủ K5. Sau giải phóng tháng Một năm 1979, toàn lãnh thổ Campuchia vẫn trong tình trạng nửa hòa bình, nửa chiến tranh, nhưng sau khi có K5 thì chiến tranh đã bị đẩy lên biên giới Tây Bắc, ở trong nội địa và các đô thị mới có thời bình. Đến năm 1982, hoạt động của cả ta và địch trở nên rầm rộ hơn ở nội địa Campuchia và Thủ đô Phnom Penh, sau khi "Chính phủ ba phái" (Khmer Đỏ, Srayka và FUNCIPEC) ra đời, được các thế lực phản động quốc tế chống lưng nhằm lật ngược tình thế ở Campuchia, chống phá Cách mạng Việt Nam - đưa cuộc chiến vào nội địa. Trong tình thế đó, ai nắm được dân là người đó thắng. Nói cho cùng thì tình báo, phản động hay địch ngầm thì cũng như con cá, cần nước để lội. Và ta cũng vậy, ta cũng cần có "nước" thì mới "bơi lội", mới phát triển được. "Nước" chính là dân, là sự hồi sinh của Phnom Penh, Campuchia thời bấy giờ.

❖ Phnom Penh hồi sinh

Nói về sự hồi sinh của Phnom Penh, tôi còn nhớ một trong những cơ sở xã hội được tái lập sớm nhất sau năm 1979 là các chùa chiền. Cho nên lực lượng lớn nhất, đông đảo nhất trở về hồi đó là các sư sãi, các Acha (là những người

từng tu học, có kiến thức sâu rộng, am hiểu sâu sắc về kinh điển Phật pháp, truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc và có uy tín, có khả năng thuyết phục cộng đồng). Thanh niên ở Campuchia cứ 18 tuổi trước khi trưởng thành bao giờ cũng phải vào chùa tu một thời gian. Nên dù tu tập nghiêm túc hay không thì lực lượng này lúc nào cũng có thể vào chùa, xuống tóc, khoác trên người bộ áo cà sa là thành sư.

Mặc dù giai đoạn đó các chùa chiền đều đóng kín, cơ bản họ hạn chế không cho ai lui tới, nhưng tôi lại hay vào đó. Một phần vì họ có thiện cảm với Bộ đội Việt Nam, nhưng cũng là do tôi đã quen với các Acha nên được cho vào. Thực sự ấn tượng với những ngôi chùa vàng, chùa bạc trong Hoàng cung, với những viên gạch bằng bạc nặng hàng cân, thế nhưng, dù là cái kim sợi chỉ của bạn cho đến ngày bàn giao thì đâu vẫn còn đó, rất ngay ngắn.

Tôi sang Campuchia vào giai đoạn Phnom Penh vẫn là thành phố "chết". Sau đó khoảng hơn một năm, Phnom Penh mới bắt đầu "sống" lại. Quan sát sự sống lại ấy có rất nhiều chuyện "buồn cười". Nó không có chuẩn mực chung, ví dụ như chỗ này một tô phở 1 đồng thì chỗ kia tô phở 10 đồng, điện lúc có lúc không, cũng không có trạm bán xăng dầu vì Campuchia không có, lúc đó xài xăng lậu... Mọi thứ khá xô bồ.

Đất đai hồi đó cũng không có giá trị cao vì không ai mua bán, ai nhanh chân làm thủ tục sớm thì được sở hữu sớm. Có câu chuyện điển hình về cô bán lẩu bò để thấy một Phnom Penh hồi sinh. Cô này đầu tiên thuê một vỉa hè và một căn nhà 20 - 30 mét vuông để làm nơi nấu nướng lẩu bò

cho khách. Mấy năm sau khi quay trở lại đã thấy cô ấy mua hết cả lô đất rồi xây lên ở đó một ngôi nhà 5 - 6 tầng, tầng nào cũng kín khách tới ăn.

Tôi nhớ hồi đó Phnom Penh có ba quán ăn mà chúng tôi thường lui tới. Một là quán bún mắm bò hóc đặc trưng Campuchia, giá rất rẻ, ví như thời giá hiện nay không đến 10.000 đồng/bát, chỉ có tý bún, vài ngọn rau sống nhưng nước dùng nấu bằng loại mắm bò hóc có hương vị thơm ngon không lẫn vào đâu được. Nhớ cái thứ nước dùng sền sệt, dễ ăn, còn có tác dụng dã rượu, người mới ăn khó nuốt vì mùi khăn khẳn đặc trưng của mắm bò hóc, nhưng ăn quen hóa nghiền. Cánh tình báo chúng tôi hay đến ăn món này.

Quán thứ hai trong chợ Mao, chuyên bán hủ tiếu. Quán này tôi ăn suốt từ năm 1984, cho đến tận bây giờ hễ lần nào đến Phnom Penh tôi cũng qua đó ăn bằng được. Bà chủ quán trước đó là vợ một quan chức trong chế độ Sihanouk, có bốn cô con gái thì chị đầu lấy một sỹ quan Lon Nol, chị thứ hai cưới cán bộ cao cấp của Pol Pot, chị thứ ba lấy Bộ đội Mặt trận Giải phóng Campuchia, còn cô em út chưa chồng thì đứng bán quán cùng bà mẹ. Hiện giờ bà chủ ấy đã chết lâu rồi, cô con út đứng quán. Có thể nói tôi ăn hủ tiếu khắp miền Nam, từ Cần Thơ, Cà Mau tới Thành phố Hồ Chí Minh... không đâu ngon bằng quán ấy. Sau này khi ăn nhiều và trở nên thân quen thì bà chủ quán mới tiết lộ bí quyết để thực khách đã ăn là phải quay lại quán của bà. Đó là cứ mỗi nồi nước dùng thả vào một vài lá cần sa. Thứ này đem nấu cháo trắng hột vịt muối thì không gì ngon bằng. Cứ mỗi nồi hủ tiếu, canh cá hay lẩu lòng bò mà thả vài lá vào

thì cả nồi canh ngọt lừ, ăn phát... nghiền. Nhưng hôm nào lỡ tay cho nhiều quá thì trời đất ơi, bị say nên thằng ăn xong thì cười, thằng ăn xong lại khóc.

Quán thứ ba tôi nhớ là quán cơm gà của một bà già Campuchia, người gốc Hoa, cũng nói được vài ba câu tiếng Việt lơ lớ. Cơm gà của bà ngon tuyệt, vừa thơm mùi gạo, đậm vị gà, lại ngọt ngậy khó tả. Một ngày bà ấy bán không biết bao nhiêu bát cơm gà mà vẫn đông khách.

Đó là những quán mà dân tình báo chúng tôi hay lai vãng, nhưng quan trọng là nhờ đó mà quen biết nhiều người dân và những thương gia ở Phnom Penh, thuận lợi cho công việc của chúng tôi ở nước bạn.

Tôi còn có một "quán riêng" khác nữa.

Hồi đó tôi có một niềm vui nho nhỏ là mỗi sáng Chủ nhật đầu tháng, sau khi nhận lương, tôi lại thuê xích lô đi lang thang khắp thành phố, sau đó ghé quán cơm bên ngã ba sông Tonle Sap và sông Bassac (nơi có hai nhánh sông chảy vào Việt Nam là sông Tiền và sông Hậu), gọi đĩa cơm tấm kèm miếng sườn, thêm quả trứng gà ốp la, sau cùng là cốc cà phê đá ngồi nhâm nhi bên bờ sông bốn mặt. Hồi đó chúng tôi thường tránh vay tiền nhau, vì vay không biết có trả được không, ai cũng khó khăn, nên nếu có tiền thì đãi nhau, không thì thôi. Mỗi dịp lĩnh lương tôi đều tự chiêu đãi, cho mình hưởng thụ những thú vui nho nhỏ mà mọi người thường trêu là "xa xỉ" ấy. Sau này đến tai cả hai ông Ba, các ông buồn cười với cái thú vui đó của tôi. "Ơ nó đi xe xích lô ông ạ, còn ra ăn cơm tấm sườn, rồi uống cà phê một mình!" - Các ông nói với nhau về tôi như thế.

Các buổi chiều khi công việc xong xuôi, nếu mấy ông ngoại tuyến Đội Z rủ thì tôi đi đá banh "vui chơi có thưởng" với sinh viên Campuchia, mà đã đá thì chúng tôi chỉ thắng, không bao giờ thua. Tuổi trẻ hăng hái, hiếu thắng trong thể thao và cũng may là ông Ba không biết những việc đó.

Những hôm không có việc làm đêm thì chúng tôi nhậu. Nhậu bên ấy là rượu trắng ngâm hạt trái ô môi (như quả phượng ngoài Bắc, nhưng to hơn) để có màu, có mùi cho dễ uống, y như rượu thuốc ngâm lâu ngày. Đồ nhắm chủ yếu là mấy món tự kiếm. Ông nào không góp tiền thì giao cho đi kiếm hoa chuối, rau thơm... Còn tiền mọi người góp thì ra chợ mua "chất đạm", thường là lòng bò, lòng heo hay con vịt nấu nước dừa - những thứ rẻ nhất, nhưng cũng đủ cho một bữa nhậu ra trò.

Tôi nhớ ngày giỗ ba tôi, tháng Bảy năm 1984, tôi mời anh Ngọc, anh Thái bảo vệ, anh Lục lái xe cho ông Sáu Nam: "Chiều nay qua Phòng N ăn giỗ ông già với em nhé!".

Mấy bữa trước đó anh Ngọc bảo tôi:

- Anh có cái mũ cối mới, cho chú!

- Em không lấy!

Nhưng hôm ấy sau khi mời các anh, tôi hỏi anh Sáu Ngọc:

- Cái mũ cối anh cho em đâu?

- Đây!

- Anh còn bộ quần áo nào không?

- Làm gì?

- Thì cho em.

- Ờ anh còn bộ quân phục mới, cho chú.

Túi không có tiền, tôi mang tất cả đám đồ anh Sáu Ngọc cho ra chợ bán. Hồi đó bán đồ bộ đội được khá tiền vì Bộ đội Campuchia ai cũng muốn có một bộ quân phục của Bộ đội Việt Nam. Bán xong tôi đi mua đồ ăn về làm bữa giỗ chiều. Tôi với Thạnh cùng anh em trong phòng tự lo đồ ăn, rồi mua được vài chai rượu Bayon - giống rượu chanh của Việt Nam. Hồi đó có rượu này là sang lắm. Rượu ấy phải uống với đá và soda mới hợp vị, nhưng làm sao có soda. Vậy là chúng tôi làm soda bằng nước dừa non. Cậu Phong được phân công trèo hái dừa, xong bổ ra đổ vào một cái chậu rồi lấy cục đá lạnh thật to mua ở vựa thả vào, đổ hết mấy chai rượu vào đó, đến bữa ai nấy dùng ly múc thẳng từ chậu lên uống, ngon không thể tả.

Anh Sáu Ngọc nhìn rượu soda tự chế của chúng tôi, lắc đầu:

- Tao thua mày. Giỗ ông già mà mày làm được thế này, ổng mà biết được chắc cười chết thôi!

Rồi anh hỏi tôi:

- Sao hôm nay có cả thịt gà, thịt heo ngon lành thế?

- Dạ, anh cứ ăn đi!

Ăn được vài miếng tôi mới nói:

- Anh đang ăn cái mũ cối với bộ quân phục của anh đấy!

Anh Ngọc phì cười:

- Thôi tao không nuốt nổi nữa!

Cuộc sống của bộ đội chúng tôi bên ấy ngoài những lúc làm việc thì niềm vui chỉ có thế.

Các buổi tối thì tuyệt đối không có chuyện quán xá, bài bạc. Hơn nữa, chúng tôi tuy trẻ nhưng uống rượu phải có chừng mực vì sợ ông Ba thình lình gọi thì "chết". Hoặc sáng hôm sau mà còn mùi rượu cũng khổ với ông.

Người như tôi, vốn hay đọc sách, mà không còn gì để đọc nữa thì quay sang ngồi viết. Tôi viết ba lăng nhăng đủ thứ, thậm chí cả viết văn. Còn đọc thì chủ yếu là sách Campuchia để học tiếng.

Hồi đấy nói là học do ý chí cũng không hẳn, tại ngồi chán quá không có việc gì làm thì đọc và học. Những chuyện ấy cứ diễn ra tự nhiên như thế. Ví dụ chuyện học tiếng Campuchia như học đi xe đạp, mấy tháng đầu chối lắm, nhưng biết được vài chữ rồi ghép lại với nhau thì hứng thú dần, tự nhiên thấy ham. Không chỉ mình tôi mà nhiều người như thế. Nói cho đúng là việc đó do mình thấy thích thì làm.

Ngẫm lại may mà tôi thích những thứ đó, chứ mà thích những thứ khác thì cuộc đời không biết đi theo hướng nào rồi. Nhưng quả thực, hồi đó cũng chả có gì khác mà thích.

BÀI HỌC ĐẦU TIÊN

❖ Tự học

Cuộc gặp đầu tiên với ông Ba Quốc để lại cho tôi nhiều trăn trở và lo lắng, đặc biệt là khi phải đối mặt với những công việc đòi hỏi sự kiên nhẫn, kiên trì và tự tìm tòi,

hoàn thiện bản thân để được giao nhiệm vụ. Sau này nghiệm lại, bài học đầu tiên mà ông dạy cho tôi là tính nhẫn nại.

Trong mấy tháng tiếp theo tôi không được Phòng giao công việc gì.

Quá sốt ruột, một vài lần gặp ông Ba Quang tôi hỏi:

- Chú ơi, các chú phân công cho cháu làm việc gì?

- Cậu cứ đọc sách đi, đọc về lịch sử, văn hoá, xã hội Campuchia... - Ông Ba Quang nói vậy và cười.

Vậy là thời gian đầu ở Campuchia, hầu như tôi chơi vơi trong cảnh không việc gì có tên để gọi. Ngay cả những gợi ý của ông Ba Quang về "nghiên cứu lịch sử" cũng rất chung chung. Khi tôi hỏi những người đồng đội, cán bộ trong Phòng thì mới biết những người vào đây kể cả đã từng tốt nghiệp trường tình báo cũng phải ngồi "nghiên cứu". Chỉ khi nào được tin tưởng, hoặc có nhu cầu sử dụng thì mới giao nhiệm vụ, còn không thì cứ phải ngồi "nghiên cứu". Tôi cũng vậy, tức là lâm vào cảnh "việc chờ người, người chờ việc".

Chính ông Ba Quốc sau này từng nói với chúng tôi: "Đây không phải trường học, đây là chiến trường. Trong trường học sai có thể làm lại, nhưng ở chiến trường thì không được phép sai".

Trong mấy tháng đó, tôi rất sốt ruột, có nhiều tâm tư, tuy nhiên khi thấy mọi người nói như vậy cũng thấy phần nào yên tâm. Các câu hỏi thi nhau nhảy múa trong đầu: "Bây giờ mình phải làm gì? Nên làm gì?".

Tôi mò mẫm theo gợi ý của ông Ba Quang, đầu tiên lấy tất cả những sách bằng tiếng Việt viết về lịch sử, văn hóa và

mọi thứ khác về Campuchia đọc ngốn ngấu, rồi tìm hiểu, nghiên cứu thêm qua các tài liệu tuyên truyền, học tập của Quân tình nguyện Việt Nam. Việc tiếp theo trong lúc chưa được giao việc, tôi đi lang thang trên các con đường ở Phnom Penh. Vốn là một thanh niên ưa khám phá, nên việc thuộc đường sá ở Phnom Penh cũng nhanh hơn, sau mấy tháng tôi gần như trở thành "thổ công", quen thuộc hết đường đi lối lại. Lúc đó, như tôi đã nói, Thủ đô Campuchia như thành phố không người, chỉ có bộ đội ta và bộ đội bạn, người dân rất ít, mặc dù đã giải phóng được gần 5 năm.

Việc thứ ba mà tôi dành nhiều thời gian trong ngày là tự học tiếng Campuchia, vì tôi nghĩ việc của mình trong tương lai phải thông thuộc đất nước, con người và nhất là ngôn ngữ của bạn. Tôi nhờ những người biết tiếng Campuchia dạy, kết hợp đọc hiểu trên sách báo, tài liệu, và những giao tiếp hằng ngày với mọi người trên đường phố... Sau 6 tháng tôi đã có thể giao tiếp thông thường với người dân Campuchia, có thể tự đi chợ, mua sắm và sinh hoạt bình thường - mà hồi đó chúng tôi thường gọi là trình độ "xin cơm" về tiếng Khmer.

Tuy nhiên, những công việc đó vẫn không hết quỹ thời gian trong ngày. Vốn hay ghi chép, viết lách nên tôi nảy ý định học đánh máy. Tôi nhờ cô Quyên, là người đánh máy trong đơn vị dạy cách sử dụng máy chữ. Quyên, có thể nói là một trong những người đánh máy giỏi nhất mà tôi từng biết, mắt đọc tài liệu, miệng nói huyên thuyên đủ thứ chuyện, tay vẫn gõ thoăn thoắt mười ngón, không sai chữ nào.

Một hôm, khi đang ngồi trong phòng văn thư tập gõ kỳ cạch thì ông Ba Quốc đến tìm tài liệu, thấy tôi ở đó, ông hỏi:

- Cậu đang làm gì vậy?

- Thưa chú, cháu đang tập đánh máy.

- Cậu đánh cái gì?

- Thưa chú cháu tập đánh máy các bài báo.

- Ừ tập đi, sau này làm việc tự đánh máy là tốt đấy.

Thấy trên bàn có mấy quyển sách, ông lại hỏi:

- Sách gì thế?

- Thưa chú, đây là mấy quyển sách tiếng Campuchia.

Ông nhíu mày. Tôi trả lời tiếp:

- Cháu đang học tiếng Campuchia.

- Cậu học ở đâu vậy?

- Dạ cháu tự học, cái này dễ nên tự học được.

Lúc ông rời khỏi phòng, mọi người thở phào nhẹ nhõm. Hỏi ra mới biết, trước đây có một ông cán bộ cấp cao vào phòng văn thư tìm tài liệu mật không được phép của ông Ba và đơn vị nên đã bị phê bình rất nặng và từ đó ông Ba yêu cầu tất cả mọi người không phận sự không được vào phòng tài liệu.

- Người khác vào đây mà ông ấy biết thì chết, chú mày hên nên được ông tha đấy. Lại còn được động viên. - Anh Sửu, một cán bộ kỳ cựu người Thanh Hóa nửa đùa nửa động viên.

Còn Quyên thì như trút gánh nặng:

- Em sợ quá anh ạ, may mà chú ấy tha.

Đó là lần thứ hai tôi gặp và nói chuyện trực tiếp với ông Ba Quốc kể từ khi đến Phòng N nhận nhiệm vụ.

Ngay hôm sau, ông gọi tôi đến phòng làm việc của ông:

- Thời gian vừa rồi cậu ở đây thế nào?

- Thưa chú, cháu chưa được giao việc. Tranh thủ khi các chú chưa giao việc, cháu đọc tài liệu về Campuchia, cứ có bao nhiêu sách báo tiếng Việt về Campuchia là cháu đọc. Còn thời gian cháu tập đánh máy và tự học tiếng Campuchia.

- Thế cậu học đến đâu rồi?

- Thưa chú, tiếng Campuchia thì dễ học, nhưng cháu thấy người miền Nam học dễ hơn. Giọng Nam nói tiếng Campuchia khó nhận ra là người Việt, chứ giọng Bắc là lòi gốc người Việt ngay. Vừa rồi cháu đi ra ngoài nói chuyện với người Campuchia, họ bảo luôn cháu là người Bắc.

- Thế cậu đi những đâu?

- Dạ, chủ yếu là cháu đi chợ, đi chùa, đi các bảo tàng, đường phố ở Phnom Penh...

- Thế cậu đã thuộc đường Phnom Penh chưa, có lạc không?

- Dạ không, mấy tháng nay cháu đi xe đạp nên thuộc gần hết đường. Nếu có tiền mà đi xe kéo thì chắc chỉ một tháng là thuộc hết, với lại đi xe kéo họ sẽ chỉ cho mình chỗ nào để đi chơi, chỗ nào ăn uống ngon... và học được tiếng Campuchia luôn.

Câu chuyện giữa tôi và ông Ba lần đó chỉ xoay quanh chuyện đi chơi, ăn uống, tôi không nghĩ ông lại quan tâm như vậy.

Rồi ông bảo tôi:

- Cậu về viết báo cáo đi.

- Thưa chú, cháu viết báo cáo về cái gì ạ?

- Cậu cứ viết về đường sá ở Phnom Penh.

- Thưa chú, cháu chưa hiểu?

- Như cậu vừa nói đấy, đường Phnom Penh nó cấu trúc như thế nào, chợ thường ở đâu, có điểm đặc biệt gì, chùa chiền Campuchia như thế nào?...

- Dạ vâng, thế thì cháu viết được. Nếu chú cho phép thì cháu xin đánh máy luôn.

- Ừ, cậu gọi cô Quyên xuống, lấp một cái máy chữ để tập luôn.

Đối với tôi khi đó, có thể được xem là công việc đầu tiên được ông Ba giao, mặc dù vẫn không hiểu nó là nhiệm vụ gì.

Tôi nghĩ chỉ cần viết một cách cẩn thận, chính xác, kỹ càng, không những vậy tôi còn căn cứ vào bản đồ Phnom Penh đi tìm hiểu thành phố thêm một lần nữa. Cả tuần sau mới hoàn thành bản báo cáo. Tuy nhiên, tôi xấu hổ không dám cho ai đọc vì nghĩ rằng một bản báo cáo chỉ viết về đường phố Phnom Penh cùng cung cách giao tiếp, sinh hoạt, ăn uống của người dân là rất "vớ vẩn". Khi đưa cho ông Ba không thấy ông nói gì.

Mấy bữa sau ông Ba Quang gọi tôi:

- Này, cậu viết báo cáo về địa bàn Phnom Penh, ông Ba Quốc ông ấy chú ý đấy!

Nghe ông Ba Quang nói vậy tôi không hiểu "địa bàn" là gì, vì chưa hề được đào tạo và làm công tác tình báo. Và tôi cũng chưa biết một cái bản "báo cáo" đầu đuôi nó phải ra làm sao.

Tôi liền nói:

- Chú ấy bảo cháu viết về đường phố thì cháu viết về đường phố.

- Nhưng cậu phải viết lại, tôi sẽ hướng dẫn cho cậu.

Khi đó tôi chỉ nghĩ các chú chỉ "bày việc" cho tôi làm thôi, chứ không hề nghĩ việc tìm hiểu nắm bắt địa bàn hoạt động là một công việc vô cùng quan trọng đối với mỗi cán bộ hoạt động tình báo. Đó chính là cẩm nang của tất cả các kế hoạch trong tương lai.

Cho đến một hôm, khi tôi đang làm việc tại đơn vị, Tư Ẩn - Đội trưởng Đội Z nói với tôi:

- Thằng cha nào viết về đường phố Phnom Penh mà nó thuộc dữ, biết cả về thầy chùa, Acha, biết cả cách ăn mặc, cách sinh hoạt của người Campuchia. Mấy ông Bắc Kỳ vô đâu có biết gì về đường phố Phnom Penh.

- Thằng cha Bắc Kỳ đó là tôi đấy ông.

Thì ra, bản báo cáo đầu tiên ấy của tôi, ông Ba đã cử Đội Z đi kiểm tra và xác minh những gì viết trong đó. Mặc dù chưa thực sự hiểu hết tầm quan trọng nhưng điều đó cũng tạo động lực không nhỏ cho tôi trong những tháng ngày chờ đợi được phân công nhiệm vụ.

❖ Những cuộc gặp "nhớ đời" với ông Sáu Nam

Sau gần một năm ở Campuchia, tôi được ông Sáu Nam gọi vào gặp. Ông hỏi:

- Cháu đã làm được gì rồi?

Tôi cảm thấy rất xấu hổ nhưng vẫn thẳng thắn trả lời:

- Thưa chú, cháu chưa làm được việc gì!

Ông nhíu mày, chắc lúc đó ông thấy phiền lòng vì tôi không làm được gì, hai là ông đã dặn ông Ba rồi mà sao gần một năm trời để tôi không làm được việc gì.

Thời gian hồi đó cảm giác trôi đi nhanh hơn cuộc sống thời bình, nhưng không thể để ông Sáu Nam nghĩ một năm mà tôi ngồi chơi không được, nên tôi kể:

- Thưa chú, cháu chỉ đọc văn hóa, lịch sử Campuchia, tự học tiếng, đi khắp thành phố để tìm hiểu cuộc sống của người dân và đặc biệt ấn tượng văn hóa Phật giáo của bạn... Chú Ba Quốc cũng ủng hộ việc tự học của cháu, thỉnh thoảng có kiểm tra kiến thức về Campuchia. Còn giao việc thì chưa.

- Tốt! Muốn làm việc ở Campuchia thì phải hiểu được văn hóa, lịch sử, con người của Campuchia. Hiểu bạn mới giúp được bạn tốt nhất. Có điều cháu phải ghi chép lại sau này làm vốn cho mình.

Sau này tôi mới hiểu, thời gian ấy, việc Quân tình nguyện, chuyên gia ta ở Campuchia giúp bạn cũng nảy sinh vấn đề. Đó là cán bộ ta không hiểu về đất nước, con người, phong tục tập quán và xã hội bạn nên giúp nhiều khi tréo ngoe, bạn cần cái này mình lại tưởng họ cần cái kia nên giúp không đúng với cái bạn cần. Do đó, việc hiểu bạn từ văn hóa, lịch sử, con người, ngôn ngữ là yêu cầu cấp bách đối với cán bộ ta khi làm việc với bạn Campuchia.

Không chỉ có tôi cảm giác xấu hổ với ông Sáu Nam vì "chưa làm được gì", mà hôm trước đó, ông Ba Quốc cũng bảo tôi:

- Anh Sáu Nam hỏi thăm cậu đấy!

Ở chiến trường Campuchia, ông Sáu Nam hỏi đến ai là người đó "tim đập chân run", kể cả là cấp tướng.

Ông Ba nói tiếp:

- Anh ấy hỏi tôi: "Thằng Vịnh nó thế nào?".

Lúc ấy ông Ba kể cũng có cảm giác "mắc cỡ" không biết trả lời thế nào vì mấy tháng trời chưa giao việc cho tôi và tôi cũng chưa làm được gì để nói cả.

Tôi nghe kể và hiểu là mình mới sang, ông Sáu Nam không tìm cách giúp, không chỉ bảo trực tiếp, chỉ lặng lẽ quan tâm, sự quan tâm ấy lại khiến ông Ba Quốc thêm lo lắng.

Sau lần gặp đó, tôi lại có lần thứ hai gặp ông Sáu Nam ở Campuchia, lần gặp đó mới khiến tôi "nhớ đời".

Đó là đầu năm 1985.

Tôi phải làm một báo cáo tổng hợp về đường tiếp tế, vận chuyển vũ khí của Khmer Đỏ từ bên ngoài vào Phnom Penh nhằm đánh Lon Nol từ trước năm 1975. Sau năm 1979, Khmer Đỏ lại sử dụng con đường cũ đó để tiếp tế vũ khí vào nội địa chống Chính phủ Campuchia và Quân tình nguyện Việt Nam. Người ta thường gọi đó là "đường voi đi trên Biển Hồ". Đường đó ngày xa xưa có đặc điểm mùa mưa nước ngập mênh mông, người không đi được nhưng riêng voi lại đi được do nó biết chỗ đó nước nông lấp xấp. Sau này Khmer Đỏ thường đi đường đó vì nó không để lại dấu vết.

Ông Ba thấy hài lòng về báo cáo ấy và mang trình ông Sáu Nam.

Vấn đề là trong bản báo cáo, trong lúc đánh máy tôi gõ nhầm năm 1984 thành năm 1974. Ông Sáu Nam đọc, gạch bút đúng chỗ sai đó. Hôm sau ông gọi ông Ba vào.

Hồi đó ông Sáu Nam gọi ông Ba vào cũng hãn hữu, ra vào chỗ ông Sáu không dễ dàng gì, một năm ông gọi vào vài lần cũng là "ghê gớm" lắm.

Ông Sáu Nam nói với ông Ba:

- Báo cáo này tốt đấy, chỉ tiếc là có sai sót lớn.

- Thưa anh, tôi trực tiếp nghiên cứu vấn đề đó, đúng là có đường voi đi... - Ông Ba phân trần.

- Nhưng sai về thời gian rồi. Sai như này thì bản tin còn giá trị gì nữa!

Ông Sáu Nam là Tư lệnh Mặt trận, chỉ huy mấy chục vạn quân, mà ông chỉ ra được chi tiết sai là một con số trong bản báo cáo dài gần mười trang giấy.

- Thưa anh tôi xin rút kinh nghiệm.

- Ai làm báo cáo này?

- Cậu Vịnh nó làm.

- Nội dung bản báo cáo này tốt, nhưng anh bảo Vịnh nó cẩn thận, chỉ một chữ sai thì hỏng cả một báo cáo chiến lược.

Khi về, ông Ba bảo tôi:

- Anh Sáu Nam hôm nay cho tôi uống cà phê không đường cậu ạ!

Không đường tức là đắng - đó là câu nói quen thuộc của ông Ba mỗi lần bị ông Sáu Nam phê bình.

Chuyện là hồi đó thấy cô Quyên và cậu Thành đánh máy phục vụ cả đơn vị cũng mệt, nên tôi bảo để tôi tự gõ báo cáo. Thành ra tôi là người duy nhất trong đơn vị vừa làm tin vừa làm báo cáo bằng máy chữ. Tôi có kiểu làm báo cáo theo cách tổng hợp từ nhiều bản tin, gồm hàng chục trang giấy "co" lại thành một báo cáo ngắn gọn, hoàn chỉnh, kèm theo một sơ đồ mô tả, xem dễ hiểu, dễ nhớ. Ông Ba rất thích cách làm như thế. Nhưng có điều, tôi đã gõ sai một chữ số trong bản báo cáo ấy.

Khi nghe ông Ba về nói lại câu chuyện, tôi rất ân hận, nghĩ bụng đúng là "bút sa gà chết". Sai một chữ thôi nhưng hỏng công lao của cả một tập thể, vì ông Ba rất kỳ vọng vào báo cáo đó.

Mấy hôm sau ông Sáu Nam cho gọi tôi. Như trên đã nói, đó là lần thứ hai tôi được gặp ông ở Campuchia. Do đã được giao làm một vài việc ở đơn vị, tôi hào hứng lắm, thao thao kể về những gì tôi biết, những việc tôi đang làm. Đang "ngon trớn", ông Sáu Nam cắt ngang:

- Cháu được giao việc là tốt, nhưng nghề tình báo, chỉ có sai mà không có sửa. Sai một ly đi một dặm, nên bản báo cáo vừa rồi sai một chữ số thôi, thì trở thành vô nghĩa. Thậm chí còn gây hại cho người chỉ huy và phí công lao của cả tập thể.

Tôi chưng hửng, nghĩ bụng: "Làm gần mười trang, sai có một chữ mà ông ấy nói như sắp chết đến nơi".

Nhưng câu nói "nặng" nhất của ông dành cho tôi hôm đó là:

- Làm tình báo không được cẩu thả như thế! Nếu cứ nhầm thế này thì không làm được nghề tình báo đâu!

Điều kinh ngạc với tôi là ngay sau đó ông Sáu đã "gợi ý" cho ông Ba giao luôn cho tôi phụ trách toàn bộ kế hoạch nghiên cứu về "con đường voi đi" ấy. Tôi lúc đó mới là thượng úy. Một vụ "to đùng" trong một cơ quan tình báo, lại giao cho một trợ lý "non choẹt" phụ trách, thực sự là "hy hữu". Nhưng lệnh ông Ba thì không ai dám nói gì. Bản thân tôi cũng đón nhận lệnh đó với một tâm thế rất lo lắng.

Nhưng, chỉ với một nhiệm vụ giao như thế mà trong vòng gần 2 năm tiếp theo, mỗi ngày tôi làm việc 14 - 18 tiếng, không nghỉ ngày nào. Làm. Lo. Nhưng không thể không làm xong, cũng không được sai lầm thêm nữa.

Tù tì ngày rồi lại đêm, tôi cắm đầu cắm cổ làm việc, ban ngày đi ra ngoài, ban đêm thì nghiên cứu. Có những đợt tôi thức mấy đêm liền không ngủ. Anh em đơn vị nói tôi đứng đầu về kỷ lục thức trắng đêm, cứ một mình với hai, ba người phiên dịch thay nhau hỗ trợ nghiên cứu tài liệu. To khỏe như Thạnh mà có những đợt làm đến ngày thứ ba đang ngồi cậu ta thiếp đi luôn, vì thiếu ngủ không chịu được.

Từ bài học của "cú vấp" đó, những văn bản sau do tôi viết, sai nửa chữ cũng khó thấy. Lời răn dạy của ông Sáu Nam theo tôi mãi: "Nếu sai một chữ có khi vô hiệu hóa toàn bộ bản tin".

Đó là lần gặp ông Sáu Nam đáng nhớ trong đời khi tôi chân ướt chân ráo sang Mặt trận Campuchia. Nhưng qua đó thấy sự nghiêm khắc, kỹ tính đến kinh khủng của ông Sáu Nam. Càng quen thân, ông càng nghiêm, ông càng

khắt khe, xét nét chứ không có bất kỳ một sự ưu ái, chiều chuộng nào. Sau lần đó, tôi nhiều lần được gặp ông Sáu Nam ở Campuchia, cho đến năm 1986, khi ông về nước làm Tổng Tham mưu trưởng, rồi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

ĐỘI "Z"

Trong thời gian ở Đội X, khi mới làm trợ lý cho ông Ba, tôi ấn tượng mạnh với Tư Ẩn (Nguyễn Ngọc Ẩn), Đội trưởng Đội Z - Đội tình báo hành động của ông Ba. Đội Z sau này được phong Anh hùng, cá nhân Tư Ẩn cũng là Anh hùng và là một trong những người Anh hùng rất đặc biệt.

Khi ở Đội X, tôi quen biết hầu hết cán bộ của Phòng N và của Đoàn, gồm các phòng, ban nghiệp vụ và các cơ quan tham mưu, bảo đảm. Tuy nhiên, tôi lại thấy có một nhóm người không bao giờ mặc quân phục, dáng vẻ rất đường phố, thỉnh thoảng đến gặp ông Ba và nhóm này chỉ gặp ông Ba thôi. Tôi rất ngạc nhiên vì thời điểm ấy xe máy không có, xe đạp thì hai người chung một chiếc, mà nhóm ấy toàn đi xe máy xịn, riêng Tư Ẩn lái xe Mercedes dân sự, trong khi điều cấm kỵ của bộ đội ta lúc đó ở Campuchia là không được dùng tài sản của người dân Campuchia. Ban đầu tôi không hiểu đây là những người như thế nào. Sau một thời gian tôi mới dần hiểu, đây là đơn vị đặc biệt bí mật, là đội tình báo hành động do ông Ba trực tiếp chỉ huy.

Cứ mỗi lần Tư Ẩn xuất hiện ở đơn vị là bắt đầu một chiến dịch.

Vì rất ấn tượng với Đội Z, nên dần dần tôi hiểu được ý đồ của ông Ba khi thành lập Đội hành động đặc biệt này.

Trong những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ trước, sau khi quân và dân ta anh dũng chiến đấu đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược hai đầu biên giới phía Bắc và Tây Nam của Tổ quốc, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi chế độ diệt chủng Pol Pot - Ieng Sary (ngày 7 tháng Một năm 1979). Tình hình Campuchia tiếp tục có những diễn biến mới, phức tạp, khó khăn hơn, nhất là thủ đoạn của các nước lớn đối với Campuchia và cách mạng ba nước Đông Dương. Tại Campuchia, tập đoàn phản động Pol Pot - Ieng Sary tuy bị đập tan nhưng được sự ủng hộ, viện trợ nhiều mặt của nước ngoài nên chúng vẫn tổ chức lại tàn quân, thành lập "Chính phủ ba phái" tiến hành chiến tranh du kích, đưa cuộc chiến vào nội địa, gây bất ổn và nhiều tổn thất cho chính quyền non trẻ của Campuchia và Quân tình nguyện Việt Nam. Đặc biệt, chúng thông qua các lưới tình báo, mật vụ cài lại trên địa bàn Campuchia và các tỉnh phía Nam Việt Nam, nhất là các tỉnh biên giới giáp ranh Campuchia để tập trung chống phá quyết liệt cách mạng Campuchia cũng như thực hiện các âm mưu, thủ đoạn chống phá Việt Nam trước mắt và lâu dài.

Trước tình hình đó, nhằm phục vụ kịp thời cho nhiệm vụ bám, nắm địch, đánh địch trên địa bàn Campuchia, nhiệm vụ cấp thiết đặt ra cho Đoàn 12 (năm 1981 là Đoàn 817) là phải tìm, phát hiện, đập tan các mạng lưới tình báo do nước ngoài và Khmer Đỏ cài lại trên địa bàn Campuchia, qua đó phát hiện sớm âm mưu, thủ đoạn, chiến lược, sách lược của các nước lớn nhằm giành lại quyền kiểm soát

Campuchia. Đồng thời, Đoàn phải kịp thời phục vụ Cục 2 và Bộ Tư lệnh 719 Quân tình nguyện Việt Nam đánh giá đúng hình thái chiến lược của cuộc chiến tranh, để từ đó tổ chức lực lượng giúp bạn giành thế chủ động về chiến lược trên chiến trường, truy quét có hiệu quả tàn quân Pol Pot, "Chính phủ ba phái", củng cố chính quyền cách mạng Campuchia ngày càng vững mạnh, đủ sức xây dựng và bảo vệ đất nước. Mặt khác, Đoàn tham mưu cho cấp trên đập tan các mạng lưới tình báo, phản động do các thế lực thù địch cài cắm trên địa bàn các tỉnh phía Nam Việt Nam, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá cách mạng Việt Nam, phục vụ hiệu quả công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Ngay từ đầu năm 1981, trên đất Campuchia, Đảng ủy - Chỉ huy Đoàn 817 đã tổ chức một lực lượng chuyên trách với tên gọi là Đội Z. Nhiệm vụ chính của Đội là phối hợp với bạn để phát hiện, đánh bắt, khai thác, xóa sổ các tổ chức, mạng lưới tình báo do Khmer Đỏ cài cắm lại trên địa bàn Campuchia, qua đó đánh bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với Cách mạng Campuchia và Việt Nam.

Phải đến ngày 23 tháng Năm năm 1983, Đội Z mới chính thức thành lập trên chiến trường Campuchia với quân số 41 người, nhưng thực ra đội tình báo hành động "chưa có tên" do ông Ba trực tiếp chỉ huy đã đi vào hoạt động từ 2 năm trước đó với biên chế ban đầu là 5 người do Thượng sỹ Nguyễn Ngọc Ẩn (Tư Ẩn) làm Đội trưởng.

Sau này tiếp xúc nhiều, tôi càng hiểu rõ hơn về Đội Z. Tư Ẩn và hầu hết anh em trong đội là con em xuất thân từ gia đình mà ông bà, cha mẹ đều tham gia hoạt động cách mạng. Khi bị địch truy đuổi những năm 1950 - 1960, họ dạt

lên Phnom Penh, sinh ra lớp người Việt con em cán bộ Cách mạng nhưng vô cùng nghèo khổ, không được học hành đầy đủ. Bản thân Đội trưởng Tư Ẩn hồi nhỏ phải đi bới rác ở Phnom Penh để kiếm sống. Sau này ông Ba tin dùng những người ấy. Họ cực kỳ trung thành, gan dạ, dũng cảm, mưu trí, đặc biệt thuộc địa bàn và nói tiếng Campuchia như "cháo chảy" vì xuất thân vốn là dân đường phố. Ông Ba dùng những người này vào nhiệm vụ hành động tình báo - nhiệm vụ mà ông cho là thích hợp với họ nhất.

Có thể nói mỗi thành viên Đội Z là một chiến sỹ gan dạ, thông minh, liều lĩnh và rất giỏi hành động độc lập. Với họ, trời không sợ, đất không sợ, rất đỗi ngang tàng, chỉ "sợ mỗi ông Ba". Ông Ba thấy nhóm này rất quý và tin tôi nên một hôm ông bảo:

- Cậu à, thằng Ẩn nó nói với tôi là cho cậu về Đội Z.

Tôi ngạc nhiên:

- Cháu về đấy làm gì ạ? Cháu làm được gì đâu mà về?!

- Tin cậu nó mới nói thế, nó bảo tôi "mấy ông Bắc Kỳ chơi được chỉ thấy mỗi ông này" - Ông Ba nói lại như thế, dù thực ra ông Ba cũng là người Bắc.

Rồi ông Ba nói:

- Thôi, cậu về sinh hoạt chi bộ với chúng nó.

Từ "chúng nó" đối với ông là cách gọi thân thiết lắm, tin cậy lắm và cũng gần gũi lắm, nên ông mới dùng cách gọi dân dã ấy. Đến tôi còn "bị" ông gọi là "cậu", trong khi Tư Ẩn "được" ông gọi bằng "thằng".

Tôi về sinh hoạt với Chi bộ Đội Z, rất nhiều chuyện thú vị, ví dụ về trình độ văn hóa của đội này. Ngoài Ẩn - Đội trưởng, có đồng chí Đội phó - Chính trị viên, Bí thư Chi bộ tên Pha, là con liệt sỹ, còn lại có các đội viên: Số, Gựa, Sị "đen"... toàn người miền Tây. Một buổi họp chi bộ, Sị "đen" đứng lên phê bình Chính trị viên:

- Đồng chí Pha trù úm tôi. Đồng chí cậy có văn hóa lớp 2, thấy tôi không biết chữ nên coi thường tôi...

Kể như vậy để thấy trình độ văn hóa của anh em trong đội thấp, nhưng trừ chuyện văn hóa thì họ vô cùng giỏi trong các hoạt động ở địa bàn Campuchia.

Đội Z có thể nói là sản phẩm đặc biệt mà ông Ba xây dựng được và người chỉ huy trực tiếp duy nhất của đội cũng là ông Ba, không còn ai khác. Sau này có một người thay mặt ông Ba nói thì đội ấy vẫn nghe - đó là tôi, chỉ vì ông Ba dặn: "Các cậu phải nghe cậu này!" - chứ không phải là vì con người tôi với họ. Điều này sau cũng được Tư Ẩn nói với tôi khi đã "gác súng" về sống nơi miệt vườn Bình Phước.

Tư Ẩn bảo:

- Tôi rũ hết rồi mới dám nói với anh, trăng trối của ông Ba với tôi là "hãy nghe lời cậu Vịnh trong bất kỳ chuyện gì". Tôi nghe lời ông ấy.

Trong báo cáo thành tích đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Đội Z, có ghi rõ: *"Từ năm 1981 - 1989, trong thời gian thực hiện nhiệm vụ quốc tế giúp bạn, toàn đội đã mưu trí, dũng cảm nhận và hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ. Trong thời gian đó, toàn đội đã thực hiện hơn 100 vụ tìm, đánh bắt đối tượng tình báo, điệp viên*

của Khmer Đỏ; làm tan rã hệ thống mạng lưới tình báo mà Khmer Đỏ cài cắm tại Campuchia với mục đích móc nối, chống phá Cách mạng Việt Nam tại địa bàn các tỉnh phía Nam. Qua đó, đã nắm chắc được âm mưu, ý đồ của Khmer Đỏ đối với Cách mạng Việt Nam và chính quyền Cách mạng Campuchia, kịp thời tham mưu cho Đảng, Nhà nước, Quân đội và ngành Tình báo để ta có nhiều sách lược, chiến lược mới trong xử lý vấn đề Campuchia. Các tin tức thu được của địch là cơ sở để Bộ Tư lệnh tiền phương 719 Quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia tổ chức lực lượng tổng tiến công truy quét thành công hang ổ của chế độ Pol Pot - Ieng Sary và tàn quân Pol Pot trong các chiến dịch mùa khô các năm 1983 - 1985, các chiến dịch mùa khô năm 1987 - 1988; giúp Campuchia củng cố, xây dựng chính quyền vững mạnh, đủ sức bảo vệ đất nước; bảo vệ cho Quân tình nguyện Việt Nam rút quân về nước an toàn. Đồng thời, tham mưu cho Bộ Tư lệnh tiền phương Quân tình nguyện Việt Nam tiếp tục tổ chức các lực lượng khác hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế giúp bạn sau này.

Thành tích và chiến công của Đội Z đã phục vụ tham mưu cho Đảng, Nhà nước, Quân đội ta chủ động đề ra các chiến lược, sách lược quan trọng, phù hợp trong giải quyết các vấn đề liên quan đến thực hiện nhiệm vụ quốc tế tại Campuchia giai đoạn 1981 - 1989 và sau này. Đồng thời, có những đối sách chiến lược, góp phần to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đó cũng là một trong những bài học kinh nghiệm tiêu biểu về sự mưu trí, dũng cảm, linh hoạt, sáng tạo, không sợ hy sinh, gian khổ trong thực hiện nhiệm vụ đặc biệt của lực lượng Tình báo quốc phòng Việt Nam mà các thế hệ cán bộ, nhân viên, chiến sỹ Tình báo Quốc phòng sau này cần tiếp tục học tập, noi theo".

Đội trưởng Tư Ẩn là người đã chỉ huy Đội thực hiện các nhiệm vụ với những chiến công tiêu biểu. Sau này làm báo cáo phong Anh hùng cho Tư Ẩn, tôi càng ấn tượng với tay Đội trưởng "có một không hai" này.

Đội Z là tấm gương của một tập thể dũng cảm, liều lĩnh, thông minh, gan góc, trọn tình nghĩa với nhau. Những từ ngữ đó là đầy đủ với họ và họ chỉ biết sự nghiệp chung là hành động theo lệnh ông Ba. Ngoài ra, bảo đi học không đi, khi làm về thì nhậu, cuộc sống của họ không bình thường như các đơn vị Quân đội khác, nhưng chỉ như thế họ mới làm được việc.

Nói về những chiến dịch của Đội Z, tôi nhớ có một tên địch ngầm là Mac (cán bộ trung ương Khmer Đỏ) thâm nhập vào Phnom Penh. Sau khi có nhiều nguồn tin về tên này thì được biết hắn là đối tượng đang được các lực lượng của ta và bạn tìm kiếm, truy nã gắt gao nhất. Ông Sáu Nam gọi ông Ba Quốc lên bảo: "Phải bắt bằng được tên này!".

Lúc đó, tất cả lực lượng ta và bạn đều tập trung đi tìm tên Mac. Hôm có tin hắn về ngoại ô Phnom Penh, lực lượng của Mặt trận 7708 (quân đồn trú của ta bảo vệ Phnom Penh) và lực lượng công an, quân cảnh, tình báo bạn đều tập trung tìm. Lúc bấy giờ, Đội Z cũng lần mò dấu vết theo tin tức tình báo ta thu được. Khi phát hiện ra, Tư Ẩn báo với ông Ba:

- Cháu tìm thấy dấu vết thằng Mac rồi! Đang lần theo sát nó...

Tôi nhớ ông Ba dặn Tư Ẩn:

- Bây giờ đối tượng truy bắt không phải của ta mà còn là của quân đội và công an bạn, bất kỳ ai dính đến nó đều được quyền bắn. Nên các cậu phải đặc biệt thận trọng, giữ an toàn.

Thế mà ròng rã hàng tuần không làm sao phát hiện và đánh bắt hắn được. Rồi đến một hôm, bất ngờ cậu Sị chạy về Đội, hốt hoảng quăng vội cái xe Honda:

- Chú Ba, chú Ba! Anh Tư bắt được Mac rồi!

- Sao, ở đâu?

- Anh Tư bắt được nó ở ngoại ô Tual Kốc, cháu chạy về trước báo với chú. Nhưng công an đông quá sợ nó quây ngã ba, ngã tư không về được.

- Thế này họ bắn thằng Ẩn mất! - Ông Ba lo lắng.

Tôi lúc đấy chưa tham gia sâu vào việc chỉ đạo nên cũng chỉ biết đứng đằng xa quan sát.

Độ 30 phút sau, thấy Tư Ẩn chạy về trên một chiếc xe lôi. Ngày đó, dân Campuchia hay dùng loại xe lôi, đằng trước là cái đầu xe Honda, đằng sau có hai bánh, kê tấm ván để trên đó 2 - 3 cái chum to đựng nước hoặc mắm bò hóc đi bán sỉ. Tư Ẩn quăng xe máy của cậu ta đâu mất, chân thì đi đất, đầu quấn khăn cà ma, lái chiếc xe lôi lao vào cửa, hò hét để gác cổng mở thật nhanh. Ông Ba chạy ra. Đấy là một trong những lần rất hiếm hoi tôi thấy ông Ba bồn chồn chạy ra, chỉ thiếu điều ôm lấy Tư Ẩn. Tư Ẩn lái xe vào sân trong, phanh lại rồi xuống xe. Ông Ba đến gần. Tư Ẩn rút khẩu AK báng gấp giấu dưới ván xe đập vỡ tan cái chum trên chiếc xe lôi, bên trong là một người nằm thu lu. Tư Ẩn bảo:

- Chú Ba, thằng Mac đây!

Trời đất ơi, đến giờ tôi vẫn không bao giờ quên hình ảnh Tư Ẩn đầu quấn khăn cà ma, ăn mặc xộc xệch, quần móng lợn, chân đất, mà đem một "khối vàng" đặt trong chum về cho ông Ba. Tên kia bị bịt miệng nằm còng queo, tay bị cột chặt.

Hỏi ra, khi Tư Ẩn bắt được tên Mac này nhưng đồng thời cũng tự biết là chạy về không thoát, nên anh và một đồng đội nữa trói tên Mac lại, bịt miệng, bịt mắt. Đang không biết cách nào về, bỗng thấy một xe lôi chở chum chạy qua. Tư Ẩn rút súng ra dừng xe lại, còn bao nhiêu tiền riel anh đưa hết cho chủ xe, đuổi đi rồi đặt gọn tên Mac vào chum, cứ thế lái xe qua bao trạm kiểm soát của công an, quân đội bạn, về đến Đội X an toàn.

Câu chuyện cho thấy Tư Ẩn là người mưu trí và gan dạ như thế nào.

Một lần khác, Đội Z bắt một tên Khmer Đỏ giả làm sư đi khất thực. Khi Tư Ẩn bàn giao cho tôi tiếp nhận, hắn chẳng bận tâm đến tôi, cứ nhìn Tư Ẩn cười khúc khích.

Té ra, tên này có võ, nên khi tóm được hắn, Tư Ẩn phải bế hắn lên xe không dễ dàng chút nào. Hồi đó lái xe ô tô là anh Tại. Anh lái rất giỏi. Trong phim "Bốn chiến sỹ xe tăng và con chó" chiếu ở Mặt trận hồi đó có đoạn người ta để một cái đinh trên cây mà người lái xe tăng vừa lái vừa đóng được đinh vào cây. Anh Tại lái xe UAZ cũng đóng đinh được y như thế. Mỗi lần đi làm nhiệm vụ, anh Tại lái ô tô, ngồi sau là Tư Ẩn, hai bên là các thành viên của Đội Z lái xe máy. Khi thấy con mồi thì anh Tại đánh tay lái sang phải, xong nhả, xong đánh tiếp ép "mồi" vào lề đường, để cho anh em Đội Z "mời" lên xe.

Tôi hỏi:

- Sao anh phải đánh tay lái, ép xe mấy lần như thế?

- Nếu đánh lái ngay nó giật mình té, gây tai nạn hỏng việc, với lại gây ồn ào ngoài phố. Nên phải nhá một cái cho nó giật mình, phanh xe lại, mình nhá tiếp cái nữa rồi ép cứng luôn.

Cũng như thế, lúc bắt tên "sư Khmer Đỏ", anh Tại vừa ép xe vào thì Tư Ẩn lao xuống, sau đó ôm hấn đẩy lên xe. Nhưng tên này có võ, hai bàn chân gồng cứng tỳ vào hai bên cửa xe UAZ, không sao đẩy vào xe được. Tư Ẩn nhanh trí lấy tay cù vào lòng bàn chân hấn, nhột quá hấn thọt luôn chân chui tọt vào trong xe.

Tôi hỏi hấn ta:

- Sao anh nhìn ổng cười?

Hấn trả lời:

- Cứ nhìn ông đó tôi lại nhớ cái lúc bị cù chân, làm tôi buồn cười quá!

Tư Ẩn đi xe máy siêu giỏi trên mọi địa hình ở Campuchia. Thậm chí có thể bỏ hai tay rồi thò tay xuống rút dây ga chạy xe với vận tốc 100 cây số/giờ là bình thường. Trời mưa lạnh, cậu ta trèo lên ngồi xổm trên yên thò tay xuống rút dây ga cứ thế chạy.

Một vài câu chuyện mà tôi nhớ như thế, để thấy ông Ba dùng người không câu nệ hình thức.

Ngay cả ông Tư Văn lúc bấy giờ chỉ huy tình báo ở Campuchia, sau này là Tổng cục trưởng cũng từng nói: "Giá Đoàn 12 có thêm một cậu Ẩn".

Ông Sáu Nam trước đó cũng từng hỏi: "Vì sao không phong Anh hùng cho nó?".

Nhớ hồi đề nghị phong danh hiệu Anh hùng cho Đội Z, lúc ấy tôi là Tổng cục trưởng.

Tôi lên gặp ông Sáu Nam, thưa với ông:

- Thưa chú, Đội Z chú biết rồi, Tổng cục định đề nghị phong Anh hùng cho Đội, cháu xin ý kiến chú?

Không ngờ ông Sáu Nam nghe xong bảo luôn:

- Cháu thảo bức thư của chú gửi Đảng ủy Quân sự Trung ương, đề nghị phong Anh hùng cho cả Đội Z và riêng Tư Ẩn.

Tôi soạn xong trình ông Sáu Nam, xem xong ông bảo:

- Thôi, không cần!

Hóa ra thấy tôi soạn chỉn chu, dài dòng quá, ông lấy giấy bút tự viết tay một đoạn ngắn: "Gửi.... Có thể nói đây là đội quân nhỏ, nhưng tinh nhuệ, thiện chiến nhất, dũng cảm nhất, nhiều chiến công nhất ở Mặt trận Campuchia... Ký tên: Lê Đức Anh, nguyên Tư lệnh Mặt trận 719".

Tôi photo một bản cho Tư Ẩn làm kỷ niệm. Tư Ẩn trân trọng treo ngang ảnh ông già cậu ta ở nhà riêng.

Năm 2005, Quân đội tổ chức Đại hội Thi đua Quyết thắng toàn quân lần thứ VII. Theo thông lệ mỗi dịp Đại hội thì những Anh hùng (đã được phong) còn sức khỏe được mời đến dự. Tư Ẩn được mời, nhưng cậu ta gọi cho tôi:

- Thôi, anh Năm xem có được tiền đi lại, ăn ở thì đưa đây cho tôi, tôi khỏi đi, các anh đỡ mất công tiếp đón.

Vậy là đơn vị cấp kinh phí dự hội nghị cho Tư Ẩn, cậu ta mời cả đội đến, bảo:

- Đây, tiền tao được cấp để ra Hà Nội dự Đại hội Anh hùng. Mời cả đội nhậu.

Cứ mỗi lần nghĩ về Tư Ẩn là đều có chuyện để cười bởi cậu ta nghịch ngợm, quậy phá kinh khủng. Nhưng chỉ phá đời thường, còn vào công việc thì cực kỳ nghiêm túc và giỏi giang.

Chuyện về Tư Ẩn kể khó mà hết được, thậm chí mỗi chuyện đều có thể dựng thành phim. Ước gì tôi có thời gian để viết một cuốn sách về Tư Ẩn - một con người tuy không được đào tạo qua trường lớp, nhưng dũng cảm, đẹp trai, hát hay, gắn với nhiều câu chuyện có một không hai trong cuộc đời hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Campuchia.

Sau này về nước, ông Ba ốm, vợ chồng Tư Ẩn hay lui tới nấu đồ ăn Nam Bộ cho ông, nên ông rất quý vợ chồng anh. Tư Ẩn hay đưa rượu tới cho ông: "Chú Ba, cháu có rượu ngon mời chú!". Nhưng Tư Ẩn có mác của dân "giang hồ" nên rượu của anh ta buồn cười lắm, ngâm đủ các thứ kỳ dị, đủ các loại vị kỳ quái, lần nào uống thử tôi cũng nhăn mặt, ông Ba cười bảo: "Ẩn nó cho đấy!".

Ông Ba đã dùng những người như thế, những người không ai có thể thay thế, đã được Nhà nước phong Anh hùng với những cống hiến của họ trong chiến đấu. Với Đội Z nói chung và Tư Ẩn nói riêng, ông Ba coi họ là những người lính trung thành, có thể nói là cho đến chết. Ông đã "dụng nhân như dụng mộc" và đã thành công như ông muốn. Ở Campuchia, họ làm được nhiều việc, có nhiều công lao,

đến khi về nước, dù nghèo nhưng ai cũng vẫn sống đàng hoàng, sống tốt, sống có ích. Nhìn họ sẵn sàng hy sinh, sẵn sàng lao vào chỗ chết và hiên ngang đi ra, thực sự người chỉ huy nào cũng không nỡ buông. Tôi luôn nhớ lời ông Ba dặn: "Cậu phải giữ bằng được những người này!".

Sau này khi đã hoàn thành nghĩa vụ quốc tế giúp bạn Campuchia, về Việt Nam, ông Ba tiếp tục giao cho Đội Z các nhiệm vụ vừa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ mới, vừa phù hợp với khả năng của các thành viên trong đội. Tuy nhiên phương thức và điều kiện hoạt động ở Việt Nam hoàn toàn khác với chiến trường Campuchia, nên đội chỉ còn nhiệm vụ chủ yếu là huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, là lực lượng "dự bị chiến lược" cho những tình huống đặc biệt ở Campuchia.

Khi đó, một trong những nhiệm vụ của ngành Tình báo vẫn là phát hiện, vô hiệu hóa các hoạt động chống phá, gây rối của các lực lượng phản động từ sớm, từ xa ngay tại bàn đạp đứng chân ở các nước láng giềng, đặc biệt là Campuchia. Đội Z lại có những lần lên đường trong im lặng theo mệnh lệnh của trên, và tiếp tục lập nên những chiến công to lớn, độc nhất vô nhị.

Từ sau những năm 90 của thế kỷ trước, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới trong nội địa và ở các khu vực biên giới trọng điểm, lại một lần nữa tài năng và kinh nghiệm của ông Ba lại được áp dụng một cách kịp thời và hết sức hiệu quả. Đó là sự ra đời của Đội Đặc nhiệm K năm 1994, đến năm 1995 trở thành Đoàn đặc nhiệm của Tổng cục II. Khi đó, tôi là Cục phó Cục 12, được bổ nhiệm kiêm Đoàn trưởng

(đầu tiên) của Đoàn K. Cùng với đó là những gương mặt quen thuộc với phương thức đặc nhiệm - hành động tình báo như: Trần Bình Đẳng, Phan Anh Việt, Bùi Xuân Khang, Bùi Xuân Khiển...

Ngay từ khi mới thành lập, Đoàn K đã lập nhiều chiến công, đặc biệt là phối hợp với lực lượng công an để đón bắt, xử lý các nhóm phản động xâm nhập từ ngoài nước về chống phá tại các địa bàn trọng điểm như Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Tôi nhớ khi Đoàn K được trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân chỉ ba năm sau khi thành lập. Vào dịp đó, Đội Z cũng được thưởng Huân chương Chiến công. Ông Ba cười rất tươi: "Chiến công thì nhỏ, nhưng niềm vui thì nhân đôi vì cả hai anh em đều lập công".

Những công lao, thành tích mà anh em Đội Z hay Đoàn K đạt được, thực ra đều bắt đầu từ "sáng kiến" của ông Ba, từ sự quyết đoán, trình độ năng lực chỉ huy, chỉ đạo rất độc đáo đối với phương thức tình báo hành động của ông. Có thể nói đó là "món tủ", "đặc sản" của riêng ông mà không ai có được.

CHUYẾN CÔNG TÁC ĐẦU TIÊN

Tháng Tám năm 1985, lúc bấy giờ tôi đã có hơn một năm công tác ở Campuchia và bắt đầu vào một số công việc được ông Ba giao. Nói chung là làm công tác kế hoạch và tham mưu, giúp ông Ba làm văn bản.

Nhưng đúng dịp nghỉ Quốc khánh thì một chuyện xảy ra làm công việc của tôi có sự thay đổi.

Năm 1985 là kỷ niệm 10 năm giải phóng miền Nam, khi đó ý đồ chống phá của các thế lực thù địch vẫn đang rất mạnh. Nhân lúc ta đang khó khăn ở Campuchia nên chúng âm mưu tạo biến động để gây "tiếng vang" ở miền Nam Việt Nam. Một loạt kế hoạch chống phá của địch nổi lên ở miền Tây Nam Bộ, có những kế hoạch lan đến gần Thành phố Hồ Chí Minh. Phương thức chống phá của chúng chủ yếu là kích động bạo loạn, đặt chất nổ, rải truyền đơn, kêu gọi cướp chính quyền ở các địa phương. Để đối phó với tình hình ấy, các thủ trưởng Đoàn, Cục từ nhiều tháng trước đã tập trung bàn bạc đưa ra các phương án với mục tiêu là nắm chắc tình hình, không để xảy ra bạo loạn. Lúc đó tôi chỉ biết vậy, không hiểu cụ thể như thế nào.

Việc chuẩn bị bảo vệ ngày Quốc khánh được tiến hành trước nhiều tháng, càng gần đến ngày lễ tình hình càng căng thẳng hơn. Những dịp đó, các thủ trưởng, kể cả Tư lệnh Mặt trận đều về nước để sẵn sàng phương án đối phó với các tình huống có thể xảy ra. Ở đơn vị, người chỉ huy cao nhất cũng về nước vừa để thực hiện các nhiệm vụ của ngành, vừa phục vụ các cuộc họp của các cấp lãnh đạo diễn ra liên tục ở Thành phố Hồ Chí Minh lúc bấy giờ.

Ở lại Đoàn chỉ có ông Ba.

Thời điểm bấy giờ ngoài hoạt động của Khmer Đỏ, của "Chính phủ ba phái", thì những vấn đề liên quan đến các lực lượng chống đối Việt Nam từ thời chế độ cũ, các kế hoạch nổi dậy được quan tâm đặc biệt. Đơn vị gần như ngưng hoạt động thường xuyên để dồn cho việc đó. Tại Đội X

chỉ còn vài ba trợ lý ở lại trông doanh trại, làm công tác văn thư, bảo vệ, chờ sau lễ tiếp tục vào nhịp công việc bình thường. Phần lớn đơn vị phân đi các hướng, các "điểm" ở Campuchia và miền Tây Nam Bộ, bám sát các đầu mối để phát hiện và ứng phó với các hoạt động của địch.

Gần trưa ngày 27 tháng Tám năm 1985, ông Ba từ trên Đoàn xuống Đội X. Ông bồn chồn, nhấp nhổm, sốt ruột đi ra đi vào. Một lúc ông lại lên xe đi họp, rồi lại về, lại đi ra đi vào, suy nghĩ đăm chiêu. Những người ông thường báo cáo như ông Sáu Nam, ông Tư Văn, ông Vũ Chính thì đã về Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Ba vừa phải thường xuyên báo cáo tình hình với Mặt trận, vừa phải phối hợp với bên Công an, các đơn vị bạn. Tôi thấy ông căng như dây đàn, dáng vẻ hết sức bận rộn, trong khi mình không có việc gì, nhưng cũng không dám hỏi.

Khoảng 2 giờ chiều ông Ba đi đâu về, rồi chép miệng: "Có việc tưởng nó ở chỗ nào hóa ra rơi ngay vào mình, lại đúng lúc không có người làm".

Tôi không dám hỏi nhưng tò mò không biết việc gì và rất mong muốn được tham gia trong bối cảnh bận rộn, khẩn trương khi đó. Một lát sau, ông tự nói với tôi: "Đang có một kế hoạch cần thực hiện gấp".

Rồi ông chậm rãi kể, cũng là tự nói với mình: Buổi chiều hôm trước, các chiến sỹ gác ở cửa khẩu Battambang (một tỉnh Tây Bắc Campuchia) bắt được hai người vượt biên, chúng là người Việt mang hộ chiếu Thái Lan, biết nói tiếng Thái.

Hồi ấy thỉnh thoảng có chuyện như thế, nếu qua biên giới mà không có giấy tờ, bọn buôn lậu thường "dúi" cho

kíp trực hai chỉ vàng để được đi qua. Một chỉ vàng lúc ấy to lắm, nhưng lần này tự nhiên hai kẻ vượt biên đưa cho người lính gác cả cây vàng để được đi qua trạm kiểm soát. Thấy thái độ của chúng không bình thường, đặc biệt đi qua cửa khẩu mà đưa cả cây vàng là rất bất thường, nên người lính gác yêu cầu đứng lại. Thấy vậy, hai tên bỏ chạy. Các chiến sỹ trạm kiểm soát ở cửa khẩu Battambang nổ súng, giữ hai tên vượt biên lại.

Hai tên này di chuyển bằng xe máy, khi qua trạm chúng bảo chở đồ thuê. Mở bao tải thấy một lượng vàng lớn, cùng nhiều tài liệu, lệnh ám sát, truyền đơn, lệnh tổng khởi nghĩa và đặc biệt có một máy thông tin hiện đại kèm theo. Trước tình hình đó, các chiến sỹ ở trạm kiểm soát đưa hai tên vượt biên về đơn vị, báo cáo về Mặt trận.

Lúc bấy giờ quyền Tư lệnh Mặt trận là ông Đoàn Khuê - Tham mưu trưởng, thay ông Sáu Nam đang về Việt Nam. Ông Đoàn Khuê yêu cầu tình báo khai thác xem kế hoạch của chúng là gì để báo cáo gấp về Trung ương, góp phần ngăn chặn bạo loạn ở miền Tây trong thời điểm nhạy cảm.

Vấn đề là phải khai thác tại chỗ, tức thời ngay tại Battambang, kịp thời đánh giá tình hình, sau đó đưa bọn chúng về báo cáo với Mặt trận. Quan trọng hơn cả là không để lỡ thời cơ, giữ bí mật tuyệt đối để điều tra, bóc gỡ lực lượng phản động trong nội địa.

Lúc bấy giờ bên Công an cũng biết thông tin và đề nghị giao hai kẻ vượt biên cho họ. Ông Đoàn Khuê yêu cầu tình báo phải trả lời có giao lại cho Công an không. Thế là,

một kế hoạch phối hợp giữa Quân đội và Công an được hình thành, sáng hôm sau sẽ bay đi Battambang. Tất cả các yêu cầu đều cấp bách trong bối cảnh vài ngày nữa là bạo loạn bùng nổ, phải làm nhanh mà ở đơn vị thì không có người làm.

Câu chuyện này rõ ràng phù hợp với cán bộ chuyên làm công tác phản gián, có bề dày cũng như thông thuộc địa bàn Campuchia. Trong khi đó tôi chỉ là sỹ quan mới sang chiến trường được hơn một năm, chưa có kinh nghiệm phản gián, về công tác khai thác cũng chỉ làm với đối tượng Khmer Đỏ và "quan thầy" của chúng, chưa gặp đối tượng nhân viên chế độ Sài Gòn trước đây bao giờ. Rõ ràng tôi không nằm trong tầm ngắm của ông Ba, đương nhiên ông cũng không nghĩ đến tôi.

Nhưng trong bối cảnh ấy, tôi nói với ông Ba:

- Thưa chú, anh Lưới Đội Y về Thành phố Hồ Chí Minh rồi, đội của Tư Ẩn cũng không làm được, trước sau không còn ai, hay chú cho cháu đi?

- Cậu đi để làm gì?

- Cháu đi để khai thác và báo cáo với chú nên làm thế nào, mà thời gian ngày hôm sau phải xong, ít nhất cháu đi để biết.

- Cậu làm thế nào được, cái này nghề của nó thì phải như này, như này... (đúng nghề an ninh phản gián của ông khi ở trong địch hậu). Việc đầu tiên phải xác minh nó là ai, ai giao nhiệm vụ cho nó, rồi kiểm tra chéo xem nó khai có thật không? Quan trọng nhất nó sẽ liên lạc với ai, phương thức liên lạc như nào? Đồng đồ, vàng, khẩu hiệu nó sẽ giao

cho ai? Sau đó báo về để tôi báo cáo anh Đoàn Khuê, lúc ấy sẽ xem cái nào thuộc chức năng của Công an thì giao Công an, không thì mình phải tự làm, làm gì tính sau.

Lúc đó ông chỉ nghi nó là hai tên liên lạc, giao thông. Và ông nói lại với tôi về quy trình của công tác phản gián khi phải thực hiện việc này.

Nghe vậy, tôi chêm một câu cho ông vui:

- Thế thì cháu biết ai đi là đúng nhất rồi.

- Ai?

- Chú phải đi! Vì nói như chú thì không ai làm được cả, mỗi chú làm nghề này chứ đơn vị mình có ai biết đâu. Còn nếu chú cho cháu đi thì cháu sẽ làm đúng những điều mà chú vừa dặn.

- Cậu làm được không? - Ông hỏi, nhưng cũng như trả lời là tôi khó mà làm gì được trong công việc mới mẻ và khó khăn ấy.

- Thưa chú, làm được hay không cháu không biết nhưng chắc chắn cháu sẽ làm hết sức và theo đúng lời dặn của chú.

Vì lúc ấy không có điều kiện trao đổi với cấp trên, phải tự quyết định, nên ông Ba bảo:

- Mai mình phải đi cùng một cán bộ rất có kinh nghiệm bên an ninh là anh Năm K. (Cục An ninh phía Nam), là đại diện Bộ Công an dự cuộc khai thác của Quân đội.

Ông Năm K. lúc bấy giờ là đại tá Công an, tôi mới là đại úy. Nếu ngồi khai thác với một đại tá Công an là cán bộ từ thời chống Pháp, chống Mỹ thì ghê gớm lắm, phải nói là

"thành tinh" rồi. Nghĩ bụng: "Mình mà khai thác thì một là họ cười cho, hoặc có gì họ ngồi đấy rồi hớt mất".

Tôi bèn nói với ông Ba:

- Thế thì cháu mời ông ấy ra ngoài, có gì đâu. Trại giam của mình, đơn vị của mình mà.

Có lẽ nói thế nên ông Ba thấy cũng đáng cân nhắc, mà cũng không còn ai để mà hỏi ý kiến. Ông bảo:

- Tôi phải suy nghĩ đã!

Sau đó ông đi đâu không biết, nhưng khi về ông nói:

- Sáng mai anh Đoàn Khuê dự kiến đi Siem Reap bằng trực thăng nhưng nhường trực thăng cho mình, còn anh ấy đi đường bộ. Các anh trên quan tâm như thế nào cậu biết rồi đấy.

Đến chiều muộn, ông Ba lại hỏi tôi:

- Cậu có đi được không, cậu muốn đi với ai?

- Chú cho cháu đi với Thạnh, ngoài ra cần một vài lính đặc nhiệm.

- Cậu Thạnh đi làm gì?

- Cậu ấy đi giúp việc cháu.

Lúc đó cũng chẳng còn ai. Nhưng ông vẫn chưa ra quyết định cuối cùng. Khoảng 7 - 8 giờ tối, ông Ba mới quay lại Đội X, bảo tôi:

- Cậu chuẩn bị đi!

Vì hồi đó trực thăng Mi-8 bay từ Phnom Penh đến Battambang đường xa, nên phải bỏ sáu ghế trên máy bay để có chỗ đặt thùng xăng phụ, vậy là chỉ còn sáu chỗ ngồi. Tất nhiên, đó là một cách "chắp vá" rất nguy hiểm.

Tôi báo cáo ông Ba:

- Xin phép chú cho cháu đi ba người, với ông Năm K. nữa là bốn, đường về thì có hai tên kia nữa là sáu người.

Đồ tôi mang theo có khẩu AK, súng ngắn, cuốn sổ.

Lần đầu tiên đi với Công an tôi nhớ mãi.

Lúc 5 giờ sáng, xe đơn vị đón chúng tôi rồi đi sang trại của Công an đón ông Năm K. Bên Công an họ đề nghị đón rất sớm. Té ra, ông Năm K. rủ đến quán hủ tiếu ở gần sân bay Pochentong, làm một tô đặc biệt. Xong, mỗi người còn được ông ấy cho gói thuốc lá Samit, riêng tôi ông ấy cho thêm gói nữa. Hồi đó bộ đội nghèo, làm gì có chuyện ăn phở sáng, với cả cà phê, thuốc Samit. Tôi nghĩ bụng: "Trời! Đi làm với Công an sướng quá, còn hẹn chiều về làm bữa nhậu. Đi đánh giặc như thế này sướng gì đâu!".

Trong thời kỳ chống Mỹ, ông Năm K. chính là người báo cho Quốc vương Sihanouk về gói quà gửi cho Quốc vương sẽ bị cài mìn, sau khi nhận quà thì quả mìn sẽ nổ. Quốc vương Sihanouk biết tin nên cho người nhận ở Hoàng cung rồi đưa đến chỗ an toàn. Đúng giờ hẹn quả mìn nổ, nhưng không có thương vong. Vụ đó nằm trong cuộc đảo chính của Đáp Chuôn (Siem Reap) mà ông Ba cũng tham gia với tư cách đại diện Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Sài Gòn.

Ăn xong chúng tôi ra sân bay, khoảng 9 - 10 giờ sáng bay đến nơi. Bắt tay vào khai thác "khách" luôn.

Lúc vào khai thác, ông Năm K. bảo tôi:

- Tụi em cứ ngồi đó, anh làm cho!

Lúc đó ông Năm K. gần 60 tuổi, tôi mới hai mươi mấy, nên ông cứ bảo tôi ngồi ngoài để ông ấy làm.

- Cái này anh quen quá rồi, không có gì đâu. Hỏi cung tụi nó một lát là ra thôi mà. Tụi em cứ ngồi chơi đi.

Nhưng tôi cương quyết:

- Thôi anh ra ngoài đi, để em hỏi nhân thân của nó đã, xem có gì dính đến Quân đội không rồi mời anh vào.

Theo thông tin ban đầu, kế hoạch bạo loạn lớn ở miền Tây đã được chuẩn bị và chỉ chờ số vàng, tài liệu cũng như thiết bị này gửi về là có tính chất quyết định để giờ G hành động. Hai tên khai là chiều hôm đó sẽ có toán thứ hai về, không qua trạm kiểm soát mà đi tắt theo đường rừng. Tuy nhiên, bọn chúng vẫn nhất quyết không nhận là thủ phạm mà chỉ là người chở thuê.

Trước đó, lúc mở đống bao tải ra thấy một giỏ vàng, cả kế hoạch tổng khởi nghĩa, tờ truyền đơn, lệnh ám sát... và một máy thông tin rất hiện đại. Tôi học Sĩ quan Thông tin, mà cũng không biết về chiếc máy đó. Chỉ biết là lúc bấy giờ máy morse thì thông tin tầm xa, còn máy thoại thì chỉ thu phát được 8 - 9 kilômét, trong khi máy thông tin của hai tên này là đồ chuyên nghiệp, chuyên thu phát thoại tầm xa. Hồi đó, bộ đội ta hay bạn không hề có loại máy hiện đại này, riêng việc sử dụng cũng phải rất chuyên nghiệp.

Tôi hỏi:

- Máy thông tin anh lấy ở đâu?

Thấy tên kia quanh co, tôi nói luôn:

- Anh nói gì thì nói, nhưng tôi cho anh biết là không bao giờ anh mua được ngoài chợ, chỉ có cơ quan tình báo chuyên nghiệp mới có loại máy này (lại từ một bài học "ruột" của

ông Ba). Riêng chỉ việc này thì không cần đưa anh về Phnom Penh hay Sài Gòn mà bắn anh tại đây được rồi.

Nói qua nói lại một lúc, tên đó nhận là người của tổ chức người Việt phản động ở Bangkok có sự hỗ trợ của Tình báo Lục quân Thái Lan, đang gấp rút cho kế hoạch bạo loạn ở miền Tây Nam Bộ, sẽ diễn ra đúng dịp Quốc khánh, tức là chỉ còn vài ngày nữa.

Hắn còn bảo tôi:

- Ông không tin thì mở máy bộ đàm để tôi liên lạc.

Nhưng tôi biết là nếu mở máy sẽ lộ ngay vì chỉ huy của tụi đó sẽ định vị và biết chúng đang ở đâu.

Tên đó khai chiều hôm ấy sẽ có hai tên nữa về bằng con đường vượt biên giới gần khu vực cửa khẩu, không qua trạm gác. Tụi này vì chở vàng và máy thông tin, tài liệu công kềnh nên mới thuê xe máy đi đường này, còn tụi kia sẽ đi bộ qua đường tắt.

Lúc này tôi báo cáo anh Phong - Tư lệnh Mặt trận 7701 ở Battambang (sau này anh Phong được phong Anh hùng), đề nghị quân báo của Mặt trận lập tức tổ chức đón bắt bọn sang sau và khoảng 3 giờ chiều bắt được chúng đúng như lời khai của hai tên kia. Hồi đó không có điện đàm mà chỉ có điện mã, đang nước sôi lửa bỏng thì tôi nhận được điện của ông Ba:

- Cậu lên máy bay đưa "khách" về ngay!

Máy bay có bốn người của mình rồi, cộng với hai tên bắt lúc đầu, thêm hai tên bắt lần sau nữa là tám, chưa kể phi công. Tính riêng túi vàng và truyền đơn cũng nặng gần bằng một người, vậy tổng trọng lượng chín người. Rõ ràng ai cũng hiểu máy bay bị quá tải.

Cuối cùng tôi bảo cậu đặc nhiệm ở lại đi đường bộ về, còn lại lên máy bay hết.

Trên máy bay bốn tên kia bị còng vào thùng xăng, tôi bảo chúng:

- Nếu máy bay có bị làm sao thì các ông làm lá chắn, tụi tôi chạy ra ngoài.

Buồn cười là tên sỹ quan tình báo thời chế độ cũ, chắc ngày xưa đi trực thăng nhiều rồi, hắn nói, giọng đầy lo lắng:

- Đi máy bay các ông sợ chết khiếp được!

Quả đúng như vậy.

Vừa bay lên được khoảng 100 mét chợt nghe tiếng nổ cái "bép", rồi máy bay cứ sà sà, rồi đập cái "rầm" xuống đất. Do quá tải nên cầu chì tổng bị đứt. Buồn cười hơn nữa là cậu Thạnh lúc máy bay rơi lại tưởng bị bắn. Khi vừa chạm đất, tôi bảo Thạnh đẩy cửa xách khẩu AK chạy ra ngoài xem có chuyện gì. Cả đám người ngồi im trong máy bay chờ báo cáo.

Một lúc sau tôi ló đầu ra ngó không thấy gì, vài phút sau vẫn không thấy tăm hơi. Thạnh biến mất. Đang sốt ruột thì thấy một cánh tay thò khỏi bụi cỏ gần đường băng vẫy vẫy. Lúc bấy giờ chả kiêng nể gì tôi quát:

- Thằng kia, bảo xuống quan sát mày vẫy gì?

Thạnh la khẽ:

- Coi chừng nó phục kích!

- Nói mày xuống xem nó có phục kích hay không thì mày lại bảo coi chừng nó phục kích!

Té ra, Thạnh nhảy xuống chui luôn vào đống cỏ, không quan sát xung quanh có bị phục kích hay không mà cứ nằm luôn dưới đấy, lát sau mới rón rén vẫy.

Sau đó, mấy anh phi công cũng gan, tôi hỏi họ:

- Giờ làm sao?

Họ bình thản trả lời:

- Nói với chú, cái này bọn anh bị nhiều rồi.

Rồi họ xử lý dây cầu chì của Liên Xô bị cháy bằng cách lấy dây điện to như ngón tay, cột hai đầu cầu chì vào, bảo:

- Nổ máy đi, bay tốt. Không sao đâu!

Thế mà bay tốt thật.

Lúc máy bay lấy được độ cao, cả đám nhìn nhau thở phào.

Khi về đến sân bay Pochentong, một cảnh tượng chưa bao giờ tôi nhìn thấy hiện ra.

Trước đó nếu có đi làm việc gì "nóng" bằng xe ô tô thì cũng vài chiếc UAZ là nhiều, mà giờ nhìn xuống thấy cả chục ô tô quây kín theo vòng tròn như trong phim, toàn xe biển xanh, có mỗi xe UAZ của anh Tại và xe Datsun của Phú đưa ông Ba tới đỗ ở một góc.

Ông Ba đứng đó im lặng.

Tôi nhìn qua cửa sổ, thấy Công an đứng dày đặc, liền bảo Thạnh:

- Cậu ở trên này, đừng cho ai lên máy bay!

Ông Năm K. bảo tôi:

- Người của anh đấy!

- Người của anh cũng không được lên trên này.

Rồi tôi bước xuống và gặp một anh Công an, lúc đấy không đeo quân hàm. Người này nói:

- Tôi được lệnh trực tiếp của anh Sáu Hoàng (tức ông Cao Đăng Chiếm, Thứ trưởng Bộ Công an phụ trách phía Nam - TG) đưa "khách" về Việt Nam ngay bây giờ.

- Anh cứ chờ đó. Tôi xin chỉ thị của cấp trên rồi tính.

Tôi chạy đến chỗ ông Ba Quốc. Ông thực tâm chưa muốn bàn giao "khách", nhưng ông biết vì thấy "mùi" rồi.

Tôi nói với ông:

- Báo cáo chú, trên máy bay có bốn tên, hai tên hôm qua và hai tên mới bắt, cháu đưa luôn về đây.

Lúc đó trừ vàng không sờ vào, còn tài liệu mỗi thứ tôi đã rút một bản, cuốn sổ hỏi cung và mớ tài liệu chưa kịp nghiên cứu tôi cũng giữ.

Ông Ba bảo:

- Thôi giao đi cậu!

- Nhưng chú ơi, giao thì như thế nào, giờ phải có lệnh của ai mới giao được chứ. Chưa có lệnh thì mình giao sao được!

- Anh Sáu Nam thì đang đi vắng, anh Đoàn Khuê thì không nói gì, mà đây là lệnh của cấp cao. Phải giao thôi.

Cuối cùng cũng phải bàn giao.

Ngay sau đó, cả đoàn xe hùng hậu đưa cả bốn tên cùng bao tải vàng, hồ sơ, tang vật chạy thẳng về Cần Thơ, vì ông Sáu Hoàng cùng Ban chỉ huy tiền phương của Công an đang ở Cần Thơ.

Tôi không nắm được diễn biến vụ phá âm mưu bạo loạn ấy đã diễn ra như thế nào. Sau mới biết Công an ta khai thác, mở chiến dịch truy bắt và tóm được toàn bộ ban lãnh đạo của cuộc bạo loạn tại một số tỉnh miền Tây Nam Bộ. Sau vụ đó, nhiều người được khen thưởng. Báo chí coi đây là một chiến công đặc biệt của ngành Công an. Lúc bấy giờ, thành tích sau các vụ án nổi bật như Lê Quốc Túy, Mai Văn Hạnh, Hoàng Cơ Minh... thì đến vụ bắt nhóm bạo loạn "Tổng trấn miền Tây" này.

Tôi từng nghĩ, các vụ án mà an ninh phá án với biết bao chiến công của ngành Công an thì xứng đáng rồi, nhưng có một điều ít người biết, đó là một số lớn các vụ án ấy đều có sự cung cấp thông tin của Tình báo Quân đội, do sự phối hợp chặt chẽ, ăn ý và thực tâm giữa Quân đội và Công an khi đó.

Ví như câu chuyện Battambang, không ai biết đến việc người chiến sỹ gác cửa khẩu từ chối một cây vàng vì phát hiện có vấn đề bất thường. Ở đây cũng phải nói "phát lộ" mặt tiêu cực của một số lính gác biên giới cứ có tiền là cho đi qua. Tuy nhiên, khi thấy vấn đề chính trị, vấn đề an ninh quốc gia thì tiền bạc được gạt đi, thay vào đó là quyết tâm bảo vệ trận địa, bảo vệ biên giới. Bởi suy cho cùng, làm gì cũng có giới hạn, có "ngưỡng" của nó. Khi động đến vấn đề an ninh quốc gia, hay giữa phản bội và không phản bội thì lựa chọn không phản bội là rất rõ ràng.

Chiều hôm đó ngồi ăn cơm, có ông Ba, tôi, Thạnh và vài anh em ở Đội X. Có lẽ đó là một trong những bữa cơm mà ông Ba vui nhất.

Tôi báo cáo lại đầy đủ với ông Ba, cảm giác như đứa con nít được người lớn cử đi xong về hồ hởi khoe công trạng. Ông Ba ngồi nghe. Tôi cảm nhận được ông vui lắm.

Sau này tôi hiểu ông vui vì thành công là một phần, mà niềm vui lớn hơn là tôi đã hoàn thành một nhiệm vụ mà ông không nghĩ là tôi sẽ làm được, không phụ lòng ông.

Ông Ba nói:

- Lần này gặp anh Sáu Nam tôi có chuyện để khoe rồi cậu ạ!

Lúc đấy tôi không hiểu hết được câu nói của ông, sau này ngộ ra là ông không chỉ rất vui, mà ông vô cùng kính trọng ông Sáu Nam, muốn làm điều gì cho ông Sáu hài lòng, và ông Ba biết đây là điều làm ông Sáu rất mừng, nên mới vui vẻ nói thế.

Còn nhớ khi tôi kể chuyện Thạnh nhát gan chui xuống đống cỏ nằm im, ông Ba cười tít mắt. Ông vốn ít cười, bao năm mới thấy ông cười một lần và lần này ông chỉ cười thôi chứ không hề đánh giá gì về hành động đó của Thạnh. Thạnh còn nói với ông Ba:

- Chú ơi nhìn đống vàng nhiều quá mà mắt sáng lên.

Ông trêu:

- Sao không cầm về mỗi thằng một cây mà xài?

Cả bàn ăn cười ồ.

Vụ hỏng máy bay trong kế hoạch Battambang lúc đó cũng gợi cho tôi cảm giác về sự sống - cái chết thật mong manh. Đó là một trong khoảng 5 - 7 vụ trục trặc máy bay trong suốt cuộc chiến tranh ở Campuchia. Điều kỳ diệu là có hai tai nạn không tổn thất sinh mạng, đó là

vụ Battambang và một vụ rơi xuống Biển Hồ, còn các tai nạn khác đều hy sinh hết.

Câu chuyện đó đối với tôi hay ông Ba, hay Thạnh, hay những người ngồi trên chiếc máy bay ấy - chỉ nghĩ đơn giản là nhiệm vụ. Tôi không thấy sợ, cũng không thấy đó là may mắn. Nếu mà so đo nguy hiểm thì không ai dám đi. Còn nhớ tên trung tá của chế độ Sài Gòn run rẩy bảo: "Đi máy bay của các ông sợ chết khiếp!". Đúng là nếu tính về trọng lượng, thì đến thêm một chai nước còn không được đưa lên, mà đây để nguyên cả một thùng xăng phụ to cỡ cái bàn, chật nửa máy bay. Tên này có lẽ trước đây từng phục vụ không quân, nên vừa nhìn là nó hiểu, nó sợ. Nhưng chúng tôi hồi đó đâu biết sợ, đúng hơn là không hiểu thì không biết sợ!

Trong suốt thời gian tôi đi làm nhiệm vụ ấy, ông Ba bảo:

- Cậu đi tôi sốt ruột lắm!

Tôi đoán là ông đứng ngồi không yên, vì vừa lo tôi làm hỏng việc, vừa sợ tôi mất an toàn. Sau này ông kể, ông Sáu Nam có dặn ông: "Anh làm gì thì làm đừng để nó chết, vì anh Thanh có mỗi thằng con trai!".

Câu chuyện ngắn thôi, nhưng sau việc này, tôi có cảm giác ông Ba bắt đầu tin mình, tin vào đề xuất của tôi, đồng thời ông tin vào khả năng tôi có thể làm được những điều đã hứa với ông.

Sau kế hoạch Battambang thì tôi được chủ động đề xuất với ông về những việc cụ thể để thực hiện nhiệm vụ của ông Ba giao.

Kế hoạch ấy cũng mang đến cho tôi nhiều bài học và kinh nghiệm từ ông Ba.

Ví dụ như khi làm việc với hai tên "xe ôm" bị ta bắt khi chúng mang đồ qua cửa khẩu. Khi đó nhốt hai tên ở một phòng, còn hai tên bắt sau đó mà mình coi là "chỉ huy" thì nhốt một phòng riêng khác để khai thác. Khi chuẩn bị đưa cả bọn lên máy bay về Phnom Penh thì chúng tôi đưa hai tên "xe ôm" vào phòng của hai tên "chỉ huy". Rất nhanh, tôi thấy tên "chỉ huy" lại đứng lên chào tên "xe ôm" một cách kính cẩn. Từ chi tiết thoáng qua ấy, mà tôi xác định ra tên "xe ôm" mới chính là thằng quyết định mọi vấn đề, là nhóm trưởng cái "đầu não" âm mưu bạo loạn ấy. Sau đó, truy vấn tên này mới ra các vấn đề ở miền Tây Nam Bộ và ở Battambang.

Tôi nhớ có lần Tư Ẩn - Đội trưởng Đội Z, báo cáo với ông Ba (Tư Ẩn luôn báo cáo miệng vì cha này rất ngại giấy tờ, viết lách), tôi phải ngồi ghi chép. Trong buổi đó, ông Ba cùng Tư Ẩn trao đổi về việc làm thế nào để nhận biết tên giao thông từ bên ngoài về, tên nào là chỉ huy, tên nào cấp dưới, tên nào là cấp trên, tên nào là người đi theo... Tôi nhớ ông Ba bảo:

- Thứ nhất phải tinh ý xem lúc nó về thì thằng nào đứng dậy trước. Thứ hai là cậu xem lúc nó uống trà thì thằng nào rót, thằng nào cầm ly.

Sau đấy, tất cả những chuyện đấy đều đúng với thực tế. Mà không phải chỉ có chuyện ấy, Tư Ẩn trong quá trình trinh sát sau này đã về báo cáo ông Ba thế này:

- Cháu nghe lời chú, thằng này là sếp vì cháu thấy vô một cái là nó được thằng kia kéo ghế mời ngồi. Còn lúc

thằng này về trước mà thằng kia ở lại vẫn đứng nhìn theo thì thằng về chính là sếp.

Đấy là phản xạ tự nhiên của con người, huống hồ ở xã hội Campuchia vốn có sự phân cấp, sự lễ phép trên - dưới rất rõ ràng. Ông Ba đã dạy cho chúng tôi cách nhận biết như thế. Những kỹ năng, kinh nghiệm có được, ông giảng giải từng chút một, qua đó dạy chúng tôi bằng thực tế công việc.

Tôi cũng đánh giá cao Tư Ấn vì từ những bài học của ông Ba mà anh nghĩ ra biết bao nhiêu chuyện.

Ví dụ một hôm ở Kompong Som, khi ta đang truy tìm một tên địch ngầm Khmer Đỏ, trước là giáo viên trường tiểu học, chỉ nhận được thông tin nó là thằng này, thằng kia - tức là cũng chưa chắc chắn. Vì thế, Tư Ấn phải trực tiếp đi tìm. Khi tóm được, Tư Ấn bóp tay tên kia một cái bèn thả nó luôn, rồi "tay trắng" đi 200 kilômét từ Kompong Som về Phnom Penh.

Ông Ba thấy Tư Ấn về hỏi:

- Sao, bắt được nó chưa?

- Dạ cháu tóm được thằng đó nhưng sau đó thả luôn.

- Sao thế?

- Chú ơi, thằng địch ngầm là giáo viên mấy chục năm, mà thằng này sờ tay nó toàn chai thôi, không phải đâu chú à.

Tôi nghe cũng chưng hửng.

Tư Ấn đúng thật, vì sau này mới phát hiện ra đối tượng là một người khác, còn người bị tóm "nhầm" ấy chỉ là một thợ rèn vô tình có mặt "không đúng lúc" khi Đội Z đang giăng bẫy chờ đối tượng. Chỉ một chi tiết rất nhỏ ấy thôi,

cũng giúp Tư Ấn quyết định đúng - sai. Và sau này tôi cũng áp dụng rất hiệu quả trong nhiều trường hợp.

Tôi ngộ ra rằng, tình báo là nghệ thuật đưa ra quyết định khi chưa đủ thông tin, hay nói rộng hơn là nghệ thuật dự báo. Bởi nếu có đủ thông tin rồi thì cần gì phải dự báo. Mình phải hiểu thế trận của địch, hiểu chỉ huy của địch, hiểu cái cách mà địch điều quân ra sao để mà dự báo. Dự báo càng đúng thì càng nhiều thuận lợi, càng ít hy sinh hơn. Đó cũng là những điều ông Ba dạy tôi.

Nghệ thuật ra quyết định khi không đủ thông tin - đó chính là bản chất của công tác tình báo.

LỚP TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ 28

Cũng trong thời gian tôi bắt đầu bắt tay vào việc, Cục và Đoàn tổ chức một khóa tập huấn nghiệp vụ đặc biệt vào cuối năm 1985. Thành phần tham dự khóa học này gồm cán bộ chủ chốt từ nhiều đơn vị trong Đoàn, là trợ lý các phòng nghiệp vụ, không phân biệt tuổi tác, quân hàm hoặc kinh nghiệm trong ngành, miễn là những người có nhu cầu sử dụng trong thời gian tới. Khóa học này được gọi là lớp nghiệp vụ 28, bởi nó trùng hợp có 28 học viên và kéo dài 28 ngày, được tổ chức ngay tại Phnom Penh.

Các học viên chúng tôi trải rộng từ quân hàm đại úy cho đến đại tá, gồm cả những sỹ quan "ngoại đạo" được tuyển chọn từ nhiều đơn vị trong Quân đội, cho tới những cán bộ đã kinh qua trường tình báo, kể cả một số giảng

viên của trường. Sự đa dạng về thành phần như thế là để đáp ứng yêu cầu về cán bộ trợ lý khi đó, đồng thời cũng cho thấy độ mật của khóa học là rất cao, dù chỉ là một khóa tập huấn nghiệp vụ.

Tại khóa học này, chúng tôi trải qua tổng cộng chín bài "nhập môn tình báo", học liên tục không có ngày nghỉ. Cứ ba ngày lại học một môn, trong đó một ngày học lý thuyết, một ngày nghe các đồng chí lão thành tới chia sẻ kinh nghiệm thực chiến và một ngày thảo luận, sát hạch. Ngày cuối cùng tổng kết, rút kinh nghiệm.

Tôi vẫn nhớ chủ nhiệm lớp là thầy Năm Phương, ông là người gốc Huế, từng hoạt động tình báo trong hậu địch giống ông Ba. Sau này khi rút về căn cứ, ông Năm Phương phụ trách công tác huấn luyện cho cơ cán đi sâu. Thầy Năm Phương được coi là một "giáo sư tình báo" bởi ông nắm chắc nhiều kiến thức về ngành Tình báo - đủ cả tình báo ta lẫn tình báo Mỹ, Trung Quốc, Liên Xô hay tình báo - gián điệp chế độ Sài Gòn.

Sau mỗi bài giảng của một giảng viên, sẽ có một "diễn giả" tới trao đổi bên lề, đó đều là những cán bộ lão thành xuất sắc nhất của ngành Tình báo từ Bắc tới Nam lúc bấy giờ. Cụ thể: Ông Trí Anh giảng về các nguyên tắc cơ bản của tình báo. Ông Hai Trung giảng về tình báo hướng ngoại, danh nghĩa công khai báo chí. Ông Hai Nhạ nói về cơ cán đi sâu. Ông Năm Thúy nói về tình báo trong tôn giáo - Thiên Chúa giáo. Ông Sáu Trí giảng về lưới điệp báo và điệp viên. Ông Tám Danh kể chuyện về tình báo hành động và biệt động. Ông Bùi Nghi dạy về địa bàn tình báo,

ông Trường Tiến dạy về xây dựng kế hoạch điệp báo, còn ông Tám Chứa dạy về kỹ thuật điệp báo. Ông Tám Nhân thì phụ trách nội dung liên lạc điệp báo. Ông Ba Quang nói về tạo vỏ bọc danh nghĩa công khai. Riêng ông Ba Quốc thì phụ trách chuyên đề "phản tình báo".

Đặc biệt hơn nữa, cả hai lãnh đạo cao nhất của tình báo tại chiến trường khi đó là ông Tư Văn và ông Vũ Chính cũng tham gia giảng dạy. Ông Vũ Chính thì phổ biến tình hình và nhiệm vụ. Còn ông Tư Văn thì "vô đề", nghĩa là ông cho học viên hỏi, nêu tất cả những điều còn chưa rõ, chưa hiểu, mà tôi nhớ ông nói là "trên trời dưới đất". Sau cùng ông mới giải thích tất cả những thắc mắc của chúng tôi.

Như trên đã nói, Lớp 28 được tổ chức theo cách thức rất đặc biệt, các học viên được tiếp thu không chỉ các kiến thức về lý luận tình báo từ ông Năm Phương và các giảng viên, mà còn cả những kinh nghiệm thực tiễn từ lớp cán bộ đi trước truyền đạt lại. Các "ông già" chỉ kể về cuộc đời hoạt động của mình, nhưng luôn gắn chặt với lý luận và nghệ thuật tình báo. Giờ học nào cũng diễn ra theo cấu trúc tương tự: Giảng viên đưa ra lý thuyết, sau đó các "ông già" kể về những bài học, câu chuyện mà mình trải qua, cuối cùng là màn hỏi đáp giữa thầy và trò. Đây là một phương pháp giảng dạy hết sức hiệu quả và sâu sắc. Nếu như vào khoảng đầu khóa học, chúng tôi vẫn phải tham khảo ý kiến từ các cán bộ đã học qua trường tình báo, thì tới giữa khóa họ đều lắc đầu tuyên bố "hết vốn".

Thế nhưng không phải là không có tranh luận xung quanh cách giảng dạy của khóa học 28. Chủ yếu là có khi thầy giảng lý thuyết một đằng, còn các "ông già" lại kể thực tế

một nẻo. Cho tới cuối khóa, chúng tôi hỏi thầy Năm Phương vì sao lại có sự khác biệt này? Ông bình thản trả lời:

- Tất nhiên là như vậy. Đó chính là khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn. Đây cũng là bài học thứ mười cho các cậu: phải sáng tạo, quyết đoán, tự chịu trách nhiệm trước mọi tình huống.

Kết thúc khóa học, chúng tôi tổ chức một bữa rượu ra trò, bởi lúc đó học viên của lớp 28 ai cũng là "dân nhậu" thứ dữ. Thế nhưng trong suốt quá trình học, chúng tôi không đụng đến một giọt, do bị cấm, nhưng cũng vì không có thời gian rảnh.

Đây cũng là lần đầu tiên tôi chứng kiến hai ông Vũ Chính và Ba Quốc uống nhiều theo kiểu "trăm phần trăm". Có lẽ hai ông già đều vui trước kết quả khả quan của khóa học đặc biệt này.

Sau này, dù được đào tạo qua nhiều khóa học tình báo, từ ngắn đến dài hạn, rồi nghiên cứu sinh về khoa học, lý luận tình báo ở trong và ngoài nước, nhưng cá nhân tôi chưa từng trải qua khóa học đáng nhớ nào như khoảng thời gian 28 ngày đó. Khóa tập huấn 28 đối với tôi là một vốn quý to lớn trong hành trang của mình khi bước vào ngành Tình báo.

TÔI LÀM ÔNG BA BĂN KHOĂN

Đó là vào thời điểm đầu năm 1986.

Sau hơn hai năm phục vụ ông Ba, tôi cũng có một vài kế hoạch được đánh giá là thành công và dần được ông tin cậy.

Một hôm, ông Ba giao cho tôi làm việc với một tên tù binh Khmer Đỏ. Cũng như mọi lần, tôi cùng Thạnh trao đổi, phân tích, phối hợp với lực lượng bạn để khai thác tên này. Tuy nhiên, toàn bộ trách nhiệm về nội dung công việc lẫn đảm bảo an toàn cho "khách" đều thuộc về phía ta.

Sau một đợt làm việc dài và khó khăn không ra được thông tin, chiều hôm đó khoảng 4 - 5 giờ, tôi đi tắm ở bể nước công cộng rồi ôm đống đồ vừa giặt lững thững về chuẩn bị ăn cơm để tối làm tiếp, thì thấy Thạnh chạy ra hớt hải:

- Chết rồi anh ơi, thằng kia đập đầu tự tử!

Tôi vội vàng quăng cả mớ quần áo chạy vào.

Vào đến nơi thấy tên đó tự đập đầu mình, máu me tùm lum. Tôi vội bế hắn lên, gọi quân y cấp cứu, sau đấy báo cáo ông Ba. Ông hỏi ngay:

- Nó có chết không?

- Không ạ!

- Vậy cố mà lo cho nó. Nhưng cậu làm thế nào mà có chuyện đó?

- Cháu không làm gì cả, thậm chí rất tử tế với hắn, trong khi nói chuyện cháu cũng chỉ buộc hắn phải nhận tội.

- Cậu dồn như thế làm gì nó chả đập đầu! Vào đây 10 phần thì biết chết 11 phần, nhưng không một người nào mà không hy vọng dù chỉ là một phần triệu của sự sống, có thể ngày mai trời sập vẫn hy vọng sống. Thế mà cậu để nó tuyệt vọng thì không đập đầu mới lạ.

Nghe xong tôi thấy ngay mình sai.

Ông Ba ngồi ở góc bàn, gọi Thạnh kêu quân y vào chăm sóc cho tên kia, rồi dặn:

- Chăm sóc nó tối đa, cứu cho nó sống!

Rồi ông ký cho thêm tiền mua thuốc. Tôi cứ ngồi đó nghe ông chỉ đạo. Xong việc, tôi hỏi ông:

- Thưa chú, cháu có phải đi "nấu cơm" không? (ý là có bị phạt, treo công việc rồi xuống bếp nấu cơm ít ngày - TG).

Mặt ông nghiêm, nhưng vẻ mặt ấy bây giờ tôi hình dung có lẽ ông cố nhịn cười. Ông bảo:

- Bây giờ nó đang ốm thế mà cậu không lo, lại nói chuyện cơm nước gì. Làm sao cho nó khỏe lại và phải chăm sóc nó thật lòng.

Đấy là lần đầu tiên tôi làm ông thất vọng vì sự non nớt, vì hăng hái nhưng thiếu kinh nghiệm của mình. Lúc ấy tôi 27 tuổi.

Tôi bảo Thạnh:

- Tôi với cậu nhịn ăn, nhịn uống cũng được, nhưng phải lo cho nó sống. Giá có nén hương tôi khấn trời đất cho nó sống, chứ nó chết mình cũng chết.

Chúng tôi chăm lo cho tên này chu đáo, tận tình, thật lòng chỉ sợ hắn chết thì hỏng việc. Đến tối, hai thằng thay nhau canh, không có giường chiếu, tôi phải mang cái chăn trải cho hắn, kê gối, thấy hắn cựa quậy là bóp chân, bóp tay, cứ lo "nó làm sao thì mình phải đi nấu cơm chết cha!".

Khoảng 3 - 4 giờ sáng hôm sau hắn tỉnh, mắt chỉ mơ màng mở chứ không nói năng gì. Đến gần sáng hắn tỉnh hẳn, mở mắt ra.

Vì không có ông Ba ở đó nên tôi lại mắc lỗi thứ hai.

Lúc đó Thạnh chạy ra bảo:

- Anh ơi, hắn tỉnh rồi, đang đòi uống nước!

Tôi mừng lắm chạy vào, vội lấy nước, pha sữa đưa hắn uống, rồi hỏi:

- Có ăn gì không? Uống thuốc đi!

Hắn thều thào hỏi:

- Tôi có được sống không?

Vì những gì ông Ba đã dặn trước đó nên tôi nói rất hùng hồn:

- Nhất định anh phải sống, anh còn gia đình, chúng tôi rất nhân đạo...

- Tôi biết là tôi có tội với Việt Nam, tôi xin nói hết.

Tôi bảo hắn:

- Thôi anh đang mệt, nghỉ đi cho có sức, khi khỏe hắn ta sẽ làm việc sau.

Sau đó tôi bảo bác sỹ tiêm cho hắn liều thuốc ngủ.

Sáng 6 giờ 30 phút ông Ba từ trên Đoàn xuống, hai thằng phấn khởi lắm, báo cáo:

- Thưa chú hắn đã tỉnh và nói xin khai rồi.

- Nó khai thế nào?

- Thưa chú, cháu bảo hắn cứ nghỉ đi, rồi giao quân y tiêm thuốc cho hắn ngủ để sáng dậy làm việc.

Ông ngơ ngác:

- Sao?

- Dạ thưa chú, có...

- Vào ngay! Hỏi ngay xem nó có nói được câu nào không? - Ông giục rồi không nói gì nữa.

Tôi chạy vội vào.

Đáng lẽ tên kia khoảng 9 - 10 giờ mới tỉnh nhưng chờ đến 8 giờ tôi sốt ruột quá liền bảo Thạnh:

- Thôi dựng nó dậy đi!

Dựng hắn dậy, kêu hắn khai, hắn bảo:

- Tôi mệt lắm, cho tôi lúc khác.

Cũng chưa dám báo cáo ông Ba, để tiếp đến trưa, hắn khỏe hơn, ăn được cháo, lại bảo hắn:

- Anh khai đi!

Hắn lại bảo:

- Lúc đó tôi đau đầu quá, không tỉnh táo, giờ tôi không nhớ được đã nói gì.

Tôi ra báo cáo với ông Ba là hắn nói như thế, ông ngồi lắc đầu.

Tên này lúc đó khoảng 55 tuổi, tức là hơn tôi gần 30 tuổi. Ông Ba bảo:

- Đối đầu với tên cáo già như nó mà các cậu trẻ và non như này không biết có làm được không?!

Ông thả một câu như thế. Đó là suy nghĩ thật của ông.

Rồi ông giải thích:

- Với loại kẻ địch cáo già, lúc sinh tử thì có thể nó nói, nó chưa định hồn lại thì nó nói, còn khi nó tỉnh hồn lại thì cậu đừng mong nó nói gì nữa - đấy là quy luật thường xảy ra. Khi bị một cơn sốc thì có thể nó nói để níu kéo sự sống, nhưng khi đã qua cơn sốc, đã hồi lại thì nó sẽ không mở miệng dù mình có cạy răng. Bây giờ những việc tiếp theo với nó sẽ còn khó hơn lúc đầu.

Ông nói thế, tôi hiểu hết, nhưng đau lòng nhất là câu: "Đối đầu với những tên cáo già như nó mà các cậu trẻ và non như thế này không biết có làm được không?!".

Ông Ba nói vậy là lo cho chúng tôi, nhưng tôi thấy cái "non" của mình tai hại quá. Thế nhưng lúc đó vẫn không thấy ông nói năng gì đến chuyện tôi phải đi nấu cơm.

Sau này mới ngẫm ra, có bị đi nấu cơm thì cũng chẳng ai làm vì vụ này chúng tôi đã theo mấy tháng trời, "đổi tay" lúc đó cũng khó lắm.

Tôi gặp một tù binh cùng nhóm với tên kia, nhưng hơn tuổi hắn. Tên này nhăn mặt:

- Ông này là thành viên của Đoàn cố vấn Pol Pot chỉ đạo diệt chủng, giết người không ghê tay. Khmer Đỏ chúng tôi sợ nó lắm!

Sau đó tiếp tục khai thác tên tù tự tử hụt mất khoảng hai tuần, đúng là hắn không khai gì thật, nhưng vô tình sau này tôi hiểu hắn đánh giá mình rất thấp, kiểu: "Mấy thằng này non, không ăn thua!".

Rồi một thời gian, hắn bắt đầu nói chuyện, câu chuyện dài, lòng vòng, đêm hôm ấy hắn bảo:

- Tôi nhớ vợ tôi quá!

Thấy tôi không nói gì, hắn lại tiếp:

- Ông có thể đến nhà tôi hỏi thăm tình hình vợ con tôi thế nào được không?

Do không hiểu ý hắn nên tôi không trả lời, hắn lại dấn thêm:

- Nếu ông cho tôi thông tin vợ con tôi, miễn chỉ cần khỏe mạnh, thì tôi hậu tạ ông.

Cũng may lúc bấy giờ mình không từ chối hay nhận lời. Hắn nói tiếp:

- Nhà tôi các ông biết hết rồi!

Mà lần này hắn nói tiếng Việt.

Tôi ra báo cáo với ông Ba, ông bảo tôi thuật lại thật kỹ cho ông nghe rồi nhận định:

- Riêng việc nó nói tiếng Việt đã là thành công rồi. Cậu phải hỏi nó vì sao biết tiếng Việt, và nếu mình nhận về thăm gia đình nó thì cần làm cái gì?

Đúng sau đó hắn khai nhận là người Việt lai Hoa, gốc Campuchia, từng chạy về Sài Gòn sau năm 1975 để tránh Pol Pot, nhưng không nhận làm địch ngầm cho Khmer Đỏ. Sau đó, tôi đặt vấn đề sẽ qua nhà hắn để báo tin, tên này hỏi tôi:

- Ông suy nghĩ kỹ chưa?

- Tôi đang hỏi xem nhà anh ở đâu, vì đơn vị khác đưa anh vào đây.

- Các ông biết rồi tôi chả giấu.

Xong hắn chỉ đúng nhà mình, còn dặn tôi về đó gặp vợ hắn thì nói: "Chồng bà đi làm ăn xa không kịp báo, ông chỉ hỏi gia đình có khỏe không?".

Tôi bảo với hắn là "để tôi xem" (theo đúng kịch bản ông Ba dặn). Cảm thấy "ngon ăn" rồi, thậm chí tôi đã nghĩ trong bụng: "Cần thì bắt luôn cả vợ hắn, vì khi giao tiếp như thế sẽ tạo được chứng cớ để buộc hắn khai". Nhưng khi báo cáo, thấy ông Ba chần chừ rất lâu, tôi nói với ông:

- Thưa chú tối nay cháu lại vào.

- Thôi! Cậu đừng vào nữa...

Cả đêm ấy không động tĩnh gì. Sáng hôm sau ông bảo tôi, giọng vẫn ngần ngừ:

- Thôi cậu vào đi, nhưng phải nói thế này... Nhớ đừng để lộ với hắn là cậu đã bàn với tôi, rồi hỏi nó nếu nhận lời thì cậu được gì?

Tôi vào thông báo đã tìm thấy nhà hắn rồi, hắn bảo:

- Khoảng 5 giờ chiều vợ tôi hay đứng ở cửa. Ông đến bảo là tôi đi xa không kịp báo về, bảo vợ tôi gửi cho tôi một cây vàng, và vật gì đó làm tin để tôi tin là ông gặp vợ tôi rồi, quay trở lại đây thì cây vàng đó là của ông.

Lúc đó Phnom Penh rất an toàn, quyền hành trong tay mình, không có gì đáng ngại trong việc đến nhà một phụ nữ bảo "chồng bà đi vắng, gửi cho ông ấy một cây vàng". Toàn bộ lực lượng an ninh tình báo bạn cũng không hề hay biết, câu chuyện đơn giản, kịch bản đơn giản, tôi rất thoải mái, chuẩn bị chiều đến nhà hắn.

Đến nơi, theo thói quen tôi kiểm tra xung quanh, vô tình nhìn ngay thấy mấy cậu lính Đội Z lảng vảng ở đó. Đội này vốn chơi thân với tôi nên không khó để nhận ra. Tôi không vào mà đi lòng vòng một lúc, lại thấy người của Đội Y - mà đích thân ông Lưới đội trưởng cũng đang ngồi uống cà phê cách đấy vài trăm mét. Tôi không hiểu sao ông Ba rải các đội ngoại tuyến đông thế, bèn quay về.

Về, ông Ba hỏi:

- Thế nào?

Tôi không dám ra mặt hậm hực nhưng giọng thì kiểu tự ái:

- Cháu không thấy có gì bất thường, nhưng Đội Z và Đội Y rải quân đông quá, như thế khác nào báo cho Công an bạn đến "dọn" cả nhà tên này đi.

Lúc bấy giờ tôi thấy ông cũng hơi ngại ngùng, đúng là ông giấu tôi kế hoạch này. Rồi ông bảo:

- Không sao, tôi lo cho an toàn của cậu nên bảo các cậu đó phòng hờ.

Cả đêm đó tôi không ngủ, nghĩ: "Hay ông Ba nghi ngờ gì mình vì dính đến tiền?".

Sáng hôm sau mặt tôi rất nguội lạnh, kiểu dỗi.

Đội Z là do tôi làm tham mưu chỉ huy, thế mà ông không nói gì với tôi, lại lệnh cho tụi nó làm. Tôi nghĩ bụng: "Lần này gặp tay Ẩn chết với mình".

Trưa đó tôi hỏi ông:

- Thưa chú cháu có tiếp tục kế hoạch không?

- Cậu cứ làm đi!

Mặt ông lúc đấy rất trầm ngâm, tôi không hiểu lý do gì.

Chiều hôm đó đến gặp, vợ tên tù Khmer Đỏ đã từng sống ở Sài Gòn nên nói tiếng Việt lơ lớ:

- Vâng, tôi là vợ ông ấy.

- Chồng bà đi làm ăn xa không kịp báo, ông ấy bảo bà gửi cho ông cây vàng.

Tôi nói thế nhưng cũng không tin. Trước đó tôi còn nói với ông Ba: "Cháu sợ nó không đưa", vì một cây vàng khi đó to lắm. Nhưng ông bảo: "Không, nó quy ước với vợ nó rồi, trong hậu địch mà đi đâu ra khỏi nhà đều dặn vợ nhỡ

bị bắt thì ăn nói thế nào". Khi ở Sài Gòn, ông cũng từng dặn bà Xuân sẽ phải nói gì khi gặp tình huống như thế.

Vợ hắn nghe xong bảo:

- Ông chờ tôi một lát! - Rồi vào lấy ra một cây vàng.

Ôi trời, hồi đó nhìn thấy cây vàng còn lo hết hơi, nghĩ bụng: "Mất thì chết!".

Người vợ còn lấy ngay cái bùa đeo cổ của con mình để gửi cho chồng. Tôi về đưa ông Ba, ông cho chụp ảnh xong bảo:

- Cậu cầm vào đưa cho nó!

Tôi vào đưa cho tên kia cây vàng và cái dây đeo cổ, hắn nhìn một lúc rồi bảo:

- Đúng rồi!

Còn cây vàng hắn bảo tôi:

- Anh cầm đi!

Lúc đó thái độ của hắn với tôi khác 180 độ so với trước. Hắn không kìm được, tỏ vẻ: "Thằng này mắc rồi!".

Hắn nói chỏng lỏn:

- Anh cầm đi!

Giọng kiểu như cho mình. Trước đây hắn gọi tôi bằng ông, có lúc còn quỳ xuống xin cốc nước, nhưng sau khi đưa tôi cây vàng, hắn đổi giọng, bảo tôi:

- Anh cất hộ tôi cái dây chuyền này!

Hắn sợ bị khám nên đưa tôi cái bùa đeo cổ của con hắn. Tôi không cầm, thế là hắn đập tan cái bùa, ném vào cầu tiêu luôn. Xong hắn hỏi tôi:

- Giờ anh có muốn có nhiều tiền không?

- Làm thế nào để có nhiều tiền?

- Tôi chỉ nhờ anh một việc thôi, tôi gửi cái áo này về cho vợ tôi làm tin, anh đến đưa cho vợ tôi cũng được mà hẹn chỗ khác cũng được, anh sẽ có 5 cây vàng.

Do ông Ba dặn trước, nên tôi bảo:

- Vàng ông cho tôi nhiều thật đấy, nhưng chưa đủ.

- Nhiêu mới đủ? Nhưng mà cứ làm đi!

- Sau khi đưa vợ ông cái áo đó tôi phải làm gì?

- Cứ làm đi khắc biết, cứ làm nhiều là có tiền nhiều.

Lúc này tôi vẫn trong tâm trạng bức xúc với ông Ba, nghĩ: "Ông ấy không tin mình. Nó coi thường vì mình còn trẻ, còn ông Ba...?". Suy nghĩ ấy cứ ấm ức suốt từ mấy hôm trước không nguôi. Xong lại nghe tên này đổi từ giọng xin mình cốc nước, chén cơm, xin mình cho ngủ một giấc mà giờ lại lên giọng kẻ cả, bề trên. Thế là cục tức dồn lại, tự dưng lúc ấy tối tăm mặt mũi, cơn giận phừng phừng nổi lên, tôi đập cho hắn một trận rồi hầm hầm quay ra.

Sau đó, tôi đến báo cáo ông Ba:

- Thưa chú cháu nhận khuyết điểm. Thằng này cháu không làm được, trước sau nó cũng lừa mình thôi, nó chống mình đến cùng. Tóm lại hỏng kế hoạch chú ạ!

Ông Ba nhìn tôi:

- Tôi rất cần cái áo đó, bởi tên này có thể dùng nước cơm (như một thứ mực mật - TG) để viết lên áo rồi nhờ chuyển cho vợ. Nếu lấy được cái áo thì mình vừa có tang chứng, vừa nắm được ý đồ của nó. Nhưng với thằng này thì đúng như cậu nói, có làm được gì thì nó vẫn chống mình đến cùng, không hy vọng qua việc này mình tiến xa hơn được.

Như vậy, nhưng tôi vẫn không phải đi "nấu cơm".

Sau này khi chén rượu cuộc trà với ông Ba, tôi mới hiểu, thực ra "nấu cơm" là một kỹ thuật của ông để anh em nghỉ ngơi sau một thất bại, để chiêm nghiệm lại nguyên nhân không thành công của mình, nhưng cái chính là để có thời gian hồi tâm lại trước khi đi làm việc khác.

Câu chuyện chỉ đến thế. Khép lại ở đó. Thất bại. Trận ấy thua trắng. Đó là câu chuyện tôi không thể quên. Câu chuyện với tên địch ngầm Khmer Đỏ sau này đi theo hướng khác và đã giải quyết được.

Trong suốt hành trình làm học trò của ông Ba, ông đã đặt vào tôi một thứ lòng tin trong suốt, không tưởng tượng được. Tôi luôn làm thật tốt, thật trung thực mọi việc để có được lòng tin của ông, nhưng chỉ mỗi chuyện về tên tù ngày đó khiến tôi cảm thấy ông chưa thật tin tôi. Trong một bữa cơm ở Hà Nội hay ở Sài Gòn gì đó tôi không nhớ rõ, tôi "xả" nỗi niềm ấm ức của mình với ông:

- Thưa chú, có một lần duy nhất cháu nghĩ là chú không tin cháu, là vụ tên... không biết có đúng không?

- Tôi nói thật, quyết định để cậu làm vụ đó nhưng thực sự tôi không muốn. Với những gì tôi hiểu được thì cậu không chỉ dừng lại ở cương vị của ngành Tình báo mà còn phát triển lên cao nữa. Tôi không thể để người có tương lai như vậy mà dính vào tình báo của địch. Ngành này "bạc" lắm. Quan hệ dù là mật nhưng sau này khi tôi không còn, số anh em này không còn thì ai làm chứng cho cậu, biết đâu được. Nhưng mà rất may là tôi bị hỏng một kế hoạch, nhưng tôi lại nhận được một lòng tin ở cậu.

Nghe ông nói mà tôi... sởn da gà. Sau hơn mười năm ông mới nói với tôi như thế.

Sau này vợ tôi kể lại là ông từng nói với vợ tôi: "Cậu ấy đặc biệt thông minh. Những gì ba cậu ấy để lại cậu ấy đã tiếp thu được hết, dù ông mất từ khi cậu ấy còn rất nhỏ. Cho nên cậu ấy sẽ có một tương lai không dừng ở vị trí chỉ huy tình báo và nghề tình báo".

Đúng như ông đã phân tích rằng ông băn khoăn không muốn tôi dính vào chuyện ấy, vì nghề tình báo bạc lắm, "anh thành công hôm nay, nhưng ngày mai người ta chụp cái ảnh rồi nghi anh dính vào tình báo địch thì cãi đi đâu, ai làm chứng?". Ông lo lắng lúc đó nếu ông mất rồi thì tôi "cãi" làm sao.

Qua thất bại ấy, tôi mới thấu hơn tầm nhìn xa của ông Ba, một tấm lòng, một tình thương của ông là như thế, chứ không phải thương mà chiều chuộng, mà tạo sung sướng cho tôi, mà để giúp tôi những việc cụ thể. Ông thương tôi ở chỗ lo cho tương lai của tôi, lo cho cái trung trinh của tôi với điều hay lẽ phải ở đời.

Tôi ngộ ra rằng, ông muốn tôi hiểu được ý ông, kiểu như: "Cậu đóng một vai thật xấu để thành công thì tốt, nhưng vai phản diện ấy mà cậu đóng giỏi quá thì coi chừng tôi nghi cả cậu. Vai đó nó "gãy" giữa chừng là phải thôi, vì bản chất của cậu không thể đóng được vai ấy".

Ông bảo:

- Tôi biết cậu không thể đóng nổi vai ấy đâu, nhưng cứ thử để cậu làm xem thế nào, chứ thằng này có làm được thì nó cũng không theo mình, cũng không chịu dừng lại đâu.

Nó còn dụ cậu làm nữa, nhận tiền nữa. Đến khi vào bẫy rồi thì nó sẽ ép cho đến khi cậu giúp được nó vượt ngục thì thôi. Còn sau đấy nữa...

Tôi nghe, tôi nghĩ mà rùng cả mình.

Tôi còn nhớ một câu chuyện xảy ra vào năm 1988, khi vợ tôi có bầu đứa con thứ nhất. Hồi đó, có một loạt kế hoạch rất khẩn trương để chuẩn bị rút quân. Tôi trực tiếp là người tham mưu và ông Ba là người quyết định, sau đó theo lẽ thường tôi phải tham gia các kế hoạch đó, nhưng ông Ba không cho làm. Tôi ngạc nhiên vì mình là người xây dựng kế hoạch nhưng lại bị ông cho đứng ngoài. Tôi bảo Ẩn là tôi cùng đi làm, nhưng Ẩn bảo: "Anh để tụi tôi làm!". Tôi sững sờ, mọi lần Ẩn hay muốn kéo tôi vào, giờ lại muốn tôi né. Sau gặng hỏi mới biết ông Ba cấm Đội Z cho tôi tham gia. Lúc bấy giờ tôi cũng bắt đầu trưởng thành rồi nên ăn nói cũng bạo hơn, đến gặp ông, bức xúc:

- Thưa chú, cháu xây dựng kế hoạch mà chú không cho cháu tham gia thì còn ra gì? Bảo nguy hiểm thì ai mà không nguy hiểm, kể cả chú còn xách súng đi với chúng nó cơ mà.

- Tôi không sợ cậu nguy hiểm, nhưng vợ cậu sắp sinh, nó liên quan đến chuyện sống - chết, nên tôi không muốn cậu dính vào. Khi nào vợ cậu sinh xong thì muốn đánh đấm thế nào cũng được.

Ông quan tâm đến tôi theo kiểu như thế. Những gì ông Ba nói khiến tôi nghĩ rằng: "Mình có cố biết bao nhiêu nữa cũng không thể bắt chước hay theo ông được vì ông có một cái nhìn rất xa".

ĐI GIỮA HAI MÙA

❖ Ông Ba chuyển xuống ở Đội X

Ở Campuchia chỉ có hai mùa, mùa khô sau tháng Mười và mùa mưa sau tháng Tư.

Mưa Campuchia kỳ lạ, như người ta dùng thùng nước đổ xuống đầu. Mưa liên tục, xối xả, mưa trắng trời trắng đất. Những cơn mưa như thế ở Việt Nam dài lắm chỉ một ngày, nhưng ở Campuchia có thể tới chục ngày, mưa liên tục tầm hai tiếng thì ngập thành phố. Những lúc mưa như thế thì cá lên, tôm lên, có những con trăn to gần bằng bắp chân cũng lên, bò lổm ngổm trên đường. Trong khi đó mùa nắng thì cháy hết cây cỏ. Cái lá khộp ở trong rừng giống như lá bàng, to bằng cái quạt rơi xuống đất thành từng lớp, từng lớp. Dẫm chân lên thì lớp lá ấy vỡ ra hàng nghìn mảnh, tức là nắng đến mức lá giòn tan như bánh đa.

Ở Campuchia còn thêm một đặc điểm nữa, đó là trời đất ở đây khác với Việt Nam mình, đất độc, nước độc, chướng khí độc. Cho nên bộ đội mình sau năm 1979 hy sinh vì Khmer Đỏ thì không nhiều, nhưng mất sức chiến đấu vì bệnh thì rất nhiều, đặc biệt là sốt rét. Bộ đội mình cứ đi một lần vào rừng là bị sốt rét. Có một điều rất lạ gọi là "nhớ rừng". Khi bị sốt rét một lần thì sau đó năm nào cũng sốt, năm trước sốt ngày nào thì năm sau sốt đúng vào cái cữ đấy. Lần đầu tiên tôi bị sốt rét vào năm 1985, sau ngày giỗ ba tôi. Rồi mãi đến bao nhiêu năm sau, cứ đến khoảng đầu tháng Bảy là tôi biết thể nào cũng sốt rét.

Ở Campuchia sốt rét nhiều, người ta bảo do muỗi, nhưng người già Campuchia thì lại bảo không phải. Sau này tôi cũng chứng thực là không phải, sốt rét là do nước.

Nói rừng thiêng nước độc chính là thế!

Hồi mới sang tôi không biết, sau này cùng với bộ đội đi hành quân (tụi tôi hồi đó gọi là "đi khách", thường đi cùng trinh sát của các Mặt trận) giữa đường thấy một con suối, nước trong vắt, rất mát, việc đầu tiên là vục tay xuống táp lấy táp để nước lên mặt, sau đó uống mấy ngụm thật to, ngọt lịm. Thậm chí khi có thời gian thì cởi cả quần áo xuống suối tắm, nước trong vắt, mát rượi, khoan khoái không thể tả. Có điều khi mình bước xuống suối, dù nông hay sâu đều bị thụt đến giữa bắp chân, không phải là bùn mà là lá mục, ở dưới lớp lá mục là đá. Những lúc ấy, các anh bộ đội sang Campuchia trước, có kinh nghiệm hơn, nói: "Chúng mày như thế này thì chết. Tắm, rồi lại uống thế này nước độc nó ngấm vào người, trước sau về cũng sốt rét".

Quả đúng như thế, sốt rét thật.

Đi vào những chỗ như Sisophon, Pailin, Ta Xanh Xam Lot... - vùng Tây Bắc Campuchia, ven các căn cứ Khmer Đỏ, những chỗ rất ít người đến, ở cửa rừng có những bức tượng voi bằng đá rất to, tất cả đầu voi đều quay ra ngoài. Người ta nói các tượng voi đó có từ hàng trăm năm trước, những chỗ đặt tượng ấy người ta hàm ý là "đến voi còn không sống được, phải quay ra, nên con người đừng có vào". Thế mà những chỗ đó lại có hai đối tượng vào được, một là Khmer Đỏ, hai là bộ đội mình. Cho nên, đánh vật với Khmer Đỏ là một phần, phần nữa là đánh vật với khí hậu.

Kinh nghiệm ở xứ người không ai hơn các bà mẹ già, nếu người ta ghét, không nói cho biết là mình gánh đủ. Còn người ta thương thì họ nói những kinh nghiệm không thể nào tự mình biết được.

Hồi đó, lần đầu tôi bị sốt rét, sau đó chuyển sang sốt rét ác tính.

Không thể quên được sốt rét ác tính nó độc đến thế nào, từ 60 kilôgam tôi sụt chỉ còn gần 50 kilôgam, mất hơn 10 kilôgam trong một tuần, người đi không vững, không thích hợp nổi với cơ thể mới, cứ nhẹ tênh tênh, chông cha chông chênh. Sốt nhưng lại rét, rét từ trong gan trong ruột rét ra, rét đến mức không có chăn nào làm cho ấm được, gí điếu thuốc lá đang cháy vào người vẫn thấy rét. Khi sốt rét, có hai cái cấm kỵ, là phơi nắng và đứng ở chỗ gió. Lúc ấy trời Campuchia thì nắng, tôi mò ra giữa nắng co ro sưởi, lỗ chân lông nở ra, khoan khoái làm sao, cảm giác người ta ví von "phê thuốc phiện" chắc cũng sướng tê như thế là cùng. Tôi cứ nằm phơi liên tục như thế. Mấy bà mẹ già Campuchia đi qua thấy thế bảo:

- Này, đi vào đi! Đau (ốm) rồi đúng không? Đau mà phơi nắng thế này là chết đấy!

Một bà cầm tay tôi nhìn thấy lỗ chân lông (bây giờ kể lại tôi vẫn thấy nổi da gà), bảo:

- Lỗ chân lông nó nở to thế này cái lạnh nó sẽ nhập vào cơ thể đấy!

Đúng là đến tối thì chuyển sang ác tính. Sốt liên tục trong 3 - 4 ngày liền, trẻ con sốt 40 độ còn chữa được chứ người lớn mà 40 độ thì rất nguy. Lúc bấy giờ bị lạc thần

rồi. Có những người lạc thần thì nổi điên, có người thì trèo chon von tận ngọn cây, còn tôi lúc bấy giờ bẻ cái xi lanh cào vào tay đến chảy máu... Trong đơn vị có ông khi bị sốt rét lò mò ra ngoài đi tiểu, đáng ra phải đi ở chỗ kín thì lại đứng đúng chỗ gió, thế là trúng gió, ngã nhào xuống cái hố nước, bê bết nước tiểu, bùn đất, toàn thân bẩn thỉu, hôi hám kinh khủng. Khiêng vào, nghĩ phải tắm cho ông ấy không thì hôi quá, nhưng mấy anh có kinh nghiệm lại bảo: "Trùm cái chăn vào, ủ ấm cho nó. Kệ, bẩn cũng phải chịu!". Vậy là cứ nằm thế hôi rình đến hết cơn sốt.

Ở đơn vị chúng tôi, thỉnh thoảng lại có một đội công tác xuống các địa phương, nên hầu như ai cũng dính sốt rét, sốt nóng, như là một đặc sản chung của những người lính ở Campuchia vậy.

Khoảng năm 1986, ông Ba bảo với anh Hùng, Đội trưởng Đội X:

- Cậu dọn cho tôi một cái phòng, tôi xuống đây ở.

Hỏi ông xuống đây làm gì, ông bảo:

- Tôi ở đây giúp các cậu làm việc. Với lại có thời gian nghiên cứu tài liệu.

Hồi đó làm đêm liên tục, nhiều kíp, mỗi kíp 2 - 3 người. Rồi còn các buổi "sinh hoạt nội bộ" trong bữa cơm chiều của đám cán bộ trẻ. Chúng tôi bảo nhau:

- Ông Ba xuống đây thì khó quá, sợ nhất là ăn ở lôi thôi, không đảm bảo sức khoẻ. Ông mà bệnh một cái thì to chuyện lắm.

Mà rất lạ, tụi trẻ thì sốt rét, sốt nóng rồi đủ thứ sổ mũi, hắt hơi... thế nhưng ông Ba cứ khơi khơi hàng năm trời không ốm đau gì cả.

Cuối cùng lệnh ông Ba thì phải làm.

Ông chọn cái phòng bé tý, cửa trông ra dãy hành lang. Tôi nhớ mãi tiếng chân ông mỗi khi tôi làm đêm. Đó là những lúc thực hiện kế hoạch khẩn trương, đám trợ lý ở bên trong thì căng não làm việc, ông Ba ở ngoài thì sốt ruột đi tới đi lui. Hành lang rất vắng vì ở đó không ai được đi lại. Những buổi đêm, khi vào chiến dịch, cả một dãy phòng làm việc có cửa mở phía trong, còn tất cả những cửa sổ hướng ra bên ngoài đều được đóng đinh kín hết lại. Không biết người khác thế nào, chứ tôi làm việc ở đấy mà nghe tiếng bước chân ông Ba đi đi lại lại thì sốt ruột kinh khủng, y như là thúc mình phải làm bằng được, giục mình phải làm nhanh lên. Ông Ba đi lại không phải là tập thể dục, mà bản chất ông là người ít nói, ít họp hành khi không thật cần thiết. Ông dành nhiều thời gian cho suy nghĩ và có thói quen cứ suy nghĩ là đi đi lại lại. Ông nghĩ gì thì không ai biết, nhưng có lẽ là về công việc.

❖ Những bữa cơm chiều

Trong thời gian ông Ba ở Đội X, những bữa cơm chiều tôi là người được ngồi ăn cùng ông. Tôi cảm giác ông ăn mà như là "ăn kỷ niệm" của ông, chứ không phải ông ăn cho ngon. Ông thích ăn món cá rán giòn cuốn rau cải, lạc rang, đậu phụ luộc... nhưng kiểu ăn của ông là "ăn quá khứ".

Ông vừa ăn vừa kể, nhấm nháp một tý rồi lại kể: Ngày xưa tôi như này..., như kia...

Cậu Chất phục vụ ăn uống cho ông suốt cả một thời gian dài thường than với tôi:

- Mỗi lần nấu cho ông Ba món sơn hào hải vị hay món gì bổ dưỡng thì phiền lắm. Ông bảo là: "Tôi không quen ăn thứ này", thế là tụt cả hứng.

Món ăn của ông được cấp dưới chuẩn bị, thi thoảng thì một vài món để ông nhấm rượu, không bao giờ thiếu đậu phụ luộc, lạc rang. Bữa nào sang thì một vài con cá bống chiên giòn, quấn với lá rau cải non, hoặc con cá lóc hấp lên, ăn theo kiểu miền Bắc.

Gọi là cơm chiều nhưng buổi chiều ông không ăn cơm, đến mãi sau này vẫn vậy, ở Hà Nội hay Thành phố Hồ Chí Minh ông đều ăn như thế.

Ông Ba ăn sáng thì nhiều hơn cả thanh niên, không ít lần cùng ông đi ăn sáng mà tôi thấy... sợ. Tức là một tô phở đầy ngút, ông ăn ngon lành, làm tôi có cảm giác như ông nạp năng lượng cho cả một ngày. Ông ăn rất chỉn chu, hết bát phở, còn thêm hai quả trứng chần.

Bữa trưa ông ăn cùng với bộ đội. Còn bữa chiều khi ở trên Đoàn, ông thường ăn một mình. Khi xuống Đội X thì ông gọi tôi vào, hai thầy trò nhâm nhi.

Rượu thầy trò tôi uống chủ yếu là rượu trắng, nấu bằng ngô, sắn. Campuchia có loại cây ô môi, lá như lá me, quả dài tròn như quả phượng, bẻ ra trong có hạt dính nhựa, ngâm trong rượu 5 - 10 phút nó tan ra, uống như thuốc bắc, ông Ba rất thích, ngon mà không mất tiền mua. Anh em chúng tôi cứ đem rượu trắng để đó, khi bày món ăn xong

xuôi mới rọc trái ô môi thả vào rượu, hai thầy trò lai rai chờ hạt tan. Tôi ngồi rót rượu hầu ông, thầy một chén, trò một chén, giữa bữa thầy nửa chén, trò một chén, cuối bữa thầy nhấp môi, còn trò vẫn một chén.

Còn chuyện ngủ thì ông Ba không ngủ đệm mà chỉ thích ngủ chiếu, không phải vì ông không có tiền mà vì ông thích như thế. Ông kể với tôi: "Hồi xưa tôi đến khổ vì sở thích này trong địch hậu, vì trong địch hậu không ngủ đệm nó nghi ngay, cho nên buộc tôi phải ngủ đệm, nhưng mà tôi nhớ chiếu lắm cậu ạ!". Sau này, cứ có cái phản là ông trải chiếu lên ngủ. Hay việc ông tắm cũng ngộ, trong Nam người làm quan chức hay người giàu thường tắm "phông tên" - nói theo tiếng Pháp "fontaine" là vòi hoa sen, thì mới là thời thượng. Nhưng sau này cho đến khi sắp mất, ông cũng chỉ tắm mỗi một kiểu, đó là một cái chậu và một cái gáo để giội nước. Ông không bao giờ tắm vòi hoa sen, càng không bao giờ tắm bồn. Ông đi công tác ở đâu trên xe cũng luôn phải mang theo cái chậu và cái gáo để ông tắm.

Quay trở lại chuyện về những bữa cơm chiều, tất cả những gì ông Ba nói với tôi là kể lại cuộc đời hoạt động của ông. Đó là thời gian rảnh rỗi duy nhất ông kể lại chuyện về cuộc đời mình. Càng sau này câu chuyện càng đi sâu hơn vào chuyên môn.

Lúc đầu tôi rất vui, cảm thấy may mắn được ông chia sẻ những kỷ niệm của ông, đó là những điều người ta không dễ chia sẻ với ai được, nó vừa đời, vừa nghề - rất khó nói. Vì có khi nói về nghề thì lại không hiểu đời, nói chuyện đời thì không hiểu nghề. Sau này tôi hiểu, không chỉ là chia sẻ mà ngày càng tin cậy, ông nghĩ tôi là người ông cần bồi dưỡng.

Ông chủ định đào tạo, bồi dưỡng tôi bằng cách trực tiếp nhất như thế - mỗi câu chuyện là một bài học - bài học về nghề, về đời, về học làm người.

Ông Ba chưa bao giờ dạy nghiệp vụ tình báo ở trường, cũng không hề nói ở chỗ đông người về những điều riêng tư, nghề nghiệp của ông, mà chỉ nói riêng với tôi những điều ấy. Tôi là người duy nhất được ông dạy dỗ theo cách như thế.

Những bữa cơm chiều ở Phnom Penh thường kết thúc sớm, hôm nào muộn nhất cũng chỉ đến 7 - 8 giờ tối và sau đó nếu có việc thì tôi bắt tay vào làm luôn. Mọi người thường đùa nhưng cũng thật là thời gian làm việc của tôi thường bắt đầu từ 8 giờ tối. Sau khi đánh răng, rửa mặt, tắm, thay quần áo sạch sẽ là tôi ngồi làm việc. Làm đến khoảng nửa đêm, ngủ một giấc thì 6 giờ, ông Ba tới là dậy.

Tôi làm việc ở căn phòng rộng đằng sau, đêm ngủ luôn ở đấy, chỉ có mỗi cái chăn, chiếu trải ra ngủ, nóng cũng thế, mưa lạnh cũng thế. Có những hôm ngủ sớm và những đêm ngủ muộn, nhưng đặc biệt không bao giờ được đi đâu quá 9 giờ tối, đấy là kỷ luật chiến trường. Đi qua 9 giờ hoặc là anh vi phạm đạo đức, hoặc sự trung thành của anh bị nghi ngờ. Hai nữa là anh không được dậy muộn. Còn giấc trưa thì tùy lúc.

Nhớ hồi ông Ba còn ở trên Đoàn chưa xuống ở Đội X, chúng tôi cứ làm đêm xong là trải cái chiếu ra nằm ngủ luôn tại chỗ. Tối trước khi đi ngủ là dọn sạch sẽ đâu vào đó, mở toang cửa sổ cho bay hết mùi thức ăn, thuốc lá để sáng dậy chỉ cần cuộn tư trang là phòng lại tinh tươm, sẵn sàng làm việc. Đúng 6 giờ sáng là xe ông Ba có mặt trước cửa

đơn vị. Cái cổng sắt cũ hàn bằng tôn, khi mở cửa ra nó kêu đánh "kẹt", còn hiệu nghiệm hơn cả tiếng kẻng báo thức. Chỉ "kẹt" một tiếng là ai nấy lập tức chồm ngay dậy, động tác đầu tiên là vơ chăn màn chạy ra phía sau cất, xong đó chui ra cái bếp đằng sau vệ sinh buổi sáng. Khi ông Ba ngồi vào bàn thì tất cả mọi người đã chỉn chu rồi, không ai nói với ai, tất cả răm rắp như thế. Chúng tôi đều không muốn khi ông vào nhìn thấy chăn màn lôi thôi, hoặc là bản thân ăn mặc xốc xếch.

Cái đấy thì ông Ba không dạy nhưng chúng tôi ai cũng thuộc.

Ngoài việc ứng phó với tiếng kẹt cửa, tôi cũng muốn nói về những trò nghịch ngợm của bộ đội mình ngày ấy ở Đội X. Chuyện hơi đời thường nhưng cũng khá hài hước, đầy kỷ niệm.

Ở đơn vị có hai cái ao, mỗi bên có hai cái cầu ao của người Campuchia được bộ đội chế thành dạng "cầu tiêu".

Hai cái cầu ao ấy phản ánh nếp sản xuất thủy sản của người Campuchia cũng giống như người Nam Bộ mình. Hai cầu này có đóng, có mở, tức là con cá tra nó ăn đồ thải của người, sau khi con cá ăn chất thải của người khoảng sáu tháng thì mới ăn thịt được con cá đó. Nên cái cầu mở là cái cầu không được ăn cá mà chỉ có chức năng phục vụ "chuyện ấy". Khi đóng cái cầu ấy chuyển sang cầu bên kia thì sáu tháng sau mới được bắt cá để ăn. Thế nhưng hồi đó đói lắm, bộ đội mình... ăn tuốt.

Lúc bấy giờ bên cạnh Đội X còn có cái ao rất to bên ngoài, mỗi khi thèm ăn tươi là chúng tôi ra mò một lúc được cả thùng ốc bươu, những con ốc to tròn, béo vàng. Mang ốc

về nào là nấu chuối, nào là xào, nào là hấp... tất cả các thứ ngon kinh khủng. Phải nói đó là nguồn thức ăn hầu như không bao giờ cạn của chúng tôi hồi ấy.

Một hôm, vào dịp Rằm tháng Tư, vào dịp ấy người dân hay tát, dọn ao để đón mùa mưa và Tết Khmer. Bộ đội mình cũng ra ngoài cổng tát ao, đổ được hai đống ốc bươu rất to trên bờ. Người dân địa phương đi qua thấy đống ốc béo ú béo nần, dừng lại bảo: "Đấy là hồi xưa Pol Pot giết người quăng xác xuống dưới ao nên ốc ở đó mới béo như thế...".

Nghe vậy, từ hồi ấy đến giờ, tôi chỉ ăn ốc vặn, không bao giờ ăn ốc bươu nữa vì nhớ đến chuyện người dân họ nói là tôi "nổi da gà" không nuốt nổi.

Thói quen ăn uống của bộ đội hồi đấy khá cơ động, tiền lương chủ yếu dùng để mua rượu, ngoài ra mua đồ mặn, còn rau xanh thì tự trồng tự ăn. Đơn vị có cậu Chất rất chăm trồng rau. Vì ông Ba thích món cá bống, cá lòng tong chiên giòn cuốn với rau cải non, chấm nước mắm ớt tỏi, nên Chất chăm riêng hai luống rau, không cho ai ăn để khi nào có cá chiên cậu ấy ra nhặt một mớ đặt trên đĩa mời ông Ba. Người nào ngồi cùng với ông thì được ăn, còn nói chung không ai được ăn món rau non mơn mởn ấy, xin cũng không bao giờ cho, mà đụng vào luống rau của Chất là có chuyện. Buổi chiều mua được một ít thịt vịt về nấu lẩu, ai nấy nghĩ nếu được ăn với rau cải non thì sướng như đại tiệc. Nhưng mỗi khi xin rau thì Chất đều trả lời tưng tửng: "Anh bảo gì em cũng nghe. Còn rau của ông Ba thì không được!".

Chất cũng không nói với ông Ba là rau cậu ấy trồng, chỉ đơn giản là biết ông thích ăn nên lặng lẽ phục vụ món đó. Nói như thế để thấy tất cả mọi người đều muốn ông Ba hài lòng, một phần là quý mến ông, nhưng có lẽ bất kỳ ai, kể cả tôi đều nhận thấy trên vai ông trọng trách lớn quá. Mà ông không khỏe mạnh, không vui vẻ, sức khỏe không tốt, thì rất nhiều chuyện ảnh hưởng đến công việc lớn - gọi là việc Nhà nước. Thậm chí sức khỏe hay tâm trạng ông không được tốt thì tất cả lính tráng ở bên dưới không ai thấy vui, nên mọi người đều cố gắng cao nhất làm cho ông vui.

Bộ đội mình ở Campuchia ăn uống cũng nhiều thứ lạ lùng, các món ăn mang phong cách của Nam Bộ nhưng được "cải tiến" trong điều kiện khó khăn. Hồi đó không ai dám bắt một con gà của dân, nhưng hay ra chợ xin những bộ lòng cá lóc về ăn. Người dân họ đi đánh cá về chỉ lấy mình cá làm khô. Một thuyền đầy ắp cá, họ cắt cổ cá, kéo một cái là ra cái đầu, theo cả bộ lòng lượt thượt. Bộ đội mình xin cái đầu lượt thượt lòng ruột ấy. Tất nhiên, dân Campuchia họ dành đầu và ruột làm mắm, nhưng thực sự quá nhiều, ai cũng biết là "làm sao ăn hết được cá Biển Hồ". Dân họ làm cả trăm, cả ngàn con cá, bộ đội chỉ cần xin vài cái đầu thôi là được bữa nhậu thoải mái rồi.

Một câu chuyện thú vị khác, bên Campuchia người ta không ăn thịt chó, cũng không nuôi chó, đa phần là chó thả rông. Thế là bộ đội có dịp là làm thịt chó hoang. Con nào mà "lỡ chân" chạy vào đơn vị thì coi như... xong. Cách bắt chó hoang cũng rất là "bộ đội", con nào mà lạc vào

doanh trại là ngay lập tức bịt kín cửa tứ bề, anh em thi nhau đuổi vòng quanh cho con chó mệt đứt hơi, nằm duỗi thẳng cẳng bốn chân. Anh em nói vui với nhau: "Bộ đội mình chạy khỏe hơn... chó". Người ta hay bảo: "Thả chó ra mà đuổi", thế mà chó vào đơn vị, bộ đội đuổi một lúc là nằm thẳng cẳng, duỗi đơ bốn chân, chỉ việc nhấc lên và...

Hồi ấy có quy định không cho bộ đội ăn đêm. Bộ đội chiến trường mà nấu ăn buổi tối là vi phạm kỷ luật. Thường mỗi bữa chiều xong là cậu cấp dưỡng rửa chảo, ủ than để sáng mai có lửa nấu cơm, cất tất cả dao, rựa, xoong nồi, bát, đĩa vào kho rồi khóa cẩn thận... Thế mà lính tráng chỉ với một cái xẻng quân dụng vẫn xử lý con chó đâu ra đó, khoảng một tiếng là lòng ra lòng, hấp ra hấp, rựa mận ra rựa mận, món nào vào món đấy. Bộ đội Việt Nam tài thật, mỗi người mỗi quê có đủ các cách chế biến món ăn khác nhau.

Trong bữa cơm chiều, tôi cũng kể cho ông Ba nghe về lần chúng tôi ăn sinh nhật anh Giang "mù" trong đơn vị. Anh Giang tầm 40 tuổi, đeo kính cận nặng, gầy tong teo, có khi chưa được 40 kilôgam. Gia đình anh Giang nghèo lắm, bảy - tám anh em ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nhớ có hôm anh Giang bảo: "Hôm nay sinh nhật tôi, chiều mời các ông ăn sinh nhật". Cả bọn "Ồ kê!", khoái quá.

Chiều hôm đó anh Giang đi kiếm chanh, ớt, rau... trông như là nhà sắp có cỗ to, anh em nhìn lấy làm phấn khởi. Ai cũng phấn chấn khi thấy anh tất bật đi ra đi vào.

Anh em chúng tôi bảo nhau mỗi người góp một ít tiền để mua rượu, còn Giang thì lo món nhậu. Sau đó giao một cậu đi xin mấy bộ lòng cá về nấu nồi lẩu. Nhưng ai nấy

bảo nhau "ngày sinh nhật mà có mỗi nồi lẩu thì không có gì mới". Thế là buổi chiều muộn, khoảng chục người ngồi chờ đến giờ vào tiệc, rồi thấy Giang bê chậu nước để giữa phòng, ai nấy tròn mắt chưa hiểu món gì. Anh bảo chúng tôi rót rượu ra, đầu tiên chúc sinh nhật, cụng ly xong tất cả nhìn nhau, nghĩ: "Thằng cha này đãi sinh nhật mà có mỗi nồi lẩu ngày nào cũng ăn. Mà không hiểu làm gì hỳ hục từ sáng tới giờ?".

Chờ đến lúc trời đã hơi sâm sẩm, chủ tiệc mới đặt trên chậu nước một miếng bọt biển, cắm lên đó cái đèn cầy (nến). Ở Campuchia có nhiều con mối, ta gọi là thiêu thân, to bằng nửa đầu đũa, chúng cứ thấy ánh đèn cầy là lao vào, xong rớt xuống chậu nước, ướt cánh không bay được. Giang nhặt con mối lên, vẩy vẩy, hơ lên ngọn đèn cầy chờ một chút, coi như nướng xong rồi đưa cho từng người:

- Mời anh!

Vừa buồn cười, vừa tức, vì ai mà ăn cái thứ đó. Nhưng mà ông ấy mời thì cũng đành nhắm mắt nhắm mũi chấm muối với thật nhiều ớt để ăn đỡ ghê, nhưng ăn riết cuối cùng cũng thấy... ngon.

Tôi kể với ông Ba:

- Anh Giang tổ chức sinh nhật, nhưng mà ăn món đấy ghê quá chú ạ!

Ông Ba cười khoái trá:

- Hôm nào cậu tổ chức món đó thử cho tôi xem!

Rồi tôi cũng kể cho ông nghe những câu chuyện của bộ đội mình làm thịt chó thế nào, làm lòng cá ra sao...,

hai thầy trò cứ ngồi kể cho nhau nghe. Nhớ lại để hình dung một cuộc sống chủ yếu chỉ có công việc, mỗi ngày chỉ có một ít thú vui đó, và thông qua những bữa cơm chiều các câu chuyện cũng mang lại niềm vui cho cả thầy và trò trong những ngày tháng dài ở chiến trường Campuchia.

Hồi đó, tôi không hề có ý thức gì khi nghe chuyện ông kể, đơn giản chỉ là thích thú, khâm phục. Đôi khi nhiều chuyện rất là hài hước. Có lúc ông đi công tác mà không có bữa cơm chiều đấy thì rất nhớ, nhưng ngược lại ngày nào cũng ngồi với ông mà mình không được đi chơi cũng bí bách, nhiều lúc chỉ mong ông nói nhanh cho xong bữa.

Ví dụ có hôm anh Vũ nhấm nháy:

- Tối nay nhậu!

Thế là ngồi ăn cơm chiều với ông Ba mà 7 giờ chưa ăn xong thì sốt ruột lắm, chỉ muốn ông kết thúc nhanh.

Sau này mới dần hiểu, ông vừa chia sẻ câu chuyện của chính ông, nhưng đồng thời ông cũng ý thức việc dạy dỗ cậu học trò - là tôi. Có thể ông nghĩ ông không phải là thầy, mà chỉ truyền lại những gì ông thấy cần cho tôi. Không dưới một lần ông nói với tôi:

- Ngành Tình báo này phải có sự đổi mới, và muốn đổi mới thì phải có con người mới. Cậu phải cố để là một trong những người như vậy.

Ông cũng nói:

- Cậu không chỉ làm nghề tình báo đâu, mà sẽ còn đi xa hơn.

Vũ - con trai ông từng nói với tôi:

- Tôi là con ông ấy, nhưng ông mới là người ông ấy quý nhất, là người mà ông ấy kỳ vọng nhiều nhất!

Mặc dù Vũ là người rất tình cảm, ông Ba cũng rất thương Vũ - anh ấy bị địch bắt và phải đi tù khi ông bị lộ và phải rút ra ngoài Bắc. Thế nhưng Vũ nói với tôi giọng giống như ghen tị:

- Tôi chỉ mong được như một góc của ông thôi, một góc trong tim như là cái cách ông Ba dùng và dạy ông, nhưng không bao giờ có được!

Bấy giờ ông Ba làm Đoàn phó, tôi là trợ lý của ông.

Trên chiến trường không có chuyện con ông cháu cha, nhưng mọi người xì xào, nói tôi là "sản phẩm đắc ý của ông Ba" - thì tôi mới hiểu.

Đó là một niềm tự hào với tôi.

Trong những bữa cơm chiều với ông Ba, tôi đều có cảm giác những câu chuyện ông kể được xem là bí mật của riêng ông, như là một cái gì hết sức tâm huyết mà chỉ có một mình tôi mới được nghe - nhất là bây giờ khi ngẫm lại. Có thể nói là những câu chuyện "sống để bụng chết mang theo", ông không kể cho người thứ hai và không kể lần thứ hai. Mỗi câu chuyện ấy, kể cả về nghiệp vụ ông cũng chỉ kể có một lần. Càng ngẫm lại càng hiểu ông hơn, hiểu cái nghề tình báo rất "bạc", nhất là sống trong địch hậu nó càng bạc hơn. Nếu nói về công lao của mình, cái vị tha của mình thì dễ lắm, nhưng nói về những quyết định của mình đem lại lợi ích cho dân tộc, cho tổ chức, nhưng vì thế

mà đôi khi phải buộc lòng làm những điều mình không muốn thì chẳng dễ chút nào. Thế nhưng những câu chuyện ấy, khi ông kể cứ như là hồi ức, nó trơn tuột như là ông không cần phải suy nghĩ cân đo đong đếm gì - trong khi tôi hiểu để làm được khó khăn vô cùng, nói ra được lại càng khó hơn.

Đơn cử ngay cả chuyện về những người phụ nữ thôi, ông nói ra được nhưng tôi nghĩ cũng khó lắm! Vì nếu không hiểu đúng ông thì người ta sẽ nghĩ: "Ông này sao lắm bà thế, đã hai vợ lại còn kể thêm hai, ba bà khác thương ổng". Nhưng tôi hiểu không phải như vậy, mà cái sống - chết, cái quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ đưa đẩy ông vào hoàn cảnh như thế. Ông kể có những lúc cũng phải ra một quyết định, phải làm thế này, thế kia, mặc dù quyết định ấy nó có thể đem lại đau khổ cho người khác hay cho chính ông, nhưng ông vẫn phải làm vì đó là công việc chung. Nếu ông nói ra với người không hiểu, nói ra với người vô cảm, chỉ cần hiểu sai là câu chuyện thành lăng xẹt.

Cho nên, tất cả những lần ngồi với ông, nghe ông kể chuyện, đều là những lần duy nhất. Phải có sự đồng cảm, chia sẻ và đồng thời ý thức trách nhiệm dạy dỗ cho những người đi sau thì ông mới dành cho tôi những buổi chiều như thế.

Khi nghe ông Ba kể những câu chuyện đời ông, tôi đã "ngộ" ra là qua đó ông dạy mình. Ông không dạy học nên không có học trò, nhưng nếu có thì hình như duy nhất là tôi được ông dạy dỗ theo cách riêng của ông - đó là

dạy thông qua những câu chuyện để thấy cái sai cái đúng, cái hay cái dở mà ông đều đã chiêm nghiệm cả rồi.

❖ Tôi làm trợ lý cho ông Ba

Sau một thời gian ở Phòng N, tôi được làm trợ lý cho ông Ba, không thành văn, không ai bổ nhiệm, nhưng mỗi lần có việc ông đều bảo tôi: "Cậu chuẩn bị nội dung cho tôi".

Một là chuẩn bị để ông làm việc với "khách", hai là làm việc với các đơn vị cấp dưới, ba là báo cáo cấp trên, ông đều bảo: "Cậu chuẩn bị hồ sơ cho tôi".

Việc chuẩn bị của tôi thường làm theo các bước: đầu tiên là nghiên cứu hồ sơ ông Ba cần, tiếp theo, viết một bản đánh giá, đề xuất. Vì hồ sơ dày, tôi có lợi thế biết đánh máy nên gom thông tin lại và đề xuất những ý tưởng mà theo suy nghĩ của tôi là có thể phục vụ cho ông, kèm theo là một sơ đồ với mục đích không nói hết được thì làm cho dễ hiểu, dễ nhớ, dễ cân nhắc vấn đề. Tất cả một nội dung không quá hai trang đánh máy.

Với cách làm như vậy, sau một thời gian, câu nói quen thuộc của ông Ba dành cho tôi mỗi lần ông cần là: "Cậu chuẩn bị hồ sơ cho tôi".

Sau khi có những kết quả bước đầu từ những thông tin tôi chuẩn bị, tôi cảm nhận ông thấy cách làm việc khoa học, chuyên nghiệp tốt hơn là làm việc theo kiểu thông minh, nhưng tự phát thông thường. Tôi cũng nhận thấy,

càng ngày ông càng nhìn nhận công tác nghiên cứu quan trọng hơn, đơn giản là ông nhìn thấy được công việc mạch lạc hơn người khác.

Công việc ở đây có nguyên tắc cự ly, ai làm người đấy biết, tôi không được phép hỏi ông: "Chú quan tâm gì? Chú cần gì?", mà ông giao việc gì thì làm việc đó. Khi ông giao việc, tôi được đọc hồ sơ tìm thông tin cần thiết. Chính vì thế trong khoảng vài năm, tuy là cán bộ cấp thấp của đơn vị nhưng tôi là người biết nhiều thông tin. Trong một môi trường thông tin thì ai được đọc nhiều và biết cách đọc có hệ thống thì người ấy "ăn". Tôi được cả hai, không phải là vì được ông ưu ái, mà cái chính là để phục vụ ông. Dần dần, tôi thành người thuộc việc, giúp việc đắc lực cho ông. Có lẽ đó là khoảng thời gian ông đưa ra quyết định: "Bồi dưỡng cậu này để có kiến thức đầy đủ hơn, tiếp tục nhiệm vụ nặng hơn".

Trong số những câu chuyện đáng nhớ khi làm trợ lý cho ông Ba, có chuyện tôi tháp tùng ông đi họp với cấp trên. Một số lần có cơ hội được ngồi "chầu rìa" trong những cuộc họp, ông gọi tôi vào, cho ngồi gần.

Ông Ba ít khi khen ai, kể cả tôi hay người khác, không bao giờ ông khen là: "Cậu khá lắm! Giỏi lắm!", được ông chấp nhận là may rồi. Trước khi có cuộc họp, ông dặn: "Mai tôi làm việc với anh Tư Văn, anh Vũ Chính, có những việc này cậu chuẩn bị cho tôi...", "Mai tôi đi trả lời Bộ Tư lệnh chất vấn về chuyện này..., cậu chuẩn bị cho tôi", "Mai tôi gặp anh Sáu Nam về việc này..., cậu chuẩn bị cho tôi"... nghĩa là, đêm hôm ấy tôi phải thức.

Mặc dù vậy, các buổi chiều tôi vẫn không vắng mặt trong bữa cơm với ông, hoặc không có ông thì với anh em đơn vị. Khoảng 5 rưỡi chiều là vào cuộc. Hồi đó trẻ khỏe nên ăn uống vui lắm. Nhưng nhậu gì thì nhậu, đến 8 giờ tối thì tôi ngồi làm việc, ngồi đến nửa đêm hay muộn hơn, không biết trước được, xong việc thì thôi.

Sáng hôm sau ông Ba kêu tôi ngồi trên xe cùng ông đi làm việc với cấp trên. Ông ngồi phía trên, tôi ngồi ngay sau, bên cạnh là chồng tài liệu, cứ thế đưa lên từng bộ hồ sơ và tài liệu ông cần. Xe cứ đi, hai thầy trò cứ trao đổi.

- Thưa chú, đây là các tài liệu cháu chuẩn bị theo yêu cầu. Còn đây là tài liệu đã được tổng hợp gọn lại.

- Ờ được rồi, còn đây là cái gì?

- Thưa chú, đây là những vấn đề cấp trên có thể sẽ hỏi. Chú cầm theo có gì cần thì tham khảo

Rồi lại đưa tập khác, ông lại hỏi:

- Cái gì nữa đây?

- Báo cáo chú đấy là vài ý mà hôm trước chú nói cấp trên quan tâm, lỡ ông ấy hỏi thì chú xem để trả lời, mỗi cái đều có tờ giấy con con cháu đánh dấu ở trên...

Sau này khi nhớ lại những ngày tháng ấy, tôi từng mơ ước chọn được một trợ lý biết việc như thế. Trợ lý bây giờ cứ hay có kiểu "dạy" cấp trên, trong khi cấp trên chỉ cần có đủ thông tin. "Tôi cần đủ thông tin, theo đúng logic của cậu. Nhưng nói và quyết định thì phải do tôi, theo thông tin cậu đã chuẩn bị", chứ trợ lý mà "dạy" cấp trên thì hỏng, hay trợ lý nói một đằng mà cấp trên nghĩ một nẻo cũng hỏng.

Vấn đề của trợ lý là phải nói được đề xuất của mình.

Kiểu làm việc của trợ lý như thế là thủ trưởng "nghiện", sau không có là không chịu được. Tôi có thể làm cấp nào không giỏi nhưng tự thấy mình làm trợ lý giỏi thật, ít nhất là không sai bao giờ - ông Ba chỉ cần có thế. Ông đòi hỏi rất cao, qua đó ông dạy tôi trở thành người trợ lý như thế. Có "nghề" theo tiêu chuẩn rất cao của ông.

Bài học mà tôi rút ra khi phục vụ ông Ba. Một, người ta là cấp trên, nghề của người ta là ra quyết định, là kết luận vấn đề, anh là cấp dưới đừng thay người ta kết luận hay đưa ra quyết định. Hai, anh làm trợ lý mà không có ý kiến cá nhân của anh thì vô nghĩa, thủ trưởng chả cần đến anh làm gì. Vấn đề của anh là phải biết nói quan điểm của mình trên tinh thần phục vụ thông tin. Việc này cực kỳ quan trọng, nhưng cái đấy phải có nghề.

Nếu bây giờ đi truyền đạt kinh nghiệm hay đi dạy cho các thế hệ sau thì tôi thích nhất là dạy làm trợ lý. Tôi từng giảng bài ở Học viện Tình báo về nội dung nhiệm vụ của một trợ lý tình báo phải như thế nào, chả cần giáo án gì, cứ thế nói những gì tôi đã kinh qua, các học viên thích mê.

Có câu chuyện vui mà tôi nhớ trong quá trình làm trợ lý, đó là đầu năm 1986, lúc đó, có một vấn đề ông Ba phải trình lên cấp trên, đầu tiên là với Cục - tức là ông Tư Văn, ông Vũ Chính, sau đó là trình chỉ huy Mặt trận để ký gửi ra Hà Nội.

Hôm đó mùng 1 Tết Dương lịch, ông Ba cáu suốt từ sáng sớm. Cả bọn biết thế là chán rồi, vì hôm ấy định xin ông Ba ít tiền liên hoan tết mà việc không trôi thì xin sao được. Tôi đang không biết lý do làm sao thì nghe mấy người bảo:

- Ông Ba làm báo cáo gửi ra Hà Nội, nhưng bị trả lại hai lần rồi nên đang cáu.

Tôi còn nhớ cửa sổ ngay bàn ông làm việc mở ra hành lang, mỗi lần đi qua chúng tôi phải lòn người phía dưới cửa, sợ ông nhìn thấy lại "giận cá chém thớt". Đến trưa, tôi hỏi Quyên, cô ấy mếu máo:

- Chả biết, chữ chú viết đây, em đánh máy theo, giờ chú lại bảo em đánh máy thế nào mà bị các chú trên trả về.

Tôi đọc công văn ông ấy gửi Bộ trưởng Quốc phòng, cái gì mà "Thừa ủy quyền...", cái gì mà "Kính trình Bộ trưởng", ký tên "Quyền Cục trưởng: Tư Văn". Câu chữ trong văn bản ông viết không tài nào nghe được.

Có hai người tôi thấy ngôn ngữ viết lạ nhất, không chấm, không phẩy, không chính tả gì: ông Sáu Nam là một, ông Ba Quốc là hai. Người ta viết một trang, nhưng ông Sáu, ông Ba chỉ viết ba dòng, mà lạ là đọc ba dòng ấy là hiểu hết, không sai tý nào với ý của các ông, có điều đưa nguyên xi như thế vào văn bản thì không được. Tôi nghĩ bụng ông Ba viết báo cáo như này "hỏng" là phải rồi, nhưng không dám nói. Ông Ba cũng không giao cho tôi việc này.

Tôi nói Quyên đưa báo cáo cho tôi, buổi trưa gặp ông Ba tôi thưa:

- Thưa chú, Quyên nhờ cháu gửi chú cái công văn mới đánh máy xong.

- Ờ, cái báo cáo gửi đi gửi lại mà cứ bảo là không được. Thế nào là được bây giờ?

Tôi hỏi ông:

- Cái này là gì hở chú?

- Đấy việc nó thế, tôi thì nói như thế, vậy mà đưa lên các anh ấy không chịu. Tôi đã phải giải thích nhưng nói đi nói lại hai, ba lần rồi mà vẫn chưa được.

- Thưa chú, chú viết nặng quá, gắt quá, cần viết êm êm, mấy ông cơ quan thích giọng khác.

- Khác thế nào?

- Thưa chú ví dụ một vài câu chữ mình viết văn hành chính, chứ viết kiểu nghiệp vụ của mình sợ không ổn.

- Thế viết thế nào?

- Thưa chú, chú cho cháu sửa lại, chiều cháu trình chú xem.

- Nhưng cậu không được làm sai ý nào đâu đấy nhé!

- Vâng, cháu sẽ không sửa ý nào, chỉ rút gọn còn độ hai trang thôi.

Xong bữa trưa tôi ngồi đánh máy lại, chiều đưa ông xem, ông thở dài:

- Ôi trời, rắc rối!

Rồi ông cầm đi. Khoảng bốn giờ chiều ông về. Tôi thấy ông cười:

- Được rồi cậu ạ! Các anh trên đồng ý rồi, ký rồi, gửi ra Hà Nội được rồi.

Anh em cũng thở phào, coi như mọi chuyện ổn.

Vấn đề của ông Ba là ông thường tự viết do rất coi trọng thông tin, nhưng ông giỏi và quen làm là nghề chỉ huy tình báo chứ ông làm "văn thư" thì không ổn, những cái như này phải "thợ" viết. Với lại văn của ông vẫn mang hơi hướng của cách hành văn trong địch hậu cũ. Viết là "Kính trình Bộ trưởng" - trong khi đúng ra phải là "Kính gửi đồng chí Bộ trưởng!". Còn về nội dung ông nói trong văn bản thì không sai tý nào.

Tôi nhớ đến câu nói của Yulian Semyonov trong quyển sách "TASS được quyền tuyên bố", đại ý: "Trong công tác tình báo, việc biểu đạt một vấn đề đôi khi chiếm tới 40% giá trị bản tin, giá trị của tin tức chỉ 60% thôi. Với những người có trình độ người ta có thể biểu đạt theo cái kiểu nó là thế này, hoặc thế khác, với cùng một vấn đề".

Đến tận chiều muộn, tôi mạnh dạn:

- Thưa chú, hôm nay ngày Tết Dương lịch...

- Thế à, sao?

- Thưa chú ngày đầu năm nếu có tý gì liên hoan đón năm mới...

Ông ngó lơ không nói gì.

Sau ông gọi anh Hùng, cấp cho mỗi người chúng tôi 20 riel, còn được thêm túi thuốc lá Cotab, loại thuốc lá cuốn có 10 điếu bỏ trong túi nilon. Anh em phấn khởi, được liên hoan đầu năm, mà cái chính là thấy ông Ba vui.

Nhân nhắc đến chuyện sử dụng ngôn ngữ miền Bắc và miền Nam, tôi nhớ lại hồi mới sang có lần bị ông Ba "chỉnh" vì tôi hay dùng chữ "ạ!" ở cuối câu. Ông bảo:

- Các cậu miền Bắc vào, cứ hay "ạ". Ạ thì nhiều, nhưng nói rồi có làm đâu! Nên bỏ chữ "ạ" đi, nghe kỳ lắm!

Thấy tôi ngẩn mặt ra, ông nói thêm:

- Nhưng nên thêm chữ "Thưa" vào đầu câu, nghe vừa lịch sự, vừa khiêm tốn, mà lại không quỵ luỵ, nịnh bợ.

Còn xưng hô công sở thì ông bảo:

- Hồi xưa ở Sài Gòn, trong các công sở người ta thường xưng ông - tôi, anh - tôi. Với phụ nữ thì: bà - tôi, cô - tôi, hoặc thân mật lắm thì là ông - em.

Đấy là những câu chuyện vui khi tôi làm trợ lý của ông Ba.

Nhưng cũng có những câu chuyện không vui mà đến giờ tôi vẫn không sao quên được.

❖ "Nói dối" thượng cấp

Ông Ba ít nói, còn khi đã nói thì cứ ý mình ông nói, nên hay ngược với cấp trên. Cũng may, tôi để ý thấy những người lãnh đạo, những ông lớn thực sự, có tầm nhìn thì lại cực kỳ tin ông Ba, cả về sự trung thực cả về năng lực nhìn nhận vấn đề của ông Ba.

Có lần khi bàn về một vấn đề hệ trọng, ông Sáu Nam - Tư lệnh Mặt trận nói:

- Tôi chưa đủ thông tin về chuyện này, nhưng vì anh Ba nói, tôi đồng ý.

Tuy nhiên, có câu chuyện đáng nhớ về một lần ông Ba nói dối ông Sáu Nam mà nếu là người khác thì chắc... "xong" rồi.

Hồi đó, ta bắt được tên TX - đầu mối quan trọng để lần mò ra tên cầm đầu tổ chức địch ngầm ở Phnom Penh. Nhưng đã làm đủ mọi cách mà hắn không khai. Đêm ấy, Đội đặc nhiệm có nhiệm vụ trông coi tên này, sơ ý để hắn thắt cổ chết. Hắn ngồi gần song cửa sổ, cuốn cái áo vào cửa thế nào mà ngả ra sau chết được. Một cán bộ bị đình chỉ công tác và có khả năng ra tòa. Lúc đó ông Ba quyết định tạm thời chưa báo cáo để chờ tìm được tên cầm đầu tổ chức "địch ngầm". Vậy nên khi ông Sáu Nam yêu cầu thì đơn vị vẫn gửi báo cáo lên, nhưng đó là những thông tin mà TX đã khai lúc trước. Khoảng hai tuần sau vẫn gửi báo cáo của hắn, tinh thần là "câu giờ" để chờ tìm bằng được tên chỉ huy "địch ngầm".

Mặc dù tinh thần là "quên câu chuyện thằng TX đi", nhưng tên này vẫn được coi là con đường dẫn đến việc tìm tên "địch ngầm", nên "càng cố tình quên càng phải nhớ". Ông Ba một mặt thúc Tư Ấn chạy đôn chạy đáo tìm bằng được tên kia, một mặt ông vẫn gửi báo cáo lên trên.

Rồi một hôm ông Ba bảo:

- Ông Sáu Nam lại có yêu cầu mới về chuyện này.

Tôi nghĩ bụng: "Thì cứ nhận luôn với ông Sáu đi", nhưng không dám nói. Ông Ba thừ ra rồi bảo:

- Thôi cứ để đấy đã!

Khoảng tuần sau, ông Sáu Nam gọi ông Ba lên. Ông Ba lẩm bẩm:

- Không biết ông Sáu gọi lên về chuyện gì?

Tôi biết đầu ông nặng trĩu chuyện tên TX kia, ông lo lắm, không phải chuyện đùa.

Ông bảo tôi:

- Chiều cậu đi với tôi!

- Vâng, chú ấy hỏi chú việc gì để cháu chuẩn bị nội dung?

- Biết anh ấy hỏi gì đâu mà chuẩn bị.

Chiều hai thầy trò lên nhà ông Sáu Nam. Tôi vốn chơi thân với anh Sáu Ngọc - thư ký của ông Sáu Nam, đến nơi tôi nói với ông Ba:

- Cháu ngồi với anh Sáu Ngọc dưới này.

Anh Sáu Ngọc bảo tôi:

- Hôm nay thầy mày bị "xát xà phòng" chết đó mày!

- Sao ạ?

- Sáng nay có người vào báo cáo gì đó, ông Sáu Nam bực lắm, bảo tao kêu ông Ba vào gấp.

Câu chuyện là ông Ba giấu việc tên TX đã chết, nhưng ở đơn vị khác có một ông đã lên "mách" với ông Sáu là "tên kia chết rồi!".

Tôi gạ anh Sáu Ngọc:

- Hai anh em mình ngồi gần gần xem ông Sáu nói gì.

Ở Campuchia nhà biệt thự rất đẹp, thường làm kiểu nhà sàn thấp, ngồi dưới cầu thang là nghe được tiếng các

ông nói với nhau. Tôi nghe ông Ba báo cáo với ông Sáu Nam, nhưng bập bõm không nghe được kỹ, đại khái là vừa ngồi xuống ông Sáu Nam hỏi:

- Thế TX là thằng nào?

- Thưa anh, nó liên quan đến tên chỉ huy "địch ngầm" của Khmer Đỏ, khó quá, đang làm chưa ra anh ạ - Ông Ba trả lời ông Sáu Nam.

Ông Sáu Nam thở dài đánh sượt rồi nói:

- Thôi được rồi, anh về chuẩn bị. Mai anh đưa nó lên đây gặp tôi.

Biết có chuyện rồi, ngần ngừ một lát, ông Ba đánh bạo nói:

- Thưa anh, TX nó chết rồi.

- Sao chết?

- Nó tự sát chết, do anh em sơ suất. Tôi xin nhận khuyết điểm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này.

- Chuyện như thế mà bây giờ anh mới nói. Anh về dặn anh em phải hết sức thận trọng, phải có trách nhiệm chứ - Ông Sáu nghiêm giọng - Nhưng mà thôi, đừng có đưa anh em ra xử lý kỷ luật!

Đấy là lần duy nhất tôi thấy ông Ba nói dối mà bị ông Sáu Nam "bắt vở".

May sau này ta và bạn phối hợp bắt được tên chỉ huy "địch ngầm" nên câu chuyện trôi đi, nhưng đó là một kỷ niệm nhớ đời với ông Ba.

❖ **Những lần ông Ba bị "chơi khăm"**

Ở Đội X, ông Ba cũng trải qua những hỷ, nộ, ái, ố, nhất là khi ông thỉnh thoảng phải làm việc trực tiếp với đối tượng địch ra hàng.

Tôi còn nhớ câu chuyện có một tên đã qua mặt được ông Ba khiến ông tức điên.

Hồi ấy khi chuẩn bị bước sang giai đoạn mới, tôi báo cáo ông Ba:

- Thưa chú, "khách" xin gặp lãnh đạo cấp trên, chú xem thế nào?

- Để tôi gặp!

- Thưa chú có cần chuẩn bị gì không?

- Thì nói thẳng với nó thôi, nói thẳng nói thật là lời nghe được.

Lúc gặp nhau, ông Ba trực tiếp làm việc, tôi và Thạnh ngồi phục vụ. Thạnh giới thiệu ông Ba là lãnh đạo cấp cao, tên "khách" nhìn ông Ba tự dưng mặt nó xanh rờn, mặt ông khi nhìn nó thì nghiêm lắm.

- Nay tôi gặp anh có mấy lời trao đổi...

Đầu tiên ông Ba nói về tội ác của Khmer Đỏ, rồi ông hỏi nó:

- Anh thấy thế nào?

- Thưa ông đúng quá! Khmer Đỏ tội ác tày trời, giết hại người dân Campuchia...

Ông Ba rút gan ruột ra nói với nó vì ông chuẩn bị nội dung từ hôm trước, tôi ngồi nghe cảm thấy đúng là "uốn ba tấc lưỡi". Tên "khách" nghe cứ gật gật lia lịa:

- Vâng, vâng!

- Bây giờ muốn có hòa bình thì phải ngăn chặn chiến tranh, muốn ngăn chặn chiến tranh thì anh phải trung thực, chúng tôi cần anh hợp tác, mà cụ thể các cậu đây sẽ nói với anh.

- Vâng, đúng là phải như thế!

Tôi nghĩ bụng: "Thằng này có chịu khai gì đâu mà nó nói như thật".

Lúc ấy tôi thấy ông Ba quay sang nhìn tôi, ý là: "Đấy, phải nói như thế nó mới chịu nghe".

Tôi ngẫm lời ông Ba từng dạy tôi: "Không có cái gì thuyết phục người ta bằng cách chia sẻ quyền lợi, quyền lợi của đất nước nó là cái gì, của người dân nó là cái gì, của gia đình nó là cái gì, của nó là cái gì, không có gì thuyết phục nó hơn là cái đó, chứ nói chính trị không ăn thua".

Hôm ấy đáng lý đến đoạn đó ông Ba đi ra luôn thì xong việc, nhưng ra đến cửa ông lại quay đầu hỏi lại nó:

- Nãy giờ anh nói tôi đúng là đúng chỗ nào?

- Campuchia có câu tục ngữ đại ý là: "Ông là ông lớn thì nói gì chả đúng!".

Trời đất! Cả thầy lẫn trò đều chưng hửng. Nó nói thế khác nào công lao ông Ba ngồi cả tiếng đồng hồ để giảng giải và thuyết phục nó cuối cùng chốt lại là: "Ông làm lớn thì nói gì chả đúng!".

Tự nhiên thấy mặt ông đỏ bừng nhưng không nói gì rồi bỏ ra ngoài. Thấy ông nổi nóng, tôi xô ghế đứng dậy, giải tán.

Đó là câu chuyện ông Ba bị "khách" chơi khăm, nhưng không những thế, ông Ba còn bị "lừa".

Tôi lại nhớ một câu chuyện "dở khóc dở cười" về một tên xì thầu tham gia vào đường dây liên lạc của Khmer Đỏ. Cả ông Ba Quốc, ông Ba Quang đều bị nó qua mặt.

Khi đó, khi ta bắt tên này và bắt luôn cả vợ hắn vì chúng cùng đường dây của Khmer đỏ, nhưng vợ giam riêng, chồng giam riêng, hai vợ chồng không biết là cùng bị bắt.

Một hôm hắn bảo tôi:

- Tôi biết vợ tôi bị đưa vào đây rồi!

- Không phải!

- Tôi chắc chắn vợ tôi bị đưa vào đây, nếu các ông muốn tôi khai thì cho tôi gặp vợ tôi.

Tôi báo cáo với ông Ba, cân nhắc mãi, vợ chồng nó ở trong này cho gặp nhau cũng không thể nào thông tin ra ngoài được, sau khi cho gặp nhau thì hy vọng nó giữ lời hứa, thậm chí nó không khai thì cũng không mất gì.

Cuối cùng nhất trí cho chúng gặp nhau.

Thế là chọn một căn phòng rộng, khiêng một cái giường vào, cũng có đệm cao su, cũng có ga mới sạch thơm tho, chuẩn bị đủ các thứ... Lúc bấy giờ đặc biệt có chiếc máy ghi âm mới mua về từ Thái Lan, hồi đó chỉ có máy ghi tiếng chứ chưa có ghi hình. Thế là hỳ hụi khoan tường để đặt máy ghi âm. Ông Ba Quang là bậc thầy về khai thác, nên phân tích thế này:

- Lúc vợ chồng gặp nhau, nó cảm động thì sẽ nói, dù ít dù nhiều thì cũng có cơ sở để đấu tranh, nên vấn đề là phải ghi âm bằng được nó nói với nhau cái gì.

Anh Thành, Vũ và cậu Đồng kỹ thuật đem máy xuống, công cuộc chuẩn bị mất hơn một ngày trời, thử máy, nói đủ giọng to, giọng nhỏ, rồi ròng dây ra một phòng cách đó xa xa, nối với cái đài cassette để phát ra tiếng và ghi âm lại (hồi đó chưa có cáp nghe).

Ông Ba Quang chắc mẩm:

- Thế nào vợ chồng nó cũng nói, không nói về tổ chức, hoạt động thì ít nhất cũng nói chuyện con nó, chuyện gia đình nó, qua cái này nghe nó tâm sự để nắm thêm thông tin.

Thử máy xong thì cho vợ chồng chúng gặp nhau, khoảng 8 - 9 giờ tối.

Trước đó tôi có nói "lén" với Thạnh: "Cho nó gặp nhau làm gì, chỉ tốn công mình", vì lúc bấy giờ đi mua giường, nệm khá tốn kém.

Vậy mà, từ lúc gặp nhau cho đến tận 4 giờ sáng, hai vợ chồng chúng không nói một câu nào, chỉ hỳ hụi với nhau. Ông Ba Quốc, Ba Quang cứ ngồi yên nghe tiếng loa mà không nói gì, vừa bực mình, vừa xấu hổ. Vợ chồng thằng kia suốt từ đêm hôm đến gần sáng cứ im lặng, không nói câu nào, chỉ hỷ hả làm "chuyện đó", xong rồi giải tán. Còn các ông thì thực sự mắc cỡ, vì chuyện ấy diễn ra trước mặt cả bọn lính trẻ, kiểu như bụng bảo dạ: "Đúng là mình già rồi còn dại!".

Hôm sau nhìn tên đó, thật lòng tôi chỉ muốn bóp cổ, bởi cả đêm hai ông già phải thức trắng vì chúng nó, chăm chú nghe và sợ chúng nó nói gì bị lọt thông tin. Hồi đó cái băng ghi âm cứ thu hết lại phải lấy ra nhét cái khác vào, nên

ai cũng bận bịu, căng thẳng, hồi hộp, kết quả tiếng thu còn không được rõ như bây giờ, chủ yếu là tiếng "cót ca cót két" cả đêm...

Hồi đó không có máy ghi hình nên không thể nào "soi" được, tối mò mò làm sao mà biết chúng nó ám hiệu gì, chỉ hy vọng nó nói với nhau, mà chúng nó không nói gì - thế là thua.

Đấy là câu chuyện cười ra nước mắt, bực mình, vô duyên, chẳng ra làm sao - đúng kiểu con hổ bị con muỗi đốt ngứa muốn điên là như thế!

Nghĩ tới việc những người thầy lớn với đầy sự kính trọng cũng có những lúc bị "té" khiến bọn trẻ chúng tôi không nhịn được cười. Bọn thanh niên chúng tôi còn cười với nhau được chứ mấy ông già cười sao được, nên cứ phải cắn răng lại. Các ông biết mình "hố" rồi nhưng mặt vẫn cứ tỉnh bơ, coi như không.

Nhớ lại vẫn thấy buồn cười.

Cũng liên quan đến cái máy ghi âm, tôi lại nhớ đến câu chuyện khác. Ông Ba Quang thực sự là nhà tình báo đầy kinh nghiệm, một nhà nghiên cứu bậc thầy, nhưng cũng có lúc bị... trượt vỏ chuối.

Lúc bấy giờ lần đầu tiên mình có máy ghi âm nhỏ, chạy băng mini cassette, lúc đầu còn phải đưa cả kỹ thuật vào hướng dẫn sử dụng. Ông Ba Quang là người biết tiếng Anh, tiếng Pháp, lại từng là dân làm báo chuyên viết hài của báo Tin Sáng nên được giao là người đầu tiên sử dụng máy ghi âm. Ông tự tin:

- Thời chưa giải phóng tớ đã dùng cái này rồi. Có gì đâu, cứ để đấy!

Hôm ấy hai ông Ba cùng làm việc với "khách", tôi và Thạnh ngồi phục vụ. Chuẩn bị xong xuôi, tôi hỏi ông Ba Quang máy móc như nào, ông tự tin bảo:

- Yên tâm. Xong xuôi đây rồi, để trong túi áo rồi!

Vào cuộc, ông Ba Quốc bắt đầu nói chuyện, giọng nghiêm trọng lắm, tên kia lắng nghe im lặng để nghĩ cách trả lời. Rồi đến lượt tên kia. Không khí đang căng như dây đàn thì tự dưng trong phòng vang lên tiếng hát: "Em ơi nếu mộng không thành thì sao?...". Trời ơi, tiếng hát phát ra từ cái máy ghi âm nằm gọn trong túi áo ông Ba Quang.

Ông Ba Quang cuống quýt thò tay vào túi, tôi cũng hỗ trợ thò tay sang, nghĩ bụng bóp trúng đâu cũng được miễn là tắt được máy, nhưng vội quá, máy không bóp lại bóp trúng đùi ông Ba Quang khiến ông đau vẹo cả người. Khoảnh khắc rất khẩn trương nhưng lại diễn ra trong im lặng. Tên kia nhận ra sự việc nhưng hấn lờ đi, coi như không biết, chỉ ngồi im đợi mấy thầy trò loay hoay với nhau. Cuối cùng bấm một lúc mới tắt được cái máy trời đánh.

Hóa ra hồi đó băng cassette hiếm và đắt nên thường được dùng lại. Mấy cha kỹ thuật đem băng đi thu nhạc vàng về nghe, xong lấy cái băng đó cho vào máy để ông Ba Quang sử dụng lại để ghi âm. Không may, thay vì bật nút thu thì ông ấy lại ấn vào nút phát. Nghĩ đến tên "khách" ấy, tôi vẫn còn buồn cười và phục sát đất vì mặt hấn lúc ấy tỉnh bơ như không có chuyện gì.

Lúc ấy, ông Ba Quang thì đỏ mặt tía tai, ông Ba Quốc thể hiện sự thất vọng, chỉ biết lắc đầu, quay ra. Mấy thầy trò trở ra không ai nói gì.

Buổi làm việc "xôi hỏng bỏng không", vì cuối cùng tên kia không nói gì. Cả buổi làm việc hôm đó chỉ có ông Ba Quốc nói, đến lúc chờ hắn mở miệng thì bắt đầu tiếng hát, hát xong thì giải tán.

❖ Những nẻo đường Campuchia

Kể về những chuyện của ông Ba Quốc mà tôi trực tiếp "mục sở thị" (chứ không phải là chuyện nghe ông kể lại), có lẽ là "nói hoài không hết". Tôi chỉ kể những câu chuyện mà ở đó tôi nhận được nhiều bài học, kinh nghiệm "đắt giá" từ ông để làm hành trang cho mình.

Trong thời gian ở Campuchia, ông Ba hay phải đi công tác. Trong ba tuyến chính của ông thường đi gồm: từ Phnom Penh đi Siem Reap, Battambang - tức là lên núi; từ Phnom Penh đi Kampong Som là xuống biển; từ Phnom Penh về Thành phố Hồ Chí Minh tức là về hậu phương. Có nhiều chuyến đi, tôi được ông Ba cho đi cùng.

Đặc điểm của ông Ba là rất ít khi cho đơn vị theo hộ tống, mà đi rất gọn nhẹ, thường chỉ có một xe của ông và một xe bảo vệ, gồm cả trợ lý. Khi về Thành phố Hồ Chí Minh thì ông rút gọn, chỉ đi một xe. Ông không thích rình rang là một chuyện, nhưng theo triết lý của ông càng gọn bao nhiêu, càng bất ngờ bao nhiêu thì an toàn bấy nhiêu. Ông nói với tôi:

- Nếu anh trang bị đầy đủ và thật kỹ càng, hộ tống cồng kềnh thì khả năng an toàn không tăng lên bao nhiêu, mà khả năng mất an toàn tăng lên nhiều là do bị lộ.

Trong các chuyến đi ấy, ông có đặc điểm là không bao giờ ngủ trên xe, cũng như những chuyến đi công du phía Bắc sau này. Trên xe bao giờ ông cũng thức, nói chuyện gần như liên tục. Có những lúc tôi nói:

- Chú ngủ tý đi.

- Không, tôi không buồn ngủ!

Sau này ông dặn tôi, việc đầu tiên lên xe là nói chuyện để cho cậu lái xe đừng buồn ngủ, mình muốn an toàn thì phải thức mà "hầu" nó. Thậm chí ông còn hỏi lái xe: "Có uống nước không tôi rót cho?".

Đặc điểm thứ hai, trong những chuyến đi ấy câu chuyện của ông Ba bao giờ cũng xoay quanh mục đích của chuyến đi, nên lại là một câu chuyện nghề hoặc một câu chuyện đời có liên quan đến chuyến đi ấy. Ông Ba luôn luôn ngồi trước, lính tráng ngồi sau, đấy cũng là cách mà ông dạy học trò.

Có lần tôi hỏi ông:

- Thưa chú, chú đã bao giờ trên đường đi gặp nguy hiểm khó thoát chưa?

- Chưa gặp!

- Sao chú biết những tình huống này?

- Tự tôi nghiệm ra thôi.

Ông bảo, với những chuyến đi như thế, hay nói chung trong nghề tình báo, khi mất an toàn tức là lúc bấy giờ câu chuyện kết thúc, không có lần thứ hai để mà rút kinh nghiệm nữa. Vì vậy, tự thân phải nghĩ ra các tình huống để mà đảm bảo an toàn. Ông ví dụ, ngồi trên xe khi có chuyện thì nhất thiết không được dính chùm. Khi có động, cửa xe

mở ra là bốn người chạy bốn hướng, may ra sống sót, nếu mà dính vào nhau là chết tất.

Sau này tôi cũng dặn anh em: "Khi có chuyện, nếu tôi mở cửa chạy thì các cậu mỗi thằng một đường, đừng thằng nào cứu thằng nào, đừng thằng nào dính vào nhau, không có chết cả chùm". Thực tế, tôi từng trải qua một tình huống tương tự trong cuộc bạo loạn tại Phnom Penh năm 1997.

Với ông Ba, trên xe thì người thủ trưởng bao giờ cũng ngồi trước, vì khi địch tìm mục tiêu thì thường nó nhằm cửa sau bên phải. Thực tế luôn như thế, mục tiêu của lính bắn tỉa, sử dụng AK, M79, B40 hay B41 bao giờ cũng là cửa bên phải đằng sau. Ông cũng phân tích tình huống khi bị chặn đường, nó chặn đằng trước thì chắc chắn đã có chuẩn bị đằng sau, nên xe mình dừng hoặc lùi một cái là chết liền với nó. Bị chặn là không dừng lại, cũng không lùi, vì dừng là chết, lùi cũng chết. Nếu muốn sống sót thì cứ đè nó mà đi... Có lần ở Phnom Penh, cũng trong đợt bạo loạn cuối năm 1997 cậu Đông lái xe cho tôi, do được tôi dặn câu chuyện này từ trước, nên khi bị chặn đã lao cả chiếc Land Cruiser ủi vào chiếc ô tô bốn chỗ chặn đường, cứ ghếch lên mà chạy, thế mà thoát.

Đấy là những bài học mà ông Ba dạy cho chúng tôi trong lúc ngồi trên xe trong các hành trình ấy.

Ông Ba cũng biết lái xe, trong thời kỳ địch hậu thì ông tự lái xe đi làm. Thời kỳ Campuchia tôi có hỏi ông:

- Chú ơi, sao chú không lái xe?

- Không. Đấy không phải nghề của tôi, lái xe là nghề của cậu Phú.

Thấy tôi vẫn muốn hỏi tiếp, ông nói rất nghiêm túc:

- Khi không làm việc được nghiêm túc thì đừng có làm, có làm sao thì phiền anh em.

Ý ông là cái nghề của ông khác nghề của Phú, nghề nó để nó làm đừng ai tranh. Còn khi không ai làm được thì mới "để đấy tôi làm!". Những cái đó thuộc về nguyên tắc, kiểu: "Không phải ông là thủ trưởng là thích làm gì thì làm".

Tôi nhớ chỉ có một lần thấy ông lái xe, còn lại chưa bao giờ thấy, trong khi ông là người lái xe rất lão luyện từ hồi trong lòng địch. Ông dẫn chứng một câu nói của một ông người Anh mà ông đọc ở đâu đó, là: "Người ta hỏi ông làm sao giữ được an toàn sau mấy chục năm lái xe? Ông bảo chỉ có mỗi một bí quyết, khi ra đường anh phải coi tất cả các lái xe khác đều là thằng điên, thì anh sẽ an toàn". Nghiệm ra thấy đúng thật, anh mà đi theo đúng cái anh nghĩ là chưa đủ, mà anh luôn phải đề phòng xe khác, vì nó có thể trở chứng làm những chuyện không ai có thể ngờ được.

Hay câu chuyện về cái bật lửa và khẩu súng ngắn là hai vật bất ly thân của ông. Ông bảo bật lửa là để phi tang tài liệu, còn việc "đeo súng ngắn mà lại tháo ra để trên xe thì đeo làm gì? Đã đeo súng thì phải luôn luôn dính bên người, khi cần đến nó mà không có thì không bao giờ còn cơ hội thứ hai". Đến bây giờ tôi nghiệm đúng thế thật, chỉ khi nào một mất một còn mới hiểu cần tới khẩu súng như thế nào, đến lúc đấy mà không có trên tay thì còn thời gian đâu mà rút kinh nghiệm.

Mỗi lần tháp tùng ông đi công tác, thì việc dừng chân nghỉ bên đường vừa là một trải nghiệm, vừa là sự nghỉ ngơi, thư giãn. Vì ông rất cẩn thận, nếu cần 2 giờ chiều đến nơi là ông đã tính mấy giờ sáng phải đi. Ông không có kiểu tự phát. Từ Phnom Penh mà định đi Battambang hoặc

Kompong Som thì không bao giờ dừng ở những quán dọc đường. Ở Campuchia không có nhà mặt tiền ven quốc lộ, bao giờ cũng xây tít vào trong nên thường có con đường đất dẫn từ quốc lộ vào nhà. Bao giờ đầu đường cũng có những cây đa lớn, ở đó người dân làm một cái sạp tranh có mái che rất mát, tuy thô sơ, cũ kỹ nhưng sạch sẽ, thêm một cái chum chứa nước mưa để cho người đi đường ghé vào uống nước nghỉ chân. Hầu như ở ngã ba nào cũng có sạp tranh như thế, một nét văn hóa rất hay của người Campuchia. Nếu ngồi ở đấy nghỉ ngơi thì tuyệt, bày cơm ra sạp, trời nắng nhưng gió mát, có nước mưa rửa mặt, rửa tay, ngồi ăn rất thoải mái. Nhưng ông Ba Quốc không chọn những chỗ như thế, mà đang đi ông nhìn thấy cái cây mồ côi tỏa bóng mát ven đường là bảo dừng lại. Mấy anh em xuống xe dọn dẹp trước rồi thầy trò ngồi ăn cơm, ngon thì được cơm nắm, mà không thì ăn bánh mỳ, chủ yếu nghỉ ngơi là chính.

Có lúc tôi hỏi:

- Chú ơi, sao chú không cho dừng lại những cái mái ngã ba đường có lu nước vừa ngon lành vừa mát?

- Cậu không sợ bị phục à?

Có cảm giác khi rời khỏi Thành phố Hồ Chí Minh là ông chuyển sang trạng thái khác, tâm thế khác, động tác khác, chứ ông không lẫn giữa chỗ này với chỗ kia.

Những dịp công tác từ Thành phố Hồ Chí Minh sang Phnom Penh là những chuyến đi rất thú vị, vì tôi được nghe ông Ba kể nhiều chuyện và đặc biệt được dừng ăn cơm ở Neak Loeang, rồi mới đi tiếp đến Phnom Penh. Tôi nhớ bên kia bờ Tây sông Mekong có một dãy quán, ở đó có

một quán của cô gái người Campuchia gốc Việt, bị tật một chân. Cô này có món ăn tuyệt ngon là canh gà chua ngọt nấu với tỏi phi, ăn một lần là không thể quên.

Ông Ba rất ít khi tạo quy luật nên tôi không hiểu vì sao lần nào đi lên Phnom Penh ông cũng bảo dừng ăn cơm ở quán đó, có thể tại vì ông thích ăn canh gà quá chăng? Mỗi lần ăn xong thanh toán tiền ông đều bảo: "Cho thêm người ta một ít". Có lẽ vì ông thấy cô chủ quán này bị tật, gợi cho ông nhớ tới người con dâu của ông là chị Thương - chị ấy cũng bị tật, nên ông không biết giúp đỡ như thế nào ngoài dặn anh em trả dư dư ra một chút, bao nhiêu ông không bận tâm, để cô chủ quán ấy có thu nhập tốt hơn.

Những chuyến đi với ông Ba đầy thú vị, những câu chuyện về con người, cách sống của ông, nghiệp vụ và thủ đoạn chuyên môn của ông...

Sau này tôi có thói quen là khi ngồi trên xe đi đường dài là không ngủ, cứ nghĩ về một vấn đề gì đấy thì rất sáng suốt, vì bối cảnh thay đổi liên tục, đi qua những miền đất khác nhau, cảnh vật khác nhau, với một vấn đề mình chịu khó miên man suy nghĩ thì rất sáng, khác xa kiểu ngồi trong phòng quanh đi quẩn lại. Hoặc có dịp ngồi máy bay đường dài hầu như tôi không để phí thời gian, luôn nghĩ về chuyện này, chuyện kia, hay đọc một cái gì đó bổ ích. Cái đấy ông không dạy tôi, nhưng ông tạo cho tôi thói quen như thế, tôi gọi đấy là lao động trí óc, lao động về thần kinh con người. Tôi đọc sách thì thấy các nhà khoa học cũng lý giải như vậy.

Cách đây vài năm tôi đi Nhật, kiểm tra sức khỏe, tôi hỏi bác sỹ: "Bây giờ tôi làm thế nào để tập thể dục, giữ sức khỏe,... các thứ...?". Ông bác sỹ bày cho tôi cách ăn uống,

rèn luyện thể lực giữ sức khỏe, tuy nhiên ông ấy nói: "Quan trọng nhất với con người đó là lao động trí óc, nó quyết định sống lâu hay không". Tôi hỏi: "Vì sao?", vị bác sỹ bảo thế này: "Anh lao động, tập thể dục ở cường độ thứ hai, thứ ba, thì năng lượng anh đốt chỉ bằng khoảng một phần ba khi anh lao động trí óc. Nếu con người có tập luyện đến mấy mà không suy nghĩ thì sẽ bị béo phì, trì trệ, đần độn, rồi sức khỏe yếu đi". Tôi nghiệm đều đúng cả. Mình bao nhiêu tuổi, hoàn cảnh nào, đều phải duy trì lao động, trong đó lao động trí óc là quan trọng hơn cả.

Chính ông Ba đã tạo cho tôi thói quen như vậy, khiến tôi phải suy nghĩ, tự đặt ra những câu hỏi mà chính mình phải trả lời, và cứ miên man như thế, mấy chục năm thành thói quen.

Câu chuyện về những nẻo đường Campuchia là như thế, và sau này những chuyến đi lặp lại ở biên giới phía Bắc, thầy trò rong ruổi, tôi lại tiếp tục được nghe, được học từ ông Ba nhiều điều.

Còn khi tôi bắt đầu "sổ lồng", thì lúc ấy, ông không còn ở bên tôi để kèm cặp nữa. Đó là những chuyến đi xa với nhiều họ tên khác nhau, nhiều cuốn hộ chiếu khác nhau, nhiều sứ mệnh khác nhau. Nhưng tôi luôn vừa đi vừa nghỉ ngơi, thư giãn, ngoài ra là suy nghĩ và đọc.

Ông Ba không dạy, nhưng chính ông đã rèn chúng tôi những thói quen như vậy. Ông không biết những thói quen xấu, nên tôi toàn học được ở ông những thói quen tốt. Có những điều mà ông không dạy, nhưng tự tôi học được từ cách sống của ông, từ cách làm việc và từ cách ông suy nghĩ.

CHƯƠNG BA

ÔNG BA VÀ ĐỒNG ĐỘI



CƠ CÁN ĐI SÂU - ĐIỆP VIÊN TRẦN VĂN TÁ

Những ngày ở Campuchia, ông Ba kể nhiều về thời kỳ ông hoạt động trong hậu địch từ năm 1954 đến năm 1974, khi ở Sài Gòn.

Ông Ba Quốc, tên thật là Đặng Trần Đức, sinh ngày 19 tháng Mười năm 1922 tại Thanh Trì, Hà Nội. Hồ sơ của Tổ chức ghi: *"Xuất thân từ một gia đình nghèo, bố làm tùy phái, sau Cách mạng làm công nhân, quê hương ngoại thành Hà Nội. Ngay từ thời niên thiếu đồng chí Đặng Trần Đức (tức Ba Quốc) đã phải vừa học, vừa phụ giúp gia đình, lúc ở với bố, lúc ở với ông nội, khi thành thị, khi nông thôn, học tập văn hóa không cơ bản, không tới nơi tới chốn. Cách mạng Tháng Tám thành công, 23 tuổi cũng mới coi như hết chương trình cấp 1 phổ thông và biết thêm vài chữ Hán.*

Trước cao trào vận động Cách mạng sôi nổi năm 1945 (nhất là từ sau mùng 9 tháng Ba năm 1945, Pháp đầu hàng Nhật), đồng chí Quốc đã bắt đầu gắn bó với cách mạng (tháng Năm năm 1945) và càng hăng hái tích cực lao vào hoạt động cách mạng từ sau ngày 19 tháng Tám.

Với nhiệt tình hăng hái của tuổi trẻ, đồng chí nhận tất cả mọi công việc được giao phó, kể cả những việc chưa hình dung được với sức mình phải làm như thế nào như Chủ tịch xã (ngay sau ngày

khởi nghĩa). Nhưng cũng từ các công tác đã làm, nổi lên sở trường và lòng ham thích của đồng chí là hoạt động truy nã và trấn áp kẻ địch. Khôn ngoan, tháo vát và không sợ hiểm nghèo.

Nhiệm vụ hậu địch chưa cụ thể, hình dung sơ bộ: bám địch (chủ yếu là bám bọn công an địch), báo cáo tin tức về chúng ra ngoài và ngoài sẽ chỉ thị hoạt động tiếp theo".

Ở hậu địch, ông Ba Quốc lấy tên là Trần Văn Tá.

Trong nghề tình báo, những cán bộ của ta được phái vào lòng địch để hoạt động thường gọi là tình báo viên. Nếu là tình báo viên quan trọng, hoạt động độc lập trong lòng địch thì gọi là cơ cán đi sâu. Còn điệp viên là danh từ để chỉ những người của địch được ta móc nối, cảm hóa, thuyết phục để hoạt động cho ta.

Ông Ba là một cán bộ cấp huyện, trải qua thời gian công tác ở Công an, chuyển sang Tình báo Quân đội, được chuẩn bị rất kỹ để phái vào Nam và chui vào mục tiêu cao sâu của địch. Vì vậy đương nhiên ông Ba là một tình báo viên, một cơ cán đi sâu. Tuy nhiên ông Ba lại làm việc cho cơ quan tình báo của địch, không chỉ của chính quyền Sài Gòn, tức Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo, trước đó là Sở Nghiên cứu chính trị của Trần Kim Tuyến, mà còn cả cho CIA và một số cơ quan mật vụ khác của phía bên kia. Vì vậy ông Ba cũng có thân phận của một điệp viên.

Tự đánh giá về bản thân mình trong giai đoạn hoạt động trước năm 1975, ông Ba Quốc tóm tắt như sau:

"Tôi Đặng Trần Đức, tức Trần Văn Tá, sinh năm 1922, trong một gia đình nghèo, cha tôi làm thợ mạ vàng cho một nhà in tại Hà Nội, tôi phải bỏ học làm nghề kẻ giấy giúp gia đình. Tháng Năm

năm 1945, tôi tham gia Mặt trận Việt Minh khu Hàng Trống. Cách mạng Tháng Tám, tôi làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời xã Thanh Trì, rồi về Hà Nội tham gia ngành Công an diệt bọn phản động Đại Việt và Quốc dân đảng. Kháng chiến bùng nổ, tôi là Trung đội trưởng Công an xung phong mặt trận Khâm Thiên, rồi Khu trưởng Đức Hòa, trong Ủy ban di cư Thanh Sơn. Tháng Năm năm 1949, tôi được giao công tác vào Hà Nội. Năm 1954, tôi được chỉ thị đi bằng con đường di cư vào Nam tiếp tục công tác. Ngày 20 tháng Năm năm 1974, tôi được báo giao thông bị bắt tại Suối Cụt và được chỉ thị ra căn cứ, tôi tới Cụm H67 ngày 27 tháng Năm, về tới đoàn ngày mùng 10 tháng Tám năm 1974".

Với cả hai thân phận đó thì ông Ba đã phát huy được năng lực, vị trí của mình có thể nói là hai trăm phần trăm. Chính vì thế ông đã trở thành một người không thể thiếu trong hệ thống cung cấp tin tức cho Tình báo Quân đội, qua đó phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh trong suốt thời gian dài chiến tranh.

Hồ sơ của Tổ chức năm 1967 đánh giá về thành tích của ông Ba Quốc như sau:

"Tóm lại từ năm 1964 đến năm 1967 ở cương vị nhân viên Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo nguỵ lúc lên lúc xuống, khi làm việc này, khi làm việc khác, hai lần không có liên lạc và hai thời kỳ có liên lạc, đồng chí Quốc đã báo cáo về được cho chỉ đạo những tin tức sau đây:

- Tình hình tổ chức và hoạt động (phân công, phân nhiệm, thay đổi...) của Sở Nghiên cứu chính trị và Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo nguỵ.

- Tình hình nội bộ ngụy quyền và tình hình hoạt động các đảng phái phản động (nhiều và cụ thể nhất là nội bộ Diệm và gia đình Diệm, tình hình đảng phái sau ngày Diệm đổ).

- Ý đồ Mỹ - ngụy lật đổ chế độ Sihanouk qua bọn Đáp Chuôn, năm 1966.

- Phát hiện cơ sở truyền tin của Mỹ xây dựng tại Hải Phòng, Nam Định và Hà Nội (chuyển cho Công an đánh giá tốt).

- Giải thoát được cho một cán bộ hoạt động của Thành ủy Sài Gòn (có sự phản bội của Huỳnh Kim Hiệp).

- Một số tin tức về tình huống chiến sự, đánh giá địch - ta của Phòng 2 Bộ Tổng tham mưu ngụy (từ năm 1965).

- Một số tin tức của Hội đồng Tình báo quốc gia".

Đánh giá 24 năm hoạt động trong lòng địch của ông Ba Quốc, hồ sơ của Tổ chức năm 1975 ghi như sau:

"Từ tháng Năm năm 1950 đến tháng Năm năm 1974, sau 24 năm hoạt động liên tục trong lòng địch, từ một con người như thế, trình độ văn hóa và chính trị như thế, được giới thiệu về nghiệp vụ như thế, trong công tác đã phấn đấu và trưởng thành đã hình thành một lưới tình báo chiến lược có giá trị cao sâu trong ngành An ninh tình báo của ngụy - một mục tiêu "rắn", tồn tại lâu dài.

Trong quá trình công tác được bình chọn 3 lần là Chiến sỹ thi đua, tặng thưởng Huân chương Chiến công (hạng Nhì và hạng Ba). Tổng hợp thành tích, đồng chí được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Khái quát những đặc điểm chủ yếu nhất về tổ chức chỉ đạo và cán bộ nổi lên những nét sau đây:

Về tổ chức và chỉ đạo:

- Khởi đầu phái khiển làm nhiệm vụ điệp báo cho ngành Công an. Khi có yêu cầu chính đốn tổ chức, cán bộ đã bám được địa bàn và chuyển thành nhân viên đi sâu phục vụ nhiệm vụ tình báo chiến lược.

- Dấu vết cách mạng khi bước vào hậu địch chưa được xóa hết, xâm nhập địa bàn theo phương thức "hồi cư" (1950). Mặc dù tình hình có nhiều biến cố không hay, nhưng nhờ chỗ dựa, lý lịch cán bộ được xác lập lại, trở thành hoàn toàn hợp pháp, bám được mục tiêu.

- Bảo vệ được nguyên tắc cự ly, đơn tuyến, tổ chức liên lạc bị vỡ nhưng không bị vỡ lở, tồn tại lâu dài 24 năm trong lòng địch.

- Từng bước chỉ đạo nắm được vấn đề, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, hướng dẫn đi sâu khai thác vấn đề danh nghĩa công khai chức nghiệp có trọng tâm, phát huy được tác dụng bảo vệ cách mạng mức độ cao cũng như thu thập được tài liệu có giá trị.

Về cán bộ:

- Nhiệt tình cách mạng, tự học, tự rèn, biết giữ gìn phẩm chất đạo đức trong sáng, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, xông xáo tháo vát, say sưa hoạt động, từ một quần chúng cách mạng vươn lên một cán bộ nòng cốt trong Quân đội. Rõ nét là một cán bộ cách mạng thành phần cơ bản, lớp nghèo thành thị, trình độ văn hóa rất hạn chế, làm tình báo nhưng tinh thần tích cực, tấn công rất tốt.

- Biết vận dụng nhiều thủ đoạn để tạo thế, tạo lực, mở rộng quan hệ, nhiều thủ đoạn khá độc đáo và có quyết tâm cao.

- Rất tin tưởng và trung thành với cách mạng. Tuy còn nhiều mặt nhận thức bị hạn chế (lý luận, phương pháp luận, nhãn quan

chính trị). Cán bộ đã hoàn thành nhiệm vụ của mình tương đối xuất sắc.

Về cá nhân đồng chí Ba Quốc có ưu, khuyết điểm:

Ưu điểm:

- Rất nhiệt tình với cách mạng, có tư tưởng táo bạo, bám địch, tấn công địch, ý thức trách nhiệm cao, ý thức tổ chức kỷ luật rất tốt.

- Rất say sưa trong công tác đánh địch trong lòng địch. Có nhiều thủ đoạn tích cực và khá độc đáo.

- Đạo đức, phẩm chất rất tốt; có nếp sống cần cù, giản dị và lành mạnh, không hề bị ảnh hưởng của nếp sống tư sản xa hoa trong lòng địch.

Khuyết điểm:

- Trên cơ sở nhược điểm kém lý luận (không được bồi dưỡng lý luận) nên phương pháp tư tưởng không toàn diện, suy nghĩ nhiều lúc còn cực đoan (đánh giá địch, ta), trong hành động thiếu cảnh giác (nhiều trường hợp), trong tác phong dễ có định kiến.

- Còn nôn nóng (giao thông liên lạc giai đoạn đầu và trong hành động mở trộm tủ đánh cắp tài liệu...).

Tóm lại:

Đồng chí Quốc là biểu tượng của một con người có nhiệt tình và phẩm chất cách mạng cao, say sưa công tác, tích cực tấn công địch, dám nghĩ dám làm, có khả năng hành động, mưu trí và thủ đoạn trong xử lý tình huống đối phó với địch".

Tự đánh giá về 24 năm công tác qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ông Ba Quốc viết:

"Suốt thời gian 24 năm, qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, được Đảng giao công tác hậu địch, tôi luôn luôn thể hiện được sự trung thành tuyệt đối với Cách mạng, với Đảng, thể hiện được sự căm thù địch sâu sắc và tinh thần tấn công liên tục, kể cả những khi mất liên lạc. Thể hiện được tinh thần thương yêu đồng chí, tin đồng chí và biết dựa vào nhân dân quần chúng để tiến hành mọi mặt công tác. Do đó trong quá trình công tác đơn độc trong lòng địch, xa lãnh đạo, xa tổ chức, tôi đã đáp ứng được những yêu cầu của trên đề ra. Tuy nhiên trong quá trình công tác tôi có mặt nhược về mặt tài liệu nguyên bản, cung cấp được ít so với yêu cầu.

Về phẩm chất đạo đức, trong suốt thời gian dài sống trong xã hội đầy xa hoa vật chất, tôi luôn giữ được tác phong đạo đức của đảng viên, sống giản dị, tiết kiệm công quỹ trong việc chi tiêu".

Khi đọc những nhận xét của tổ chức, cũng như tự kiểm điểm của ông Ba Quốc - tôi không thể hình dung được đấy là ông - thần tượng của tôi và những lớp cán bộ tình báo sau này. Những trang giấy, những dòng chữ khô khan, rất bình dị nhưng vô cùng nghiêm khắc như hồ sơ của một cán bộ rất đỗi bình thường để nói về cuộc đời hoạt động của một người anh hùng. Không có tổ chức thì không có anh cơ cán Trần Văn Tá. Không có anh Tá thì sẽ không có Anh hùng Đặng Trần Đức và đó cũng chính là cội rễ cho những thành công của ông.

Có rất nhiều câu chuyện chứng minh điều đó, nhưng để đánh giá kết quả ông đã thu được trong quá trình hoạt động trong lòng địch thì có vài câu chuyện mẫu mực mà tôi kể sau đây.

❖ Vụ 35 hồ sơ

Những năm 1959 - 1960, phong trào yêu nước của nhân dân ở cả nông thôn và thành thị dâng lên mạnh mẽ, bắt đầu cao trào Đồng khởi, chuyển cuộc đấu tranh chính trị thành đấu tranh vũ trang và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Tại Sài Gòn, nội bộ chính quyền họ Ngô bộc lộ mâu thuẫn gay gắt. Những người chống đối chế độ bị đàn áp, Phật giáo bị kỳ thị. Trần Kim Tuyến - người cầm đầu cơ quan mật vụ (còn gọi bác sỹ Tuyến), mặc dù có công củng cố chính quyền họ Ngô nhưng bị Ngô Đình Cẩn tìm mọi cách loại bỏ. Lúc này, Tuyến bắt đầu chán ghét gia đình họ Ngô, ông ta không chỉ là trùm mật vụ mà còn có mưu đồ chính trị riêng.

Ông Ba Quốc kể: "Bác sỹ Tuyến không giấu tôi quan điểm chính trị của ông. Ông ta không tán thành chế độ gia đình trị và cho rằng Ngô Đình Nhu phạm nhiều sai lầm, đàn áp Phật giáo, không được lòng dân. Ông ta giao cho tôi liên lạc với lãnh tụ Phật giáo để phát động phong trào chống Diệm - Nhu và lên kế hoạch hoạt động lật đổ. Nhưng kế hoạch bị lộ, bác sỹ Tuyến bị chuyển đi làm Đại sứ ở Cairo (Ai Cập), không còn làm Giám đốc Sở Nghiên cứu Chính trị và Xã hội Phủ Tổng thống nữa. Còn tôi được chuyển sang Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo".

Ngay sau khi vào Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Sài Gòn, ông Ba thâm nhập ngày càng sâu vào cơ quan mật vụ của địch. Ông tìm hiểu kỹ thực chất hoạt động của từng bộ phận của Phủ Đặc ủy. Trong đó, Cục Tình báo quốc nội là nơi ông có thể khai thác những tin tức cần thiết để phục vụ cho yêu cầu của cấp trên.

Tại Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Sài Gòn, ông Ba được bồi dưỡng nghiệp vụ tình báo chống Cộng và trở thành sỹ quan trợ lý của Cục trưởng Cục Tình báo quốc nội - thiếu tá Nguyễn Văn Giàu, người mà quá trình theo dõi ông thấy "giữ tủ tài liệu kỹ hơn giữ cái đầu mình". Tuy nhiên, ban đầu Nguyễn Văn Giàu lại tỏ ra lạnh nhạt với ông Ba, rất khó có điều kiện hoạt động hiệu quả, nên ông tìm cách lấy lòng tin của Giàu. Ông tiếp cận Đặc ủy trưởng là trung tá Lê Liêm, nói với Liêm rằng ông ở chỗ thiếu tá Giàu, được tin người Mỹ âm mưu lật đổ chế độ của Tổng thống Diệm nhưng thiếu tá Giàu tỏ ra không mặn mà nên không biết báo với ai. Lê Liêm bèn bảo với thiếu tá Giàu là ông Ba làm việc riêng cho hắn, những tin quan trọng ông Ba nắm được thì bỏ phong bì dán kín lại gửi riêng cho Liêm. Thực ra, thông tin về âm mưu của Mỹ mà ông cung cấp cho Liêm được lấy từ những nhân vật đối lập, trong đó có luật sư Trần Văn Tuyên. Từ đó, thông qua Liêm, ông Ba ngày càng bám sát Nguyễn Văn Giàu và tên thiếu tá này vì nể ông Ba một phép. Ông lợi dụng ngay mọi thời cơ để thâm nhập vào nơi cơ mật của bọn chúng.

Vì ông Ba phải gặp Lê Liêm hằng ngày, nên một buổi sáng ông không tới, Lê Liêm gọi điện tìm nhưng không được nên gọi điện bảo Giàu đi tìm. Từ lần đó, Giàu dặn ông Ba nếu có đi đâu thì báo cho hắn biết để Lê Liêm gọi thì hắn biết chỗ mà tìm. Quan sát giờ giấc làm việc của tên Giàu, ông Ba biết cứ 7 giờ 30 phút sáng thì Giàu tới phòng mở tủ ra làm việc, 9 giờ 30 phút đi uống cà phê, 10 giờ 30 phút trở về nhận tin hay tiếp xúc với các trưởng SOC (Sở Giao dịch

Dân sự), ký các giấy tờ công văn cho hết ngày. Sáng thứ Bảy, Giàu tiếp cố vấn Mỹ Tom Barret, chiều thứ Bảy nghỉ.

Một buổi sáng, ông Ba cầm một chồng giấy tờ lên phòng Giàu, đến trước cửa thì dừng lại. Tên Giàu nhìn thấy biết ý bảo: "Chắc anh cần làm việc riêng cho ông Liêm, anh cứ vào bàn giấy của tôi làm việc, tôi đi uống cà phê một lát không sao". Sở dĩ nói vậy vì Giàu biết phòng làm việc của ông Ba đông người, không tiện ngồi làm những việc quan trọng của sếp. Ông Ba được lời, bèn cảm ơn và ngồi vào bàn làm việc của Giàu.

Cũng vào thời gian đó, ông nhận được chỉ thị của cấp trên: Bằng mọi giá phải lấy được toàn bộ hồ sơ về mạng lưới gián điệp của đối phương cài cắm tại miền Bắc Việt Nam, các nhóm gián điệp mà Pháp cài lại và chuyển giao cho Mỹ. Tìm cho được đường dây liên lạc cũng như việc Mỹ đưa các nhóm gián điệp ra miền Bắc để hoạt động tình báo, phá hoại.

Nhận được chỉ thị, ông Ba tìm hiểu và xác định chính Giàu là người chỉ đạo các nhóm nội gián của Pháp đã chuyển giao cho Mỹ tại miền Bắc. Và chiếc tủ tài liệu mà Giàu "giữ hơn cái đầu mình" chính là nơi lưu giữ các hồ sơ đó. Một lần tên Giàu sơ ý, ông Ba đã sao lại được mẫu chìa khóa tủ tài liệu của hắn.

Từ đó, mỗi khi Giàu đi ra ngoài, ông Ba mở tủ tài liệu của hắn, ghi lại toàn bộ hồ sơ những cán bộ của ta làm gián điệp cho địch, trong đó có thông tin về một bí thư tỉnh ủy, hai tỉnh ủy viên và một cán bộ Quân đội hàm cấp tá. Ông cũng phát hiện tập hồ sơ về các ổ gián điệp do Pháp cài lại ở miền Bắc, sau chuyển giao cho CIA mang tên "STAY BEHIND IN NORTH VIETNAM" - chính là những hồ sơ

mà cấp trên yêu cầu ông phải lấy cho bằng được. Khi có thời cơ, ông Ba lấy tài liệu trong tủ ra ngồi chép lại. Mỗi hôm chép một ít. Cứ mỗi lần nhìn thấy cửa phòng làm việc của tên Giàu hé mở là ông lại ôm giấy tờ lên, tên Giàu biết ý vội vàng xếp đồ vào cặp rồi nhường chỗ cho ông Ba ngồi làm việc. Khoảng nửa tháng, ông Ba chép hết 35 bộ hồ sơ về 35 ổ gián điệp cài ở miền Bắc. Trong thời gian đó, chỉ có một lần ông bị nữ thư ký đánh máy tài liệu mật tên là Nguyễn Thị Lệ vào phòng bắt gặp đang đứng cạnh tủ tài liệu của Giàu. Nhưng cô ta không tỏ thái độ ngạc nhiên, vì vẫn thường thấy ông ngồi làm việc tại bàn giấy của tên Giàu, việc ông đứng trước tủ hay ngồi ở bàn thì cũng không có gì lạ.

Ông Ba chỉ chép tài liệu trong khoảng thời gian tên Giàu đi uống cà phê, trước khi tên Giàu về là ông cẩn thận đem tài liệu trả lại đúng chỗ rồi khóa tủ lại. Tên Giàu thì cho là ông Ba đang làm những việc tối quan trọng cho Lê Liêm nên trong khi ông Ba làm việc thì hắn không vào phòng vì giữ ý tứ. Ông Ba đã gửi tất cả những hồ sơ chép tay này về căn cứ.

Ông Ba bảo với tôi, đây là một trong những nhiệm vụ cực kỳ khó khăn, đặc biệt là khâu tiếp cận tủ hồ sơ của tên thiếu tá Nguyễn Văn Giàu. Vụ 35 hồ sơ này theo lời ông thì "là một cái vố lớn nhất", nhưng lấy cũng lâu nhất, ghi chép nhiều nhất lên đến hàng trăm trang giấy, bởi hồi đó ông xem và chép lại chứ không dám lấy. Việc trực tiếp chép vào ban ngày những lúc mà thiếu tá Nguyễn Văn Giàu đi uống cà phê là cực kỳ nguy hiểm và công phu vì hồ sơ rất chi tiết.

"Tôi không dám lấy vì kế hoạch nó đang thực hiện, lấy là bị nó phát hiện ngay" - Ông bảo vậy.

Cứ như vậy ông đã ghi chép lại từng bộ hồ sơ, nhưng khi còn bộ hồ sơ cuối cùng thì gặp chuyện. Ông kể, hôm ấy đang tập trung ghi chép thì nghe thấy tiếng bước chân của tên Giàu quay trở lại, nên định rút chìa khóa ra.

"Lúc ấy tôi cuống lên không biết làm gì cậu ạ, cứ ghì cả giày vào tủ sắt để kéo cái chìa ra mà nó bị hóc kéo mãi không được, cuối cùng chìa khóa... gãy. Tôi nghĩ bụng, thôi chết đến nơi rồi, may mà thằng ấy nó về có việc một chút xíu xong đi luôn" - Ông Ba hồi tưởng.

Khi thiếu tá Giàu quay đi, ông Ba mới hoàn hồn, lấy cái tăm hỳ hụi gẩy lấy gẩy để, cuối cùng cũng kéo được đoạn khóa gãy ra. Hôm sau ông lại vào làm tiếp.

Tôi nghe chuyện có hỏi ông:

- Chú có chụp ảnh lại không?

- Thực ra hồi đấy cũng có máy ảnh, tất nhiên là máy ảnh mua ngoài chợ thôi, cũng có thể chụp, nhưng lỡ nó vào thấy tôi cầm máy ảnh, thì không chối vào đâu được.

Rồi ông dặn tôi:

- Khi hoạt động ở địch hậu, ai thì tôi không biết nhưng với tôi thì không bao giờ sử dụng bất kỳ dụng cụ kỹ thuật tình báo chuyên nghiệp nào. Ví dụ máy ảnh mini, máy ghi âm chuyên dụng, các loại cảm biến, phương tiện liên lạc đặc biệt của ngành Tình báo... đều không xài. Nếu cần quá thì tất cả ra chợ, dùng đồ chợ, lỡ khi bị bắt thì còn đường mà cãi.

Ông Ba giải thích, những thứ đồ "đặc chủng" thì chỉ cơ quan tình báo mới có, nên nếu bị bắt, nó thấy trong người mình thì coi như "xong". Nhưng, "nếu anh dùng đồ chợ thì may ra còn cãi được". Rõ ràng với một máy ảnh thông thường thì còn dễ bao biện chứ một máy ảnh mini chuyên dụng thì không cãi vào đâu được.

Ở nhà, anh Vũ (con trai ông Ba Quốc) chụp tài liệu cho ông cũng bằng máy ảnh du lịch treo trên giá, có đèn riêng. Máy ảnh thì mua ngoài chợ, giá thì tự làm bằng gỗ. Đêm xuống Vũ mới chụp, rất cẩn thận, bao giờ cũng phải chụp hai bản, một bản đi đường này, một bản gửi đường kia ra căn cứ, bấy giờ ông Ba mới tạm yên tâm.

Tuy nhiên, ông Ba bảo bên cạnh đó mình cũng không tin lắm vào kỹ thuật, nên chép tay cho chắc. Ông cho rằng: "Tôi sợ chụp ra nó hỏng mà tài liệu quý quá!".

Nói như thế để thấy hành động bằng vật dụng thô sơ, cách làm hơi "thiếu chuyên nghiệp" nhưng đem lại hiệu quả rất cao. Thực ra đó là cách bảo đảm an toàn cao nhất cho ông.

Có lẽ đó là một trong những kinh nghiệm đặc biệt nhất của ông khi hoạt động điệp báo trong lòng địch.

Về nhiệm vụ này, ông Mười Hương (đồng chí Trần Quốc Hương - nguyên Bí thư Trung ương Đảng, Nguyên Trưởng ban Nội chính Trung ương) sau này đánh giá: *"Những thông tin anh Ba Quốc chuyển về được gửi ra Hà Nội, chuyển qua chỗ anh Trần Quốc Hoàn (Bộ trưởng Bộ Công an lúc đó), sau này ảnh còn gửi về hàng chục hồ sơ nữa. Các ổ gián điệp đó đã bị ta làm sạch hết, đó là thành công lớn của chúng ta. Ta cài người vào trong các cơ quan của nó thì rất nhiều, còn Mỹ cài vào được bao nhiêu đều bị ta tóm sạch".*

Ông Ba kể rằng, trong số 35 hồ sơ ông ghi chép được, ông nhớ nhất hai kế hoạch quan trọng của địch chuẩn bị đánh phá miền Bắc.

Hồ sơ thứ nhất về một toán gián điệp được cử từ trong Nam ra, đem theo những khối chất nổ được ngụy trang là những cục than đá, dùng để chạy tàu hỏa. Trước đó, các cục than thật mà ngành đường sắt sử dụng đã được gửi từ Hà Nội vào Nam làm mẫu để cơ quan mật vụ Sài Gòn làm giả các khối chất nổ tương tự để ngụy trang, sau đó chuyển ra miền Bắc, đưa trở lại các chuyến tàu, khi đốt lò chạy tàu sẽ gây nổ. Mục đích nhằm phá hoại tuyến đường sắt tiếp tế từ Hà Nội vào tiền tuyến, cũng như triệt đường vận tải của ta nhận viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa.

Khi nắm được thông tin này, ông Ba đã báo ngay ra ngoài. Ông cho đây là vụ việc rất nhỏ, tuy nhiên, với thông tin ông báo ra đã vô hiệu hóa nhiều nguy cơ cho miền Bắc vì nếu để tình huống ấy xảy ra thì rất nguy hiểm.

Vụ thứ hai mà ông Ba nhớ, đó là tìm "bảy điện đài". Đây là ổ gián điệp được chính quyền thuộc Pháp cài lại ngoài Bắc năm 1954 sau đó chuyển giao cho CIA Mỹ. Mỗi nhóm này gồm có nhân viên, có đường dây liên lạc với "quan thầy" trong Nam, thậm chí có cả điện đài để tiện liên lạc khi cần. Mỗi điện đài có một quy ước liên lạc mật để khi gián điệp từ trong Nam ra chỉ việc đến nhận điện đài có sẵn, liên lạc vào Nam. Đây là nhiệm vụ mà Trung ương rất cần ông Ba thực hiện. Trong quá trình sao lại hồ sơ trong tủ của tên Giàu, ông Ba đã phát hiện bảy ổ nhóm này và báo ra đầy đủ địa chỉ, tên tuổi.

Sau này ra Hà Nội, ông mới biết Quân đội đã phối hợp với Công an, sử dụng các điện đài này đóng giả tổ chức địch ở ngoài Bắc để tiến hành phương thức phản tình báo. Địch đưa biệt kích, gián điệp ra Bắc thực chất là do ta "đạo diễn". Và với "trò chơi" phản tình báo thực hiện với địch, ta đã bắt được nhiều lần địch thả dù hoặc vận chuyển bằng đường bộ đưa gián điệp, chất nổ, phương tiện hoạt động ra miền Bắc.

Sau giải phóng miền Nam, ông Ba cũng được xem bộ phim "Cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn" - cốt truyện của phim chính là về vụ lấy số hồ sơ trong lòng địch của ông.

❖ Sự kiện Tết Mậu Thân 1968

Hồi đó, khi nghe ông kể về thời gian hoạt động ở Sài Gòn, tôi có hỏi thêm ông:

- Có một số sự kiện rất nổi bật trong kháng chiến chống Mỹ, đấy là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, trận đánh Thành cổ Quảng Trị, hay sự kiện B-52 đánh phá Hà Nội... thì chú đã báo cáo ra ngoài Hà Nội được những gì và tác dụng của những tin tức ấy như thế nào?

Câu trả lời của ông Ba về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân có những điểm riêng biệt so với những đánh giá chính thức của ta sau này.

Ông cho rằng, về mặt chính trị ta đã thắng lớn ở ba phương diện: Thứ nhất, làm rung chuyển chính giới Mỹ, buộc Mỹ phải xem lại việc can thiệp trực tiếp quân sự vào Việt Nam. Ngay sau thời điểm Mậu Thân, trên cơ sở các kế hoạch "Thần lằn", kế hoạch hậu chiến, Mỹ đã đặt ra

chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", còn được gọi là "thay màu da xác chết", thực chất là để chuẩn bị rút quân - đó là tác dụng lớn nhất của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân.

Tác dụng thứ hai của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân là buộc Mỹ chấp nhận xuống thang chiến tranh, tạm thời chấm dứt ném bom ở miền Bắc cũng như ở các khu vực giáp giới tuyến.

Tác dụng thứ ba là làm thay đổi một cách tương đối cơ bản cục diện chiến trường khi mà ta từ thế phòng thủ, chủ yếu đối phó với các cuộc càn quét của quân Mỹ và chính quyền Sài Gòn vào vùng giải phóng hoặc căn cứ của Trung ương Cục, Quân ủy Miền... đã chuyển sang thế tấn công. Quân giải phóng khi đó đã có thể tấn công các mục tiêu chiến lược của chính quyền Sài Gòn vào bất kỳ thời điểm nào, ở bất kỳ khu vực nào ở miền Nam.

Đấy là đánh giá chiến lược về kết quả giành được sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân của ông Ba. Tuy nhiên, ông Ba cũng băn khoăn, có cảm giác thông tin của mình không được sử dụng kịp thời, để giảm bớt tổn thất cho Quân giải phóng. Hồ sơ của Tổ chức sau này ghi như sau:

"Tháng Năm năm 1968, ta tiếp tục mở đợt 2 tổng công kích. Tám Hà về đầu hàng. Đồng chí Quốc được lệnh bám sát Tám Hà, phát hiện thái độ và lời khai báo của nó. Đồng chí Quốc không thực hiện được sau ba lần đi tìm hiểu nơi khai thác và giam nó nhưng cả Mỹ và bọn An ninh quân đội ngụy đều giữ kín".

Tám Hà - Chính ủy Sư đoàn 5 Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam, là cán bộ cao cấp nhất của ta lúc đó đầu hàng

và làm cho địch. Ngay khi biết được cấp bậc, chức vụ của Tám Hà thì CIA đã "bốc" Tám Hà đi biệt tích, và khai thác hắn ở nước ngoài. Ngay lập tức, Hà Nội điện vào giao cho ông truy lùng tung tích Tám Hà. Ông Ba không biết hắn ở đâu và không thể biết được Tám Hà khai những gì. Ngay cả chính quyền Sài Gòn cũng không biết. Nhưng ông có một số bạn bè làm trong cơ quan an ninh của Mỹ nên ông xác định: "Mỹ đánh giá rất cao Tám Hà, bởi toàn bộ kế hoạch của Việt Cộng sắp tới (tức là đợt 2) Mỹ đã nắm được hết". Ông Ba hiểu là Tám Hà đã khai hết tất cả những gì hắn biết, tức là toàn bộ kế hoạch tác chiến của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân hắn đã biết và khai báo cho địch ngay từ đầu đợt 1 rồi.

Vì thế, ông Ba điện ra Hà Nội thông báo là toàn bộ kế hoạch đợt 2 của ta Mỹ đã nắm được hết, và ông nghĩ, sẽ tốt hơn nếu ta điều chỉnh kế hoạch, hoặc giả là phải thay đổi cách đánh.

Vì ông Ba là tình báo trong lòng địch nên ông không được phép biết kế hoạch đợt 2. Nhưng ông được giao nhiệm vụ thực hiện trinh sát binh yếu địa chỉ các cơ quan trọng yếu của địch ở Sài Gòn, nghiên cứu mục tiêu tiêu diệt các lãnh đạo của Phủ Đặc ủy, các nhân vật chủ chốt của chính quyền Sài Gòn. Thậm chí, ông còn được giao nhiệm vụ cụ thể là "ám sát" hai tên Nguyễn Văn Giàu, Nguyễn Khắc Bình - Đặc ủy trưởng Phủ Đặc ủy và một số nhân vật khác.

Hồi tưởng lại giai đoạn này, ông Ba viết như sau:

"Bây giờ mới dẫn đến Tổng công kích Mậu Thân năm 1968.

Lúc bấy giờ anh Bảy Anh ở nhà tôi giao nhiệm vụ cho tôi phải ám sát ba thằng chỉ huy của Đặc ủy Trung ương Tình báo khi mà

Quân đội ta vào Sài Gòn. Chuẩn bị đâu ra đó, nhưng đến lúc mà tôi chuẩn bị làm nhiệm vụ đó thì quân ta không vào được. Như vậy ba ngày hôm sau nó đẩy quân ta ra xa thành phố. Phải nhận kế hoạch ám sát ba thằng chỉ huy, tất nhiên phía sau có anh Bảy Anh trợ giúp, lúc đó ta chuẩn bị chắc ăn lắm chứ, chắc ăn 100%, cuối cùng không vào được vì kế hoạch Tổng công kích Mậu Thân của mình bị lộ sớm quá".

Hồi ấy khi kể đến chuyện này, ông bảo với tôi:

- Một cơ cán đi sâu như tôi mà dùng vào việc "ám sát" coi như là hết chuyện, tức là "5 ăn 5 thua". Ta dự kiến tình thế chỉ có thắng thôi, nếu không thì...

Ông tự biết mình là người rất hiếm hoi nằm sâu trong lòng địch mà lại dùng để thực hiện nhiệm vụ ám sát, tức là kết cục chỉ có đi đến toàn thắng hoặc là sẽ đổ vỡ.

Cũng may đợt 2 của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân kết thúc sớm và ông không bị nhắc nhở gì thêm nên không phải thực hiện nhiệm vụ "ngàn cân treo sợi tóc" ấy.

Ông bảo:

- Tôi mà thực hiện nhiệm vụ ấy thì đã hy sinh rồi. Vì tôi sẽ không để bị bắt, chắc chắn là hy sinh, không thể vượt qua được. Mà nhiệm vụ được giao thì đương nhiên phải hoàn thành.

Chính vì vậy, về mặt chiến thuật ông cho rằng ta chưa hoàn toàn đạt được các mục tiêu mong muốn. Đặc biệt là từ đợt 2 theo phân tích của ông phía ta đã có tổn thất về lực lượng. Ngoài lực lượng quân sự của Quân giải phóng bị hy sinh, ông muốn nói đến toàn bộ lực lượng ngầm, cơ sở cách mạng của ta trong địch hậu lúc ấy bộc lộ và tổn

thất nặng nề. Thời điểm đó, ai cũng nghĩ như giải phóng đến nơi, có những cơ sở cách mạng còn đeo cả băng đỏ trên tay để chiến đấu. May mà các lực lượng tình báo, các cơ cán đi sâu chưa bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ mang tính chất hành động nên còn giữ được, nếu không cũng đã "trôi" sạch rồi.

Lý do mà ông Ba cho là một số mục tiêu về mặt chiến thuật chưa thực hiện được, là từ chuyện Tám Hà đầu thú. Nhưng sau khi báo ra, ông Ba không thấy điều chỉnh kế hoạch, mà diễn tiến vẫn đúng như những gì mình biết. Hơn nữa, không phải ngày nào cũng báo tin ra được, trong bối cảnh liên lạc vừa cách bức, vừa có thời hạn. Cho nên khi ông thấy những gì diễn ra ở đợt 2 đều đúng với những gì "tụi" Mỹ nói với ông về những bước đi của Quân giải phóng (mà Tám Hà khai), cũng đúng như những gì Mỹ và chính quyền Sài Gòn dự báo và chuẩn bị đối phó nên ông chỉ biết sốt ruột càng thêm sốt ruột.

❖ Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào và Chiến dịch phòng ngự Quảng Trị

Về Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào, (Chính quyền Sài Gòn gọi là cuộc hành quân "Lam Sơn 719") - với mục tiêu của địch là phá vỡ hệ thống hậu cần của ta tại Lào và cắt đứt đường Hồ Chí Minh để ngăn ta tiếp tế cho miền Nam, ông Ba nhận định đây là chiến dịch đầu tiên trong lịch sử mà quân ta thực hiện chiến thuật đánh mới - kiểu chiến tranh hiện đại "tác chiến quy ước của bộ binh có hỗ trợ của xe tăng và pháo binh để phản công".

Ông Ba nhìn nhận chiến dịch này từ góc độ thông tin của địch mà ông thu thập được. Ông cho đây mới là một chiến dịch thắng lớn của ta vì là lần đầu tiên toàn bộ lực lượng quân sự của chính quyền Sài Gòn tham chiến, có yểm trợ của không quân, hải quân Mỹ. Đây là mô hình thử nghiệm cho việc Mỹ sẽ rút quân. Trong chiến dịch này, quân số của ta khoảng 60.000 quân (tương đương 5 sư đoàn), địch khoảng 40.000 quân của chính quyền Sài Gòn và 15.000 quân Mỹ.

Mục tiêu của địch trong cuộc hành quân "Lam Sơn 719" là phá hủy hậu cần của ta, cho nên ta thành công ở góc độ bảo vệ được tuyến tiếp tế hậu cần, chứ không phải là mở rộng vùng giải phóng. Ông Ba cho rằng, đây là một trận thử sức, một chiến dịch mang tính chiến lược đầu tiên để chuẩn bị cho việc Mỹ rút quân và thí điểm một mô hình chiến tranh mới là "Việt Nam hóa chiến tranh", với lực lượng quân sự của chính quyền Sài Gòn trang bị vũ khí Mỹ, được sự yểm trợ hỏa lực trực tiếp từ không quân và hải quân Mỹ.

Còn về Chiến dịch phòng ngự Quảng Trị, địch có kế hoạch chiếm lại Quảng Trị trước ngày 13 tháng Bảy năm 1972 để mặc cả tại Hội nghị Paris nhưng đã không thực hiện được (đến ngày 16 tháng Chín mới chiếm được). Chúng lập kế hoạch chiếm Thành cổ Quảng Trị trong vòng hai tuần, nhưng ta giữ Thành cổ trong gần ba tháng. Đến tháng Chín năm 1972 tại Paris, Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger chấp nhận phương án ngừng bắn, rút quân Mỹ và ta bắt đầu rút quân khỏi Thành cổ sau 81 ngày đêm. Ông Ba cho rằng, việc quân ta cầm cự được trước sự phản công của một lực lượng địch rất lớn lúc bấy giờ ở khu vực Quảng Trị là điều mà ông không nghĩ đến. Ông nghĩ rằng đáng lẽ quân ta phải rút sớm hơn.

Vì sao như vậy?

Theo ông Ba, nếu như Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào ta đông hơn địch về quân số thì ở Chiến dịch phòng ngự Quảng Trị ta ít hơn cả về quân số lẫn vũ khí. Địch cũng áp đảo về hỏa lực nhờ sự yểm trợ trực tiếp của không quân và hải quân Mỹ.

Trong chiến dịch này, so sánh quân số hai bên thì quân của chính quyền Sài Gòn đông hơn nhiều, với khoảng 40.000 quân và vượt trội về uy lực vũ khí. Khi tác chiến đồng bằng, địa hình trống trải lại có điều kiện tự do cho oanh kích của không quân và hải quân Mỹ thì đó là những ưu thế "chín phần mười" quyết định thành - bại. Khoảng tám mươi phần trăm thương vong của quân ta là do không kích và pháo kích của địch, chỉ một phần nhỏ là do đọ sức với bộ binh. "Đấy là Mỹ nói như vậy!" - Ông Ba bảo. Và đấy cũng là những gì mà ông báo cáo ra ngoài.

Ông Ba nói:

- Quan trọng là với sự kiện này, Mỹ buộc phải quyết định rút quân. Cậu có biết rằng, hồi đấy tôi không chỉ biết Quảng Trị rất ác liệt, mà còn biết dư âm của Quảng Trị vào tới Sài Gòn nó khủng khiếp thế nào...

Rồi ông kể, mỗi ngày số quân ta hy sinh bao nhiêu thì địch không nói, nhưng quân địch chết thì chúng đưa xác về Sài Gòn, làm ma chay rất lớn, "tôn vinh" công lao của lính. Và để bù vào số quân bị hao tổn, chính quyền Sài Gòn bắt đầu bắt lính đến đối tượng là sinh viên (mà bắt lính đến sinh viên thì cũng gọi là cùng đường). Rồi các lực lượng quân sự, hậu cần của chính quyền Sài Gòn hầu như dồn hết ra Mặt trận Quảng Trị, tạo ra một tác dụng ngược là sự bất ổn trong tình hình chính trị, xã hội của Sài Gòn - đó là

thông tin được rỉ tai nhau: "Quân đội Sài Gòn không thể thắng được Việt Cộng".

Đến thời điểm ấy, cơ bản Mỹ đã rút một nửa quân số rồi. Như vậy có nghĩa, việc Mỹ rút quân không phải do Hiệp định Paris mà bản thân Mỹ sau một loạt chiến dịch giai đoạn 1971 - 1972 đã buộc họ phải chuẩn bị rút. Và chúng đã đẩy chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" lên một nấc thang mới.

Theo ông Ba, làn sóng di tản đầu tiên rời khỏi miền Nam là sau năm 1972, chứ không phải tới năm 1975. Một người có mối quan hệ gần gũi với ông Ba là bà Mai cũng di tản vào giai đoạn ấy. Lời nói cuối cùng của bà ấy với ông Ba là: "Không thể thắng được Cộng sản".

Cho nên, ông Ba nhận định Chiến dịch phòng ngự Quảng Trị là thắng lợi về chính trị và nó tác động trực tiếp ở chỗ, trước đây khi Mỹ đổ quân vào thì thương vong của lính Sài Gòn thì ít, lính Mỹ lại nhiều, bởi quân ta lúc bấy giờ cứ "nhằm Mỹ mà đánh". Nhưng đến năm 1972 thì quân đội Sài Gòn đính đòn trực tiếp, giao tranh ở Quảng Trị hầu như không có lục quân Mỹ tham gia. Nó tạo một rung chấn khủng khiếp trong chế độ Sài Gòn.

Đánh giá về Chiến dịch phòng ngự Quảng Trị, ông Ba Quốc đã viết như sau:

"Đến năm 1971, tôi báo cáo chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" coi như đã thất bại và ngụy quân, có yểm trợ tối đa của quân Mỹ chưa chắc đã đứng vững được, chưa nói là mở thêm Mặt trận ở Campuchia, cho nên tình hình lúc này nó bi đát như thế. Đến năm 1972 là năm có nhiều biến cố quan trọng nhất, năm mà ta đã làm tiêu tan mọi hy vọng của Mỹ về chiến tranh, vì năm 1971

ta đã đánh rã lực lượng của ngụy, năm 1972 ta đánh vào một cái điểm trúng nhất của nó. Cho nên năm 1972 đặt Mỹ vào một cái tình thế anh không ký Hiệp định không được. Mỹ - ngụy trở nên bi đát, đến năm 1973 thì Mỹ phải ký kết Hiệp định Paris".

Tình hình cứ thế tiếp diễn và đi đến chỗ chín muồi, hai bên đã ký tắt Hiệp định. Có thể nói, bầu không khí chờ đợi hòa bình tràn ngập Sài Gòn lúc bấy giờ.

❖ B-52 ném bom Hà Nội

Thời điểm năm 1972, vấn đề đặt ra là bao giờ đi đến hòa bình và mô hình sau Hiệp định là gì? Nhưng với ngành Tình báo ta, trong đó có ông Ba Quốc thì có một câu hỏi quan trọng và cấp bách hơn nhiều: "Trước khi ký Hiệp định Paris, Mỹ và chính quyền Sài Gòn định làm gì?".

Lúc ấy ông Ba có ba nguồn tin, đầu tiên là một sỹ quan người Mỹ (trung tá Aneo) mà ông quen, hắn bảo: "Mỹ không bao giờ chịu thua, mặc dù đã ký tắt Hiệp định. Mỹ cũng sẽ không chấp nhận ký Hiệp định nếu chưa dùng đến món cuối cùng là một cuộc tập kích chiến lược với toàn lực của không quân để hạ gục tinh thần của Hà Nội, nhằm đạt được phương án thỏa hiệp bất lợi cho Hà Nội, có lợi cho Mỹ và Sài Gòn". Cũng theo viên sỹ quan này, vấn đề đó Mỹ đã hoàn toàn thống nhất với chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

Theo lời tay này, thì con "ngoáo ộp" cuối cùng mà Mỹ dùng là B-52, chứ Mỹ không dùng vũ khí hạt nhân với Hà Nội, vì nếu dùng hạt nhân có nghĩa là cả miền Bắc và

miền Nam đều bị hủy diệt. Nên hắn khẳng định "đòn" cuối cùng Mỹ dùng là B-52 nhằm vào Hà Nội để hạ gục tinh thần chiến đấu trực tiếp, hy vọng khi ký kết thì Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ phải chấp nhận những điều khoản bất lợi, đồng thời tạo thuận lợi tối đa cho chính quyền Sài Gòn khi thực hiện Hiệp định trong tương lai.

Như vậy sẽ có một cú cực mạnh, gây sốc, đánh vào trung tâm Hà Nội bằng B-52 để chuẩn bị cho Hiệp định. Không bao giờ Mỹ chịu ký Hiệp định nếu chưa đạt được điều đó.

Đó là nguồn tin thứ nhất từ phía Mỹ.

Nguồn tin thứ hai là từ Phủ Đặc ủy, ở đó có một viên đại úy người Công giáo gốc, quê Hà Nội. Một hôm ngồi uống rượu với ông Ba, tự dưng hắn rưng rưng nước mắt:

- Anh chị tôi vẫn ở ngoài Hà Nội, thương anh chị tôi quá...

- Sao vậy?

- Anh chị tôi làm bác sỹ ở Bệnh viện Bạch Mai, vài ngày nữa thôi Hà Nội sẽ chịu một đợt oanh kích rất mạnh của Mỹ.

Lập tức ông Ba hiểu ra vấn đề Bệnh viện Bạch Mai sẽ là một mục tiêu quan trọng khi B-52 ném bom hủy diệt Hà Nội. Chủ tâm của Mỹ là muốn ném bom nhằm phá hoại tuyến vận tải đường sắt Bắc - Nam đoạn dọc theo trục Hàng Cỏ, Khâm Thiên... để chặn đường tiếp tế của ta vào Nam và Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân ở sân bay quân sự Bạch Mai. Các khu vực dân cư xung quanh, trong đó có Bệnh viện Bạch Mai rất dễ bị liên lụy do bom B-52 có độ tản mát trên dưới 1 kilômét.

Tên đại úy nắm được tin nhưng hắn không có cách nào báo cho gia đình rời khỏi Hà Nội. Vì hồi đó trong hình dung của các sỹ quan quân đội Sài Gòn, kể cả chính ông Ba, cũng nghĩ B-52 rải thảm đến đâu là chết sạch đến đó, không còn ngọn cỏ nào sống được, không còn người nào có thể tồn tại.

Nên bức điện thứ hai của ông Ba báo ra Hà Nội là: *"B-52 sẽ đánh vào nhiều địa điểm ở Hà Nội nhưng trong đó trọng điểm là khu vực sân bay Bạch Mai và đường sắt từ ga Hàng Cỏ"*.

Nguồn tin thứ ba, ông nhận định, Chiến dịch Linebacker II thể hiện sự thống nhất cao độ của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, đồng thời cũng là điều kiện của Thiệu buộc Mỹ phải làm trước khi đặt bút ký vào bản Hiệp định Paris.

Về mặt chính trị, đây gần như là một điều kiện thúc ép của chính quyền Sài Gòn, Mỹ có làm thế này thì chính quyền Sài Gòn mới chịu ký vào Hiệp định, mới tha cho Mỹ rút khỏi vũng lầy ở Việt Nam. Nhưng nếu chiến dịch thất bại thì đó cũng chính là lúc Mỹ buông Sài Gòn.

Đó là những thông tin ông Ba báo ra về chiến dịch tập kích đường không chiến lược Mỹ sẽ dùng B-52 đánh phá Hà Nội.

Ông nói với tôi, đóng góp của ông không lớn đối với các sự kiện lịch sử Tết Mậu Thân, Đường 9 - Nam Lào, Quảng Trị, hay chiến dịch phòng không bảo vệ Hà Nội cuối năm 1972. Nhưng sau này nhìn lại cả quá trình, thì tôi hiểu đó là những tin có giá trị lớn cho ta cả về mặt chiến lược, cả về mặt tác chiến.

Tôi không biết Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng của ta khi đó đã xử lý những tin tức ấy như thế nào. Nhưng diễn biến của các chiến dịch liên quan đều đúng với logic

mà ông Ba đã hình dung. Kết cục của các chiến dịch nêu trên đều đã đem lại thắng lợi từng bước vô cùng có giá trị về mặt chính trị để đi đến Hiệp định Paris, với mục tiêu đẩy Mỹ ra khỏi chiến tranh Việt Nam.

Bấy giờ ông Ba nói như thế vì ông suy nghĩ thực lòng. Ông bảo muốn cung cấp tin để chuẩn bị một chiến dịch thì phải báo cáo thật đầy đủ: kế hoạch của Mỹ như thế nào, của chính quyền Sài Gòn như thế nào, bao giờ nó đánh, lực lượng nó ra sao... Ông cho rằng như thế mới là giúp ích cho các chiến dịch này.

Nhưng bây giờ, suy ngẫm thì thấy, những thông tin có tầm chiến lược như ông kể mới có thể giúp lãnh đạo cấp cao đi đến quyết định chúng ta sẽ làm gì, sử dụng lực lượng như thế nào, kể cả phần thắng lợi, kể cả phần tổn thất, để hạ quyết tâm và giành chiến thắng trong từng chiến dịch, dẫn đến thắng lợi toàn cục mang tầm chiến lược của cuộc chiến tranh giải phóng.

NHỮNG CÂU CHUYỆN TRONG HẬU ĐỊCH

Giai đoạn hoạt động trong lòng địch trước năm 1974, ông Ba có điều kiện tiếp xúc với đủ các loại tình báo. Vì ông làm việc tại Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Sài Gòn, nên ít nhiều có sự cộng tác với CIA trong một số điệp vụ, gặp gỡ tình báo Israel, tình báo Anh (trong các chiến dịch "Thần lằn" Tây Nguyên...) và một số cơ quan tình báo khác. Trong quá trình làm việc, ông đã phát hiện nhiều hoạt động tình báo của nước ngoài ở Sài Gòn.

Tôi từng hỏi ông:

- Vậy có bao giờ chú phát hiện ra hoạt động của tình báo ta ở Sài Gòn không?

- Có, nhưng đều là những chuyện trớ trêu.

❖ Chuyện đồng chí, đồng đội bị địch bắt

Điều khiến ông canh cánh trong lòng chính là chứng kiến các đồng chí, đồng đội của mình bị bắt. Ông kể cho tôi nghe những trớ trêu đó liên quan đến những đồng đội của mình trong lòng địch.

Khi mới vào Nam, Tổ trưởng điệp báo đầu tiên của ông Ba là ông Văn Tùng. Thời điểm chân ướt chân ráo, ông Ba đặt hết niềm tin vào người Tổ trưởng của mình. Tất cả các đầu mối liên lạc vào ra với Trung ương của ông chỉ qua một đầu mối đó. Tuy nhiên, đúng lúc ông Ba đang trong quá trình lần mò chui vào hàng ngũ địch thì nghe tin ông Văn Tùng bị địch bắn chết. Đó là vào giữa năm 1955.

Buồn. Hoang mang. Vô định. Vì thế, ông Ba đã làm một việc vi phạm nguyên tắc, đó là đến nghĩa trang Phú Thọ thắp nén nhang viếng ông Văn Tùng. Về việc này, hồ sơ của Tổ chức ghi như sau:

"Đồng chí Quốc tới quan sát khu vực nhà ở của đồng chí Văn Tùng (xóm Chuồng Bò), thăm nơi chôn cất đồng chí (nghĩa trang Phú Thọ), không phát hiện vấn đề gì chứng tỏ có bố trí theo dõi hay nghi hoặc. Đồng chí tạm yên tâm".

Bởi vì thời điểm chân ướt chân ráo ấy, ông phải độc lập sống trong lòng địch, không còn niềm tin nào khác

ngoài việc bấu víu vào hai nhân tố: Một là lòng tin vào Đảng, vào Bác Hồ và hai là niềm tin vào Tổ trưởng điệp báo - người kết nối với bên ngoài để ông tiếp tục hoạt động.

Sau đó là khoảng thời gian rơi vào cảm giác hẫng hụt ghê gớm. Một thời gian sau, ông móc nối lại được với tổ chức.

Người thứ hai làm Tổ trưởng của ông Ba là ông Ba Hội. Ông Ba toàn tâm toàn ý thực hiện mọi nhiệm vụ và luôn thành công với những chỉ dẫn của ông Ba Hội. Nhưng cũng chỉ sau một thời gian, khi công việc vẫn còn khó khăn, ông chưa chui được vào lòng địch thì ông Ba Hội bị bắt.

Theo hồ sơ của Tổ chức: *"Vào tháng Năm năm 1958, đồng chí Ba Hội bị bắt, đồng chí Quốc cũng không biết bị bắt vì cơ quan nào của địch. Hộp thơ số 30 đường Gia Long (ông Tài Tuy) không sử dụng cho đồng chí Quốc nữa để cắt sự dính chùm".*

Lại một lần nữa ông Ba đứt liên lạc với tổ chức. Lần này ông cũng không biết phải xử lý thế nào.

Lần thứ hai bị đứt gãy để lại cho ông sự trống trải, lo lắng, bất an. Nhưng ông vẫn nhủ lòng giữ quyết tâm, kiên trì tìm cách kết nối với tổ chức.

Trong bối cảnh tâm tư rối bời ấy, ông Ba Quốc tìm đến địa chỉ liên lạc với ông Ba Hội.

Ông kể lại: "Tôi đến địa chỉ liên lạc, đó là một hàng giày, để tìm cách hỏi xem ông Ba Hội có dặn gì tôi không, thứ hai là làm cách gì có thể cứu ông Ba Hội. Nhưng khi gặp ông hàng giày, ông ấy hiểu sai ý tôi, ông ấy bảo: "Anh cứ về đi, tôi không khai gì về anh, ông Ba Hội cũng không khai gì về anh đâu!".

Tầm ý bị hiểu sai, ông Ba thất vọng đi về. Mãi đến sau này ông vẫn bứt rứt vì điều ấy.

Phải đến mấy năm sau, ông Ba Hội mới được ta giải thoát. Giai đoạn này cũng được ghi lại trong hồ sơ như sau: *"Tháng Năm năm 1964, đồng chí Ba Hội được ra tù. Căn nhà cũ của đồng chí Quốc đã thay đổi, đồng chí về ở khu vực Cầu Kiệu. Lần mò tới tháng Bảy năm 1964, đồng chí Hội mới tìm thấy chỗ ở của đồng chí Quốc. Từ tháng Bảy năm 1964 đến tháng Mười hai năm 1967, từ khi bắt lại được liên lạc với đồng chí Ba Hội, phục vụ cho Phòng Tình báo Nam Bộ (Phòng 22)".*

Như vậy, lần thứ ba, ông Ba lại liên lạc được với tổ chức. Nhưng lần này thì khác. Đó là năm 1964, khi ông đã có vị trí trong Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Sài Gòn, đã có được những tin tức chiến lược, nên tổ chức đổi phương thức chỉ đạo với ông. Đó là không sử dụng tổ trưởng nữa, mà chỉ sử dụng giao thông viên - trong tình báo gọi là chỉ đạo cách bức. Tức là, không có người chỉ đạo trực tiếp, chỉ giao nhiệm vụ và báo cáo tin tức thông qua những lá thư ngụy trang hoặc những bức điện mật.

Có thể hình dung công tác chỉ đạo điệp viên gồm: chỉ đạo thu thập tin tức, giao thông liên lạc, nghiên cứu tin, làm công tác chính sách, công tác đảng, công tác chính trị, lo bảo đảm hậu cần... Những việc ấy thường phải có con người cụ thể (là tổ trưởng), hoặc cả bộ máy để hỗ trợ cho một điệp viên. Nhưng lúc này, với ông Ba thì hoàn toàn không còn, chỉ có duy nhất chỉ thị bằng thư mật và những gì ông gửi ra ngoài cũng bằng đường thư mật qua giao thông viên. Còn lại do ông tự lo liệu.

Nói về những thành viên trong lưới của ông Ba, ngoài ông được phong Anh hùng, thì những giao thông viên của ông như bà Tư Trầu, ông Hai Thương (Nguyễn Văn Thương) cũng được phong Anh hùng. Hai người ấy cùng bà Bảy Anh (giao thông nội đô) chỉ phục vụ cho công việc của một mình ông Ba.

Về những người làm giao thông của ông Ba, tôi còn nhớ câu chuyện của bà Bảy Anh, một người phụ nữ miền Nam tuyệt vời. Bà làm giao thông nội đô cho ông Ba, chuyển tài liệu cho ông Hai Thương, đến mãi sau này, thỉnh thoảng ông Ba vẫn thăm lại bà. Còn ông Hai Thương, nhắc đến là ông Ba nói: "Ổng trung kiên lắm, không phải người nào cũng được như thế đâu!". Đợt ông Hai Thương bị bắt là đang mang tài liệu của ông Ba và một số người khác chuyển ra ngoài, lúc bấy giờ ông ấy đang ở dưới ruộng nên nhanh trí nhấn luôn tài liệu xuống bùn.

Ông Ba kể giọng rất xúc động: "Người của mình bị bắt chúng nó đưa về khai thác, cậu không thể tưởng tượng nó tra tấn rất dã man, chúng treo chân, dốc đầu, quãng độ hai tiếng thì máu dồn xuống hết đầu, chúng dùng que nứa nhỏ quật bốp một cái, người giãy nảy lên như bị điện giật. Hoặc chúng trói chặt để đầu không nhúc nhích gì được rồi để thùng nước trên cao, lâu lâu rỏ xuống một giọt, chỉ một giọt nước thôi mà như giáng một búa thật mạnh vào đầu, bức bối vô cùng... Địch nó tra tấn thì thôi hết chỗ nói, những cảnh đó tạo cho tôi sự căm thù tột độ. Nói gì thì nói, lâm đến cảnh đó mới biết anh là ai".

Khi ông Ba Hội bị bắt, bị giam mấy năm, ông không khai gì về ông Ba Quốc. Sau này ông Ba Hội được tổ chức

thu xếp cho ra tù, lại tiếp tục làm việc cùng ông Ba. Có lần ông Ba Hội còn đến khu cư xá Tân Định thăm ông Ba và gia đình, các con ông Ba gọi ông Ba Hội là "bác Hải". Còn ông Ba sau này cũng ra Bắc thăm ông Ba Hội, có lần ông còn dành dụm được 200 nghìn đồng để đưa cho hai vợ chồng người Thủ trưởng cũ, vì họ nghèo lắm. Hai vợ chồng ông Ba Hội bị bệnh, tuổi già, lẫn và yếu lắm nên ông nói ông nghe, bà nói bà nghe. Khi ông Ba Quốc gặp cả hai ông bà đều cười "hơ hơ hơ" hồn nhiên như trẻ thơ, mãi đến lúc hỏi:

- Có nhớ Ba Quốc không?

Lúc đó ông Ba Hội mới reo lên:

- Ba Quốc à, đèo mẹ! - Rồi ôm lấy ông Ba cười thật to.

Ông Ba luôn nói với tôi là người như ông Ba Hội rất kiên cường. Những người như thế quý vô cùng, mà ít ai biết đến - họ đúng là những người chiến sỹ đích thực, những anh hùng thầm lặng.

Tôi được nhiều lần theo ông Ba đến thăm ông Ba Hội. Người Tổ trưởng điệp báo nổi danh thuở nào giờ là một cán bộ trung cấp sống vô cùng giản dị tại một căn phòng rất nhỏ trong khu tập thể trên phố Đoàn Trần Nghiệp (Hà Nội). Ông ấy thật thà, tiếng cười đi trước tiếng nói, ở ông toát lên sự lạc quan, một sự bao dung, một sự hài lòng với cuộc sống. Còn ông Ba Quốc, mặc dù là Thiếu tướng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, là chỉ huy cao cấp của ngành Tình báo, vậy mà mỗi lần gặp ông Ba Hội như gặp người Thủ trưởng cũ, người anh đầy kính trọng và ông Ba Quốc rất lắng nghe lời ông Ba Hội.

Qua những lần gặp ông Ba Hội, tôi mới hiểu vì sao ông Ba Quốc ở lâu như thế trong lòng địch mà vẫn an tâm dù không có sự hỗ trợ trực tiếp của tổ chức hay của con người - đó hoàn toàn chỉ nhờ lòng tin vào đạo đức, vào đồng chí, đồng đội. Vì sao? Vì địch bắt và tra tấn ông Ba Hội gần chết mà nhất định ông ấy không khai ra ông Ba Quốc.

Ông Ba Quốc bảo: "Tôi sống là nhờ ông Ba Hội cậu ạ!" - đó là một người đồng đội, một người có dấu ấn sâu sắc nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng của ông Ba Quốc.

Ngoài những câu chuyện tình sâu nghĩa nặng với ông Ba Hội, ông Ba cũng nói với tôi về ông Mười Hương (đồng chí Trần Quốc Hương, sau này là Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Nội chính Trung ương), người mà ông Ba Quốc chưa gặp trước đó nhưng được đọc tài liệu và tìm hiểu về ông, về toàn bộ lưới tình báo miền Nam khi ông Mười Hương bị bắt.

Ông Ba nói với tôi: "Vào lòng địch nói không khai là không đúng đâu, vấn đề là khai đúng hay khai sai thôi, có đánh lừa được địch không, chứ không ai có thể im mãi được".

Ông phân tích, ở trong lòng địch khi bị bắt có hai khái niệm là khai và nhận, đầu tiên là nhận hay không cái đã: "Ông là ai? Tên gì? Ở đâu? Ông có phải tình báo Việt Cộng không? Ông có hoạt động như thế không? Ông có nhận không?". Đó là nhận.

Thứ hai là khai. Khai về tổ chức, khai về hoạt động, khai về tin tức. Nói là không khai gì, không nhận gì là không đúng, mà chỉ có điều là nhận đúng hay nhận sai, khai thật hay khai dối mà thôi. Ví dụ hỏi: "Ông có phải là ông A?"

thì bảo: "Tôi là B", "Ông làm việc này?", "Không, tôi làm việc khác" - đấy là nhận. Còn khai thì hỏi: "Ông hoạt động như nào?" - trả lời: "Tôi không hoạt động như thế này... như thế kia...".

"Ông Mười Hương cứng lắm cậu ạ, ông ấy nhận hết, nhưng mà khai thì không. Địch hỏi: Ông có phải là Mười Hương không? Ông bảo: Phải! Ông có phải chỉ huy lưới tình báo của Bắc Việt ở miền Nam không? Bảo: Phải! Thế bây giờ ông khai đi! Ông bảo: Không, khai thì tôi không!".

Theo ông Ba, ông Mười Hương là người duy nhất nhận, ông ấy nhận hết, ông biết là không thể không nhận, nhưng không khai. Ông Ba bảo, ông Mười Hương là người tuy ông chưa gặp khi ở trong hậu địch nhưng ông luôn coi đó là người thầy của mình.

Tấm gương của ông Mười Hương làm cho ông Ba thấy có những người mà ông tuy chưa gặp nhưng vẫn khâm phục họ - những cán bộ cách mạng, người lãnh đạo chỉ huy kiên cường. Ông Mười Hương biết rõ về ông Ba, ông mà khai thì ông Ba cũng chết, nhưng ông không khai, nên khi biết ông Mười Hương bị bắt, ông Ba vẫn yên tâm tin tưởng để tiếp tục hoạt động.

Ngoài ông Mười Hương, một người nữa mà ông Ba tôn là thầy - đó là ông Tạo Cuội (Tạo Doãn), người đầu tiên đưa ông vào hoạt động ngành Công an năm 1946. Trong trí nhớ của ông Ba, hình ảnh ông Tạo Doãn là người có nước da ngăm đen, mặt vuông hơi rỗ, rất độ lượng, thương yêu cán bộ và cũng rất thông minh, mưu trí, kiên cường khi chạm trán với địch. Ông Tạo Doãn được mệnh danh là "Vua vượt ngục". Ông Ba bảo: "Ông này hay lắm cậu ạ,

tôi không hiểu vì sao Pháp nó giam ở đâu ông ấy cũng vượt ngục được, kể cả Hỏa Lò, nhà đày Buôn Ma Thuột... Ông ấy vượt được hết".

Đó là nói về ba người chỉ huy, ba Thủ trưởng của ông Ba Quốc.

❖ Phản tình báo

Tôi từng hỏi ông Ba Quốc:

- Trong lòng địch, chú cũng đã có lần tham gia khai thác cán bộ của ta, người của ta thì chú đánh giá về họ như thế nào?

Ông Ba kể:

- Bị bắt vào tù rồi mà còn nuôi một chút đam mê là chết. Chỉ là ham ngủ một giấc có khi đã chết chứ đừng nói là ham gái với ham tiền. Ví dụ nhỏ là chỉ ham một giấc ngủ thôi. Nó cho anh ngủ từ 12 giờ trưa đến 3 - 4 giờ chiều, từ 9 giờ tối đến 5 giờ sáng, anh ngủ thế cho quen đi, sau đó nó tiến hành khai thác anh 24/24 giờ. Lúc đó anh thèm giấc ngủ hơn bất kỳ thứ gì trên đời - chỉ có cái đó thôi chứ đừng nói đến chuyện ăn, chuyện mặc, chuyện gái, chuyện tiền... Mà tôi dặn cậu đừng bao giờ uống Whisky.

- Chú ơi rượu gì chả say...

- Ừ, nhưng tôi dị ứng với rượu Whisky vì trong tù nó toàn cho các anh ấy uống Whisky. Mỗi ngày nó cho một ly, mười ngày nó cho đều đặn như thế đến ngày thứ 11 nó không cho là chịu không nổi. Vì cái ly rượu trong tù nó khác với ly rượu ngoài này. Cho uống quen xong, rồi

nó không cho nữa là sùi bọt mép ra. Cho nên vào trong tù người mà đứng được là người lột bỏ được hết mọi đam mê, chấp nhận kiểu gì cũng sống được, không còn thói quen, không còn sự thèm khát, không còn mong muốn gì thì mới có thể vượt qua được.

- Một cách khai thác không bạo lực nhưng rất bạo liệt chú nhỉ?

- Đau đớn khi nhìn thấy trường hợp địch nó cho uống rượu đều đặn xong không cho nữa, không thể chịu được, buộc lòng mỗi lần khai một chút, mỗi lần ép một chút, cuối cùng thua nó. Nhưng tôi giận nhất là có người bị nó dồn quá, nó đem sự sống ra hứa, buộc lòng người ta phải khai. Những lần như thế tôi chỉ muốn hét vào mặt anh ta: "Dừng lại đi, khai là chết!".

Ông Ba giải thích, trước đây đối với cán bộ cách mạng thì có hai loại tù: tù chính trị (cán bộ cách mạng, cấp ủy, đảng viên) do bên Nha Công an khai thác, còn riêng cán bộ tình báo thì Phủ Đặc ủy Tình báo khai thác. Khi cán bộ ta trong các đơn vị quân, dân, chính, đảng mà bị bắt thì địch sử dụng cơ quan phản gián, chuyên truy lùng cán bộ của đối phương, phát hiện, vô hiệu hóa, bắt, rồi đem ra tòa xử theo luật. Nhưng trong chế độ Ngô Đình Diệm và trong nghiệp vụ của CIA có một kỹ thuật khác, không phải là phản gián mà là phản tình báo. Tức là cơ quan theo dõi, đối phó với nhân viên tình báo ta không phải là cơ quan phản gián mà chính là cơ quan tình báo của địch. Chúng không xử theo luật, mà chỉ tập trung khai thác tin tức, dùng tình báo để đánh tình báo chứ không dùng an ninh, phản gián để đánh tình báo.

Cơ quan tình báo thì không có chức năng bắt, không có chức năng xử án, không đưa ra tòa mà chỉ bắt bí mật, khai thác bí mật để hiểu về đối tượng và khống chế để đánh trả. Nên khi cán bộ tình báo ta bị cơ quan tình báo địch bắt thì chỉ có ba con đường, một là không khai thì may ra còn sống cho đến ngày toàn thắng, hai là khai xong thì nó cho "đi cửa sau" (tức là thủ tiêu), ba là bị địch khuất phục, nhận làm việc cho địch. Nó huấn luyện rồi đánh trả về tổ chức của mình, bắt mình phải phục vụ đủ mọi yêu cầu của nó, đến khi không còn tác dụng thì nó sẽ lộ thông tin ra cho chính tổ chức của ta - cho các anh tự xử lý với nhau - đằng nào cũng chết.

Cán bộ tình báo của ta mà bị bắt đưa vào khai thác ở Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Sài Gòn thì có thể coi 100% là chết, chỉ có điều chưa khai thì địch nó sẽ "chưa cho chết". Cho nên đau lòng nhất là lúc cán bộ của mình bị lừa mà khai ra để mong được sống. Đây là bài học cho thấy sự thâm độc, trình độ cao của tình báo Sài Gòn lúc bấy giờ. Nhưng rồi, sự tài giỏi và phẩm chất kiên cường, bất khuất của tình báo ta đã vượt qua được, đối phó được với thủ đoạn cực kỳ nguy hiểm của hoạt động phản tình báo của địch.

Ông Ba kể, bao nhiêu cán bộ tình báo của ta bị bắt nhưng rất ít người khai báo thực chất về tổ chức. Cũng rất ít người nhận làm việc cho địch, gây hại cho ta. Điều đó thể hiện sự kiên cường và mưu trí của cán bộ tình báo ta, điển hình là ông Mười Hương. Ông Mười Hương biết là càng khai nhanh càng chết nhanh, nên ông nhận: "Đúng tôi là Mười Hương", "Đúng tôi là chỉ huy tình báo", nhưng bảo

khai thì ông: "Không!". Địch đưa ông ra nhà tù Chín Hầm (Thừa Thiên - Huế) ông cũng nhất quyết không khai.

Cũng phải nói thêm về phản tình báo, khi Ngô Đình Cẩn xây khu Chín Hầm ở Huế và tổ chức Đoàn công tác đặc biệt miền Trung do Ngô Đình Cẩn trực tiếp chỉ đạo và Dương Văn Hiếu làm Đoàn trưởng. Lúc bấy giờ tình báo ta xâm nhập vào miền Nam chủ yếu là từ Khu 5, gộp từ Quảng Trị đổ vào, còn gọi là tình báo miền Trung. Chỉ trong vài năm, Đoàn công tác đặc biệt miền Trung của Ngô Đình Cẩn đã đánh phá nặng nề lưới tình báo miền Trung của ta, trong đó có cả ông Mười Hương cũng bị "vỡ". Điều đó thể hiện kỹ thuật cao, sự tinh vi trong phương thức hoạt động phản tình báo của Ngô Đình Cẩn và Dương Văn Hiếu.

Sau này Ngô Đình Nhu giao cho Trần Kim Tuyến áp dụng hình thức này để đánh phá cách mạng ở Nam Bộ. Tuy nhiên, Trần Kim Tuyến chưa đạt được ý đồ của Ngô Đình Nhu nên Nhu đưa Đoàn công tác đặc biệt miền Trung do Dương Văn Hiếu chỉ huy từ miền Trung vào Sài Gòn, đặt cơ quan tình báo riêng ở đồn Cây Mai nhằm mục đích quét sạch lưới tình báo của ta ở Sài Gòn bằng thủ đoạn phản tình báo.

Dù không có thời gian học nghề tình báo, tuy nhiên, kỹ năng tình báo của ông Ba được hình thành từ quá trình tự bươn chải trong hàng ngũ công an thời Pháp thuộc, sau đấy là ở cơ quan an ninh, tình báo Sài Gòn, nên ông nắm được các kỹ thuật hoạt động bí mật về an ninh, tình báo và phản tình báo của địch.

Nhờ được địch tin cậy, ông trở thành người tổ chức, xây dựng và xúc tiến các kế hoạch tình báo trong quá trình phục vụ Trần Kim Tuyến, Ngô Đình Nhu và Đoàn công tác

khai thì ông: "Không!". Địch đưa ông ra nhà tù Chín Hầm (Thừa Thiên - Huế) ông cũng nhất quyết không khai.

Cũng phải nói thêm về phản tình báo, khi Ngô Đình Cẩn xây khu Chín Hầm ở Huế và tổ chức Đoàn công tác đặc biệt miền Trung do Ngô Đình Cẩn trực tiếp chỉ đạo và Dương Văn Hiếu làm Đoàn trưởng. Lúc bấy giờ tình báo ta xâm nhập vào miền Nam chủ yếu là từ Khu 5, gộp từ Quảng Trị đổ vào, còn gọi là tình báo miền Trung. Chỉ trong vài năm, Đoàn công tác đặc biệt miền Trung của Ngô Đình Cẩn đã đánh phá nặng nề lưới tình báo miền Trung của ta, trong đó có cả ông Mười Hương cũng bị "vỡ". Điều đó thể hiện kỹ thuật cao, sự tinh vi trong phương thức hoạt động phản tình báo của Ngô Đình Cẩn và Dương Văn Hiếu.

Sau này Ngô Đình Nhu giao cho Trần Kim Tuyến áp dụng hình thức này để đánh phá cách mạng ở Nam Bộ. Tuy nhiên, Trần Kim Tuyến chưa đạt được ý đồ của Ngô Đình Nhu nên Nhu đưa Đoàn công tác đặc biệt miền Trung do Dương Văn Hiếu chỉ huy từ miền Trung vào Sài Gòn, đặt cơ quan tình báo riêng ở đồn Cây Mai nhằm mục đích quét sạch lưới tình báo của ta ở Sài Gòn bằng thủ đoạn phản tình báo.

Dù không có thời gian học nghề tình báo, tuy nhiên, kỹ năng tình báo của ông Ba được hình thành từ quá trình tự bươn chải trong hàng ngũ công an thời Pháp thuộc, sau đấy là ở cơ quan an ninh, tình báo Sài Gòn, nên ông nắm được các kỹ thuật hoạt động bí mật về an ninh, tình báo và phản tình báo của địch.

Nhờ được địch tin cậy, ông trở thành người tổ chức, xây dựng và xúc tiến các kế hoạch tình báo trong quá trình phục vụ Trần Kim Tuyến, Ngô Đình Nhu và Đoàn công tác

đặc biệt miền Trung của Dương Văn Hiếu - bản chất hoạt động của ông chính là phản tình báo.

Qua làm việc cho địch, ông Ba hiểu được là mối quan hệ giữa các cơ quan an ninh, tình báo của chúng với nhau luôn "có vấn đề" và ông biết cách sử dụng mâu thuẫn của các cơ quan mật vụ đó trong cùng một chế độ ở Sài Gòn. Kiến thức của ông được rèn giũa bởi những yếu tố đó, chứ ông không học một chút nào về tình báo của Việt Nam, Liên Xô, Trung Quốc.

Khi cán bộ tình báo ta bị bắt vào cơ quan tình báo của địch, biết chắc không chạy đâu được nữa, biết chắc nó đủ cơ sở xác định mình là tình báo cộng sản mới bắt. Khi bị bắt vào cơ quan ấy, ít ai hình dung nổi cái kỹ thuật khai thác nguội của cơ quan tình báo ấy nó tinh vi, điêu luyện như thế nào, nhằm bẻ gãy mọi đối tượng để đạt được cái nó muốn. Nếu cứ đưa ra tòa thì theo pháp lý là "trọng chứng hơn trọng cung", nhưng nó không đưa ra tòa nên không cần chứng, nó chỉ cần cung thôi để tìm cách đánh phá Cách mạng. Bên cạnh đó bản chất khai thác phản tình báo là "ăn nguội", nghĩa là nó có thể giam anh 3 - 5 năm rồi đưa anh ra khai thác lại, về mặt tin tức, về hoạt động và về tổ chức. Quá trình khai của cán bộ là khai về nhân thân - tổ chức - tin tức, đấy là quá trình được coi là logic. Nhưng phản tình báo thì làm ngược lại, nó chưa cần xác định nhân thân, chưa cần làm rõ về tổ chức, mà nó cần tin tức luôn.

Ông Ba nói, khai thác của phản tình báo hiểm độc, đầy cạm bẫy để anh có thể sa chân. Mặc dù rất kiên cường, anh xác định chịu chết, nhưng vẫn sa chân nếu không hiểu thủ đoạn của địch.

Ông Ba Quốc kể:

- Cho nên với những cán bộ Cách mạng nhất là cán bộ tình báo bị địch bắt thì chuyện không nói gì, không khai gì - đó là điều không thể, vấn đề là nói đúng hay nói sai, nói có lợi hay có hại cho Cách mạng thôi, phân biệt là phân biệt cái đó. Tôi không bị bắt nên tôi không bị nghi ngờ, nhưng nếu tôi bị bắt chưa chắc đã hành xử được như các anh ấy.

Ông Sáu Trí - một người đồng chí, người bạn của ông Ba và là Thủ trưởng Phòng Tình báo Miền nói với tôi thế này:

- Cháu ạ, anh Ba ở trong lòng địch nhưng anh hiểu địch, có nhiều người trong lòng địch mà không hiểu địch đâu. Vì hiểu địch nên anh mới hiểu ta, mới biết ta như thế nào! Chính vì thế mà anh mới thành công và an toàn.

Tôi cũng từng thắc mắc việc ông có cùng tham gia việc sử dụng đòn phản tình báo với các đồng chí, đồng đội của ông và ông có cách nào để che chở cho đồng đội mình không? Nhưng ông bảo, ông không trực tiếp được Phủ Đặc ủy giao nhiệm vụ đánh bắt, khai thác các lưới tình báo của ta, mà làm Trưởng phòng An ninh nội bộ Phủ Đặc ủy - đấy là cái may của ông. Còn nếu phải làm việc đó thì ông sẽ tìm cách từ chối nhiệm vụ.

Tất cả những gì ông biết về phương thức hoạt động phản tình báo của địch đều được báo cáo ra Hà Nội, đó gọi là kỹ thuật tình báo. Thường là tin tức phải có con người cụ thể, vụ việc cụ thể, kế hoạch cụ thể, nhưng một trong những mảng báo cáo của ông Ba là báo cáo về phương thức của địch chống phá hệ thống tình báo của ta. Những điều ông biết được nhờ chứng kiến, kể cả tổn thất của ta cũng như thành công của địch, đều được báo cáo ra ngoài,

đã giúp các cán bộ tình báo sau này có cách đối phó với thủ đoạn, biện pháp của địch. Như vậy ông không giúp cho từng việc cụ thể, mà ông dạy cho những người đồng chí, đồng đội của mình "võ" đối phó với địch. Cái quý của ông Ba là ở chỗ đó. Sau này các lưới tình báo của ta cơ bản an toàn là vì đủ năng lực đối phó với thủ đoạn của địch - đây là cái mà ông Ba đóng góp không đo đếm được.

Trong lịch sử tình báo, một cán bộ tình báo chui vào cơ quan tham mưu của địch là mục tiêu "ngon" nhất, "cao" hơn mục tiêu ấy là chui vào cơ quan lãnh đạo của địch, đó là điều hầu như bất khả thi. Còn "sâu" hơn nữa là chui vào cơ quan tình báo của địch, bởi tình báo ta mà làm tình báo địch thì biết rất nhiều tin tức tối mật. Chỉ nội một điều, ông Ba nói thế này: "Một năm tôi chỉ cần biết yêu cầu điều tra của Phủ Đặc ủy là gì, ví dụ binh yếu địa chí Tây Ninh, cấu tạo địa chất sông Thạch Hãn, hay bản đồ này kia..." - rồi ông gửi toàn bộ cái gọi là yêu cầu điều tra của cơ quan tình báo địch ra ngoài. Qua đó, Trung ương sẽ hiểu đến 70% địch cần gì và chuẩn bị làm gì rồi. Những thông tin của ông, một là yêu cầu điều tra của địch, hai là thủ pháp chống phá Cách mạng của cơ quan tình báo phản gián của chính quyền Sài Gòn - đó là hai thứ vô cùng quý giá đối với hoạt động của tình báo ta cũng như phục vụ hoạch định chiến lược của cấp Trung ương.

❖ "Ván bài lật ngửa"

Sẽ ra sao nếu những người tình báo trong hậu địch nhận ra nhau?

Ông Ba kể, trong những ngày ở hậu địch, người mà ông Ba "có cảm giác" là tình báo Bắc Việt và có ấn tượng đặc biệt là ông Phạm Ngọc Thảo và ông Hai Trung (Phạm Xuân Ẩn).

Ông Phạm Ngọc Thảo là dân Công giáo, là trí thức "Tây học", trước theo Việt Minh (ông Thảo là nguyên mẫu mà giới điện ảnh đã xây dựng thành hình tượng nhân vật Nguyễn Thành Luân trong bộ phim "Ván bài lật ngửa"). Sau Hiệp định Genève "dinh tê" về Sài Gòn, ông rất được lòng gia đình họ Ngô, đến năm 1961 ông được Ngô Đình Diệm cử làm tỉnh trưởng Kiến Hòa (tức Bến Tre).

Ông Ba kể: "Có một điều tôi thấy ở ông Phạm Ngọc Thảo mà tôi không tin ông ấy là địch, đó là người rất chính trực. Ông ấy theo Công giáo nhưng lại thờ tổ tiên - tôi nghĩ: Ông này có vấn đề? Sau một thời gian theo dõi các giáo phái miền Tây Nam Bộ, tôi thấy ông Thảo là sỹ quan có uy tín, rất có năng lực của chính quyền Sài Gòn lúc bấy giờ, nhưng tất cả những điều ông ấy làm đều không có gì hại cho Cách mạng. Đó là điều mà ông Tạo Cuội dạy tôi khi vào địch hậu: Anh vào địch hậu không thể không làm cho địch, phải làm tốt thì mới được địch tin tưởng, như thế thì mới làm tình báo tốt cho tổ chức. Nhưng làm cho địch thì một yêu cầu đặt ra là không được gây thiệt hại cho Cách mạng". - đó là bài học vô cùng quý giá của ông trong hậu địch.

Ông Ba nhìn nhận một thời gian thì thấy tất cả việc ông Thảo làm không gây hại cho Cách mạng, nên đoán đó là người của mình, nhưng khẳng định thực sự ông Thảo là người của ta, thì phải đến cuộc đảo chính hụt của ông Thảo. Đảo chính thường là không đứng ở phe này thì phe kia, mà

lúc đó phe nào cũng phải có Mỹ đứng sau, nhưng ông Thảo thì không. Lý do thứ hai, nếu ông Thảo đảo chính thành công thì lợi cho ai? Mỹ không có lợi, chính quyền Sài Gòn không có lợi, các phe nhóm thuộc nội bộ chính quyền Sài Gòn cũng không có lợi.

Ông Ba nhận định: "Thế thì chỉ có Cách mạng đứng sau chứ còn ai". Vì thế, khi biết ông Thảo gặp nguy, ông Ba quyết tâm cứu nhưng không kịp. Ông Ba ân hận mãi. Mỗi lần nhắc đến ông Thảo là ông Ba trầm giọng. Ông kể, khi ông Thảo đã bị thương, tìm đường chạy vào nhà thờ Hố Nai (Đồng Nai). Nhưng bị Dương Văn Hiếu - Giám đốc Công an Trung phần, Đoàn trưởng Đoàn công tác đặc biệt miền Trung truy đuổi vào tận nhà thờ, bóp hạ bộ đến chết. Vị cha xứ trong nhà thờ cũng cố tìm cách cứu ông Thảo nhưng không được.

"Đến năm 1974 tôi ra ngoài này mới chính thức được xác nhận ông Thảo là người của tổ chức, trong khi ông Thảo mất từ năm 1965, từ khi đó tôi vẫn tin ông ấy là người của Cách mạng rồi". Ông Ba sau này tiếp cận hồ sơ mới biết ông Phạm Ngọc Thảo là cán bộ địch vận trực thuộc Xứ ủy Nam Kỳ, được ông Mười Hương tuyển chọn và nằm dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ông Lê Đức Thọ, từng được gặp Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ Lê Duẩn. Sau này, hồ sơ của ông Thảo được chuyển sang Tình báo Quân đội, nhưng hoàn toàn độc lập và cách bức. Rất không may cuộc đảo chính của ông Thảo bất thành, nếu không nó sẽ tạo điều kiện thuận lợi lớn cho Cách mạng miền Nam thời gian đó.

Tôi nhớ sau này giữa những năm 90 của thế kỷ XX, tôi gặp gia đình ông Phạm Ngọc Thảo, lúc đó ông Vũ Chính -

Tổng cục trưởng Tổng cục II trao quyết định Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân do Nhà nước truy tặng cho ông. Vợ ông Thảo từ nước ngoài về nhận. Quyết định phong Anh hùng ấy thực ra đã được ký từ nhiều năm, nhưng ông Ba chần chừ mãi không đồng ý trao, vì ông lo cho an toàn của gia đình ông Thảo ở nước ngoài. Sau một thời gian dài khi chắc chắn việc trao danh hiệu Anh hùng không ảnh hưởng gì đến cuộc sống gia đình ông Thảo, ông Ba mới đồng ý. Trong buổi gặp ấy, ông Ba kể lại chuyện này cho mọi người nghe, đấy là lần đầu tiên ông kể cho mọi người, nhưng câu chuyện đó ông đã kể cho tôi từ năm 1986 ở Phnom Penh (lúc bấy giờ ông Thảo chưa được phong Anh hùng).

Chuyện về ông Phạm Ngọc Thảo được ông Ba Quốc nói đến nhiều, về con người làm rất nhiều việc cho địch nhưng không có gì hại cho ta. Câu chuyện ấy để nói lên con mắt của ông Ba tinh tường như thế nào.

Đến bây giờ nếu xét về nghề nghiệp, tôi đã qua tất cả các lớp, trải qua tất cả các cương vị của ngành Tình báo nhưng cũng không thể có được cái tri thức như vậy. Trong bối cảnh như vậy, không thể nhìn ra được, khi tất cả là điểm mờ thì ông Ba tìm ra điểm sáng để quyết định hành động.

❖ Tình báo nhận ra nhau

Đây là câu chuyện mà ông Ba nhắc đến người đồng đội trong hậu địch là ông Hai Trung (Phạm Xuân Ẩn). Vấn đề không phải chỉ ở chỗ hai ông đã nhận ra nhau như thế nào, mà còn bộc lộ "điểm yếu" của ông Ba thời hậu địch.

Khi ông Ba ở Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo, trung tá Lê Anh Nghiêm - trợ tá Tổng Tham mưu trưởng, kiêm Đặc ủy trưởng Trung ương Tình báo nói với ông: "Có một tay nhà báo của tạp chí Times là Phạm Xuân Ẩn biết rất nhiều về Việt Minh, về Cộng sản, nên thông qua tạp chí Times tụi CIA nắm nhiều thông tin lắm. Anh nên tiếp cận xem tay này thế nào. Ông ta có hai đặc điểm: chơi chó và sáng nào cũng uống cà phê ở quán Givral trên đường Catinat".

Ông Nghiêm nói thêm: "Tụi Mỹ, tụi CIA có nhiều đầu mối thu thập tin tức, nhưng tụi nó bám ông Ẩn ghê lắm, để moi tin từ ông ta".

Ông Ba kể: "Thấy ông này tiếp xúc với tụi Mỹ tôi mới biết được nơi ông ta làm việc, và tôi chắc ổng có nhiều nguồn tin tốt nên tìm cách tiếp xúc".

Thông qua một người quen, ông Ba gặp ông Ẩn. Ông Ẩn rất cởi mở:

- Ông là ông Tá! Tôi biết ông. Nếu bên Phủ Đặc ủy các ông cần gì tôi sẽ cho ông hay, tôi sẽ cung cấp thông tin, tôi có rất nhiều thông tin.

Ông Ẩn giải thích rất cặn kẽ, đầy đủ:

- Vì tôi viết báo cho tạp chí Times, tôi lại có các mối quan hệ chỗ này chỗ kia, vì tôi được theo các cuộc hành quân của quân đội Sài Gòn...

Ông Ba ngẫm lại: "Điều đầu tiên làm tôi nghi ngờ là ông ấy giải thích quá nhiều, quá đầy đủ về nguồn tin của ông ấy".

Sau đó ông Ba tổ chức theo dõi ông Ẩn. Hồi đó ở Sài Gòn có khu chợ chim đối diện chợ Bến Thành (Quảng trường

Dân chủ, nay là khách sạn 5 sao New World - TG), sáng Chủ nhật nào ông Ẩn cũng ra đó, dắt theo con chó béc giê cao ngang thắt lưng. Qua một thời gian theo dõi, ông Ba phát hiện ông Ẩn có liên lạc bí mật ở đó - tức là ông Ẩn là nhân viên của tổ chức tình báo bí mật nào đó. Ông Ba làm báo cáo gửi ra ngoài về trường hợp Phạm Xuân Ẩn, một là nhân viên của một tổ chức tình báo, hai là ông Ẩn biết rất nhiều về Cộng sản, ba là Ẩn rất được CIA coi trọng và quan tâm. Ông Ba đề nghị có phương án "xử lý Phạm Xuân Ẩn".

Sau một thời gian ông Ba nhận được thư gấp là từ nay không được liên quan gì đến Phạm Xuân Ẩn, không nghiên cứu, không tiếp xúc, không được hỏi han gì tới Phạm Xuân Ẩn. Ngay lúc đấy ông Ba đoán biết ông Ẩn là người của mình.

Nhưng ông bảo với tôi: "Cậu ạ, như ông Ẩn mà là người của Cộng sản thì cũng lạ. Ông này ăn chơi lắm, hút xì gà, đi giày xăng đá, tay dắt con chó béc giê, nói tiếng Anh rất điệu nghệ, và chuyện tiếu lâm của ông này có thể nói cả năm không hết, tụi Mỹ vây xung quanh nghe cha này nói chuyện tiếu lâm mãi không chán - thế mà ổng là người của mình thì hay thật!".

Trong bối cảnh khi đó, hai ông không biết nhau, nhưng ngồi trao đổi với nhau thấy có gì đó "Cách mạng" quá, như thế mà tiếp xúc có khi mất cả hai. Cho nên, ông Ba bảo: "Ở ngoài chỉ thị như thế nên tôi stop (dừng) luôn".

Có lần được dự một cuộc gặp giữa ông Ba và ông Hai Trung, tôi có hỏi ông Hai Trung:

- Hồi đấy chú Ba nghi chú làm cho CIA, định đề nghị Trung ương xử lý chú, còn chú nghĩ chú Ba thế nào?

- Ông Ba có điều mà tôi hơi thắc mắc, ổng là người có chức có quyền, với vị trí đó ông ấy hoàn toàn có một cuộc sống rất đầy đủ, sung túc. Nhưng tôi thấy ổng sống rất giản dị, trong sạch. Ổng là một công chức ở Phủ Đặc ủy rất có thế lực, có quyền lực, đáng ra ông phải nhiều tiền, phải ăn chơi mà tại sao ông vẫn "sạch"?

Tôi hỏi lại ông Ba:

- Sao chú không sống giống mọi người trong chính quyền Sài Gòn hơn một chút, buông thả một chút có sao đâu?

Ông trầm ngâm một lát:

- Có lẽ như thế sẽ thuận mắt thiên hạ hơn, nhưng ngược lại có khi chính lối sống đấy sẽ làm mình "mòn" đi mà xa rời tổ chức, xa rời lý tưởng.

Lại một lần nữa các ông tình báo nhận ra nhau, sơ hở duy nhất của các ông là giữ được đạo đức trong cuộc sống giữa lòng địch.

Qua chuyện này thấy được ông Ba cũng như những cán bộ tình báo tài giỏi khác làm được việc là vì các ông có lòng tin, dù trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, kể cả khi không còn liên lạc với tổ chức, không mệnh lệnh mà vẫn thực hiện nhiệm vụ của mình, vượt qua mọi khó khăn nhờ vào lòng tin. Lòng tin ấy không phải chung chung, mà với những con người cụ thể, với một đạo đức, trí tuệ và đặc biệt là sự trung thành với nhau thì người ta mới giữ được lòng tin. Với những cán bộ tình báo của ta, qua những gì ông Ba Quốc kể, có lẽ cái sơ hở lớn nhất của các ông giống nhau, đó là các ông có quyền lực, có điều kiện nhưng lại sống tốt,

sống có đạo đức trong môi trường của địch - tất cả các ông ấy đều nhìn ra nhau như thế.

❖ Sống sót giữa những cuộc đảo chính

Thời gian làm việc cho Trần Kim Tuyến, ông Ba nắm được cuộc đảo chính Diệm diễn ra ngày 11 tháng Mười một năm 1960 của đại tá Nguyễn Chánh Thi - người tin cẩn của Diệm, nhưng vụ đảo chính thất bại, ông Ba cũng bị Trần Kim Tuyến nghi ngờ dính vào nên nhân cơ hội này ông xin Tuyến cho chuyển sang Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo, nhưng Tuyến không đồng ý mà giao cho ông điều tra vụ đảo chính và sau đó là vụ ném bom vào Dinh Độc Lập (ngày 27 tháng Hai năm 1962). Đây là cơ hội để ông Ba tìm hiểu sâu hơn về nội bộ địch.

Trong thời gian này, ông Ba nhận được chỉ thị của Trung ương, "trưng dụng" ông thực hiện một nhiệm vụ đột xuất tại Campuchia - đó là theo dõi, phát hiện và vô hiệu hóa cuộc đảo chính Quốc vương Sihanouk của Đáp Chuôn - Tỉnh trưởng Siem Reap khi đó. Cuộc đảo chính này do CIA đứng đằng sau, có sự phối hợp của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Sài Gòn - nhằm thủ tiêu Quốc vương Sihanouk, lật đổ chế quân chủ - trung lập Campuchia, đưa Lon Nol - Sirik Matak lên cầm quyền.

Từ đầu năm 1962, ta đã khắc phục được một số khó khăn do vụ "vỡ" năm 1957 và dần dần phái được một số cán bộ vào địa bàn Nam Bộ. Phong trào yêu nước ở cả nông thôn và thành thị dâng lên mạnh mẽ, nhất là từ sau cuộc Đồng Khởi, đấu tranh vũ trang, Mặt trận Dân tộc Giải phóng

miền Nam Việt Nam ra đời. Tại Sài Gòn, nội bộ chính quyền Diệm bộc lộ mâu thuẫn gay gắt. Chế độ độc tài của gia đình Diệm, Nhu càng phát triển thì chế độ Sài Gòn càng mất ổn định. Phong trào Phật giáo chống lại gia đình Diệm, Nhu bước vào giai đoạn khốc liệt. Lúc này Trần Kim Tuyến chán ghét gia đình họ Ngô, giao cho ông Ba Quốc liên lạc với lãnh tụ Phật giáo để phát động phong trào chống Diệm - Nhu và lên kế hoạch lật đổ. Nhưng kế hoạch bại lộ, Trần Kim Tuyến bị trục xuất khỏi miền Nam, ông Ba cùng hai người bị bắt giam một thời gian, bị thẩm vấn, điều tra.

Một tháng sau, vào 13 giờ ngày 1 tháng Mười một năm 1963, cuộc đảo chính Diệm - Nhu xảy ra, chế độ của họ Ngô Đình đến hồi cáo chung. Sở Nghiên cứu nơi ông Ba đang làm việc một lần nữa là đối tượng thanh toán của phe đảo chính, tất cả đều bị thẩm vấn, điều tra, tịch thu tài sản. Ông Ba được Ngô Tấn Nghĩa - người của Mai Hữu Xuân (đứng sau Dương Văn Minh thực hiện cuộc đảo chính Diệm - Nhu) đưa về Ty Sưu tầm, làm việc cùng tên Lê Sơn Hồng (một cán bộ cấp đại đội của ta đầu thú địch). Ông Ba phụ trách công tác nghiên cứu, không được quyền hỏi cung. Tuy nhiên, ông nói với Nghĩa vẫn để tên Hồng thuộc diện theo dõi nên Nghĩa cho ông tham gia buổi thẩm vấn Lê Câu (người được Cục Tình báo ta phái vào làm phái viên, sau phản bội cung khai). Nhưng chưa kịp thực hiện thì Nguyễn Khánh lại thực hiện đảo chính lật đổ chế độ Dương Văn Minh ngày 30 tháng Một năm 1964. Sở Nghiên cứu lại tiếp tục là đối tượng bị thanh trừng. Ông Ba bị Nguyễn Khánh giáng xuống làm nhân viên thường và đưa về Sở Giao tế dân sự chuyên lo chống đảo chính.

Lúc này ông Ba đứng trước tình huống là người trước đây nằm trong tổ chức mật vụ cao nhất của chế độ Diệm - Nhu, do đó trở thành đối tượng thanh trừng của các phe nhóm, nay lại đưa sang Sở Giao tế dân sự - thực chất là công cụ chống đảo chính của Nguyễn Khánh. Vì thế ông hết sức cảnh giác bởi nếu một cuộc đảo chính nổ ra sẽ rất nguy hiểm, ông sẽ bị bắt tù, chí ít bị loại khỏi bộ máy của chế độ Sài Gòn, không còn cơ hội leo cao, đi sâu vào hàng ngũ địch. Ông Ba xin gặp tên Trần Văn Tuyên - Phó Thủ tướng xin làm công cán ủy viên để trở lại Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo. Từ đó ông tìm cách tiếp cận tên trung tá Trần Ngọc Châu - chỉ huy Sở Giao tế dân sự, được Châu đưa lên làm Trưởng ban Đoàn thể phụ trách đảng phái chính trị thuộc Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Sài Gòn. Cho tới khi ông bị Tổng nha Cảnh sát truy tìm.

❖ Những lần thoát hiểm "nghẹt thở"

Nghề tình báo luôn phải đối mặt với vô vàn thử thách, khi mà tính mạng của bản thân rơi vào những tình huống "ngàn cân treo sợi tóc". Tôi nhớ nhất là ba câu chuyện mà ông Ba đã kể về những lần "nghẹt thở" của ông trong vùng địch hậu.

Một trong những tình huống nguy hiểm mà ông Ba phải xử lý là khi Tổng nha Cảnh sát có giấy truy nã một người có tên là Thọ - nội tuyến của Cộng sản, gửi tới Sở Nghiên cứu chính trị, người đó chính là ông Ba. Thông tin này do tên Nguyễn Đức Tuy, cơ sở của ông Ba Hội bị địch bắt đã khai ra người có tên Thọ hay liên lạc với ông Ba Hội.

Hồ sơ của Tổ chức ghi nhận về vụ việc này như sau: *"Vào cuối tháng Năm năm 1958, sau khi đồng chí Ba Hội bị bắt, Cục phái một cán bộ vào bắt lại liên lạc lại với hệ này (đồng chí Giao, tức Tư Đế), không gặp đồng chí Quốc. Năm 1960, đồng chí Giao cũng bị bắt.*

Cuối năm 1961, Cụm lại phái một đồng chí cán bộ khác (đồng chí Tự - tức H21) vào bắt liên lạc với hệ này, đồng chí Tự cũng bị bắt nhưng đồng chí Quốc vẫn an toàn mặc dù có khai báo của đồng chí Tự và hộp thơ (ông Tài Tuy).

Ông Tuy chỉ biết bí danh của đồng chí Quốc là Thọ và láng máng làm việc tại Nha Công an, chức vụ phụ trách an ninh nội bộ của Sở Nghiên cứu. Đồng chí Quốc nhận được một văn thư sưu tầm tên Thọ, nội tuyến của Cộng sản làm việc cho Nha Công an với tướng người nhỏ nhắn, da ngăm đen. Đồng chí Quốc biết là tổ chức của mình bị vỡ, nhưng cũng không rõ luồng lạch bị vỡ như thế nào. Đánh giá là người biết đồng chí vì khai báo như vậy chỉ có thể là ông Tài Tuy, đồng chí Quốc đề nghị với Tuyến sưu tầm danh sách những người từ Công an biệt phái sang Tổng thống Phủ rồi đích thân đi thẩm sát từng người. Cuối cùng, đồng chí Quốc gửi một văn thư của Sở Nghiên cứu chính trị phúc đáp rằng tại Sở Nghiên cứu chính trị không có ai tên Thọ dáng hình như trên và đề nghị cho điều tra ở các nơi khác".

Như vậy, với sự việc này, ông Ba lại "tương kế tựu kế", đưa công văn truy nã Thọ báo cáo Trần Kim Tuyến và được Tuyến giao nhiệm vụ truy tìm tên Thọ. Sau một tuần, ông làm công văn trả lời Nha Cảnh sát không có ai tên Thọ và thoát nạn.

Đây là lần đứt liên lạc thứ hai với tổ chức nên ông đã phải tự quyết định mọi vấn đề nhằm đảm bảo an toàn và

chờ thời cơ bắt liên lạc lại với tổ chức. Ông cũng tạo được uy tín với Tuyến, Diệm, Nhu để đi vào mục tiêu đầu não của địch, nắm cả chính quyền họ Ngô, Mỹ, thoát được lệnh truy nã, loại trừ được tên Huỳnh Kim Hiệp trong Đặc khu ủy Sài Gòn, tránh tổn thất cho phong trào Cách mạng ở miền Nam nói chung và tạo điều kiện cho Đặc khu ủy lãnh đạo phong trào cách mạng của nhân dân ta trong những năm Mỹ và Ngô Đình Diệm thực hiện luật phát xít "10/59" hòng tiêu diệt cách mạng miền Nam.

Một lần "nghẹt thở" khác cực kỳ cam go đối với ông Ba là cuộc giải cứu Bí thư Đặc khu ủy Sài Gòn - Gia Định Trình Văn Thanh đang bị địch lùng bắt do có sự phản bội của Huỳnh Kim Hiệp. Câu chuyện này ông Ba đã kể với tôi, đồng thời cũng được lưu trong hồ sơ của Tổ chức.

Năm 1956, địch đánh phá ác liệt các cơ sở nằm vùng của ta, đặc biệt là tại Sài Gòn. Sau đó, người chỉ huy trực tiếp của ông Ba Quốc là ông Ba Hội bị bắt. Cũng đúng thời điểm đó, ông Ba Quốc bất ngờ được Trần Kim Tuyến giao vụ phá án cực kỳ quan trọng do Ngô Đình Nhu chỉ đạo trực tiếp. Có một người là Ủy viên Đặc khu ủy Sài Gòn - Gia Định hoạt động ở nội thành tên là Huỳnh Kim Hiệp phản bội, làm tay sai cho địch, khai ra danh sách Đặc khu ủy gồm bí thư và chín ủy viên. Ông Ba phải báo cáo với Tuyến, Nhu mọi diễn biến hằng ngày của từng thành viên Đặc khu ủy. Theo Huỳnh Kim Hiệp khai, thì Bí thư Đặc khu ủy Sài Gòn - Gia Định tên là Trình Văn Thanh lúc đó đang hành nghề ở tiệm sửa radio Nguyễn Văn Ba trên đường Nguyễn Trãi, đồng thời hắn cũng khai chín thành viên khác hoạt động rải rác trong thành phố. Sau ba tháng theo dõi thì Ngô Đình Nhu

quyết định phá án, nhằm hốt gọn Đặc Khu ủy. Ông Ba phải tiến hành bàn giao cho Giám đốc An ninh quân đội từng người một để họ bắt. Theo kế hoạch ngày thứ Hai tuần sau sẽ tung lưới bắt toàn bộ nên ông Ba chọn bàn giao từng người vào thứ Sáu.

Trong thời gian từ thứ Sáu đến thứ Hai, ông Ba tìm cách ra tiệm radio vào đúng thời điểm người của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo ngừng theo dõi để đổi ca, còn người của An ninh quân đội chưa tiếp quản. Khi tới nơi ông thấy ông Trình Văn Thanh đang sửa radio nên ông vào và tranh thủ nói rất nhanh: "Tên Huỳnh Kim Hiệp đã phản bội. Sáng thứ Hai anh và toàn bộ người của anh sẽ bị chúng bắt hết". Nói xong ông Ba đi ngay. Ra ngoài đường, ông Ba ngoảnh lại thấy ông Trình Văn Thanh ngẩn người nhìn theo mình.

Sáng thứ Hai khi thực hiện lệnh bắt, ông Ba đi cùng và ngạc nhiên khi thấy ông Trình Văn Thanh vẫn chạy xe máy đến chợ An Đông với hàng loạt xe rượt theo. Rồi ông ấy chạy vào trong chợ, tẩu thoát ngoạn mục cùng với chín đồng đội của mình. Vụ đó Ngô Đình Nhu lồng lộn, Giám đốc An ninh quân đội mất chức.

Sau này ông Ba mới biết người mà trong hồ sơ của địch có tên là Trình Văn Thanh - Bí thư Đặc Khu ủy Sài Gòn - Gia Định khi đó chính là đồng chí Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định Mười Cúc, sau này là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh.

Cũng thời gian này, ông Ba Hội do ta lo lót đã được thả vào ngày 18 tháng Năm năm 1964, trở lại chỉ đạo ông Ba Quốc, đây là niềm vui rất lớn. Ông Ba Hội được thả ra

sau đảo chính Ngô Đình Diệm năm 1963, lúc ấy Nguyễn Khánh thả gần hết tù chính trị. Trong quá trình thả tù chính trị thì tình báo ta thấy được cơ hội giải cứu một số cán bộ tình báo bị địch bắt, dùng tiền để hối lộ, đánh lẫn số này thành tù chính trị để được thả. Ông Ba Hội là một trong số cán bộ tình báo ta được giải thoát bằng cách đó!

Sau đó, ông Ba Hội không còn là cán bộ của Cục (Trung ương Tình báo) nữa mà được phái làm cán bộ của Phòng Tình báo Miền do ông Sáu Trí làm Trưởng phòng. Do ông Ba Hội đã bị bắt nên phương thức liên lạc với ông Ba Quốc khác hẳn trước đó, không còn trực tiếp như trước mà cách bức. Có thể nói rằng giai đoạn hoạt động nhiều kết quả nhất của ông Ba Quốc là sau khi ông Ba Hội trở lại làm Tổ trưởng (năm 1964) cho đến sau này. Ông đã báo cáo với ông Ba Hội toàn bộ tình hình địch kể từ ngày ông Ba Hội bị bắt, rồi nhận nhiệm vụ bám chắc Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo, theo dõi tình hình Mỹ, chính quyền Sài Gòn và các đảng phái.

Đó là quãng thời gian ông Ba chủ yếu cung cấp những tin tức về sự thay đổi của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Sài Gòn, tình hình các đảng phái, tôn giáo, nghiệp đoàn... qua các lần thay đổi chính quyền Sài Gòn.

Lần nguy hiểm đáng nhớ thứ ba trong thời hậu địch mà ông Ba Quốc lại thoát hiểm một cách ngoạn mục, đó là sự kiện vượt qua máy phát hiện nói dối.

Trong hồ sơ cá nhân, ông Ba ghi lại vụ việc này như sau: *"Ở ngoài giao nhiệm vụ cho tôi bám Tổng nha Tình báo*

theo dõi về tình hình đảng phái. Đến tháng Chín năm 1964 thì Lâm Văn Phát đảo chánh hụt, Nguyễn Khánh được phong làm Quốc trưởng, Trần Văn Hương làm Thủ tướng. Đến tháng Hai năm 1965 thì Nguyễn Khánh bị trục xuất khỏi miền Nam, Thiệu làm Chủ tịch Ủy ban lãnh đạo Quốc gia thì Mỹ bắt đầu đổ quân vào miền Nam. Lúc đó Mỹ đồng thời nắm Đặc ủy thì từ Đặc ủy trưởng trở xuống cho đến các SOC (tức là các cụm tình báo) đều có chuyên viên mà ta gọi là cố vấn. Tất cả cán bộ từ trung cấp trở lên đều phải ghi lý lịch ba đời và đưa vào máy trắc nghiệm tâm lý, nó gọi là máy phát hiện nói dối. Lúc này tôi cũng nằm trong số đó, khai báo và đưa vào máy. Trong một đêm, tôi cứ tưởng tượng bố tôi là địa chủ bị Cách mạng xử lý, tôi tưởng tượng cái chuyện đó như thế để tạo cho mình một cái tâm lý căm thù Cách mạng. Đối với tôi thì đây là cách hay nhất, chứ không thì bí với nó. Bởi vì nó hỏi rất độc. Mình không biết nó hỏi câu nào mà trả lời. Mục đích của nó là gì, nó hỏi trúng cái khía của mình thì tim mình hồi hộp, xong nó lại đo nhịp tim của mình thì biết mình là ai. Nó hỏi từ lúc bé mình thích học hành ra làm sao, thể thao thích nhất môn gì, nó còn hỏi vừa rồi anh liên lạc với ai làm cho tim mình muốn nhảy ra ngoài. Nếu tôi không có cái tưởng tượng tâm lý chống Cộng thì tôi đã thua nó cái keo này. Nó có một cái cặp điện, cặp vào tay rồi nó cặp vào máy để đo nhịp tim đập bên cạnh, cái thằng nó nghi thì nó hỏi trực tiếp. Nó hỏi trúng khía một cái mà nhịp tim nhảy lên là nó đánh đổ mình ngay, nhưng tôi đã qua được cái cầu này...".

Trong hồ sơ ông viết thế, nhưng khi kể lại câu chuyện vượt qua chiếc máy "tử thần" ấy với tôi, ông nói

cụ thể hơn. Vào cuối năm 1964, Mỹ đưa tên Trương Kim Cang lên quyền Đặc ủy trưởng Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo và tiến hành thanh lọc nội bộ nhằm chống lại sự xâm nhập của tình báo ta và các đảng phái không theo Mỹ. Vì thế, ông Ba cũng nằm trong diện bị đưa vào máy phát hiện nói dối của Mỹ với hàng loạt các tiêu chí trắc nghiệm, khoảng 40 câu hỏi đủ loại từ chính trị, tình cảm, kinh tế, thói quen, sở trường, sở đoản, thể thao, văn nghệ... Đây là một khó khăn lớn mà ông Ba phải vượt qua để tồn tại.

Cũng may là ông Ba nhớ đến một chuyện: Trong Phủ Đặc ủy có một công chức có bố là người Bắc, trong cải cách ruộng đất bị "đấu tố" thế nào, hành hạ đến chết như thế nào... Tay công chức ấy kể với ông Ba mà vừa khóc, vừa căm hận, vừa thù oán, vừa đau khổ tột độ và căm thù Cộng sản... Tất cả cảm xúc cao trào của con người anh ta đều thể hiện khi kể câu chuyện ấy. Từ chuyện này mà ông Ba "tương kế tựu kế"...

Ông Ba nói:

- Đêm hôm trước khi bị kiểm tra, tôi đã căng não ép mình tưởng tượng ra cảnh bố tôi bị đánh như thế nào, tay bị trói như thế nào, cái sẹo trên người lằn đỏ như thế nào... Sáng hôm sau, tôi thành "địch" thật, "căm thù" Cộng sản thật cậu ạ!

Tức là ông sống cả một đêm đặt mình vào số phận như của người công chức nọ ở Phủ Đặc ủy ấy, ngụp lặn trong cảm giác "căm thù", để nhờ đó mà ông vượt qua cái máy phát hiện nói dối một cách ngon lành.

Ông cười khoái chí:

- Trong khi đấy có một tên chống Cộng trăm lẻ một phần trăm mà nó không qua được máy nói dối, tôi thì qua được.

Về dấu ấn "đặc biệt" này, ông Ba từng nói với tôi và chính tôi cũng coi đó như bài học đắt giá ông dạy mình. Ông bảo:

- Nếu cậu nghiên cứu kỹ các câu hỏi của đối phương một cách có hệ thống, thì cơ bản cậu đã hiểu nó muốn gì rồi và rồi cậu sẽ giải được.

Đó là điều vận dụng được trong mọi vấn đề của cuộc sống chứ không chỉ trong nghề tình báo. Ông Ba Quốc vô cùng giỏi việc ấy, lúc ấy thì tôi chưa hiểu hết, cũng không biết ông đọc ở đâu ra mà biết lắm thế. Hóa ra ông chiêm nghiệm từ thực tiễn hoạt động là chủ yếu.

Dẫn chứng từ câu chuyện vượt qua máy nói dối của Mỹ, ông bảo:

- Tôi nói cậu nghe, ý chí con người nó lớn lắm, đứng trước khả năng bị bắt thì mình phải tưởng tượng ra khi mình bị bắt thì bị còng thế nào, bị đánh thế nào, vợ con mình khổ thế nào, tổ chức phải lo thế nào. Sau một đêm hình dung đúng như thế thì sáng hôm sau cậu sẽ có ý chí vượt qua được thử thách trước mặt để không bị bắt. Vì điều đấy là điều hầu như không thể. Ai cũng nghĩ làm sao mà nói dối cái máy được?

Ông Ba còn có một biệt tài khác, đó là tìm ra câu trả lời chính xác trong một mớ thông tin chưa đầy đủ, thiếu hệ thống. Ông bảo tôi:

- Trong một câu chuyện, trong một bản báo cáo, khi cậu nhìn thấy mâu thuẫn thì dừng lại, gạch chân đánh dấu vào đấy cho tôi. Vì sao? Vì chính từ những chỗ mâu thuẫn là những chỗ mình tìm ra ánh sáng, cần đi sâu tìm hiểu. Còn không có bản tin nào đúng đắn và trơn tru 100% cả. Có thể trong một bản tin không còn chỗ nào mâu thuẫn, nó giải thích được hết rồi, nhưng cậu cứ quay hỏi nhiều lần, rồi tìm mâu thuẫn giữa bản tin thứ hai với bản tin thứ nhất, bản tin thứ ba với bản thứ hai, hoặc bản tin thứ tư với bản thứ nhất... Thì, hoặc là có chỗ nó quên hoặc có chỗ mâu thuẫn nó lòi ra - đó chính là cái mình cần tìm hiểu.

Đấy là cách tìm ra mâu thuẫn, từ mâu thuẫn tìm ra bản chất sự việc của ông Ba, theo trường phái mà ông thường gọi là "cổ điển" hay "ăn nguội". Những vấn đề chiến lược thì không bao giờ cũ. Thực tế khi theo ông, có những câu chuyện ông bảo tôi phải nghiên cứu kéo dài tới 4 - 5 năm. Đến bây giờ tôi vẫn bị ảnh hưởng bởi tư duy kiểu như vậy.

Cho nên kiến thức về một vấn đề có tính hệ thống thì lịch sử là cực kỳ quan trọng. Tôi chưa bao giờ coi lịch sử là câu chuyện của ngày hôm qua. Lịch sử là câu chuyện của ngày hôm nay và ngày hôm nay chuẩn bị cho ngày mai. Tôi đã học được của ông Ba những bài học như thế.

Ông Ba là người không bị lệ thuộc bởi những lý luận, giáo điều mà những kiến thức của ông được đúc rút từ thực tiễn. Thực tiễn của ông quá khốc liệt, quá sống - chết, ranh giới của ông giữa sinh và tử diễn ra quá nhiều lần. Nên những tư tưởng ấy của ông rất đặc biệt, rất chính xác vì nó đã được "thử lửa", được thử thách qua những tình huống khó khăn nhất đời ông rồi.

❖ Kết nạp Đảng trong lòng địch

Một sự kiện quan trọng trong cuộc đời cách mạng của ông Ba, đó là ông được kết nạp Đảng ngay khi đang hoạt động trong lòng địch. Hồ sơ của Tổ chức đã ghi nhận tâm tư của ông như sau:

"Từ năm 1958, đồng chí Ba Hội đã đề nghị Cục nghiên cứu trường hợp đồng chí Quốc xin vào Đảng.

Năm 1966, đồng chí Quốc lại đặt vấn đề này. Sau buổi họp với Tổ trưởng đồng chí có phản ánh tâm tư: "Không có ánh sáng của Đảng, không vì quyền lợi của giai cấp thì tôi không có ngày hôm nay, tôi nghĩ đến vợ tôi (chị Thanh ở ngoài Bắc), tôi rất tự hào, tôi nghĩ đến các cháu (ở ngoài Bắc) tôi càng cảm ơn chế độ. Tôi nghĩ càng phải xứng đáng hơn. Tôi có một nguyện vọng đứng trong hàng ngũ của Đảng".

Đề nghị của đồng chí được phản ánh và đồng chí sau đó đã được giới thiệu sơ lược về Điều lệ Đảng. Các thủ tục đề nghị được chuyển ra xem xét.

Tháng Năm năm 1968, đồng chí Quốc vinh dự được đứng trong hàng ngũ Đảng. Đây là một điều mong muốn của đồng chí Quốc. Đồng chí rất phấn khởi và càng tích cực công tác mặc dù không có nghi lễ trọng thể và các thủ tục, chỉ được giải thích và chấp hành qua thư".

Như vậy, ông tham gia Cách mạng, vào ngành Công an, Tình báo của ta từ năm 1945. Đến năm 1958, sau hơn 10 năm chiến đấu, hoạt động trong lòng địch, ông tự thấy xứng đáng để được xin vào Đảng. Đến năm 1966, một lần nữa ông bày tỏ nguyện vọng thiết tha của mình. Và 23 năm sau ngày tham gia Cách mạng hoạt động tình báo bí mật

trong lòng địch, 10 năm sau khi đề đạt nguyện vọng xin vào Đảng và thuộc diện "cảm tình", ông được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng Lao động Việt Nam vào tháng Năm năm 1968.

CHUYỆN VỀ CÁC "ÔNG GIÀ TÌNH BÁO"

Trong nghề tình báo có ba vai mà ông Ba đều đảm nhiệm: Người cán bộ tình báo, người cán bộ chỉ đạo tình báo và cao nhất là lãnh đạo của ngành Tình báo. Để thực hiện được sứ mệnh đặc biệt đó, ông Ba luôn có những người đồng chí, đồng đội cùng kề vai sát cánh. Chính vì vậy, tôi muốn kể thêm về những "ông già tình báo". Họ không chỉ là những đồng đội của ông Ba, mà còn là những người đã trực tiếp dạy bảo, rèn luyện, truyền thụ cho tôi nhiều bài học quý giá. Họ cũng là những tấm gương để tôi phấn đấu, noi theo.

❖ Ông Vũ Chính

Tôi đã viết nhiều về ông Ba và những người xung quanh ông, nhưng một người rất gần gũi với ông Ba Quốc mà tôi cũng như ít người nói đến, đó là người luôn sát cánh và cũng là Thủ trưởng trực tiếp của ông Ba ở chiến trường Campuchia và những năm sau này - ông Vũ Chính.

Thủ trưởng trực tiếp của ông Ba ở Campuchia là ông Vũ Chính, trước đó cũng thế, mà sau này vẫn thế - cứ ông

Chính là trưởng thì ông Ba là phó, ông Chính làm phó cấp trên thì ông Ba làm trưởng cấp dưới, đến khi ông Chính là Tổng cục trưởng thì ông Ba là Ủy viên Ban chỉ đạo Tổng cục, phụ trách phía Nam.

Ông Vũ Chính tham gia tình báo năm 1945, sau này là Hiệu trưởng đầu tiên của Trường Tình báo Việt Nam.

Trong kháng chiến chống Mỹ, có nguyên tắc là tất cả các giáo viên huấn luyện tình báo viên, điệp viên thì không được đi Nam vì sẽ lộ, do đã bị rõ mặt biết tên. Nhưng đến năm 1963, sau khi ta vỡ lưới tình báo do Đoàn công tác đặc biệt miền Trung của Dương Văn Hiếu và Trần Kim Tuyến càn quét thì ông Vũ Chính vẫn phải vào Nam. Ông vào trong tâm thế rất liều lĩnh, sẵn sàng hy sinh, nhưng vì có phương thức hoạt động khôn khéo nên vẫn giữ được an toàn. Sau bốn năm xây dựng cơ sở và hoạt động ở trong lòng Sài Gòn, hoàn thành nhiệm vụ, ông được rút ra Phòng Tình báo Miền phụ trách công tác huấn luyện và chỉ đạo tình báo cho đến ngày giải phóng năm 1975.

Ông Vũ Chính là người khuyến khích và nuôi dưỡng những cách làm mới phù hợp với tình hình, miễn là đem lại thành công. Sự thành công của tình báo ta ở Campuchia một phần quan trọng do sự chỉ đạo quyết liệt, nhưng rất uyển chuyển của ông Vũ Chính. Khi đứng trước tình hình mới, đòi hỏi những cách làm mới, mặc dù cũng còn những phân vân, nhưng ông vẫn quyết tâm cho làm sau khi đã nghiên cứu, thử nghiệm rất thận trọng. Những cách làm mới đã thành công, đem lại kết quả to lớn cho ngành Tình báo trong hoạt động phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam cũng như giúp bạn Campuchia.

Đặc điểm nổi trội nhất của ông Vũ Chính là sử dụng con người.

Thời chiến tranh, tình báo thường phân ra các thành phần là tình báo chỉ đạo và tình báo hoạt động, tình báo phía Bắc và phía Nam, tình báo chiến trường và tình báo hậu phương, tất cả đều quan trọng nhưng có những đặc thù, hoàn cảnh công việc khác nhau. Các thành phần ấy sau năm 1975 pha trộn lại, tạo ra sự khác biệt về cách làm, phương thức, phong cách, phải nói là rất khó hòa nhập với nhau.

Khi ông Vũ Chính phụ trách tình báo phía Nam, đơn vị đứng chân ở Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là sau khi thành lập Đoàn 12 ở Campuchia thì ông đã sử dụng tất cả các phương thức và những con người có ích cho công việc, không phân biệt thành phần, xuất xứ... Ví dụ để ông Ba Quốc và ông Ba Quang ngồi với nhau rõ ràng nhìn không hợp chút nào, nhưng rồi họ lại thành cặp bài trùng. Rất nhiều người khác cũng như thế. Ông Vũ Chính biết dùng người, dùng rất hiệu quả, do ông chịu đối thoại và chấp nhận những người mà ông thấy có ích cho công việc.

Lúc bấy giờ, đơn vị tình báo ở phía Nam và sau này phát triển lên Campuchia là Đoàn 12, trực thuộc Cục 2 Bộ Quốc phòng. Nhưng người chỉ huy trực tiếp lại là Mặt trận 719 do ông Sáu Nam làm Tư lệnh. Yêu cầu bức thiết, mục tiêu cao nhất đặt ra lúc bấy giờ là giành chiến thắng trên chiến trường.

Có thể nói ông Vũ Chính là "cánh tay phải" của ông Lê Đức Anh (Sáu Nam) trong lĩnh vực tình báo. Dấu ấn đậm nét

nhất trong thời kỳ ở Campuchia đó là ông đã xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp giữa ta với bạn. Cục II của bạn được sự giúp đỡ toàn diện của Cục Tình báo Quân sự Việt Nam, trực tiếp là Đoàn 817 đã trở thành một đơn vị đặc biệt tin cậy của Đảng, Nhà nước và Quân đội bạn, đã có những thành tích rất to lớn trong quá trình xây dựng ngành Tình báo Quân sự của bạn, phục vụ cho sự nghiệp Cách mạng của Đảng Nhân dân và Chính phủ, Quân đội Campuchia.

Đó là một nguyên nhân để có thể coi tình báo là một trong những "binh chủng" thành công nhất trong phục vụ Mặt trận 719 giành thắng lợi trong 10 năm ở Campuchia.

Ông Vũ Chính - cũng như các "ông già tình báo" khác, đều hết sức kính trọng ông Lê Đức Anh vì đạo đức, năng lực, tài năng, tính cách của ông. Trong thực tế, tôi từng chứng kiến ông Sáu Nam thường hay rầy rà ông Vũ Chính, như với một cán bộ cấp dưới, mà cũng như là một người em mà ông Sáu quý mến. Người thứ hai ông Vũ Chính "vừa nể vừa trọng" là ông Tư Văn. Tôi có mô tả vài lần ông gặp ông Sáu hay đi họp với ông Tư Văn, đều thể hiện sâu sắc tình người, tình đồng chí của các ông.

Lúc bấy giờ tôi chỉ là một trợ lý rất nhỏ, chỉ có thể thấy ông Vũ Chính có muôn vàn việc lớn khác. Ông là chỉ huy tình báo của cả một quốc gia, cả một chiến trường, cả một hướng chiến lược, cho nên vô cùng nhiều vấn đề mà ông phải giải quyết về mặt tin tức và tổ chức tình báo. Bên cạnh đó ông phải chèo lái để xây dựng một đơn vị lớn có đủ điều kiện để hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự trên chiến trường. Phạm vi điều hành của ông là làm tình báo ở Campuchia,

vươn sang các địa bàn mới, lộn về Thành phố Hồ Chí Minh, rồi tiếp tục vươn sang các địa bàn khác nữa. Phải nói là cả một núi công việc.

Tôi nghĩ ông Ba Quốc đã làm được nhiều việc trong công tác chỉ đạo tình báo, đó là nhờ ông Vũ Chính khuyến khích, hỗ trợ, hay nói dân dã là "buông" cho ông Ba làm. Ông vô cùng tin tưởng ông Ba. Mặc dù hai ông hay tranh luận với nhau, nhưng ông Vũ Chính rất tin tưởng và tạo điều kiện tối đa cho ông Ba trong công tác chỉ huy, chỉ đạo về nghiệp vụ, được phát huy tối đa sở trường và tài năng riêng của ông Ba. Về mặt chỉ đạo mà nói, một cán bộ có năng lực mà được một người chỉ huy như thế là cực kỳ lý tưởng.

Tôi cũng từng được đặt dưới sự chỉ đạo như thế trong suốt quá trình làm cấp phó cho ông Ba. Ông tin tôi tuyệt đối, chỉ cần tôi hết lòng với tổ chức, hết tâm sức với công việc và trung thực với ông ấy - thế là đủ. Với ông Vũ Chính thì ông Ba có tất cả những yếu tố đó. Vì giữa hai người ấy không có "kèn cựa" cá nhân, không có kiểu "anh giỏi hơn tôi, công anh lập nhiều hơn tôi, anh có thể coi thường tôi việc này việc kia"... Điều này cũng chính là may mắn của ông Ba và vì thế mà ông ấy làm được việc.

Ông Chính được mọi người gọi là ông Chín, sau đó chúng tôi còn đặt thêm cho ông biệt danh là ông Chín "hứa". Ví dụ, khi Tư Ẩn bắt được tên địch ngầm Khmer Đỏ có tên là Mac, ông Vũ Chính vui quá cười vang cả Đội X. Ông nói với Tư Ẩn:

- Mày giỏi, chú sẽ cho cái đồng hồ!

Tư Ấn vốn rất thích đồng hồ nên vì thế mà cứ đeo đuổi ông Vũ Chính từng ấy năm, cứ có cơ hội là đòi. Mãi đến tận hai chục năm sau, khi tôi đã là Tổng cục trưởng, ông Vũ Chính phải bảo với tôi:

- Thôi tao đã hứa lâu quá rồi, cậu cho nó cái đồng hồ đi.

Ông Vũ Chính vốn có điệu nghiến răng rất buồn cười, cái gì mà không hài lòng thì ông nghiến răng kèn kẹt, nhất là kiểu ngày mai gặp ông Sáu Nam mà hôm nay chưa có "hàng họ" gì là ông xuống đơn vị nghiến răng đến mức chúng tôi nghe mà chỉ sợ ông... rụng răng. Nhưng nếu được việc, nhiệm vụ hoàn thành thì ông hứa ra trò. Giống như vụ TX, ông xuống Đội X bảo chúng tôi:

- Cố gắng mà làm, ra được vụ này tao sẽ thưởng cho con bò.

Bò thì đơn vị nuôi nhưng ông cho phép mới được làm thịt. Khi chiến dịch thành công, tôi đánh bạo:

- Thưa chú, hôm trước chú có hứa hoàn thành kế hoạch thì sẽ thưởng cho con bò...

- Bò nào?

- Chú bảo cho con bò mà...

- Ơ, bò các cậu nuôi chứ tôi có đâu mà cho?

Đại khái ông hứa thì rất hùng hồn, nhưng sau đó ông cứ hay quên, tất nhiên là chỉ ở những câu chuyện vui của cuộc sống đời thường.

Trong đời thường ông Chính hay quên bao nhiêu, thì trong công việc, ông lại có một trí nhớ siêu đẳng, hiếm có bấy nhiêu. Tôi nhớ một lần, tôi tháp tùng ông Ba lên Đoàn

(gần Đài Độc Lập ở Phnom Penh), báo cáo và xin ý kiến ông Chính về một nhiệm vụ của đơn vị. Hai ông nhắc lại câu chuyện từ 3 - 4 năm về trước, có một bản báo cáo liên quan đến nhiệm vụ mà hai ông đang trao đổi. Đang nói, tự nhiên ông Chính giơ tay ra hiệu cho ông Ba Quốc, ý là "chờ một lát" - rồi ông quay vào mở cánh cửa cái tủ sắt bốn ngăn to bằng nửa căn phòng - tay lần lên lần xuống một lát. Rồi "soạt" - ông rút ra một tập tài liệu cũ nát đã ngả màu nâu xỉn... thận trọng mở ra, và lấy ra đúng một trang đánh máy về vấn đề đang bàn, đã nằm im trong tủ không biết bao lâu rồi.

Ông Vũ Chính là con người rất cởi mở, chiều được từ người già đến người trẻ, đặc biệt phụ nữ mà gặp thì coi ông như "thần tượng". Ông rất chỉn chu, đầu tóc luôn gọn gàng, bóng mượt, phong thái luôn chu đáo, kín kẽ, một người đàn ông ga lăng, không có bà nào đến gặp ông mà khi về không có tý quà... Nói vậy nhưng ông lại không có bà nào "tương tư nhớ vụng thương thầm" như ông Ba. Ông Ba thì có kiểu tẩm ngẩm tầm ngầm gây thương nhớ.

Ông Vũ Chính còn có một điều nữa là hay đa đoan, cả nghĩ, việc từ cái tăm ông cũng cẩn thận, chu toàn. Cho nên anh em, nhất là lái xe vẫn truyền nhau kinh nghiệm, đi đâu với ông Chính thì phải tính thêm cả thời gian ông ấy chào, bắt tay, dặn dò, mỗi lần ông thực hiện động tác ngoại giao ấy có khi mất cả tiếng đồng hồ. Tức là trước khi đi là ông phải bắt tay từng người, dặn dò, rồi lại quay vào lấy cái túi, lại đi ra chào, dặn dò... Nếu 7 giờ đi thì 6 giờ phải mời ông Chính ra xe rồi, đấy là những bài học cho cấp dưới khi phục

vụ thủ trưởng. Có lần ông Lê Đức Anh lên Battambang làm việc, ông Chính đi cùng, hẹn 8 giờ lên máy bay từ Phnom Penh, nhưng khi ông Chính ra sân bay thì máy bay đã cất cánh mất rồi. Cậu lái xe cằn nhằn: "Cháu nói chú rồi, máy bay có chờ đâu mà chú cứ chào suốt!". Cuối cùng phải hộc tốc chạy 200 kilômét đường bộ lên Battambang. Hồi đó đi đường bộ khó lắm, ròng rã suốt một ngày mới đến nơi để kịp lịch làm việc với ông Sáu Nam.

Có thể nói về ông Vũ Chính đối với ông Ba Quốc thực sự là một người thủ trưởng trực tiếp rất đỗi gần gũi và ăn ý, "ăn rơ", tâm đầu ý hợp, là hai người anh em thân thiết, tin cậy.

❖ Ông Tư Văn

"Ông già tình báo" thứ hai mà tôi muốn nhắc đến là ông Tư Văn (Trung tướng Nguyễn Như Văn) - Cục trưởng Cục 2 từ năm 1986, và là Tổng cục trưởng Tổng cục II đầu tiên (giai đoạn 1992 - 1996).

Ông Tư Văn là người chỉ huy, chỉ đạo tình báo chiến lược tài giỏi và sâu sắc. Ông có tầm nhìn xa trông rộng, biết buông, biết nhả, biết kéo, biết buộc.

Ông Tư Văn đặc biệt không quan tâm đến tiểu tiết, ông chỉ chú trọng đại cục. Khi điều hành một sự vụ, một kế hoạch hay chiến dịch, ông bỏ hết, chỉ lấy đại cục. Nên nhiều khi đang thao thao bất tuyệt nói mà ông buông một câu là coi như bỏ, chỉ vì không chứng minh cho ông thấy cái đại cục.

Còn nhớ hồi tổ chức Đại hội Đảng VII (năm 1991), vì thành tích xuất sắc nên Cục 2 lúc bấy giờ được đề nghị trên tặng thưởng hai huân chương, ông Tư Văn bảo:

- Thôi, hai huân chương của Đoàn 12 tất!

Lúc đó tôi là thiếu tá, cũng không hiểu sao đơn vị tôi lại được lắm huân chương thế. Nhưng sau mới hiểu ra, ông Tư Văn thấy được đại cục. Khi bàn về chuyện huân chương, ông Tư Văn buông một câu:

- Đảng mình mà mất ổn định thì chả còn chúng mình nữa đâu các ông ạ. Liên Xô như thế, Đông Âu như thế mà Đảng mình vẫn đứng được là phúc to lắm đấy, tài giỏi lắm đấy. Đoàn 12 phục vụ như thế, chỉ mấy cái tin của "nó" thôi mà góp phần phục vụ Đại hội thành công tốt đẹp, phải ghi nhận.

Ông ấy nói về công việc cứ thẳng băng như thế.

Hồi đó ông Tư Văn hình như không thích tôi nhưng ông ấy "chịu" ghi nhận, sử dụng và bồi dưỡng tôi. Ông thả cho tôi làm việc hết mình để thực hiện nhiệm vụ chung - cái đó thực sự đáng phục. Còn chuyện người ta thích mình mà ưu ái mình, dùng mình thì quá bình thường, thậm chí tầm thường.

Ông Văn là một chỉ huy rất "hay", nhưng chỉ đạo nghiệp vụ của ông Văn cũng rất "ác liệt".

Một khi báo cáo kế hoạch với ông Tư Văn, ông Ba Quang thì cứ đi sâu vào chi tiết, ông Ba Quốc thì cứ giải thích về nghiệp vụ, tôi bụng bảo dạ: "Hỏng rồi, cụ chỉ cần đại cục".

Lúc ấy tôi chỉ là "thằng bé" trong ngành Tình báo nhưng hiểu điều ấy. Nên nhiều chuyện tôi cứ phải tranh lời, vì tôi nhìn ông Tư Văn là hiểu bụng ông ấy đang nghĩ: "Thôi cần gì nói ra cho nhanh, khẩn trương", trong khi các cụ nhà mình cứ lòng vòng.

Ông Tư Văn đặc biệt hay bị đau bụng, đi công tác không bao giờ ăn dọc đường, nếu có thì ăn rất nhanh. Nên đi công tác cùng ông Văn là phải thủ sẵn đồ ăn. Ông ấy nhịn được chứ người khác có nhịn được đâu. Đi với Thủ trưởng thì cấp dưới kể cả là ông Ba cũng phải theo nếp ấy, nên ông Ba dặn anh em là đi với ông Tư Văn thì phải lo sẵn bánh mỳ, lỡ mà ông không dừng thì còn có cái mà ăn. Còn khi "rủ" được ông Tư Văn vào quán ăn cơm, thì cũng phải lưu ý, ông ấy chỉ "quẹt quẹt" mấy cái là đứng dậy, đứng dậy là ngồi lên xe, thế là đi. Có những bàn sau mà chậm, cơm chưa kịp bưng ra thì ông đã đi mất rồi.

Đời thường, ông Tư Văn cũng có nhiều chuyện mà nhớ lại vẫn buồn cười, như chuyện ông mê đá bóng không bận tâm đến xung quanh mà tôi sẽ kể khi cùng ông Ba đến gặp ông "xin" tiền công tác phí. Hay chuyện ông Tư Văn thích đánh bóng bàn. Nhìn ông ấy chơi, cái bụng thì to, trên đầu chỉ còn vài sợi tóc, nhiều lúc tôi với ông Ba chờ xin gặp, vừa bực vừa buồn cười, vì người bên kia cố tình đánh trượt mà vẫn cứ bị... trúng, ông Văn lại thua, mà ông thua thì lại phải đánh tiếp. Tôi đứng chờ có lúc thấy cậu kia thắng buột miệng bảo: "Chết rồi!" - tức là lại phải chờ ông Văn làm thêm séc nữa.

Có một câu chuyện vui về ông Tư Văn ở chiến trường Campuchia. Khi đó, sau một chiến dịch lớn và khó khăn,

đòi hỏi tất cả các đơn vị phải nỗ lực tối đa, trong đó trách nhiệm của ông Ba là nặng nề nhất. Với nỗ lực của cả tập thể, đặc biệt có sự chỉ đạo sát sao của ông Tư Văn, ông Vũ Chính, chiến dịch cuối cùng cũng hoàn thành, đem lại thành công lớn cho đơn vị và được ông Sáu Nam khen ngợi.

Tới ngày họp tổng kết chiến dịch, ai cũng vui vẻ và hồ hởi sau thành công vừa đạt được, nhất là ông Ba bởi những đánh giá cao từ lãnh đạo Cục là ông Tư Văn và lãnh đạo Đoàn là ông Vũ Chính. Tới bữa cơm trưa sau buổi họp, ông Tư Văn thả một câu:

- Chiến công thì lớn thật, nhưng cũng một phần nhờ "chó ngáp phải ruồi" chứ gì.

Chỉ vì câu nói đùa của ông Tư Văn mà ông Ba suy nghĩ mãi. Ông thắc mắc với tôi:

- Anh Tư Văn nói mình là "chó ngáp phải ruồi" cậu ạ. Nhưng mình có phải dựa vào may mắn mới làm được đâu.

Cá nhân tôi chỉ nghĩ ông Tư Văn nói đùa và cũng là lời "khích tướng" để ông Ba tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này. Sau khi nghe tôi giải thích lại lời nói đùa của ông Tư Văn, ông Ba lại cười vui vẻ.

Sau đó khoảng ít ngày, Phòng N tổ chức liên hoan ăn mừng chiến dịch thành công. Chúng tôi mời hai ông Tư Văn, Vũ Chính cùng các lãnh đạo của Cục và Đoàn tới ăn cơm. Bữa tiệc đó các thủ trưởng giao cho tôi làm công tác hậu cần. Chúng tôi biết ông Tư Văn rất thích ăn thịt chó và Phòng N từng vài lần mời ông tới dùng món này, nhưng chưa lần nào nấu đúng ý ông.

Có hôm nấu rựa mận nhưng đầu bếp cho hơi nhiều đường, ông Tư Văn dù ăn ngon lành, xong xuôi vẫn "phán" một câu:

- Hôm nay tôi được ăn chè chó (vì ngọt quá).

Lần khác đãi ông Tư Văn món thịt chó hấp, ăn xong ông lại "bỏ nhỏ":

- Món này ngon, nhưng lần sau phải băm nhỏ ra, chứ nhai không được đau răng lắm (ý là dai quá - TG).

Hai ông Ba Quốc, Ba Quang nghe xong chưng hửng, nhưng cũng không nói gì, chỉ rầy rà ông Tám Khánh và các anh em hậu cần.

Rút kinh nghiệm mấy lần trước, trước buổi liên hoan tôi đề nghị ông Ba cử cậu Đây - người Bắc gốc Hoa, có tài nấu nướng trong đơn vị, giao nhiệm vụ phải nấu một bữa cỗ thịt chó không chê vào đâu được để phục vụ các thủ trưởng. Kết quả vượt quá mong đợi, món nào cũng vừa miệng và đúng khẩu vị của các ông. Tiệc gần tàn, tôi mới sà vào mâm của các "cụ" và hỏi ông Tư Văn:

- Thưa chú, cháu đạo diễn món thịt chó. Chú ăn thấy thế nào ạ?

- Hôm nay làm ngon lắm! Thế này mới đúng là thịt chó kiểu Bắc.

- Thưa chú, riêng con chó này chúng cháu phải nuôi trước hàng tháng, rồi cho nó ăn thức ăn đặc biệt thì thịt nó mới sạch và thơm như này.

- Thế chúng mày cho nó ăn gì?

Đến lúc đấy, ông "thầy Tàu" Ba Quang mới chêm vào:

- Dạ thưa anh Tư, các cậu ấy bảo nuôi nó bằng ruồi đấy ạ.

Ông Tư Văn ngớ ra một lúc, "a" một tiếng rồi chỉ sang ông Ba Quang.

- Lại trò xỏ lá của anh Ba Quang! Anh xỏ xiên câu "chó ngáp phải ruồi" của tôi đúng không?

Ông Ba Quốc và ông Ba Quang không nói gì, chỉ ngồi cười phân bua. Nhưng thật lòng hai ông khoái quá, bởi mãi mới có một lần "con muỗi chích được con hổ".

❖ Ông Ba Quang

Xung quanh ông Ba Quốc là những người giúp việc trực tiếp cho ông, nhưng đồng thời cũng là những người thầy đầu tiên của tôi trong nghề tình báo. Trong số ấy người giúp tôi tận tình thời gian đầu mới sang chiến trường Campuchia là ông Ba Quang (Đại tá Trang Công Doanh) - Trưởng phòng N.

Ông Ba Quang có thể nói là trợ thủ số 1 của ông Ba Quốc. Ông là một trí thức người Lạng Sơn. Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông Ba Quốc là Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa xã Thanh Trì, còn ông Ba Quang là Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa thị xã Lạng Sơn. Sau khởi nghĩa ông Ba Quang tham gia Tình báo Quân đội và một thời gian sau được phái vào Nam, đó là thời điểm trước năm 1954. Trong vụ vỡ lưới năm 1958, ông Ba Quang bị bắt, bị tù bảy năm, đến năm 1965 thì được thả.

Sau khi ra tù, ông Ba Quang được tổ chức nắm lại, tiếp tục hoạt động dưới danh nghĩa công khai báo chí. Sau ngày giải phóng miền Nam, ông Ba Quang cũng bị nghi ngờ một thời gian, nhưng sau đó đã được xác minh trong sạch và trung kiên trong tù. Do ông có năng lực tổng hợp, viết lách giỏi nên được mời trở lại tham gia công tác, chủ yếu là sau năm 1977, sau đó bắt nhịp vào Campuchia. Mãi đến sau này ông Ba Quang được gột sạch những nghi ngờ trước đây, được phong đại tá, được tôn trọng, tất cả là nhờ ông Ba Quốc nỗ lực chứng minh với tổ chức là ông Ba Quang có công lớn cho sự nghiệp tình báo giai đoạn ở Campuchia.

Ông Ba Quang theo nghề văn chương, viết báo, là một cây viết theo lối trào phúng. Vì vậy, ông có năng lực đặc biệt là khả năng tổng hợp và viết lách rất giỏi. Chúng tôi hay đùa là "đưa cho ông ba phần gạo thì ông nấu được bảy phần cơm". Phải nói "quan văn" của ông Ba Quốc là ông Ba Quang.

Ông Ba Quang rất giỏi tổng hợp, đi sâu vào nghiên cứu và khêu gợi cho ông Ba Quốc những vấn đề phải chú ý về mặt tin tức. Do ông Ba Quang có ngoại ngữ tiếng Anh và tiếng Pháp nên những vấn đề quốc tế thì tầm nhìn của ông rất rộng, giúp cho ông Ba Quốc nhiều trong việc phân tích và xây dựng những ý tưởng chiến lược.

Về bản báo cáo thực địa đầu tiên của tôi, ông Ba Quang chính là người hướng dẫn cách viết một báo cáo địa bàn thì cần những nội dung gì, đầu tiên phải mô tả thành phố Phnom Penh như thế nào, nó có mấy quận, người dân như thế nào, lịch sử ra làm sao, phong tục tập quán như thế nào...

Chúng tôi là những cán bộ trực tiếp do ông quản lý, tính cách ông như vậy nên lúc nào cũng coi chúng tôi như con cháu, ông hay để ý nhưng cũng rất bao dung. Tôi vẫn nhớ điệu cười của ông ấy khi thành công và nhớ nét mặt của ông khi thất bại. Ông Ba Quang rất gắn bó, vô cùng quý trọng và biết ơn ông Ba Quốc. Ngược lại, ông Ba Quốc hết sức tôn trọng và lắng nghe ý kiến ông Ba Quang. Ông Ba Quốc ít cười, còn ông Ba Quang thì hay nói đùa, phần nào giải tỏa cho ông Ba Quốc mỗi khi căng thẳng, khó khăn.

Ông hay đùa: "Tôi mà không bị bắt bị ở tù bảy năm thì cũng Anh hùng Quân đội, chẳng thua gì ông Ba của các cậu".

❖ Những lần đập bàn của các "ông già tình báo"

Những "ông già tình báo" đó là những người Thủ trưởng, những đồng sự bên cạnh ông Ba Quốc mà tôi không quên được. Trong đời thường của các ông ấy có nhiều chuyện đáng nhớ, vừa vui vừa giận.

Một hôm, ba ông Tư Văn, Vũ Chính, Ba Quốc họp, rồi "cãi nhau". Hôm đó các ông bàn về kế hoạch nghiệp vụ, nhưng ý kiến của cấp dưới và cấp trên khác nhau về biện pháp. Phòng họp có ông Tư Văn, ông Vũ Chính, ông Ba Quang, ông Ba Quốc, còn tôi là trợ lý nên ngồi xa xa. Ông Ba cho tôi báo cáo, trình bày kế hoạch xong thì các ông cùng trao đổi. Nhưng ông Ba trình bày một lúc, các ông kia không nghe, còn bảo:

- Không được!

Ông Ba bắt đầu bực, ông bảo:

- Thưa hai anh, các anh làm lãnh đạo chỉ huy thì giỏi, còn chuyên môn tình báo phải để tôi.

Ông Tư Văn đập bàn đánh "chát":

- Anh có cái thói kiêu binh từ bao giờ đấy?

Ông Ba đang lỳ mặt ra thì ông Chính đập "chát" phát nữa:

- Anh Ba đừng nói thế nhé! Anh Tư chỉ đạo thế là đúng, anh làm được thì làm, không làm được thì để người khác làm.

Ông Ba nghe vậy chẳng chần chừ đáp luôn:

- Tôi cũng đã đến tuổi nghỉ hưu rồi, nếu các anh thấy thế thì tôi nghỉ.

Xong ông xách cặp đi luôn.

Thấy căng quá tôi len lén đi ra, ông Tư Văn hất hàm:

- Thằng kia đi đâu?

- Dạ, cháu đi ra ngoài...

- Ngồi đấy!

Ông Ba Quốc xách cặp đi rồi, lúc đó ông Ba Quang nhìn đi chỗ khác, tôi thì ngồi im không nhìn ai, coi như vô can, nghĩ bụng: "Các ông bắt ngồi thì ngồi!". Ông Tư Văn bắt đầu nhẹ giọng nói với ông Ba Quang, kiểu trần tình:

- Tôi nói các anh phải làm như thế này... mà anh Ba Quốc cứ nhất định như thế kia..., việc không thành lỡ anh Sáu Nam hỏi thăm thì sao?

Ông Ba Quang đáng ra phải nói rõ thêm, nhưng lại "lơ", ông ấy có tật thấy gay là "né". Ông Tư Văn lại bảo:

- Thôi thế thằng Vịnh nói đi!

- Cháu biết gì đâu?! - Tôi đánh trống lảng.

Ông Ba Quang lúc đó đế vào:

- Mày làm kế hoạch với ông Ba, ông ấy bảo thế nào thì bây giờ phải giải thích với các thủ trưởng.

Tôi giải thích từ đầu đến cuối. Hóa ra chính kiến của các ông cũng chẳng khác nhau chỗ nào, chỉ là vì cách nói nghe không ra mà thôi. Kiểu nói của ông Ba là giọng chuyên môn thuần túy, đúng thì đúng thật nhưng rất khó nghe. Nghe xong ông Tư Văn bảo tôi:

- Ừ, thế thì được. Cậu về sửa kế hoạch. Nói tôi đồng ý! - Nói rồi ông thở dài đánh thượt. Tôi cũng hiểu ý của ông Tư là: "Thôi thôi, tao cũng chịu ông Ba nhà mày rồi!".

Ra ngoài, ông Ba Quang bảo:

- Tao có biết gì đâu, đang ở Đội X ông ấy gọi lên họp, lại bị ông Văn, ông Chính mắng mỏ. Ông Ba nhà mày ngang phè phè ra, nói kiểu đó với Thủ trưởng thì người ta mắng cho là phải.

Tôi nói với ông:

- Tại chú chứ, chú biết quá mà không nói. Cái này là do chú nghĩ ra, chú phải giải thích với các Thủ trưởng chứ.

Ông Ba Quang lại tưng tửng bảo:

- Tao á, chẳng có gì tao không biết, nhưng tao bảy năm tù, thấm lắm rồi nên tao không nói. Tao mà không bảy năm tù thì cũng chẳng kém ông Ba nhà mày.

Đời thường của các ông ấy là như thế.

Nhưng lạ là hôm sau các ông lại bình thường với nhau, không dễ gì mà làm lành như thế được nếu thiếu tình đồng chí, thừa sự tin cậy, tôn trọng lẫn nhau và sự tử tế của con người.

❖ Ông Sáu Nam và các "ông già tình báo"

Ở Mặt trận, chuyện không vui thì nhiều. Có những lúc Thủ trưởng yêu cầu nhiều nhưng cấp dưới làm được bao nhiêu còn tùy thực tế.

Hôm đó có việc của Cục chuẩn bị báo cáo ông Sáu Nam, nhưng đến phần ông Ba Quốc thì phải giải trình một sự vụ đang rất "nóng". Suốt mấy đêm thầy trò bò ra làm đủ thứ từ bản đồ, báo cáo, giải trình, chủ yếu là chữa cháy.

Đi họp có hai xe, một xe là ông Tư Văn, ông Vũ Chính, còn xe kia là ông Ba Quốc, ông Ba Quang. Tôi đi theo để cầm bản đồ. Tôi nhớ mãi cảnh khi hai xe dừng lại trước cửa nhà ông Sáu Nam, anh Sáu Ngọc đứng trước cửa:

- Chào anh Tư, chào anh Chính, chào hai anh Ba!

Tôi cầm cuộn bản đồ đi sau, ông Ba bảo:

- Thôi Vịnh không lên, ở dưới này!

Tôi đưa cuộn bản đồ cho ông Ba Quang. Ông Tư Văn thì mặt rầu rầu, đầu hói bóng không còn sợi tóc nào, rất đăm chiêu. Ông Vũ Chính thì vừa đi vừa cáu, nghiến răng kèn kẹt.

Gặp ông Sáu Nam, ông nào cũng "kinh".

Ông Ba Quang tự dưng hỏi:

- Tôi phải lên không?

Ông Tư Văn tròn mắt bảo:

- Ơ hay, anh không lên thì ai lên!

Tôi nhìn ông Ba Quang đi lên cầu thang mà vịn tay leo từng bậc, từng bậc. Mà ông Sáu Nam vốn nghiêm khắc, nhưng rất quý trọng và biết lắng nghe cấp dưới, vậy mà nhiều người gặp ông ai cũng tỏ ra... ngại.

Lúc tôi trao cặp hồ sơ, nghe ông Ba Quang lẩm bẩm:

- Tao đã nói rồi không nghe, bây giờ có chuyện lại bất mình đi.

Khi họp xong, các ông đi xuống. Tôi thấy khi lên ông Ba Quang cầm cuộn bản đồ, lúc xuống lại là ông Tư Văn. Vừa khuất tầm mắt ông Sáu Nam, ông Tư Văn vừa cười vừa đập cuộn bản đồ vào lưng ông Ba Quốc:

- Từ giờ không bao giờ cho ông Ba đi cùng, báo cáo toàn nói liều. May mà anh Sáu Nam lại nghe ra.

Tôi nghe ông Tư Văn mắng nhưng lại thấy ông rất vui.

Rồi bốn ông lên hết một xe, rôm rả trao đổi công việc. Tóm lại là... thoát nạn.

Về đơn vị tôi được nghe ông Ba kể lại: Lúc lên trên đó không ai nói gì, ông Tư Văn mở lời: "Xin phép anh Sáu cho anh Ba Quang báo cáo!". Ông Ba Quang là Trưởng phòng, có nhiệm vụ báo cáo ông Sáu Nam. Mà ông Ba Quang cậu biết rồi đấy, ông ấy mà gặp ông Sáu Nam thì nói không ra lời, báo cáo không ra đầu đuôi gì cả. Cuối cùng tôi phải cắt ngang: "Thưa anh, kế hoạch này hư mất rồi, chúng tôi có đầy đủ báo cáo ở đây. Nhưng xin anh cho chúng tôi báo cáo kế hoạch bổ sung để thực hiện nhiệm vụ anh giao".

Nghe kể đến đó, tôi bèn hỏi ngang:

- Thưa chú, kế hoạch nào ạ?

- Làm gì có, đấy là tôi cứ nói thôi, thế mà anh Sáu Nam đồng ý cho làm tiếp cậu ạ, không hỏi gì nữa!

Hóa ra mấy ông "đem nước đi chữa lửa", nhưng khi lên gặp ông Sáu Nam thì không ông nào nói, bảo ông Ba Quang nói, nhưng nói không được, cuối cùng ông Ba Quốc đành... liều. Đáng ra phải giải trình tại sao làm hư việc thì ông Ba "bẻ" luôn câu chuyện qua hướng khác là phải tiếp tục làm, và làm như thế nào? Dù chưa kịp chuẩn bị nhưng trong đầu ông có rồi, và ông cứ thế ứng biến theo tình hình. Cuối cùng ông Sáu Nam bảo: "Ờ, thế được rồi, về cứ thế mà làm!".

Ông Ba kể xong bảo với tôi:

- Nhưng lần này không làm được thì chết với ông ấy!

Sau đó, mọi việc thành công. Tất cả các cụ đều hài lòng.

Đi họp, báo cáo thì có gì là ghê gớm, nhưng nó thể hiện các ông già Mặt trận thời ấy cũng rất đời thường, cũng có sợ, cũng có vui, cũng có buồn, có đủ hỷ - nộ - ái - ố.

Nói lại câu chuyện này để thấy ông Ba xử lý vấn đề rất nhạy bén và chính xác. Và cứ mỗi lần ông Ba "bí" thì ông nói theo đúng tâm trạng của mình, nói thật, nói hết điều mà ông nghĩ. Với những người đối thoại thực sự vì công việc và có tầm nhìn chiến lược như ông Sáu Nam thì ông Ba luôn thành công.

Cảm giác tháp tùng phục vụ ông Ba đi họp Mặt trận thực sự rất run. Vì đấy là cuộc họp do ông Sáu Nam chủ trì

chứ nếu những người khác có khi ông Ba... phiền ngay. Đó là lý do mà ông Tư Văn lẩm bẩm: "Từ nay không cho ông Ba đi báo cáo nữa, khéo lại ăn đòn oan!".

Cũng may kiểu làm việc như thế, thẳng tưng và không ngại trách nhiệm, cấp trên lại đồng ý, thậm chí rất đồng tình.

Các "ông già tình báo", mỗi ông một cá tính, thậm chí tôi cảm nhận là bên cạnh người thủ trưởng "khó khăn" như ông Ba Quốc, các ông cũng có đặc điểm "ngang như cua, ương như ổi" không kém. Được phục vụ những người thủ trưởng như thế, lớp trợ lý trẻ chúng tôi trưởng thành rất nhanh, bắt tay được vào công việc và mỗi người đều có đóng góp của riêng mình cho công việc chung của đơn vị. Riêng tôi, tròn 5 năm trong môi trường như vậy, tôi "chín" dần, trở thành một trợ lý nghiệp vụ, tới trưởng một "tổ chuyên trách" và trở thành Phó phòng trước khi Quân tình nguyện Việt Nam rút về nước, sau đó được cử đi tập huấn tình báo ở Liên Xô.

KỊCH BẢN "LIÊN XÔ TAN VỠ"

❖ Từ câu hỏi bất ngờ của Đại tướng

Cuối năm 1989, sau khóa tập huấn nghiệp vụ ngắn hạn từ Liên Xô về nước, tôi đến thăm ông Sáu Nam (khi đó là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng) tại phố Hoàng Diệu, Hà Nội.

Hôm đó ông vui lắm, vì khi tôi đang công tác tại chiến trường Campuchia, chính ông đã chỉ thị tôi phải đi bồi dưỡng kiến thức tại Liên Xô.

Ông Sáu Nam kêu tôi ngồi cạnh, cười hỏi:

- Thế học được những gì, giúp ích được gì cho công tác của cháu?

- Thưa chú, cháu học được nhiều, hiểu được nhiều kiến thức nghiệp vụ từ các giáo viên của bạn, họ rất uyên bác và quý mến Việt Nam. Cháu thấy nhiều điều có thể vận dụng vào công tác thực tế khi trở về đơn vị.

Quả thực, thời gian học tập ở nước bạn tuy không dài nhưng cũng đủ để tôi cảm nhận sâu sắc về một đất nước vĩ đại, một nền khoa học kỹ thuật, nghệ thuật quân sự bậc thầy và một chỗ dựa to lớn của quân đội và nhân dân Việt Nam. Lớp tập huấn đó thật là một cơ hội học tập và nghiên cứu quý giá đối với một sỹ quan quân đội ta lúc bấy giờ.

Nghe xong chuyện học tập của tôi, ông dặn:

- Cháu học vậy là tốt, cố gắng vận dụng vào công tác. Nhưng phải nhớ, Liên Xô là Liên Xô, Việt Nam là Việt Nam, phải vận dụng cho đúng thực tế của ta, đừng rập khuôn máy móc...

Nói xong chuyện học hành, ông quay sang hỏi tình hình:

- Bên ấy bây giờ thế nào?

Nhờ ham tìm hiểu, chịu khó quan sát và có chút ngoại ngữ, tôi cũng có ít nhiều trải nghiệm về đất nước và con người Liên Xô, kể cả những chuyện hay và chưa hay, nhưng điều băn khoăn nhất là những thay đổi rất lạ lẫm trong xã hội Liên Xô mà trước đó tôi chưa hề nghe thấy.

Đầu tiên là chuyện cấm rượu, một quyết định tạo ra sự xáo động xã hội rất rõ nét. Người dân không chỉ bàn tán râm ran mà xuất hiện một loạt những thứ châm biếm sâu cay xung quanh một nhu cầu tưởng chừng như rất nhỏ của xã hội, tâm trạng chủ đạo của xã hội Liên Xô lúc bấy giờ là chán nản và mất lòng tin.

Rồi tôi kể với ông về những chương trình truyền hình dài lê thê, cả buổi tối chỉ bàn đúng một nội dung về "Perestroyka" (cải tổ) và "Glasnost" (công khai)... Tôi cũng thuật lại hình ảnh những dòng người xếp hàng dài cả cây số trong tuyết lạnh mùa đông chỉ để mua hộp bánh McDonald's chính hiệu Mỹ vừa khai trương giữa trung tâm Moscow; rồi những tâm sự của giáo viên, sỹ quan Liên Xô về tình hình đất nước.

Đặc biệt là câu chuyện với người thầy của tôi, một vị tướng tình báo Liên Xô kỳ cựu, từng kinh qua cuộc đối đầu gay gắt giữa hai bên "Bức màn sắt" trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Khi tôi hỏi thầy vì sao truyền hình suốt ngày nói về cải tổ, đổi mới, rồi công khai, minh bạch..., ông lập tức giơ tay ra dấu: "Im lặng. Quân đội không bàn chuyện chính trị!". Hay có lần, tôi tỏ ý vu vơ với ông:

- Ở Liên Xô bây giờ có nhiều chuyện lạ thế, không như những gì tôi được đọc, được nghe khi còn ở trong nước?

Nhà tình báo kỳ cựu cười nửa miệng:

- Ở Liên Xô bây giờ người trẻ không còn đọc sách trên tàu điện nữa, thiếu nữ không còn dịu dàng như trong tiểu thuyết nữa và thậm chí mùa thu cũng không còn vàng nữa.

Rồi ông thầy thở dài, lắc đầu ngao ngán, ánh mắt lộ rõ sự mệt mỏi chán chường.

Lúc đó tôi thoáng nghĩ rằng, chắc phải có điều gì lớn lao sắp xảy ra ở Liên Xô, mà chỉ những người ở rất sâu trong cuộc mới có thể dự cảm được.

Ông Sáu Nam nghe rất chăm chú, dường như những gì tôi kể không còn là câu chuyện về thời gian học tập ở nước bạn. Trước khi dừng câu chuyện, tôi nói với ông Sáu Nam:

- Thưa chú, có người còn nói với cháu, cứ đà này Liên Xô đổ mất!

Nghe đến đây, ông nghiêm mặt:

- Chuyện này lớn lắm, không nói mò được. Cháu không còn trẻ, đã công tác thực tế tại chiến trường một thời gian, nay lại được đi học thêm. Với những vấn đề trọng đại như thế này, đừng kết luận vội vàng!

Tôi giật mình: "Thôi chết mình lại quá đà, từ chuyện học tập lại đi bình luận chuyện của "nhà nước lớn", ông già mắng cho là phải".

Sau cuộc gặp ấy, dù rất vui nhưng tôi cũng hơi "chột dạ" với lời nhắc nhở của ông Sáu.

Bẵng đi hơn một tháng sau khi trở về đơn vị công tác, ông Ba gọi tôi lên, chìa ra một bức điện:

- Anh Sáu yêu cầu cấp trên của chúng ta trả lời câu hỏi: Tình hình ở Liên Xô và Đông Âu hiện nay thực chất như thế nào? Liệu có biến động không?

Tôi giật mình: "Chết cha, hay là tại mình ăn nói linh tinh mà động đến thiên đình? Bây giờ mà không trả lời được câu hỏi này thì chết!".

Khi đó, tôi mới thuật lại với ông Ba Quốc những gì tôi đã nói với ông Sáu. Nghe xong, ông Ba cũng tỏ ra lo lắng và bảo tôi:

- Bây giờ cậu chuẩn bị báo cáo. Đây là vấn đề lớn lắm, phát ngôn không thận trọng, nhận định vội vàng thì phiền đấy!

Tôi về làm báo cáo mà tâm trạng lo lắng không yên, tập trung cao nhất để hệ thống lại những gì đã tìm hiểu, chứng kiến một cách chính xác, và không quên ghi rõ rằng đây mới chỉ là những câu chuyện cụ thể, những nhận xét của cá nhân sau một thời gian học tập, nghiên cứu ở Liên Xô. Chủ yếu là thuật lại những câu chuyện với những ông thầy trong trường tình báo, những dự cảm và lo lắng của họ trước sự tồn vong của Liên bang Xô Viết.

Chỉ vài ngày sau, ông Ba lại gọi tôi đến, giọng lo lắng:

- Anh Sáu gọi tôi và cậu ra Hà Nội trực tiếp báo cáo về câu chuyện hôm trước!

Nghe vậy, tôi lại càng hoang mang không biết sẽ nói gì, báo cáo thêm gì, may được ông Ba động viên:

- Cậu biết gì cứ nói, phải thật trung thực!

❖ Đến nhận định của ông Ba

Hai thầy trò chúng tôi đưa nhau ra Hà Nội trực tiếp báo cáo cấp trên. Sau khi đã thông qua Thủ trưởng Cục là ông Tư Văn, ông Vũ Chính đến ngày phải lên trực tiếp báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Lê Đức Anh. Trong khi tôi

báo cáo, ông Ba Quốc không có ý kiến hoặc bổ sung gì khác. Nghe xong, ông Sáu Nam hỏi:

- Ý anh Ba thế nào?

- Thưa anh, có thể có người không tin chuyện này, nhưng tôi thì tôi tin, vì tôi đã sống trong địch hậu. Nếu những gì về xã hội Liên Xô được phản ánh đúng như thế mà Mỹ không làm gì thì không còn là Mỹ nữa. Dứt khoát là Mỹ sẽ tạo biến động, thậm chí tôi cho là còn có đảo chính!

Ông Ba nói chi tiết hơn về một "kịch bản đảo chính" như những gì Mỹ từng làm: Bravo 1 - đảo chính giả; rồi đến Bravo 2 - phản đảo chính. Trong đó, "phản đảo chính" mới là câu chuyện cuối cùng, như đã từng xảy ra với Ngô Đình Diệm, Nguyễn Khánh, Dương Văn Minh... và nhiều chính biến khác xảy ra như cơm bữa tại Sài Gòn trước đây.

Ông Sáu Nam im lặng một lúc, rồi nói với ông Ba:

- Anh về báo cáo anh Tư Văn, anh Vũ Chính và trực tiếp nghiên cứu vấn đề này: Liên Xô có đứng vững không? Nếu không đứng vững thì biến động ra sao? Kịch bản khi đó sẽ như thế nào?

Tôi không biết hết về những việc lớn khác xung quanh tư duy và những gì ông Sáu Nam đã chỉ đạo, kết luận sau chuyện này, nhưng nhớ lại mới thấy, chỉ bằng một câu hỏi mà thường không ai dám hỏi: "Liệu Liên Xô có đứng vững không?" - chắc chắn ông Sáu Nam đã tiên lượng rất xa về biến động ở Liên Xô và Đông Âu vài năm sau đó.

Vì vấn đề Liên Xô là chưa có tiền lệ và cũng không đủ yếu tố để có thể khẳng định là Liên Xô có đứng vững hay không. Tuy nhiên, ông Sáu Nam vô cùng nhạy cảm trước

vấn đề này nên đã tập trung nghiên cứu và tham mưu để Đảng, Nhà nước, Quân đội có bước chuẩn bị trong tình hình mới, có đối sách cụ thể cho mọi tình huống xảy ra. Và, thực tế đã diễn ra đúng như những gì ông Sáu Nam đã đặt ra và ông Ba Quốc đã dự báo.

Nhớ lại thời điểm đó, khi tôi đề cập đến chuyện Liên Xô sụp đổ khi trở về nước gặp ông Sáu là do thông tin nắm được qua chính mấy ông giáo viên tình báo của tôi ở Liên Xô, vì họ ở trong cuộc, đã hoạt động ở mọi địa bàn, đã đối đầu với CIA nhiều, nên họ rất hiểu, nắm được thông tin rất sâu. Hồi đó, do tiếng Nga của tôi chưa thành thạo, tôi phải nhờ phiên dịch nói chuyện với các ông thầy. Tôi hỏi họ: "Liệu Liên Xô có đứng vững không?". Chính các ông thầy khi ấy nói với tôi: "Không có ai đẩy thì cũng ngã thôi, tự sụp đổ".

Đó là nguồn tin rất quý từ phía Liên Xô mà tôi kể lại với ông Ba, và sau đó báo cáo ông Sáu Nam. Tất nhiên, đó chỉ là thông tin ở cấp độ thấp, một vấn đề lớn như thế thì phải có sự vào cuộc của nhiều cơ quan và nhất là sự nhạy bén của ông Sáu Nam. Nhưng ông Sáu Nam cũng không khẳng định, mà ông "dự báo".

Cùng với đó là sự nhạy bén tư duy và kinh nghiệm địch hậu của ông Ba, xuất phát từ những thông tin xung quanh tình hình Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, dự báo sẽ sụp đổ trong một thời gian rất ngắn, theo kịch bản không ai có thể tưởng tượng được.

Còn nhớ, khoảng một tháng trước khi nước Đức thống nhất, Tổng thống Mỹ George H. W. Bush đã công khai ca tụng Tổng Bí thư Liên Xô Mikhail Gorbachev trên Nhật báo

Phố Wall, trong đó có những mỹ từ như: "Đương nhiên chúng ta phải khen ngợi ông ta (Gorbachev) về những xử lý và sự cổ vũ đối với biến đổi hòa bình tại Đông Âu... Bất kỳ ai trong số chúng ta cũng không thể ngờ tới những biến đổi như vậy".

Đến sự kiện ngày 13 tháng Năm năm 1989, Tổng thống Mỹ Bush phát biểu tại Texas, đề ra thêm chiến lược "Vượt trên ngăn chặn", nhấn mạnh "Phương Tây phải cổ vũ Liên Xô diễn tiến theo xã hội mở cửa", đồng thời yêu cầu Liên Xô "hợp tác với phương Tây". Đứng trước tình hình này, để tránh đối đầu, vì cái gọi là "lợi ích toàn nhân loại", vì mưu cầu hợp tác quốc tế, Gorbachev đã vứt bỏ đấu tranh và đối kháng, đi theo con đường hy sinh lợi ích của chủ nghĩa xã hội thế giới và lợi ích của Liên Xô để thỏa hiệp với Mỹ.

Ngày 19 tháng Tám năm 1991, những người cộng sản Liên Xô đã thành lập Ủy ban Nhà nước về tình trạng khẩn cấp (ГКЧП) hòng giành quyền kiểm soát chính quyền. Tuy nhiên, chính biến thất bại vào ngày 21 tháng Tám năm 1991. Bên ngoài là như vậy, tuy nhiên, diễn biến thực chất bên trong hoàn toàn đúng theo các kịch bản Bravo 1 và 2 mà ông Ba Quốc đã nêu ra từ trước đó.

Sau biến cố ngày 19 tháng Tám, tại Mỹ ngày 18 tháng Mười một năm 1991, nguyên Thủ tướng Anh Margaret Thatcher cũng đã có buổi nói chuyện nổi tiếng tại Houston, trong đó khẳng định những nỗ lực lâu dài, quy mô của phương Tây trong việc chống phá Liên Xô. Thừa nhận những sự trợ giúp lớn dành cho Gorbachev và Yeltsin để hai người này thực hiện những cải cách cấp tiến tại Liên Xô.

Bà Thatcher đồng thời tuyên bố Liên Xô sẽ chấm dứt sự tồn tại trong vòng một tháng kể từ bài phát biểu của mình.

Ngày 25 tháng Mười hai năm 1991, cũng là ngày Liên Xô tuyên bố sự cáo chung, Tổng thống Bush nói trên truyền hình: "Hơn 40 năm nay, nước Mỹ lãnh đạo phương Tây đấu tranh với chủ nghĩa cộng sản và mối đe dọa đối với giá trị quan quý giá nhất của chúng ta... Sự đối kháng này hiện nay đã kết thúc... Đây là thắng lợi của dân chủ và tự do".

Những dữ kiện đó chứng minh khẳng định chắc chắn của ông Ba: "Mỹ sẽ đẩy để Liên Xô nhanh đổ".

Ông Ba là người có kinh nghiệm trong lòng địch, ông hiểu Mỹ và biết cách ứng xử của Mỹ trong các tình huống như thế này. Ông đã trả lời một cách dứt khoát và đầy trách nhiệm với ông Sáu Nam, với đất nước. Chính vì thế, ông Sáu Nam càng tin hơn để từ đó đi đến một dự báo rất chiến lược về chuyện Liên Xô sụp đổ.

Khi Liên Xô xảy ra chính biến vào ngày 19 tháng Tám năm 1991, chính những người bạn Nga lúc đó đã giúp nhóm chúng tôi gồm có tôi, Hùng, Tân và Dũng lên khách sạn Ukraine tại Moscow để quan sát. Một sỹ quan cao cấp của Hải quân Liên Xô khi đó đi cùng đã nói với chúng tôi: "Thôi đừng làm gì nữa, tất cả các bạn hãy ra cửa sổ để xem sự cáo chung của Liên Xô và chế độ xã hội chủ nghĩa đang diễn ra trước mắt chúng ta". Còn khi xảy ra cuộc khủng hoảng Hiến pháp vào ngày 21 tháng Chín năm 1993 do Tổng thống Boris Yeltsin tiến hành chống lại Quốc hội Liên bang Nga, thì nhóm chúng tôi khi đó đang trao đổi về chuyển giao công nghệ tại Moscow. Lúc khoảng 11 giờ,

ông phụ trách tổ hợp Công nghiệp Quân sự Nga đã làm chúng tôi vô cùng ngỡ ngàng khi bảo: "Đứng ra đây xem màn kịch đảo chính rất hay". Đó chính là dịp chúng tôi trực tiếp chứng kiến hành động nã pháo vào tòa Nhà Trắng - trụ sở của Duma Quốc gia Nga khi đó.

Như vậy, trên thực tế, câu hỏi "liệu Liên Xô có đứng vững không?" đã được Việt Nam đặt ra từ năm 1989 và thảo luận, nghiên cứu trong một phạm vi rất hẹp. Dưới sự chỉ đạo của Bộ trưởng Quốc phòng Lê Đức Anh thời điểm đó, nhóm nghiên cứu chuyên trách gồm nhiều cơ quan trọng yếu, mà ở đó nổi bật là vai trò của Cục 2 đã vạch ra các kịch bản, trong đó nhận định rằng sẽ có sự can thiệp của Mỹ để tạo biến động, thậm chí đảo chính - như những gì đã từng diễn ra tại miền Nam Việt Nam những năm 60 của thế kỷ XX.

Dự báo của ông Sáu Nam từ hai năm trước đã góp phần quan trọng giúp Đảng không bị bất ngờ trước cuộc khủng hoảng, tan rã của phe xã hội chủ nghĩa. Nếu không có câu hỏi ấy có lẽ chúng ta khó tránh khỏi bị bất ngờ chiến lược trước những sự kiện làm đảo lộn thế giới vào cuối thế kỷ XX như vậy.

Ngẫm lại, khả năng dự báo vô cùng nhạy cảm của ông Sáu lúc đó khó ai có được, ông nghĩ đến chuyện mà không ai nghĩ tới, ông cũng đặt ra giấc mơ mà không ai mơ thấy trước khi Liên Xô sụp đổ. Đó là tài dự báo đặc biệt của một con người đặc biệt. Đây cũng là một trong những đóng góp quan trọng để chuẩn bị cho Đại hội VII, làm cơ sở để Đảng ta vẫn đứng vững, đất nước ta vẫn tìm được cách để thoát ra khỏi khủng hoảng bằng cách mở cửa, đổi mới,

tự lực phát triển trong bối cảnh khó khăn sau khi phe xã hội chủ nghĩa tan rã.

Và ông Sáu Nam cũng đúng khi khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam dù phải trải qua rất nhiều khó khăn, phải đương đầu với chống phá điên cuồng của thế lực thù địch nhưng sẽ đứng vững và chiến thắng.

❖ Hai cốt cách bản lĩnh và trí tuệ

Cùng với việc dự báo về sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu, bản lĩnh và trí tuệ của ông Sáu Nam và ông Ba Quốc còn được thể hiện rất rõ qua tầm nhìn nhạy bén về xu hướng thay đổi trong các mối quan hệ giữa các nước lớn. Nhất là các mối quan hệ có liên quan đến lợi ích của Việt Nam để từ đó kịp thời chuẩn bị các đối sách phù hợp.

Từ năm 1972 đến cuối những năm 1980 là giai đoạn "tuần trăng mật" của mối quan hệ nước lớn, mà đối tượng chủ yếu là Liên Xô. Câu hỏi đặt ra vào năm 1991: "Liệu khi Liên Xô sụp đổ, đối tượng chung không còn, lợi ích chung không còn thì tuần trăng mật ấy có còn tồn tại hay không?". Ai cũng hiểu khi không chung lợi ích thì trong quan hệ quốc tế sẽ có chuyện, tất yếu là sự quay lại cạnh tranh giữa các nước lớn.

Trước tình hình các nước lớn như vậy, ông Sáu Nam chỉ đạo ông Ba ngay lập tức chuyển hướng sang Mỹ với câu hỏi: "Liên Xô như vậy, Trung Quốc như vậy thì chính sách của Mỹ đối với Việt Nam sẽ như thế nào?".

Đó là nghiên cứu khả năng bình thường hóa quan hệ với Mỹ sau khi ta đã có những bước đi đầu tiên bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc.

Giai đoạn này Campuchia bắt đầu đi vào giải pháp chính trị, chuẩn bị ký Hiệp định Paris và UNTAC được đưa vào. Dù trước mắt lúc bấy giờ còn rất nhiều khó khăn, nhưng áp lực quốc tế đối với ta giảm, thể hiện ở chỗ nước lớn liên quan mặc nhiên chấp nhận chuyện không tiếp tục viện trợ quân sự cho Khmer Đỏ. Giải pháp chính trị ở Campuchia đang có xu hướng tốt dần lên, đủ giúp cho ta bước chân ra trường quốc tế. Khi đó, cần hợp tác với Mỹ mới giúp giải quyết những vấn đề mà ta còn vướng mắc từ sau năm 1975. Đất nước ta đã có tất cả, có thống nhất, có hòa bình, nhưng chưa có được sự cân bằng chiến lược để từ đó mở cửa, hội nhập và phát triển.

Vậy, điều mà ông Sáu Nam suy nghĩ và sau đó là ông Ba Quốc trăn trở về giải pháp để Việt Nam có thể cân bằng chiến lược. Lúc bấy giờ "bức màn sắt" vẫn còn tồn tại giữa hai phe, Việt Nam bị kẹt cứng trong một tam giác quan hệ giữa các nước lớn. Nên chăng lúc đó chỉ quan hệ với Liên Xô - một quốc gia sắp sụp đổ và đang từng bước bỏ rơi các đồng minh trong phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu? Hay quan hệ với nước láng giềng như thế nào, khi xung đột biên giới vẫn đang ác liệt và chưa bình thường hóa quan hệ với ta? Nhưng ngược lại, nếu quan hệ với Mỹ thì là quan hệ với cựu thù, quan hệ với đế quốc? Kiểu gì cũng nan giải.

Thông qua sự chỉ đạo của ông Sáu Nam và ông Ba, tôi dần hiểu được tầm nhìn chiến lược, cũng như dũng khí của các nhà lãnh đạo Việt Nam bấy giờ. Cần phải bình thường

hóa quan hệ với Trung Quốc, thủy chung với bạn cũ dù Liên Xô và Đông Âu tan vỡ. Rồi đi đến bình thường hóa quan hệ với Mỹ.

Tôi ấn tượng khi ông Sáu Nam nói một câu như này:

- Mình có tốt với Mỹ đến mấy, mình có "ngọt" với Mỹ đến mấy mà không có lợi ích thì van lạy họ cũng không nhúc nhích. Nhưng khi mà có lợi ích thì không kêu họ cũng tới.

Câu hỏi đặt ra là, lợi ích của Việt Nam đối với Mỹ là gì?

Đó là những câu hỏi rất lớn và rất khó đặt ra cho ngành Tình báo lúc bấy giờ: Đối với Liên Xô thì bao giờ sụp đổ? Làm thế nào để bình thường hóa quan hệ với nước láng giềng phương Bắc mà vẫn giữ vững chủ quyền lãnh thổ trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau? Đối với Mỹ thì lợi ích do Việt Nam đem lại cho Mỹ là gì? Ông Sáu Nam không đặt câu hỏi: "Mình quan hệ với Mỹ thì mình được gì?". Mà ngược lại ông muốn biết Mỹ nối quan hệ với Việt Nam thì Mỹ thực sự muốn gì? Muốn lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam? Muốn trả thù thất bại ở Việt Nam, muốn dân chủ hóa ở Việt Nam, muốn biến Việt Nam thành tiền đồn để chống nước láng giềng của Việt Nam?... Hay Mỹ muốn quay trở lại Đông Á theo một cách khác, trong một vị thế khác để tìm kiếm lợi ích của chính Mỹ?

Ấn tượng về ông Sáu Nam, ông Ba Quốc đã viết: "Ông Sáu Nam tuyệt vời lắm. Không những ở Campuchia mà sau này nữa. Cậu Vịnh có ngày hôm nay một phần là nhờ ông Sáu Nam, trí thông minh với cả tầm nhìn về chiến lược. Rất kỳ lạ là, nếu nói về học hành của ông Sáu Nam thì không bao nhiêu cả, đúng là một tư tưởng gia, mãi đến những

năm gần đây cậu Vịnh coi ông là chỗ "kiểm chứng" các vấn đề liên quan, đặc biệt là vấn đề Campuchia, vấn đề thế giới, vấn đề mâu thuẫn,... Tôi khoái ông ở chỗ là khi ông đặt ra vấn đề, khi ông nói ra một điều, thì mình thấy ngay một cái hướng. Tôi coi như là mình thấy một cái ánh sáng của con đường. Cho nên đến bây giờ, tôi vẫn mê ông Sáu Nam và tôi vẫn nghĩ cậu Vịnh có ngày hôm nay là nhờ một phần của ông. Ông thông minh thì rõ ràng là thông minh rồi, nhưng vấn đề như tư tưởng, những cái cách suy nghĩ của ông, tôi cho là độc đáo".

Có thể nói, những vấn đề của ông Sáu Nam đặt ra cho ngành Tình báo đều là những câu hỏi nhớ đời.

Khi đó xuất hiện một vấn đề quan trọng nữa, đó là Liên Xô sụp đổ thì theo một quy luật tự nhiên, đối trọng chủ yếu của Mỹ sẽ là Trung Quốc, mà vấn đề cạnh tranh chính là kinh tế. Nếu Mỹ không nhanh, thì tất yếu có thể đánh mất sự ảnh hưởng của mình đối với toàn bộ khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Vì vậy về mặt địa chính trị, địa chiến lược, nước láng giềng của ta cũng có nhu cầu củng cố quan hệ với các đối tác ở phía nam, chủ yếu là ASEAN, trong đó khó nhất là Việt Nam. Việc Việt Nam sau này mở rộng quan hệ với hàng chục, hàng trăm nước phương Tây, rồi gia nhập ASEAN, có vị thế ở Liên Hợp quốc, có thể nói một cách công bằng rằng đều phải bắt đầu từ việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và sau đó là giải quyết quan hệ với Mỹ. Phía ta cũng hiểu là nếu bình thường hóa được cả với Trung Quốc và Mỹ thì sẽ cùng một lúc giải quyết cơ bản những vấn đề còn lại, kể cả vấn đề Campuchia và vấn đề mở cửa của Việt Nam.

Lúc bấy giờ, chúng tôi mới hiểu được còn một thứ tình báo khác nữa ngoài tình báo quân sự, tình báo chính trị, tình báo khoa học công nghệ, đó là tình báo kinh tế. Qua tình báo kinh tế có thể nắm được rất sâu về ý đồ chiến lược của các nước đối với Việt Nam. Lúc bấy giờ có thể nói là lần đầu tiên thầy trò tôi mới có được bài học về tình báo kinh tế.

Trên cơ sở sự thống nhất cao trong lãnh đạo Đảng, Nhà nước và sự phối hợp chuẩn bị tích cực của rất nhiều bộ, ngành, cuộc gặp lịch sử giữa ông Sáu Nam (Chủ tịch nước Lê Đức Anh) với Tổng thống Bill Clinton bên lề cuộc họp tại trụ sở Liên Hợp quốc đã được thực hiện vào năm 1995. Hai ông nói chuyện riêng với nhau, tôi không biết các ông đã nói với nhau những gì, nhưng khi nhìn tấm ảnh hai ông chụp với nhau đăng báo, thì tôi nói với ông Ba:

- Chú ơi thành công rồi! Ông Sáu Nam mà cười như thế này là thành công lớn lắm, chứ nếu không thì đời nào ông Sáu cười vì ông có cười với ai bao giờ đâu!

Đó chính là cánh cửa mà hai nhà lãnh đạo đã mở ra để Việt Nam bình thường hóa quan hệ với Mỹ. Đảng và Nhà nước ta đã đánh giá đúng lợi ích của Mỹ ở Việt Nam, từ đó chủ động đón bắt, đáp ứng những nhu cầu lợi ích ấy trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi. Ông Sáu Nam là người trực tiếp chỉ đạo việc thu xếp tín hiệu để xúc tiến cơ hội tổ chức cuộc trao đổi giữa hai nhà lãnh đạo cấp cao nhất của Việt Nam và Mỹ ở trụ sở Liên Hợp quốc. Đó là chìa khóa để mở ra quan hệ Việt - Mỹ. Đó cũng là thời điểm các công ty Mỹ đổ xô vào Việt Nam. Trong một năm ấy, không biết cơ man nào là các nghị sỹ Mỹ, các đại công ty, các tập đoàn dầu khí Mỹ viết đơn kiến nghị, tổ chức hội thảo, gây sức ép

với Tổng thống Mỹ phải bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Họ chính là những người đại diện cho lợi ích của Mỹ về kinh tế, cũng là lợi ích chiến lược toàn cầu của Mỹ.

Sau biến cố Liên Xô sụp đổ vào năm 1991, cánh cửa thế kỷ XXI dần mở ra với những thách thức đồng thời là những thời cơ mới cho ngành Tình báo Quốc phòng. Với những gì trước đây ông Sáu Nam và ông Ba Quốc cùng suy nghĩ và chỉ đạo, chúng tôi từng nghĩ đó đã là những đỉnh cao rất khó để vượt qua. Nhưng không, những năm đầu thập kỷ 90, lại xuất hiện những mục tiêu mới, những tầm nhìn mới, khiến chúng tôi lại phải bắt đầu lần mò "dò đá qua sông", "đi từ chân lên tới đỉnh" để tìm mọi cách vượt qua. Đó là tình báo khoa học công nghệ và hướng hoạt động vươn ra ngoài nước.

CHƯƠNG BỐN

NGHỀ TÌNH BÁO, NHỮNG ĐIỀU ĐƯỢC TRAO TRUYỀN



NHỮNG NẺO ĐƯỜNG PHÍA BẮC

Trở lại năm 1989, sau khi tôi đi tập huấn từ Liên Xô về nước thì có một loạt nhiệm vụ mới của Bộ Quốc phòng mà trực tiếp là ông Sáu Nam và Cục giao cho Đoàn 12.

Nhiệm vụ thứ nhất, như tôi đã nói, ông Sáu Nam đặt ra với ông Ba Quốc, về việc đi tìm câu trả lời về Đông Âu và Liên Xô: "Liên Xô có đứng vững không? Nếu không đứng vững thì biến động ra sao? Kịch bản khi đó sẽ như thế nào?". Nhiệm vụ thứ hai, đó là kiểm chứng các thông tin về việc liệu có thể đi đến bình thường hóa quan hệ và ngừng bắn ở biên giới với Việt Nam hay không?

Ông Sáu Nam cần những phép thử chiến lược. Đầu tiên, ông mạnh dạn đề nghị Bộ Chính trị cho thử nghiệm một phần nhỏ lực lượng ở biên giới phía Bắc.

Hồi đó Đại tướng Lê Đức Anh trực tiếp đi thị sát, "nằm vùng" ở những khu vực khó khăn nhất tại biên giới. Ông lệnh cho các đơn vị chốt giữ sát biên giới từng bước lui quân, kết hợp với đẩy mạnh công tác tuyên truyền ở biên giới. Từ điểm cao ở Vị Xuyên về, ông bay vào Thành phố Hồ Chí Minh gặp gỡ đại diện ngoại kiều là những người có quan hệ gắn bó về lợi ích với cả Việt Nam và nước láng giềng. Ông đã trực tiếp đối thoại với những người có thế lực trong cộng

đồng ngoại kiều này, bởi họ am hiểu tình hình và tiếng nói rất có trọng lượng đối với chính quyền tại đất nước quê hương họ. Người thu xếp cuộc gặp năm đó chính là ông Vũ Chính và ông Ba Quốc.

Ông Sáu Nam còn gặp những ngoại kiều là đảng viên của ta trước đây, đã có nhiều đóng góp trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Họ đã có những ý kiến thẳng thắn và sâu sắc về việc Việt Nam và nước láng giềng nên làm gì, làm như thế nào để có được lợi ích và ổn định cho cả hai nước.

Trên một hướng trọng tâm khác cũng rất đặc thù, đó là việc thăm dò qua công tác đối ngoại quốc phòng, được thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Lê Đức Anh. Vai trò của Trung tướng Vũ Xuân Vinh (khi đó là Cục trưởng Cục Đối ngoại, Bộ Quốc phòng) được thể hiện rất tích cực, thông qua những lần tiếp xúc với Tùy viên Quân sự và Đại sứ của nước láng giềng tại Hà Nội để từng bước kết nối và tổ chức các cuộc gặp cấp cao giữa hai bên.

Tổng hợp từ nhiều hướng, ông Sáu Nam đã có đầy đủ cơ sở để báo cáo với Bộ Chính trị, để có được sự thống nhất cao về các giải pháp và những bước đi ngoại giao phù hợp, tiến tới bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Những bước thăm dò táo bạo đó thể hiện tầm nhìn chiến lược, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Lê Đức Anh và các nhà lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước ta nắm chắc được phản ứng của nước láng giềng trên tất cả các lĩnh vực, các hướng chiến lược. Đồng thời, trong các cuộc tiếp xúc thông qua nhiều kênh khác nhau, Đại tướng Lê Đức Anh

đã chuyển đi một thông điệp dứt khoát: "Việt Nam muốn hòa bình".

Trong bối cảnh đó, ông Ba Quốc và tôi phải thực hiện nhiệm vụ đặc biệt do ông Tư Văn và sau đó trực tiếp do ông Sáu Nam giao. Thầy trò tôi lại có hàng loạt chuyến đi lên biên giới phía Bắc để góp phần tìm kiếm con đường đến bình thường hóa quan hệ và hòa bình giữa hai nước. Hành trình ấy kéo dài hơn một năm trời.

❖ Gặp ông Tư Văn xin "lộ phí"

Trước ngày chúng tôi đi công tác biên giới, kế hoạch cho chuyến đi đã được chuẩn bị, nhưng về nguyên tắc trước khi đi phải báo cáo Thủ trưởng Cục.

Ông Ba dặn thêm:

- Phải xin anh Tư thêm ít tiền để còn xoay xở khi cần cậu ạ!

Thế là 7 giờ tối hai thầy trò sang gặp ông Tư Văn đúng lúc ông đang xem bóng đá (năm đó có giải bóng đá quốc tế). Ông Ba thì không bao giờ xem bóng đá vì mất thời gian, trong khi ông Tư Văn thì vô cùng mê bóng đá. Khi thầy trò tôi sang thì thấy ông Tư Văn say sưa ngồi xem cùng trợ lý. Ông Tư Văn mặc bộ đồ thể thao, đầu trùm cái khăn len kín mít, chẳng bận tâm đến hai thầy trò chúng tôi, cứ vừa xem vừa vỗ đùi đen đét:

- Ui giời, ui giời...

- Thưa anh... - Ông Ba nói chưa dứt câu.

- Vầng, anh Ba ngồi chơi!

- Báo cáo anh Tư...

- Anh chờ tôi tý...

Ông Ba bực lắm, một là ông đến không được việc, hai là việc thì gấp mà thầy trò ông Tư Văn cứ mải mê theo trái bóng.

- Anh Tư ạ! Tôi đến gặp anh nói chuyện công việc, chứ tôi có đến để xem đá bóng đâu.

- Ơ hay, tôi có mời anh đến đâu nhỉ? - Ông Tư quay sang "thả" một câu.

Xong ông lại tỉnh bơ quay ra xem, cứ "Úi giời! Úi giời!...". May quá đến giờ giải lao, ông Ba nói:

- Thưa anh Tư, kế hoạch đi biên giới...

Tôi nghe vậy bèn chen lời ông Ba:

- Thưa chú, chú Ba và cháu sang báo cáo về kế hoạch đi biên giới.

- Ờ! Kế hoạch thông qua rồi cơ mà?

- Vâng ạ! Kế hoạch thì ký rồi, nhưng mà xin chú thêm ít tiền để dự phòng.

Ông Tư Văn lúc đó rất muốn tôi nói nhanh vì sắp vào hiệp sau. Nghe xin tiền, ông gật:

- Ờ, ờ, được, được!

- Thưa chú chú phải ký cháu mới lấy được tiền.

Tôi đã làm sẵn văn bản chìa ra, ông bảo đưa bút rồi ký. Ký xong chào về, đúng hết giờ giải lao. Ông Tư Văn đứng dậy bắt tay chào rất nhanh.

Ra ngoài, ông Ba cứ lắc đầu. Sợ ông giận vì lúc nãy tôi "cướp lời", tôi thanh minh:

- Chú ạ, cháu sợ mất thời gian nên xin tiền cho xong, chứ chờ hết giải lao mình lại phải đợi thêm hiệp nữa.

Vấn đề là còn đống việc nữa ông Ba phải hỏi ông Tư, nhưng nào có kịp hỏi.

- Thôi mấy việc kia cứ để sau chú ạ.

Ông Ba vẫn lắc đầu.

Nhưng ông Tư Văn đã dặn từ trước rồi, có hai thời điểm, trừ chuyện "cháy nhà chết người" thì đừng có ai "đụng" đến ông, đó là những giờ nghỉ ngơi, thư giãn khi ông xem đá bóng và chơi bóng bàn. Ông Ba với tôi gặp như thế là còn nhẹ, người khác là ông Văn "mời về" thẳng. Mà cái chính là mọi việc trong kế hoạch ông Tư Văn đã dặn kỹ ông Ba trước cả rồi và đã kết luận dứt khoát: "Thầy trò ông cứ thế mà làm! Phải làm khẩn trương! Và làm có kết quả!".

❖ Dọc dài biên giới

Thời gian rong ruổi biên giới phía Bắc của thầy trò tôi, có nhiều câu chuyện nhớ lại vẫn thấy vui. Thời điểm đó, ông Ba Quốc vốn không thông thuộc nhiều về địa bàn biên giới phía Bắc, nhưng rất may ông Ba Quang lại là người Lạng Sơn. Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông Ba Quang là Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa thị xã Lạng Sơn, còn Phó Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa là ông Mạc. Sau này ông Mạc làm Bí thư Thị ủy Lạng Sơn, rồi về nghỉ hưu. Ông vô cùng nhiệt tình giúp đỡ chúng tôi.

Lúc bấy giờ chúng tôi đi xe UAZ, lái xe là cậu Dĩnh, phục vụ là cậu Đồng. Trên xe, ông Ba Quốc ngồi trước,

Đồng ngồi giữa ở ghế sau, một bên là ông Ba Quang, một bên là tôi. Năm thầy trò cứ thế rong ruổi đi Lạng Sơn, Cao Bằng, một số thị xã giáp biên giới, rồi lộn về Quảng Ninh và một số địa phương khác,... Chúng tôi cứ theo đường số 4 chạy dọc biên giới và một số đoạn đường mòn buôn lậu, bởi ở những chỗ nào có buôn lậu thì những đoạn biên giới đó không có mìn.

Hồi ấy ở biên giới mìn được cài vô tội vạ, ta cài, nước láng giềng cũng cài, địa phương cài, chủ lực cài, du kích cài, thanh niên xung phong cài... Phải nói là "nửa thời bình" nhưng vẫn căng thẳng, thậm chí nguy hiểm.

Trong một chuyến đi Lạng Sơn vào tháng Mười một năm 1989, tôi nhớ là chớm đông, trời miền núi rất lạnh. Vì ông Ba Quang từng là Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa năm 1945 và là Bí thư đầu tiên của thị xã Lạng Sơn, nên khi ông quay lại Lạng Sơn ví như "cá xuống nước". Lên đến nơi, chúng tôi không ở khách sạn mà ở tại gia đình ông Mạc. Nhà ông Mạc ở rìa đường, phía tay trái từ Hà Nội lên và là nơi xuất phát điểm xe hàng biên mậu đi sang biên giới. Nhà ông ấy làm dịch vụ xếp dỡ hàng chứ không làm chủ buôn. Những câu chuyện đêm khuya của tôi với ông Ba từ bếp lửa ở nhà ông Mạc.

Vì thầy trò chúng tôi mới ở trong Nam ra, lần đầu tiên ngỡ ngàng khi buổi sáng sớm tinh mơ ngủ dậy thấy có sẵn vò xôi, đĩa muối vừng, nhưng rất lạ thấy ông chủ nhà còn mang ra chai rượu mời mỗi người vài ly. Hóa ra, ngoài Bắc lạnh nên buổi sáng người ở đây thường hay uống rượu.

Từ Lạng Sơn sang Cao Bằng, chúng tôi tiếp tục đi đường số 4, qua Đông Khê, Thất Khê dọc biên giới nhìn được sang nước láng giềng. Đây là con đường chỉ có đá hộc,

bây giờ đi qua đó chỉ mất khoảng 3 - 4 tiếng, nhưng hồi đó đi mất cả ngày trời, vất vả vô cùng. Dọc đường đi, tôi nói ông Ba:

- Chú ngồi sau đi!

Vì hồi đấy tình hình còn đang căng thẳng, rất lo lắng vì bên kia có thể pháo kích, hoặc bắn tỉa. Nhưng ông Ba nhất quyết:

- Không, tôi ngồi ghế trước.

Và ông cứ giữ cái ghế đó ngồi suốt hành trình.

Những chuyến đi của chúng tôi thời điểm đó ở trong một khung cảnh nửa hòa bình, nửa chiến tranh lạ lẫm vô cùng, không hề giống ở Hà Nội, càng không giống Thành phố Hồ Chí Minh. Bởi dưới kia là xã hội sôi động, thanh bình, sùng sục lo làm kinh tế, thì lên đây thấy cả một dải biên giới "chết cứng", căng thẳng, người dân không lúc nào được yên. Từ đó mới thấy được ước mong hòa bình của người dân biên giới và hóa ra đất nước mình vẫn chưa có hòa bình.

Qua những chuyến đi như thế mới thấy được gian khổ của người dân và bộ đội ở biên giới phía Bắc. Cả nước đang sống trong thời bình thì nơi đây đang sống trong chiến tranh, không ai hình dung được cuộc sống "dậm chân tại chỗ" là như thế nào nếu không lên đó. Hồi đó, giáp biên giới không có người dân ở, chỉ có bộ đội. Tôi còn nhớ mục sở thị hình ảnh thị xã Cao Bằng khi đó là cả một vùng đất "chết", chiếc cầu qua thị xã bị đánh sập trong chiến tranh, phải đi cầu phao, người dân sơ tán hết chẳng còn ai, vô cùng hoang vu.

Nghĩ lại mới càng thấy chủ trương của ta tìm cách bình thường hóa với nước láng giềng để bình yên cả một dải biên giới giá trị như thế nào. Phải đi các cung đường như vậy mới thấm được.

Chuyến đi ấy thầy trò tôi gặp nhiều khó khăn, vất vả nhưng cuối cùng đã thành công là nhờ bản năng tình báo, khả năng dự cảm vô cùng nhạy bén của ông Ba Quốc. Thầy trò tôi đã ở phía Bắc từ cuối năm 1989 đến cuối năm 1990. Nhiệm vụ kết nối để truyền đạt thông điệp hòa bình của Việt Nam đã được hoàn thành. Nước láng giềng đã có tín hiệu phản hồi tích cực về mong muốn hữu nghị, hòa bình, bình thường hóa quan hệ hai nước, trước mắt là dừng xung đột quân sự ở biên giới.

Trong nhiệm vụ lần này, có sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước. Vai trò của ông Ba là hoạch định kế hoạch, tuyển chọn những người thực hiện và trực tiếp chỉ đạo từng bước trong khâu tổ chức thực hiện. Tôi còn nhớ hằng ngày hai thầy trò cứ gặp nhau là nói chuyện, ông Ba dặn tôi: Cậu phải thế này... cậu phải thế kia..., rồi thầy trò tôi đánh giá đi, đánh giá lại..., ngày nào cũng thế.

Hồi đấy, chúng tôi dành hết tâm sức phục vụ cho kế hoạch này và không ngờ thành công đến như thế. Nhưng cũng không ngờ phát sinh nhiều khó khăn, trắc trở không lường trước. Điều động viên lớn nhất đối với thầy trò tôi là thường xuyên được gặp gỡ, báo cáo tình hình với ông Sáu Nam, thấy ông hài lòng với những kết quả mà chuyến công tác dài ngày đó đem lại.

KÝ ỨC VỀ NHỮNG CỐ NHÂN

Trong hành trình dọc dải biên giới phía Bắc hơn một năm trời ròng rã ấy, tôi đã học hỏi được thêm nhiều bài học, kinh nghiệm tác chiến trong thời "bình nhưng chưa yên". Đây cũng là quãng thời gian ông Ba có nhiều thì giờ để dạy cho tôi những bài học quý, thông qua những câu chuyện quá khứ của ông, mà ở đó, tôi được biết sâu hơn về con người ông, về tình cảm sâu kín của ông với đồng chí, đồng đội, thậm chí với những người phụ nữ rất đặc biệt trong quãng thời gian ông "chân ướt chân ráo" hoạt động cách mạng.

❖ Ông Tạo Cuội và người vợ định mệnh của ông Ba

Người đầu tiên phát hiện và đưa ông Ba vào ngành Công an, tình báo là ông Nguyễn Tạo (còn gọi là Tạo Cuội, Tạo Doãn). Ông Tạo là người có tác động sâu sắc tới ý chí và tình cảm của ông Ba trong thời kỳ đầu hoạt động cách mạng.

Hồ sơ của Tổ chức đề cập tới mối quan hệ giữa ông Ba Quốc và ông Tạo Cuội như sau:

"Trong lời phát biểu của đồng chí Tạ Minh Trí có một điều làm cho đồng chí Quốc ngượng ngập, đó là đồng chí Tạ Minh Trí nói: "Qua sự giới thiệu của anh Doãn, đồng chí trước đây đã là nòng cốt của Đội Công an đặc biệt, thì giờ đây chúng tôi trông cậy vào đồng chí làm rạng rỡ cho ngành điệp báo". Đồng chí Quốc suy nghĩ: "Làm rạng rỡ cho ngành điệp báo? - một lời động viên mà có lẽ mình không bao giờ xứng đáng", nhưng đúng là có sự trao

đối giữa đồng chí Trí và đồng chí Doãn. Hình ảnh đồng chí Doãn, một cán bộ có nước da ngăm đen, mặt vuông hơi rỗ, rất độ lượng, rất thương yêu cán bộ và cũng rất thông minh, rất mưu trí, kiên cường khi phải chạm trán với địch... hiện lên thôi thúc đồng chí lên đường. Đồng chí Quốc tự hứa: "Không xứng đáng, nhưng các anh ấy đã tin, đã giao thì cũng phải cố gắng cho xứng đáng".

Ông Tạo vốn ở ngành Công an, ông từng chỉ đạo ông Ba Quốc tham gia phá vụ án Ôn Như Hầu, vụ Tuần phủ Bắc Ninh, sau đó giới thiệu ông Ba với cơ quan tình báo quân sự năm 1949.

Khi ông Ba công tác tại Thanh Trì (Hà Nội), ông cùng thanh niên và nhân dân của khu vực đó xây dựng chính quyền mới, nhưng sau một thời gian, ông Ba được giới thiệu vào ngành Công an, lúc bấy giờ gọi là Ty Liêm phóng Hà Nội. Lúc ấy, ông Tạo là Trưởng ty.

Ông Ba vào ngành Công an không phải vì lương bổng, chức tước gì, mà vì hồi đó mới giành được chính quyền, cứ được giao nhiệm vụ là cống hiến. Ở đó ông Ba trực tiếp làm việc dưới sự chỉ đạo của ông Tạo - người anh và cũng là người thầy mà ông vô cùng ngưỡng mộ, trân trọng.

Đặc biệt, trong vụ Ôn Như Hầu năm 1946 do ông Tạo trực tiếp chỉ đạo, có bà Thanh cùng tham gia. Qua vụ án đó, ông Ba và bà Thanh quen nhau rồi trở thành vợ chồng, do chính ông Tạo đứng ra làm chủ hôn.

Ông Ba và ông Tạo có nhiều kỷ niệm trong quá trình hoạt động Cách mạng, ở giai đoạn ông Ba mới vào nghề. Sau này ông Tạo rời khỏi ngành Công an và sang ngành Kinh tế, chức vụ cuối cùng là Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, lấy tên là Nguyễn Tạo. Sau năm 1975,

ông Ba có gặp lại ông Tạo, nhưng vì ông Tạo xa ngành quá lâu nên giữa họ chỉ còn kỷ niệm chung thuở mới vào nghề.

Đánh giá về hoạt động điệp báo của ông Ba Quốc trong lòng địch thời kháng chiến chống Pháp, hồ sơ của Tổ chức ghi như sau:

"Năm 1950, khi Cục Tình báo chiến lược triển khai, mở rộng phạm vi hoạt động tại địa bàn Hà Nội, Ty Điệp báo Nha Công an giải tán, đồng chí sáp nhập trong danh sách của Cục Tình báo chiến lược, sự kiện này đồng chí cũng không biết.

Khi đồng chí vào tới Hà Nội thì mất liên lạc (từ tháng Năm năm 1950), đồng chí chỉ loay hoay vì yêu cầu liên lạc. Ba lần móc nối liên lạc với hình thức chủ động, tích cực và táo bạo, nhưng tới lần thứ ba, đồng chí mới nhằm đúng vào được một cơ sở của ngành Quân báo cũ, khi ấy đồng chí mới gặp được tổ chức.

Tháng Sáu năm 1950, đồng chí móc nối lại được với tổ chức, liên lạc được với tổ chức, cán bộ, (đồng chí Văn Tùng) vào hướng dẫn công tác. Lúc này đồng chí mới có khái niệm về công tác tình báo chiến lược, khái niệm về đi sâu, leo cao, xây dựng lực lượng.

Cuối năm 1950, đồng chí được lệnh ra chiến khu học tập về nghiệp vụ. Không ngờ chuyến đi này đồng chí lại bị mìn, phải nằm điều trị. Cả đi và về mất trên 20 ngày, trong khi đó, chỉ xin phép vắng mặt từ 5 - 7 ngày. Khi về mang theo thương tích.

Bị địch nghi ngờ ra vùng giải phóng liên lạc với kháng chiến... Nhờ có Đàm Y (Quận trưởng Quận 1 Hàng Trống, là tay chân đắc lực của Tổng trấn Bắc Việt Nghiêm Xuân Thiện) nên địch cho hồi chức và làm việc trở lại nhưng vẫn tiếp tục điều tra. Đàm Y lại một phen cứu gỡ, xóa hẳn được vết tích".

Năm 1946, là một cán bộ trẻ đầy nhiệt huyết, ông Ba được ông Tạo giao nhiệm vụ tham gia phá vụ án Ôn Như Hầu. Lúc ấy, ông Ba không biết đó là vụ gì, chỉ biết là được ông Tạo giao theo dõi ngoại tuyến ở tòa báo Hoa Việt trên phố Quán Thánh, cứ có ai ra vào thì báo cáo với ông Tạo.

Lúc bấy giờ ông Ba cũng chưa có nghiệp vụ công an, không ai dạy về ngoại tuyến, ông chỉ đứng đó, lượn lờ các hàng quán để theo dõi rồi báo cáo tình hình cho ông Tạo. Ông Ba không nhớ nhiều về nhiệm vụ này, vì ông không phải người đi sâu vào vụ án. Bên cạnh ông Ba có một số người nữa nhưng ông không biết họ, mỗi người biết việc của mình. Tuy nhiên, nhiệm vụ của ông được phân công phối hợp cùng với một cô liên lạc viên tên Thanh. Cô Thanh là người đưa tin của ông Ba, hằng ngày cô đi qua chỗ ông Ba nghe ông báo tin rồi về báo cáo lại với ông Tạo. Giai đoạn cùng công tác này đã khiến họ dần nảy sinh tình cảm. Sau này ông Tạo giới thiệu, mai mối ông Ba với cô Thanh và cuộc mai mối thành công, năm 1946 họ cưới nhau.

Tuy nhiên, trước khi thành thân, trong lúc hai ông bà đang "tình trong như đã mặt ngoài còn e", chưa có gì danh chính ngôn thuận thì ông Ba lại tham gia những vụ án khác gắn với một số người phụ nữ đáng nhớ trong đời.

❖ Người con gái Tuần phủ Bắc Ninh

Trong lúc ông Tạo đang mai mối người nữ đồng chí tên Thanh cho ông Ba, thì người Thủ trưởng ấy cũng được chứng kiến một người phụ nữ khác bày tỏ "thầm thương

trộm nhớ" cấp dưới của mình, thậm chí còn gửi chăn màn và áo ấm cho ông Ba thông qua ông Tạo.

Tôi nhớ trong một chuyến đi công tác Bắc Ninh để tuyển cán bộ tại Trường Sĩ quan Chính trị, khi đi qua một ngôi nhà nằm trong khuôn viên Ủy ban Hành chính Bắc Ninh, ông Ba chỉ tay bảo tôi:

- Ngôi nhà này với tôi nhiều kỷ niệm lắm cậu ạ! Năm 1945 - 1946 sau khi mình giành chính quyền, ngôi nhà này của Tuần phủ Bắc Ninh. Ông này không có nợ máu với nhân dân mà còn có công vì đã giao chìa khóa thành Bắc Ninh cho cách mạng lúc khởi nghĩa nên không bị chính quyền trừng trị.

Theo lời kể của ông Ba, năm 1945 - 1946 Bắc Ninh là vùng giải phóng, ông Tuần phủ Bắc Ninh tham gia Việt quốc được coi là hậu duệ của nhóm Nguyễn Thái Học trước đây. Lúc bấy giờ ông Tạo Doãn giao cho ông Ba thâm nhập gia đình này nắm xem họ có theo Việt quốc âm mưu "làm phản" hay không.

Nhà Tuần phủ Bắc Ninh có hai chị em khoảng mười tám đôi mươi, xinh đẹp nổi tiếng, cô chị đã lấy chồng. Ông Ba thâm nhập vào nhà Tuần phủ Bắc Ninh bằng cách bày trò coi bói.

- Để làm quen, tôi nói có nghề coi tay, rồi bảo hai chị em cho tôi coi, hai cô thích lắm. Đầu tiên tôi xem cho cô chị, tôi bảo chồng cô làm to, thực ra tôi đâu biết. Cô chị bảo: "Đúng rồi!". Tới lượt cô em, thấy dáng nhu mỳ, đài các lắm. Tôi nói cô em sau này tình duyên trắc trở. Thế mà hai chị em cũng tin. Coi tay cho phụ nữ, phải nhớ hai điều: một là tình duyên trắc trở, hai là hậu vận tốt đẹp, lấy được người

chồng yêu thương, chiều chuộng mình. Hai điều ấy bao giờ cũng đúng cậu ạ.

Sau đó ông thường xuyên ra vào nhà Tuần phủ và xác minh đúng ông bố của hai cô này có tham gia tổ chức Việt quốc

Khi báo cáo ông Tạo Doãn, ông quyết định bắt người.

- Ông Tạo Doãn cho bắt ông Tuần phủ, bắt cả tôi cho đỡ lộ. Tôi vào cửa trước ra cửa sau, còn ông kia thì bị nhốt riêng do ông Tạo Doãn trực tiếp hỏi cung. Mấy hôm sau ông Tạo Doãn tủm tỉm hỏi tôi: "Chú có gì mà mấy cô kia mê chú thế?".

Rồi ông Tạo kể cho ông Ba nghe, hai cô con gái Tuần phủ Bắc Ninh đem vào Ty Công an hai cái áo ấm, một cái màn gặp ông Tạo:

- Nhờ ông gửi cho bố em và ông Tá.

Hai cái áo mỗi người một cái thì rõ rồi, ông Tạo lại hỏi:

- Còn cái màn thì gửi cho ai?

Thấy cô chị lúng túng không nói gì, nhưng cô em mặt đỏ ửng, chân di di xuống sàn nhà, lỏn lẻn bảo:

- Bố em ít ngủ, đêm nào cũng thức nên muỗi đốt không sao, nhưng anh Tá còn trẻ nên nhờ ông gửi cho ông ấy cái màn.

Ông Ba kể lại cho tôi mà cứ tủm tỉm cười, rồi bảo:

- Ông Tạo hóm thế cậu ạ, hỏi gì mà "ác" thế chứ!

Tôi hỏi ông Ba sau này có gặp lại cô con út nhà Tuần phủ ấy không, ông bảo:

- Sao mà gặp được!

Ông không biết cô gái ấy đã lưu lạc ở đâu, nhưng ông bảo với tôi là không bao giờ ông quên câu chuyện ấy.

Ông Ba là người có sức thu phục lòng người, tạo được sự tin cậy kể cả với những người không cùng chiến tuyến, mà không chỉ với một trường hợp.

❖ Cô gái làng Lim

Cũng liên quan đến những người phụ nữ đặc biệt trong hành trình theo Cách mạng của ông Ba, có một câu chuyện rất "nặng tình" mà tôi được nghe ông kể. Sau đó tôi lại cùng ông đi tìm "người cũ", nhưng rồi lại có một cái kết buồn.

Trong những chuyến đi dọc biên giới phía Bắc, ông Ba giữ thói quen không ngủ trên mỗi hành trình. Đó cũng là khoảng thời gian ông kể cho tôi nghe nhiều câu chuyện riêng tư. Trong đó, có câu chuyện về một người phụ nữ "thầm thương trộm nhớ" ông.

Hôm đó, trên đường đi Lạng Sơn, khi qua sông Đuống, tự nhiên ngồi trên xe nhìn cảnh nhớ người, ông Ba trầm ngâm kể: "Năm 1950 sau một thời gian tôi làm Công an của chính quyền Pháp thuộc ở Hà Nội, anh Tạo Doãn chỉ đạo. Lúc ấy tôi được lệnh ra ngoài chiến khu ở Đại Từ (Thái Nguyên), chủ yếu là để chuyển cơ quan quản lý tôi từ Nha Công an Bắc Bộ sang bên Nha Tình báo Trung ương rồi dự khóa huấn luyện nghiệp vụ đầu tiên về nghề tình báo, người chỉ đạo tôi khi đó là ông Trần Hiệu. Tôi đã có hai tuần để học một số bài học về tình báo từ đồng chí Mã - chuyên gia Trung Quốc, nhưng chủ yếu học qua tài liệu".

Vào khoảng thời gian cuối năm 1949, người Thủ trưởng đầu tiên của ông Ba từ thời kỳ ông ở Công an xung phong là ông Tạo Doãn đã đưa ông tới gặp đồng chí Tạ Minh Trí và đồng chí Soạn tại Tiểu đoàn 610 ở Chi Nê (Ninh Bình). Thời kỳ đó, Ty Tình báo nằm trong Tổng nha Công an và đến giữa năm 1950 Cục Tình báo Chiến lược mới tách khỏi Nha Công an và điều chỉnh, bổ sung một số cán bộ. Đồng chí Tạ Minh Trí là một trong số người chuyển sang Cục Tình báo chiến lược, do đó, ông Ba Quốc cũng nằm trong số cán bộ điệp báo sẵn có của Công an chuyển theo sang. Ông Ba nhận nhiệm vụ vào lại Hà Nội hoạt động điệp báo, với quy ước liên lạc vào ngày 15 hằng tháng tại số nhà 80 phố Hàng Bạc. Đây là đầu mối liên lạc với Tổ chức, lúc đó chưa có mật khẩu, chỉ cần xưng danh "Thọ - người của ông Trí" là chủ nhà sẽ nhận.

Nói về những ngày lên Đại Từ (Thái Nguyên) để chuẩn bị quay trở lại Hà Nội hoạt động, hồ sơ cá nhân của ông Ba có đoạn: *"Lòng phấn khởi được trở về hoạt động với tư cách một chiến sỹ an ninh, ngay trên địa bàn mặt đối mặt với kẻ địch, vừa là công tác phù hợp, vừa là sự tự hào được cấp trên tín nhiệm, mặc dù phương thức hoạt động cụ thể ra sao, bước đi sẽ có những thuận lợi, khó khăn gì lúc đó còn chưa lường hết, chỉ biết trong lòng lúc đó thích thú, hăng say thực hiện nhiệm vụ, tin tưởng vào tổ chức, công việc đi tới đâu sẽ tính tiếp tới đó"*. Ông Ba bảo lúc đó còn chưa có khái niệm rõ nét thực sự thế nào là điệp báo, ngoài cảm quan chung chung là hoạt động bí mật.

Ăn sâu vào tâm trí ông lúc đó là lời giới thiệu của đồng chí Tạ Minh Trí: "Qua sự giới thiệu của anh Doãn, đồng chí trước đây đã là nòng cốt của Đội Công an đặc biệt thì

giờ đây chúng tôi trông cậy vào đồng chí làm rạng rỡ cho ngành điệp báo". Ông Ba lúc đó cảm giác như không xứng đáng với lời động viên ấy, nhưng cũng tự hứa với mình: "Không xứng đáng, nhưng các anh ấy đã tin, đã giao thì cũng phải cố gắng cho xứng đáng".

Thời gian đó, ông Ba tận dụng mọi mối quan hệ để tìm chỗ đứng và củng cố vị trí trong lòng địch. Ông cũng đến địa chỉ số nhà 80 phố Hàng Bạc liên lạc nhưng bị từ chối. Không liên lạc được với Tổ chức, ông Ba suy tính tìm cách tiếp cận với vùng giải phóng. Dùng giấy tờ hợp pháp do Pháp cấp, ông đi khắp Sơn Tây, Hà Đông, Bắc Ninh... với lý do nghe có người mách thấy vợ ông buôn bán ở các tuyến đó. Thực chất ông Ba tìm đường để móc nối lại với Tổ chức. Sau một thời gian, khi đã nối lại được liên lạc, ông được biết Tổ chức đã điều động mình từ cơ quan Công an Hà Nội sang Nha Liên lạc (Tình báo) Trung ương. Vì thế, ông được cử đi học khóa huấn luyện cấp tốc tại chiến khu Tuyên Quang và chính thức trở thành tình báo viên.

Hồ sơ của Tổ chức có ghi về việc ông gặp nạn trên đường công tác:

"Vào khoảng cuối năm 1950, đồng chí cùng với giao thông viên lên đường về chiến khu, dự kiến thời gian từ 5 đến 7 ngày. Đi theo quốc lộ 3. Xế chiều ngày hôm đó, hai người đã tới vùng tranh chấp nghỉ ngơi để kịp giữa đêm vượt qua vành đai trắng. Không ngờ vì không nắm được tình hình mới của địa phương đang chuẩn bị chống càn, hai người lủi trúng phải bãi mìn của du kích. Mìn nổ, giao thông viên hy sinh. Đồng chí cũng bị thương nặng. May gặp được người phát hiện mang về cứu chữa. Đồng chí Quốc bị mảnh khắp người (10 chỗ nhưng tất cả đều ở phần mềm) do mảnh

lựu đạn tự tạo của ta. Thời gian nằm điều trị và đi về mất 14 ngày. Tổ chức phải tranh thủ làm việc để đồng chí có thể mau chóng về Hà Nội vào dịp cuối năm.

Về tới Hà Nội, đồng chí nói dối Đàm Y đi chơi chẳng may bị thương hàn nên không về được. Gia đình biết đồng chí bị thương vì mảnh đạn vì chẳng những vết thương chưa lành mà ngay cả những vệt thuốc đỏ cũng chưa bay hết màu, loang lổ khắp người".

Về vụ đó, ông Ba kể cho tôi nghe cái cảm giác bỗng dưng chỉ thấy đất dưới chân rung lên chứ không kịp nghe tiếng nổ thì đã bị ngất đi, không biết gì nữa. Lần dính mìn đó, trên người ông để lại vô số vết thương ở chân, mông, lưng...

Mấy ngày sau tỉnh dậy, ông Ba thấy mình đang nằm trong một ngôi nhà thấp đèn dầu, có người mẹ và cô con gái trạc đôi mươi. Người mẹ nhận với lính Pháp rằng ông là con của bà, chẳng may bị trúng mìn, rồi đưa ông về nhà trị thương.

- Hai mẹ con thấy tôi tỉnh, cô con gái reo lên: "Mẹ, mẹ, ông ấy dậy rồi kìa!". Bà mẹ thấy vậy mừng lắm, bảo với tôi: "Con ơi, con tỉnh rồi à?". Rồi bà khóc như tôi là con trai của bà. Bà bảo lúc đó thấy tôi dính mìn ở bờ đê, đoán là người của Cách mạng nên hai mẹ con đưa về nhà cứu chữa.

Hai mẹ con ở làng Lim, họ chăm sóc ông rất tận tình, lo cho ông từng miếng ăn, giấc ngủ. Ông ngần ngừ mãi mới kể: "Lúc tỉnh dậy, người còn đau lắm nhưng tôi ngại quá vì thấy trên người đắp mỗi cái chăn, mình mẩy quấn băng, đắp thuốc hết các chỗ bị dính mìn, chẳng có quần áo gì cả. Ngại ghê lắm!". Suốt 8 - 9 ngày thì ông Ba mới dần hồi

phục, đứng dậy tập tễnh đi được. Lúc bấy giờ ông quyết định không về Hà Nội mà vẫn đi lên Đại Từ (Thái Nguyên) để báo cáo cấp trên.

- Hai mẹ con họ chuẩn bị tay nải với đồ ăn đi đường cho tôi, tôi chào họ rồi cất bước. Lúc ra đến đầu bờ đê trời vẫn còn xám xịt. Tôi cảm giác có ánh mắt dán chặt sau lưng mình, ngoái lại thấy cô con gái tựa cửa nhìn hút theo tôi, không nói gì. Tôi bèn quay lại để hỏi cô có điều gì cần nói với tôi.

Kể đến đoạn này, giọng ông chùng xuống:

- Gặng mãi cô ấy không nói, lúc sau cô mới mở lời chúc tôi đi mọi sự tốt đẹp, thành công. Rồi cô bảo: "Có một chuyện. Mẹ em dạy là nam nữ thụ thụ bất thân. Nhưng trong những ngày ông ốm đau, em chăm sóc, phục vụ ông, thay đồ cho ông, kể từ lúc ấy em coi ông là chồng em rồi". Lúc bấy giờ tôi không biết nói gì, đành liều hẹn: Bao giờ Cách mạng thành công, tôi sẽ quay lại gặp cô. Nếu không có tin, cô đến ngôi nhà bán đàn tại số... Hàng Gai gặp ông Lâm hỏi tin về anh Thọ".

Rồi ông Ba quay lại nói với tôi:

- Đây chính là quy ước liên lạc mà Tổ chức giao cho tôi trước khi vào thành, tôi chưa đến đấy và cũng chưa gặp ông Lâm bao giờ. Lúc đấy tôi nghĩ như thế thật, là Cách mạng thành công thế nào mình cũng về cảm ơn hai mẹ con cô ấy.

Quả thực, ông Ba đâu biết đời ông đầy gian truân sau này.

Khi trở lại nhà Đàm Y, dù nói dối trên đường đi bị sốt rét nhưng Đàm Y không tin vì thấy vết thương chẳng chịt

trên mặt, chân, tay. Còn cơ quan mật vụ Pháp do Vũ Đình Lý là Trưởng Công an Hà Nội nghi ông là Việt Minh được phái vào Hà Nội để hoạt động nên ra lệnh bắt ông. Đàm Y dù có nghi ngờ ông, nhưng vì lý do riêng vẫn can thiệp không cho Vũ Đình Lý bắt nên ông được yên ổn, nhưng bị Lý ghi vào hồ sơ, tiếp tục bị điều tra, theo dõi.

Câu chuyện kể đến đó thì ông Ba im lặng.

Chúng tôi vẫn tiếp tục hành trình lên phía Bắc. Trên xe, Đồng gà gật ngủ, ông Ba Quang nhìn sang tôi nháy mắt, chúng tôi nghe câu chuyện lâm ly quá (ông Ba Quang là nhà văn châm biếm nổi tiếng Sài Gòn ngày xưa), nhưng không thấy ông Ba nói thêm gì cả.

Lúc xe đi ngang bờ đê, ông Ba Quốc chỉ tay bảo với chúng tôi:

- Quãng đường này là chỗ tôi bị dính mìn.

Tối hôm ấy, lên đến Lạng Sơn, tới nhà ông Mạc, ăn xong mấy thầy trò đi ngủ. Nhà có hai cái giường, chiếc giường đôi thì ông Ba Quốc và cậu Dĩnh, cậu Đồng. Còn chiếc giường nhỏ thì tôi với ông Ba Quang, quay bên nào cũng khó. Xoay người ra phía ngoài, tôi thấy ông Ba Quốc đang ngồi bên bếp lửa, ông cũng không ngủ được.

Tôi lồm cồm ngồi dậy, ông bảo tôi:

- Ngủ đi. Mấy ngày tới đi suốt, nhiều việc phải làm lắm.

Nhưng tôi ra ngồi cạnh ông bên bếp lửa, ông bảo Dĩnh nó ngủ gác lên ngực ông nặng quá, khó chịu nên không ngủ được. Tôi ngồi tỷ tê hỏi thêm về chuyện mẹ con cô gái làng Lim:

- Chú ơi, từ năm 1975 đến nay 14 năm rồi chú đã bao giờ đến thăm, tìm lại bà ấy chưa?

- Nói thật sau năm 1975 cũng có lúc tôi muốn quay lại thăm họ, nhưng công việc cuốn đi, năm này qua năm khác đến lúc mình có thời gian có thể đi được thì thấy cũng muộn rồi. Sau giải phóng 4 - 5 năm, mình mới quay lại thì ăn nói với người ta như thế nào? Mặc dù tôi ghi ơn cứu tử của hai mẹ con họ. Nhưng tôi lại bảo mình: Thôi, không quay lại đó nữa.

Trên hành trình của chúng tôi dọc đường biên giới, ông Ba Quốc kể tiếp về cô gái làng Lim:

- Lúc bấy giờ tôi có biết gì về nguyên tắc bí mật đâu. Anh Trần Hiệu cho tôi quy ước dự bị là cửa hàng bán đàn ở đầu Hàng Gai, nếu tôi có vấn đề gì đứt liên lạc thì đến gặp ông chủ nhà tên là Lâm. Thế là tôi nói với cô gái nếu đất nước thống nhất tôi sẽ quay về, hoặc cô muốn hỏi tin về tôi thì cô hãy đến địa chỉ đó hỏi ông Thọ may ra họ biết.

Tôi tỷ tê:

- Chú ơi giờ muộn còn hơn, bà ấy đã già đâu, cháu nghĩ chú nên về thăm cũng được chứ sao!

- Tôi ngại lắm cậu ạ!

Nhưng tôi cứ vơ vào, giục ông Ba:

- Chú ngại gì, về người ta lại chả mừng quá!

Thế rồi ông gật gù:

- Ờ hôm nào xong việc trên đường về, mình ghé qua tìm bà ấy.

Hồi đó năm 1989, đất nước ta vẫn còn nghèo, nhưng biên giới thì đã bán nhiều đồ biên mậu. Tôi bảo cậu Đồng

mua ít bánh kẹo, vỏ chăn con công... để lúc về làm quà tặng. Đồng hỏi tôi:

- Tặng ai vậy anh?

- Cứ biết thế!

Xong tôi khấp khởi mừng thầm, còn lên kế hoạch hoành tráng là về nhà bà ấy ăn cơm. Biết chuyện, Đồng còn nhận phần:

- Nấu nướng anh để em lo!

Hôm ấy, tôi dặn cậu Dĩnh phải đi từ sáng sớm. Từ Lạng Sơn về Hà Nội hồi đó đi một ngày, đường rất xấu nên phải đi sớm để sao cho khoảng 3 - 4 giờ chiều là về đến Lim. Nhưng hôm đó chiều muộn mới về đến đấy. Ông Ba chỉ đường cho chúng tôi vào làng Lim. Ông còn nhớ chỗ con đê cạn vào làng. Đến đoạn đường đất, mấy thầy trò xuống xe, trời đã sâm sẩm, xung quanh sương mù phủ dày đặc. Tôi nói Dĩnh với ông Ba Quang ngồi trên xe đợi. Ông Ba Quang phớt đời bảo:

- Ừ, thầy trò ông đi đi!

Thầy trò tôi vào làng hỏi về mẹ con bà ấy mà trẻ già không ai biết. Nhớ lúc vào đến đầu làng, chúng tôi có hỏi một bà già đang ngồi co ro đầu ngõ thì bà bảo:

- Không biết!

Nhưng lúc quay ra thì bà ấy lại hỏi, có phải các ông tìm hai mẹ con như thế... như thế... không?

- Đúng rồi!

- Thế thì đúng rồi. Vậy thì bà mẹ mất đã lâu rồi, còn cô con gái lấy chồng ngoài Hà Nội. Sau gọi theo tên chồng

là Lâm. Chồng bà ấy nhà ở đầu Hàng Gai, gần nhà hàng Hồng Vân - Long Vân cạnh Bờ Hồ. Nhưng bà ấy mới mất hơn tháng nay rồi!

Tôi quay lại nhìn ông Ba. Lúc đầu nghe nói nhận ra mẹ con bà ấy tôi thấy ông hồi hộp, căng thẳng lắm, đến lúc nghe cả người mẹ lẫn người con gái đều đã mất thì cảm giác như ông sững lại.

Tôi tự trách mình: "Đúng là dại, cứ giục ông đi tìm để rồi chuyện này làm ông đau lòng".

Hỏi kỹ ra mới biết, người con gái lấy ông chồng tên là Lâm ở đầu phố Hàng Gai, Hà Nội, là cửa hàng bán đàn gần nhà hàng Hồng Vân - Long Vân. Lúc quay ra xe, tôi chưng hửng bảo cậu Đồng:

- Mày đi chậm phía sau, đừng mang túi quà lên xe nữa, đem biếu bà già vừa rồi đi, để ông Ba nhìn thấy lại càng buồn thêm.

Đến Hà Nội, ông Ba về thẳng nhà, không nói chuyện gì.

Hôm sau tôi nói với cậu Đồng cùng tôi đến Hàng Gai. Cậu Đồng sợ lắm, nói với tôi:

- Chú Ba mà biết mình đến Hàng Gai thì chết anh ạ!

Chúng tôi đến địa chỉ nhà đó, vẫn thấy bán đàn ghi ta. Ngôi nhà mặt tiền chỉ khoảng hai mét, gặp con trai của người con gái làng Lim thuở ấy. Người con trai cho biết:

- Mẹ tôi quen bố tôi sau năm 1954, khi ấy bố tôi là chủ cửa hàng này. Nhiều lần bà đến hỏi ông về người đàn ông của bà ấy, một ông nào đó đi Nam nhưng đứt liên lạc. Bà ấy cứ đều đặn đến, lâu rồi thành quen ông, mãi sau này khi nghĩ người đàn ông kia chết rồi, thì bà mới nhận lời yêu và

lấy ông năm 1964. Năm 1965 sinh ra tôi. Giờ bố mẹ tôi đều mất cả rồi. Mẹ tôi trước khi mất vẫn dặn: "Thế nào ông Thọ cũng cử người về. Con phải kể lại mọi chuyện cho họ".

Về đến nhà ông Ba, tôi cứ suy nghĩ mãi, nhưng vì có bà Thanh ở đó nên tôi không dám nói gì. Ông biết là tôi đi tìm nhà ông Lâm rồi, nhưng không nói gì, chắc là ông cũng sốt ruột, nhưng ông lỳ lắm.

Ở ngoài Hà Nội mấy ngày đó tôi không nói, sau này vào Sài Gòn ngồi với ông ở ngôi nhà trên đường Cộng Hòa, ông hỏi tôi:

- Hôm nọ cậu đến nhà ông Lâm ở Hàng Gai à?

Lúc này tôi mới kể ông nghe câu chuyện. Tôi thấy sắc mặt ông nặng nề hơn lúc ở Bắc Ninh khi nghe tin bà làng Lim mất. Tôi kể là bà chờ ông ấy hơn chục năm, sau rồi tuyệt vọng không thể nào chờ được nữa, thì bà mới lấy ông Lâm, sinh được hai người con.

Một câu chuyện chẳng đi đến đâu, nhưng cho thấy tình cảm của người phụ nữ sâu nặng, không bao giờ đo đếm được. Mãi sau này, biết nhiều chuyện của ông, tôi vẫn không dám hỏi ông một câu: "Cháu không hiểu chú có cái gì mà phụ nữ người ta tin tưởng và yêu quý chú đến thế! Người ta chờ chú từ năm 1950 đến tận năm 1964, hơn chục năm tuyệt vọng, mà chỉ có chục ngày ở gần nhau, còn chưa cầm tay nhau bao giờ?".

Tất nhiên, tôi không dám hỏi ông câu đó, chỉ để trong lòng, mãi mãi không có lời giải đáp. Mỗi lần nhớ về câu chuyện cô gái làng Lim ôm ấp trong mình tình cảm gần nửa đời người dành cho ông Ba, tôi vẫn không khỏi bồi hồi.

Không biết bà Thanh có biết chuyện này không, nhưng tôi nghĩ là ông Ba không kể với bà.

❖ Bà Mai

Câu chuyện về bà Mai ông Ba đã từng kể với tôi trong quãng thời gian thầy trò tôi ở Campuchia, ông kể nhiều kỷ niệm với người phụ nữ đặc biệt mà ông thân thiết khi ở địch hậu.

Theo lời ông Ba, ông quan hệ thân thiết với bà Mai từ năm 1960. Bà Mai có sắc đẹp nổi tiếng ở Sài Gòn, chơi thân với bà Trần Lệ Xuân (vợ Ngô Đình Nhu - TG).

Phụ nữ Sài Gòn lúc đó ít học, chỉ đi buôn là chính, nhưng bà Mai lại rất trí thức, ăn chơi sành điệu. Ông Ba bảo người ta nói thời đó bà Trần Lệ Xuân là người phụ nữ đầu tiên mặc mốt áo dài không cổ, nhưng không phải, chính bà Mai mới là người mặc mẫu áo dài đó đầu tiên ở Sài Gòn. Bà Mai rất đẹp, dáng người thanh mảnh, phong cách cao bồi rất ấn tượng. Vào thập niên 60 mà bà đã mặc quần ống tuýp, áo dài tứ thân vô cùng sành điệu, vừa ăn chơi, vừa rất trí thức. Bà Mai đứng đầu một nhóm phụ nữ nổi tiếng Sài Gòn toàn những bà nhà giàu, chồng làm quan to. Bà còn là Chủ tịch Liên đoàn Phụ nữ Cộng hòa, một tổ chức nữ quyền nổi tiếng lúc bấy giờ ở Sài Gòn.

Chồng bà - ông Trần là quan chức cao cấp của chính quyền Sài Gòn, nhưng ông ta cũng là người của CIA, một trong những người được cấp sổ lương "1 đô la" (tức là thẻ

ngân hàng có thể tiêu hàng triệu đô la, nhưng sổ lương của CIA thì chỉ thể hiện nhận được 1 đô la/1 tháng - TG).

Ông Ba cũng từng được nhận lương "1 đô la" của CIA trong một thời gian ngắn và ông chồng bà Mai cũng thế. Có thể nói, người chống Cộng có tri thức, có bài vở chính là chồng bà Mai.

Ông Ba kể:

- Tôi quen và quý trọng bà Mai, bà ấy cũng rất quý tôi. Đầu tiên tôi định thông qua bà ấy tác động đến chồng bà ta vì hồi đó công việc của tôi là về đảng phái và các tổ chức phi chính phủ. Tuy nhiên, tôi không thuyết phục được vì ông ta là người của CIA. Nhưng qua bà Mai, tôi lại có nhiều thuận lợi, dùng kênh này để tạo quan hệ với các giới chức Sài Gòn.

Năm 1973, lúc ấy ông Ba chưa bị lộ, ông gặp bà Mai thì nghe bà nói:

- Em nghe Công an bảo Phủ Đặc ủy có Cộng sản nằm vùng, có người nghi anh đấy. Nhưng em bảo ngay với chồng em là ông Tá làm sao mà làm cộng sản được? Ông ấy mà là Cộng sản thì các anh thua lâu rồi, trước sau cũng thua!

Cuối năm 1973, một lần gặp khác với bà Mai, bà lại bảo với ông Ba:

- Em đi Mỹ!

Ông Ba còn chưa kịp nói gì thì bà xả một tràng:

- Em phải đi Mỹ, quốc gia không thể nào thắng được đâu, trước sau cũng đổ. Những người như anh mà theo Cộng sản thì chế độ này không bao giờ đứng vững được.

Ông Ba nghe rất lo. Bà Mai "thả" một câu như vậy rồi đi Mỹ. Sau đấy một thời gian thì chồng bà cũng đi.

Kể lại chuyện này với tôi, ông Ba bảo: "Lúc đó bà ấy nghe tin ở đâu đó, bà cũng nghi nghi, nhưng đoán chắc tôi là người bên mình rồi nên bà mới nói với tôi câu ấy, rồi bà đi Mỹ, cậu ạ!".

Tôi hỏi ông Ba:

- Sau này chú có liên hệ với cô ấy không?

- Không!

- Sao chú không giữ liên lạc, cô ấy tốt như thế mà!

- Không! Bà ấy là người của bên kia!

Lúc kể chuyện với tôi ở Campuchia thì ông Ba không nói tên thật của bà Mai, ông gọi là "bà vợ ông Trần".

Nhưng sau này, năm 1995, lúc tôi làm Cục phó Cục 12 thì một hôm ông Ba bảo tôi:

- Hôm nay cậu đi mời khách cho tôi, đón ở khách sạn Caraven, lúc 4 giờ. Bảo cậu Đồng đến chuẩn bị cho tôi bữa cơm đãi khách.

Ông bảo với tôi người khách là bà Mai, rồi cho tôi biết cả số phòng bà ở khách sạn, nhưng dặn:

- Cậu không cần hỏi đâu, bà ấy sẽ đợi cậu ở lobby khách sạn, cậu đến đón bà ấy về đây.

Hôm ấy, tôi nhớ điểm hẹn gặp là ngôi nhà mặt phố Nguyễn Văn Mai, gần nhà ông Hai Nhạ. Tôi không nhớ chuyện cũ đã nghe hồi ở Campuchia, mà người cũ hồi ông kể thì tên cũng không phải là Mai, chỉ biết là một người phụ nữ, cũng lớn tuổi, cỡ ngang ông Ba.

Ông còn dặn thêm tôi:

- Cậu chuẩn bị cơm.

- Thưa chú, chuẩn bị mấy người ăn?

- Hai người, à ba người, cậu ngồi ăn cùng luôn!

Đấy là người phụ nữ đầu tiên ông hẹn gặp, không bao giờ ông hẹn gặp riêng người phụ nữ nào khác.

Tôi ở trong Nam lâu nên học được cách của ông Ba nói chuyện với người "quốc gia" ngày trước, không phải là: "Chào bác hay chào cô" mà:

- Thưa bà, bà có phải bà Mai?

- Đúng, có phải anh Tá bảo chú em đến đón tôi không?

- Dạ phải! Mời bà.

Tôi định đi đón bà Mai bằng xe của tôi nhưng ông Ba bảo đi xe của ông, do Phú lái. Chiếc xe này ông không cho ai đi việc khác bao giờ, tôi nghĩ chắc ông không muốn nhiều người biết chuyện. Tôi mở cửa xe cho bà Mai ngồi vào, rồi đưa bà về phố Nguyễn Văn Mai. Đến con hẻm nhỏ gần chợ Tân Định rẽ vào thì ông Ba đã chờ sẵn ở đó.

Cung cách của ông ảnh hưởng đến tôi nhiều lắm nên tôi khi gặp mấy ông bà người Sài Gòn cũ người ta cũng thích tôi, kiểu Sài Gòn xưa người ta có cung cách ứng xử rất lịch thiệp. Lúc đón bà Mai, ông Ba đứng đó cười cười. Tôi nhớ mãi điệu cười của ông, cười và không nói gì, rất bình thản, không hề lúng túng.

Lúc ngồi xuống ghế bà Mai cất giọng rất tự nhiên:

- Trời ơi anh Tá, sao mà anh gầy thế này anh Tá!

Rồi bà đưa tay vuốt tay ông một cái. Tôi thấy thế đứng dậy định đi ra liền, nhưng ông hỏi:

- Cậu đi đâu đấy?

- Cháu ra ngoài chuẩn bị cơm.

Tôi chưa bao giờ thấy ai dám vuốt tay ông ấy, nhưng bà Mai này đúng là kiểu như ông Ba từng nói, phong cách tự tin, phóng khoáng, nhưng rất thân tình. Lúc đó là năm 1995, ông 72 tuổi, bà ấy gần 70.

Bà ấy cũng rất quý tôi. Lúc vào bữa cơm, ông Ba nói với bà:

- Cậu này ở với tôi lâu, là người giúp việc tôi.

Bà Mai cười bảo:

- Em thấy anh Tá ở đâu cũng có những người trung thành.

Bà ấy nói rất tự nhiên, tôi nghe phỉnh cả mũi. Dân Sài Gòn mà ca thì hay lắm. Một lát sau tôi đi ra, hai ông bà thoải mái trò chuyện. Bữa cơm ấy kéo dài, ông Ba uống rượu thuốc, tôi chuẩn bị rượu vang cho bà Mai. Sau vào thấy chỉ còn nửa chai vang, nghĩa là ông bà uống cũng... ác liệt!

Rồi tôi đưa bà Mai về. Dọc đường tôi không nói câu gì, nhưng bà chủ động hỏi:

- Chú em ở với anh Tá lâu chưa?

- Dạ thưa, hơn 10 năm ạ!

- Dạo này anh Tá thế nào? Bà Xuân dạo này sao?

Bà nói nhiều chuyện lắm, còn nói:

- Tôi biết cậu Phong con trai ông bà ấy mà.

Bà còn biết ông Tá có một đời vợ ở Hà Nội, không hiểu vì sao bà biết, tôi đoán chắc ông Tá "khai" với bà.

Câu chuyện đến thế thôi, nhưng sau này có một lần khi ngồi uống rượu với ông Ba, lần duy nhất tôi hỏi ông về bà ấy:

- Chú không có điện thoại, thư từ, sao chú biết bà ấy về, sao chú biết ở khách sạn đó, sao chú hẹn 4 giờ đón bà? Một quy ước hoàn chỉnh?...

Ông im lặng không nói gì, quay sang chỗ khác. Một lúc, ông nhắc lại câu chuyện kia, là khi bà đi Mỹ, bà đánh động cho ông là "người ta biết anh là Cộng sản rồi!". Nhưng lần ấy bà cũng nói với ông: "Những người như anh mà theo Cộng sản thì chế độ này không bao giờ đứng vững được!".

Sau thời điểm gặp lại bà Mai, ông Ba cũng có kế hoạch làm việc liên quan đến Mỹ, chuẩn bị cho bình thường hóa quan hệ, đang rất cần đầu mối bên ấy. Tôi lại gợi ý với ông:

- Chú cho cháu đầu mối để cho người gặp bà Mai được không?

- Không! - Ông dứt khoát.

Rồi ông trầm ngâm:

- Đời người ta hy sinh giúp mình một lần là quá đủ, đừng làm phiền thêm nữa, lại nguy hiểm cho người ta!

Đó là câu chuyện ông Ba với bà Mai. Sau này mỗi lần tôi ngồi với các con ông Ba, kể chuyện về ông, về bà Mai với chị Giang, anh Thành và cháu Hà (con gái chị Giang), cả nhà đều không gợn lòng về mối quan hệ ấy, thậm chí cô cháu gái của ông Ba còn bảo:

- Cháu chỉ ước nhìn thấy bà Mai ấy!

Bà Mai giờ cũng đã mất rồi. Tôi nghĩ, những người như bà ấy, có tình cảm chân thành với ông Ba và cũng có thể hy sinh vì ông, nhưng để bà ấy quay lại với lý tưởng khác thì chính ông Ba cũng hiểu là không bao giờ. Một mối

quan hệ đặc biệt, hai con người ở hai bên chiến tuyến, rất trọng nhau nhưng vẫn có giới hạn, họ cư xử với nhau rất cao thượng, rất người.

Sau này tôi được biết, bà Mai mang nỗi đau lớn khi con trai bà là sỹ quan chế độ cũ, tử trận vào ngày 14 tháng Tư năm 1975. Vì vậy ông không cho tôi liên lạc với bà ấy, ông hiểu bà ấy đến mức như thế, kiểu như: "Vì tình cảm giữa con người với nhau, cần việc gì tôi sẽ giúp ông. Nhưng để tôi đến với lý tưởng của ông thì không!".

Câu chuyện cũng cho thấy, ông Ba rất trân trọng những người đã giúp mình thời trong địch hậu, mặc dù họ đứng ở chiến tuyến bên kia, mặc dù người ta mang tư tưởng "chống Cộng".

Sau hôm ấy, tôi bảo với Tư Ẩn: Ông theo dõi bà ấy, bà ấy... khách sạn Caraven, dáng bà ấy thế này...

Nhưng Ẩn so vai làm điệu bộ rùng mình bảo: Không, theo dõi bồ của ổng mà ổng biết thì chết!

BA NGƯỜI THẦY

Suốt quá trình từ năm 1984 đến năm 1996, ông Ba tận dụng mọi thời gian để chia sẻ, thực chất là đào tạo và truyền nghề cho tôi.

Tôi cảm thấy rất tự tin khi có một ông thầy như vậy, vừa là thầy vừa là thủ trưởng, vừa dạy vừa giao đề bài cho tôi, vừa rèn giũa tôi làm cho tốt, vừa đánh giá nghiêm khắc kết quả tôi thực hiện.

Một người thầy toàn diện như thế, quả thực tôi không mong mỏi hay đòi hỏi gì thêm.

❖ **Ông Hai Trung**

Đến năm 1994 ông Ba đề nghị cấp trên bổ nhiệm tôi làm cấp phó cho ông và tôi trở thành Cục phó Cục 12.

Ông Ba nói với tôi:

- Cậu ạ, trước sau mình cũng làm tình báo ngoại, mà trong nghề tình báo có một lĩnh vực rất lợi hại, đó là thu thập tin tức thông qua môi trường truyền thông, báo chí, cậu phải học lấy một ít.

Dừng một lát, ông nói tiếp:

- Mà cái món này thì không ai hơn anh Hai Trung (Thiếu tướng Phạm Xuân Ẩn - TG). Giờ cậu không làm Trưởng phòng nữa vì Trưởng phòng nhiều việc quá, chứ làm Cục phó thì còn thời gian. Nên cậu chịu khó, tranh thủ làm trợ lý cho anh Hai Trung một thời gian.

- Vâng, thưa chú!

Ông Ba nói thì tôi nghe.

Hôm sau ông Ba mời ông Hai Trung đến, ông bảo:

- Cậu Vịnh có một số kế hoạch phát triển sang hướng ngoại và danh nghĩa công khai báo chí. Cái này tôi không có kinh nghiệm, nên đề nghị anh cho Vịnh theo một thời gian, bồi dưỡng cậu ấy, để giúp cho tôi cái mảng ngoại này. Còn một số việc anh đang làm thì tôi giao Vịnh làm trợ lý cho anh luôn.

Ông Hai Trung cười:

- Tốt quá! Tôi sẵn sàng.

Ông Hai Trung khoái người hoạt ngôn, mà tôi lại thích nói chuyện tiếu lâm, trong khi ông ấy là "trùm" tiếu lâm.

Ông Hai Trung quay sang tôi bảo:

- Tôi với cậu này mà đi với nhau nói chuyện tiếu lâm thì ngon lành rồi.

Hơn một năm trời, tôi làm trợ lý cho ông Hai Trung, cứ sau giờ làm việc là tôi đến nhà ông ấy. Có điều ông Hai Trung không uống rượu, phong cách của ông Hai Trung là nhà báo, nên cách cư xử với ông Hai Trung khác với ông Ba, giữa tôi và ông Hai Trung có gì đó như là kiểu cách, một khoảng cách giữa người lớn và người trẻ.

Điều chứng tỏ tôi rất được lòng ông ấy chính là câu ông ấy từng nói với tôi:

- Chú không cho con chú vào ngành Tình báo. Nhưng mà chú gửi thằng Ân cho cháu, cháu bảo ban nó cho chú, thằng này nó thông minh, học giỏi nhưng khó bảo lắm!

Ân - con trai ông Hai Trung đi học Liên Xô về, sau này làm Tổng Lãnh sự Việt Nam tại San Francisco, rồi về làm Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh. Khi Ân học ngoại ngữ ở Liên Xô về, tôi mời Ân vào làm việc chỗ tôi nhưng cậu ấy không chịu, chỉ quan hệ với tôi với tính chất cá nhân, anh em.

Ân học giỏi, rất thông minh nhưng "a-ma-tơ" (amateur) y như bố. Cậu ấy có lúc còn đi múa phụ họa cho các show nhạc,

xong đi làm hướng dẫn viên, phiên dịch, rồi làm đủ những việc mà cậu ấy thấy thích.

Quay trở lại việc tôi phục vụ ông Hai Trung, được hơn một năm thì một hôm ông Ba bảo:

- Cậu ạ, ông Hai Trung bảo tôi là: "Tôi hết vốn rồi, trả cậu Vịnh lại cho anh!".

Tôi không hiểu câu chuyện của hai ông ra sao, và ông Hai Trung nói với ông Ba những gì, và câu nói "tôi hết vốn" là ý như thế nào... nhưng ông Ba bảo với tôi:

- Thôi từ giờ cậu tìm người khác giúp việc cho ông Hai Trung, còn cậu rút ra.

Tôi tìm một người là cậu Đức, cũng giỏi chuyên môn, là trí thức dân Bắc thay tôi giúp việc ông Hai Trung. Sau này Đức gắn bó với ông Hai Trung gần mười năm.

Ông Ba hỏi tôi:

- Trong hơn một năm làm việc với anh Hai Trung cậu thấy thế nào?

- Thưa chú, cháu thấy chú Hai Trung vô cùng giỏi về khai thác và tổng hợp tin tức. Nhưng quan trọng hơn là kiến thức của chú ấy gấp năm, gấp mười người khác. Tin của chú ấy vừa sâu, vừa toàn diện, vừa sắc sảo. Cháu không hiểu chú ấy lấy đâu ra mà ngon lành thế!

- Là thế đấy cậu ạ! Nhưng kiến thức của anh Hai Trung ở trong đầu và nhờ hoạt động thực tế mà có, chứ không phải anh ấy tự nghĩ ra đâu. Anh ấy mà gặp ai đó, họ nói với anh ấy có ba phần thì bảy phần còn lại là của

anh ấy, nhưng mà gộp lại thì thành một báo cáo tuyệt vời. Thế đấy cậu ạ, khi mà người ta nhiều kiến thức, người ta nhận được cái này thì sẽ nhân đôi, nhân ba để được cái lớn hơn.

Tôi nói tiếp với ông Ba:

- Hai nữa, chú Hai Trung làm danh nghĩa công khai thì tuyệt vời, bình phong báo chí thì lại càng nhất luôn.

- Đúng rồi! Ông ấy làm việc đó là số 1 rồi. Ông ấy là dân "a-ma-tơ", nhưng mà "a-ma-tơ" có chủ ý, có mục đích rõ ràng.

Tôi nhớ trong cuốn sách "Tình báo không phải là nghề của tôi" của nhà văn Khuất Quang Thụy viết về ông Ba, câu cuối cùng nhà văn viết về lời của ông Ba khiến tôi rất ấn tượng, đó là: "Trên đời này chỉ có hai thứ thôi, một là tình yêu, hai là lý tưởng".

Ở gần ông lâu năm, tôi hiểu rằng nghề nghiệp cũng chính là lý tưởng mà ông theo đuổi và tận tụy cống hiến suốt cuộc đời. Ông bảo: "Làm tình báo chỉ làm tình báo thôi, không "a-ma-tơ", tình báo gì mà chơi chó, chơi chim...". Hồi xưa trong địch hậu ông ấy nghĩ như vậy, hóa ra... "không phải vậy!".

Tôi cảm nhận ông là con người có niềm tin tuyệt đối về lý tưởng, về giá trị thiêng liêng của đất nước, của con người, của gia đình, đó là những điều ông đặt trọn vẹn niềm tin. Với người khác, được ông tin cậy không nhiều, nhưng đã tin thì tin tuyệt đối, cái cực đoan trong ông chính là chỗ đó. Vì thế, có những điều ông không hề muốn, nhưng vì lòng tin và vì sự nghiệp chung ông vẫn cứ làm.

Ông Ba cũng là con người, nhưng so với người khác thì mâu thuẫn trong con người ông nhiều hơn, bản năng của ông lớn hơn, cho nên là một con người vô cùng đạo lý, vô cùng đạo đức, lại có những thủ đoạn vô cùng tinh vi mà không phải ai cũng có thể nghĩ ra được. Bởi ông nghĩ rằng những thủ đoạn đấy phục vụ mục đích chung, phục vụ những giá trị ông tôn thờ, bất luận điều gì ông cũng có thể làm được.

Và tôi nghĩ (đây là tôi nói "lén" ông), từ con người ông, từ cuộc đời ông, từ công việc của ông, cũng có lẽ là từ lối sống do ông phải làm việc trong địch hậu quá lâu, ông không như thế thì không thể sống được, không thể hoàn thành nhiệm vụ được. Ông buộc phải sống như thế.

❖ Ông Sáu Trí

Sau một thời gian vừa làm Cục phó, vừa làm trợ lý cho ông Hai Trung, ông Ba lại bảo tôi:

- Có lẽ cậu phải học thêm về công tác tham mưu, kế hoạch.

Vì trong quá trình tôi làm Cục phó, ông Ba thấy cái yếu của tôi, nên một hôm ông mời ông Sáu Trí (Thiếu tướng Nguyễn Văn Khiêm - TG) đến.

Ông Sáu Trí có thời kỳ là Thủ trưởng cũ của ông Ba, là Trưởng phòng Tình báo Miền J22.

Hồi đó trong miền Nam có hai cơ quan tình báo, một là tình báo của Cục 2 là lưới riêng, hai là Phòng Tình báo của Bộ Chỉ huy Miền (bí số J22). Nếu so sánh về số lượng,

thì Cục chỉ có một, nhưng Miền thì có mấy chục đơn vị. Ban liên lạc Tình báo của Miền mà họp mặt thì có tới hàng nghìn người. Đó là chưa nói đến số đã hy sinh, số sức khỏe yếu không đến được, mà những cuộc họp vẫn còn đông như thế. Ông Sáu Trí trước chỉ đạo và quản lý toàn bộ lực lượng ấy.

Ông Sáu Trí vô cùng uy tín với những người làm tình báo ở miền Nam, nhưng ông cũng có những vấn đề khúc mắc trong hậu chiến và cũng có những tâm tư riêng. Ông ấy vô cùng quý trọng ông Ba.

Ông Ba nói với ông Sáu Trí thế này:

- Anh Sáu ạ, tôi hướng dẫn cậu Vịnh hơn mười năm, tôi dạy cậu ấy về nghiệp vụ, cậu ấy làm tốt nhưng nay tôi hết vốn rồi. Năm trước tôi có giao cậu Vịnh cho anh Hai Trung, nhờ anh Hai bồi dưỡng, dạy cậu ấy về tình báo ngoại và tình báo công khai. Nhưng bây giờ phải chuẩn bị cho vị trí Cục trưởng, tôi nhờ anh giúp cậu ấy về công tác kế hoạch, công tác tham mưu chỉ đạo.

Lúc bấy giờ tôi mới vỡ lẽ ông Ba giao tôi cho ông Hai Trung để dạy tôi, vậy mà các ông ấy không nói gì với tôi về chuyện dạy dỗ cả. Ông Ba gửi tôi cho ông Hai Trung thực chất là ông gửi một người thầy khác mà ông không hề nói cho tôi biết. Sau hơn một năm ông Hai Trung nói với ông Ba: "Tôi hết vốn rồi, tôi trả học trò mà ông gửi, ông tiếp tục dạy nó hoặc giao cho người khác" là vì thế. Nên với ông Sáu Trí thì ông Ba nói luôn:

- Anh giúp tôi dạy cậu ấy!

Thế là hơn một năm nữa, ông Ba là cố vấn cho tôi, còn tôi vừa là trợ lý, vừa là học trò của ông Sáu Trí.

Ông Sáu Trí là một con người hoàn hảo về sự nghiêm túc, về trí tuệ, về tinh thần trách nhiệm, về sự nhẫn nhịn của người làm tình báo. Một con người vô cùng đáng kính, vô cùng trầm tĩnh, nói câu nào "chết" câu ấy, không bao giờ thừa một câu, và vô cùng khiêm tốn. Ví dụ như thế này, khi tôi mời: "8 giờ sáng mai mời chú đến làm việc", thì 8 giờ kém 1 phút ông gõ cửa phòng, không phải là kém 2 phút. Không bao giờ có chuyện ông đến muộn, nếu là 100 ngày thì đúng 100 ngày nghiêm ngắn.

Có một hôm cậu Thi lái xe cho ông Sáu Trí bị hết xăng giữa đường, ông bảo:

- Thôi muộn rồi, chú đi trước đây!

Ông xách cái cặp, kêu xe ôm chạy, vì nhìn đồng hồ sắp đến giờ hẹn với tôi, lúc ấy ông Sáu Trí đã là Thiếu tướng.

Mỗi lần ông gõ cửa, tôi lại chạy ra:

- Cháu chào chú!

Thì ông tiếp lời:

- Báo cáo Thủ trưởng, tôi có mặt!

Mà lúc ấy tôi mới là Trung tá.

Ông vào phòng ngồi đàng hoàng, chững chạc, chỉn chu.

Điểm đặc biệt thứ hai của ông Sáu Trí là ông viết kế hoạch cực giỏi.

Một hôm tôi nói với ông:

- Báo cáo chú, cái phòng này nó làm cái kế hoạch, cháu đưa chú xem xin chú cho ý kiến.

Ông xem qua bản kế hoạch, hỏi lại tôi:

- Cái này Vịnh đã xem chưa? Có ý kiến gì không?

- Dạ không, cháu đang chờ ý kiến chú, nhưng cháu không thấy vấn đề gì!

- Cái này đúng rồi nhưng tôi thấy nó chưa rõ ràng. Nếu được cho tôi viết lại cái này, Vịnh lựa chọn.

Ông không đánh máy, đến giờ tôi vẫn giữ những bản viết tay của ông, 10 trang của bản kế hoạch tôi đọc xong và sau này tôi yêu cầu photo bản rút gọn, xóa phần mật của kế hoạch ấy cho tất cả các sỹ quan trong đơn vị đọc. Một bản kế hoạch tuyệt vời, không sai một nửa dấu phẩy, đọc xong tôi có cảm giác mình thực hiện xong đến nơi. Ông vạch ra cách làm, chỉ rõ mục tiêu, định hướng như thế nào, dự báo tình huống ra sao, xử lý như thế nào và còn dự báo kết quả của kế hoạch ấy. Tôi xem xong không chỉ phục, mà "kinh hoàng" về một "trí tuệ già" nhưng vô cùng toàn diện, sắc sảo, vô cùng chỉn chu, tinh tế. Một bản kế hoạch mẫu mực.

Suốt hơn một năm ông Sáu Trí "nhồi" cho tôi những kiến thức và kinh nghiệm có một không hai của ông. Đối với tôi, ông Sáu Trí rất đáng trân trọng, tôi nghĩ mình là cấp thấp mà ông giao tiếp rất chừng mực, rất giữ danh dự.

Ông Sáu Trí cư xử với tôi giống như kiểu: "Anh là đại diện cho tổ chức, tôi tôn trọng anh ở mức độ đấy thôi, chứ anh là trung tá hay trung tướng thì đối với tôi cũng giống nhau".

Có lần tôi đưa tiền bồi dưỡng cho ông, ông bảo thế này:

- Vịnh thông qua tài chính, đưa cho chú.

Ông không nhận bồi dưỡng theo kiểu đưa trực tiếp - mà cái đó là ông Ba bảo tôi đưa cho ông. Tôi nói:

- Thưa chú, đây là chú Ba bảo cháu gửi chú ạ!

- Không, chú chỉ nhận tiền tổ chức đưa.

Tức là phải có tài chính, có ký tá, chứ không nhận theo kiểu đưa tay cái phong bì.

Có một điều đặc biệt, ông Sáu Trí đồng ý với ông Ba là trước sau Mỹ cũng là đối tượng chính của Việt Nam và ta phải vượt qua. Nhưng cả hai ông đều nhận định trước sau mình cũng phải chơi với họ với tư cách là đối tác chính - hai ông ấy đồng tình hoàn toàn với nhau như vậy. Khái niệm "vừa là đối tượng, vừa là đối tác", mà tôi được nghe lần đầu tiên là từ đó, khi tôi đang học tập, rèn luyện để trở thành người chỉ huy tình báo.

Ông Sáu Trí là một người cương trực, dù cuộc đời có nhiều uẩn khúc, nhưng ông vẫn giữ lòng tin, không khi nào chùn bước, một người cộng sản yêu nước mẫu mực. Toàn bộ lực lượng tình báo ta vào Dinh Tổng thống Sài Gòn trong ngày 30 tháng Tư năm 1975 đều do một tay ông chỉ đạo. Hàng loạt lưới tình báo trong Nam là do ông chỉ huy. Ông có công rất lớn, nhưng như tôi nói, ông cũng có "góc khuất". Tôi biết ông quý tôi, tất nhiên là một phần vì tôi là con của ba tôi. Dù rất kính trọng và quý mến, nhưng tôi không gần ông được, vì ông sống rất độc lập, khép kín và tự trọng.

Ông Sáu Trí dạy tôi khoảng hơn một năm thì một hôm, vô tình, tôi vào phòng đúng lúc ông Sáu với ông Ba đang ngồi với nhau, đương nhiên tôi lùi lại:

- Xin phép các chú cháu đi ra!

Nhưng ông Sáu Trí bảo:

- Không, Vịnh vào đây!

Ông Ba cũng bảo:

- Vào đây!

Rồi quay sang ông Sáu Trí, ông Ba hỏi:

- Anh Sáu Trí xem học trò của anh như thế nào?

Ông Sáu Trí đưa ra một tập giấy dày "Nhận xét quá trình làm việc với đồng chí Nguyễn Chí Vịnh". Tập giấy viết tay. Mở đầu: Nhận nhiệm vụ của đồng chí Ba Quốc - Cục trưởng, tôi thấy như thế này..., đã làm việc như thế này...

Một bản báo cáo chi tiết đầy đủ, tôi xem nửa vui nửa buồn, nửa mừng nửa lo. Nhưng hơn hết là một lần nữa lại kinh ngạc trước trí tuệ và sự nghiêm túc, chỉn chu của một ông già gần 70 tuổi. Ông ấy khen tôi thì khen đích đáng, chính xác, mà chê tôi thì gọi là chê đến chết người, chê đúng tim đen. Một bản nhận xét chuẩn chỉ như sách giáo khoa của thầy giáo đối với một người học trò, mặc dù ông không học một ngày nào trong trường tình báo. Ông Sáu Trí là một người mà mỗi văn bản ông ấy viết đều như trong sách ra, không sai một tý nào kể cả về nguyên tắc, về cả nội dung, ngữ pháp, từ ngữ, cách hành văn...

Ông Sáu Trí nói:

- Thôi giờ tôi hoàn thành nhiệm vụ với anh Ba, tôi trả Vịnh về với anh.

Câu chuyện về các ông thầy của tôi là như vậy.

Trong những người thầy lão luyện ấy, ông Ba - người thầy gần gũi nhất, người đào tạo tôi không trường lớp, không có điều kiện, đã có cách dạy đặc biệt, mà mục tiêu ông ấy đặt ra là đào tạo con người có đức, có tài, có sự tôn trọng với những vấn đề có tính nguyên tắc. Ông đã giao tôi cho ông Hai Trung và ông nhắc tôi điều cần tránh: "Ông ấy a-ma-tơ lắm, không được học a-ma-tơ của ông ấy đâu". Với ông Sáu Trí thì ông Ba lại dặn tôi: "Những chuyện cũ của anh ấy cậu đừng động vào, đừng làm anh ấy đau lòng". Tôi hiểu và vô cùng nể trọng ông Ba, ông ấy nghĩ thầy phải dạy học trò như thế, tự tin là mình dạy được, cũng tự biết mình yếu cái gì để tìm thầy khác mà đào tạo người thay thế mình, giỏi hơn mình.

Trong thế hệ tiền bối của chúng tôi, những người như ông Hai Trung, ông Sáu Trí, ông Ba Quốc và một số "người cùng thời" khác đều là những nhân vật ở đẳng cấp cao nhất về nghệ thuật tình báo.

Có thể nói, ông Hai Trung như là một "giáo sư" về tình báo tầm xa và bình phong báo chí. Còn ông Sáu Trí là "bậc thầy" về công tác tham mưu, kế hoạch tình báo, người sở hữu tầm nhìn mang tính toàn cục, chiến lược. Trong khi đó, ông Ba Quốc lại là "chuyên gia" về kỹ thuật tình báo, đặc biệt là trong nghệ thuật phản tình báo,

đánh lừa địch. Trong nhiều tình huống, ông lại có biệt tài nhìn thấu những "cái bẫy" mà đối phương giăng sẵn. Bên cạnh ông luôn có một trợ thủ gần gũi và đắc lực, đồng thời cũng là Thủ trưởng trực tiếp của tôi, đó là ông Ba Quang với năng lực đặc biệt về nghiên cứu tổng hợp, quan sát và phân tích các vấn đề chiến lược và quan hệ quốc tế.

❖ **Một "thế hệ học trò ông Ba"**

Việc dạy một học trò để trò giỏi hơn, toàn diện hơn mình cũng là một thách thức không phải người thầy nào cũng làm được. Ông Ba Quốc là người muốn như vậy, như ông từng nói, trước hết là vì ông biết mình mạnh cái gì và yếu ở chỗ nào. Tôi nghĩ trên đời chỉ có ông Ba Quốc như thế.

Phần đa tâm lý chung là: "Làm sao dạy học trò được như mình, gần bằng mình đã tốt lắm rồi". Nhưng ông lại muốn dạy cho "nó" hơn mình, tự mình biết mình yếu cái gì, để mà tìm được những người bổ sung điểm yếu ấy, để cái sản phẩm của mình được trọn vẹn.

Nói đến chữ biết ơn thì tôi sợ hơi khách sáo, mà có lẽ cũng chưa đủ nghĩa. Nhưng mỗi lần nghĩ về ông Ba Quốc thì tôi không thể nghĩ khác được. Thực sự tôi vô cùng biết ơn số phận đã cho tôi cơ hội được làm học trò của ông Ba. Anh Vũ (con trai ông Ba) từng nói:

- Anh Năm là sản phẩm đắc ý nhất của ông Ba Quốc.

Cậu Phú lái xe cho ông Ba cũng nhắc lại lời ông nói ra trong lúc vui: "Cậu Vịnh là sản phẩm đắc ý của tôi".

Bao năm gắn bó với ông Ba, từ chiến trường Campuchia, đến khi về Thành phố Hồ Chí Minh, từ những chuyến công tác trong Nam ngoài Bắc, từ bàn làm việc căn não đến những bữa cơm chiều thư thái... ông Ba đều kể cho tôi nghe những câu chuyện đời ông. Nghe tưởng đơn giản, nhưng qua những câu chuyện ấy, tôi hiểu ông dạy mình. Bản chất ông không dạy học bao giờ, và ông cũng không nói ai là học trò, nếu có chăng, thì người ấy là tôi - điều này tôi biết và mọi người biết. Nhưng tôi được ông dạy theo kiểu không giống ai, bằng cách kể về đời hoạt động của ông ấy. Ở đó, cái gì sai, cái gì đúng ông đều đã chiêm nghiệm.

Có thể kể ra một số sự chiêm nghiệm đặc biệt ấy của ông như kỹ năng nhận ra đồng chí, đồng đội trong lòng địch qua câu chuyện ông kể về ông Phạm Ngọc Thảo, về ông Hai Trung... Hay cách những người tình báo lão luyện như các ông ngồi một chỗ để nghĩ ra cân bằng chiến lược với các nước lớn...

Nhưng nói là ông Ba chỉ đào tạo mình tôi thì không đủ, thậm chí là rất sai lầm. Cơ quan tình báo phía Nam (J22), sau giải phóng là Đoàn 817, sau này là Cục 12 đã có truyền thống từ thời kháng chiến chống thực dân Pháp, rồi đế quốc Mỹ và cũng là cái nôi để bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách cán bộ tình báo qua các thời kỳ. Trong đó, không thể không kể đến vai trò quan trọng của các ông Sáu Trí, Tư Văn, Vũ Chính. Các ông sở hữu một "ngân hàng" các ứng viên

trong toàn quân, toàn ngành Tình báo, biết tìm và chọn ra người phù hợp với từng nhiệm vụ, thường các lựa chọn của các ông về nhân sự ít có sai sót.

Còn với ông Ba Quốc, trong suốt 20 năm lãnh đạo Đoàn 817 và Cục 12 đã cho ra đời nhiều lớp cán bộ tình báo, mà chúng tôi luôn tự gọi nhau "mình là thế hệ học trò ông Ba".

Quãng thời gian làm trợ lý bên cạnh ông Ba giúp tôi nắm được cách dùng người và bồi dưỡng con người của ông.

Đối với lớp cán bộ hoạt động từ thời kháng chiến chống Mỹ, từng vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đương nhiên là những người chủ chốt, đáng tin cậy, lão luyện, trung kiên, kỷ luật, có quan hệ rộng và họ luôn chiếm trọn niềm tin của ông Ba khi giao nhiệm vụ. Lứa cán bộ này cũng hết sức "lành nghề" khi hoạt động tại Campuchia bởi nơi đây là căn cứ tình báo của ta ngày trước.

Thế nhưng tình hình mới đặt ra vấn đề là tình báo không chỉ để giải quyết chiến tranh, mà phải tìm hòa bình và sau này còn mở rộng ra nhiều nhiệm vụ khác. Do đó, lứa cán bộ này gặp không ít khó khăn trước những yêu cầu mới. Chính vì vậy, dù không nói ra thành lời, nhưng tôi quan sát được ông Ba có các giai đoạn chuẩn bị các lớp cán bộ cho tương lai, nhưng đồng thời cũng phù hợp với tình hình nhiệm vụ ở mỗi thời điểm khác nhau.

Ở giai đoạn sau năm 1979, những cán bộ chủ chốt phải từng kinh qua chiến trường Campuchia. Lớp cán bộ

này tham gia chiến trường Campuchia từ những ngày đầu nên nắm vững địa bàn, có sự gan dạ bởi từng va vấp với chiến tranh. Đây là lớp cán bộ nòng cốt mà ông Ba muốn xây dựng cho ngành Tình báo ngay sau thế hệ của mình. Những cái tên tiêu biểu có thể kể đến là anh Trần Nam Phi, Dương Xuân Vinh, Phan Văn Việt, Lưu Đức Huy, Trần Tây, Vũ Quang Miện, Trần Bá Dũng, Phạm Đức Thắng, Phạm Văn Thạnh, Phan Sỹ Minh, Đặng Thành Tiên... Tôi cũng may mắn được xếp vào danh sách rất đáng tự hào này. Số cán bộ này cơ bản được bố trí vào những vị trí quan trọng đối với hướng tình báo ở chiến trường Campuchia.

Sang đến giai đoạn hai, khi Quân tình nguyện Việt Nam rút khỏi Campuchia. Lúc bấy giờ chúng tôi phải chuyển hướng từ tình báo chiến đấu sang tình báo chiến lược, từ trong nước vươn ra nước ngoài. Ông Ba trong giai đoạn này tập trung tuyển chọn những ứng viên tốt nghiệp các trường sỹ quan chính trị, quân sự nhưng chưa học qua tình báo. Ông đưa ra hai tiêu chí: một là phải học giỏi và có đạo đức tốt, hai là phải là người có quê quán, hoặc sở hữu đặc tính phù hợp với địa bàn hay công việc ông định sử dụng.

Nhưng đến giai đoạn 1992 - 1993, tình hình tiếp tục thay đổi. Số cán bộ mà ông Ba lựa chọn phải có trình độ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ, thứ nữa là phải biết ngoại ngữ và nhạy bén về khoa học xã hội. Như vậy, ông Ba lưu tâm tuyển chọn dân trí thức cho lớp cán bộ mới nhằm đáp ứng yêu cầu ngành Tình báo phải vươn ra các địa bàn khác, phải làm tình báo toàn diện và có tầm nhìn,

trình độ kiến thức ngang tầm thế giới. Lứa cán bộ này được đào tạo bổ sung về quân sự và chính trị, sau đó trải qua các lớp tập huấn nghiệp vụ tình báo, theo hướng người nào biết việc người ấy. Nhìn chung, thế hệ này đã không phụ sự kỳ vọng của ông Ba, họ hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong tình hình mới, những cái tên tiêu biểu có thể kể đến là Phạm Ngọc Hùng, Nguyễn Minh Tân, Trần Việt Thắng, Nguyễn Tiến Bắc, Đặng Trí Dũng,... đều hiểu biết rộng, có trình độ chính trị quân sự vững vàng, được đào tạo chính quy về khoa học công nghệ, cơ bản và biết ngoại ngữ.

Về chuyện này, có lần tôi hỏi ông:

- Thưa chú, vì sao có nhiều sỹ quan tốt nghiệp trường Tình báo mà chú không sử dụng?

Ông ôn tồn giảng giải:

- Mình vẫn sử dụng nguồn của tình báo chứ. Nhưng số cán bộ đã tốt nghiệp các trường trong Quân đội lại được đào tạo một cách bài bản về chính trị, quân sự, nên bản lĩnh của họ rất vững vàng. Ngoài ra, những cán bộ có ngoại ngữ, có trình độ khoa học công nghệ là yêu cầu bức thiết trong tình hình hiện nay, khi chúng ta mở mạnh ra ngoài nước và làm tình báo toàn diện. Vì vậy, mình phải lựa chọn người có những tiêu chí phù hợp với nhiệm vụ. Khi dùng thì chỉ cần huấn luyện kỹ thuật tình báo, làm đến đâu huấn luyện tới đó thì sẽ sớm có tác dụng.

Những cái tên tôi nhắc đến ở trên không chỉ phục vụ tốt cho Cục 12, mà do yêu cầu nhiệm vụ được điều động đi các đơn vị khác và sau này đều nắm giữ các vị trí chủ chốt

trong Tổng cục II. Mỗi một người trong số này đều có chung niềm tự hào đó là được ông Ba trực tiếp tuyển chọn, đào tạo và chỉ đạo, danh xưng "học trò của ông Ba" là một điều ai cũng muốn có trong ngành Tình báo.

Vậy thì ông Ba chọn cán bộ như thế nào? Trước hết, ông luôn bám sát các tiêu chí chung của Đảng, của Quân đội và công tác cán bộ. Tuy nhiên, ông cũng nhấn mạnh điều quan trọng đối với nghề tình báo là phải nắm chắc hồ sơ. Ông đọc kỹ thông tin rồi yêu cầu chúng tôi trực tiếp gặp và đưa ra ba tiêu chí: một là đủ đạo đức, trình độ, năng lực để làm được việc; hai là được đồng đội bên cạnh tín nhiệm; ba là phải qua thử thách. Nếu qua thử thách sẽ được giao việc, làm được việc sẽ được chọn.

Về cách ông Ba đánh giá cán bộ, ông không để ý nhiều đến hồ sơ hay bản kiểm điểm cuối năm mà qua kết quả hoạt động nghiệp vụ. Đầu tiên là ông đọc tài liệu, mỗi kế hoạch hoặc bản tin tình báo ông đều hỏi kỹ ai làm, ai viết, ai nghĩ. Ông từng nói:

- Nếu nghĩ được, viết được rồi trình bày được thì kế hoạch đã thành công 51% rồi cậu ạ. Còn việc tổ chức thực hiện chỉ chiếm 49%. Nếu lên kế hoạch đúng và thành công thì đó là do giỏi. Còn nếu kế hoạch đã thông qua mà không thực hiện được là do mình chỉ huy kém, bởi mình không tìm ra được sơ hở, khi phê duyệt không nhìn ra được khiếm khuyết mà sửa chữa, điều chỉnh. Khi tổ chức thực hiện mà mình không theo sát, nếu có hư việc thì cũng là lỗi của mình.

Ông Ba cũng quan niệm rằng mỗi một tin tức hay kế hoạch tình báo (gọi chung là văn bản nghiệp vụ) không thể là "vô nhân xưng", cũng không dùng danh từ chung, không có "chúng tôi, chúng ta", mà phải là "tôi". Một văn bản nghiệp vụ phải thể hiện được quan điểm riêng của người lập ra nó. Ông thường dặn tôi:

- Công lao là của tập thể, nhưng dấu ấn phải là của cá nhân. Muốn tập thể thành công thì cá nhân phải làm được việc, phải chịu trách nhiệm.

Tiêu chí cuối cùng ông Ba đặt ra ở một cán bộ tình báo đó là phẩm chất cá nhân, điều này được ông kiểm chứng qua những lần tiếp xúc trực tiếp. Ông đặt ra hai yêu cầu cao nhất cần có ở một cán bộ, đó là trung thực và thông minh. Thông minh chứ không phải tài giỏi. Suốt những năm ở cạnh ông Ba, tôi nhận thấy có hai lời khen: "Người này trung thực", hoặc "cậu này thông minh" đã là ít, còn được ông khen có cả hai thì rất hiếm.

Ông Ba cũng rất nhạy bén khi cảm nhận ra sự giả tạo từ những cái rất nhỏ của người đối thoại. Khả năng này không qua trường lớp mà xuất phát từ bản năng của một cán bộ tình báo lão luyện. Nếu ông Ba buông vài câu như: "Cậu ấy tốt nhưng tôi thấy mắt cứ liếc ngang dọc", hay là "Nó nói chuyện này có gì đâu mà cứ ấp úng". Khi đó tôi biết là hỏng rồi.

Như vậy, phương thức ông Ba lựa chọn cán bộ tình báo trước hết là thông qua văn bản nghiệp vụ, tiếp theo là đánh giá kết quả thực hiện và cuối cùng là tiếp xúc để nắm

được phẩm chất cá nhân. Ba tiêu chí này ngốn rất nhiều thời gian và chưa có trường hợp nào ngay lập tức được ông Ba "gật đầu".

Một khía cạnh khác cần phải đề cập trong quá trình đào tạo con người của ông Ba, đó là việc bồi dưỡng cán bộ. Tôi từng nhiều lần bị ông Ba "lắc đầu" khi mời ông đến đơn vị để nói chuyện, trao đổi nghiệp vụ cho cán bộ trẻ. Ông cũng không viết tài liệu nghiệp vụ bởi ông rất ngại nói về kinh nghiệm cá nhân mình. Có lần tôi gặng hỏi, ông đáp:

- Việc tôi hoạt động trong quá khứ chỉ mang tính thời điểm. Khi đó tôi làm đúng, nhưng chắc gì bây giờ không sai? Cho nên tôi không dạy theo kiểu bắt chước, mà chỉ dạy các cậu phương pháp làm, cái quan trọng nhất khi đã "bay đơn" đó là phải tự quyết định. Tất cả phải tự quyết định. Trước hết là vì sự tồn tại của mình, thứ nữa là để hoàn thành nhiệm vụ.

Ông Ba đánh giá cán bộ cũng rất "khác người": Thứ nhất bằng cách nghiên cứu tin tức; thứ hai là nghe báo cáo thực hiện kế hoạch, mà ông chỉ trực tiếp nghe báo cáo của người làm, tuyệt đối không được báo cáo thay. Cách thức bồi dưỡng cán bộ của ông Ba cũng rất tinh tế qua những lời hướng dẫn như: "Việc này theo tôi cậu nên..." và để cho cán bộ quyết định. Tuy nhiên, khi đã thông qua kế hoạch thì ông sẽ chịu trách nhiệm đến cùng trước cấp trên. Bản thân tôi là người trải qua nhiều lần "bồi dưỡng" kiểu này của ông Ba. Tức là khi mình gặp khó trong việc triển khai

kế hoạch thì người đứng ra nhận trách nhiệm là ông Ba thay vì đổ lỗi cho cấp dưới. Mỗi khi giao nhiệm vụ nặng cho cấp dưới, ông thường nói một câu mà tới giờ chúng tôi cũng không quên:

- Các cậu cứ làm việc đi, đừng than mệt, mệt thì đừng làm nữa. Nếu mệt, xong việc thì đi viện. Làm việc mà say mê thì sẽ không mệt.

Ông Ba luôn chú trọng cho cán bộ "bay đơn", tức là hoạt động độc lập để tự ra quyết định. Thế nhưng vì xuất thân từ lĩnh vực phản tình báo, cho nên ông Ba luôn luôn kiểm tra chéo qua các bản tin, báo cáo hoạt động, qua so sánh nội dung của các báo cáo trong nhiều thời kỳ, thậm chí trực tiếp kiểm tra trên thực địa. Tôi cũng từng là "đối tượng" bị ông Ba kiểm soát nên rất hiểu.

Khi vui, chúng tôi thường đùa với ông:

- Chú tin tưởng giao việc cho bọn cháu, nhưng kiểm tra cũng "ác" lắm.

Ông cười:

- Không phải không tin, mà tôi sợ các cậu quên, nên phải theo để nhắc.

Dù kiểm soát chặt chẽ cán bộ, nhưng ông Ba vẫn có lòng bao dung rất lớn dành cho những người cấp dưới của mình, thậm chí vượt ra ngoài nguyên tắc. Thời nào cũng vậy, các tiêu chuẩn dành cho cán bộ tình báo đều rất khắt khe, kể cả về quan hệ gia đình, xã hội, cá nhân..., một danh mục dài dằng dặc những điều có và không. Tôi vẫn nhớ câu chuyện của một cán bộ - sau này là Cục phó Cục 12.

Anh đi bộ đội từ rất sớm, chiến đấu ở Campuchia, từ một chiến sỹ dần đi lên thành cán bộ tình báo. Thời gian hoạt động ở Campuchia, tôi và anh ấy thường xuyên "bay đôi". Anh nắm địa bàn rất vững bởi có khả năng nói tiếng Khmer lưu loát, nếu không tinh ý khó biết là người Việt. Đến khi anh xin cưới vợ, cơ quan phải đi xác minh. Khi về báo cáo lại trường hợp này không thể cho kết hôn bởi cán bộ tình báo không được lấy vợ theo đạo, trong khi nhà cô gái kia thì thờ cả Phật lẫn Thiên Chúa. Ông Ba nghe chuyện xong liền thắc mắc:

- Các cậu phải hỏi xem gia đình cô này thờ Phật, thờ Chúa, hay thờ tổ tiên? Nếu chỉ nhìn lên bàn thờ thì làm sao kết luận được?

Sát đến ngày cưới, ông Ba gọi tôi đến rồi thở dài đánh sượt:

- Cậu đi xác minh lại rồi nói nhà nó thờ tổ tiên.

Cuối cùng chúng tôi phải làm lại xác minh để anh được cưới vợ. Thay vì những bài giảng hay tài liệu, những bài học kinh nghiệm và cách xử lý của ông Ba, dù hết sức nhỏ nhặt, nhưng cũng giúp chúng tôi biết cách hành xử và bồi dưỡng cán bộ đầy trách nhiệm và nhân văn.

❖ "Cậu làm Cục trưởng thay tôi!"

Quay trở lại năm 1996, sau khi theo học ông Hai Trung và ông Sáu Trí, tôi tập trung làm nhiệm vụ Cục phó nghiệp vụ cho ông Ba.

Thời điểm đầu năm 1996, lệ thường cứ khoảng tháng Ba hằng năm là đơn vị phải thông qua kế hoạch năm, và trong cơ quan có bộ phận chuyên giúp cho Cục trưởng xây dựng kế hoạch. Điều đáng nói là không ai khác được tham gia mà Cục trưởng phải tự làm vì bốn ông Cục phó phụ trách bốn mảng khác nhau, sau đó Cục trưởng sẽ báo cáo Tổng cục phê duyệt.

Lúc này, với tư cách là trợ lý cho ông Ba để nắm bắt công việc, thực chất là để nắm tình hình nên tôi làm việc với các Cục phó chứ không làm việc với các đơn vị thuộc quyền của người khác. Hôm ấy ông Ba đưa cho tôi bản kế hoạch của Cục, bảo:

- Tôi chuẩn bị kế hoạch, cậu xem đi!

Ông chỉ nói mỗi thế.

Tôi xem thấy kế hoạch chuẩn bị rất công phu.

Một bản kế hoạch để hoàn thành vào tháng Ba thì thường bắt đầu chuẩn bị từ tháng Mười hai, sau đó xin ý kiến các phòng về các hướng, tổng hợp lại, rồi "cày đi cày lại", rất nhiều công sức. Còn nhớ, trong thời gian ông Ba làm kế hoạch thì đừng ai bén mảng đến phòng ông, có chăng chỉ mấy người làm công tác kế hoạch, vì ông tập trung rất cao, đổ rất nhiều công sức vào đó. Sau này, phương pháp làm việc theo kế hoạch được phát triển ra ở tất cả các đơn vị khác ở Tổng cục và trong Ngành.

Quay trở lại bản kế hoạch của ông Ba, tôi đọc xong nói với ông:

- Thưa chú, có một số nội dung cháu xin có ý kiến.

Nhưng ông chặn ngay:

- Không, cậu trực tiếp sửa vào văn bản.

Tôi bèn đề xuất:

- Thưa chú, cho phép cháu viết lại bản kế hoạch này. Cháu sẽ đề xuất ý kiến của cháu để chú xem xét. - Cái này là cách tôi học được từ ông Sáu Trí.

- Ờ, thế cậu về viết đi!

Tôi về viết.

Đáng lý là viết góp ý cho bản kế hoạch của ông Ba, thì tôi lại viết một bản kế hoạch khác. Mấy đêm thức trắng ôm cái máy tính 286 cổ lỗ tôi cứ lọ mọ gõ. Gõ, rồi chỉnh sửa, cuối cùng cũng xong. Tôi đưa cho ông Ba buổi sáng thì buổi chiều ông gọi lên đưa trả bản kế hoạch của tôi với dấu gạch đỏ chi chít, ông bảo: Có mấy việc phải làm thế này... thế này...

Tôi biết là căng rồi, nghĩ bụng: "Thôi thì ông bảo thế nào thì mình cứ làm thế ấy thôi".

Bấy giờ tôi rất biết ơn ông Sáu Trí, mang đúng cách làm của ông ấy để chỉnh lại bản kế hoạch. Xong hôm sau, lại trình ông Ba. Ông xem, không nói gì, gõ gõ tay xuống bàn, mắt ông gườm gườm. Tôi toát mồ hôi, lại nghĩ bụng: "Hay là mình có gì sai về quan điểm hay nguyên tắc ở trong bản kế hoạch này không?... Nhưng tin là không, không thể sai được... Hay là sai về giải pháp, nội dung?...".

Một lúc, ông Ba nhìn tôi:

- Này, cậu sẽ cùng tôi báo cáo thông qua Tổng cục phê duyệt, sau đó cậu sẽ thay tôi điều hành thực hiện kế hoạch!

Tôi sững người, nói sang việc khác:

- Không ạ, đây là ý kiến của cháu, hôm qua chú đồng ý cháu mới đem về làm lại, cháu chỉ đề xuất thôi. - Tôi hạ giọng, lo lắng.

Thấy ông không nói, tôi lại thanh minh:

- Đây giống như hồi ở Campuchia cháu làm trợ lý cho chú, cháu nghĩ gì thì viết đấy, chú đọc để tham khảo, nếu chú thấy không sử dụng được thì bỏ đi ạ.

- Không, cậu làm Cục trưởng thay tôi được rồi đấy.

Tôi nghĩ bụng, hay là ông tự ái?

- Thưa chú, cháu làm thế nào được ạ?

Lúc bấy giờ Cục phó toàn những ông từ thời chống Pháp, nên tôi nghĩ bụng: "Mình trẻ măng, làm sao chỉ huy được các ông ý, làm được Cục phó là kinh lắm rồi, chưa kể các trưởng phòng đều là đàn anh, ngoài ra còn cả cơm áo gạo tiền...".

Tôi nói với ông Ba:

- Còn việc giao làm Cục trưởng là việc của tổ chức, chú quyết thế nào được. Thôi, cháu không nghe chuyện này nữa, xin phép chú cháu về.

- Không, tôi nói thật đấy!

- Báo cáo chú, cháu chưa làm được đâu, hơn nữa, đây mới chỉ là ý kiến của chú, việc nhân sự chủ chốt phải có ý kiến của Tổng cục và của Bộ chứ ạ.

Đến lúc này thì tôi cãi ông thật.

- Tôi biết rồi, tôi sẽ ra Hà Nội nay mai.

Hôm sau, ông xách cặp ra Hà Nội thật.

Ra Hà Nội ông gặp ông Vũ Chính, ông Tư Văn - cả ba ông lúc ấy đều trong Ban chỉ đạo của Tổng cục.

Tại buổi họp Ban Chỉ đạo và sau đó là Thường vụ Đảng ủy Tổng cục, ông Ba đề nghị:

- Giao cho cậu Vịnh làm Cục trưởng.

Ông Vũ Chính bảo:

- Tôi sợ non, hay để nó làm Cục phó thêm một thời gian nữa?

Ông Tư Văn bảo:

- Không, nó làm được đấy! Nhưng phải xin ý kiến của anh Sáu Nam và Bộ trưởng Đoàn Khuê. - Ông Văn nói lơ lửng như thế.

Ông Ba đi Hà Nội về, hôm sau ông gọi tôi lên:

- Tôi báo cáo Thường vụ Đảng ủy Tổng cục rồi, từ hôm nay cậu làm Cục trưởng.

- Thưa chú, bổ nhiệm cấp Cục trưởng phải qua Thường vụ Đảng ủy, Đảng ủy Tổng cục, Cục Cán bộ, phải qua nhiều cơ quan, rồi lại báo cáo với Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra quyết định chứ làm sao mà cháu thay chú được? Mà cháu đã nói với chú là cháu không làm được rồi.

Thật lòng lúc đó tôi còn nghĩ: "Làm phó cho ông ấy sướng vô cùng, chứ làm Cục trưởng có sung sướng gì đâu!".

Ông bảo:

- Không! Đây là quyết định của Thường vụ, từ hôm nay cậu điều hành Cục.

Ông triệu tập họp luôn Cục và thông báo:

- Từ hôm nay đồng chí Vịnh điều hành!

Tôi nghe mà ngơ ngác, các ông Cục phó khác cũng ngơ ngác và phải nói thật các ông ấy vừa không phục vừa không đồng tình.

Lúc đó tôi 37 tuổi, mà các ông Cục phó khác đều trên 60, nghĩ bụng: "Trẻ non thế liệu có làm được không?". Nếu có quyết định của Bộ thì còn hiểu được, đằng này ông Ba chỉ nói miệng, chứ làm gì có quyết định. Thế mà từ hôm sau ông Ba không điều hành thật. Ai lên gặp thì ông bảo:

- Xuống gặp cậu Vịnh!

Ông Cục phó lên làm việc, ông cũng bảo:

- Tôi giao rồi, cứ xuống cậu Vịnh mà làm.

- Thế nhưng trách nhiệm?

- Tôi chịu trách nhiệm!

Ông dứt khoát như thế.

Cuối cùng ông Tư Văn, ông Vũ Chính vào Nam công tác, các ông mới ngồi họp lại về chuyện ấy.

Tôi xin gặp hai ông và trình bày:

- Cháu bây giờ rất khó như thế...

Ông Tư Văn cũng bảo:

- Phải có quy trình, có quyết định đàng hoàng chứ.

- Nhưng giờ lỡ thế rồi, chú Ba quyết là làm, cháu chịu.

- Thế để tao gặp ông Ba.

Hôm sau ông Tư Văn gặp tôi, bảo:

- Tao nói với ông Ba rồi, ông không chịu nghe, thôi mày làm đi!

Ông Ba mời ông Tư Văn vào, trước mặt đủ các "tướng sỹ", ông Tư Văn nói:

- Thôi giờ anh Ba nói thế rồi, các anh thống nhất đi, tôi ra quyết định đồng chí Vịnh làm quyền Cục trưởng, nhưng tôi nhắc anh Ba nhé, anh phải ghi cho tôi một chữ vào đây là anh chịu trách nhiệm toàn bộ những gì của Cục cho đến khi có quyết định chính thức của Bộ.

Ông Ba bảo:

- Tôi ghi luôn!

Ông lấy tờ giấy ghi luôn: "Tôi chịu trách nhiệm toàn bộ những việc của Cục 12 dưới sự điều hành của đồng chí Nguyễn Chí Vịnh...".

Sau này tôi xin lại được tờ giấy ghi tay của ông Ba, giữ làm kỷ niệm. Về sau ông Vũ Chính bảo tôi: "Lúc ấy ông Ba cứ nói thế, chứ cái giấy viết tay ấy có ý nghĩa gì đâu!".

Câu chuyện lúc ấy cũng giống như câu chuyện năm 2000 sau này, khi ông Sáu Nam với cương vị cố vấn Ban Chấp hành Trung ương giao cho ông Ba "chịu trách nhiệm" khi tôi làm Tổng cục trưởng.

CHƯƠNG NĂM

TẦM NHÌN MỚI, CHÂN TRỜI MỚI

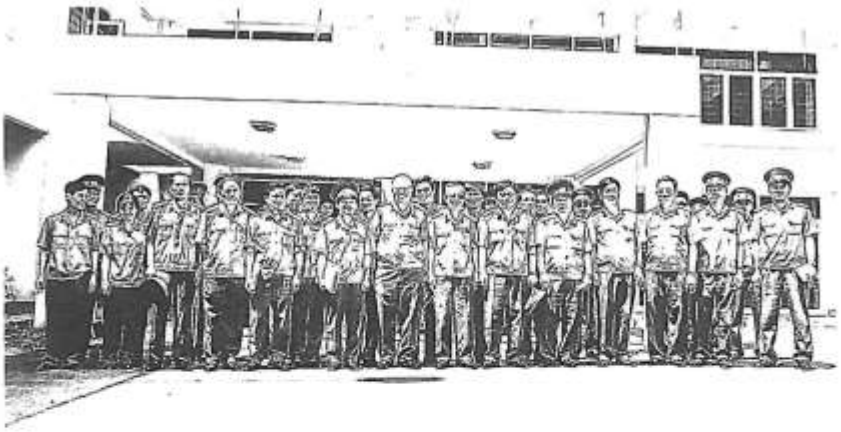

TIẾP TỤC TRẢ LỜI CÂU HỎI VỀ LIÊN XÔ VÀ ĐÔNG ÂU

Đến năm 1990, về cơ bản chúng tôi đã phục vụ cấp trên trả lời một nửa câu hỏi của ông Sáu Nam: "Liệu Liên Xô có đứng vững không?".

Dù ở xa "tâm bão", nhưng các nhà lãnh đạo Việt Nam vẫn tiếp tục đặt ra câu hỏi: Liên Xô sẽ sụp đổ như thế nào? Và những hệ quả to lớn mà nó để lại sẽ ra sao - nhất là ảnh hưởng đến tình hình Việt Nam? Nhiệm vụ của chúng tôi lúc bấy giờ là khẩn trương tìm hiểu và giải đáp về "Kịch bản sụp đổ của Liên Xô".

Từ đầu năm 1989, tình hình chính trị tại Đông Âu dậy sóng trước "vấn đề Ba Lan", với sự nổi lên của Công đoàn Đoàn kết và sự thỏa hiệp của Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan với các phe phái chính trị cánh hữu đòi "dân chủ", "đa nguyên".

Ngày 9 tháng Mười một năm 1989, "Bức màn sắt" - Bức tường Berlin, một biên giới vật lý mang tính biểu tượng chia cắt hai phe xã hội chủ nghĩa - tư bản chủ nghĩa chính thức sụp đổ. Nước Đức thống nhất ra đời.

Hàng loạt diễn biến liên tục tại Ba Lan và Đức được ví như những "tiếng sấm" báo hiệu một cơn bão lớn đang

chuẩn bị ập tới các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Và Liên Xô, với tư cách là thành trì Cách mạng Xã hội chủ nghĩa trên thế giới cũng đang rung lắc dữ dội, chỉ chờ ngày sụp đổ.

Những vấn đề của Liên Xô - Đông Âu, có thể nói khi đó còn khá mới mẻ đối với ngành Tình báo Quốc phòng, với ông Ba Quốc thì lại càng xa lạ hơn vì suốt đời ông ở trong hậu địch, sau giải phóng năm 1975 lại lăn lộn trên chiến trường Campuchia chứ ông chưa bao giờ nghiên cứu về vấn đề châu Âu. Nhưng không ngờ với những kinh nghiệm trong hậu địch, mà ông lại có được cái nhìn rất sáng, rất thực tiễn về những gì diễn ra ở Liên Xô và Đông Âu, với những diễn biến mà theo ông: Các chính thể ở Đông Âu đã từ bỏ đấu tranh giai cấp, chuyển sang "đấu tranh dân chủ" theo khuynh hướng dân chủ tư sản, mà đặc trưng của nó là "cách mạng đường phố", và "trò chơi dân chủ" giữa các phe phái chính trị.

Nên nhớ ông Ba nói những điều đó từ đầu những năm 90 của thế kỷ trước, khi mà ở Việt Nam chưa có nhiều người nói tới những thuật ngữ đó trong đời sống chính trị quốc tế.

Tuy nhiên, để có những tin tức cụ thể, đáng tin cậy, từ đó mà có những dự báo chính xác thì chúng tôi rất lúng túng chưa biết làm gì, tìm những thông tin ấy ở đâu? Lúc bấy giờ ông Ba Quốc bảo chúng tôi:

- Không thể ngồi ở nhà mà đoán mò được, các cậu phải vươn ra ngoài nước. Đầu tiên phải sang Đông Âu, tới các nước đã "vỡ" rồi để xem nó "vỡ" như thế nào? Vậy muốn tìm hiểu chuyện này, phải sang Đức, Ba Lan trước, rồi từ đó

ta sẽ tìm hiểu diễn biến ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa còn lại.

Thế là chúng tôi tìm đường sang Đức. Việc đi nước ngoài khi đó khó lắm, du lịch thì chưa có, công việc thì biết gì và phải làm gì ở Đức với Ba Lan lúc tình hình chính trị ở đó rối ren như thế. Cuối cùng tôi phải nhờ một người anh từng học ở Đức dẫn đi theo đoàn chuyên gia thiết bị y tế. Một chữ bẻ đôi không biết, quan hệ không có... chỉ có tấm vé khứ hồi và vài trăm đô la xin của ông Tư Văn. Ban đầu chỉ có thể thông qua Việt kiều, chúng tôi lần mò tới các trại tỵ nạn người Việt, nơi có những người từ Liên Xô, Đông Âu chạy sang. Từ điểm tựa này, chúng tôi dần tìm gặp được thêm các cựu quan chức chế độ xã hội chủ nghĩa của Đông Đức, Ba Lan, từ đó hiểu được ở những nước đó họ "vỡ" như thế nào. Cũng biết thêm về tình hình hàng vạn lao động người Việt đang thất nghiệp, cơ nhỡ, lang thang khắp Đông Âu khi đó.

Các chuyến đi tới Đức, Ba Lan đã giúp chúng tôi "vỡ" ra nhiều chuyện. Ở đó, những câu hỏi chúng tôi từng đặt ra và hình dung vốn mới chỉ nằm ở tầng sâu thẳm của tảng băng, giờ lại hiện ra hết sức rõ ràng: Đó là các cuộc chính biến tại Ba Lan và Đức diễn ra theo kịch bản nào? Và đâu là mấu chốt của sự sụp đổ? Câu trả lời cũng không ngoài dự báo của ông Ba Quốc: Một cuộc cách mạng đường phố, cộng với vô hiệu hóa chính quyền trung ương; quân đội đứng ngoài cuộc; đảng cầm quyền bất lực hoặc tự buông bỏ quyền lực.

Mỗi chuyến đi dù chỉ kéo dài vài ba tuần nhưng chúng tôi thu hoạch được cả "núi" thông tin, bởi các sự kiện diễn

ra rất nhanh, có thể hôm nay vẫn đang "đỏ cờ", nhưng mai đã "đổi màu", hay người này hôm trước là tướng lĩnh, cán bộ cấp cao, nhưng hôm sau chỉ còn là thường dân.

Trở về từ những chuyến đi, chúng tôi nhanh chóng báo cáo với các cấp lãnh đạo. Riêng ông Ba đọc rất kỹ từng câu, từng chữ của các bản báo cáo. Không chỉ vậy, ông còn yêu cầu tôi dành nhiều buổi để kể tường tận những gì mình chứng kiến tận mắt tại Đông Âu. Ông cũng đặc biệt quan tâm tới ý kiến của cộng đồng Việt kiều, cũng như của chính các tầng lớp nhân dân Đức và Ba Lan. Bên cạnh những bản báo cáo chính thức theo khuôn mẫu khô cứng, thứ được ông quan tâm nhất, dành nhiều thời gian lắng nghe và suy nghĩ nhất là những câu chuyện bên lề mà tôi gom nhặt được. Sau khi đã nghe hết những thông tin chúng tôi tập hợp, ông đi đến kết luận:

- Vậy là đã rõ rồi. Liên Xô sẽ là mục tiêu cuối cùng và cũng là ngòi nổ đầu tiên cho sự sụp đổ của phe xã hội chủ nghĩa tại Đông Âu. Có hai nhân tố quan trọng nhất tác động đến sự sụp đổ của một chính quyền: một là nội bộ bên trong tự "vỡ" và hai là "thúc ép" từ bên ngoài xã hội. Muốn đổ thì nội bộ phải đổ trước! Muốn nội bộ đổ thì dứt khoát phải có ngọn cờ ly khai từ nội bộ đảng. Ngòi nổ từ bên ngoài sẽ là các cuộc chính biến đường phố, quá trình sụp đổ sẽ càng tăng tốc nếu lực lượng biểu tình bị chính quyền đàn áp.

Ông Ba lấy dẫn chứng từ thời hoạt động tại Sài Gòn dưới chính quyền họ Ngô, khi đó phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam ban đầu diễn ra tương đối ôn hòa.

Nhưng khi chính quyền Ngô Đình Diệm sử dụng cảnh sát để vây ráp, đàn áp lực lượng sư sãi thì "ngọn lửa" đấu tranh lập tức lan ra toàn miền Nam. Lúc đó thì chính quyền chỉ còn cách rút hết cảnh sát ra và đưa quân đội vào để tái lập trật tự, nhưng với điều kiện tiên quyết là không được dùng vũ lực đàn áp biểu tình. Bởi quân đội không có quyền hạn bắt giữ, xét xử, dùng vũ lực với dân mà chỉ có nhiệm vụ đảm bảo an ninh, đối phó với những nguy cơ bạo lực. Thêm một lần nữa, những điểm nhấn quan trọng đó được ông Ba "lọc" kỹ, báo cáo lên cấp trên.

Theo nhận định của ông, một vài cá nhân lãnh đạo khi đã thay đổi, biến chất thì sẽ làm đảo lộn cả chế độ, nếu thiếu sức mạnh tập thể.

- Những lúc như thế này mới thấy Quân đội nắm vai trò quan trọng như thế nào vào việc bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ nhân dân. Quân đội mà vững thì may ra Đảng còn, chế độ còn! - Ông nói với chúng tôi như vậy.

Trong các cuộc trò chuyện cùng tôi, ông Ba đặc biệt quan tâm tới các tổ chức phi chính phủ và tôn giáo, có lẽ vì trong thời địch hậu ông từng theo dõi các tổ chức phi chính phủ và tôn giáo ở miền Nam. Theo ông, trước tình hình biến động tại Liên Xô và Đông Âu thì vai trò và ảnh hưởng của các tổ chức phi chính phủ đối với nền chính trị và toàn bộ xã hội tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ. Vì chính những tổ chức "xã hội dân sự" này mới là ngòi nổ, mới có khả năng liên kết những đám đông khác nhau thành một tập hợp, thúc đẩy làn sóng biểu tình, kéo theo đó là tuyên truyền, kích động bạo loạn. Quả thực, khái niệm "cách mạng màu"

mà chúng ta quen gọi bây giờ đã được nhà tình báo lão luyện xác định và gọi tên từ nhiều năm trước.

Quay trở lại câu chuyện Liên Xô, vào thời điểm đó có hàng vạn tổ chức phi chính phủ mọc lên với đủ loại tiêu chí, tôn chỉ, mục đích khác nhau. Chỉ thấy lạ là không có tổ chức nào đồng hành hay chí ít là có lập trường tích cực với định hướng xã hội chủ nghĩa, với chính quyền Liên Xô. Các Hội nghị Trung ương của Đảng Cộng sản Liên Xô cũng chứng kiến hàng loạt cuộc thanh trừng nội bộ, dẫn đến sự ra đi của những con người trung kiên, trong đó có không ít tướng lĩnh, sỹ quan cấp cao từng giúp Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tiếp theo đó, sự xuất hiện của "ngọn cờ Boris Yeltsin" tạo ra một khúc ngoặt lớn. Với việc Yeltsin công khai ra khỏi đảng, đi đầu các cuộc biểu tình hô hào tự do dân chủ đã khiến ông Ba đi đến kết luận: "Đây chính là ngọn cờ của cuộc chính biến sắp tới!". Chẳng phải "trông mặt mà bắt hình dong", những diễn biến tiếp theo tại Liên Xô đã xảy ra đúng như những gì mà ông đã dự đoán từ trước.

Mọi diễn biến về sự sụp đổ của Liên Xô đã diễn ra không làm cho Việt Nam bị bất ngờ về mặt chiến lược. Việc dự báo này có sự đóng góp của ngành Tình báo, nhờ vào việc phân tích, đánh giá những bài học, thông tin, kinh nghiệm thu thập được từ Đức, Ba Lan, Liên Xô và kết hợp với những nhận định về âm mưu từ phía Mỹ mà ông Ba Quốc và nhiều nhà tình báo hàng đầu của Việt Nam khác nghiền ngẫm.

Sau dự đoán của ông Ba và báo cáo chi tiết của Cục 2, tôi không rõ các cấp lãnh đạo đánh giá như thế nào, đã làm gì

để giảm nhẹ thiệt hại của chúng ta sau sự sụp đổ của Liên Xô. Nhưng tôi biết chắc rằng Đảng và Nhà nước ta đã chuẩn bị sẵn sàng cho kịch bản xấu nhất, để Việt Nam kiên định với đường lối độc lập, tự chủ, bảo vệ Đảng, giữ được chính quyền, để đất nước tiếp tục ổn định và phát triển.

Như vậy, hai câu hỏi đã được trả lời: "Liên Xô có đứng vững không?" và "Kịch bản sụp đổ của Liên Xô sẽ như thế nào?". Nhưng không dừng ở đây, mà câu hỏi tiếp theo ông Sáu Nam đặt ra cho chúng tôi là: "Nguyên nhân sụp đổ là gì? Nhất là nguyên nhân bên trong?".

Khi nói về dự báo Liên Xô và Đông Âu sụp đổ hay không và kịch bản như thế nào, chúng tôi đã có câu trả lời tương đối cơ bản và tin cậy. Nhưng thật ra thì vẫn còn những điểm mờ. Các đồng chí lãnh đạo đặt ra câu hỏi như vậy và yêu cầu chúng tôi phải tìm ra bản chất của những động lực dẫn tới sự sụp đổ và tan rã đó là gì? Nhìn trên bề nổi thì rất khó nhận ra bởi cuộc sống tại Đông Âu và Liên Xô thì vẫn cứ trôi. Ngoài đường phố vẫn còn cảnh sát, quân đội vẫn còn trong doanh trại, các Đảng Cộng sản hoặc Đảng Xã hội chủ nghĩa thì vẫn có những trụ sở uy nghi... Khác chăng là âm thầm trong xã hội và những hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức phi chính phủ. Sau một thời gian nghiên cứu ở Ba Lan và Đức, chúng tôi nhận thấy sự điều chỉnh ở Ba Lan và Đức không rõ ràng và thật ra chúng tôi cũng không có những người tin cậy để họ chia sẻ thành thật với mình.

Theo chỉ đạo của ông Ba, chúng tôi phải tìm cách tiếp cận những người trong cuộc ở cấp lãnh đạo cao nhất của

các nước xã hội chủ nghĩa để nghe họ nói về nguyên nhân sụp đổ. Ban đầu không thành công khi tìm kiếm ở Liên Xô, chúng tôi "quay sang" ngả Bulgaria. Từ sự giới thiệu của các cựu quan chức trong chính quyền xã hội chủ nghĩa cũ, chúng tôi được gặp ông L.A. - nguyên là lãnh đạo cấp cao của Đảng Xã hội chủ nghĩa Bulgaria. Ông L.A. đã chỉ ra nhiều nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của khối xã hội chủ nghĩa tại Đông Âu và Liên Xô, mà theo vị này "một trong những nguyên nhân chính của sự sụp đổ, đó là những người lãnh đạo của phe xã hội chủ nghĩa khi đi ngủ đều không có giấc mơ rằng sáng mai thức dậy có thể sẽ bị mất chính quyền!". Tôi vẫn nhớ, ông L.A. đã nói: "Các đồng chí phải nhìn ra và cảnh giác đối với những cấu trúc lạ, mới mọc ra ở trong lòng chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng tôi". Về mặt hình thức, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu được cấu thành bởi những thể chế then chốt: đầu tiên là đảng, thứ hai là bộ máy chính phủ, thứ ba là quân đội và công an, thứ tư là các tổ chức quần chúng. Nhưng bên cạnh cấu trúc đó phải tìm cho ra những cái gì ung bướu, u nhọt đã và đang nảy sinh ngoài tầm kiểm soát. Trong trường hợp Đông Âu và các nước Liên Xô cũ thì đó là ba "tế bào lạ" gồm:

Một là, các tổ chức xã hội dân sự, nó được dân lập ra, dân tự đảm bảo, dân tự điều hành, không nằm trong quy định pháp luật, nhưng cũng không bị luật pháp cấm đoán hay kiểm soát.

Hai là, các tổ chức có yếu tố nước ngoài, chủ yếu là các yếu tố phi chính phủ. Các tổ chức phi chính phủ này chủ yếu mang tính chất tôn giáo, từ thiện, môi trường... nhưng lại ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội.

Ba là, các tổ chức sức mạnh trá hình, chúng là những tổ chức thám tử tư, tổ chức bảo vệ thuê, tổ hợp sản xuất công nghiệp được Nhà nước cho phép sản xuất vũ khí,... Chúng tôi khi đó đã rất ngạc nhiên khi đến một doanh nghiệp của một nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu mà trước cửa là những khẩu đại liên, tất cả nhân viên đều đeo súng shotgun, nhìn y như là một tổ chức lính đánh thuê.

Rõ ràng đây là một mô hình của một xã hội chuyển tiếp hỗn mang. Mà đúng như vậy, nếu như ở Đức, Ba Lan thì quá trình sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa diễn ra trong vài năm. Nhưng tại Bulgaria thì chỉ trong chốc lát là nó đảo lộn mọi thứ. Xã hội dân sự có, bán vũ trang có, phi chính phủ có. Đây cũng là nội dung mà sau đó chúng tôi đã báo cáo ông Sáu Nam và ông Ba Quốc để có sự chỉ đạo về các công việc phải làm tiếp theo.

Cũng thông qua ông L.A., chúng tôi được giới thiệu với những người đồng chí tin cậy của ông tại Nga, trong đó có N.R. - một trong những quan chức chính phủ cao cấp cuối cùng của Liên Xô. Cũng tương tự như vậy, với những kịch bản khác nhau thì N.R. cũng đã chỉ ra những lý do khiến chế độ xã hội chủ nghĩa tại Liên Xô và các nước Đông Âu đi đến hồi cáo chung. Khi về báo cáo, dù nội dung chỉ mang tính hồi ức và cảm nhận, nhưng ông Sáu Nam vẫn đặc biệt quan tâm và lập tức chỉ thị phải mời những người như L.A. hay N.R. sang Việt Nam để gặp các lãnh đạo cấp cao và các nhà lý luận hàng đầu của ta nhằm đúc rút kinh nghiệm. Nhờ đó, chúng ta đã có một kho kinh nghiệm quý báu để góp phần bảo vệ Đảng, bảo

vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và giữ vững nền độc lập của đất nước.

Đất nước ta sau Đại hội Đảng VI đã bắt tay vào thực hiện công cuộc Đổi mới. Chúng ta đã phải trải qua một chặng đường gian nan để đưa những tư tưởng lớn của Đổi mới vào thực tiễn ngổn ngang tồn tại nhiều vấn đề, nhất là khi quá trình đổi mới tư duy lại chịu ảnh hưởng từ làn sóng công khai hóa, dân chủ hóa và sau đó là sự sụp đổ của Liên Xô. Hồi ký của Đại tướng Lê Đức Anh có đoạn: "Có người đã vin vào câu chữ trong chỉ đạo lúc đó là "nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật..." một cách phiến diện... để "nói cho sướng miệng" và thực hiện ý đồ cá nhân... Trong chiến tranh trước đây, cũng có chuyện phức tạp, nhưng đoạn sau này còn phức tạp hơn". Nhận thấy thời cơ thuận lợi, các thế lực chống phá đất nước ráo riết hoạt động. Nhưng tất cả những âm mưu chống phá đó đã bị đập tan, thành công đó bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó có việc xác định rõ bài học từ sự tan rã của Liên Xô - Đông Âu.

Nhưng còn một vấn đề nữa mà chúng tôi thấy rất ngỡ ngàng khi tiếp xúc sâu với cộng đồng người Việt tại Đông Âu và các nước SNG. Một mặt là do quan hệ kinh tế, quan hệ xã hội, cần nắm bắt thông tin để phục vụ cho làm ăn, nên họ dự báo rất nhạy bén, rất kịp thời về những diễn biến về tình hình ở các nước sở tại lúc bấy giờ. Không chỉ như vậy mà còn dự báo về mối quan hệ Việt Nam với các nước sở tại trong tương lai không xa, nhất là quan hệ Việt Nam với các nước SNG sau khi Liên Xô tan vỡ như thế nào? Mặt khác thông qua các mối quan hệ làm ăn của

họ thì lại phát sinh vấn đề là bên cạnh những xu hướng thuận lợi đóng góp cho đất nước thì có một bộ phận trí thức, những người Việt Nam ở nước ngoài dự báo và chờ đợi sự sụp đổ ở Liên Xô, Đông Âu sẽ kéo theo sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Cái này là tâm lý chung, mà những người yêu nước, kể cả những người mong cho đất nước ổn định cũng có những suy nghĩ và lo lắng như vậy.

Trong bối cảnh ấy thì sự tuyên truyền của các lực lượng phản động từ Mỹ, từ Tây Âu về ngày càng được đẩy mạnh, do đó chúng ta mới thấy nổi lên làn sóng chống phá Đảng và Nhà nước ta từ phía các thế lực thù địch thông qua người Việt ở nước ngoài. Trước và sau năm 1975, các hoạt động chống phá chủ yếu từ lực lượng ngụy quân, ngụy quyền cũ, phương thức chống phá chủ yếu là hành động kêu gọi lật đổ, đảo chính, sử dụng các biện pháp kích động, gây bạo loạn... nhưng đều không thành công. Cho tới khi Liên Xô và Đông Âu tan vỡ thì thế trận khác hoàn toàn.

Lúc bấy giờ có nhiều Việt kiều từ Mỹ, từ Tây Âu sang các nước Đông Âu tổ chức các show văn nghệ, cuộc gặp, tọa đàm... nói về sự sụp đổ của các chế độ Cộng sản. Đồng thời cũng phải nhắc tới việc hàng loạt các nhân vật chống đối trong nước chạy ra nước ngoài, một số nhân vật trong các vụ án chống Đảng trước đây cũng đồng loạt ngóc đầu lên tiếng như: Vũ Thư Hiên, Bùi Tín, Nguyễn Minh Cần,... Các đối tượng này móc nối với trong nước và người Việt ở Đông Âu để đưa ra đòi hỏi "lật án" đối với những vấn đề lịch sử nhằm vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của Đảng.

Môi trường phức tạp tại Liên Xô cũ và Đông Âu khi đó vừa là nơi hội tụ những luồng giao lưu, đấu tranh tư tưởng xung quanh các vấn đề lịch sử và tương lai của đất nước. Nhưng chúng tôi cũng nhanh chóng nhận ra rằng đó cũng là nơi lý tưởng để nắm bắt được âm mưu, ý đồ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam. Với nhận thức như vậy, từ Moscow chúng tôi đã điện về báo cáo lại với ông Ba những nhận định, đánh giá mới đó và xin phép kéo dài thời gian chuyến công tác cho đến khi có kết quả bước đầu theo định hướng đã đặt ra.

"BÀI TOÁN" TỰ LỰC VỀ VŨ KHÍ

Ngay từ trước năm 1990, đã có những thông tin về sự bất ổn của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, nhưng chưa ai dám khẳng định Liên Xô sẽ có biến động xấu. Tuy nhiên trong nội bộ một số cơ quan của Đảng, Nhà nước và Quân đội đã hết sức khẩn trương nghiên cứu, đánh giá lại các vấn đề của phe xã hội chủ nghĩa tại Liên Xô và Đông Âu. Một ngày, ông Sáu Nam (Đại tướng Lê Đức Anh, khi đó là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng) cho gọi ông Ba và tôi tới gặp. Ông đặt câu hỏi:

- Trong bối cảnh hiện nay, nếu Liên Xô sụp đổ thì trang thiết bị vũ khí của chúng ta sẽ dựa vào đâu? Chúng ta sẽ mua của ai? Lấy tiền đâu để mua? Mua như thế nào?...

Những câu hỏi đó đã được ông Sáu Nam đặt ra từ trước thời điểm Liên Xô sụp đổ hơn hai năm. Hai thầy trò

tôi đều ngỡ ngàng trước những câu hỏi của ông Sáu, bởi chúng vốn không liên quan tới hoạt động tình báo.

Cần phải nói rõ là vào thời điểm đó, đa phần vũ khí, trang bị quân sự của Việt Nam đều dựa vào nguồn viện trợ có hoặc không hoàn lại của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Ông Sáu Nam khi đã dự báo và khẳng định được kết cục của Liên Xô liền suy nghĩ ngay tới nguồn cung cấp vũ khí cho Việt Nam trong bối cảnh mới, để trả lời câu hỏi: Bằng phương thức nào chúng ta đảm bảo trang bị, vũ khí cho Quân đội thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc? Rồi ông khẳng định:

- Đây là yêu cầu cấp bách, sống còn khi Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa biến động. Nhưng đây cũng chính là thời cơ để chúng ta phát triển tiềm lực khoa học công nghệ và công nghiệp quốc phòng, đi đến độc lập, tự chủ về trang bị vũ khí, đủ khả năng tự vệ, bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Không chỉ bảo đảm như khi còn Liên Xô, mà phải hiện đại hơn, phù hợp hơn với nhiệm vụ của Quân đội ta.

Ông Sáu Nam đã nhìn ra được vấn đề lớn mà Việt Nam sẽ phải đối mặt một khi không còn Liên Xô bên cạnh, rồi ông chỉ thị cho ông Ba:

- Anh Ba kiểm tra lại xem mảng tình báo công nghiệp của Mỹ thế nào? Còn với nhiều nước khác thì đây là vấn đề quốc sách. Việt Nam ta phải học kinh nghiệm quốc tế về vấn đề này, trong đó ngành Tình báo phải chịu trách nhiệm chính trong thu thập thông tin khoa học kỹ thuật, công nghệ mới về cho đất nước và cho Quân đội.

Ông Sáu Nam cũng chỉ ngay ra những trọng điểm về vũ khí, trang bị và các công nghệ thiết yếu mà nền

Công nghiệp quốc phòng của ta đang cần. Rồi ông giao cho chúng tôi báo cáo với Tổng Tham mưu trưởng Đoàn Khuê (sau này là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng), sau đó đi tới các cơ quan, đơn vị, nhà máy, viện nghiên cứu trong và ngoài Quân đội để xem thực trạng và nhu cầu của các đơn vị đó, từ đó tìm kiếm, thu thập công nghệ từ nước ngoài về để tự nghiên cứu sản xuất.

Trở về sau cuộc gặp với ông Sáu Nam, ông Ba và tôi báo cáo lại với ông Tư Văn và ông Vũ Chính. Nghe xong ông Tư Văn nói:

- Cái này tôi đã cho làm lâu rồi! Nhưng các đơn vị ấy làm không "ăn". Giờ vào được kiểu gì là ở các cậu. Nhưng cứ theo anh Sáu Nam mà làm là trúng đấy, có nghĩa là Liên Xô sẽ vỡ, và mục tiêu của tình báo ta là lấy những thông tin về khoa học công nghệ quân sự từ các nước trên thế giới, trong đó có Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, chứ không phải mò mẫm, tìm kiếm ở đâu cả.

Về tình báo công nghiệp, bối cảnh Việt Nam lúc bấy giờ không có cán bộ, không có cơ quan chuyên trách, nói chung là chưa có ý tưởng gì về việc thu thập công nghệ bằng phương thức tình báo.

Ông Ba nói với tôi:

- Cậu phải đọc cuốn "Tình báo công nghiệp" của nhà báo Jack Berger, người Pháp. Cuốn đó rất nổi tiếng trong xã hội phương Tây vào những năm 50.

Tôi tìm đọc ngay, mới thấy là cả thế giới người ta đã làm tình báo công nghiệp từ lâu rồi, đặc biệt là những nước phát triển như Mỹ, Đức, Nhật. Các nước Liên Xô,

Trung Quốc sau Thế chiến II cũng có những bước tiến nhảy vọt về vũ khí chiến lược, vũ khí công nghệ cao, đó là nhờ thu thập thông tin tình báo công nghiệp từ các nước phương Tây, đặc biệt là từ Mỹ.

Khi đó xuất phát chỉ từ một câu hỏi của ông Sáu Nam: "Công nghệ lấy ở đâu ra? Bằng cách nào?", mà sau đó đã mở ra một khả năng vô tận về lĩnh vực tình báo mới. Đó là tình báo khoa học công nghệ để đáp ứng yêu cầu về vũ khí, trang bị cho Quân đội, và xa hơn là tiềm lực khoa học công nghệ cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Có thể nói, phản tình báo ở Campuchia là sở trường đặc thù của ông Ba, còn tình báo công nghệ lại là "đặc sản" mới của ông Ba trong giai đoạn tiếp theo sau khi về nước. Ông có một kho tư liệu rất lớn ở trong đầu về gián điệp công nghiệp, do những đồng nghiệp của ông ở CIA và tình báo nước ngoài đã từng thực hiện từ mấy chục năm trước. Dù chưa bao giờ làm, nhưng ông rất coi trọng lĩnh vực tình báo này. Lúc bấy giờ, đất nước vẫn đang trong trạng thái nửa có hòa bình, nửa có chiến tranh, bước sang thập kỷ 90 thì mới hoàn toàn thoát khỏi xung đột quân sự, nên tình báo công nghệ - khoa học kỹ thuật ở ta hầu như chưa có.

Để làm chủ công nghệ vũ khí thì con người là yếu tố tiên quyết. Trước năm 1990, Việt Nam chủ yếu dựa vào viện trợ vũ khí, đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật quân sự của Liên Xô, Đông Âu. Hồi ấy cán bộ ta đi học Liên Xô, hai nước rất thân thiết và tin cậy lẫn nhau, nhưng về vũ khí trang bị ta chỉ được học về bảo đảm kỹ thuật và khai thác sử dụng, không kỹ sư nào được học về thiết kế và chế tạo. Mãi tới lúc này tôi mới trả lời được câu hỏi vì sao cán bộ phía ta được cử đi học bấy lâu nay đều không được đào

tạo về thiết kế và chế tạo - vì đó là cái gốc của công nghệ, là điều kiện không thể thiếu để có thể tự chủ về khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học công nghệ quân sự.

NHỮNG NỀN MÓNG CHO TƯƠNG LAI

Quá trình thực hiện nhiệm vụ tại Liên Xô và Đông Âu vô cùng nặng nề, khó khăn. Nhưng cũng từ đó, chúng tôi đã phát hiện ra một hướng đi mới để báo cáo với Tổng cục về sự cần thiết phải có bộ phận chuyên trách tình báo tầm xa với hai chức năng: Thu thập tình báo công nghệ ở nước ngoài phục vụ quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời đi vào các lực lượng phản động trong số người Việt ở nước ngoài, đang tìm cách móc nối với nội bộ để chống phá ta. Hướng đi này về sau đã mở ra và hình thành một lĩnh vực tình báo mới, đó là tình báo tầm xa. Vì thế, có thể coi đây là một trong những thời điểm bước ngoặt trong phát triển nhiệm vụ của Tình báo Quốc phòng Việt Nam.

Vậy là thêm một nhiệm vụ mới, rất mới, ở địa bàn xa, rất xa. Nhưng khó khăn nhất đối với chúng tôi là nhiệm vụ này quá lạ lẫm và chưa hề có bất cứ kinh nghiệm nào.

❖ Nhóm đặc nhiệm tại Đông Âu

Khó khăn đầu tiên chúng tôi phải đối mặt đó là trong đơn vị không ai quen thuộc với địa bàn Đông Âu, kể cả

những cán bộ tình báo quân sự dày dạn kinh nghiệm. Cán bộ am hiểu về khoa học công nghệ lại càng hiếm hoi, ngoại ngữ thì khi đó chỉ loanh quanh mấy thứ tiếng của các nước láng giềng như Lào, Campuchia, Trung Quốc. Từ đó dẫn đến một yêu cầu cấp bách về việc tuyển chọn một lớp cán bộ hoàn toàn mới để phù hợp với yêu cầu của bối cảnh và nhiệm vụ đặt ra.

Ông Ba bảo tôi:

- Chúng ta không thể sử dụng số cán bộ cũ được cậu ạ. Mình phải khẩn trương tìm một số cán bộ mới, phải có ngoại ngữ, hiểu biết về khoa học công nghệ, cũng như các vấn đề quan hệ quốc tế.

Vốn quen biết khá nhiều cán bộ Quân đội có tiêu chí như trên, việc chọn lựa không phải quá khó khăn. Nhưng địa bàn mới, mục tiêu mới - cần chọn những cán bộ như thế nào để hoàn thành nhiệm vụ? Vậy thì cần tìm kiếm những người rất tình nguyện, rất quan tâm, rất say mê, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Hay nói cách khác, cần tìm một đội ngũ "vừa chạy vừa xếp hàng, vừa học vừa làm". Những ứng cử viên đầu tiên của nhóm này bao gồm Phạm Ngọc Hùng, Đào Quang Dũng, Nguyễn Minh Tân, Trần Việt Thắng... Họ đều là những sỹ quan Quân đội, đang công tác tại các cơ quan, đơn vị nghiên cứu khoa học kỹ thuật quân sự hoặc các nhà máy, xí nghiệp quốc phòng. Điều quan trọng hơn là mức độ sẵn sàng của họ rất cao, thậm chí còn rất hào hứng khi nhận nhiệm vụ.

Tôi nhớ người đầu tiên mình nghĩ tới là Phạm Ngọc Hùng, khi đó là cán bộ của Viện Công nghệ (thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng). Khi gặp mặt, tôi trao đổi

về yêu cầu mà ngành Tình báo đặt ra, Hùng lập tức bày tỏ sự sẵn sàng và hào hứng với nhiệm vụ này, dù biết là khó khăn, thậm chí nguy hiểm. Sau đó, tôi đưa Hùng tới gặp ông Ba để "sát hạch". Khi gặp, ông Ba đặt câu hỏi:

- Theo cậu, ngành Công nghiệp quốc phòng của ta cần gì để phát triển? Từ đó mà tự lực cánh sinh nhằm đảm bảo vũ khí, trang bị cho Quân đội?

Đúng "nghề của chàng", vốn là "dân công nghệ" trong Quân đội, anh nói một thôi một hồi về những nhu cầu công nghệ quân sự của ta mà nếu chỉ quanh quẩn ở trong nước thì "không thể lớn nổi" - phải ra nước ngoài mà tìm về để sử dụng.

Ông Ba tiếp tục hỏi:

- Vậy thì nước nào? Và làm thế nào để "lấy" được khoa học công nghệ?

Đến đây thì Hùng lúng túng, anh trả lời:

- Thưa chú, làm thế nào thì cháu chưa biết, nhưng công nghệ thì người ta không bán, phải tìm cách khác để lấy thôi. Còn ở đâu thì cháu nghĩ chỉ Liên Xô là có nền khoa học công nghệ quân sự tiên tiến và phù hợp nhất với Việt Nam.

Tôi ngồi bên cạnh, thầm nghĩ: "Trúng rồi!". Đúng thế thật, sau đó ông Ba đề cập luôn vào những nhiệm vụ trước mắt. Điều đó có nghĩa là ông đã "gật đầu" rồi - ít có trường hợp nào mà ông Ba "gật đầu" nhanh thế, ngay từ lần gặp đầu tiên.

Khi đó tình hình rất cấp bách, mà thủ tục nhân sự thì lâu quá. Tôi bàn với Hùng, Dũng:

- Thôi, các ông về viết đơn xin đơn vị cho nghỉ phép, rồi đến đây ta vào việc luôn. Trước tiên là phải chuẩn bị

yêu cầu điều tra và nghiên cứu địa bàn. Còn quyết định nhân sự chờ khi nào xong thì làm thủ tục sau.

Để thực hiện nhiệm vụ tình báo, việc đầu tiên cần xác định là ta cần tin tức gì? Có nghĩa là yêu cầu điều tra của nhiệm vụ tình báo ấy là gì? Lại thêm một bài học nữa từ ông Ba. Ông nói:

- Việc xây dựng yêu cầu điều tra là của cấp trên. Nhưng cơ quan Tình báo phải tham mưu cho cấp trên xác định những nội dung ấy. Nó có ba yêu cầu: Một là, đúng với nhu cầu của các đơn vị trong toàn quân; hai là phải biết nó nằm ở đâu, làm cách nào để lấy; ba là, phải phù hợp với khả năng của tình báo ta. Nó phải vừa tầm, vừa sức, không thiếu, không thừa, không cao, không thấp so với yêu cầu của Quân đội.

Tôi lè lưỡi, việc xây dựng và tham mưu được cho cấp trên về yêu cầu điều tra trong nhiệm vụ này đã quá khó, chưa nói đến khi đã có yêu cầu điều tra thì làm sao mà thực hiện được bây giờ?

Vậy là chúng tôi cùng nhau đến các đơn vị để tìm hiểu về nhu cầu của Quân đội. Đúng là khó thật, vì trước những câu hỏi của chúng tôi, thường nhận được hai kiểu trả lời: Thứ nhất là im lặng; thứ hai là "tất cả các thứ" - có nghĩa là chính ta cũng không hiểu ta đang cần gì. May mà tôi vẫn luôn ghi nhớ lời dặn của ông Sáu Nam về những trang bị và công nghệ mà chúng ta đang cần, để từ đó giúp chúng tôi tìm hiểu và nắm được nhu cầu sơ bộ.

Rồi thì cũng ra được một bản yêu cầu điều tra, báo cáo Bộ Quốc phòng coi như là những nội dung đầu tiên có tính

chất thăm dò. Cũng là do chính tay mình lập ra, nhưng khi trên đã thông qua, đọc lại thì lại lắc đầu: "Làm sao mà làm được bây giờ?". Nhưng cứ phải đi đã, rồi mới biết phải làm gì, làm như thế nào.

Có "bảo bối" trong tay, chúng tôi dắt díu nhau lên đường.

Sang tới nơi, chúng tôi lập tức vấp phải khó khăn đầu tiên đó là khi gặp các đầu mối quan hệ làm ăn, hợp tác với ta. Câu hỏi họ đặt ra là: Các anh là ai? Các anh từ đâu tới? Mục đích của các anh là gì?...

Lúc ấy chúng tôi chưa có danh nghĩa công khai, lại không thể trả lời rằng "đang đi du lịch". Cũng không thể quan hệ với tư cách doanh nghiệp, bởi thời điểm năm 1990 Việt Nam vẫn chưa có công ty tư nhân nào có thương hiệu, uy tín quốc tế, mà chúng tôi thì không thể lấy tư cách công ty quốc doanh hay Quân đội.

Sau chuyến đi đầu tiên, chúng tôi trở về và báo cáo lại tình hình. Ông Ba lắc đầu:

- Các cậu không được sử dụng danh nghĩa Nhà nước, càng không được sử dụng danh nghĩa Quân đội. Phải dùng danh nghĩa tư nhân, phải có nội dung kinh doanh, làm ăn khi sang đó. Phải đứng chân được cái đã, rồi làm gì tính sau.

Tôi tìm tới một người bạn thân tên H.B., anh ta là cán bộ Nhà nước, công việc đàng hoàng, thu nhập cũng khá. Không hiểu vì sao H.B. nhảy sang làm kinh tế tư nhân và có một công ty kiến trúc - xây dựng, làm ăn cũng khá, trụ sở

ban bệ nhân viên trợ lý thư ký hoành tráng, đúng với yêu cầu của chúng tôi. Tới gặp H.B., tôi nói luôn:

- Anh biết tôi là người của Quân đội, bây giờ có việc cần đi nước ngoài. Nên tôi muốn mượn anh danh nghĩa để sang đó.

Mới ngỏ lời như vậy, không ngờ H.B. đã nhanh chóng gật đầu:

- Đây! Công ty, con dấu, trụ sở, nhân lực... tôi để các ông toàn quyền sử dụng. Có điều đừng làm ảnh hưởng đến việc làm ăn của chúng tôi.

Nhờ có sự giúp đỡ nhiệt tình của H.B., chuyến đi sau đó của chúng tôi có thuận lợi hơn, nhất là trong việc làm hộ chiếu, xin giấy nhập cảnh, cư trú tại nước ngoài. Tuy nhiên, lại xuất hiện vấn đề các đối tượng, đối tác nảy sinh nghi vấn bởi chúng tôi không có kiến thức kinh doanh, cũng không biết công ty của mình làm ăn như thế nào. Khi về báo cáo, ông Ba nhăn mặt:

- Công ty là danh nghĩa công khai, nhưng việc là phải làm thật, kinh doanh thật. Chứ như các cậu thì khác gì "lạy ông tôi ở bụi này".

Thế là tôi lại phải tìm đến H.B. để đặt lại vấn đề:

- Anh thu xếp đi cùng chúng tôi vài chuyến. Đây cũng là dịp để tìm kiếm cơ hội kinh doanh của công ty, chúng tôi sẽ theo anh với tư cách nhân viên công ty. Chỉ có một đề nghị là khi chúng tôi làm nhiệm vụ thì anh không tham gia.

May mắn là H.B. tin tưởng và nhận lời đi cùng chúng tôi ra nước ngoài. Khi đó tôi được bổ nhiệm từ "Trợ lý"

lên làm "Phó Giám đốc Đối ngoại". Được dịp diện comple, cà vạt, đi giày đen, tay xách cặp da, kính gọng vàng, card visit các kiểu... rất oách. Sự hiện diện của H.B giúp nhiệm vụ của cả nhóm diễn ra thuận lợi, ngoài ra cũng nhờ H.B mà chúng tôi mở rộng mối quan hệ với các "soái" tại các nước SNG và Đông Âu, vốn là các lưu học sinh Việt Nam đang theo học ở đó, trong đó có nhiều người do Quân đội cử đi nhưng ở lại làm kinh tế. Số này thường làm ăn lớn, có uy tín trên thị trường và xã hội các nước sở tại, qua đó mà sau này đã giúp chúng tôi rất nhiều trong thực hiện nhiệm vụ ở địa bàn.

Sau một thời gian hoạt động tại Đông Âu và các nước SNG, rồi nắm bắt cộng đồng người Việt ở đó, chúng tôi rút ra mấy kết luận: Thứ nhất, tình báo khoa học công nghệ làm ở hướng này là chính xác, hiệu quả nhưng mà cần làm nhanh nếu không nước khác họ sẽ cạnh tranh và tìm cách cản trở. Thứ hai, người Việt Nam có rất nhiều hoàn cảnh khác nhau và nói chung họ ở lại vì mưu sinh là chính. Nhưng ngoài việc mưu sinh, nếu mình động viên, có chính sách đúng thì họ sẽ có đóng góp rất to lớn đối với sự phát triển của đất nước, mà trước hết là cho sự phát triển của tình báo cũng như về khoa học công nghệ quân sự.

Nói về cộng đồng người Việt ở Liên Xô cũ và Đông Âu khi đó, đúng với câu "trai thời loạn". Vì "loạn" mà hàng chục vạn công nhân hợp tác lao động bị thất nghiệp, một số trốn ở lại làm ăn ở nước sở tại. Vất vả, nhưng kiếm được - đủ nuôi thân và còn có phần gửi về giúp gia đình. Tóm lại là rất khổ nhưng thu nhập còn khá hơn khi còn là công nhân lao động hợp tác.

Và trong số này, có một số cũng "nhờ loạn" mà "nên người", từ hai bàn tay trắng trở nên giàu có, thường được gọi là "soái", hay "đại gia". Xuất thân của các "soái" phần lớn là sinh viên, nghiên cứu sinh đã hoặc chưa tốt nghiệp bỏ ngang ở lại làm ăn; buôn lậu cũng có mà không lậu cũng có, nhưng rất giàu có và ngày càng có tiếng nói trong cộng đồng người Việt cũng như với chính quyền nước sở tại. Họ là những người được đào tạo bài bản, giỏi ngoại ngữ, có đầu óc nhanh nhạy về kinh tế nên đã bỏ ra ngoài để làm ăn kinh tế. Trong số đó, có một số lớn sinh viên, thực tập sinh quân sự được Quân đội cử đi học nhưng ở lại không về nước. Theo quy định của Quân đội, như thế là đào ngũ, thậm chí là vi phạm pháp luật. Nhưng cũng chính số này lại là cầu nối cho chúng tôi đi vào các trường đại học, viện nghiên cứu, nhà máy chuyên về công nghiệp quốc phòng và khoa học công nghệ quân sự - vì đó là nơi mà họ đã học tập, thực tập từ hàng chục năm trước. Cũng vì thế mà họ có quan hệ mật thiết với rất nhiều chuyên gia, nhà khoa học lớn ở các trường đại học, viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật quân sự của Xô Viết trước đây và Đông Âu.

Thời điểm phe xã hội chủ nghĩa tại Đông Âu và Liên Xô sắp tan vỡ, việc cổ phần hóa các xí nghiệp nhà nước ở các nước này diễn ra tràn lan, có thể nói tài sản của đất nước bị phân tán, các kho khí tài quân sự bị bán với giá rẻ mạt. Còn với các trường đại học, các viện nghiên cứu thì cả xã hội không ai quan tâm, vì trong đó chỉ có hai thứ: giấy và chất xám. Dựa vào các mối quan hệ của các cựu sinh viên quân sự này, chúng tôi đã tới các địa điểm khác

nhau để tìm kiếm các tài liệu công nghệ, các bản thiết kế khí tài.

Chúng tôi xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các tổng công trình sư, các giáo sư, tiến sỹ, các nhà khoa học nghiên cứu chuyên môn, vốn là đảng viên Đảng Cộng sản. Đây là những người có nhiều kinh nghiệm, kiến thức và vẫn còn giữ cảm tình với ý thức hệ cộng sản. Họ tận tình giúp đỡ các đoàn chuyên gia của Việt Nam vô điều kiện, có chăng chỉ là nhận lời dùng bữa với chúng tôi để tạo dựng sự thiện cảm. Tôi vẫn nhớ những vị giáo sư già, những vị viện sỹ cả đời không được ra nước ngoài, nhưng khi gặp nhau giữa chúng tôi vẫn có tình cảm gắn kết như những người đồng chí tin cậy. Khi đó, tôi càng hiểu được uy tín của Đảng và Nhà nước mình lớn như thế nào tại Liên Xô cũ và Đông Âu.

❖ Kế hoạch Nam Tư

Một dấu ấn khác của ông Ba trong thời kỳ này, đó là "Kế hoạch Nam Tư", bắt đầu từ năm 1998, từ cuộc chiến tranh Nam Tư lần thứ hai (lần thứ nhất là năm 1990).

Lúc bấy giờ, Mỹ và phương Tây lợi dụng mâu thuẫn nội bộ và xung đột sắc tộc để can thiệp trực tiếp vào Nam Tư ở mức độ khác nhau. Và cuối cùng là tự lập ra "liên quân" để cùng đồng minh hành động quân sự vào lãnh thổ Nam Tư. Sở dĩ không nói đây là "cuộc chiến tranh xâm lược" vì nó là cuộc chiến tranh tập kích đường không kết hợp với bao vây, cấm vận để đánh gục ý chí của đảng cầm quyền đứng đầu là Tổng thống Slobodan Milosevic, nhằm buộc họ chấp

thuận thỏa hiệp với các thành phần đối lập để thành lập một chính phủ đa nguyên, đa đảng.

Trước bối cảnh mới khi Mỹ đã trở thành là siêu cường độc tôn trên thế giới và sẵn sàng gây chiến với bất kỳ quốc gia nào bằng loại hình chiến tranh mới, hiện đại. Như vậy, một yêu cầu quan trọng đặt ra cho tình báo, đó là phải nắm để xem kịch bản Mỹ gây bất ổn như thế nào, tác chiến ra làm sao, sử dụng vũ khí gì?

Tôi đi chuyến này ông Ba rất lo lắng. Khó khăn, phức tạp cả từ trong lẫn ngoài, phần nhiều là những bất ổn khó tiên lượng nên chuyến đi Nam Tư của tôi khiến ông Ba đặc biệt quan tâm. Nhưng lo thì lo, ông vẫn giao nhiệm vụ cho tôi đi.

Ông dặn:

- Cậu tìm hiểu xem là các hình thức, mức độ mà Mỹ can dự là như thế nào? Nhân tố nào dẫn đến biến động, xung đột sắc tộc ở Nam Tư và họ dùng cách nào để xử lý?

Ngoài nhiệm vụ về mặt tình báo chính trị, thì ông Ba còn giao cho tôi một nhiệm vụ nữa, đó là tìm hiểu các loại vũ khí Mỹ đã sử dụng ở Nam Tư để xây dựng cách đánh, cũng như hoàn thiện trang bị, vũ khí của ta trong tương lai.

Chuyến đi Nam Tư còn gặp trở ngại ở chỗ, lúc bấy giờ Mỹ lập ra "liên quân" can thiệp vào Nam Tư chứ không phải thông qua mô hình UNTAC, tức là không phải Liên Hợp quốc. Liên quân do Mỹ dẫn đầu, sử dụng các lực lượng quân sự trực tiếp của Mỹ tiến hành bao vây vùng đỏ đối với Nam Tư. Tất cả tuyến đường vào Nam Tư đều bị liên quân chiếm giữ, bằng một hiệp định rất "mù mờ"

giữa một chính phủ đối lập tự xưng ở nước ngoài ký với Mỹ và liên quân. Ngoài ra, Mỹ áp dụng phương thức tấn công đường không, lúc bấy giờ lần đầu tên lửa Tomahawk được sử dụng ở diện rộng.

Chuyến công tác Nam Tư - gồm tôi, Hùng, Dũng, Tân - là một câu chuyện dài và là một điệp vụ mới mẻ, đầy khó khăn trắc trở. Nhưng chúng tôi vẫn thực hiện nhiệm vụ theo tinh thần "khó mấy cũng phải làm". Và đã thành công.

Nguyên nhân tan rã của các đảng cầm quyền tại Ba Lan, Đức, Bulgaria... đã được phân tích rất nhiều. Nhưng có lẽ khi nói bài học về nguyên nhân mất đi sự lãnh đạo của các đảng cánh tả ở Đông Âu thì không thể không đề cập tới trường hợp đặc thù của Nam Tư. Thứ nhất, Đảng Xã hội chủ nghĩa Nam Tư đã chấp nhận tham gia vào các "trò chơi dân chủ" theo kiểu tư bản, mà quan trọng nhất là đảng không còn độc tôn giữ vai trò lãnh đạo mà chỉ giữ chính quyền. Khi giữ chính quyền thì phải kiểm soát an ninh, quân đội. Đấy là vấn đề nguyên tắc sống còn, không được thay đổi. Thứ hai, trong nhiều bối cảnh, thậm chí trong bối cảnh đa nguyên, thì cương lĩnh, đường lối của đảng luôn luôn bị các thế lực đối lập, thế lực bên ngoài tác động, làm cho xô lệch đi, nhất là về vấn đề chính quyền. Thứ ba, nguy hiểm nhất là mất đoàn kết nội bộ. Mà để chia rẽ nội bộ đảng, các thế lực chống đối thường dùng khẩu hiệu thâm độc nhất là: "Đảng Xã hội chủ nghĩa Nam Tư không có Milosevic" (viết tắt là mô hình "Đảng trừ M"). Chỉ một câu khẩu hiệu đó thôi nếu hiện thực hóa được là đảng sẽ tan rã vì thực chất là nó sẽ thúc đẩy sự đổ vỡ và mất đoàn kết trong nội bộ đảng. Đây là "trò chơi dân

chủ", bên ngoài đường thì tổ chức biểu tình, đối với dân thì tuyên truyền, bên trong thì đòi hỏi "Đảng trừ M" để chia rẽ nội bộ. Ngoài ra còn phải kể tới rất nhiều sức ép từ các thế lực bên ngoài. Những vấn đề liên quan tới sự tan rã, đánh mất vai trò của Đảng Cộng sản hoặc Đảng Xã hội chủ nghĩa tại Liên Xô cũ và Đông Âu đã để lại rất nhiều bài học quý giá về nhiệm vụ bảo vệ Đảng ta trong mọi tình huống, nhất là khi có khủng hoảng.

Trong thời gian làm việc tại Đông Âu và các nước SNG, chúng tôi cũng đi thăm một số đơn vị lực lượng vũ trang. Trước hết là của Đức và một số đơn vị của Nga đóng ở Đông Đức, Ba Lan, một số đơn vị ở Bulgaria. Chúng tôi đã đặt câu hỏi và nhận được những câu trả lời lặp lại mà mình đã gặp ở trường tình báo Liên Xô. Đó là quân đội không được dính vào chính trị. Cho đến giờ này, tôi vẫn thắc mắc vì sao Liên Xô là "người anh cả", lại cùng với các nước Đông Âu khi đó lại đưa ra một nguyên tắc mà ai cũng biết là sẽ dẫn tới mất chế độ như thế. Tôi nghĩ có hai lý do: Thứ nhất là họ chưa nhận thức đầy đủ được vai trò và trách nhiệm bảo vệ đảng của quân đội trong bối cảnh vô cùng phức tạp và khó khăn. Đồng thời, họ cũng chưa nhìn thấy sự nguy hiểm của "cách mạng nhung", sức mạnh mềm đánh vào tâm lý, tức là chưa nhìn thấy sức mạnh chính trị mà các thế lực chống đối có thể sử dụng để vô hiệu hóa quân đội - công cụ quan trọng nhất trong bảo vệ đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Thứ hai, chúng tôi có cảm giác vì Liên Xô khống chế Đông Âu theo kiểu áp đặt, nên họ không cho phép quân đội của các nước Đông Âu có tư tưởng chính trị riêng, có bản sắc yêu nước riêng, có niềm tự hào về lịch sử của đất

nước mình... mà chỉ là tổ chức quân sự chuyên nghiệp bổ trợ cho quân đội Liên Xô. Tôi cho rằng đây là một lý do sâu xa, cho nên ngày càng thấy chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về độc lập, tự chủ trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh thì càng phải độc lập tự chủ về ý thức chính trị - tinh thần của Quân đội. Đặc biệt khi chúng ta giúp đỡ, hỗ trợ các nước bạn bè về quốc phòng - an ninh, thì phải luôn tôn trọng bạn, để bạn cũng thật sự độc lập tự chủ, miễn là bạn giữ được ổn định, phát triển của đất nước họ và hòa bình hữu nghị với ta.

Câu chuyện Nam Tư là một mảnh ghép ít người biết trong cuộc đời hoạt động của ông Ba. Từ rất sớm, ông đã nhìn ra sự cấp thiết của vấn đề, nhìn thấy được mối liên hệ giữa câu chuyện của Nam Tư với vấn đề Tây Nguyên những năm sau đó, là xung đột sắc tộc, sức ép quốc tế, lập các trại tỵ nạn ở nước láng giềng, tổ chức các đội quân bí mật để gây bạo loạn, rồi can dự của phương Tây ở các mức độ khác nhau...

Giai đoạn 1994 - 1995, trước yêu cầu nhiệm vụ mới, đặt ra vấn đề với chúng tôi là phải có một cơ quan chuyên trách về tình báo khoa học công nghệ và tình báo ngoài nước. Ông Ba nói với chúng tôi về ý tưởng thành lập một đơn vị tình báo tầm xa chuyên biệt:

- Hoạt động ở nước ngoài phải tách ra bởi nó quá xa so với hoạt động trước đây của chúng ta. Phải chuyên môn hóa, biến nó thành một lĩnh vực tình báo chuyên ngành, chuyên làm nhiệm vụ tình báo tầm xa nhưng phải bám chặt sự phát triển của khoa học công nghệ. Đây là một nhiệm vụ rất lớn, rất nặng nề và rất lâu dài.

Một thời gian sau, nhiệm vụ "nở" ra nhanh, Bộ và Tổng cục chỉ đạo xây dựng một cơ quan tình báo trực thuộc Tổng cục, chuyên về Tình báo khoa học công nghệ và Tình báo ngoài nước.

Đến đầu năm 1995, chúng tôi tổ chức Hội nghị Tình báo khoa học công nghệ để lấy ý kiến tham gia vào đề án thành lập cơ quan tình báo mới. Tham gia hội nghị có các ông Hai Trung, Hai Nhạ, Sáu Trí, Trường Tiến,... và nhiều cán bộ kỳ cựu khác. Ông Ba Quốc chủ trì hội nghị. Sau khi nghe báo cáo, vào giờ giải lao, ông Hai Trung nói với ông Ba:

- Anh Ba, lãnh đạo Tổng cục có chủ trương như thế. Cục 12 lại có những cán bộ trẻ như thế này thì anh em mình còn lâu mới bắt kịp được chúng nó.

Chỉ thấy ông Ba nở nụ cười hiền từ, còn ông Sáu Trí nói:

- Thế cho nên anh em mình còn phải có trách nhiệm tiếp tục với lớp trẻ.

Sau hội nghị, tôi giao cho Phạm Ngọc Hùng viết đề án, ông Ba và tôi trực tiếp chỉnh sửa rồi trình Thủ trưởng Tổng cục thông qua. Sau này, chúng tôi lên báo cáo và được Bộ trưởng Đoàn Khuê phê duyệt. Sau đó vài tháng, chúng tôi lại lên gặp Thủ trưởng Bộ xin ý kiến về định hướng hoạt động của cơ quan chuyên trách về tình báo khoa học công nghệ. Khi đó, Đại tướng Bộ trưởng vừa cười vừa kể chuyện cho mấy thầy trò gồm ông Ba, tôi và Hùng:

- Hôm trước họp Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Đỗ Mười đã nói ta phải tổ chức tình báo khoa học công nghệ để phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tôi đáp luôn: "Quân ủy Trung ương đã triển khai nhiệm vụ này".

Ông Đỗ Mười liền nói: "Thế thì Quân ủy Trung ương đã đi trước Bộ Chính trị".

Cơ quan tình báo mới ra đời, trở thành một đơn vị lớn của Tổng cục. Người đầu tiên được giao phụ trách là Phạm Ngọc Hùng.

Xuất phát từ ý tưởng của ông Ba về một đơn vị chuyên hoạt động tình báo tầm xa, sau khi đơn vị ra đời, có thể nói "nó" đã lớn rất nhanh và sau này không chỉ đảm nhận nhiệm vụ của một cơ quan, vừa tiến hành các hoạt động điệp báo, mà còn hỗ trợ, tham mưu cho các đơn vị khác trong các kế hoạch tình báo khoa học công nghệ, tình báo ngoài nước, tình báo chính trị, tình báo kinh tế...

CHƯƠNG SÁU

TRỞ LẠI CAMPUCHIA



CAMPUCHIA THUỞ HỒNG HOANG

Chủ trương nêu trong Nghị quyết Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam: "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập, phát triển", được đúc kết từ quá trình thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn 1986 - 1991. Trên cơ sở đó Đảng và Nhà nước ta đã tập trung rất nhiều nỗ lực nhằm giải tỏa các mối quan hệ với các nước láng giềng và khu vực, trong đó xác định chìa khóa then chốt là giải quyết vấn đề Campuchia. Để bày tỏ thiện chí, Việt Nam đã chủ động tuyên bố và hoàn thành rút quân khỏi Campuchia vào ngày 26 tháng Chín năm 1989.

Đặc điểm nổi bật trong quan hệ giữa Việt Nam và Campuchia lúc bấy giờ đó là chuyển trạng thái từ hai nước một mặt trận, một chiến trường, chung một kẻ thù, thành hai quốc gia độc lập với hai định hướng phát triển khác nhau.

Sự có mặt của Quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia lúc đó trở nên khó khăn, bắt đầu giai đoạn đấu tranh chính trị ở Campuchia. Yếu tố quan trọng nhất thời điểm đó là toàn bộ lực lượng giúp đỡ Campuchia sau khi Việt Nam rút

quân chưa được chuẩn bị. Có thể hình dung sự thay đổi đó đối với chúng ta giống như việc từ "người nhà" thành "khách", từ hợp pháp thành bất hợp pháp, từ chỗ luôn chủ động thành thận trọng, thiếu tự chủ, dè dặt.

Câu hỏi đặt ra là sắp tới Việt Nam giúp Campuchia bằng cách nào?

Có thể nói, trước đó bạn với mình "tuy hai mà một", nhưng lúc bấy giờ thì ta với bạn "tuy một mà hai", chúng ta phải vừa giúp bạn, vừa nắm tình hình của bạn để giúp đỡ có hiệu quả nhất.

Trong bối cảnh có những diễn biến dồn dập xảy ra khi đó, tôi đi Liên Xô về và có gần một năm trời bám địa bàn phía Bắc cùng ông Ba Quốc và ông Ba Quang cho đến tận cuối năm 1990. Nói như vậy để thấy những thành phần chỉ huy, chỉ đạo, chủ chốt của các đơn vị do ông Ba chỉ đạo lúc bấy giờ đều tập trung cho nhiệm vụ ở địa bàn phía Bắc. Mặt trận phía Nam tuy vẫn được quan tâm cao độ nhưng dù muốn dù không vẫn lâm vào cảnh "nhà vắng chủ".

Khó nhất lúc bấy giờ là phải làm quen với trạng thái mới không dễ gì quen được. Ví dụ, trước đây coi Phnom Penh là "nhà của mình", thậm chí ở Phnom Penh còn cảm thấy tự do hơn ở Thành phố Hồ Chí Minh. Còn bây giờ thì khác xa lắm rồi.

Kể như vậy để thấy việc chuyển trạng thái trở nên khó khăn cho tất cả các lực lượng, các bộ phận. Vì ở Campuchia lúc đó có nhiều lực lượng, nhiều mũi và nhiều hướng và tất cả mọi người lúc đó đều bỡ ngỡ, chưa biết làm gì. Trong bối cảnh chung sau khi Việt Nam rút quân, chủ trương chỉ đạo

của Đảng và Nhà nước ta là phải rút triệt để nhằm giải tỏa vấn đề Campuchia, từng bước tìm giải pháp chính trị, giải quyết vấn đề Campuchia, từ đó đi đến bình thường hóa quan hệ với Mỹ, Trung Quốc,... Đó là mục tiêu chiến lược vô cùng quan trọng của Việt Nam ta lúc bấy giờ.

Trước tình hình đó, cũng có quan điểm cho rằng rút quân là không đúng hoặc chí ít là hơi vội vàng, vì bạn đang khó khăn và đây cũng là lý do bạn trách Việt Nam, từ đó mà có phần xa rời chúng ta. Chỉ đến nhiều năm sau này, đối chiếu với những diễn biến diễn ra sau thời điểm Việt Nam rút quân, mới thấy đó là một quyết định vô cùng đúng đắn, kịp thời để đối phó với biết bao nhiêu biến động của tình hình quốc tế, khu vực và để phát triển đất nước, cũng như giúp Campuchia đi vào ổn định và dần có hòa bình, phát triển.

Hiệp định Paris đặt ra nhiều kỳ vọng về giải pháp chính trị cho việc thiết lập hòa bình tại Campuchia, để đất nước này đi vào thời kỳ xây dựng, phát triển, ổn định chính trị, tiến hành bầu cử quốc hội và thành lập chính phủ Vương quốc Campuchia. Tuy nhiên, diễn biến tình hình Campuchia ở thời điểm trước và sau khi ký Hiệp định Paris lại rất phức tạp, đúng như nhận định của một Vua Sãi vốn rất có uy tín ở Campuchia đã chia sẻ trong lần gặp ông Ba Quốc khi thầy trò tôi đến chào để về nước: "Nếu lực lượng Khmer Đỏ vẫn còn thì sẽ chưa có hòa bình tại Campuchia. Có thể mười năm tới Campuchia vẫn còn nguy cơ rơi vào nội chiến. Hiện nay, mọi người đều nói về hòa bình tại Campuchia, nhưng viễn cảnh hòa bình của mỗi phe phái, mỗi nước can dự vào Campuchia lại hoàn toàn khác nhau. Vậy thì chúng ta chọn nền hòa bình nào?".

Cũng trong thời gian này ở chiến trường, có một số trận đánh then chốt của lực lượng Đảng Nhân dân Campuchia gặp khó khăn lớn, như chiến dịch ở Tây Bắc Campuchia, một số đơn vị của bạn bị Khmer Đỏ bao vây, đánh tiêu hao, phải bỏ trận địa chạy về. Lúc ấy, ta phải đưa một đơn vị quay lại giúp bạn đánh chiếm lại các khu vực Battambang, Ta Xanh Xam Lot. Nhưng khi Việt Nam rút quân về thì phía bạn lại rơi vào thế giằng co. Hay trước dự báo là sau khi ký Hiệp định Paris, việc đầu tiên UNTAC sẽ tiến hành là giải giáp vũ khí của bạn. Vũ khí lúc đó là do Việt Nam và Liên Xô giúp bạn, trong đó có rất nhiều vũ khí hiện đại như xe tăng, pháo... Vấn đề là phải xử lý số vũ khí đó như thế nào? Không lẽ đem đi đập, đi đốt? Hay đành chấp nhận phải "giải giáp" theo đúng ý đồ của Khmer Đỏ và các thế lực đứng sau chúng?

Chính vì lẽ đó, tình hình ở Campuchia lúc bấy giờ chưa biết tiếp theo sẽ như thế nào và cũng chưa biết quan hệ Việt Nam - Campuchia sẽ được định hình ra sao. Những ai không hiểu đã đặt ra rất nhiều câu hỏi đại loại như: Đây mới là bước khởi đầu mà đã khó khăn như thế, liệu ký Hiệp định Paris rồi sẽ thế nào? UNTAC vào thì sẽ như nào? Tình trạng đa đảng tại Campuchia sẽ ra làm sao?...

Có thể nói bấy giờ xu hướng hoài nghi sự vững vàng của Việt Nam trong bàn cờ lớn ở Campuchia nổi lên rất mạnh.

Trước những thách thức và câu hỏi như vậy, ông Ba Quốc nhận định: Thứ nhất, ta rút quân về là để phục vụ chiến lược đối ngoại nên phải tuân thủ nghiêm túc, triệt để. Thứ hai, từ nay trở đi sẽ giúp bạn thông qua cơ chế

chuyên gia, nhưng cơ chế này sẽ không tồn tại lâu dài, dài nhất là đến khi Hiệp định Paris được chính thức ký kết và UNTAC vào. Thứ ba, vẫn phải tiếp tục bám địa bàn, phải chuẩn bị để sẵn sàng khi cần thiết và có yêu cầu từ phía bạn.

Đối với tình hình ở Campuchia, muốn hiểu được nó thì nhất thiết phải nắm được ý đồ của các nước lớn liên quan. Từ đó mới dự báo được những diễn biến có tính chiến lược ở Campuchia, tránh được bất ngờ chiến lược tại địa bàn này. Đấy là vấn đề rút ra được khi thầy trò tôi hoàn thành nhiệm vụ từ biên giới phía Bắc trở về.

HIỆP ĐỊNH HÒA BÌNH PARIS

Từ ngày 30 tháng Bảy năm 1989, Hội nghị Paris về Campuchia được triệu tập dưới sự đồng chủ trì của Pháp và Indonesia. Hội nghị kéo dài 27 tháng cho tới khi đạt được sự thống nhất để ký kết Hiệp định Hòa bình vào tháng Mười năm 1991.

Hiệp định Hòa bình Campuchia được ký kết tại Paris bởi 19 quốc gia vào ngày 23 tháng Mười năm 1991, nhằm mục đích chấm dứt cuộc nội chiến giữa một bên là Nhà nước Campuchia và bên kia là liên minh các lực lượng gồm Khmer Đỏ (Campuchia Dân chủ), FUNCIPEC (phe Bảo hoàng) và FNCPK (phe Cộng hòa). Thỏa thuận này đã dẫn tới việc triển khai sứ mệnh gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc thông qua mô hình UNTAC, đóng vai trò như một chính quyền quốc gia.

Hiệp định này là kết quả của quá trình hòa hợp, hòa giải dân tộc của Campuchia với sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế. Đây cũng là kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài chống lại chế độ diệt chủng của Khmer Đỏ. Một hiệp định đầy cam go, khó khăn, đòi hỏi sự nỗ lực cố gắng của cả ta và bạn, cả trên bàn đàm phán, diễn biến quân sự trên thực địa lẫn trên mặt trận ngoại giao rộng lớn gồm hầu hết các nước lớn, các quốc gia ASEAN... Nhưng kết quả của nó cũng vẫn chưa thuyết phục được nhiều luồng ý kiến khác nhau, cả ở phía ta và phía bạn. Bản thân nhân dân, chính quyền và lực lượng vũ trang của bạn khi đó cũng chưa hình dung được đầy đủ các diễn biến tiếp theo của tình hình chính trị tại Campuchia sẽ như thế nào.

Để thích ứng với những thay đổi của đất nước trong bối cảnh mới, nội bộ Đảng Nhân dân Campuchia có những sự đổi mới quan trọng: Đại hội bất thường của đảng quyết định đổi tên từ Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia (CRPP) thành Đảng Nhân dân Campuchia (CPP). Quan trọng hơn là thay vai từ Tổng Bí thư thành Chủ tịch đảng. Các chức vụ Chủ tịch đảng, Phó Chủ tịch đảng và Chủ tịch danh dự của Đảng Nhân dân đều được kiện toàn lại. Cơ chế tổ chức và hoạt động của đảng thay đổi, chấp nhận cơ chế xã hội đa nguyên, đa đảng. Đây là bước thay đổi cơ bản để tiến hành đường lối Cách mạng dân chủ nhân dân với ba yếu tố then chốt: Dân tộc; Quốc vương; Phật giáo.

Khi chúng tôi báo cáo với ông Sáu Nam và ông Ba, cả hai người đều đồng tình: "Bạn thay đổi như vậy là đúng,

mà không muốn thay đổi cũng không được". Ông Sáu Nam và ông Ba cho rằng đây là con đường tất yếu mà Campuchia phải lựa chọn.

Sau khi Hiệp định được ký kết, UNTAC bắt đầu thiết lập quyền kiểm soát tại Campuchia và xúc tiến chuẩn bị cho cuộc tổng tuyển cử dưới sự bảo trợ của Liên Hợp quốc. Xu thế chung tại Campuchia nổi lên ba vấn đề. Đầu tiên là sự chi phối của các nước lớn. Tiếp theo đó là sự can dự của các nước trong khu vực mà trực tiếp nhất là ASEAN và Việt Nam. Cuối cùng là các vấn đề nội bộ Campuchia, trong đó nổi lên là mối quan hệ thù địch, chống phá lẫn nhau nhưng vẫn phải "ngồi cùng mâm" giữa các đảng phái chủ chốt như: Đảng Nhân dân Campuchia, FUNCIPEC, Srayka và Khmer Đỏ. Bên cạnh đó là vai trò ảnh hưởng của cá nhân Quốc vương Sihanouk và cũng không thể không nhắc đến vai trò đang ngày càng nổi bật của Thủ tướng Hun Sen với tư cách người lãnh đạo Đảng Nhân dân đồng thời nắm chính quyền ở Campuchia.

Hiệp định Hòa bình Paris đã ký kết, nhưng nhân dân, chính quyền và lực lượng vũ trang của Campuchia đều không tưởng tượng được các diễn biến tiếp theo sẽ như thế nào.

Trên thực tế, tình hình Campuchia khi đó rất hỗn loạn. Doanh trại, đồn bốt và lực lượng quân sự của Khmer Đỏ và các phe phái chống đối khác khi đó có mặt tại tất cả ba tuyến: nội đô, các tỉnh và biên giới. Chúng đẩy mạnh tuyên truyền, lôi kéo nhân dân để chống lại Đảng Nhân dân Campuchia. Các lực lượng chống đối từ vùng nông thôn,

rừng núi kéo về Phnom Penh lập doanh trại, bố trí phòng thủ, cả lính lẫn quan tranh thủ ăn chơi xả láng, làm cho tình hình trật tự, trị an trở nên hỗn loạn.

UNTAC vào tiếp quản, giải tán tất cả chính quyền, quân đội và tiến hành một chế độ đặc thù ở Campuchia. Trong bối cảnh đó, có quan điểm cho rằng UNTAC thực chất là Mỹ. Có nghĩa là có một bộ phận cán bộ của ta và bạn coi Liên Hợp quốc là... "địch".

Mà cũng gần đúng như thế thật, vì UNTAC vào nói là để giải giáp các lực lượng vũ trang ở Campuchia, nhưng đối tượng đối phó và giải giáp chủ yếu là lực lượng của Đảng Nhân dân... Thậm chí, UNTAC còn đưa các kẻ thù của Việt Nam cùng vào. Chính vì vậy, nảy sinh một nhiệm vụ mới với chúng tôi là trước khi UNTAC vào phải nắm được UNTAC, tìm hiểu về nhu cầu và ý định của UNTAC ở Campuchia.

Mấy tháng sau đó, UNTAC bắt đầu ùn ùn kéo vào Campuchia. Có thể hình dung cả quả đồi ở Kompong Som bị san phẳng để chứa hàng nghìn ô tô, xe vận tải, trang bị hậu cần..., riêng một chi tiết ấy thôi đã thấy sự hùng hậu của một đội quân Liên Hợp quốc trước nay chưa từng có. Cả một xã hội Campuchia thời ấy giống như miền Viễn Tây nước Mỹ thời xa xưa. Các loại vũ khí được mua bán nhộn nhịp như rau ngoài chợ: Khẩu súng ngắn giá 600 đô la, khẩu AK giá 800 đô la,... Giá súng rẻ, đơn giản vì súng quá nhiều, lúc đó giải giáp vũ khí nên tâm lý bán luôn súng để kiếm tiền, đỡ phải mang đi nộp. Rồi ô tô, xe máy cũ cũng chất chồng như củi. Có lẽ trừ tên lửa vác vai với

xe tăng là không thấy bán, các vũ khí khác bán đầy khắp mọi nơi - một xã hội vô chính phủ.

UNTAC vào Campuchia đưa theo 20.000 quân, cùng với lực lượng này là khối lượng vật chất khổng lồ, thay đổi hẳn bộ mặt Phnom Penh và các đô thị. Chính phủ bị giải tán không còn cầm quyền, UNTAC nắm quyền và thực hiện quản lý xã hội. Nhưng "thằng Tây" từ xứ nào đến Campuchia thì biết gì mà nắm? Nên Campuchia trở thành một xã hội lộn xộn, nửa Tây nửa ta chẳng giống ai.

Tại những "cánh đồng hoang" dựng lên những khu lều tranh chứa toàn gái điếm. Số gái điếm đông gần bằng số lính UNTAC - có thể gọi là một thành phố mại dâm, đủ các màu da, sắc tộc. Trong xã hội như thuở hồng hoang ấy, nếu thuê bắn một người chỉ mất 500 đô la, có những miếng đất mua khoảng 2 cây vàng, sau một thời gian bán 100 cây... Một xã hội nơi ăn mày làm tỷ phú sau một đêm, còn đại gia trở thành ăn mày chỉ trong chốc lát, một môi trường rất nhộn nhạo, buồn cười. Sống trong xã hội ấy hoàn toàn phải tự bươn chải bằng bản năng sinh tồn và năng lực cá nhân.

UNTAC vào theo hình thức là lực lượng Gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc. Tư lệnh lực lượng UNTAC tại Campuchia là người Nhật, vì Nhật Bản phụ trách khu vực Đông Á và là nước có vai trò quan trọng, bỏ nhiều tiền nhất cho chi phí của UNTAC tại Campuchia. Bên cạnh đó có hai bộ phận quản lý: dân sự và quân sự.

Bộ máy dân sự quản lý xã hội, thay chính phủ điều hành toàn bộ quốc gia, còn quân sự thì riêng, đi theo dạng

phái bộ, không liên quan đến nhau. Theo đó, quân đội của mỗi nước tham gia lực lượng UNTAC được tổ chức thành một phái bộ. Các phái bộ đó thuê hẳn một khu đất rộng mênh mông làm doanh trại. Chỉ trong vài tháng, nơi đóng quân của các phái bộ được xây dựng như một thành phố nhỏ, nào là doanh trại, làm đường nhựa, lập shop bán đồ, quán bar, trạm y tế... Một xã hội thu nhỏ, đảm bảo phục vụ cho lực lượng của mỗi nước đóng quân.

Một câu hỏi khác được đặt ra là UNTAC sẽ quản lý xã hội Campuchia như thế nào? Mục đích chính của họ là gì? Nhờ bám sát địa bàn, nên chúng tôi đã nhanh chóng nhận ra một trong những mục đích quan trọng nhất của UNTAC là tìm xem Việt Nam có vi phạm hiệp định hay không? Vi phạm cái gì? Có cài bộ đội ở lại không? Cài để làm gì? Có giúp Đảng Nhân dân Campuchia về quân sự không? Tình báo Việt Nam có tiếp tục hoạt động tại Campuchia không? Vân vân và vân vân.

Để áp đặt sự kiểm soát và trả lời các câu hỏi trên, UNTAC đã tiến hành ngăn sông cấm chợ suốt toàn tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia. Họ kiểm soát rất chặt dòng người Việt, các công ty và hàng hóa của Việt Nam. Thậm chí một cân gạo của Việt Nam mang sang Campuchia cũng bị tra xét. Tâm lý bài Việt của người Campuchia cũng bị các đảng phái đối lập, phản động kích động lên cao theo kiểu "kỳ thị Duôn, đánh cho Duôn bỏ chạy về Việt Nam".

Bối cảnh đó mới thấy giá trị của danh nghĩa công khai, của thẻ xanh do UNTAC cấp quý như thế nào,

có mảnh giấy đó đi đâu cũng trót lọt, nhưng nếu cá nhân, hay doanh nghiệp nào dính líu tới Việt Nam thì khó lòng lấy được.

Đó là những hệ quả trực tiếp sau khi Hiệp định Paris về Campuchia được ký kết.

TÌM ĐƯỜNG TRỞ LẠI

Khi chúng tôi nhận nhiệm vụ quay trở lại Campuchia, việc đầu tiên cần làm là nắm tình hình chung và làm quen với trạng thái mới để hoạt động. Việc tiếp theo là dự báo đặc điểm tình hình mới khi Hiệp định Paris được ký kết, ý đồ các phe phái và hoạt động của họ. Nắm được vấn đề này thì nắm được tình hình chung của Campuchia.

Trong bối cảnh Campuchia có sự hiện diện của UNTAC, ông Ba Quốc nhận định tình hình sắp tới sẽ rất khó khăn khi các đơn vị của ta phải rút hết về nước, phía ta cũng cho nghỉ nhiều cán bộ thông thuộc địa bàn Campuchia vì đã bị lộ. Nhưng ông Ba khẳng định dù khó mấy cũng phải làm, phải tìm cách quay lại và bổ sung thêm cán bộ cho địa bàn Campuchia (và khi ấy ông vẫn gọi là "chiến trường" Campuchia). Ngoài ra, ông cho rằng phải sử dụng danh nghĩa của các nước khác để duy trì hoạt động, cũng như phải mở ra các hoạt động kinh tế danh nghĩa công khai để thực hiện nhiệm vụ. Nhận định trên của ông Ba được đúc kết từ bài học kinh nghiệm khi chúng tôi hoạt động tại Đông Âu vài năm trước đó.

Hai thầy trò tôi ra báo cáo ông Sáu Nam. Ông chỉ đạo: Phải thực hiện nghiêm Hiệp định Paris. Muốn vậy, cần nắm chắc tình hình chung, hiểu rõ hoạt động của UNTAC, trong đó có các hoạt động liên quan tới Việt Nam. Cần nắm tình hình của các phe chống đối, đặc biệt là Khmer Đỏ, phải gắn Khmer Đỏ với tội ác diệt chủng của chúng bởi vì đây chính là ngọn cờ đấu tranh mà Đảng Nhân dân Campuchia đã lựa chọn. Ông Sáu Nam cũng yêu cầu chúng tôi phải liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với bạn, hỗ trợ bạn để từng bước phát triển hoạt động, cung cấp thông tin và đề xuất tham mưu kịp thời phục vụ cho lãnh đạo Đảng Nhân dân Campuchia.

Để thực hiện ý kiến chỉ đạo của ông Sáu, công tác chuẩn bị cho nhiệm vụ mới được triển khai, trong đó ông Ba yêu cầu phải tập trung giải quyết hai vấn đề là chuẩn bị về cán bộ và chuẩn bị về danh nghĩa công khai.

Tại thời điểm đó, UNTAC và các thế lực thù địch có xu hướng ngày càng kỳ thị người Việt Nam ở Campuchia, nên chúng tôi gặp nhiều khó khăn. Nhưng quan trọng hơn là khi UNTAC vào thì đối tượng chủ yếu săn tìm của họ chính là các lực lượng của ta, nhằm tố cáo Việt Nam chưa thực sự rút quân, không nghiêm chỉnh thực thi Hiệp định Paris. Vì vậy, mọi đổ vỡ ở Campuchia đều có tác hại về mặt chiến lược, chỉ cần một người bị bắt mà có chứng cứ là bộ đội Việt Nam được cài lại ở Campuchia thì lập tức bị đưa ra Liên Hợp quốc. Thậm chí, khi UNTAC vào, cứ người nào da vàng, nói giọng Bắc là bị bắt, lý do như thế nào tính sau. Việc truy lùng bộ đội Việt Nam do UNTAC làm rất gắt gao. Khổ nhất là những người Việt ở lại và

lấy vợ Campuchia, sau khi bộ đội ta rút quân họ đi đâu, làm gì cũng bị nghi là tình báo, Quân đội Việt Nam cài cắm lại. Các công ty, tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam vào Campuchia cũng gặp nhiều khó khăn

Câu hỏi làm sao để trở lại cứ đau đáu trong đầu chúng tôi.

Bấy giờ cũng không ai nghĩ lấy danh nghĩa xuất thân từ một nước khác, vì thực sự lúc đó mình không có khả năng. Thực tế lúc đó ta cũng chưa làm tình báo ngoại, chỉ loanh quanh trong nước và một số nước láng giềng nên việc tìm danh nghĩa công khai cho cả tổ công tác là rất khó.

Bản thân tôi quay lại Campuchia hai lần bằng hộ chiếu Việt Nam - tức là con đường bán chính thức cũng vô cùng khó khăn. Ví dụ khi sang ở khách sạn, thì tốt nhất phải là khách sạn 5 sao vì ở đó mình lẫn với các nhóm người nước ngoài thì mới được yên. Còn nếu sử dụng danh nghĩa người Việt Nam mà ở khách sạn toàn người Campuchia hoặc thuê nhà thì suốt ngày cảnh sát đến hỏi han, truy vấn.

Đúng vào thời điểm đó, tôi nhớ tới cơ duyên là mối quan hệ với gia đình ông Nguyễn Thụ - Cục trưởng Cục Điện ảnh.

Ông Thụ là người hào hoa, đẹp lão, tốt bụng, vốn có quan hệ thân thiết với gia đình tôi từ trước. Trong một lần đến chơi nhà ông, tôi gặp nhóm người của một hãng phim Hong Kong mà giám đốc là J.L. Qua ông Thụ, J.L. biết tôi từng ở Campuchia nên ông ta đặt vấn đề: "Anh có quen ai bên đó thì có thể giúp tôi sang Campuchia bán băng đĩa".

Thị trường băng đĩa Campuchia lớn hơn thị trường Việt Nam, người xem lại dễ tính hơn, phim gì cũng bán được. Nhưng lúc đó tình hình ở Campuchia gắt quá, tôi cũng không quan tâm. J.L. cũng "gạ" mấy lần, nhưng câu chuyện đó tôi quên bẵng, cho đến khi vấn đề quay lại Campuchia được đặt ra thì tôi lại chợt nhớ tới lời đề nghị của J.L. Đây chính là gợi ý về việc quay sang Campuchia bằng danh nghĩa của hãng phim Hong Kong.

Tôi quay lại gặp ông Thụ nhờ giúp kết nối với J.L., bảo rằng có thể giúp ông ta mở văn phòng đại diện ở Campuchia, nhưng có hai điều kiện: Một là ông ta bỏ tiền và tiêu thụ băng đĩa ở đó, lời ăn, lỗ chịu. Nhưng công ty phải do người của tôi làm giám đốc và sẽ không tham gia vào việc làm ăn (vì giám đốc mới có thẻ xanh); hai là ông ta giới thiệu tôi với cộng đồng ngoại kiều ở Campuchia. Tôi đưa điều kiện này vì trước đây nghe ông ta giới thiệu có nhiều người quen, bạn bè, họ hàng ở bên Campuchia nhưng không có đường để qua đó. Ông Thụ hiểu việc của tôi nên nhiệt tình giúp đỡ.

Sau đó J.L. làm bộ hồ sơ xin thành lập văn phòng đại diện hãng phim Hong Kong ở Campuchia. Ông ta giữ đúng lời hứa, bổ nhiệm cậu Thạnh làm Trưởng Đại diện, ban đầu chỉ là danh nghĩa, nhưng sau thấy Thạnh có vẻ hợp với nghề này, bán băng đĩa lời quá, J.L. giao luôn cho làm giám đốc thực quyền. Bằng những mối quan hệ ở Campuchia, chúng tôi lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ mới. Tôi giao cho Thạnh sang trước nghiên cứu thành lập chi nhánh, thuê nhà, và đặc biệt nghiên cứu xin "thẻ xanh" ở Campuchia để có thể đi lại dễ dàng mọi nơi, vì lúc

đó vẫn mang hộ chiếu Việt Nam nhưng đăng ký nhân sự là của hãng phim Hong Kong.

Tôi dặn Thạnh:

- Sau vài tuần tôi sẽ sang, lúc đó sẽ để liên lạc gặp cậu, nhớ kiểm tra quy ước thường xuyên!

Quy ước gặp nhau của ngành thì rối rắm lắm, nhưng phải có hai điều kiện bắt buộc: Một là mọi dấu hiệu đều phải tuyệt đối bình thường, không ai có thể ngờ là có bàn tay con người sắp xếp. Hai là phải tuyệt đối không nhầm lẫn - có nghĩa là không thể có bất kỳ một cử chỉ vô tình nào của người khác có thể tạo nên một tín hiệu nhầm lẫn.

Tôi giao hẹn với Thạnh:

- Chiều thứ Sáu tuần nào cậu cũng phải qua Đài Độc Lập, tôi sẽ lấy vòng bông bưởi treo ở đó, cứ theo đó mà đến địa điểm đã hẹn tương ứng.

Nhưng Thạnh đi cả tháng không liên lạc được về, tổ chức giao thông thì bị đứt. Đánh tín hiệu liên lạc thì không thấy trả lời, bặt vô âm tín...

Cho đến lúc Phòng N nhận chỉ thị từ cấp trên là sớm quay trở lại Campuchia để nắm tình hình, thì thực tế chúng tôi đã thiết lập được một tổ do Thạnh nằm sẵn ở đấy rồi. Khi có chỉ thị thì Tổ trưởng lên Phnom Penh để liên lạc và tổ chức lại hoạt động. Khi lên đến nơi, theo đúng hẹn vào chiều thứ Sáu, khoảng 2 - 3 giờ tôi ra Đài Độc Lập ở Phnom Penh. Tôi ra sát giờ hẹn, nhưng khi tới nơi thì ngã ngửa: Khu vực đó đã bị phá bỏ, cải tạo lại thành một công viên mới khang trang và đẹp đẽ tự bao giờ rồi. Vì vậy mà đứt liên lạc, không sao tìm được Thạnh. Cậu ta lặn mất tiêu.

Đi tìm kiếm, hỏi han thì sợ UNTAC dò ra dễ bị phát hiện, mà không tìm thì không biết Thạnh ở đâu. Thế là tôi nghĩ đến thói quen trước đây của cậu ta hay ăn uống chỗ này, chỗ kia, nên đến tìm và cho người ém chờ ở đó. Vẫn nhớ cô hàng lẩu bò vỉa hè chúng tôi từng hay ghé qua ăn, nhưng lần này tới vẫn không thấy Thạnh.

Cuối cùng cũng dò được cậu ta ở một khu ổ chuột tại Phnom Penh. Thạnh thuê một cái nhà nhỏ trong khu đó, nhưng suốt ngày đóng cửa, không tiếp khách, không nói chuyện với ai. Tôi vẫn nhớ buổi chiều tối hôm đó đập cửa rồi tìm gặp được Thạnh, dù mừng, nhưng tôi vẫn trách:

- Nếu không thấy tín hiệu gọi thì cũng phải tìm cách liên lạc về chứ?

- Em đâu có biết. Mà tình hình này làm sao mà liên lạc được?

- Thế bấy đến giờ cậu làm gì ở đây? - Tôi hỏi.

Thấy Thạnh ngại ngùng, tôi xộc vào trong phòng thì thấy một đống băng video, mở ra kiểm tra té ra việc Thạnh đang làm không phải là "phiên dịch" hay "giám đốc" gì cả mà là chuyển ngữ phim "người lớn" từ tiếng Hoa sang tiếng Anh và tiếng Khmer để bán cho lính UNTAC và người dân Campuchia (mà thật ra phiên dịch cái thứ này đâu cần biết chữ). Bắt đầu từ đó, chúng tôi có chỗ đứng chân ở Campuchia và dần dần đưa thêm người lên.

Thật may mắn hồi đó chúng tôi đã sang được Campuchia sớm và xây dựng ít nhất một vài danh nghĩa công khai đứng chân. Để có được chỗ trú ngụ hợp pháp, được tự do đi lại, tham gia vào các hoạt động xã hội là

Đi tìm kiếm, hỏi han thì sợ UNTAC dò ra dễ bị phát hiện, mà không tìm thì không biết Thạnh ở đâu. Thế là tôi nghĩ đến thói quen trước đây của cậu ta hay ăn uống chỗ này, chỗ kia, nên đến tìm và cho người ém chờ ở đó. Vẫn nhớ cô hàng lẩu bò vỉa hè chúng tôi từng hay ghé qua ăn, nhưng lần này tới vẫn không thấy Thạnh.

Cuối cùng cũng dò được cậu ta ở một khu ổ chuột tại Phnom Penh. Thạnh thuê một cái nhà nhỏ trong khu đó, nhưng suốt ngày đóng cửa, không tiếp khách, không nói chuyện với ai. Tôi vẫn nhớ buổi chiều tối hôm đó đập cửa rồi tìm gặp được Thạnh, dù mừng, nhưng tôi vẫn trách:

- Nếu không thấy tín hiệu gọi thì cũng phải tìm cách liên lạc về chứ?

- Em đâu có biết. Mà tình hình này làm sao mà liên lạc được?

- Thế bấy đến giờ cậu làm gì ở đây? - Tôi hỏi.

Thấy Thạnh ngại ngùng, tôi xộc vào trong phòng thì thấy một đống băng video, mở ra kiểm tra té ra việc Thạnh đang làm không phải là "phiên dịch" hay "giám đốc" gì cả mà là chuyển ngữ phim "người lớn" từ tiếng Hoa sang tiếng Anh và tiếng Khmer để bán cho lính UNTAC và người dân Campuchia (mà thật ra phiên dịch cái thứ này đâu cần biết chữ). Bắt đầu từ đó, chúng tôi có chỗ đứng chân ở Campuchia và dần dần đưa thêm người lên.

Thật may mắn hồi đó chúng tôi đã sang được Campuchia sớm và xây dựng ít nhất một vài danh nghĩa công khai đứng chân. Để có được chỗ trú ngụ hợp pháp, được tự do đi lại, tham gia vào các hoạt động xã hội là

vô cùng khó. Còn đương nhiên danh nghĩa công khai với người dân thì quá... bình thường.

Về tuyến giao thông mà chúng tôi xây dựng được dưới danh nghĩa hãng phim Hong Kong từ Thành phố Hồ Chí Minh sang Campuchia, nói buồn cười chứ lúc đó gây khó khăn nhất lại chính là hải quan bên mình, còn bên Campuchia thì người Campuchia và UNTAC đi lại thoải mái, nếu có tý phong bì cho các "Lục Thum" là qua hết.

Ngay cả việc đi lại thực hiện nhiệm vụ ấy cũng nhiều chuyện để nhớ. Sang Campuchia ngày đó, ngay xe ô tô thôi cũng phải có kinh nghiệm, đó là đi xe của Việt Nam sang thì vẫn được, nhưng tốt nhất khi sang thì để xe ở cửa khẩu, rồi bắt xe khách đi tiếp tới Phnom Penh. Nếu là sếp thì có xe đón ở bên Phnom Penh, không thì cứ đi xe đò chạy từ biên giới về đến Phnom Penh mất khoảng 3 - 4 tiếng, đó là phương án an toàn nhất. Còn nhớ hồi đó, xe 4 chỗ chỉ mua khoảng 4.000 - 5.000 đô la một chiếc mà mỗi xe nhồi nhét khoảng 10 - 12 người. Xe thì bé mà chở cả đống người, nhét như gà vịt trong lồng, tuy nhiên, an toàn nhất là đi theo đường đó.

Tôi còn nhớ có một lần ông Ba kêu tôi, Tư Ẩn, Thạnh và một vài anh em khác lên cửa khẩu Mộc Bài mấy ngày trời. Ông đi bộ đến tận đường biên giới Campuchia, ra gặp mấy tay lái xe taxi... Khi về Thành phố Hồ Chí Minh, ông Ba kêu tôi: "Từ bây giờ, thôi không sử dụng xe đơn vị đi lên biên giới. Tất cả bên này đi xe đò, sang bên kia đi xe taxi". Việc chúng tôi thành công là xây được cơ sở đứng chân và hợp thức hóa được một số ít cán bộ, vẫn lấy hộ chiếu người Việt chứ không đổi hộ chiếu, mặc dù đổi qua

hộ chiếu Campuchia rất dễ. Lúc đó một cái hộ chiếu thật mất 200 - 300 đô la là ngon lành, còn hộ chiếu rởm thì chỉ 50 đô la. Nhưng chúng tôi không làm vậy, vì nếu họ phát hiện ra thì mình lại thành bất hợp pháp, vi phạm pháp luật.

Cho nên, khi Hiệp định Paris ký kết xong thì các đơn vị khác rất bối rối bởi việc đầu tiên UNTAC vào là thay toàn bộ lực lượng canh gác ở các cửa khẩu với Việt Nam. Họ thanh lọc, tìm cho bằng được bộ đội Việt Nam cài cắm lại Campuchia để có bằng chứng tố cáo ta vi phạm hiệp định. Thành ra các đơn vị khác thời điểm đó chơi vơi hết, chỉ có đơn vị chúng tôi "rung đùi", yên tâm vì đã có hệ thống hoàn chỉnh, gồm danh nghĩa công khai hợp pháp, tuyến giao thông ổn định và bộ máy chỉ đạo tại chỗ rất an toàn.

Còn nhớ lúc bấy giờ đặt ra vấn đề là có dùng thiết bị kỹ thuật không? Hai thầy trò bàn với nhau là không dùng, vì mình không cách bức gì xa xôi, cần thì chạy về, chứ xài đồ đặc dụng ở đó mà bị người ta ngó thấy thì phiền lắm.

Suốt trong quá trình đó, ông Ba vẫn dặn tôi:

- Quan hệ cá nhân với bạn, cậu vẫn phải giữ. Làm gì thì làm, cậu chỉ lo một việc thôi, là giữ cho được quan hệ với cán bộ của bạn và nhớ chỉ có cậu mới vào được.

Ông Ba bảo tôi: "Sẽ đến lúc chúng ta phải làm việc với bạn. Vì vậy, trong thời gian tới cậu nên tập trung vào các mối quan hệ với bạn. Còn với việc thường ngày thì cậu giao cho người khác làm". Vì vậy, thời gian đó tôi thường xuyên giữ liên lạc và quan hệ cá nhân với nhiều người bạn Campuchia tâm huyết để chia sẻ khó khăn, thậm chí có khi chỉ cầm chai rượu mỗi lần tới gia đình để thăm chơi, nhắc lại tình cảm anh em thời Quân tình nguyện Việt Nam đóng quân ở đó.

Ông Ba dặn tôi về cách ứng xử với từng người: "Bây giờ càng phải gắn kết với bạn bè Campuchia, dù thế nào cũng phải giúp họ bằng được. Tuy còn khó khăn, nhưng tôi sẽ lo mọi thứ để cậu làm tốt việc này".

Thời điểm đó cũng chính thức thành lập Tổ C. Vì lần trước sang Campuchia hồi năm 1984, tôi công tác ở Đội X, nên hầu như không quan hệ với bạn, không tham gia các hoạt động công khai, cơ bản không bị lộ mặt. Mà hồi đó tôi cũng là lính mới, "bé tý", chẳng ai để ý. Nhiệm vụ Phòng N thời trước cũng may là khép kín, nên rất thuận lợi cho lần quay trở lại này. Như vậy trong giai đoạn này, chúng tôi đã xây dựng xong Tổ C, coi như hoàn thành nhiệm vụ xây dựng tuyến giao thông từ Thành phố Hồ Chí Minh sang Phnom Penh. Con đường ấy nôm na là đưa băng đĩa lậu từ Hồng Kông sang bán ở Campuchia.

Ngoài ra nhờ công ty liên doanh của H.B. (người bạn từng giúp chúng tôi hồi đi Nga năm trước) chúng tôi thành lập một công ty liên doanh về kiến trúc, xây dựng, dịch vụ bất động sản ở Phnom Penh cũng do Thạnh làm Giám đốc. Nhưng cũng chẳng có nhà cửa gì mà xây, chủ yếu là dựa vào mấy ông "xì thầu" làm "cò" đất, thế mà bán hay mua được miếng nào cũng được chia một ít, có tiền nộp quỹ đơn vị.

Lúc bấy giờ, chúng tôi tìm hiểu được hai nhu cầu cấp thiết của lính UNTAC, một là nước đóng chai cho lính UNTAC (sau những năm 90, nước đóng chai đầu tiên của Việt Nam sản xuất chính là từ Campuchia đem về). Hồi đó UNTAC không dùng nước máy, nước đun, mà phải có nước sạch, thậm chí nước cho họ tắm cũng phải lọc, không có

thì phải mua nước đóng chai về cho họ tắm. Tuy nắm được nhu cầu này, nhưng chúng tôi không đủ khả năng làm nước sạch.

Vì vậy, lại tìm hiểu về nhu cầu thứ hai, đó là rau sạch. Thời ấy Campuchia đã sôi động chuyện cung cấp rau sạch, thịt sạch rồi, rất nhiều công ty thực hiện đấu thầu vào thị trường này. Lúc ấy, thông qua phái bộ Australia, có một công ty của Thái Lan trúng thầu cung cấp rau sạch từ một nông trại của Australia vào Campuchia.

Rau sạch trồng tại Campuchia lúc đó rất ít, nhưng có thì UNTAC cũng không mua, nên chủ yếu rau là nhập khẩu từ các nước sang. Trong quá trình bám địa bàn, chúng tôi đã nắm được tin tức về tình hình của một số phái bộ của UNTAC, nắm được phương thức hoạt động. Thông tin quý lắm, vì lúc đó ta chẳng hiểu gì về UNTAC cả, chỉ coi như "từ trên trời rơi xuống".

Thời điểm lúc bấy giờ, ông Ba hầu như rất "lặng". Mỗi lần tôi về nước báo cáo tình hình thì ông lại cho tiếp tục làm.

Đến bây giờ tôi vẫn không hiểu những kết quả công việc hồi đó được đánh giá như thế nào. Nhưng nội việc tồn tại Tổ C công tác ở Phnom Penh trong thời điểm ấy và có được tin tức ở cả hai hướng từ UNTAC và duy trì quan hệ với bạn là việc không hề dễ dàng.

Nói về Tổ C, phải nói về hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất từ năm 1992 - 1993, sau khi Campuchia bầu cử xong thì Tổ C về nước và giải tán. Giai đoạn thứ hai, từ năm 1997 - 1999, thành lập lại Tổ C có nhiệm vụ giúp bạn chống bạo loạn hậu bầu cử ở Campuchia, đặc biệt là các sự kiện xảy ra vào năm 1998. Cả hai lần tôi đều được bổ nhiệm làm

Tổ trưởng. Ở giai đoạn này, trong Tổ C còn có các thành viên như: Phạm Ngọc Hùng, Lưu Đức Huy, Phạm Văn Thạnh, Phan Văn Việt, Phan Anh Việt và một số đồng chí khác đã cùng nhau vượt qua rất nhiều khó khăn, nguy hiểm... nhưng cũng lập được nhiều chiến công trong thực hiện nhiệm vụ giúp bạn mà cấp trên tin cậy giao phó.

Tới năm 2007, Tổ C được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là cho thành tích ở cả hai giai đoạn ấy.

VƯỢT QUA NHỮNG THỬ THÁCH MỚI

Nhìn lại hoạt động của chúng tôi tại Campuchia, có thể nói rằng giai đoạn 1997 - 1999 gắn liền với rất nhiều biến động, rất nhiều nguy cơ có thể chuyển hóa thành công sang thất bại. Cũng trong suốt giai đoạn này, chúng tôi đã dành toàn bộ thời gian và sức lực vào địa bàn Campuchia. Đằng sau lưng chúng tôi luôn có hai người thầy lớn, đó là ông Sáu Nam với tư cách Chủ tịch nước, sau đó là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng phụ trách xử lý các vấn đề Campuchia. Người còn lại là ông Ba Quốc, người trực tiếp chỉ đạo các kế hoạch, nhiệm vụ.

Biến động chính trị nổi bật diễn ra vào thời điểm Campuchia lần đầu tiên thực hiện "trò chơi dân chủ", tức là tổng tuyển cử bầu cử ra chính phủ mới.

Bấy giờ, các phe phái được đưa lực lượng vào thủ đô Phnom Penh. Có nghĩa là Khmer Đỏ đang ở trong

rừng cũng được ra lập một căn cứ đóng ở Phnom Penh, Srayka cũng từ Thái Lan về, cùng với một căn cứ của FUNCINPEC. Nhưng tại thủ đô, lực lượng thuộc Đảng Nhân dân Campuchia vẫn giữ quyền kiểm soát chủ yếu. Như vậy, cùng một lúc có cả bốn lực lượng quân sự - chính trị đứng chân tại Phnom Penh (Đảng Nhân dân, Khmer Đỏ, FUNCINPEC và Srayka). Đó là theo điều khoản chính thức của Hiệp định Paris.

Ứng xử như thế nào giữa các lực lượng này, khi mà ngày hôm qua vừa mới đánh nhau chí tử thì hôm nay lại ngồi với nhau. Mà lực lượng quân sự vào thì cũng có nghĩa là họ đem quân lính, vũ khí vào, đóng đồn, lập bốt.

Trong thời gian chuẩn bị bầu cử, lãnh đạo Đảng Nhân dân Campuchia đã đề xuất chiến dịch biểu tình chống diệt chủng. Mặc dù lúc đó diệt chủng qua rồi, nhưng sử dụng ngọn cờ chống diệt chủng trong vận động bầu cử thì chưa ai nghĩ đến. Tôi nhớ chính Thủ tướng Hun Sen là người đã đưa ra khẩu hiệu: "Chống bè lũ diệt chủng! Chống diệt chủng quay trở lại!". Từ đó, Đảng Nhân dân đã đưa những gia đình có người thiệt mạng vì nạn diệt chủng ra đứng trước trại của Khmer Đỏ biểu tình, tố cáo, sau đó tiếp tục bước thứ hai là bạo loạn, nhưng người tham gia bạo loạn thực chất toàn là đặc công Campuchia giả làm người dân đi biểu tình, lao vào hành hung bọn Khmer Đỏ. Khmer Đỏ cứ ra đường là bị đánh, đến mức khi bầu cử xong Khmer Đỏ không chịu nổi phải rút ngay khỏi Phnom Penh, vì nếu nổ súng là vi phạm Hiệp định Paris, là mắc mưu Đảng Nhân dân, nhưng nếu không nổ súng là chấp

nhận bị đánh, mà dân đánh thì không thể làm gì được. Trớ trêu là dân gì mà khỏe như vâm, đánh đấm nhanh thoăn thoắt, đòn nào hiểm đòn ấy, còn dám lao vào tận doanh trại Khmer Đỏ mà đánh, buộc lực lượng Khmer Đỏ phải rút khỏi Phnom Penh. Có thể hiểu lý do chính là Khmer Đỏ thất cử, nhưng có lý do nữa là Khmer Đỏ không chịu được làn sóng phẫn nộ mà người dân Campuchia "trút" xuống, vì người dân hễ nghe đến diệt chủng là giận điên, hễ có sự vụ đánh đấm Khmer Đỏ là nhiệt tình tham gia ngay. Đó là câu chuyện thú vị, một ví dụ về sử dụng cơ bắp để giải quyết chính trị mà tôi được chứng kiến.

Kỳ bầu cử năm 1993, UNTAC có sử dụng loại mực chấm vào ngón tay thì rửa kiểu gì cũng không ra. Lá phiếu mà UNTAC làm rất "khôn" vì họ sợ bầu hai lần. Do dân Campuchia hồi đó phần lớn không biết chữ, lá phiếu khi bầu được dặn trước là đánh dấu theo số 1 - 3 - 5, nhưng do không biết chữ nên nhiều người lộn ngược, thành ra gạch nhầm, do đó Đảng Nhân dân bị thất cử với chỉ 38,2%, Đảng FUNCINPEC được 45,5%, còn Khmer Đỏ được rất ít phiếu.

Sau khi kết quả bầu cử được công bố, Đảng Nhân dân Campuchia chủ trương kiên quyết không chấp nhận kết quả bầu cử, thông qua nhiều hoạt động phản đối, biểu tình, từ chối không hiệp thương nhằm vô hiệu hóa kết quả bầu cử, cuối cùng là yêu cầu chia sẻ quyền lực tại các vị trí then chốt trong chính phủ mới. Đồng thời, Đảng Nhân dân Campuchia tố cáo UNTAC gian lận bầu cử. Tiếp theo, chủ động tổ chức biểu tình, bạo loạn, mấy tháng trời không sao lập được chính phủ mới. Mặc dù FUNCINPEC

chiếm hơn 45% phiếu nhưng Hiến pháp quy định 50% mới được thành lập chính phủ. Vì vậy, bắt buộc phải liên minh và phải liên minh với Đảng Nhân dân. Nhưng Đảng Nhân dân nhất quyết một mặt không liên minh, thứ hai là bác bỏ kết quả bầu cử.

Trong khi đang thực hiện đấu tranh phản đối kết quả bầu cử thì lại xuất hiện thách thức mới. Ngay cả trong nội bộ Đảng Nhân dân Campuchia cũng nảy sinh tâm lý thất vọng, không thống nhất, chia ra các luồng ý kiến khác nhau. Một bên muốn chấp nhận kết quả bầu cử, một bên không chấp nhận, tiếp tục đấu tranh nghị trường, thậm chí có bên muốn lập chiến khu để đấu tranh vũ trang.

Quan điểm chính thức của bạn và ta khi đó đều thống nhất rất rõ ràng và dứt khoát là: Các bên phải tuân thủ nghiêm Hiệp định Paris, nếu để xảy ra xung đột quân sự là phá Hiệp định; tuyệt đối không phát động chiến tranh. Đảng Nhân dân Campuchia cũng xác định nhiệm vụ đấu tranh nghị trường, tạm thời mất chính quyền nhưng không được để mất quyền lực thực tế. Bạn cũng chủ động nắm chắc quân đội, công an và đối ngoại, giương cao ngọn cờ chống diệt chủng, dựa vào sự hỗ trợ của Phật giáo và tinh thần dân tộc để tiếp tục đấu tranh. Lúc bấy giờ Việt Nam chủ trương không can thiệp vào tình hình Campuchia, nhưng luôn ủng hộ mọi chủ trương của Đảng Nhân dân.

Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, lãnh đạo Đảng Nhân dân Campuchia đã có nhiều sáng kiến không thể tin được nhằm giữ quyền lực chính trị dù đảng bị thất cử,

đó là cơ chế "Đồng". Cơ chế này bao hàm nội dung chính sau đây: Đảng FUNCIPEC và Đảng Nhân dân cùng cử người của mình giữ các chức vụ quan trọng như "đồng" Thủ tướng, "đồng" Bộ trưởng các Bộ Quốc phòng, Công an, Ngoại giao và "đồng" cả Vua Sãi. Trong quá trình đấu tranh để thực hiện cơ chế này khi mà Đảng Nhân dân Campuchia bị thất cử, bạn đã đạt được mục tiêu là phải "đồng" Bộ trưởng tại ba Bộ quyền lực, nhưng quân của phe nào thì phe đó vẫn trực tiếp chỉ huy (vì bản thân cả ba phái chống Đảng Nhân dân cũng không phái nào chịu phái nào).

Tất nhiên Đảng Nhân dân là đảng liên minh, nên trong các chức vụ "đồng" đều đảm nhiệm vai trò thứ hai, ví dụ như Thủ tướng thứ hai, Bộ trưởng Quốc phòng thứ hai... Nhưng quan trọng nhất là toàn bộ lực lượng quân đội, công an vẫn do Đảng Nhân dân kiểm soát. Chế độ "đồng" ở Campuchia kéo dài suốt 5 năm sau đó.

Trong thời gian thực hiện cơ chế "Đồng", trên thì cứ quyết, dưới lại không làm. Nhờ đó mà dù vẫn là bên thua cử, vẫn là đảng liên minh nhưng Đảng Nhân dân không mất chính quyền, đặc biệt là giữ được các lực lượng vũ trang. Lúc đó luật pháp Campuchia bắt buộc phải giải tán toàn bộ hệ thống chính trị trong quân đội, nhưng Đảng Nhân dân sử dụng phương thức sinh hoạt bí mật là "Hội đồng hương". Đây là danh nghĩa công khai truyền đạt chỉ đạo của đảng với lực lượng quân đội và công an.

Việc Đảng Nhân dân Campuchia giữ vững vai trò lãnh đạo đối với quân đội trong thời kỳ này chính là nguyên nhân

quyết định để vượt qua mọi biến cố trong các bước tiếp theo. Đặc biệt là khi xảy ra cuộc xung đột quyền lực giữa hai đồng Thủ tướng Norodom Ranariddh và Hun Sen năm 1997.

Tôi nhớ hôm đó là ngày mùng 6 tháng Bảy năm 1997 là kỷ niệm 30 năm ngày giỗ ba tôi, sau khi tôi chính thức nhận quyết định bổ nhiệm Cục trưởng Cục 12 được gần một năm. Buổi lễ làm rất trọng thể, có cả Chủ tịch nước Lê Đức Anh, các đồng chí Hoàng Anh, Tố Hữu, Bùi San,... cùng rất nhiều Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng. Hôm đó, tôi đi ăn sáng thì gặp chú Văn Duy - thư ký cũ của ba tôi. Chú ấy hỏi tôi câu đầu tiên: "Đêm qua Campuchia đảo chính, tình hình thế nào?". Tôi ngớ ra không biết gì cả. Đã thế ông Văn Duy còn bồi thêm câu: "Ô hay, Campuchia có đảo chính mà Cục trưởng 12 giờ này không biết gì à?". Tôi giật mình, toát mồ hôi chạy xuống để tìm đường liên lạc nắm tình hình. Cũng rất may là vừa kịp nắm tình hình sơ bộ xong quay trở vào phòng ăn, thì gặp ông Sáu Nam, lúc đó cũng xuống ăn sáng. Tôi chủ động đến gặp ông Sáu Nam để báo cáo sơ bộ việc mới xảy ra sau nửa đêm nên diễn biến mới chỉ có vậy. Ông Sáu bảo: "Hôm nay là ngày lễ quan trọng của ba cháu, nhưng ở đây có gia đình rồi. Cháu dự buổi sáng, sau đó chuẩn bị lên đường đi Campuchia sớm".

Cuộc xung đột năm 1997 nổ ra tại Campuchia khi các lực lượng vũ trang của Đảng FUNCIPEC dựa vào sự hỗ trợ của quân Khmer Đỏ đã có các hành động nổ súng tấn công binh sỹ của Đảng Nhân dân. Tuy nhiên, lực lượng

quyết định để vượt qua mọi biến cố trong các bước tiếp theo. Đặc biệt là khi xảy ra cuộc xung đột quyền lực giữa hai đồng Thủ tướng Norodom Ranariddh và Hun Sen năm 1997.

Tôi nhớ hôm đó là ngày mùng 6 tháng Bảy năm 1997 là kỷ niệm 30 năm ngày giỗ ba tôi, sau khi tôi chính thức nhận quyết định bổ nhiệm Cục trưởng Cục 12 được gần một năm. Buổi lễ làm rất trọng thể, có cả Chủ tịch nước Lê Đức Anh, các đồng chí Hoàng Anh, Tố Hữu, Bùi San,... cùng rất nhiều Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng. Hôm đó, tôi đi ăn sáng thì gặp chú Văn Duy - thư ký cũ của ba tôi. Chú ấy hỏi tôi câu đầu tiên: "Đêm qua Campuchia đảo chính, tình hình thế nào?". Tôi ngớ ra không biết gì cả. Đã thế ông Văn Duy còn bồi thêm câu: "Ô hay, Campuchia có đảo chính mà Cục trưởng 12 giờ này không biết gì à?". Tôi giật mình, toát mồ hôi chạy xuống để tìm đường liên lạc nắm tình hình. Cũng rất may là vừa kịp nắm tình hình sơ bộ xong quay trở vào phòng ăn, thì gặp ông Sáu Nam, lúc đó cũng xuống ăn sáng. Tôi chủ động đến gặp ông Sáu Nam để báo cáo sơ bộ việc mới xảy ra sau nửa đêm nên diễn biến mới chỉ có vậy. Ông Sáu bảo: "Hôm nay là ngày lễ quan trọng của ba cháu, nhưng ở đây có gia đình rồi. Cháu dự buổi sáng, sau đó chuẩn bị lên đường đi Campuchia sớm".

Cuộc xung đột năm 1997 nổ ra tại Campuchia khi các lực lượng vũ trang của Đảng FUNCIPEC dựa vào sự hỗ trợ của quân Khmer Đỏ đã có các hành động nổ súng tấn công binh sỹ của Đảng Nhân dân. Tuy nhiên, lực lượng

trung thành với Đảng Nhân dân đã nhanh chóng làm chủ tình hình và kiểm soát hoàn toàn thủ đô Phnom Penh. Sau thất bại đó, Norodom Ranariddh buộc phải lưu vong sang Pháp và tình hình Campuchia bắt đầu lắng xuống cho đến cuộc bầu cử năm 1998.

Ban đầu, tôi cứ nghĩ đây chỉ là một biến động mang tính chất cục bộ, nảy sinh ở địa bàn quen thuộc. Nhưng không ngờ rằng sự kiện này khởi đầu một giai đoạn hết sức phức tạp mà nước bạn, đảng bạn phải đối mặt để khắc phục hậu quả của đảo chính, phản đảo chính, bầu cử và chống bạo loạn hậu bầu cử.

Và đúng như vậy, thử thách tiếp theo mà Đảng Nhân dân Campuchia đã vượt qua đó là cuộc bầu cử năm 1998. Để chuẩn bị cho cuộc bầu cử lần này, Đảng Nhân dân Campuchia có chủ trương tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân và quốc tế, tiếp tục nêu cao ngọn cờ chống diệt chủng, không được để phe chống đối gian lận phiếu bầu.

Từ kinh nghiệm của lần bầu cử năm 1993, ông Sáu Nam khi đó tin rằng đoàn kết trong nội bộ Đảng Nhân dân Campuchia là điều sống còn. Riêng ông Ba ngay từ đầu vẫn cảm thấy chưa yên tâm và nói với tôi rằng: "Hậu bầu cử sẽ còn mệt mỏi hơn cậu ạ".

Sau cuộc bầu cử năm 1998, Đảng Nhân dân Campuchia thắng cử - giành được 41% số phiếu, Đảng FUNCIPEC được 32% và Đảng Sam Rainsy được 13%. So với kết quả năm 1993, thì đây là thắng lợi lớn của Đảng Nhân dân. Một tâm lý thắng lợi, một tương lai rất mới mở ra cho không chỉ Đảng Nhân dân, mà còn cho quan hệ Việt Nam và Campuchia.

Gần một tuần sau đó, tôi đã báo cáo đầy đủ tình hình với ông Ba và chuẩn bị văn bản để gửi ra Tổng cục ngoài Hà Nội rồi trình lên trên.

Sau gần một năm căng thẳng đối phó với nhiều biến động, ông Ba đồng ý cho chúng tôi tổ chức liên hoan. Thực ra hôm đó cũng tiện có một hội nghị của ngành được tổ chức, không nói ra nhưng ai cũng hiểu là ăn mừng cho thắng lợi của bạn.

Tôi nhớ mãi hôm đó ông Ba dường như không vui, ông vẫn còn băn khoăn điều gì đó rồi hỏi tôi:

- Ăn mừng thế này có sớm quá không?

Tôi chột dạ nghĩ bụng: "Bạn thắng thì phải ăn mừng chứ sao?". Nhưng ông Ba bảo:

- Đừng mừng vội. Chưa xong đâu! Phe chống đối ở Campuchia thua cử rồi, nhưng còn hiệp hai, đó là các đảng đối lập không công nhận kết quả bầu cử. Lúc đó mới loạn.

Tôi miễn cưỡng đáp:

- Vâng cháu cũng nghĩ như vậy. - Nhưng cảm thấy lấn cấn về câu ông hỏi: "Có sớm quá không?".

Thật không ngờ, chính thời điểm ấy lại nảy sinh tình huống phức tạp mới ở Campuchia. Khi nhận được tin tức về việc này, tôi báo cáo nhanh với ông Ba. Ông ngồi ở một bàn phía xa, tôi vẫn nhớ cử chỉ của ông lúc đó là nhíu mày lại, mà tôi biết ông nhíu mày theo kiểu ấy là tình hình khó khăn lắm rồi, hoặc là ông bực bội hoặc lo lắng lắm thì mới nhíu mày theo kiểu ấy.

- Sao lại có chuyện như thế nhỉ? Giờ sao đây? - Tay ông gõ nhịp nhịp xuống bàn, lúc bí ông hay làm thế.

Nghe thế tôi biết là không vui rồi, tôi thấy ân hận vì mình non nớt. Ông Ba từng nói: "Tất cả các cuộc bầu cử trong Sài Gòn dù chúng nó là một giuộc với nhau, cũng một thầy là thằng Mỹ, mà câu chuyện bầu cử thắng hay thua chỉ là một phần của ổn định, không bao giờ trò chơi dân chủ dừng lại ở đây, nên các cậu phải tính xa hơn".

Ông bỏ dở bữa cơm đứng dậy, lững thững xách cái cặp, trông dáng đi ấy là tôi biết ông không vui, không phải không vui vì tôi, mà không vui vì chính ông. Sau này ông bảo với tôi: "Lỗi này ở tôi, tôi hiểu hơn các cậu vì tôi ở địch hậu nên tôi biết, mà không dự báo được nên tự nhiên thành lúng túng, đẩy lãnh đạo vào thế khó".

Rất may hôm ấy ông Sáu Nam có mặt ở Thành phố Hồ Chí Minh, tôi đề xuất với ông Ba:

- Xin phép chú, cháu gặp chú Sáu Nam để xin ý kiến!

Ông Ba đồng ý:

- Cậu đi gặp anh Sáu đi. Khi về nhớ ghé qua tôi, muộn cũng đến!

Sau khi báo cáo và nhận được ý kiến chỉ đạo của ông Sáu Nam, tôi quay trở về báo cáo với ông Ba về kế hoạch sang Campuchia. Sáng sớm hôm sau, trước khi lên đường, tôi bất ngờ thấy ông Ba đứng ở đầu xe, rồi hỏi một câu khiến tôi nhớ mãi:

- Tôi có giúp được gì cậu không?

Tôi chỉ biết đưa ánh mắt nhìn ông:

- Thưa chú, cháu sẽ báo cáo về thường xuyên. Chú yên tâm, cháu lo được!

Ông hiểu chuyện này là tính mạng chứ không chỉ là công việc. Ông cũng không dặn tôi thận trọng mà nhìn vào xe, nhìn Đông, nhìn Thạnh, nhìn Việt - như cách nhìn "lũ gà nòi" xem liệu mấy cậu này trong tình huống khó khăn có đứng bên cạnh tôi không.

Ông cầm trên tay một sợi dây gai xâu mấy chục chỉ vàng. Tôi hiểu - đó là câu chuyện của lính đặc nhiệm từ hồi 1977 ở Campuchia, thường ai cũng có một, hai chỉ vàng giắt lưng để sẵn sàng khi phải rút chạy trong bối cảnh không còn chính quyền, không còn xe cộ, không còn gì, thì lấy tiền để mua mạng sống. Ông đưa tôi, tôi biết đây là "vũ khí" cuối cùng để bảo toàn tính mạng. Ông dặn tôi:

- Bất kỳ tình huống nào nguy hiểm, cậu phải rút ngay!

Trong câu chuyện này, lúc bấy giờ tôi đã nhận được từ ông Ba rất nhiều lời khuyên. Những gì tôi đã làm được thì không thể thiếu bóng dáng của ông Ba, không có ông thì tôi không thể làm được như vậy, không thể hoàn thành nhiệm vụ. Dù rằng đến giai đoạn ấy, tôi đã bắt đầu phải tự mình làm người "cầm cờ". Nhưng để thực sự có những ứng biến tại chỗ thì không thể xin ý kiến ông từng việc một được.

CHUYẾN THĂM CAMPUCHIA CỦA ÔNG SÁU NAM

Trong hàng chục năm đầy biến động khó khăn của Campuchia luôn có sự đóng góp, hỗ trợ to lớn của Việt Nam với đất nước Campuchia anh em, trong đó có phần

rất quan trọng và đậm dấu ấn cá nhân của ông Sáu Nam - Lê Đức Anh. Ông Sáu cùng các lãnh đạo Việt Nam đã luôn kề vai sát cánh bên bạn trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, tự chủ của bạn nhưng vô cùng gắn bó, khăng khít trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào. Giúp bạn phải dựa trên mối quan hệ tin cậy từ cấp cao nhất tới cơ sở. Đặc biệt, then chốt là giúp bạn đoàn kết nội bộ. Trong bất kỳ tình huống thuận lợi hay khó khăn nào, yêu cầu giữ gìn đoàn kết nội bộ, ngăn chặn và đẩy lùi mọi âm mưu chống phá gây chia rẽ là nhiệm vụ sống còn. Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng Nhân dân là hạt nhân cốt lõi của khối đại đoàn kết các tầng lớp nhân dân, hoàng tộc, tôn giáo và chính giới Campuchia, củng cố niềm tin vào sự nghiệp chính nghĩa, tập trung trí tuệ tập thể để xây dựng và phát triển đất nước.

Sau cuộc tổng tuyển cử được Liên Hợp quốc tổ chức tháng Năm năm 1993, Campuchia trở thành một quốc gia quân chủ lập hiến, thực hiện chế độ đa đảng. Các đảng phái đối lập, kể cả Khmer Đỏ, đều có vị thế chính trị, duy trì lực lượng quân sự riêng. Bối cảnh hỗn loạn này cũng là thời cơ để các lực lượng phản động chống phá Việt Nam lợi dụng, xâm nhập địa bàn Campuchia, lấy đây làm bàn đạp mưu đồ chống phá Việt Nam.

Tháng Năm năm 1995, nhận lời mời của Quốc vương Norodom Sihanouk, Chủ tịch nước Lê Đức Anh sang thăm chính thức Campuchia. Khi đó, ông Sáu Nam - Chủ tịch nước Việt Nam, vị Tư lệnh Mặt trận năm xưa, sẽ là mục tiêu chống phá hàng đầu của bọn phản động. Bôi đen hình ảnh Việt Nam, xóa đi công lao của Quân tình nguyện

Việt Nam, hăm dọa, thậm chí ám hại được Lãnh tụ Việt Nam sẽ là cơ hội chia rẽ mối quan hệ Việt Nam - Campuchia.

Trước chuyến đi này, có ý kiến đặt ra nên đi hay không, nhất là trong tình hình an ninh phức tạp bấy giờ. Ông Sáu Nam kiên quyết đi, vì chuyến thăm này hết sức quan trọng, thể hiện vị thế quốc gia, khẳng định hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế và với nhân dân, Chính phủ Campuchia. Có thể nói, ông Sáu Nam dám chấp nhận đi vào chỗ nguy hiểm nhất.

Chuyến đi đó cần được thực hiện ngay sau khi chính phủ Campuchia được quốc tế công nhận. Là thượng khách của Quốc vương, của Chính phủ và nhân dân Campuchia, hình ảnh và vai trò của Chủ tịch nước Việt Nam sẽ tiếp thêm sức mạnh, niềm tin cho bạn, đặc biệt là Đảng Nhân dân Campuchia trước những khó khăn thách thức. Chuyến đi cũng sẽ góp phần khẳng định tính chính nghĩa của Quân tình nguyện Việt Nam, tình đoàn kết chiến đấu thủy chung, trong sáng giữa hai dân tộc Việt Nam và Campuchia.

Bên cạnh các nội dung lễ tân ngoại giao thì công tác an ninh cho chuyến thăm được đặt trọng tâm cao nhất. Cả hai bộ máy bảo vệ của bạn và ta đều đặt yêu cầu đảm bảo an ninh, an toàn cho ông Sáu Nam lên hàng đầu, vì vậy một lịch trình khoa học và kế hoạch bảo vệ hết sức chặt chẽ được vạch ra. Tuy nhiên, trong bối cảnh Campuchia với những phe phái, xung đột và mâu thuẫn, sự tồn tại của các lực lượng chính trị - quân sự đối địch thì mức độ nguy hiểm, mất an toàn vẫn có tỷ lệ không nhỏ, không ai nói trước được điều gì có thể xảy ra.

Có một chi tiết ít người biết, đó là ngay sau khi đón ông Sáu Nam từ chân cầu thang máy bay vào phòng lễ tân, Quốc vương Campuchia đã bất ngờ nhận một yêu cầu đặc biệt từ Chủ tịch nước Việt Nam. Đó là một lịch trình hoàn toàn khác với dự kiến mà hai bên đã chuẩn bị và đã được thông báo công khai.

Dù rất bất ngờ với lời đề nghị này, nhưng với sự trân trọng đặc biệt với vị quốc khách, Quốc vương đã chấp thuận. Dù mọi lịch trình bị đảo lộn, dù tất cả các yêu cầu bảo vệ đều thay đổi hoàn toàn, nhưng chuyến thăm đã thành công tốt đẹp, tuyệt đối an toàn.

Chuyến đi ấy tôi không quên được, đó là trước khi sang Campuchia, đơn vị tôi phụ trách hướng chính để nắm tình hình và phối hợp bảo vệ ông Sáu, nên tôi ra Hà Nội báo cáo toàn bộ công tác chuẩn bị. Ông Sáu Nam không nói gì, chỉ bảo: "Ừ!". Nhưng khi tôi chào ông Sáu đi ra, ông dúi vào tay tờ giấy note màu vàng, dặn tôi: "Lên phương án bảo vệ theo kế hoạch này".

Tôi không dám hỏi, về mở ra xem thì tá hỏa: "Chết cha! Kế hoạch thay đổi toàn bộ!". Đó là một lịch trình hoàn toàn khác. Tôi về báo cáo với ông Ba, không ngờ ông cười thú vị: "Đúng rồi, phải thế chứ. Thôi cậu chuẩn bị phương án đi!". Tôi lại phải quay ra Hà Nội báo cáo với các Thủ trưởng Tổng cục về sự thay đổi này và được dặn: "Cứ đúng như thế mà làm!".

Việc thay đổi lịch trình có lẽ là chỉ có tôi và ông Ba Quốc biết được chuyện này, có lẽ không ai khác được biết, vì ông Sáu Nam chỉ đưa tờ giấy note màu vàng nhỏ xíu cho tôi.

Đó là một chương trình tự ông Sáu Nam đặt ra, lễ tân Bộ Ngoại giao cũng chỉ biết phương án cũ, nên khi thay đổi ngay tại hiện trường, tôi cùng vị đại diện hàng không Việt Nam phải vào tận trong máy bay để báo cáo: "Thưa chú, xin phép chú khi mở cửa máy bay bước ra thì cho cháu đứng trên cầu thang cửa máy bay cùng với đại diện hàng không". Lúc bấy giờ tôi lo nhất là xung quanh rất trống trải, toàn cánh đồng lúa và cây thốt nốt, nên sợ bị bắn tỉa. Khi ông Sáu Nam đi xuống, chụp ảnh lưu niệm phải chấp nhận "xấu một tí", vì có hai người che chắn hai bên, trong khi thường là phải lui hết để ông đứng chào.

Cho đến khi ông Sáu tiếp cận Quốc vương Campuchia là yên tâm. Lúc ông Sáu về nước cũng vậy, tôi đưa ông ấy lên tận bậc thang cuối cùng, máy bay đóng cửa là rút thang và cho bay ngay. Mấy anh em chúng tôi đứng dưới thấy máy bay lấy được độ cao mới thở phào.

Sự thay đổi bất ngờ đó đã góp phần loại trừ những nguy hiểm, hóa giải tình huống xấu có thể xảy ra, dường như xuất phát từ một nguyên tắc rất kỳ lạ, một bản năng tự bảo vệ rất riêng, rất bất ngờ của vị tướng gan dạ, dạn dày trận mạc, rất linh hoạt và vô cùng hiệu quả.

CHƯƠNG BẢY

NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐỜI



KHI THẦY LÀM CỐ VẤN CHO TRÒ

Ông Ba không chỉ dạy tôi làm tình báo, mà còn bao điều lớn lao hơn nữa. Ông dạy tôi làm người.

❖ Hai thầy trò cùng "Bắc tiến"

Tháng Chín năm 1999, tôi được bổ nhiệm vào vị trí Tổng cục phó. Thực ra, lúc bấy giờ ông Ba muốn trên bổ nhiệm tôi làm Tổng cục trưởng, nhưng nội bộ còn chưa ổn. Ông Sáu Nam lại muốn đưa ông Ba Quốc, trong khi ông Ba Quốc không nhận và đưa các lý do để đề nghị "bổ nhiệm cậu Vịnh".

Ông Sáu Nam bảo sẽ trao đổi với Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu về chuyện này, nhưng ông đề nghị ông Ba phải ra ngoài này làm cố vấn. "Bao giờ thằng Vịnh nó vững thì vào Nam". Ông Ba đồng ý.

Vì vậy, tôi được bổ nhiệm Tổng cục phó, rồi Tổng cục trưởng chỉ sau mấy tháng. Còn ông Ba, sau khi nhận quyết định thôi giữ vị trí chỉ huy lãnh đạo, rút về làm cố vấn đặc biệt cho ngành, trực tiếp tư vấn, hỗ trợ tôi ở vai trò mới. Hai thầy trò chúng tôi dắt nhau ra Bắc.

Lúc ấy, Tổng cục phó không có chỗ làm việc, không có bộ máy, tôi phải thuê một ngôi nhà ở ngoài với toàn bộ bộ máy trong Nam ra và chọn nhân sự ở ngoài này. Ông Ba ở tầng 3, tôi ở tầng 2, anh em giúp việc, trợ lý ở tầng 1. Hai thầy trò ở đó độ sáu tháng.

Thời gian ông Ba ở ngoài này chủ yếu là quan sát tôi làm việc ở cương vị mới như thế nào. Khi tôi lên làm Tổng cục trưởng rồi thì ông cũng không vào cơ quan nữa, trưa và chiều tôi ra báo cáo công việc với ông, có việc gì thì ông giao, không thì thôi. Thực chất thì cả tôi và ông đều hiểu ông ra đây chỉ vì lời hứa với ông Sáu, vì làm quản lý Tổng cục thì khác với việc chỉ đạo lưới tình báo, mà làm quen với công việc mới thì ông không muốn. Sau đó ông về lại trong Nam, vẫn ở vai "cố vấn" nhưng chỉ ở nhà riêng.

Tháng Chín năm 2000, tôi được bổ nhiệm làm Tổng cục trưởng Tổng cục II. Trong buổi trao quyết định, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Phạm Văn Trà dặn riêng tôi:

- Tình hình rất khó khăn, nhiệm vụ rất nặng nề. Để làm được việc, thì đồng chí phải cố gắng học tập tấm gương, đạo đức, năng lực, trình độ, kinh nghiệm những người đi trước. Đặc biệt là những người trực tiếp chỉ đạo đồng chí trước đây như anh Tư Văn, anh Vũ Chính. Riêng với anh Ba Quốc, tôi đã giao nhiệm vụ tiếp tục kèm cặp, hỗ trợ để đồng chí vững vàng trên cương vị mới.

Sau hôm đó, Bộ trưởng Phạm Văn Trà có cuộc gặp riêng với ông Ba. Cuộc gặp tuy không dài, nhưng làm ông Ba suy nghĩ rất nhiều, rồi ông gọi tôi sang nói chuyện:

- Đúng là nhiệm vụ rất khó khăn và nặng nề. Nhưng tôi nghĩ cậu sẽ làm được việc, vì có một người chỉ đạo trực tiếp rất đáng tin cậy là Bộ trưởng Phạm Văn Trà.

Tôi có rất nhiều kỷ niệm với ông Ba Trà. Trong hơn mười năm phục vụ ông, vào những giờ khắc khó khăn nhất của ngành Tình báo trong thời kỳ Đổi mới, nhờ có đầu óc chiến lược, nhờ sự kiên định, quyết đoán của ông mà chúng tôi đã vượt qua khó khăn và ổn định. Không những vậy, ông Ba Trà còn giúp cho ngành Tình báo Quốc phòng khẳng định được vị thế, xác định được chức năng, nhiệm vụ để hoàn thành các nhiệm vụ hết sức nặng nề trong giai đoạn mới.

❖ "Mở lòng" với giới truyền thông

Một việc quan trọng khác mà ông Ba thực hiện khi ra ngoài này làm "cố vấn", đó là viết sách về ngành Tình báo.

Còn nhớ khi đó, theo yêu cầu phát triển ngành Tình báo, tôn vinh những thành tích của Tình báo Quốc phòng trong các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, lãnh đạo, chỉ huy Tổng cục II đề nghị ông Ba Quốc cho viết sách và báo về ông - điều mà khi còn đương nhiệm ông nhất quyết tránh. Ban đầu ông từ chối vì nhiều lý do: Vì bí mật của ngành, vì nguyên tắc của riêng ông là không bao giờ nói về mình. Nhưng sau khi nghe giải thích, ông miễn cưỡng đồng ý và đặt hai điều kiện: Không nói bất cứ điều gì để lộ phương thức của ngành và không nói về những người đã giúp ông trong các cuộc kháng chiến nay đang ở nước ngoài, vì sẽ gây khó khăn cho họ.

Tôi giới thiệu với ông hai nhà văn Quân đội sắc sảo là Khuất Quang Thụy và Chu Lai thông qua một bữa cơm thân mật bốn người. Hôm sau, ông bảo tôi:

- Có lẽ anh Khuất Quang Thụy dễ hiểu và đồng cảm với tôi hơn, còn anh Chu Lai, cậu này là lính chiến nhưng trông rất hào hoa, lãng tử, nên giới thiệu để viết về anh Hai Trung.

Nhà văn Khuất Quang Thụy là Đại tá Quân đội, đã tham gia chiến đấu ở chiến trường miền Nam và Campuchia, tác giả tiểu thuyết "Không phải trò đùa" viết về cuộc chiến đấu ác liệt của Quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia. Có lẽ vì thế, ông Ba Quốc thấy được sự đồng cảm, gần gũi với nhà văn này.

Sau đó hơn một năm, hai cuốn sách "Con đường bí ẩn" của nhà văn Chu Lai viết về ông Hai Trung (Phạm Xuân Ẩn) và cuốn "Tình báo không phải là nghề của tôi" của nhà văn Khuất Quang Thụy viết về ông Ba Quốc (Đặng Trần Đức) ra mắt bạn đọc.

Thoạt đầu, cuốn sách viết về ông Ba Quốc được nhà văn Khuất Quang Thụy đưa ra một loạt nhan đề và nhờ tôi xin ý kiến ông, chủ yếu đều bắt đầu bằng cụm từ: "Nhà tình báo...", để tôn vinh một nhà tình báo xuất sắc, công lao to lớn (tôi không dám dùng từ "vĩ đại" sợ ông la), nhưng ông nói:

- Tôi đi theo Việt Minh, tôi chỉ là một người yêu nước, nghề của tôi là làm Cách mạng. Tình báo không phải là nghề của tôi.

Vậy là cuốn sách được đặt tên: "Tình báo không phải là nghề của tôi", nói về một nhà tình báo chuyên nghiệp, xuất sắc, có những đóng góp đặc biệt to lớn cho sự nghiệp Cách mạng Việt Nam. Một người mà theo đánh giá của ngành Tình báo Việt Nam, là giữ gìn được trọn vẹn phẩm chất tốt đẹp của một người cách mạng, sống cần cù, gương mẫu, không hề bị ảnh hưởng của cám dỗ vật chất trong suốt 24 năm trong lòng địch.

Trong 24 năm đó, kể cả khi đứt liên lạc với tổ chức, ông cũng vẫn phát huy nỗ lực của người cán bộ tình báo làm những việc có thể làm được tốt nhất cho Cách mạng, thậm chí hy sinh cả quyền lợi riêng, về hạnh phúc riêng tư.

Tôi vẫn nhớ trong cuốn sách có đoạn:

"... Có người hỏi anh:

- Cái khó nhất khi hoạt động tình báo lâu ngày trong lòng địch là gì?

Anh trả lời:

- Là mình khoác áo của địch, ăn lương của địch, làm việc cho địch, vừa phải tỏ ra mẫn cán nhưng lại phải làm sao để không gây thiệt hại cho ta.

- Cái sợ nhất khi hoạt động tình báo lâu ngày trong lòng địch là gì?

Anh trả lời không do dự:

- Là nỗi cô đơn ghê gớm khi không liên lạc được tổ chức.

Lại hỏi:

- Vậy nỗi buồn lớn nhất khi hoạt động tình báo lâu ngày trong lòng địch là gì?

Anh trầm ngâm suy nghĩ một lát rồi nói:

- Là mỗi khi nhìn thấy đồng chí, đồng đội của mình bị bắt bớ, giam cầm, khảo tra mà không thể làm gì được.

Lại hỏi:

- Ông đánh giá như thế nào về nghề tình báo?

Anh trả lời:

- Tình báo chưa bao giờ là nghề của tôi".

Cũng trong thời điểm ấy, hai nhà báo chuyên viết về chính trị, xã hội của báo Thanh Niên là Hoàng Hải Vân và Tấn Tú xin viết về ông Ba nhưng ông gạt ngay. Tôi phải thưa với ông đây là tác giả của loạt bài báo đầu tiên về tập đoàn tội phạm Năm Cam. Ông bảo tôi đưa các bài báo của họ cho ông xem, sau đó ông đồng ý. Nhờ đó, loạt bài "Ông Ba Quốc" 36 số trên báo Thanh Niên được phát hành, kết thúc vào ngày 26 tháng Ba năm 2004 - đúng ngày ông mất, với tiêu đề: "Vĩnh biệt ông Ba Quốc".

❖ "Sóng gió" của ngành và câu chuyện về "Người đương thời"

Năm 2000, ông Ba "bỏ" vào trong Nam. Còn nhớ lúc bấy giờ, tình hình vẫn hết sức khó khăn. Mỗi lần vào, tôi đều đến ngôi nhà ở đường Cộng Hòa ăn cơm với ông và lần nào ông cũng hỏi:

- Có khó khăn lắm không?

- Khó lắm chú ạ!

Ông trầm ngâm không nói gì. Tôi hiểu rằng ông Ba cũng cảm thấy bất lực trước những khó khăn mà tôi phải đối mặt.

Nhưng rồi ông bảo:

- Tôi tin là các cậu sẽ vượt qua, nhưng mà lâu đấy!

Tôi lúc ấy chỉ nghĩ vài tháng hoặc dài lắm 1 - 2 năm sóng gió sẽ qua. Nhưng ông Ba nói đúng, phải 5 - 6 năm sau sóng gió mới thực sự lắng xuống đối với cả đơn vị lẫn cá nhân tôi.

Lúc bấy giờ, tôi nói với ông Ba:

- Chú ạ, chú phải gặp báo chí, chú phải nói để người ta hiểu được ngành mình, để các thế hệ tiếp theo kế tục sự nghiệp các chú và xây dựng ngành ngày càng vững mạnh.

Trước đây thì báo chí chưa đến cổng là đã bị "mời ra" rồi, nhưng giai đoạn ấy, chúng tôi phải phối hợp với nhà báo Tạ Bích Loan để làm chương trình "Người đương thời" về những "ông già tình báo". Đầu tiên là đưa ông Tư Cang, sau đó là ông Hai Trung, Ba Minh.... Nhưng ông Ba Quốc, ông Hai Nhạ thì dứt khoát không tham gia chương trình.

Ông Ba chỉ nói:

- Tôi đồng ý cho cậu làm về mấy ông kia. Còn tôi thì thôi.

Còn nhớ trong dịp đó, khi các ông nhận quyết định về nghỉ cũng là dịp mà "Người đương thời" tung ra loạt tác phẩm về tình báo. Chương trình đầu tiên đưa ông Tư Cang lên sóng. Thời làm chương trình ấy có những kỷ niệm rất đáng nhớ.

Hôm ấy là ngày kỷ niệm 25 tháng Mười năm 2000, nên tất cả mọi người còn sống, tất cả các "ông già tình báo" trong Nam đều ra dự, trong đó chỉ có duy nhất chú Anh Lân phải đi xe đẩy vì bị tai biến.

Để thực hiện chương trình "Người đương thời" đầu tiên về ngành Tình báo, nhà báo Tạ Bích Loan đã đưa tôi kịch bản rất dài, lúc đó tôi trình ông Ba Quốc xem. Vì vậy trong buổi lễ kỷ niệm hôm ấy, tôi mời Tạ Bích Loan vào giới thiệu với tất cả mọi người. Loan xin chụp ảnh cùng nhưng ai cũng từ chối với đủ các lý do rất "ngộ": nào là "mặt tôi xấu lắm", nào là "tôi ăn mặc lôi thôi lắm"... rút cục không ai đồng ý chụp ảnh. Đến khi Tạ Bích Loan lên trình bày kịch bản, tất cả lắng nghe chăm chú, nhưng khi cô ấy dừng lời, kết thúc thì đáp lại là một không khí im lặng như tờ. Suốt 10 phút không một ai nói gì.

Tạ Bích Loan đi xuống, ngồi cạnh tôi, bảo: "Em toát mồ hôi".

Cuối cùng tôi phải đứng lên nói với các ông:

- Thưa các chú, Thường vụ Đảng ủy Tổng cục đã quyết định sẽ công khai một số câu chuyện tình báo (câu ấy phải chốt, vì với mấy "ông già tình báo" phải đặt vấn đề ấy lên đầu tiên - TG), Đảng ủy Tổng cục đã làm văn bản xin ý kiến Quân ủy Trung ương và đã được đồng ý.

Với các ông ấy, những việc kiểu như vậy thì câu muôn thuở của các ông đặt ra sẽ là: "Đảng có cho phép không?".

Tôi tiếp tục nhấn mạnh:

- Từ trước đến nay vì bí mật và sự khiêm nhường của ngành nói chung, các chú nói riêng, không ai chịu phát ngôn

vì các chú nghĩ là có những người công lao hơn mình nhưng hy sinh mất rồi. Vì vậy các chú không nói cho mình, thì bây giờ các chú phải nói vì những người đã mất, những người đã hy sinh, những người đã giúp các chú thành Anh hùng, thành tướng, thành người mà cả đất nước tôn thờ. Việc này là vì ngành.

Khi tôi nói đến đây thì nhiều ông chảy nước mắt rồi, nhưng tôi biết các ông "quyết tâm còn chưa cao", nên nói tiếp:

- Thưa các chú, tình hình Tổng cục hiện rất khó khăn, có thể nói là ngay nội bộ ta cũng chưa hiểu ta, thì bây giờ là lúc các chú phải nói để Đảng, Nhà nước, Quân đội, nhân dân hiểu tình báo là cái gì? Để người ta tiếp tục trọng dụng tình báo, ủng hộ tình báo để chúng ta hoàn thành nhiệm vụ trong thời bình. Các chú biết đấy, nước ta đang hòa bình nhưng nguy cơ rất nhiều, không tình báo làm thì ai làm? Đây là các chú làm cho tương lai, làm cho chúng cháu hiện nay. Thường vụ Đảng ủy giao nhiệm vụ cho các chú làm việc với truyền hình vì ba mục đích đó.

Tôi nói xong, thế là các ông coi như được giải toả.

Lúc đó thì lại xảy ra tình huống Tạ Bích Loan từ chối làm chương trình. Cô ấy bảo với tôi:

- Anh ơi, em không làm nữa!

Cô ấy nghe tôi nói xong rồi nhìn các cụ, thấy nghiêm trọng quá nên sợ không dám làm nữa. Tôi bảo cô ấy:

- Tùy, nhưng sự thật nó thế!

Sau đó cô nhà báo nổi danh ấy cũng làm chương trình, phải làm xong 2 - 3 số đầu cô ấy thổ lộ "mới bớt run".

Còn nhớ số đầu tiên là ông Tư Cang. Ông ấy bảo tôi:

- Nhất định cậu phải ngồi đây tôi mới làm, không thì thôi!

Tạ Bích Loan cũng bảo:

- Anh phải ngồi ở trường quay, chứ anh không ngồi thì em không làm được!

Rồi các ông khác cũng bảo:

- Mày không ngồi đấy là tao không lên.

Trong khi tôi mới lên cương vị lãnh đạo, không muốn xuất hiện trên truyền hình.

Cuối cùng Tạ Bích Loan hứa không đưa tôi vào hình nhưng tôi phải ngồi từ đầu đến cuối mỗi chương trình.

Nói thế để thấy, một là lý tưởng, lòng yêu nước, sự yêu nghề của các "ông già tình báo"; hai là tính nguyên tắc, sự hy sinh thầm lặng của các ông. Khi người ta nói vì các ông thì các ông không nói, vì công lao cũng từ chối là không, nhưng vì những người đã hy sinh và vì sự phát triển của ngành thì các ông làm. Làm đến mức người như ông Tư Cang khi tham gia còn nói thao thao bất tuyệt. Còn ông Hai Trung nói đến mức "kiến trong lỗ còn phải bò ra". Thậm chí, cả buổi chiều còn phải nhẩm kịch bản, bảo: "Tối tao sợ quên!". Các ông nghiêm ngắn đến mức như vậy.

Ngày xưa khi đọc chỉ thị từ Trung ương Tình báo vào, hàng trang giấy chỉ đọc một lần rồi đốt, mà các ông nhớ được từng câu từng chữ. Giờ các ông bảo: "Sao cái này tao phải đọc tới ba, bốn lần mà cứ quên, sợ nhầm thì chết!".

Nói thế để thấy tính kỷ luật, lòng yêu nước, trách nhiệm với ngành của các ông đáng khâm phục biết bao.

Cố nhiên cũng phải nói trong mỗi con người đều có góc khuất, mỗi con người đều có cái chưa thật hoàn thiện, nhưng lớp người ấy tôi được gặp gỡ, được gần gũi thì tự thấy mình là một con người khác. Tôi nghĩ bụng: "Họ đứng trên mình nhiều phương diện, từ đặc điểm quan trọng nhất là đấu tranh để tồn tại, vượt qua cái chết để giành sự sống, để hoàn thành nhiệm vụ dẫu phải trả bằng sinh mạng của mình - thì bằng bản năng sinh tồn, bằng sự chọn lọc tự nhiên khiến họ trở nên vô cùng giỏi trong nghề nghiệp".

Nguyên nhân vì sao Tình báo Việt Nam giỏi như thế? Tôi nghĩ, có hai nguyên nhân. Thứ nhất, vì lòng yêu nước. Chẳng ông nào học tình báo cả, cũng không bao giờ nói về lý luận tình báo, các "ông già tình báo" ấy không bao giờ nói một câu về mình, và công việc của các ông trải qua đều là tự nguyện, đều là vì lòng yêu nước. Tôi nhớ có lần ông Ba tâm sự: "Tôi là người yêu nước, tôi phấn đấu, hy sinh là do trung thành với Tổ quốc, để phục vụ nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng". Với các "ông già tình báo" ấy, họ coi yêu nước và phục vụ nhân dân trên tất cả và luôn đặt mình dưới sự lãnh đạo của tổ chức, của Đảng, của Quân đội.

Thứ hai, các ông phải trải qua môi trường khắc nghiệt để có thể tồn tại. Trong môi trường như thế thì bao nhiêu bản năng của con người phát huy hết, và tự nhiên con người thành giỏi giang trong lĩnh vực đó. Ví dụ Thượng sỹ Nguyễn Văn Minh chuyên thực hiện việc chép tài liệu, hồi đó không có máy ảnh, nên buổi chiều đem tài liệu về, có một cái đèn bé tý để soi và chép lại. Ông chép hay

đến mức đầy đủ cả số trang, ông bị lòa từ ngay sau khi giải phóng đến khi nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thì ông đã bị mù cả hai mắt. Ông Minh giỏi là ở cái đó, chứ hỏi về tình báo thì ông ấy chẳng nói gì. Đợt tôi đưa ông đi nhận danh hiệu Anh hùng, báo chí hỏi, ông hồn nhiên trả lời:

- Tôi chẳng biết gì về tình báo cả, tôi chỉ biết lấy tài liệu mật của nó về chép lại rồi gửi ra ngoài thôi.

Những anh hùng tình báo thế hệ của ông Ba luôn coi Tổ quốc, lòng yêu nước lớn hơn tất cả, coi sự trung thành với Tổ quốc, với đất nước là động lực để tồn tại và thành công. Chính vì thế họ mới sống được trong lòng địch, mới tìm được người tốt ngay trong lòng địch. Họ bảo: "Nếu trong lòng địch toàn địch hết, sao mà làm?". Lý lẽ của các ông là: "Những người làm cho địch không phải là ta, nhưng trong số đó cũng có những người có lòng yêu nước, dù là yêu nước theo kiểu khác, chứ không thì sẽ coi là địch hết".

Ông Ba bảo:

- Đất nước là gì? Đất nước là mẹ, Tổ quốc là mẹ, là ngôi nhà của mình. Nếu mà có vợ có con nữa thì đất nước cũng là vợ con, gia đình mình.

BÀ THANH VÀ GIA ĐÌNH

Ngày 1 tháng Năm năm 1977, khi ông Ba cầm trong tay bản báo cáo thành tích 24 năm công tác của mình trong lòng địch, ông đã run run viết mấy dòng chữ ngắn nhưng chứa

đựng không biết bao nhiêu ân tình mà ông dành cho người vợ đầu và các con sau bao nhiêu năm "bóng chim tăm cá" phục vụ Cách mạng, bao nhiêu năm vợ con của ông chịu thiệt thòi, khổ sở vì mang tiếng chồng, cha theo địch.

Những dòng chữ như gói trọn lời an ủi, yêu thương, lời giãi bày, cũng như lời cảm ơn, biết ơn, thậm chí tạ ơn sự "hy sinh" của vợ con mình:

"Anh ra đi, Em bảo: Anh yên tâm công tác, Em chờ Anh. Bố ra đi, các con còn trứng nước. Anh trở về, Em bảo gọi nhau bằng Ông - Bà không người ta cười cho! Bố trở về các con đã khôn lớn, dè dặt nghi ngại trước người Bố chưa quen biết. Hơn 20 năm trôi qua, tài liệu này, quãng đời hoạt động của hơn 20 năm ấy, hy vọng đền bù lại Em hơn 20 năm mòn mỏi, trả lại các con người cha của thời thơ ấu".

Những lời đề tựa trang trọng ngay trang đầu trong báo cáo thành tích công tác của ông Ba tuy ngắn gọn, nhưng đọc có cảm giác như chất chứa biết bao nỗi lòng của một người chồng, người cha ra đi biền biệt nay trở về. Bản báo cáo thành tích ấy gói trọn những tháng ngày ông Ba vào Nam làm nhiệm vụ Cách mạng, như là "lời giải" cho những ẩn ức của bà Thanh, dù bà không bao giờ nói ra; của chị Giang, anh Thành và những người thân của ông Ba ngoài Bắc. Bà Thanh cũng "gói" số phận của mình qua những câu thơ:

"Đời có ai như em không nhỉ?
Hòa bình rồi vẫn cứ xa nhau
Từ đầu xanh nay tóc đã bạc
Đợi chờ nào có được gần nhau".

❖ **"Bà Nó"**

Thực ra hồi mới về đơn vị, tôi không biết ông Ba có hai bà vợ. Làm việc bên cạnh ông gần hai năm ở Campuchia, đến Tết năm 1986, tôi được về phép.

Trước khi về ông Ba gửi tôi một cái thư và một gói mỳ chính Ajinomoto:

- Cậu đưa cho bà nhà tôi cái này, địa chỉ như này..., nói là tôi vẫn khỏe.

- Vâng!

Tôi nghĩ đây là việc quan trọng mà tôi phải làm.

Rất lạ là trên bì thư ghi vỏn vẹn 3 chữ: "Gửi Bà Nó".

Tôi hỏi cậu Phú lái xe:

- Bà ngoài Bắc tên là gì?

- Bà Thanh.

- Sao ông Ba gọi là "Bà Nó"?

- Em không biết!

Có điều nữa cũng lạ, tôi biết trong phận sự của mình, ông Ba quản cả tấn mỳ chính và bao nhiêu thứ vật chất quý khác, có bao nhiêu cách để giúp cho bà ấy, nhưng ông chỉ gửi đúng một túi mỳ chính bằng tiền lương mà ông nhờ tôi đi mua.

Hôm sau tôi cùng bạn gái (sau này là vợ tôi - người vốn được ông Ba rất quý mến vì gia đình vợ tôi rất gần gũi với ông Ba ở trong Nam) đến nhà bà Thanh. Nhận thư, bà mừng lắm, nói với tôi:

- Tôi chưa từng gặp người nào từng sống với ông Ba ở Campuchia cả. Cậu kể đi, ông ấy sống thế nào? Ông ấy ăn như thế nào? Ông ấy tắm rửa như thế nào? Ông ấy hay mặc quần đùi đi ngủ mà không mặc áo may ô cậu có biết không? Ông ấy ở Sài Gòn quen rồi, dùng máy lạnh không tốt đâu...

Bà hỏi tỷ mỷ từng tý một, để hình dung cuộc sống của ông. Tôi kể hết.

Bà bảo tôi ở lại ăn cơm cùng gia đình, đang chần chừ thì anh Sơn chồng chị Giang (con gái lớn của ông Ba) đi làm về lại ngỏ lời nên chúng tôi ở lại.

Lúc bấy giờ tôi hỏi:

- Thưa cô, cháu hỏi thật sao chú lại ghi là "Bà Nó"?

Bà cười sung sướng:

- Tôi là mẹ của chúng nó nên ông ấy quen miệng gọi thế, thành ra giờ tên tôi lại thành Nó.

Sau đó bà tắt cười rồi nói:

- Ông ấy viết thư cho tôi thanh minh là tại sao ông ấy không về đấy cậu ạ!

Tên đầy đủ của bà là Phạm Thị Thanh, là chiến sỹ Việt Minh, cùng tham gia phá vụ án Ôn Như Hầu với ông Ba Quốc sau Cách mạng Tháng Tám. Năm 1949, ông bà lấy nhau rồi sinh được hai người con, nhưng vì nhiệm vụ ông phải vào Nam với một người vợ khác, là bà Ngô Thị Xuân. Nguyên do ông lấy bà Xuân là bởi lúc bấy giờ, hồ sơ nghi vấn ông là Việt Minh vẫn còn ở cơ quan công an của địch. Để vào Nam thực hiện nhiệm vụ với lý lịch "sạch",

ông đồng ý lấy bà Xuân, trở thành người nhà của Đàm Y để được xóa hồ sơ dễ dàng.

Câu chuyện "cho mượn chồng" được bà Thanh kể lại tường tận cho tôi nghe. Đó là vào một hôm, ông Trần Hiệu (Phó Giám đốc Nha Công an phụ trách tình báo) đến gặp bà Thanh, nói: "Chỉ thị của Đảng và trực tiếp là Bác Hồ chỉ đạo ngành Tình báo phải làm đám cưới giả cho anh Đặng Trần Đức để hợp thức hóa thân phận trước khi nhận nhiệm vụ vào Nam, nên tổ chức yêu cầu phải xin ý kiến chị, nếu chị đồng ý thì mới làm đám cưới đó".

- Ông ấy bảo nếu tôi đồng ý thì mới làm. Tôi hẹn sau ba ngày sẽ trả lời. Khi ấy, tôi nghĩ nếu để chồng đi mà không có danh nghĩa công khai, không có thân thế thì không thể làm tròn trách nhiệm của Đảng, của Tổ quốc giao phó. Do đó hôm gặp lại tôi nói rõ việc gì có lợi cho Đảng, cho Tổ quốc thì anh cứ làm. - Bà Thanh kể.

Đồng ý cho chồng lấy vợ khác để đi vào Nam hoạt động cũng là lúc bà Thanh cùng các con chấp nhận điều tiếng gia đình có người bỏ theo địch đi vào Nam để đảm bảo an toàn cho ông Ba.

Ngay từ những ngày đầu chuẩn bị vào Nam, ông nội của chị Giang biết chuyện, xót con dâu và cháu nên bảo với bà Thanh: "Để tao xuống Hải Phòng bắt nó về", nhưng bà Thanh can ngăn: "Thôi bố ạ, đó là công việc của nhà con!".

Nhưng, đến năm 1975 thống nhất rồi ông Ba vẫn chưa trở ra Bắc.

Lúc ấy, bà Thanh mới kể khổ:

- Ông ấy ra đây tôi không cần gì hết, ông ấy là Anh hùng hay là gì thì tôi cũng không cần, tôi chỉ cần ông ấy ở đây thôi, nhà tôi nghèo lắm nhưng tôi vẫn nuôi được ông ấy! - Giọng bà kiểu như người vợ trẻ nói với chồng mới cưới.

Xong bà đưa tôi xem lá thư của ông ấy vừa gửi, có đoạn:

"Anh cũng rất muốn về với gia đình nhưng đất nước đang chiến tranh, bao người hy sinh, anh không thể...".

Câu chuyện của bà quanh đi quẩn lại vẫn là thắc mắc: "Sao ông ấy không về". Bà nói với tôi mong muốn duy nhất của bà là ông quay ra đây sống với mình. Đấy cũng là câu chuyện luôn luôn diễn ra mỗi lần tôi ngồi với cả ông và bà sau này, bà luôn nhắc chuyện ấy, còn ông chỉ im lặng cười.

Trong lần gặp đầu tiên ấy, tôi ấn tượng với một tình tiết là bà đưa gói mỳ chính ông Ba gửi về cho người con rể - anh Sơn, rồi bảo anh:

- Con chia gói mỳ chính này ra rồi gửi cho nhà chú Hoan một phần, một phần cho anh Mùi (ân nhân của gia đình ông Ba mà tôi sẽ kể sau - TG), một phần cho nhà con, còn lại để vào bếp.

Gói mỳ chính 2,5 lạng mà bà bảo anh Sơn chia bốn phần!

Tôi không sao quên được gói mỳ chính chia tư mà ông Ba gửi ra cho bà Thanh, nó "nặng" hơn rất nhiều so với những gì mà ông gửi. Trao nhận những món quà từ phương xa thì tôi đã thấy nhiều, nhưng tôi không thấy cái gì giống như gói mỳ chính chia tư của bà Thanh ngoài Bắc. Sau này cũng nhiều lần bà Thanh làm như thế, bà trân trọng món quà từ ông Ba và ông cũng hiểu điều đó.

Từ lần đó, mỗi khi ra Hà Nội tôi đều đến nhà thăm bà Thanh. Hầu như tôi lựa đến vào buổi chiều, giờ đó đến không thể không ăn cơm, nếu mâm cơm có anh Sơn, anh Thành thì không thể không uống rượu. Tự nhiên tôi như một thành viên trong gia đình, gần như mọi chuyện từ chuyện lợn, gà, hay chuyển nhà, đều có ý kiến của tôi.

Với tôi, câu chuyện bà Thanh và ông Ba vô cùng đặc biệt. Bà đã phải nuốt nước mắt vào trong để đồng ý cho chồng mình đi lấy vợ trong quãng thời gian khốn khó, bà đồng ý cho tổ chức nói dối để ông yên tâm, rằng bà làm thư ký công đoàn ở Nhà máy Dệt 8/3, rằng chị Giang thì đi học đại học, còn anh Thành thì đi học đóng tàu ở Ba Lan. Nhưng thực tế không phải "trải hoa hồng" như thế.

Tôi hỏi bà:

- Khi biết chuyện này, cô có trách tổ chức không?

- Mới đầu nghe chuyện thì cũng có trách, có buồn. Nhưng sau nghĩ lại thì phải cảm ơn tổ chức ấy chứ, vì đó là để giữ bí mật cho ông ấy. Khổ mấy tôi cũng chịu được, miễn là ông ấy sống và hoàn thành nhiệm vụ trở về.

Bà cũng bảo với tôi:

- Cô không oán trách gì hết, không oán trách gì tổ chức, không trách gì ông ấy, để yên cho ông ấy làm việc, chỉ có một mong muốn là thôi già rồi, thực tâm rất muốn ông ấy về hưu.

Thậm chí có lần bà còn bảo tôi:

- Cháu lên thay ông ấy nhanh đi, để ông ấy về đây...

Bà chỉ có một mong muốn và kiên trì nói đến cuối đời, không có lần nào gặp mà bà không nói về chuyện "ông phải về đây với tôi".

Nhưng, ông chẳng về được với bà, trừ tháng cuối cùng trước khi bà mất.

❖ Nghĩa tình gia đình sau giải phóng

Bà Thanh là người phụ nữ đại lượng đến thánh thiện, nhưng là cái thánh thiện đúng kiểu... phụ nữ, kiểu như: "Thôi được rồi, tôi thánh thiện kiểu gì cũng được nhưng tôi chỉ đến thế thôi, còn bây giờ thì ông về đây với tôi", đó là tiếng lòng của bà.

Thế nhưng, mỗi lần ra Bắc công tác thì ông Ba mới về ở cùng bà Thanh. Cả cuộc đời bà Thanh chỉ ở với ông Ba có mấy năm, từ năm 1947 đến năm 1954. Nhưng trong khoảng thời gian đó cũng có một thời gian dài ông vào Hà Nội tham gia hoạt động ngoại tuyến nên tính ra hai ông bà chỉ sống với nhau trọn vẹn 3 năm đầu (từ năm 1947 đến năm 1950). Sau năm 1975, ông bà cũng không ở gần được bao nhiêu vì công việc ông cứ ra Bắc rồi vào Nam.

Năm 1983, người con trai của ông bà là anh Thành lấy vợ, sinh đứa con đầu lòng nên anh đón bà lên ở cùng tại khu tập thể Nhà máy Z125 bên Đông Anh. Ngôi nhà đầu hồi bị một cơn lốc làm đổ tường, đè vào bà Thanh, lúc ấy bà đang trông cháu nhỏ. Anh Thành bảo: "Nếu mẹ không đỡ cho thì cháu bé đã nguy rồi". Trong lúc cuống lên tìm cách cứu mẹ, anh Thành xốc nách mẹ đưa ra khỏi đống đổ nát nên

bà Thanh bị rạn cột sống, rồi bà bị liệt từ đó. Lúc ấy tuổi cũng đã cao, nhưng nhờ chăm chỉ luyện tập phục hồi nên bà đã nhúc nhắc tự lần theo tường đi lại trong nhà.

Ngay cả khi đó, tấm lòng thánh thiện của bà Thanh vẫn không vì thế mà giảm đi. Bà vẫn là người vợ cả đời chỉ hy sinh cho chồng và một lòng lo cho con cháu.

Ngay cả khi việc đi lại vô cùng khó khăn, nhưng mỗi lần ông ra Bắc, bà đều tự tay làm đồ ăn cho ông với nhiều món thuần Bắc. Ngoài lạc rang và đậu phụ thì ốc chuối đậu, tiết canh vịt... những món ông Ba rất thích bà đều tự tay làm. Món tiết canh vịt của bà Thanh đánh ngon khó ai bì được. Lâu nhất chính là khâu băm nhân được bà làm tỷ mỷ đến mức các con cháu chỉ nhìn thôi cũng thấy khó theo được. Kể cũng phải bởi bà không có nhiều cơ hội nấu cho ông ăn nên mỗi lần ông ăn cơm nhà, với bà việc vào bếp nấu ăn không đơn thuần là bày ra đủ mâm, đủ bát mà ở đó chứa đựng biết bao chăm sóc, thương yêu.

Tôi nhớ hồi trong Nam, một hôm tôi và cậu Đồng, cậu Thạnh đến nhà thăm ông Ba thì bà Xuân kêu đau người, ông liền xách xô nước cho bà ngâm chân. Câu chuyện ấy chúng tôi chứng kiến và qua đi. Nhưng một lần cậu Thạnh cùng tôi ra Bắc, đến nhà bà Thanh chơi. Thấy bà than thở:

- Ông Ba dạo này ra đây đau lưng cứ đi khòm khòm.

Cậu Thạnh nghe vậy hồn nhiên nói:

- Chắc tại ở trong ấy chú cứ xách nước cho cô Xuân ngâm chân nên mới đau lưng.

Trời đất ơi, bà Thanh nghe xong quay sang ông Ba độp luôn:

- Em nói anh nghe, anh xách nước cho người ta đau lưng thì đừng kêu với em nữa!

Ông Ba ngồi chết trân.

Lúc đó chả lẽ tôi lại cho Thạnh một cái tát vì tội mau miệng. Tôi đành lên tiếng át đi:

- Cái cậu này đùa gì ngốc thế, nói linh tinh!

Nhưng bà vẫn giọng hờn trách:

- Cháu ạ, ông ấy ra đây không phải sờ đến bát cái đũa đâu, khăn mặt của ông ấy tôi cũng phải phơi, quần đùi của ông ấy tôi cũng phải giặt.

Đến cả một cơn ghen chính đáng, bà Thanh cũng không thể hiện đúng nghĩa, mà chỉ là chút trách giận, tủi thân khi bà không có được điều mà người phụ nữ bình thường ai cũng có.

Đối với bà cái tủi thân ấy không phải dành cho một ông tướng Anh hùng, mà đơn giản chỉ là của một người vợ chung thủy với một người chồng. Nói thế để thấy với bà, không cần vật chất, không cần điều kiện tốt đẹp, không bà ông lớn vợ ông to, mà đơn giản "tôi chỉ cần là vợ anh thôi!".

Theo hai người con của ông với bà Thanh là chị Giang, anh Thành kể, thì bà Xuân có ra Bắc một lần, vào năm 1981. Lúc ấy bà Thanh cư xử bình thường, họ ăn cơm cùng nhau, ở cùng nhà một ngày. Bà Xuân còn hỏi bà Thanh: "Ở ngoài này chị thường nấu món gì cho anh ấy ăn?". Bà Thanh kể các món ăn mà ông Ba thích để vào trong kia bà Xuân nấu cho ông ăn.

Còn chị Giang khi gặp bà Xuân và các con của bà, chị kể lại là: "Với các em trong ấy tôi chẳng oán trách gì cả,

nhưng với bà Xuân thì trong tôi vẫn có gì đó kiểu "mẹ kế con chồng". Nói thật là tôi hơi xấu tính, tôi không thích, không phải vì bà ấy đối xử với mình như thế nào, mà là mình tức thay cho mẹ, đó là tâm lý bình thường của con người".

Bà Thanh có một điều ao ước là được đi Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng do chân bà liệt, mà ngồi tàu hỏa hồi đó phải 3 - 4 ngày, sợ sức khỏe không đi nổi. Sau này, khi con gái lớn chị Giang làm ở ngành Hàng không, có điều kiện để đi máy bay thì bà Thanh mất rồi. Cô cháu gái cứ áy náy: "Giá như đi làm ở đó sớm hơn thì nhất định mua vé máy bay cho bà vào Thành phố Hồ Chí Minh". Mà lý do đơn giản của bà Thanh là vào để thăm Thành phố Hồ Chí Minh thôi, không vì ai.

Bà Thanh rất quý anh Vũ, con trai của ông Ba với bà Xuân. Bà chăm chút Vũ rất tình cảm, nên Vũ có nói một câu với bà Thanh như này: "Nếu chọn về tình cảm thì con muốn ở ngoài Bắc, nhưng về thời tiết thì con muốn ở trong Nam vì ngoài Bắc rét quá". Chị Giang kể, lần đầu tiên Vũ ra ngoài Bắc cùng ông Ba, cậu ấy chỉ ngồi bên bếp lửa, không dám đi đâu vì ngại rét.

Bà Thanh cũng hay viết thư cho các con bà Xuân, trong đó Vũ là người được bà dành nhiều tình cảm hơn cả. Phần vì Vũ ra Bắc nhiều, gặp bà Thanh nhiều, phần vì khi ông Ba Quốc bị lộ thì Vũ là người bị địch bắt tra tấn đến nỗi sau này tai không nghe rõ và chân đi khập khiễng. Vì thế, bà thương Vũ nhiều hơn và thường xuyên biên thư động viên.

Cô con gái bà Xuân là cô Hạnh sau này lấy chồng cũng hay ra Bắc và đến thăm bà Thanh khi bà sống ở khu

Cống Vị cùng chị Giang. Còn anh Phong, cậu Quang thì chủ yếu giao tiếp qua thư từ. Chị Giang và anh Thành bảo rằng bà Thanh "không hề ghét đứa em cùng cha khác mẹ nào" của hai chị em. Sau này, các con của bà Xuân có dịp ra Bắc gặp bà Thanh đều cảm nhận được sự hiền từ bao dung của bà và gọi bà với một cái tên là "Mẹ cả".

Tôi nghĩ, nếu bà Thanh sống trong u uất, tủi thân, đau khổ mà không có sự tha thứ, bao dung thì chắc bà không thể sống nổi. Nhưng bà mang trong tim niềm kiêu hãnh, không hề bận tâm đến công lao của ông, vị trí của ông, chỉ cần biết bà hy sinh cho một con người đặc biệt trung thành, đặc biệt tài giỏi, đặc biệt thâm trầm. Bà đặc biệt yêu thương và tin ông sẽ làm nên việc lớn cho tổ chức.

Nói đến người ăn sắn, ăn khoai, chịu nhiều cực nhọc nhưng sống trong kiêu hãnh chính là nói về bà Thanh.

Có lần tôi hỏi chị Giang, bà Thanh giấu nỗi lòng như thế nhưng có bao giờ chị thấy bà lộ cảm xúc ra ngoài không? Chị Giang kể:

- Có hôm đi làm về bất chợt chị thấy mẹ ngồi giã cái cối trầu một cách vô định. Răng mẹ lung lay nên ăn trầu phải giã. Tay giã mà mắt mẹ cứ lặng nhìn qua cửa sổ. Đấy là hồi chị đã lớn hơn và biết nhìn nhận. Còn hồi hai chị em về Hà Nội, mẹ ở trên nông trường Vân Lĩnh (Phú Thọ), cô bạn chị tên Hiên hay chạy qua chạy lại thăm mẹ. Hiên kể: "Có hôm tớ vào đứng ở cửa rồi mà mẹ cậu không nhận ra tớ, mẹ cậu cứ ngồi cầm cái cối giã trầu nhìn xa xăm". Chị cũng chưa từng thấy mẹ khóc bao giờ. Chuyện trớ trêu, tủi cực nhất mẹ cũng không khóc. Gặp bố sau bao cách trở cũng không khóc. Rất kỳ lạ. Đêm có lần tỉnh giấc, chị thấy mẹ ngồi lặng

lẽ trên giường, biết mẹ buồn, nhưng mẹ cũng không khóc. Hay mẹ có khóc lúc nào không thì chị không biết, vì lúc đó còn trẻ nên cứ lên giường là ngủ thôi...

Khi chị Giang trưởng thành, cũng làm người vợ, người mẹ, chị bảo chị cảm nhận được mẹ của mình rất đau, cái đau nhất trong lòng mẹ là phải chia sẻ bố, là bố có hai người vợ.

Những chuyện về giai đoạn bà Thanh cùng các con ở trên Phú Thọ khổ như nào người ta nói nhiều rồi. Tôi muốn nói đến thời gian sau này mỗi lần ông Ba ra Bắc, tôi được đến nhà bà Thanh cùng ông, có cảm giác bữa cơm nào tôi ăn ở nhà ông bà cũng như ngày hội của gia đình.

Mỗi năm ông Ba ra Bắc nhiều nhất là một tháng, ra họp, nếu không họp thì chỉ ở được 15 ngày.

Mỗi dịp như thế, bà Thanh chăm ông Ba không ai bằng. Ông Ba đi họp gần đến giờ về là bà Thanh ở nhà chuẩn bị khăn tắm, quần áo, chậu nước để sẵn. Hồi đó chưa có bình nóng lạnh, mà phải đun nước trước, ông Ba về là bà đã tự chuẩn bị trước nước tắm cho ông.

Mặc dù lúc ấy bà bị liệt không đi lại được, nhưng quần áo lót của ông Ba bao giờ cũng do bà giặt, mà là giặt tay, các anh chị phải bưng nước, lấy xà phòng cho bà giặt, rồi phải đi đổ nước cho bà. Bữa cơm của ông bà bao giờ cũng đủ con cái quây quần. Tự bà kiểm tra và chỉ đạo từ lúc nấu đến lúc ăn. Vui nhất là nhìn anh Sơn - con rể ông Ba, hiền lành, chân chất, lúc nào cũng cười khơ khơ, hết sức cởi mở, thật thà. Anh Sơn là thợ quân khí, nhưng được ông Ba nể trọng và quý nhất nhà.

Tôi có hỏi ông Ba về anh Sơn. Ông trải lòng:

- Tôi biết ơn thằng Sơn nhiều lắm cậu ạ, khi nó tìm hiểu cái Giang thì là lúc không ai dám lấy, kể cả đơn vị Sơn cũng can ngăn không cho lấy vì nghi vấn bố Giang theo địch. Sơn có nói một câu với đơn vị, với gia đình cậu ấy và với cả bà Thanh, cả Giang là: "Không thể một gia đình như này mà có người theo địch được, mặc mọi người nói như nào con vẫn tin bố Giang là người của Cách mạng".

Hồi xưa người của Cách mạng, của tổ chức là gắn liền với đạo đức, gắn liền với lý tưởng, với sự cao cả thiêng liêng lắm. Mặc lời đồn đại, anh Sơn vẫn quyết tâm lấy chị Giang. Hậu quả đến liền với anh là không ai nhận anh vào làm nữa.

Lý lịch trong sáng là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng với mỗi cá nhân trong thời chiến. Bởi thế, việc anh Sơn - khi ấy là thợ quân khí có tài, nhiều triển vọng quyết tâm lấy chị Giang cũng khiến nhiều người gièm pha, lời ong tiếng ve. Vượt qua mọi lời đồn đại, hai anh chị đã quyết định làm đám cưới ngay tại nông trường.

Gia đình ngoài Bắc của ông Ba - một gia đình sống trong nghèo khó, vất vả, nhưng bao năm qua, để biếu họ nhận món quà gì đó thì vô cùng khó, không phải biếu gì họ cũng lấy. Cho đến bây giờ gia đình họ vẫn sống giản dị, một cuộc sống hoàn toàn thị dân nhưng đầy kiêu hãnh, tự trọng.

Cách đây vài năm, chị Giang, anh Thành xin chính quyền được miếng đất làm Nhà lưu niệm của ông Ba

ở Thanh Trì, tôi nói với anh chị xin đổi quyết định thành nhà lưu niệm kết hợp nhà ở, nhưng gia đình họp bàn đi bàn lại, đến giờ vẫn chưa chịu ở.

Tính khảng khái ấy dường như ăn sâu vào mạch máu của từng thành viên trong gia đình.

Cũng chuyện liên quan đến nhà cửa, tôi lại nhớ đến ông Ba sinh thời đã từng khảng khái khước từ tiêu chuẩn phân nhà.

Đó là chuyện mẹ con bà Thanh ở một căn hộ tập thể cũ khu G5 Thành Công. Còn nhớ hồi ở khu đó nhà nào cũng nuôi lợn, tận dụng mọi chỗ, thậm chí buồng tắm cũng để nuôi lợn, còn tắm thì vào bếp, hoặc khi tắm đuổi lợn ra rồi vào tắm. Tôi đến thăm bà, thấy nhà gác trên nuôi lợn, nhà bên cạnh cũng nuôi lợn, nước phân lợn từ trên trần thấm xuống hôi không chịu nổi.

Tôi bảo bà Thanh:

- Họ để ngấm nước phân lợn xuống nhà mình thế này, phải kiện cô ạ!

Ông Ba đang ngồi quay sang bảo:

- Thế có khi ngày kia họ kiện mình, mình cũng nuôi lợn mà?

- Nhưng nhà mình láng xi măng nó không thấm - Tôi nói.

Nhưng giọng ông nghiêm nghị:

- Không, sai là sai tất. Mình đã nuôi lợn thì đừng có kiện cáo gì, kệ người ta!

Nên gia đình bà Thanh cứ ở đó bao năm trời và sống chung cùng mùi phân lợn như thế.

Tôi nhớ hồi đó khoảng năm 1989 đến năm 1990, là khoảng thời gian tôi với ông Ba đi công tác các tỉnh phía Bắc. Lúc đó, Cục 2 có tiêu chuẩn phân nhà đất cho cán bộ. Với tiêu chuẩn của bà Thanh, cộng thêm anh Thành cũng là cán bộ của ngành thì gia đình đương nhiên có tiêu chuẩn nhà, dự kiến được phân một căn hộ chừng 28 mét vuông. Hồi đấy tiêu chuẩn cấp đất lại ít ai màng mà cần nhà hơn. Nhưng có quy định tập thể thông qua, phê chuẩn rồi, chấm điểm rồi thì vẫn phải mang ra niêm yết để có ai có ý kiến gì thì ý kiến.

Không hiểu ai nói với ông Ba là có cái đơn "kiện" ông có nhà trong Nam rồi, bây giờ tập thể đang khó khăn mà ông lại nhận cái nhà ngoài này. Trong khi thực chất, ngôi nhà trong Nam ở đường Trần Quang Khải là ông tự mua từ thời chế độ cũ, không phải nhà được phân.

Ông Ba biết chuyện, bảo tôi:

- Tiêu chuẩn phân nhà bị ý kiến cậu ạ!

- Cháu không biết chuyện này. Nhưng chú đã có nhà đâu mà ý kiến ạ?

Tưởng ông chỉ kể vậy thôi, ai dè ông lên Tổng cục ngồi hý hoáy viết đơn xin rút không nhận nhà. Lúc đó tôi không biết, không kịp can ông. Sau sự đã rồi, tôi chỉ biết bảo ông:

- Chú ơi, hàng trăm người mới được mình chú, mà chú lại trả thế này!

Ông bảo:

- Ở cái nhà mà bị đơn kiện tôi không ở được đâu!

Ông Ba trả nhà làm tôi chưng hửng, thấy thương bà Thanh và các anh chị ngoài này. Nhưng chuyện đã rồi,

tôi không biết làm thế nào nữa. Mãi sau này mới xin được miếng đất ở Bạch Mai cho anh Thành và xây cái nhà ở đó. Lúc bấy giờ anh Thành và bà Thanh chuyển về khu Bạch Mai, mới hết mùi hôi của chuồng lợn trong căn tập thể cũ ở khu Thành Công, vài năm sau thì bà Thanh mất.

Cũng vì chuyện này, một lần tôi nói với ông Ba:

- Thưa chú, việc của các chú cháu không làm được, nhưng việc đỡ khó khăn cho gia đình có gì đâu ạ?

Ông bảo:

- Thôi cậu ạ, những chuyện đấy qua rồi.

Thực ra ở gần ông, không phải tôi không hiểu được về gia đình ngoài Bắc của ông, không phải ông không có những "uẩn ức", nhưng chuyện ấy ông không nói ra.

❖ Chị Giang

Con gái đầu của ông Ba là chị Giang (Đặng Thị Chính Giang), sinh năm 1950.

Với chị Giang, ông Ba rất chiều và có đối xử đặc biệt với chị. Lúc nào ông cũng rất mềm mỏng, lắng nghe, tin cậy và yêu thương. Tôi nghĩ là vì chị Giang phải sống cuộc đời khốn khó trong thời gian ông Ba đi vắng, phải chịu đựng và cảm nhận tất cả những đau khổ như mẹ chị.

Có lúc, tôi thấy chị Giang "làm nũng" ông Ba rất "quá đáng". Có khi cả nhà đang ngồi ăn, ông Ba chuẩn bị đưa chén rượu lên miệng, thì chị chống đũa ngồi khóc. Lần đầu tôi lờ đi, đến lần thứ hai thấy thế tôi bực:

- Chị khóc gì đấy? Ông đang ăn cơm sao chị lại khóc?

- Chị thương bố chị khóc, chị thương mẹ chị khóc.

Gia đình bà Thanh sống thật tình cảm. Chị Giang bên ngoài rắn rỏi cương trực lắm, mà trong gia đình chị lại như một đứa trẻ... Chị hay nhớ về quá khứ của bố mẹ mà khóc.

Trong những lần "khóc nũng" như thế, chị Giang lại kể cho tôi, thực ra là kể cho cả ông Ba, và cho mấy mẹ con chị cùng nhớ lại những tháng ngày khốn khó vắng chồng, vắng cha của họ.

Hồi đó, sau khi ta tiếp quản Thủ đô, bà Thanh làm ở Nhà máy in Tiến Bộ, vì lý do giữ bí mật mà tổ chức đưa mấy mẹ con bà Thanh lên Phú Thọ, cùng với Trung đoàn 210 (Sư đoàn 305) khai phá rừng để xây dựng nông trường trồng chè. Trong số người lên đó có ít phụ nữ, chỉ có mấy cô văn công và trẻ em.

- Mẹ và cô Hà làm ở căng tin của sư đoàn. Sáng đi làm sớm nên mẹ chuẩn bị đồ ăn cho hai chị em, tối mẹ mới về, hai chị em ở nhà tự trông tự chơi, mẹ về có gì thì ăn. Ba mẹ con ở trong một phòng nhỏ chẳng có đồ đạc gì, chỉ có cái túi dết "cơ động" bên trong chứa ít quần áo. Sau một thời gian căn phòng bị tận dụng làm việc khác, Trung đoàn 210 sau chuyển thành nông trường. Mẹ không làm căng tin nữa, bị đưa xuống đội làm chè dù mẹ sức khỏe yếu. Cho tới năm 1971, nông trường cho mẹ nghỉ mất sức. Với lý do sức khỏe yếu dù trong quá trình khám ở bệnh viện, mẹ không ốm đau gì. Mẹ nói với chị giá mà cho mẹ làm thêm một năm nữa thì mẹ đủ tiêu chuẩn hưu. Mãi sau này khi Nhà nước có chính sách những người mất sức khám lại, thì mẹ mới có lại lương mất sức.

Thỉnh thoảng, anh Thành cũng chêm vào câu chuyện về chặng đường rất vất vả của ba mẹ con những ngày lên Phú Thọ:

- Chỗ ở gần như chuyển đi khắp nơi, lúc thì về đội, lúc lại sơ tán, có giai đoạn khi địch bắt đầu đánh phá miền Bắc năm 1965 mẹ còn đón bà ngoại từ Nghệ An đưa lên Phú Thọ ở cùng. Mẹ một tay nuôi hai con nhỏ và một bà mẹ già. Lúc đó, dù là tình trạng khó khăn chung, nhưng sự vất vả của mẹ còn nặng gánh gấp bội so với những người khác.

Theo như chị Giang kể, thì hồi đó mấy mẹ con không có hộ khẩu nên không có lương thực, hầu như không có tiền, lên Phú Thọ chỉ trông vào 35 đồng tiền lương của bà Thanh. Người ta có vợ chồng khai phá đồi, chặt cây làm nương lấy lương thực thực phẩm, nhà chị thì mẹ yếu, con nhỏ lẩy bẩy nên làm được gì thì làm, có gì ăn đó. Hễ có rẻo đất ven đồi nào còn trống thì ba mẹ con ra cuốc đất trồng khoai lang hoặc sắn lấy rau củ ăn. Lương thực được cấp 30%, còn 70% là phải tự túc. Mẹ được 15 kilôgam gạo, hai chị em được 13 kilôgam, cho bốn miệng ăn.

Khi địch đánh sát Hà Nội, ông nội chị Giang lên sơ tán, vậy là bà Thanh phải chăm cả mẹ đẻ, cả bố chồng, mà lúc đó nhà chỉ là cái lán tuềnh toàng, kê được một cái giường cho bà ngoại nằm, khi ông nội lên thì kê thêm một cái phản cho ông. Chỗ ở của mấy mẹ con rất hay bị tận dụng, nên cứ chuyển liên tục.

Nghe chị Giang kể, tôi hiểu được vì sao nước mắt chị cứ rơi trong mỗi bữa cơm.

Hồi đó, anh Thành đi học chiều, chị Giang học sáng, có người bạn anh Thành được bố đèo đi học, anh cứ túm lấy cái đuôi xe mà chạy theo. Thấy cảnh ấy, chị Giang "điên tiết" lôi anh Thành lại đánh một trận. Chị bảo: "Thấy em chạy theo xe bạn, nắng nôi nhễ nhại, thương em quá mà đánh, thứ hai nữa là cảnh ấy khiến chị tủi thân quá, người ta có bố đèo đi trong khi em mình như thế". Nhưng về cũng không nói với mẹ.

Đối với hai chị em, người bố lúc ấy là cái gì đó thật mơ hồ, ông Ba đi Nam từ lúc chị Giang 4 - 5 tuổi, nên ký ức của chị về bố... trắng như tờ giấy. Người bố đối với hai chị em chỉ là nhân vật qua lời mẹ kể, mà mẹ cũng chỉ kể ngắn gọn: "Bố các con đi công tác ở bên Trung Quốc".

Hồi đó đi học, những con em nhà nghèo được giảm học phí, được học bổng và được mua trọn vẹn bộ sách giáo khoa, nhưng chị Giang bảo:

- Con em như nhà chị thì chỉ được chọn mua một sách toán hoặc văn, còn vở viết thì người ta được 5 quyển mình chỉ được 1 quyển. Hồi đó còn rộ lên trong trường đồn đại chị là con của người trốn vào miền Nam, chứ không phải đi công tác nọ kia. Lúc đó chị cứ gân cổ lên cãi: "Bố tao đi công tác ở bên Trung Quốc". Còn nhớ có ông anh con của bác ruột đi học lái tàu hỏa bên Trung Quốc về, mẹ bảo với hai chị em là "bố các con đi học ở bên đó như anh Tuân này này". Chị hỏi anh ấy: "Sang bên đó có gặp bố em không?". Ông ấy chỉ cười. Chúng bạn thì hỏi: "Sao bố mày đi Trung Quốc mà từ bấy đến giờ không thấy bố mày về lần nào?". Chị chỉ biết chống chế: "Còn lâu bố tao mới về". Cả tuổi thơ cứ cãi nhau về người bố như thế.

Năm chị Giang 13 - 14 tuổi, lần đầu tiên được nghe mang máng về việc không phải bố mình đi Trung Quốc.

Cho đến năm 15 tuổi, bà Thanh mới kể cho chị Giang mọi chuyện về bố. Có một kỷ niệm của hai chị em mà chị Giang nhớ nhất, đó là hôm bà Thanh đưa cho chị 5 đồng để đi chợ, số tiền khá lớn trong tổng "lương còm" của mẹ.

"Chị dắt Thành đi cùng, tiền nắm chặt trong tay, ra đến chợ thì định mua bánh cho em. Vừa ngồi xuống chọn xong cái bánh xòe tay ra thì ôi thôi tiền đâu mất rồi. Hai chị em vừa tiếc vừa sợ, nước mắt lưng tròng, lại dắt díu nhau về. Dọc đường còn nhặt được mớ rau muống mang về cho mẹ. Lúc bấy giờ vừa đi vừa nghĩ: "Ước gì lúc này có một cái xe con và có người vẫy hỏi đường về nông trường Vân Lĩnh ở đâu? Nhà bà Thanh ở đâu?". Rồi khi thấy hai chị em chỉ ở đó thì ông ấy bảo: "Thế đi cùng với chú về nhà bà Thanh". Chị ước là bố mình sẽ về như thế để có bố thì đỡ bị mẹ phạt vì làm mất số tiền lớn. Nhưng về mẹ không trách mắng hay đánh phạt gì, mẹ cũng chẳng nói gì, chỉ nhìn một cái, xong mẹ ra ổ gà, nhặt một quả trứng vào luộc cho hai chị em ăn, còn mẹ ăn cơm với nước mắm". - Chị Thanh hồi tưởng.

Cả chị Giang và anh Thành đều kể lại rằng, mẹ chưa hề đánh các con, mẹ cũng không biết ăn nói nặng lời với ai bao giờ. Có buồn cũng chỉ thấy mẹ ngồi yên lặng nhìn vô định. "Từ khi chị hiểu chuyện cho đến khi trưởng thành, chưa bao giờ thấy mẹ khóc". - Chị Giang nói.

Ở Vân Lĩnh (Thanh Ba, Phú Thọ) khi ấy không có trường, chỉ duy có một ông giáo đứng ra gom học sinh để dạy vỡ lòng, song mới được một kỳ học thầy không dạy nữa. Sau đó một ông thầy khác tiếp quản lớp nhưng rồi

học nửa chừng thầy cũng bỏ lớp. Hai năm không học xong lớp vỡ lòng, vì thế bà Thanh buộc phải đưa con trai xuống nói với ông nội cho ở và học vỡ lòng ở Hà Nội. Khi đó anh Thành tám tuổi rồi ông nội mới làm khai sinh để xin học. Lúc này, chỉ còn lại chị Giang ở với mẹ trên nông trường chè Vân Lĩnh.

- Một hôm đang học thì một ông ở Đội 9 của nông trường tới bảo về gấp. Từ trường đến nhà là chín cây số, đi qua năm con suối, may được ông ấy đèo xe đạp, đưa thẳng đến trạm xá. Lúc ấy khoảng 5 rưỡi chiều, vào đến nơi thấy mẹ nằm bẹp ở cái lán lát bằng cây bương, phải vén chiếu lên cho máu chảy xuống cái chậu bên dưới. Hình ảnh quá sốc với một cô bé như chị thuở ấy. Nhưng rồi, cũng chỉ có mình chị với mẹ, biết kêu ai, thi thoảng có cô y tá đảo qua, cô bảo cứ yên tâm. Hôm ấy chị nhịn đói suốt cả ngày. Những ngày sau, hai mẹ con chia nhau một suất cơm y tế. Đêm nào chị cũng ngồi trông mẹ ở trạm xá trong cảnh tù mù chỉ có ngọn đèn dầu nhỏ. Mẹ nằm ở đó suốt 12 ngày. Sáng nào chị cũng phải bê một chậu to đỏ lòm máu lẫn với đồ mẹ thay mang xuống suối xả cho sạch.

Trong những ngày nằm bẹp ở trạm xá ấy, mỗi lần tỉnh táo, bà Thanh lại dặn chị Giang: "Nếu mẹ có làm sao thì con dẫn em về ở với bác trưởng" (tức người chị gái của mẹ). Nhưng rồi bà cũng dần hồi phục.

Hồi đó chị Giang được cô bạn cho một con gà mái đẻ, bà Thanh gây được chuồng gà. Ở khu đó có một ông bị mang tiếng hay "ăn cắp" gà, nhưng bà vẫn gọi ông ấy nhờ sửa giúp cái chuồng gà. Mọi người thắc mắc: "Sao chị lại cho kẻ cắp vào nhà?". Bà chỉ bảo: "Ăn cắp ở đâu không biết,

chứ nhà tôi thì không bao giờ". Quả đúng là ông ấy không lấy gì, mà suy cho cùng có gì đâu mà lấy.

Sau này hiểu chuyện, chị Giang biết mẹ mình sống rất tử tế, được nhiều người nể trọng, nhất là những người có người nhà đi B họ cực kỳ quý bà Thanh, hay đến nói chuyện, nghe bà tư vấn, mặc dù hồi đó hễ có chuyện thì công đoàn mới là nơi lắng nghe, giải quyết.

Trong thời gian khó khăn đó có ông Thạch thỉnh thoảng báo tin lên, sau đó có ông Văn Lang cũng lên Phú Thọ một lần xem mấy mẹ con chị Giang sống như thế nào. Đến một ngày, khi đơn vị ở dưới Hà Nội không liên lạc gì với bà Thanh nữa. Từ thời điểm bặt tin ấy, mẹ con chị Giang bị cắt trợ cấp mấy năm liền mà không rõ lý do.

Chị Giang kể sau này khi ông nội ốm, mẹ mình về Hà Nội thăm ông. Bà Thanh vào Trạm 354 liên hệ thì họ nói là do mất liên lạc với ông Ba nên cắt trợ cấp và không liên hệ với mẹ con chị nữa.

Đối chiếu sự kiện sau này thì đó là năm mà ông Ba bị bắt, sau đảo chính, và bặt tin. "Nhưng mẹ thì tin bố lắm, như là một đức tin không gì lay chuyển nổi. Bố nói gì cũng đúng, làm gì cũng đúng, không có gì sai cả. Vì thế, sau này gặp lại bố, chị mới ngang ngược, hay giận dỗi bố vì quá thương mẹ, thấy bất công cho mẹ, mẹ lúc nào cũng hiền lành, cực kỳ đạo đức trong hành xử". - Chị Giang kể.

Chị Giang bảo, trong mọi hoàn cảnh mẹ chị chẳng bấu víu vào đâu, chỉ lấy chồng ra làm niềm tin. Cắn răng vượt qua mọi sự, không hề than thở, không hề kêu ca. Còn chị thì chỉ trông vào mẹ.

Chị nói đọc sách truyện rất nhiều, những năm được đi học chị cũng rất giỏi văn, nhưng chị chẳng thấy mảnh đời nào vật vã như mẹ con chị. Có người gian xảo quá, có người chính trực quá, có người vất vả quá, có người lại sung sướng quá. Nhưng bản thân gia đình chị cứ như đứng giữa hai dòng nước, lập lờ giữa chính - tà.

Về việc "giận bố", chị Giang cũng giãi bày: "Trước đây, chị không có tình cảm gì nhiều với bố vì có được sống cùng bố đâu mà có tình cảm? Tận lúc chị lấy chồng cho đến năm 1975 khi có hai đứa con, thì một hôm vào dịp nghỉ lễ 30 tháng Tư, chị để dành tem phiếu và đạp xe từ Đông Anh lên chợ Tó mua thịt, hớn hở nói với mẹ: "Nay làm nem mẹ nhé!". Chị đang gói nem thì thấy ông chú hớt hải đạp xe từ Hà Nội sang nói với mẹ: "Chị ơi về Hà Nội, anh về!". Thế là mẹ đang ngồi ôm thằng cháu con chị, lặng cả người không nói câu nào. Đơn vị có báo gì đâu, mà người báo là ông chú. Sau đó mẹ bảo: "Thế phải gọi cậu Thành về". May vừa lúc đó cậu Thành về, vì cứ ngày lễ là gia đình tập trung ở nhà chị".

Đến nơi, bà Thanh vào, câu đầu tiên bà nói với ông Ba: "Anh Đức!" - chứ không nói là "anh về" hay câu nào khác. Người ta bảo đoàn tụ nhiều năm thì phải khóc, nhưng bà Thanh không rơi lệ, còn ông Ba chỉ ngẩng lên, nhìn vợ, rồi gật đầu.

"Chị lúc ấy theo sau mẹ, thấy một ông bộ đội đen sì, trong lòng chị còn nghĩ nhìn bộ mặt ác như... nguỵ. Ông ấy cứ ngồi như thế ở bàn nước. Chị chẳng có cảm xúc gì cả. Lúc ấy ông gọi chị lại và bảo: "Khi bố ra ngoài này, đơn vị đưa cho hai cái đồng hồ, một cái là của nam, một cái là của nữ và

bảo chọn một trong hai, bố chọn cái đồng hồ nữ cho con". Chị lúc đó còn chả biết gì về đồng hồ, nhận xong đưa cho ông chú, ông ấy hướng dẫn cách dùng." - Chị Giang nhớ lại ngày đoàn tụ với ông Ba.

Rồi ông Ba quay sang bảo với anh Thành: "Vì bố thương con gái nên chọn đồng hồ nữ cho chị. Mai đây con có gia đình, có con rồi sẽ hiểu tại sao bố lại thương con gái hơn".

Ông Ba ở Hà Nội đến ngày 2 tháng Năm thì được lệnh vào Thành phố Hồ Chí Minh, lý do là địch ra trình diện nhiều mà không biết ai với ai nên cần ông vào xử lý. Một ngày sau ông lên đường. Mẹ con bà Thanh lại đưa nhau về Đông Anh. Ông Ba hẹn mấy tháng sau sẽ trở ra, nhưng đúng một năm sau ông mới quay trở lại.

Chị Giang kể đến đây, anh Thành tiếp lời:

- Khi tôi đến nhà ông nội thì ông chú rể chồng cô tôi bảo tôi là: "Chú này đang ngồi chờ bố cháu về". Tôi vào bảo: "Cháu chào chú!" rồi quay luôn ra ngoài ban công đứng chờ bố. Vậy là câu đầu tiên khi gặp bố tôi chào bố bằng chú. Tôi nào đã gặp bố đâu mà biết. Đến lúc mẹ lên thấy mẹ và ông nội nói thì mới biết đó là bố.

Chị Giang tiếp tục câu chuyện trong nước mắt:

- Sau năm 1975, khi bố chị ra Bắc, dù biết là ông có gia đình ở trong ấy, nhưng mẹ không nói gì. Bề ngoài mẹ vẫn xử sự hết sức bình thường với bố mỗi lần ông ra Bắc, không hề ghen tuông, không biểu hiện phân biệt gì với bà Xuân. Chị vốn không phải là đứa học dốt, đã thi giỏi văn toàn huyện, nhưng có điều không có đủ điều kiện để học,

chị luôn đau đáu nếu mình đi học thì em mình sẽ như thế nào. Còn cậu Thành suýt nữa thì không được vào học ở Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân giới vì vấn đề lý lịch. Hồi đấy chị nghĩ mình đã không được học hành đến nơi đến chốn rồi thì phải cố gắng cho em mình được học lên cao hơn.

Về những thiệt thòi khi mang tiếng bố theo địch, anh Thành cũng kể:

- Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân giới đào tạo công nhân kỹ thuật, mình không quên được cảm giác lúc nhập học suýt nữa thì bị đuổi về. Hôm ấy, một anh trợ lý đọc hồ sơ của mình, còn ông Trưởng phòng thì ngồi bên trong. Một lúc thì anh trợ lý báo cáo ông Trưởng phòng: "Anh ơi, thằng này hồ sơ của nó không được rồi, bố theo địch...". Lúc đấy mình nghĩ bụng: "Chết rồi, thế này lại khoác ba lô về, biết đi đâu về đâu bây giờ...". Nhưng sau đó ông Trưởng phòng bảo: "Thế nào cũng có người trên Tổng cục Kỹ thuật xin cho nó thì hồ sơ mới đến đây, thôi cứ nhận nó vào đi". Thế là mình được vào học. Sau này khi học xong mình được vào làm việc luôn tại Nhà máy Z125.

Còn với chị Giang, sớm được mẹ kể về thân phận thật của bố, chị bỏ ngoài tai việc bị nói có bố theo địch và chỉ có mục đích sống duy nhất là học để cho mẹ thoát khổ.

Những bữa cơm quây quần chính là lúc chị Giang kể lại cho ông Ba nghe nỗi lòng của đứa con thiếu vắng cha. Từ năm lên 9 tuổi, chị đã mơ hồ trách móc, chị bảo mình là người thường, vẫn có những cảm xúc riêng, còn mẹ thì hiền quá, hy sinh quá, nên chị "tức" thay, chị phải kể cho bố nghe mẹ đã sống như thế nào, hy sinh như thế nào...

- Những lúc bố nghe chị kể, bố buồn lắm, chỉ im lặng, cứ ngồi uống rượu thôi...

Chị Giang bảo, cái cảm giác được "giải oan" không phải là con gián điệp, con Việt gian dần dần mất đi theo thời gian, nhưng nó vẫn là vết thương để lại sẹo trong lòng chị.

- Những người thân thiết hồi đó họ không nghĩ mình là con nhà phản động, nhưng những người khác sau này gặp lại thì họ mới cư xử khác đi. Chị nhớ cách đây 6 năm, gặp lại một số người, họ bảo: "Đến giờ mới biết thời ấy cậu khổ như thế nào, sau khi được xem phim và đọc truyện về ông tướng tình báo".

Những bữa cơm chiều ở nhà bà Thanh như thế khiến tôi thêm hiểu vì sao ông Ba có một tình cảm đặc biệt và niềm tin đặc biệt với hậu phương của ông - đó chính là gia đình ngoài Bắc ấy. Một gia đình sống hết lòng vì ông.

Đến bây giờ, khi ông mất bao năm rồi, cả nhà vẫn sống vì ông.

Thực sự là một gia đình nghèo mà không hèn, khá lên rồi mà không kiêu và đặc biệt là sau 20 năm ông Ba mất tôi chưa bao giờ nhìn thấy ở ngôi nhà ấy, gia đình ấy một quan niệm con cháu nhà ông Tướng hay con cháu một người Anh hùng. Đối với gia đình, ông Ba đơn giản là người chồng, người cha, người ông bình thường mà họ vô cùng yêu thương và kính trọng.

Ngoài chuyện làm "nũng" của chị Giang, tôi không hề thấy gia đình ấy từ người lớn đến người nhỏ biểu hiện ra ngoài sự ấm ức, trách giận gì, mà có lẽ sự đau khổ và

tủi thân chìm vào sâu thẳm, ám ảnh những con người ấy ở bên trong. Bên trong họ là thế, còn bên ngoài thì ngược lại, đầy sự kiêu hãnh, kiểu như: "Khổ như thế mà chúng tôi vẫn sống được". Thêm nữa là sự vị tha bao dung, tha thứ cho những gì đã làm cho họ khổ sở như thế.

Cho đến những ngày cuối đời, bà Thanh cũng không được sống với ông Ba, mặc dù bà sống để chờ ông trở về. Có lần tôi hỏi bà Thanh: "Có bao giờ cô thấy giận chú không?". Bà bảo: "Nghĩ cũng có giận, nhưng ông ấy được an toàn thì khổ thế chứ khổ nữa cô cũng chịu được!".

Sự đau khổ, tủi thân của bà Thanh kiểu như: "Tôi không cần tiền, không cần danh. Tôi không cần gì khác, tôi chỉ cần chồng thôi, để tôi khoe với mọi người là tôi có chồng, các con tôi có bố làm Cách mạng mà bao năm qua mẹ con tôi không được cái quyền ấy".

Những tâm trạng ấy tôi có cảm giác được phản ánh qua bà Thanh và những người con ông Ba, ứng xử xã hội bên ngoài của họ là sự bao dung, tha thứ và kiêu hãnh của những người đã vượt qua khó khăn nhất mà vẫn sống được, vẫn nên người.

Trong thời gian đó, ông Ba không hề nói hay thể hiện ra điều gì, nhưng chắc chắn không có sự thương xót theo kiểu thương hại, không có sự ân hận, vì ông Ba tuyệt đối tin vào lý tưởng và ông nghĩ những gì ông phải hy sinh, gia đình ông phải hy sinh là vì lý tưởng Cách mạng chung của đất nước, của nhân dân, là điều đáng phải làm. Những gì ông làm, tôi không nghĩ ông có mục đích gì ngoài chăm sóc, bù đắp cho bà Thanh.

Tôi cũng có lần "gỡ" nỗi lòng ông Ba để bà Thanh và các anh chị thêm hiểu ông, tôi nói: "Chú Ba sống trách nhiệm, khối óc chú ở trong Nam nhưng trái tim ở ngoài Bắc". Tôi nói về trọng trách của ông Ba ở Campuchia, về cương vị lãnh đạo trong ngành Tình báo của ông trong giai đoạn nước sôi lửa bỏng ấy, để họ hiểu, họ biết chúng tôi cần ông nhiều như thế nào. Có chăng, trách ông không giải thích với gia đình rằng chúng tôi không thể thiếu ông, bởi có những công việc thì vai trò cá nhân mang tính chất quyết định. Nhưng nói về tình cảm gia đình, quả thực rất khó vì ông Ba vốn là người không bộc lộ.

Điều này chắc là chị Giang cũng cảm thấu được:

- Một lần mẹ bị tai biến, vào Viện Quân y 108, bố từ Nam ra, hằng ngày chị với cậu Thành và anh Sơn thay phiên vào trông nom. Cho đến khi bố ra thì để ông bà nói chuyện với nhau, tối lên thay cho bố về nghỉ. Nhưng lúc nào ra cũng thấy ông bà rủ rỉ nói chuyện với nhau, đọc thơ cho nhau nghe... Có điều, chưa bao giờ chị thấy bố xin lỗi mẹ, rồi cũng đến lúc chị hiểu rằng, bố đi vào đó là mẹ đồng ý cho bố đi, tức là mẹ chấp nhận chuyện đó và bố đã hoàn thành lý tưởng của mình. Nên khi gặp lại nhau, bố chỉ biết thể hiện bằng những cử chỉ chăm sóc hằng ngày để tỏ lòng biết ơn mẹ đã hy sinh như thế.

Nghe chị Giang tự gỡ "mối tơ vò", tôi thêm hiểu tâm trạng của ông Ba. Hơn nữa, có lần ông nói với tôi: "Ở trong Nam tôi có biết nhà tôi khổ như thế đâu, sau này nghe Giang, Thành kể mới biết". Chính vì thế, trong tháng cuối cùng bên bà Thanh, chắc ông nghĩ: "Thôi còn ít thời gian nữa có thể làm được gì cho bà ấy vui, đỡ khổ, đỡ buồn thì làm".

Đó đơn giản chỉ là cầm tay nhau, ngồi phe phẩy cái quạt đọc lại thư từ cho bà nghe.

Nói ông ân hận là không có, hay thương xót cũng không có, mà là trân trọng gia đình của mình.

Ông từng nói với tôi: "Khi tôi nghĩ điều đó là đúng, cái hy sinh đó cần cho sự nghiệp chung thì tôi sẵn sàng, bà ấy cũng sẵn sàng, cả gia đình tôi đều như vậy".

Cá nhân tôi thấy ông có những cái không đúng, cố chấp, khi ông bắt cả gia đình hy sinh vì sự nghiệp chung. Nhưng rõ ràng trong sự nghiệp chung ấy cũng có cá nhân con người ông nữa, nếu sự nghiệp chung mà không phải là ông thì liệu bà Thanh có chịu như thế không? Sự nghiệp chung ấy gắn với tình yêu, tình thương và lòng tin tuyệt đối của bà Thanh cùng gia đình đối với ông. Bà Thanh và các con hy sinh vì sự nghiệp chung là đúng, nhưng nếu chỉ vì sự nghiệp chung mà không có tình yêu thương đối với ông thì liệu vợ con ông có hy sinh đến thế không? Vì tình yêu ấy, con người ông ấy, vì tình yêu của người vợ, vì máu mủ của con đối với người chồng, người bố mà họ đã hy sinh hạnh phúc riêng của mình.

Tôi nghĩ vậy, nhưng lúc ông còn sống tôi không dám nói.

❖ Anh Thành

Anh Thành (Đặng Trần Thành) là con thứ hai của ông Ba và bà Thanh.

Anh là con một Thiếu tướng Tình báo, một Anh hùng có công với đất nước như thế nhưng suốt thời gian gắn bó, tôi chưa bao giờ thấy anh cư xử như thể mình là "con ông to" cả.

Anh Thành có lối suy nghĩ buồn cười, khi anh nói với tôi về chuyện người này hay người kia là con của các ông tướng Quân đội, anh bảo:

- Cậu ấy là con ông tướng đấy Vịnh ạ, ghê lắm!

- Thế anh không phải là con ông tướng à?

Nghe vậy anh chỉ cười.

Cả đời anh là một người công nhân "chân chỉ hạt bột" thật sự. Tôi đánh giá anh là người giỏi nhất Hà Nội về nghề cơ khí, một người thợ rất cừ. Sau này, anh vào công tác trong Quân đội có nhiều sáng kiến, nhưng anh cứ chân chất sống với nghề như thế thôi.

Trong gia đình, anh Thành hay bị ông Ba la nhất. Anh vừa hiền, vừa ngoan, vừa chăm, nhưng động tý lại bị ông Ba "mắng vốn". Có những hôm ông Ba không vui hay hôm nhà có khách là y như rằng anh Thành lại... trốn. Thời điểm chưa có điện thoại cầm tay, chỉ có điện thoại bàn, nhiều hôm đang ăn mà thấy chị Sâm (vợ anh Thành - TG) chạy đi nghe điện thoại, rồi thì thà thì thầm là biết ngay anh Thành gọi về, kiểu: "Khách về chưa? Bố ngủ chưa?".

Có lần tôi hỏi:

- Hôm qua ăn cơm sao anh không về?

- Thôi đợi ăn xong tôi về, tôi sợ bố lắm, ông hay mắng.

Khoảng năm 1990, khi đó có người nhà làm hải quan nên tôi được cho gói thuốc lá "ba số". Hôm ấy tôi đến nhà ông Ba, thấy tôi hút thuốc lá "ba số", ông bảo:

- Đúng rồi cậu hút cái này không hôi, đỡ hại sức khỏe.

Ông Ba cũng nghiện thuốc, nhưng về sau ông bỏ. Lúc sau tôi chìa bao thuốc ra mời anh Thành, anh vui vẻ rút một điếu, nhưng bị ông Ba lừ mắt, độp luôn:

- Cậu Vịnh cậu ấy có điều kiện để hút, công việc của cậu ấy yêu cầu tiếp khách thì phải hút "ba số", chứ con chưa có điều kiện mà hút đến lúc thèm thì lấy gì mà hút?

Anh Thành lúc đó đang châm điếu thuốc vội bỏ luôn xuống, ông Ba nói thật chứ không đùa. Tôi thấy ông Ba nghiêm quá, nên cự nự:

- Chú ơi, cháu có mỗi bao thuốc được cho, nên cháu mời anh ấy một điếu chứ cháu vẫn hút thuốc Mai với Đà Lạt thôi.

Ông nói giọng như đóng đinh:

- Không cậu ạ, cậu có điều kiện cứ hút đi, nhưng Thành nó có nhiều việc phải lo lắm, hút nó quen đi.

Một câu chuyện khác tôi nói đùa khiến anh Thành bị ông Ba mắng làm tôi ân hận mãi.

Anh Thành làm thợ cơ khí nên tay chân lúc nào cũng dính dầu mỡ. Khi anh đưa tay ra cụng ly rượu, tôi lại đùa:

- Cái anh này lúc nào móng tay cũng toàn dầu mỡ!

Tôi thấy anh Thành gầm mặt xuống, lập tức biết mình "hớ" nhưng không kịp nữa, ông Ba bồi luôn:

- Con ạ, làm gì thì làm cũng phải giữ thể diện.

Từ đấy, tôi tự nhủ không bao giờ dám đùa anh Thành nữa. Ông Ba thương yêu và quan tâm đến anh Thành rất nhiều, có lẽ chính vì thế ông quá khắt khe với anh. Có lẽ, ông mong anh Thành giữ cốt cách, đạo đức như mình.

Có lần tôi hỏi đùa anh Thành:

- Ông Ba nghiêm với anh như thế, sao anh không "hờn trách" như chị Giang?

Anh cười hiền:

- Ông thương con gái nên ông chiều, chứ ông nghiêm với mấy anh em trai lắm, cả ba người con trai trong Nam đều như thế. Tôi chẳng nghĩ gì. Mẹ tôi nói với tôi một câu mà tôi nhớ nhất: "Con ơi, bố sống mà ra được là nhà mình có phúc lắm rồi, không đòi hỏi gì hơn nữa!".

- Sao anh không "lấy nê" bố mình cũng làm tướng như người ta?

- Tôi chỉ sống với mẹ đến hơn 23 tuổi, cũng có thể coi là trưởng thành rồi, nên bố có làm tướng thì đó là việc của ông ấy, tôi vẫn sống cuộc sống của mình, việc mình mình làm thôi. Từ nhỏ tôi đã được mẹ dạy: "Sống bằng sức của mình con ạ!".

Có lẽ không "lấy nê" bố, nên cho đến lúc về nghỉ chế độ, anh Thành cũng vẫn "thiệt thòi". Anh kể, tám tuổi anh mới được ông nội khai sinh, nhưng nơi khai sinh là ở Quán Lào (Yên Định, Thanh Hóa). Trong khi thực chất anh được sinh ở nhà hộ sinh ở vườn hoa Đường Thành (Hà Nội).

- Khi bố tôi vào hoạt động nội thành Hà Nội, mẹ tôi gặp bố trong nội thành, sau đó có mang tôi, nhưng mẹ không khai sinh để giữ bí mật cho bố. Sau này hồ sơ lý lịch thì ghi khai sinh ở Quán Lào, Thanh Hóa, nên vừa rồi có chuyện làm hồ sơ nghỉ hưu, tôi ra Công an họ đòi giấy khai sinh, nhưng giờ làm sao đi xin giấy khai sinh được nữa vì tôi có

làm khai sinh ở quê đâu, mà vào tận Quán Lào, Thanh Hóa thì ai chứng thực cho?

Anh kể, xong cười, hỏi đấy, chẳng cần câu trả lời.

❖ Anh Mùi

Anh Trần Xuân Mùi (Tổng giám đốc Trung tâm Quản lý bay dân dụng Việt Nam giai đoạn 1989 - 2003) là một trong những người có những đóng góp lớn trong công cuộc đấu tranh giành lại quyền điều hành phần phía Nam vùng thông báo bay Thành phố Hồ Chí Minh (FIR Hồ Chí Minh) và được phong danh hiệu Anh hùng Lao động vào năm 2000. Nhưng có lẽ với tôi, anh đã là một người hùng nhờ sự tử tế và niềm tin dành cho gia đình bà Thanh trong những năm tháng khó khăn nhất.

Năm 1958, anh Mùi và anh Sơn - chồng chị Giang, cùng được nhận vào làm thợ nguội tại Nhà máy Xe lửa Gia Lâm. Xấp xỉ tuổi nhau, lại có hoàn cảnh tương đồng, nên cả hai dần trở nên thân thiết. Anh Sơn sau đó chuyển sang ngành Quân khí, còn anh Mùi học làm phi công và được tuyển chọn vào Không quân.

Ngày anh Sơn kết hôn với chị Giang tại nông trường ở Phú Thọ, toàn bộ số thuốc lá trong đám cưới giản dị đó là do anh Mùi dành dụm gửi về tặng. Khi ấy anh Mùi là phi công, bận công tác nên không có mặt. Nhưng chính người bạn này luôn ở bên động viên, giúp đỡ gia đình cả về tinh thần lẫn vật chất.

Gắn bó lâu năm, anh Mùi cũng có nhiều lần qua thăm gia đình và nhớ mãi hình ảnh bà Thanh, người phụ nữ hiền hậu, tần tảo mà đến giờ anh coi như người mẹ thứ hai của mình. Ấn tượng đầu tiên của anh về bà Thanh chính là dù trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, người mẹ ấy vẫn có đủ nghị lực sống để nuôi dạy con cái trở thành những người tử tế và có ích cho xã hội.

Trong trí nhớ của anh Mùi, dù có chồng làm cán bộ hoạt động ở miền Nam, nhưng bà Thanh cùng các con phải sống trong một căn nhà mái lá đơn sơ, cột nhà xiêu vẹo. Một điều rất lạ nữa là ngay cả khi có tiêu chuẩn mua hàng ở phố Tông Đản (vốn chỉ dành cho cán bộ trung, cao cấp thời đó), thì bà Thanh nhất quyết không bao giờ dùng.

Chính những biểu hiện kỳ lạ này khiến anh Mùi suy đoán rằng hẳn phải có uẩn khúc đằng sau câu chuyện về gia đình này. Sau đó, anh mới vỡ lẽ ra rằng bà Thanh cùng các con đã chấp nhận sống cảnh túng thiếu hàng chục năm trời để giữ bí mật cho hoạt động của ông Ba.

Trong một lần gặp mặt, anh Mùi có tâm sự với tôi: "Tôi từng nghe Sơn kể rằng có thời kỳ ông Ba bị mất liên lạc với Tổ chức, gia đình ngoài Bắc khi nghe tin vô cùng lo lắng cho sự an nguy của ông. Nhưng bà Thanh và các con vẫn chấp nhận nếp sống khắc khổ và chưa khi nào có chút nghi ngờ về sự trong sạch của người chồng, người cha mình".

Nhưng trong cảm nghĩ của anh Mùi, bà Thanh và các con không thể không có nỗi buồn, ấm ức vì những lời gièm pha gia đình có người theo địch. Họ chỉ biết nén lại trong lòng suốt thời gian đó. Tận mắt chứng kiến

câu chuyện này, anh Mùi nói với tôi: "Gắn bó nhiều năm trời, tôi luôn tin vào lời khẳng định của Sơn rằng gia đình này chắc chắn không thể có người theo địch như người ta đồn đại được".

Bản thân anh Mùi cũng day dứt rằng chính vì những lời gièm pha, nghi kỵ, mà gia đình bà Thanh thời kỳ đó không nhận được những đãi ngộ xứng đáng với cống hiến của họ. Bà Thanh liên tục bị cho thôi việc hoặc điều chuyển công tác, trong khi chị Giang học xong thì không được phân công đi làm mà phải tự bươn chải, từ dạy học cho trẻ, tới mở gánh bún ốc,... do không được xác minh lý lịch. Dù coi anh Mùi như con, nhưng không bao giờ bà Thanh kể cho anh nghe về công việc của ông Ba và nỗi lòng của mình. Chỉ sau này khi đất nước hòa bình, bà mới đem những nỗi niềm mình kìm nén hàng chục năm để trải lòng với con cháu.

Nói về chuyện giúp đỡ anh Sơn vào công tác tại Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh Mùi chỉ khiêm tốn nói: Thực chất năm xưa, anh đã khai trong lý lịch của mình rằng có người bạn thân là Trần Sơn làm việc trong ngành Quân giới. Giai đoạn đó, muốn công tác tại Lăng Bác thì phải vượt qua vòng thẩm tra lý lịch rất gắt gao. Sau này ông Ba cho rằng nhờ mối quan hệ với anh Mùi mà anh Sơn gần như được "bảo lãnh" để vào làm, còn anh Mùi thì cho rằng có lẽ vì ông Ba là cán bộ công tác trong miền Nam nên anh Sơn mới được nhận.

Không chỉ giữ quan hệ thân thiết với gia đình bà Thanh, anh Mùi còn là cầu nối giữa ông Ba (khi đó đang công tác tại miền Nam) với bà Thanh những năm

sau giải phóng 1975. Dù đã gần nửa thế kỷ, anh Mùi vẫn nhớ như in buổi gặp đầu tiên với ông Ba vào khoảng giữa tháng Năm năm 1975. Khi đó, anh Mùi là sỹ quan Không quân và được nhận nhiệm vụ lái máy bay vận tải quân sự từ Bắc vào Nam. "Hôm đó, tôi tới địa chỉ số 3 Bạch Đằng (nguyên là trụ sở Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Sài Gòn, cũng là trụ sở đầu tiên của Cục 12) để thăm ông Ba với tư cách một "người con" thân thiết của gia đình bà Thanh. Thế nhưng cảm nhận ban đầu là tôi vẫn chưa được ông Ba hoàn toàn tin tưởng". - Anh Mùi nhớ lại.

Khoảng mươi ngày sau, ông Ba đích thân tới đơn vị để xác minh "thân phận" của anh Mùi. Cả buổi hôm đó, ông Ba chỉ nói chuyện với Thủ trưởng của anh Mùi, chỉ gần tới khi ra về, ông mới hỏi qua về anh. Kể từ đó, ông Ba dần tin tưởng và thường xuyên gọi anh Mùi tới gặp ở căn nhà trên đường Cộng Hòa. Mỗi lần đến đó, ông Ba thường tiếp anh ở trên tầng thượng - nơi ông chỉ dành riêng cho các cuộc gặp với đồng nghiệp trong ngành, hoặc những người mà ông quý trọng.

Một kỷ niệm khác về ông Ba mà mỗi lần gặp mặt anh Mùi đều kể, đó là gói quà ông gửi ra Bắc. Anh nhớ lại, có một lần ông Ba gửi tận tay một gói quà được bọc kín nhờ anh mang ra Bắc. Ra đến Hà Nội, anh Mùi chạy xe máy sang nhà bà Thanh ở Đông Anh, đến trạm gác ở chân cầu Long Biên thì bị chặn lại. Người ta thấy anh chở một gói đồ, nghi là hàng lậu nên yêu cầu mở ra kiểm tra. Có biết đâu toàn bộ "của nả" mà ông Ba gửi ra cho gia đình từ miền Nam chỉ có đúng sáu gói mỳ ăn liền, vài lạng mỳ chính và hai tút thuốc lá Phù Đổng. Trong lúc người ta

nườm nượp "đánh" hàng từ Nam ra Bắc, thì ông Ba chỉ gửi về cho gia đình vỏn vẹn vài món đồ giản dị như vậy, nhưng với bà Thanh nó còn "quý hơn vàng".

Đến giờ ngẫm lại, anh Mùi cho rằng nếu như không có bà Thanh làm hậu phương vững chắc ngoài miền Bắc, chưa chắc sự nghiệp của ông Ba trọn vẹn được đến vậy. Người ngoài còn nhìn ra được điều này, lẽ nào ông Ba không hiểu. Lần gặp lại mới nhất, anh Mùi có kể với tôi rằng năm ông Ba được trao danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, ông đã nói với bà Thanh rằng: "Anh được phong Anh hùng, nhưng danh hiệu này phải là của em". Làm gì còn tình cảm nào hơn như thế được, có lẽ đó là sự ghi nhận chân thành nhất mà ông Ba dành cho "người vợ tào khang" của mình. Anh Mùi từng kể, sau khi xem tập truyện "Tướng tình báo và hai bà vợ", anh cứ nghĩ rằng bà Thanh rồi nhất định sẽ được phong Anh hùng.

Khi tôi hỏi về anh Mùi, ông Ba từng nói:

- Đấy là ân nhân của gia đình tôi.

Tôi hiểu câu: "Anh Mùi là ân nhân của gia đình tôi" - không phải vì sự giúp đỡ của anh ấy, mà vì câu nói của anh Mùi: "Gia đình này không thể có người theo địch được" - Ông Ba trọng anh Mùi ở chỗ đó.

Ông Ba biết ơn anh Mùi vì sự tử tế và tình cảm chân thành mà anh dành cho gia đình mình, giữa thời điểm không nhiều người đặt niềm tin vào họ. Anh cũng nói với tôi: "Tôi thấy gia đình bà Thanh tử tế thì cũng phải học theo sự tử tế đó, bởi tôi tin lòng tốt chỉ được sinh ra trong một gia đình như vậy".

BÀ XUÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG NAM

Ở ngoài Bắc, ông Ba đã có một hậu phương vững chắc. Còn trong Nam, ông cũng phải gây dựng một gia đình với thân phận "chỉn chu" - ít nhất là không liên quan tới Cách mạng và có quan hệ tốt tới chính quyền thuộc Pháp ngày trước.

Giai đoạn 1949 - 1950, khi ông Ba hoạt động trong lòng địch và được tổ chức giao bám lấy gia đình của Đàm Y. Gia đình Đàm Y có một cô cháu gái rất nết na, thùy mị tên Xuân, là con của một gia đình công chức nền nếp.

Trước đó, ông Ba cũng nói với Đàm Y rằng mình đã có gia đình, nhưng vợ là bà Thanh đã chạy ra vùng giải phóng nên thất lạc. Ông Ba nhiều lần nói dối Đàm Y ra vùng giải phóng để đi tìm vợ, nhưng thực chất là ra chiến khu để báo cáo và tham gia tập huấn công tác tình báo. Thậm chí, ông Ba còn xin làm đồn trưởng một đồn cảnh sát ở Bắc Ninh với lý do để tiện đường tìm tung tích của vợ, cốt là nhằm tiện liên lạc với tổ chức. Sau nhiều lần như vậy, ông Ba báo với Đàm Y rằng vợ con mình đã mất tích.

Mặc dù Đàm Y vẫn nghi ngờ hành tung của ông Ba và cho rằng ông vẫn có dính líu tới Việt Minh, nhưng ông ta vẫn lo lót với bên trên để giúp ông Ba thoát tội. Đến năm 1954, ông Ba được tổ chức giao nhiệm vụ vào Nam và bắt buộc phải có một thân phận danh nghĩa công khai phù hợp. Lúc này trên danh nghĩa ông Ba vẫn có quan hệ vợ chồng với bà Thanh và trong hồ sơ vẫn còn "vết" tham gia Cách mạng. Đàm Y lúc đó đặt vấn đề với ông Ba rằng muốn được bảo lãnh vào Nam thì hồ sơ cần được "tẩy trắng" và

phải có quan hệ ràng buộc với gia đình ông ta. Do đó Đàm Y đặt vấn đề gả cháu gái cho ông Ba.

Tất cả những việc này đều được ông Ba báo cáo với cấp trên và được tổ chức đồng thuận tạo danh nghĩa công khai cho ông để được vào Nam. Cần phải nói thêm rằng, trong ngành Tình báo khi xây dựng danh nghĩa công khai gia đình, cần phải có thân phận gần với địch, nhưng cũng phải là một gia đình không có nợ máu với Cách mạng.

Ban đầu, ai cũng nghĩ rằng nhiệm vụ này chỉ kéo dài hai năm, khi đất nước thống nhất thì ông Ba sẽ về với bà Thanh, nhưng không ngờ lịch sử lại rẽ lối, chia cắt họ hàng chục năm trời.

Đầu năm 1954, nhận được sự chấp thuận của bà Thanh và tổ chức, ông Ba đăng ký kết hôn với bà Xuân trước khi di cư vào Nam. Ban đầu, ông Ba cũng chỉ coi bà Xuân là người giúp mình tạo thân phận hoạt động và đó cũng là cam kết ban đầu với Đàm Y, nhưng trong quá trình chung sống tại Sài Gòn, hai người dần hiểu nhau và nảy sinh tình cảm. Họ có với nhau bốn người con.

Sự việc này được tóm tắt trong hồ sơ của Tổ chức như sau: *"Thời gian ở gia đình Đàm Y, với tư cách Trưởng đồn Công an, đi tìm kiếm liên lạc, trong triển khai có mâu thuẫn nội bộ, đồng chí bị tình nghi, được Đàm Y che chở, gỡ rối. Trong quá trình ăn ở tại nhà Đàm Y, Đàm Y thấy đồng chí tác phong cần cù, đức hạnh thủy chung (vì không có con trai, con gái và con rể xấu, muốn có chỗ nương tựa lúc tuổi già), đồng chí được Đàm Y giới thiệu lấy cháu gái của ông ta là cô Xuân làm vợ hai.*

Xét nhiều mặt, về yêu cầu công tác, về tư cách của cô Xuân và sự khoan dung, thông cảm của tổ chức và cả về tư chất của

Đàm Y (đồng chí đánh giá Đàm Y có những cái tốt, ít nhất cũng về mặt tình cảm nói riêng với đồng chí), nên đã chấp nhận và chờ đợi sẽ nhanh chóng trình bày với tổ chức khi có điều kiện. Lễ cưới cử hành nhanh chóng vào tháng Ba năm 1953 nhưng chưa làm hôn thú".

Ông Ba đã viết về gia cảnh "trong Nam ngoài Bắc" của mình khi hoạt động trong lòng địch như sau:

"Về tin nhà tôi ở Bắc cho đến nay cũng chưa rõ là do anh Ba Hội cũng không nắm vững hay là nghệ thuật chỉ đạo, biết nhưng nói cho tôi yên tâm, cho tôi phấn khởi. Anh cho tôi biết nhà tôi là công nhân khu gang thép Thái Nguyên, Đảng viên năm 1956, hai cháu học rất tiến bộ. Tôi mong gì hơn tin này, từ giã Hà Nội, tính hai năm trở về, nhưng nay thì không biết đến ngày nào mới được trở về, không biết nhà tôi (bà Thanh - TG) và các cháu sống ra sao, học hành thế nào, bố tôi còn hay mất? Phấn khởi về tin tức gia đình ở Bắc, về tổ chức, nghĩ đến bản thân và gia đình trong này, tôi như cái máy tự động soát xét lại. Từ ngày vào Sài Gòn, ở một xã hội vật chất, nếu để nhà tôi tiếp xúc với bên ngoài thì sớm muộn cũng cản ngại đến an toàn công tác và trước mắt là tôi bị mất thì giờ không tập trung được vào suy nghĩ đối phó với địch. Nên tôi đặt vợ tôi (bà Xuân - TG) vào cái thế quanh năm sống trong bốn bức tường, chỉ biết lo cơm nước nội trợ trong nhà. Về mặt giáo dục vợ con (trong Nam - TG), tôi thực hiện một cuộc sống gương mẫu trong gia đình, từ làm việc, ăn uống đến cách xử thế. Lương đã không dồi dào, tôi lại cắt mất 2.000 mỗi tháng cho Lân, rồi vợ tôi lại cất giấu đề phòng lỡ tôi bị bắt thì có tiền sinh sống nuôi con, nên mức sống gia đình thiếu. Tôi không có ngày nghỉ, Chủ nhật, lễ hay ngày Tết. Về ăn uống thiếu nên mỗi tuần nhà tôi thực hiện một chầu béo vào ngày

thứ Bảy hay Chủ nhật, cũng là những ngày tôi nhường nhịn cho cả nhà tôi và các cháu. Tôi sống như một nhà tu".

Sau khi ông Ba lấy bà Xuân, rồi đến khi "di cư" vào Sài Gòn, ông bà sinh sống tại một căn hộ nhỏ thuộc cư xá Cục Kiến Ốc (nay là đường Nguyễn Văn Nguyễn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) rồi sinh được bốn người con đặt tên là: Phong, Vũ, Hạnh và Quang.

Gia đình ngoài Bắc của ông Ba đã chịu nhiều mất mát, nhưng gia đình trong Nam cũng chia sẻ không ít gánh nặng cùng ông. Trong suốt những năm tháng đó, ông Ba chưa từng tiết lộ cho vợ con biết rằng mình làm tình báo cho Cách mạng. Nhưng bà Xuân biết rằng chồng mình là một người yêu nước và không làm tay sai cho Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Ông cũng không làm gì có hại cho Cách mạng. Sự thật dần dà được bà Xuân cũng nhận ra sau nhiều năm quan sát những lần đi đêm về hôm, những phiên đi liên lạc, hay những lần chui xuống gầm cầu thang để viết thư mật. Thậm chí, ông Ba còn nhờ cậu Vũ chụp hộ tài liệu mật. Nhưng bà Xuân vẫn giữ im lặng và không để lộ bí mật của ông Ba, bất chấp cảnh "lưỡi gươm treo lơ lửng trên đầu" mỗi ngày. Hiểu đặc thù công việc của chồng, bà Xuân ít ra ngoài giao lưu với hàng xóm, chỉ quanh quẩn trong nhà lo nội trợ, nuôi dạy các con. Vì khoản lương ít ỏi của ông Ba không đủ nuôi cả nhà, bà Xuân phải đan len để kiếm thêm thu nhập.

Hồi tưởng lại cuộc sống thanh đạm của gia đình những ngày trước giải phóng, Hạnh - con gái ông - cho biết khi đó là các hộ sinh sống quanh khu cư xá Cục Kiến Ốc đều là sỹ quan chính quyền cũ, nhưng họ rất quý mến

ông Ba và thường gọi ông bằng biệt danh "ông Tá Bụt" bởi tính ông hiền như Bụt. "Hồi đó ông giữ chức vụ Thiếu tá của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo nhưng sống hết sức liêm khiết, mợ tôi phải đan len để kiếm thêm tiền nuôi các con. Mợ tôi luôn dặn dò: Bố đi làm cực nhọc nên các con phải ráng học hành". - Hạnh kể.

Hai anh Phong, Vũ khi đó cũng đã được ông Ba cho tham gia vào một số việc phục vụ cho các hoạt động của ông Ba. Cứ mỗi tối ông đem tài liệu từ Phủ Đặc ủy về thì liền đóng hết tất cả cửa nẻo, sau đó cẩn thận treo thêm quần áo lên cửa sổ để người ngoài không nhận ra trong nhà đang chụp ảnh, rồi tắt đèn rửa phim.

Trong ký ức của những người con, hồi đó ông Ba thường mua các loại đồ chơi bằng cao su rồi khoét các lỗ nhỏ để giấu phim chụp tài liệu vào đó. Mỗi sáng trước khi đi làm, ông Ba lại ngâm một nhúm trà vào một cái ly, tới tối về ông dùng bút tre chấm vào nước trà để viết lên tờ giấy dầu, chỉ khi hơ giấy qua lửa thì mới đọc được báo cáo.

Ông cũng chuẩn bị đầy đủ để chuẩn bị cho kịch bản xấu nhất. Trong nhà luôn có một bao vải xanh đựng rất nhiều gạo, phòng khi nhà bị lục soát không còn cái ăn. Ông cũng dặn dò bà Xuân và hai con trai lớn về cách khai báo, khi bị truy hỏi thì phải luôn nói là không biết gì về công việc của ông, để lời khai của vợ con phải luôn khớp nhau, địch không thể khai thác thêm sẽ sớm phải thả ra.

Năm 1974, người giao liên của ông Ba bị lộ và bị bắn chết, địch lục soát trong người phát hiện có tài liệu. Ông Ba khi biết chuyện thì hiểu rằng thế nào địch cũng sẽ tìm tới mình nên đã báo Tổ chức cho người đón mình ra căn cứ. Đêm ông Ba vừa rời đi, địch đã ập tới bao vây căn nhà.

Sau khi địch tới nhà, chúng lục soát và đập phá đồ đạc, bao vải gạo ông Ba dự trữ cho vợ con bị chúng đổ vương vãi rồi lấy chân day thật mạnh. Hạnh đã bật khóc khi tận mắt chứng kiến thứ ba mình để lại bị người ta chà đạp.

Hạnh vẫn nhớ ngày mật thám tới nhà truy xét, chúng nói rằng ông Ba đã bị bắt và muốn đưa cả gia đình tới trại giam trên đường Trần Bình Trọng để chiêu hồi, thực chất là muốn lấy lời khai của cả nhà. Hôm đó anh Phong đi vắng nên thoát được, Hạnh và Quang còn nhỏ nên không bị đưa đi, chỉ còn bà Xuân và Vũ bị bắt. Thương nhất là Vũ, người chụp ảnh tài liệu và gói ghém các cuốn phim cho ông Ba, và cũng là người chịu đòn tra tấn của địch thay cho bố. Vũ khi bị thẩm vấn đã khai y hệt những gì ông Ba dặn trước: "Cứ nói chỉ làm theo lệnh của bố, chứ không biết đó là tài liệu gì".

Trong trại giam, hai mẹ con bị tách riêng để địch chứng thực lời khai. Do đã được ông Ba dặn dò kỹ lưỡng về cách trả lời thẩm vấn nên hai mẹ con đều có lời khai khớp nhau và khẳng định không biết gì về thân thế thật của ông Ba. Bị mật thám đánh đập và bỏ đói, có những lúc bà Xuân đi vệ sinh, trông thấy trong thùng rác còn những túi thức ăn thừa thì giấu đi rồi ném sang buồng giam của anh Vũ vì thương con đang tuổi ăn tuổi lớn lại chịu cảnh đòn roi. Cho tới nửa năm, địch thấy không khai thác được gì nên đã thả bà Xuân và anh Vũ ra. Sau này anh Vũ có nói với tôi rằng:

- Tôi được bố nhờ chụp tài liệu nên biết ông làm gián điệp cho Việt Cộng. Nhưng tôi lờ đi không hỏi, bởi nếu hỏi thì lúc bị lộ tôi không biết phải nói sao nữa. Đến khi bị bắt thì đúng là tôi không biết gì để khai.

Vắng ông Ba, nguồn thu nhập chính trong gia đình cũng không còn, những bữa cơm của năm mẹ con chỉ toàn cơm độn khoai lang, bữa thì độn khoai tây. Dù không bắt Hạnh, nhưng địch vẫn cử mật vụ đi theo dõi liên tục. Khi đi ra chợ hay đi học, cô đều biết có người đang bám theo mình, có hôm mật thám hỏi về tung tích của ông Ba, chị Hạnh không trả lời liền bị chúng tát và dọa nạt. Còn Quang vì nhà không đủ tiền cho đi học nên phải đi khắp cư xá lượm lặt đồ sắt vụn đem bán ve chai, hàng xóm thấy thương cảm cho hoàn cảnh nên người cho tiền, người cho đồ ăn.

Sau khi được thả ra, bà Xuân vẫn không một lời oán trách gì ông Ba mà thường than thở với các con: "Không biết bố các con bây giờ ra Bắc, trên đường đi có đảm bảo được tính mạng hay không?".

Xung quanh nhà lúc đó mật vụ vẫn bao vây nhiều ngày, tất cả các giao liên nhận nhiệm vụ tiếp tế cho gia đình bà Xuân không ai dám đến bởi họ sợ sẽ bị bắt. Cho tới sau giải phóng, những người giao liên đó lần lượt tới nhà bà Xuân để gửi lại số tiền trước đó họ giữ và xin lỗi gia đình. Rất may mắn là dù thân thế của ông Ba bị lộ, nhưng hàng xóm xung quanh vẫn rất quý mến và thuê hai anh Phong, Vũ đi dạy học để có tiền phụ mẹ nuôi hai em nhỏ.

❖ Ngày đoàn tụ

Sau khi miền Nam được giải phóng, bà Xuân nhận được thư mời tới Dinh Độc Lập để dự lễ tuyên dương công trạng của ông Ba. Ngày hôm đó, bà Xuân tới nhưng

không thấy chồng mình, phía Tổ chức chỉ báo ông Ba chưa kịp vào vì đang nhận nhiệm vụ mới. Bà Xuân trở về ôm mối nghi ngờ liệu chồng mình có an toàn trở ra Bắc, hay đã gặp chuyện chẳng lành mà Tổ chức phải giấu? Không khí trong nhà khi đó như có đám tang bởi ông Ba vẫn biệt tăm tung tích.

Cô Hạnh khi đó mỗi ngày đều chạy sang nhà bạn ở đối diện hành lang để trông ra cổng cư xá đợi bố về. Một ngày, hai ngày, nhưng vẫn không thấy bóng dáng của bố. Tới ngày thứ mười, Hạnh dần mất niềm tin, dù vẫn sang nhà bạn để ngóng bố, nhưng mặt đã quay vào trong vì không muốn ôm nỗi thất vọng. Đột nhiên cô bạn trông thấy ai từ xa rồi lay tay chị Hạnh: "Tao thấy ông nào mặc quần áo bộ đội, đội nón cối, đi dép cao su như bố mày kìa Hạnh".

Chỉ nghe tới vậy, Hạnh đã chạy vụt ra cầu thang để ngó xuống dưới, thấy một người đàn ông gầy và đen, nhưng đúng là khuôn mặt thân thuộc mà mình mong ngóng hơn một năm trời. "Phải bố không?" - Hạnh hỏi vội rồi sau đó lao tới ôm chầm lấy ông Ba, rồi dắt tay ông vào nhà. Cả nhà khi thấy ông Ba trở về ai cũng lúng túng, bởi không ai còn nuôi hy vọng về ngày đoàn tụ. Sau một hồi, cả nhà mỗi người một chân một tay chuẩn bị bữa cơm đoàn viên, người vo gạo, người nhặt rau, ai cũng mong bữa cơm qua thật nhanh để được nghe ông Ba kể về hành trình ngược ra Bắc của mình.

Ngót nghét hơn nửa thế kỷ trôi qua, thế nhưng ký ức về ngày hôm ấy vẫn chạy như những thước phim quay chậm trong tâm trí của Hạnh. Hình ảnh ông Ba trong bộ quân phục, "mùi bộ đội" đặc sệt trên người bố là những

kỷ niệm chị giữ trong lòng như kỷ vật. Ông Ba kể trên hành trình ra Bắc, nhiều lần ông lâm vào cảnh sinh tử trong gang tấc. Có những ngày băng rừng dài đằng đẵng, ông Ba đang nằm trên võng nghỉ thì rắn lục từ trên cây trườn tới, nếu những người giao liên không kịp phát hiện có lẽ ông Ba khó lòng sống sót. Hay những đêm mưa lớn, lớp đất lún sâu tưởng chừng rơi xuống bãi sình, trực thăng địch rọi đèn chiếu xuống, ông Ba và hai người giao liên lại tứ tán ra ba góc để tránh bị dính đạn chùm.

Nghỉ ngơi được vài ngày, ông Ba lại phải chia tay vợ con để đi thực hiện nhiệm vụ tại Campuchia và biên giới phía Bắc. Dù vậy, bà Xuân vẫn không một lời trách móc chồng. Từ thân phận chỉ là danh nghĩa công khai, bà Xuân đã trở thành một người vợ hiền, hết mực thương yêu ông Ba. Cũng giống như bà Thanh, bà Xuân cũng có sức chịu đựng to lớn khi luôn phải sống trong cảnh "làm ngơ" suốt 20 năm mà không rõ khi nào tai họa sẽ ập xuống gia đình mình.

Tôi từng hỏi bà Xuân:

- Thời trước năm 1975, cô có biết chú Ba làm tình báo cho Cách mạng không?

- Ông ấy thì không nói gì. Nhưng chồng tôi thì sao mà tôi không biết. Tối nào ông ấy cũng xuống gầm cầu thang chụp ảnh, chép tài liệu. Nhưng tôi dặn các con phải lờ đi, không được hỏi chuyện công việc của bố.

Sau này, bà Xuân sức khỏe cũng không còn đủ để ngồi đan len, nên chuyển sang đi lấy mối sách từ các nhà sách lớn để mở một tiệm sách và văn phòng phẩm tại căn nhà nhỏ. Trước đó, ông Ba từng hai lần được phân nhà to, nhưng

lần nào cũng chỉ được một thời gian ông Ba đều lấy lý do nhà quá rộng nên nhường cho các hộ khác, còn gia đình mình chuyển tới ngôi nhà trên đường Trần Quang Khải chật chội, bởi các con lập gia đình xong đều sinh sống ở đó.

Một đêm anh Sáu Ngọc - trợ lý ông Sáu Nam, có việc gấp tới tìm ông Ba. Vừa mở cửa, anh Sáu Ngọc thấy hai ông bà phải nằm trên tấm chiếu trải sát cửa ra vào, vợ chồng các con cũng nằm ngay bên trong nhà, dùng vài tấm màn làm vách che. Chứng kiến cảnh nhà ông Ba, anh Sáu Ngọc về thưa với ông Sáu Nam và không lâu sau đó, Tổ chức cấp cho gia đình ông Ba một mảnh đất trên đường Cộng Hòa mà gia đình còn ở tới ngày nay.

Kể cả khi còn sống cũng như lúc đã mất, ông Ba vẫn luôn là sợi chỉ đỏ gắn kết hai gia đình bà Thanh và bà Xuân. Ông luôn nhắc nhở hai người vợ cùng các con của mình giữ gìn đạo lý và ăn ở với nhau hòa thuận. Mỗi dịp giỗ chạp, hai nhà lại tề tựu đông đủ và dành cho nhau tình cảm đúng mực.

Qua câu chuyện về hai gia đình "trong Nam ngoài Bắc" này, có thể thấy rằng ông Ba là một người rất may mắn khi gắn bó với hai người phụ nữ có đức hy sinh vĩ đại như bà Thanh, bà Xuân và hẳn phải rất biết ơn hai người vợ và các con của mình.

Hai người vợ của ông Ba thuộc hai tuýp phụ nữ khác nhau. Bà Thanh với lòng kiêu hãnh cùng sự thánh thiện của một người từng hoạt động Cách mạng, đã hy sinh những năm tháng tuổi trẻ của mình để phục vụ cho sự nghiệp chung và đảm bảo an toàn cho ông Ba. Trong khi đó, đức hy sinh của bà Xuân lại mang tính bản năng của một người vợ,

người mẹ. Bà hiểu công việc của ông Ba, chấp nhận đánh cược tính mạng và sự an nguy của mình và các con để tạo điểm tựa tinh thần cho ông yên tâm hoạt động.

ÔNG BA VÀ GIA ĐÌNH TÔI

Ông Ba Quốc không chỉ dạy tôi làm nghề, mà còn dạy tôi làm người, dạy cốt cách cả trong công việc lẫn trong cuộc sống. Mỗi khi nhắc tới ông, tôi không thể quên được những câu chuyện đã gắn bó gia đình tôi và gia đình ông, cả chuyện ông đã "can dự" vào việc lập gia đình của tôi.

Có thể nói người đầu tiên gắn bó với ông Vũ Chính và gia đình ông sau giải phóng năm 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh chính là ông Ba. Khi đó ông Vũ Chính được Bộ Quốc phòng và Cục 2 giao nhiệm vụ tiếp quản Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Sài Gòn. Còn ông Ba được điều động gấp từ Hà Nội vào từ ngày 3 tháng Năm năm 1975 để chứng kiến việc tiếp quản Phủ Đặc ủy, bởi ông là người duy nhất của ta hoạt động tại đây trong thời kỳ chính quyền Sài Gòn.

Cũng trong thời gian đó thì Bộ ra quyết định thành lập cơ quan tình báo tạm thời để thay thế Phòng Tình báo Miền và sáp nhập một số đơn vị thuộc Cục 2 tại phía Nam. Khi đó ông Vũ Chính được bổ nhiệm Đoàn trưởng và một số đồng chí khác làm đoàn phó, trong đó ông Ba làm Đoàn phó về nghiệp vụ. Trước hết Đoàn tiến hành tiếp quản Phủ Đặc ủy, bảo đảm an ninh và giữ bí mật cho các mạng

lưới tình báo của ta tiếp tục hoạt động và khẩn trương mở ra các nhiệm vụ mới, đồng thời truy bắt các nhân viên tình báo của địch lẩn trốn. Ông Ba được Cục giao nhiệm vụ thường xuyên giúp ông Vũ Chính về nghiệp vụ, mọi việc hai ông đều bàn với nhau. Có thể nói là rất gắn bó.

Ở cơ quan thì hai ông ngồi cạnh phòng nhau. Còn ở nhà thì sáng nào cũng thế, cứ đúng 6 giờ là ông Ba có mặt tại phòng khách nhà ông Vũ Chính, chào cụ ngoại một câu rồi ngồi chờ, trầm tư suy nghĩ. Đến lúc ông Vũ Chính xuống, bà Nhẫn (vợ ông Chính - TG) lo ăn sáng, còn hai cô con gái Ngọc và Tuyết thì lo cà phê, nước nôi phục vụ. Hai ông rủ rỉ cả tiếng đồng hồ, không biết nói chuyện gì, cả thứ bảy và Chủ nhật vẫn thế. Ngồi với nhau xong thì hai ông xách cặp, lên xe không biết đi đâu.

Thỉnh thoảng lại có những vị khách bất thường buổi tối, thường ông Vũ Chính báo gia đình ăn cơm sớm, sau 8 giờ thì người trong nhà lên gác, tại phòng khách tầng 2 chỉ có một mình ông Vũ Chính ngồi chờ. Lát sau khách đến, chỉ có ông Ba dẫn đi cùng một giao thông viên. Rồi giao thông viên cũng xuống nhà, chỉ có hai ông và người khách ngồi thì thầm với nhau. Hồi ấy ở Thành phố Hồ Chí Minh người dân ngủ sớm, đến khoảng 10 - 11 giờ đêm là muộn lắm rồi, nhưng các ông thường ngồi đến quá nửa đêm. Sau này mới biết đó là những cán bộ, những điệp viên cực kỳ quan trọng, đặc biệt bí mật, họ ở trong những mục tiêu cao sâu, đi xa, đi lâu. Trong những việc này chỉ có ông Vũ Chính lãnh đạo chung, ông Ba chỉ đạo trực tiếp và một giao thông viên. Đó thường là những người cao tuổi,

có người nói tiếng Việt, có người nói lơ lớ không biết dân tộc nào.

Nhưng còn có những vị khách "đặc biệt" khác, số này ít tuổi hơn, đẹp trai, học hành rất giỏi, có ngoại ngữ... thì họ không chỉ đến làm việc mà đơn vị phải thu xếp cho nơi ăn ở, sinh hoạt tuyệt đối an toàn, bí mật. Với những người này thì ông Ba đành phải đem gửi vào một loại "nhà an toàn", bí mật nhất, cẩn thận nhất, nhưng mà cũng công khai và bất ngờ nhất. Theo quan điểm của ông Ba, "nơi bình thường nhất lại là nơi an toàn nhất" và đó chính là nhà ông Vũ Chính. Ở đây vừa an toàn, vừa có điều kiện thường xuyên gặp gỡ, được các ông trực tiếp giáo dục, bồi dưỡng, giao nhiệm vụ. Nhưng nó lợi hại ở chỗ là không ai có thể ngờ được, đặc biệt khi có các "tai mắt dòm ngó" của ai đó thì họ cũng rất khó bị phát hiện, vì ông Vũ Chính là người chỉ huy toàn bộ lực lượng Tình báo Quân sự ở phía Nam. Nếu có phát hiện thì cũng không thể gây khó dễ cho những người khách đó được.

Gia đình ông Vũ Chính ở trong con hẻm trên con đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3 có cái sân thượng ở trên tầng 4, một phòng nhỏ vừa một người ở rất đẹp, yên tĩnh, mát và an toàn thường gọi là "tổ chim". Phòng đó là của cậu Dũng - con trai ông Vũ Chính. Mỗi khi có khách như vậy thì Dũng lại ôm chăn màn xuống dưới bếp nằm, dọn dẹp phòng thật sạch sẽ, nhường "tổ chim" cho khách.

Ở ngay chân cầu thang lên xuống là sập của cụ ngoại, 24/24 giờ cụ nghỉ ở đó, được giao nhiệm vụ "gác cầu thang", nên mỗi khi ai lên đó đều phải thông qua cụ, kể cả người nhà. Cụ rất phấn khởi khi được "giao nhiệm vụ", bảo rằng: "Tao gác cổng cho ông ngoại chúng mày hoạt động từ kháng chiến,

trước Cách mạng Tháng Tám ở Thái Bình. Mấy thằng Tây với mật thám tao còn không sợ. Đây có là gì". Mà cụ cũng rất nghiêm, kể cả người trong nhà lên gác cụ cũng hỏi đi đâu, làm gì chứ không được tự tiện. Khách muốn đi ra ngoài cụ cũng bảo quay lên, khi nào ông Vũ Chính cho phép mới được đi.

Bà Nhẫn thì là cấp dưỡng kiêm "chính ủy", được mấy anh "khách" trẻ hay gọi là "mự". Mỗi khi có chuyện gì, vui buồn cần tâm sự, thiếu cái nọ, cái kia, hay muốn gửi tý quà về cho gia đình thì "mự" đều lo chu đáo. Còn các em như Ngọc, Tuyết thì làm công vụ. Tức là cả gia đình tập trung phục vụ người khách không biết tên, tuổi, lý lịch, làm gì, ở đâu... nhưng đều coi như người thân thiết của mình. Cứ có "khách" là tất cả lại xúm vào chăm lo như con cháu trong nhà, và những người khách đó cũng coi đây như là một gia đình mà họ vô cùng yêu quý và biết ơn.

Có anh "cơ sở" còn đem lòng quý mến cô con gái lớn, nhưng không được cô đồng ý, còn "mự" cũng không ủng hộ vì đơn giản chẳng biết anh ấy là ai ngoài một cái tên chung là "khách". Đa phần những người này sau khi đã đi xa, mỗi khi quay trở về Việt Nam dù có bận đến mấy, bí mật như nào thì cũng tìm cách để quay về ngôi nhà đấy, thăm lại cái "tổ chim" an toàn ngày xưa, dăm câu ba điều với cụ, ông bà Vũ Chính và những người em thân thiết trong gia đình. Và đến tận bây giờ cả nhà cũng đều chưa biết các anh ấy tên thật là gì, quê quán ở đâu và ở đâu về... chỉ biết đó là "người mình".

Do sự đồng cảm công việc, nên quan hệ giữa hai ông Vũ Chính và Ba Quốc vừa là đồng chí, vừa là bạn, vừa mang

tình cảm anh em, gắn bó. Và không chỉ hai ông, mà còn gồm cả hai gia đình. Đặc biệt là bà Nhẫn, có thể nói là ông Ba thiếu cái gì bà đều biết, nhưng không nói ra. Ví dụ bà biết ông Ba rất thích uống cà phê, tháng nào bà cũng cung cấp cà phê nhà làm cho ông uống, còn cho thêm một ít để ông đi biếu những người khác. Bà không đưa trực tiếp mà đưa cậu Phú lái xe, bảo về đưa ông Ba là ông ấy biết. Hay lúc có ít quà tươi ở Campuchia gửi về như thịt, gạo, rau... thì bà Nhẫn cũng gửi sang cho gia đình ở bên kia một ít.

Con cả ông Ba là anh Phong trước đây học trường dòng, sau giải phóng học đại học. Anh học rất giỏi, được ông Ba phân công sang dạy mấy chị em con ông Vũ Chính thi đại học. Được anh Phong kèm cặp nên cô Ngọc, cô Tuyết đều thi đỗ. Còn anh Vũ nghịch ngợm, không sợ trời không sợ đất nhưng rất thông minh, học rất giỏi, cũng được ông Ba cử sang học với các em theo như cách nói của ông Ba là để làm quen với "cách học của miền Nam". Và sau này tổ chức các lớp có Vũ, vợ Vũ, hai con gái ông Vũ Chính cùng một vài con em cán bộ trong ngành cùng học.

❖ Ba lần bất ngờ vì cô "cháu gái" ông Ba

Trước khi đi Campuchia, tôi có lỡ hứa với ông Sáu Nam là "chưa nên người cháu chưa về" và cũng nói với ở nhà như thế. Rồi sau khi sang Campuchia gặp ông Ba Quốc, tôi cũng lại nói như thế. Từ năm 1984 đến năm 1985, các ngày lễ tết, ngày nghỉ, tôi đều không về.

Đến cuối năm 1985, chị Hà sốt ruột quá mới nhờ người đưa đến thưa với ông Sáu Nam:

- Thưa chú, cậu Vịnh đi 2 năm rồi mà chưa thấy về, không biết nó thế nào, công việc ra sao. Hỏi thì nó bảo nên người nó mới về, mà không biết bao giờ thì thằng này nó mới nên người. Mấy chị em cháu muốn nó về, vì gia đình chẳng còn ai cả. Năm nay chúng cháu đang chuẩn bị trả nhà 34 Lý Nam Đế theo yêu cầu của Tổng cục Chính trị. Nó không về thì sau này dự định ở đâu? Về đâu?

Thế là ông Sáu Nam đồng ý. Khi quay lại Campuchia, ông dặn anh Sáu Ngọc kêu tôi xin về. Công việc nếu không bận lắm thì về thăm nhà ít ngày.

Thời điểm đó chuẩn bị tết, tiêu chuẩn phép lúc đó không có, tôi xin phép ông Ba đi tranh thủ 4 - 5 ngày, theo nguyện vọng giải quyết công việc gia đình. Ông Ba đồng ý ngay, nói anh em về cả, cậu cũng về đi. Ông cũng dặn là về thăm gia đình vợ ông là bà Thanh ở Hà Nội, nhờ tôi đem quà về cho bà.

Anh Sáu Ngọc lo vé cho tôi đi chuyến Phnom Penh - Hà Nội, sau tết sẽ quay ngược lại. Anh còn dặn thêm: "Tiện thể nhờ chú đưa bạn thân tôi là cô Ngọc con ông Vũ Chính lên máy bay từ Pochentong về Hà Nội. Đến hôm nào quay lại thì thu xếp cho cô Ngọc đi chuyến bay từ Hà Nội đi Thành phố Hồ Chí Minh do Cục Tác chiến sắp xếp".

Buổi sáng chuẩn bị về Hà Nội, tôi lên đoàn ở Đài Độc Lập đón "con ông Vũ Chính". Khi ra đến sân bay thì có chuyện, cô này không có giấy tờ gì cả, có mỗi chứng

minh nhân dân. Họ hỏi đơn vị nào, bảo ở Đoàn 817 mà hỏi cụ thể làm gì, ở đâu thì lại ú ớ không biết. Tôi phải bảo Thạnh vào ký giấy bảo lãnh, rồi điện thoại nhờ anh Sáu Ngọc gọi điện nói với người ta thì mới đi được.

Khi máy bay hạ cánh xuống Hà Nội, tôi có nói mai sẽ đến thăm nhà ông Ba Quốc. Cô Ngọc mừng quá nói là đến nhà ông Ba Quốc thì cho cô đi cùng với. Tôi đồng ý và hẹn đến đón Ngọc cùng đi, cũng chỉ nghĩ đi cùng cho có bạn chứ không biết Ngọc quen biết với nhà ông Ba như thế nào.

Sáng hôm sau, tôi đón Ngọc cùng đến nhà bà Thanh, cũng chỉ định đến thăm một lát, sau đó đưa quà rồi về. Vào gặp bà Thanh mừng quá, mấy cô cháu miên man nói chuyện về ông Ba. Mãi sau tôi mới giới thiệu: "Cô ơi, đây là Ngọc, con chú Vũ Chính". Bà Thanh quay sang: "Ôi cháu là Ngọc con bố Vũ Chính à? Chú Ba kể chuyện về cháu nhiều lắm". Đến đây thì tôi gặp bất ngờ là bà Thanh lại biết rất nhiều về Ngọc. Ông Ba đã kể rất nhiều với bà Thanh nên mặc dù chưa gặp, nhưng bà biết rất rõ về cô. Bà nói: "Ông Ba ra đây hay kể về cháu lắm. Ông ấy khen cháu, bảo trong đó có con gái anh Vũ Chính ngoan lắm, khen nhiều lắm...". Rồi bà hỏi Ngọc chuyện gia đình ông Ba ở Thành phố Hồ Chí Minh, đến lúc này thì tôi tắt đài - vì bao nhiêu chuyện gia đình ông Ba ở miền Nam, chuyện nhà bà Xuân, các anh chị em... Ngọc lại biết quá rõ, ngồi tỷ tê hàng tiếng với bà Thanh rất tâm đầu ý hợp.

Tôi bất ngờ quá, tưởng mình đến thăm nói chuyện với bà Thanh, nhưng hóa ra Ngọc nói chuyện hợp với

bà ấy quá, hai cô cháu nói bao nhiêu chuyện, đến bữa bà Thanh giữ ở lại ăn cơm luôn. Từng câu chuyện được đưa đẩy rất gần gũi, cảm giác chúng tôi như người trong nhà.

Sau buổi gặp hôm đó, khi về tôi nói: "Thôi Ngọc cứ ăn tết. Sau tết gặp lại và tôi sẽ lo cho cô bay vào Thành phố Hồ Chí Minh". Chúng tôi hẹn nhau mùng Ba Tết tôi sẽ mời Ngọc đến nhà tôi. Chiều mùng Ba, đúng hẹn Ngọc đến, nhưng tôi xấu hổ quá khi nhà mình chả có bàn ghế, giường, tủ gì cả vì cả căn biệt thự rộng lớn đang chuẩn bị trả cho Nhà nước. Thế là ngồi bệt xuống nền nhà nói chuyện, không nước nôi gì, được một lát thì tôi hẹn Ngọc mai tôi sẽ đón, rồi đưa ra sân bay. Thế nhưng tối hôm trước vui vẻ với bạn bè quá, tôi ngủ quên mất, hôm sau lúc dậy thì trưa mất rồi. Đến chiều anh Sáu Ngọc mới điện gọi tôi ra Trạm 66, hỏi: "Anh đi đâu mà khách của tôi không đưa ra sân bay? Anh cũng không làm thủ tục đến nỗi nó phải nhờ người khác thu xếp, rồi lại phải điện thoại cho tôi, thì mới được lên máy bay về Sài Gòn. Thế bây giờ tôi phải nói với anh Vũ Chính như thế nào?". Lúc ấy tôi đành chống chế: "Bận quá em không liên lạc được, anh nói với cô ấy hộ em một câu nhé". Anh Ngọc nói: "Kệ anh, liệu mà xin lỗi cô ấy đi. Có mỗi cái việc cỏn con ấy mà cũng không xong...".

Sau đó thì tôi trả phép để quay lại Campuchia, vào khoảng mùng Năm, mùng Sáu Tết. Gặp lại ông Ba, trong bữa cơm chiều tôi kể lại với ông về việc qua thăm bà Thanh, ông chăm chú nghe và rất vui, nhất là khi tôi kể bà Thanh hỏi tỷ mỷ ông ăn những gì, mặc thế nào,... rồi kể chuyện ăn cơm có chị Giang, anh Sơn. Ông rất vui.

Rồi tôi kể thêm: "Hôm đó cháu có rủ cả Ngọc con chú Vũ Chính đến". Tôi lại ngỡ ngàng khi thấy ông thay đổi hẳn, thái độ mừng lắm, hỏi: "Thế à? Sao lại có chuyện đấy?". Tôi mới kể chuyện anh Sáu Ngọc gửi cô ấy ra Hà Nội, rồi tôi kể cả chuyện bà Thanh ngạc nhiên là cô Ngọc biết rất nhiều chuyện về bà mặc dù chưa gặp bao giờ, và ngược lại bà Thanh cũng hiểu rất rõ về gia đình ông Vũ Chính. Rồi cả chuyện gia đình bà Xuân trong Nam. Ông Ba hỏi: "Thế Ngọc nó kể chuyện, bà nhà tôi có nói gì không?". Tôi bảo: "Nghe xong cô vui vẻ lắm. Cũng hiểu thêm về gia đình chú ở trong kia và cô thêm yên tâm chú ạ".

Thế là câu chuyện chuyển sang hướng khác, lại một lần nữa làm tôi bất ngờ. Ông say sưa kể về cô gái này như một chủ đề mà ông rất hào hứng, rồi kể về chuyện kèm học của các anh Phong, anh Vũ nhà ông, rồi chuyện cô Ngọc hay sang để đưa quà Bắc cho gia đình ông.

Rồi tự nhiên ông bảo: "Ngọc nó tốt, đáng quý lắm đấy cậu ạ. Cậu quen cô ấy thì cư xử cho nó đàng hoàng, đừng làm cho nó buồn. Nó còn trẻ nhưng là một người phụ nữ nhân hậu, đức độ. Tôi quý nó lắm".

Tôi tưởng ông nói chơi, nhưng ngước nhìn lên thì thấy ông nói thật. Tôi chột dạ nghĩ bụng, tôi cũng chỉ mới gặp một vài lần, mới quen mà ông lại lấy câu chuyện nói nghiêm túc thế.

Tôi mới "mở" câu chuyện ra để phá bầu không khí nghiêm túc, về việc mời Ngọc đến nhà rồi lại phải ngồi đất, cả câu chuyện ngồi uống rượu với bạn bè rồi ngủ quên, sáng hôm sau dậy muộn lỡ việc bị anh Sáu Ngọc mắng.

Ông cười sảng khoái, nhưng rồi bảo: "Thế lúc nào gặp lại thì cậu xin lỗi cô ấy đi, chứ không mang tiếng cả tôi và anh Sáu Ngọc nữa đấy".

Thế rồi ít bữa sau có dịp về Thành phố Hồ Chí Minh vào dịp 30 tháng Tư, tôi hẹn gặp Ngọc vào buổi chiều. Chủ yếu là xin lỗi về câu chuyện ở Hà Nội, nhưng rồi quay sang câu chuyện về những người bạn cũ vô tình quen chung, những kỷ niệm chung. Ngày xưa tôi học trường Chu Văn An, nhà cô ấy thì đối diện trường.

Cuối cùng lại quay sang câu chuyện ông Ba và bà Thanh. Cô ấy kể với tôi về quan hệ với gia đình thế nào, cô Xuân ở trong này ra sao, còn tôi thì kể với cô ấy là Bà Thanh với ông ấy như thế nào.

Thế là ba lần gặp gỡ, ba lần nói chuyện thì chỉ nói chuyện về ông Ba và bà Thanh và gia đình trong này. Tất nhiên thời gian gặp nhau rất ngắn thôi, thế nhưng không hiểu vì sao, do vô tình hay hữu ý mà sau đó tôi lại hay được về Thành phố Hồ Chí Minh. Hồi đó, ở đơn vị để chuẩn bị cho việc rút quân thường vài tuần lại có chuyến đưa hồ sơ, tài liệu từ Campuchia về Việt Nam. Mỗi lần đi là từ 2 - 3 ngày và những người đi theo tài liệu thường là những cán bộ có ít việc. Nhưng thời gian đấy, tôi lại hay được giao áp tải tài liệu, kết hợp báo cáo tình hình với ông Ba Quang lúc đó đang ở Thành phố Hồ Chí Minh, thế là cứ một vài tuần ông Ba lại cử tôi về Thành phố Hồ Chí Minh.

Mỗi lần như vậy, tôi thường hẹn gặp Ngọc vào buổi chiều, hồi đó ở Thành phố Hồ Chí Minh tôi cũng không

có bạn bè gì. Kể ra tôi cũng hơi kẹt vì dù là đại uý rồi nhưng vẫn không có nổi cái xe máy, chỉ mượn được cái xe đạp cũ. Thứ nữa là có mỗi một bộ quần áo thường phục, ngủ thì ở đơn vị, mà tiền nong lại rất eo hẹp. Chỉ còn cách là vào Quân khu 7 mượn anh Sáu Ngọc cái xe Honda 90, mỗi lần mượn thì lại đem quá nửa bình xăng đi bán coi như là có tiền đi chơi rồi. Hồi đó cũng không dám vào quán xá sang trọng gì, ở đường Nguyễn Văn Trỗi, trước cửa Quân khu 7 có một quán ăn Hà Nội rất thanh lịch, buổi chiều ngồi rất mát, mà đồ ăn ở đó vừa hợp với mình lại vừa túi tiền. Quán có nem chua, trứng vịt lộn, tôi thì uống rượu đế, trà đá, Ngọc thì uống chanh muối. Mà Ngọc nhìn mình cũng biết ý nên ngồi lâu, nói nhiều chuyện nhưng đến lúc về cứ đòi thanh toán. Cũng may là nhờ cái bình xăng của anh Sáu Ngọc mới không để cô ấy phải trả tiền bao giờ.

Cứ như thế mỗi lần trở lại đơn vị, tôi lại kể với ông Ba những câu chuyện đấy, nội dung cũng không đầu không cuối, chỉ toàn chuyện linh tinh như mình phải đi mượn xe thế nào, đi bán xăng thế nào, cốt để cho ông vui. Sau này anh Sáu Ngọc biết, liền bảo: "Thôi cho mày thêm ít tiền để đỡ phải đi bán xăng". Rồi thấy tôi mượn xe nhiều quá nên cho luôn chiếc xe, "đỡ phải lần nào đi cũng mượn", anh Sáu Ngọc tâm lý như vậy. Ông Ba nghe xong cười rất tươi, khoái chí bảo tôi: "Hay thật cậu ạ, đúng là đâu có cần gì sang trọng, cái xe thì đi mượn, chiêu đãi thì bằng tiền bán xăng, quần áo chỉ duy nhất một bộ, thế nhưng mà vẫn thấy vui. Đấy cậu thấy không? Đâu cần gì nhiều đâu".

Sau một thời gian thì tôi với cô Ngọc trở nên thân nhau, mọi người trong đơn vị đều biết, chúng tôi chưa có gì chính thức cả, nhưng được mọi người rất quan tâm. Một người là con ông Đoàn trưởng, một người là đệ tử ruột của Đoàn phó, mọi người không thể không biết. Ủng hộ rất nhiều, cũng có người nói ra nói vào, nhưng trong những câu chuyện với ông Ba, thì ông mặc nhiên coi chuyện tôi và Ngọc gặp nhau là quá đúng, đúng cho cả tôi và cô ấy, tốt cho tôi nhiều hơn.

Sau khi chúng tôi quyết định đến với nhau, người đầu tiên tôi chia sẻ là ông Ba (trước cả khi tôi báo cáo chính thức với gia đình). Câu đầu tiên mà ông Ba nói là: "Tôi thấy quyết định của cậu quá đúng, tốt cho cậu nhiều hơn, chứ cô ấy thì không thiếu gì người quý mến đâu. Như thế này tôi mừng lắm".

Báo cáo xong với ông Ba thì tôi kể với anh Sáu Ngọc, anh bảo cái này phải báo cáo ông Sáu. Thế là tôi xin vào gặp ông Sáu Nam, ông hỏi:

- Đây mới là quyết tâm của các cháu. Gia đình bên kia có đồng ý không? Ý chú Ba Quốc thế nào?

- Thưa chú, cháu đã báo cáo với chú Ba Quốc, chú ấy rất mừng. Còn gia đình bên kia thì cháu chưa nói, nhưng bạn gái cháu thì quyết tâm ạ.

- Vậy ý kiến chị Hà và gia đình cháu có đồng ý không?

- Dạ thưa chú, cháu chưa kịp báo cáo.

- Chưa báo cáo với cả hai gia đình, làm sao các cháu dám quyết định?

- Thưa chú đây là chuyện của cháu và bạn gái cháu. Nhưng cháu tin chắc là tất cả mọi người sẽ rất đồng tình và mừng cho cháu lắm.

Nghe thế ông cười rồi nói:

- Thôi về báo cáo chị Hà đi, chú đồng ý. Mà cưới vợ thì cưới liền tay đi.

Sau đó tôi báo cáo với chị Hà và cả gia đình. Tôi nhớ là ông anh rể nói ngay: "Tao mới nhìn thấy nó một lần hôm tết, nhưng mà mày phải có người vợ hiền lành và tốt tính như thế thì mới nên người được".

Lúc bấy giờ lại có vấn đề là nhà tôi chẳng có ai để đi hỏi vợ cho tôi, bên này thì có đầy đủ bà, bố, mẹ còn nhà tôi thì chẳng có ai. Cuối cùng phải đi nhờ bà Hồ Thị Bi là bạn thân của mẹ tôi làm đại diện. Gia đình tôi thì có anh Bắc, chị Hà với anh Ngọc.

Hôm ăn hỏi, có bà Bi (đại diện mẹ tôi), anh Ngọc (giao thông viên), ông Ba (đại diện cơ quan), anh Bắc, chị Hà. Thế nhưng khi ngồi vào hỏi đến nhà trai thì chẳng ai phát biểu cả, bà Bi thì bảo: "Tôi là bạn chị Cúc nên tôi đến, mừng cho các cháu lắm, nhưng không biết nói gì". Rồi bà ngồi khóc. Anh Bắc, chị Hà không nói gì. Nhìn sang ông Ngọc thì bảo tôi chỉ là giao thông viên thôi, thế cuối cùng ông Ba phải xin thay mặt cả nhà trai và đơn vị để phát biểu. Ông nói về tôi, về vợ tôi và niềm tin của ông về hạnh phúc lâu dài của vợ chồng tôi. Rồi ông nói thêm:

"Có một việc nữa mà tôi rất mừng, cậu Vịnh có nhiều yếu tố để trở thành một người có ích sau này, nhưng có một điều mà cậu ấy thiếu là một gia đình của riêng cậu.

Xin lỗi anh Bắc, chị Hà, tuy là anh em ruột thịt nhưng không thể là gia đình của nó được. Thời gian qua về đây thì anh Vũ Chính, chị Nhẫn đã coi cậu Vịnh là người của gia đình rồi. Những tháng gần đây, biết cậu ấy không có chỗ ở, chị Nhẫn đã bảo cậu về ở với Dũng, như người con trong gia đình. Tôi nghĩ rằng đây là sự bổ sung cuối cùng, điều lo lắng cuối cùng của tôi đối với cậu ấy đã được giải toả".

Rồi ông bảo tôi: "Cái thiếu duy nhất của cậu là một gia đình, tôi ở với cậu mấy năm nay tôi biết. Chuyện ngày tết anh em về hết mà cậu không về, tôi biết là cậu buồn lắm, nhưng không có chỗ nào để về cả".

Đến đó thì nhà gái cũng không bổ sung gì thêm, chỉ nói ngắn gọn vài câu, dặn dò hai vợ chồng. Bữa cơm trưa hôm đó rất là vui vẻ. Sau đó tổ chức đám cưới ngoài Hà Nội và trong Thành phố Hồ Chí Minh.

NGÀY CHIA TAY

❖ Bên bà Thanh, những ngày tháng cuối đời

Khoảng năm 1987 - 1988, bà Thanh ốm thập tử nhất sinh.

Ông Ba bảo với tôi:

- Việc nhiều nhưng bà ấy ốm tôi phải ra cậu ạ!

Tôi cũng ra cùng, đưa ông đến căn nhà anh Thành mới xây trên miếng đất được cấp ở khu Bạch Mai, nơi bà Thanh nằm dưỡng bệnh ở đó.

Lần nào đến, tôi cũng thấy cảnh hai người già ấy cận kề bên nhau. Ông Ba ngồi ở cạnh giường cầm tay bà Thanh. Anh Thành bảo, ông cứ ngồi bên bà suốt, chăm sóc bà, cho bà ăn, xoa bóp chân cho bà, "cảm giác ông bà bù đắp cho nhau sau hơn hai mươi năm tình cảm xa cách vậy!".

Khi tôi đến, thấy cảnh ông cầm tay bà, ông bảo tôi:

- Bà ấy ngủ bao giờ cũng cầm tay tôi cậu ạ.

Có lần tôi ngồi phòng ngoài, cứ thấy ông rủ rỉ rù rì nói chuyện với bà, tôi "nghe lỏm" được ông đọc lại cho bà nghe những bức thư ông viết cho bà trong những ngày "chồng Nam vợ Bắc". Mỗi lá thư đều chất chứa bao sự việc trong quãng thời gian đầy khó khăn, khốc liệt của chiến tranh, cả những ẩn ức, day dứt về sự "xa mặt nhưng không biết có cách lòng" của người vợ và người chồng ở hai đầu đất nước. Sau này tôi được đọc tập thư ấy, những câu thơ thực sự đau đáu, chan chứa nỗi ngóng niềm mong của người vợ với chồng. Có lá thư chỉ vỏn vẹn... ba dòng. Sau này chị Giang kể cho tôi về một trong số các bức thư ông viết gửi bà Thanh năm 1957 - 1958. Thư bé chỉ bằng bàn tay. Chị Giang kể, năm chị 15 tuổi được mẹ đưa cho bảo chị cất giữ vì hồi đó mấy mẹ con cứ chuyển nhà liên tục nên bà sợ thất lạc.

Bức thư có nội dung thế này:

"Em Thanh,

Em và các con có khỏe không? Anh vẫn khỏe.

Anh Đức".

Chỉ mấy chữ đó thôi, có lẽ, những thế hệ ở thời bình khó mà đong đếm được nó "nặng nghĩa nặng tình"

đến như thế nào. Cảnh vợ chồng già lúc gần đất xa trời, đọc thư cho nhau để nhớ lại những năm tháng đã qua. Lúc bấy giờ, tôi chứng kiến cảnh ấy nhưng chưa hiểu hết, nhưng bây giờ mỗi lần nhớ lại những hình ảnh giản dị ấy, lòng tôi trĩu nặng.

Ông Ba ở trong Sài Gòn lâu năm, điều kiện ăn ở lúc đó khác biệt, từ những năm 60 của thế kỷ trước ông đã ngồi máy lạnh rồi, nên ở đâu cũng phải có quạt, ngay cả hồi ở Phnom Penh cũng phải có hai cái quạt vì ông không chịu được nóng. Khi ông ra chăm bà Thanh ốm, nhà mới xây không có quạt, tôi thấy ông lúc nào cũng nhễ nhại mồ hôi, nên bảo cậu Đồng:

- Cậu đi lắp cho ông Ba cái máy lạnh.

Khi lắp ông không cản, vì quả thực ông cần. Nhưng hôm sau tôi đến không thấy ông bật máy lạnh, mồ hôi vã ra đầm đìa, tôi hỏi:

- Chú ơi bật máy lạnh đi.

Ông lắc đầu:

- Thôi thôi, tôi không nóng đâu.

Tôi ngạc nhiên, lúc sau ra ngoài, anh Thành thì thầm:

- Bà không chịu được máy lạnh, nên ông sợ bà khó chịu, sợ bà bị lạnh.

Trời thì quá nóng bức. Ông Ba cứ ngồi bên bà Thanh như thế, chịu cái nóng như thế từ khi ông ra Bắc cho đến lúc bà Thanh qua đời.

Đám tang bà Thanh tôi không dự được. Bà được đưa về quê. Hôm đó cô Quyên - người đánh máy ở Đội X bên

Campuchia kể lại với tôi là lúc thay quần áo cho bà Thanh có chị Giang, cô Quyên và chị Sâm ở đó nhưng ông Ba bắt ra ngoài hết, ông bảo để ông thay quần áo và vệ sinh cho bà.

Tình cảm ông dành cho bà không nói thành lời, quá đỗi sâu nặng.

Nghĩ lại chuyện này tôi cứ vương vấn mãi hình ảnh ông ngồi chăm bà những ngày cuối đời, nóng như thế, mà ông chỉ phe phẩy cái quạt, rồi đọc thư, rồi rủ rỉ ngày đêm, cho đến lúc bà mất.

Ông Ba là con người lặng lẽ, không thể hiện, không trình bày, không bày tỏ về nỗi đau, về sự thương xót hay lo lắng. Ông cứ trầm ngâm vậy, ân tình ông cất giấu trong lòng.

❖ Những ngày cuối đời

Một ngày đầu năm 2003, tôi nhận được tin ông Ba yếu. Thực ra lâu nay ông không có bệnh gì, nên tin ấy khiến tôi lo lắng.

Tôi nhớ chỉ có một lần vào khoảng năm 1991 - 1992, ông Ba bệnh nặng, nằm ở Bệnh viện Thống Nhất, cả ông Tư Văn lúc đó cũng bệnh cũng nằm viện. Hai ông đều có bệnh lạ, cứ sốt cao kéo dài nhưng không khỏi. Các bác sỹ bảo không tìm ra nguyên nhân vì sao hai ông sốt, vì xét nghiệm thì sốt xuất huyết không phải, sốt rét không phải, cũng không thấy con virus nào trong người các ông.

Tôi từ Campuchia về, lật đật vào Bệnh viện Thống Nhất thăm hai ông. Ông Ba nằm tầng trên thuộc khu cán

bộ cấp tá, còn ông Văn nằm khu cao cấp vì lúc ấy ông Văn là Thiếu tướng.

Khi đó chúng tôi rất lo vì hai ông đều sốt không rõ nguyên nhân, trong khi các ông đều đã cao tuổi. Không biết ông Văn nghe ai mà ông ấy rủ ông Ba uống nước tỏi ngâm rượu. Chỉ nghĩ đến thôi tôi cũng đã không thể chịu được cái mùi kinh khủng ấy. Vậy mà sáng nào hai ông cũng chia nhau uống ừng ực mỗi ông ba ly, trưa cũng thế, chiều cũng thế. Cái chai mở ra mùi sực cả phòng, thế nào mà uống vào cả hai ông đều khỏi sốt. Bác sỹ giải thích đó là loại virus sốt rét gì đó mà người ta chưa tìm ra trong điều kiện thông thường.

Một lần khác ông Ba ốm, lúc đó chưa phát hiện ung thư, ông chỉ ốm sốt, mệt. Lúc đó tôi đề nghị với ông:

- Chú ơi cháu nghe ở nước ngoài điều trị bệnh rất tốt, cháu đã báo cáo với các anh trên Bộ, chú đi nước ngoài một chuyến, kiểm tra sức khoẻ, nếu có bệnh gì thì điều trị ở đó một thời gian cho khỏe, chú đưa cả cô đi cùng nữa.

Ông gạt ngay:

- Không, có gì chữa trong nước được rồi cậu ạ.

Ông Ba chẳng bao giờ đi nước nào ngoài Campuchia, tất nhiên là công việc của ông không phải lúc nào cũng liên quan đến nước ngoài, nhưng cũng có lúc cần phải đi, những lúc ấy ông đều từ chối. Đáng lý người ta đi nước này nước kia để vừa làm việc, vừa thăm thú, tìm hiểu xem họ sống thế nào, nhưng với ông Ba, chuyện đó ông gạt sang một bên, không màng. Ông có đặc tính cố hữu như thế.

Đó là tất cả những gì liên quan đến ông Ba gọi là ốm.

Cho đến khi tuổi cao, ông vẫn ăn cơm, uống rượu, minh mẫn và không vấn đề gì.

Nhưng hôm ấy tự nhiên nghe anh em báo: "Chú Ba có vấn đề, phải nằm viện, bị sốt cao". - Tôi vội vào với ông ngay.

Tôi cũng nghĩ ông sốt rét hoặc sốt xuất huyết, nhưng khi tôi vào viện thì bác sỹ nói ông Ba bị ung thư tuyến mật, do không phát hiện sớm nên đã chuyển sang giai đoạn cuối.

Từ khi biết tin đó, dù tôi ở Hà Nội nhưng lần nào vào Sài Gòn tôi cũng qua viện ngồi với ông.

❖ Câu chuyện với cô Bảy Huệ

Cũng liên quan đến loạt bài viết về ông Ba Quốc, "Ông Thiếu tướng tình báo với những điệp vụ siêu hạng" của nhà báo Hoàng Hải Vân - Tấn Tú, đã phát sinh một câu chuyện đáng nhớ mà tôi khá mệt mỏi để xử lý trong những ngày cuối đời nằm viện của ông Ba.

Đó là câu chuyện về phu nhân của ông Nguyễn Văn Linh (cố Tổng Bí thư), khi bà đọc một trong số các bài báo của Hoàng Hải Vân - Tấn Tú có viết về việc ông Ba cứu Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, khi ấy còn là Bí thư Đặc Khu ủy Sài Gòn - Gia Định.

Còn nhớ hôm đó báo ra đến số 7, số 8 thì tôi nhận được ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Bí thư là ông Ba kể chuyện này sai, cô Bảy Huệ vợ chú Nguyễn Văn Linh có thư gửi Ban Tuyên giáo Trung ương về việc đó. Tổng cục

đã trả lời ngay là chuyện này hoàn toàn chính xác không có gì sai, không có gì mật cả. Rồi cấp trên yêu cầu tôi đến gặp cô Bảy Huệ để giải thích và thu xếp chuyện này.

Trong tâm thế của người hiểu rõ câu chuyện cũ ấy, tôi đến nhà cô Bảy Huệ ở phố Trần Quốc Toản (Thành phố Hồ Chí Minh). Cô Bảy khi đó là Giám đốc Bảo tàng Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh, có thể nói cô như là một biểu tượng của phụ nữ miền Nam. Khi tôi đến nhà, thấy trên bàn có mấy số báo của Hoàng Hải Vân - Tấn Tú, tôi biết là cô đã đọc rất kỹ các bài báo về ông Ba Quốc. Vì vậy tôi giải thích ngay với cô vì sao có chuyện ông Ba giải cứu Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Tôi có kể lại nguyên văn câu chuyện ông Ba từng kể với tôi và trong hồ sơ cũng lưu như thế.

Thực ra, tôi đã được gặp chú Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh) nhiều lần khi còn nhỏ. Sau này khi ông làm Tổng Bí thư thì tôi cũng được trực tiếp phục vụ ông vài lần. Nhưng cô Bảy Huệ khăng khăng:

- Chuyện này cô không thấy chú kể.

- Thưa cô, bây giờ đọc thì cô mới biết là chú được người cứu. Còn chú khi đó thì không biết là ai cứu và vì sao chú thoát, vì nếu chú biết thì người khác cũng sẽ biết, như thế thì ông Ba Quốc đã chết rồi. Đây là câu trả lời vì sao hồi đấy chú bị đưa vào danh sách truy bắt của cảnh sát Sài Gòn mà lại thoát được.

Nghe đến đây, cô Bảy Huệ chùng hẳn, nhưng lại đưa câu chuyện sang hướng khác:

- Viết thế là không chính xác, người ta lại tưởng chú được cứu lúc làm Tổng Bí thư trong khi lúc đó chú mới là Bí thư Đặc Khu ủy Sài Gòn - Gia Định thôi.

Cô nói ý này thì tôi biết là Hoàng Hải Vân viết "hớ". Còn nhớ trước khi đến gặp cô Bảy, Hoàng Hải Vân - Tấn Tú kêu với tôi:

- Anh Năm ơi, giờ làm sao chứ bà xuống tay tụi tôi chết ráo hết.

Thấy cô Bảy Huệ đã nhẹ lòng, tôi cũng chùng giọng:

- Thưa cô, đúng là cái này có khiếm khuyết, phải viết là "cứu người sau này sẽ trở thành Tổng Bí thư" thì chính xác hơn, cái này thay mặt anh em báo chí cháu xin nhận lỗi với cô. Nhưng tốt nhất là cô nên gặp chú Ba Quốc. Có gì cô trao đổi thêm với chú ấy.

- Ông ấy đang ở đâu?

- Chú ấy đang nằm trong Bệnh viện quân y 175, đang ốm nặng rồi, cô cứ vào gặp chú ấy ở đó may ra còn kịp.

Thực ra, cô Bảy Huệ hồi xưa cũng rất thân gia đình tôi, cũng rất biết tôi, và hiểu thái độ của tôi lúc ấy, nên cô bảo: "Thôi bỏ qua chuyện này, cháu cho cô gửi lời hỏi thăm chú Ba".

Tôi biết trước đó cô Bảy Huệ đã gặp ông Hai Trung rồi, vì ông Nguyễn Văn Linh cũng là một trong những người tuyển mộ ông Hai Trung từ ngày đầu. Ông Hai Trung chỉ nói:

- Chuyện này tôi không biết cụ thể vì hậu địch thì chuyện ai người nấy biết, nhưng tôi chỉ biết một điều là ông Ba Quốc không bao giờ nói dối, không bao giờ bịa chuyện.

Sau đó cô Bảy Huệ cho người đem đến gửi ông Ba Quốc một giỏ trái cây. Tôi không kể cho ông Ba Quốc về cuộc gặp trước đó, chỉ nói với ông Ba: "Cô Bảy Huệ vợ chú Nguyễn Văn Linh gửi cho chú lẵng trái cây vì đọc bài của chú về chuyện giải cứu ông Linh". Ông Ba vui lắm.

Rồi tôi ra Hà Nội.

❖ Quạ "đen", Châu "gối"

Như tôi đã nói, ông Ba "bỏ" về Nam từ năm 2000, sau khi tôi làm Tổng cục trưởng được vài tháng. Đó cũng là khoảng thời gian mà tình hình Tổng cục II rất khó khăn. Nhưng khi ông vào viện, tôi hay vào Thành phố Hồ Chí Minh công tác hơn, mỗi lần vào công tác thì hầu như ngày nào tôi cũng vào viện ngồi với ông, lần nào ông cũng hỏi:

- Tình hình khó khăn không?

Tôi có nói với ông:

- Tình hình đỡ dần chú ạ!

Nhưng ông nghe và lắc đầu, ông không tin lời tôi nói.

Mặc dù nằm viện, nhưng ông Ba vẫn có nhiều nguồn thông tin và ông hiểu là thực sự khó khăn. Tôi nhớ mãi đến lúc rất yếu rồi, ông vẫn chỉ có một câu hỏi đó dành cho tôi mỗi lần gặp. Bây giờ tôi hiểu, ông cảm thấy bất lực vì không chia sẻ với tôi được. Tôi chỉ tiếc là sóng gió không qua sớm hơn để tôi báo với ông, để ông thanh thản, an tâm, vì ông không chỉ lo cho tôi, mà ông lo cả cho ngành Tình báo nữa.

Đến đầu tháng Ba năm 2003, bệnh ông trở nặng hơn.

Trong quá trình ông nằm viện thì mọi người đến thăm và có những chuyến thăm rất đặc biệt mà tôi nhớ.

Đó là chuyến thăm của hai người từ Mỹ về.

Hồi đó, trong những câu chuyện của ông Ba mà nhà báo Hoàng Hải Vân - Tấn Tú đã viết đăng tải trong loạt bài trên báo Thanh Niên thì ông có kể về câu chuyện ba người "đàn em" là Châu "gối", Quạ "đen" và Thạch Sanh.

Về ba người này, trong báo cáo của ông Ba ghi: Đây là những tay dao búa, anh chị ở Hà Nội, Từ Sơn, lính biệt động của Pháp,... Nhưng thực chất họ là những đàn em rất trung thành, tin cậy với ông, là lính commăngđô (commando - biệt kích) kiểu xã hội đen nhưng được ông cảm hóa, giúp việc cho ông.

Khi ông Ba nằm viện, sức tàn lực kiệt, cũng là lúc bài báo của Hoàng Hải Vân - Tấn Tú viết về ông đăng tải đến số 15, trong số đó thì những bài báo đầu tiên đã đến tay bạn đọc bên Mỹ. Nào là chuyện về con tàu chở vàng, chuyện về Dương Văn Hiếu, Trần Kim Tuyến,... được cộng đồng người Việt ở Mỹ chuyền tay nhau đọc. Ba người đàn em này đọc bài báo và họ nhận ra "ông Tá" - người chỉ huy của họ thuở nào.

Vì thế, một hôm tự dưng có hai người đàn ông trên tay cầm tờ báo Thanh Niên vào Bệnh viện quân y 175, tha thiết "xin cho chúng tôi gặp ông Tá". Khi được dẫn đến gặp ông Ba, hai người đàn ông khóc bù lu bù loa như con nít:

- Trời ơi anh Tá ơi, bao năm không có tin anh, tụi em về nước nhiều lần mà không tìm được anh, tụi em đọc bài báo nhận ra anh liền mua vé về ngay vì sợ anh chết không được gặp. Đáng ra về cả ba thằng nhưng thằng Thạch Sanh nó cũng ốm liệt.

Lúc đó ông Ba nằm trên giường, rất yếu nhưng vẫn gượng cười hỏi:

- Khỏe không?

Rồi ông hỏi vợ con, cuộc sống của họ ở Mỹ. Mấy ông vừa sụt sùi vừa kể:

- Chúng em về Việt Nam bao lần mà không biết tìm anh ở đâu.

Rồi vừa kể lại chuyện xưa vừa khóc như người ruột thịt.

Tôi hỏi:

- Thưa, các anh mới ở bên kia về?

- Đúng, chúng tôi vừa về vì đọc báo Thanh Niên thấy bài về ông Tá.

Họ giơ tờ báo đã nhàu nhĩ vì chuyền tay nhau đọc. Hồi đó ở Mỹ chỉ có báo giấy, chưa có phiên bản điện tử, nên khi đọc biết là ông Tá họ rủ nhau về liền để thăm ông, bảo sợ ông chết không gặp được thì ân hận lắm.

Ông Ba bảo:

- Thôi các chú về đi, tôi cảm ơn!

Rồi quay sang dặn tôi:

- Cậu xem các anh ăn ở thế nào, lo lắng cho chu đáo.

Nhưng các ông ấy quay sang bảo tôi:

- Chúng tôi ở khách sạn, về thăm anh Tá thôi, còn ở Việt Nam ngày nào chúng tôi cũng sẽ vào thăm anh.

Ông Ba nghe vậy nhỏ nhẹ nói với họ:

- Thôi không phải vào thăm nữa, cần tôi sẽ nhắn, có gì báo địa chỉ cho chú em đây.

Lấy địa chỉ xong, lúc quay vào tôi có hỏi ông Ba:

- Chú Ba, mấy ông này lúc chú kể chuyện với cháu và báo chí thì họ mang tên khác mà?

Ông nói với tôi:

- Kể cả với cậu, tôi cũng không nói tên, vì các ông này gia đình ở Mỹ, mình nói lộ ra sợ phiền phức đến họ nên tôi mới giấu tên của họ.

Tôi hiểu rằng, ông Ba đổi tên để bảo vệ họ, mặc dù ông biết họ chẳng làm sao đi chăng nữa thì ông vẫn đổi tên.

Khi bệnh ông Ba trở nặng, tôi báo với chị Giang, anh Thành, cùng cả gia đình ngoài Bắc vào với ông, còn bà Thanh lúc đó mất rồi. Hằng ngày cả nhà đều túc trực trong viện vì biết ông sắp đi.

Đầu tháng Ba, ông không còn ăn được nữa, căn bệnh ung thư giai đoạn cuối khiến ông ngày một đuối sức dần. Các con trong Nam, ngoài Bắc không dám rời xa giường bệnh.

Hôm ấy thấy tôi vào, anh Thành bảo:

- Anh Vịnh ơi, giờ bố không ăn được, ông lười ăn lắm, nấu gì ông cũng không ăn.

Tôi nói với ông Ba:

- Thưa chú, chú chưa chết được đâu, bây giờ người ta có thuốc hiện đại lắm, nhưng chú phải ăn để có sức khỏe để còn giúp bọn cháu.

Ông lơ mơ bảo:

- Ừ!

Ông "ừ" nên tôi yên tâm ra bảo mọi người nấu gì cho ông ăn, dặn nấu món mà hằng ngày ông thích. Tối đó anh Thành gọi điện bảo:

- Anh nói thế nào mà bố cố ăn ba bát súp, giờ chướng bụng lên không đi ngoài được, phải thụt tháo.

Tôi sợ quá, từ đó không dám động viên ông ăn nữa. Ông ăn là vì tôi bảo ông phải giữ sức khỏe, ở lại với tôi để cùng vượt qua những khó khăn nhất của ngành mình.

Rồi tôi ra Hà Nội.

Ngày ông Ba mất, tôi không có trong đó.

Sau này tôi hỏi chị Giang:

- Những ngày cuối đời ông Ba dặn dò gì các anh chị không?

- Chả biết ông có dặn cậu Thành gì không, nhưng ông chả dặn gì chị. Ngày nào chị cũng vào, nhưng chủ yếu bố giở tài liệu xem, chị ngồi cạnh thỉnh thoảng nói chuyện với bố. Bố chỉ nói nhiều nhất khi Vịnh vào, những lúc ấy cảm giác như hai người là "tình nhân" với nhau, không dứt ra được. Trong khi các con ở bên thì bố chỉ gật đầu "con đi làm đi", "con đi ăn đi". Chị nhớ Vịnh còn dặn "ông nói gì thì ghi âm nhé" - nhưng bố có nói gì đâu, ngoài lúc nằm trên

giường bệnh thì lúc nào dậy được là bố chắp tay đi đi lại lại, có lúc đi ra hành lang.

Chị Giang cũng kể một câu chuyện rất "ám ảnh" những ngày cuối đời của ông Ba.

- Lúc đau bố không hề kêu than, chỉ nghiến răng thôi, nghiến đến nỗi rơi cả răng ra. Chị thấy bố ho một cái mà cái răng văng ra ngoài, chị bảo: "Thành ơi răng của bố", rồi nhặt gói lại. Khi bố mất, chị để chiếc răng ấy vào trong áo quan.

❖ Vĩnh biệt ông Ba Quốc

Ngày ông Ba mất, tôi không có mặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khi nghe tin, tôi bay vào ngay. Đầu tiên gặp gia đình, tôi xin phép gia đình đứng ra làm đám tang cho ông đúng như ý ông muốn, đúng với tính cách của ông: giản dị.

Đám tang của ông Ba diễn ra giản dị đúng như con người ông, như cuộc sống của ông. Chỉ có điều tôi rất bất ngờ là tất cả các đồng chí lãnh đạo, kể cả người đã nghỉ hay đang tại vị, đều đến viếng hoặc gửi vòng hoa, thư, điện chia buồn với lời lẽ thương tiếc, kính trọng ông. Đám tang của ông Ba cũng có rất đông người đến tiễn đưa, có rất nhiều người lạ mặt, những người chỉ biết ông qua loạt bài trên báo Thanh Niên.

Đám tang ấy tuy buồn, nhưng lại là kỷ niệm rất ấm áp về tình anh em, đồng đội của chúng tôi, những người

từng phục vụ ông Ba. Tục lệ trong Nam là khi một người thân mất, gia đình thường để linh cữu ở nhà tang lễ qua đêm, mọi người đến ăn cơm, uống rượu, chia sẻ với nhau những kỷ niệm về một người đã mất.

Ở đó, tôi gặp lại tất cả những người đồng chí, đồng đội của tôi từ khi ở Campuchia, mà lâu lắm tôi không có dịp gặp lại, vì người đã chuyển sang đơn vị khác, người nghỉ hưu, người ra quân, người trong Nam, người ngoài Bắc, người ở miền Trung, người ra nước ngoài... Gần như tất cả những người tôi biết từ thời ở Campuchia đều tụ hội về tối hôm ấy. Một đêm của ông Ba. Tất cả mọi người ngồi uống rượu, mọi câu chuyện đều hướng về ông Ba, những kỷ niệm về ông Ba, ngày xưa được làm gì với ông Ba, ngày xưa bị ông Ba la như nào, ngày xưa sợ ông Ba ra sao... Mọi người gần như sống lại cả cuộc sống mà ông Ba gắn bó ở chiến trường Campuchia.

Ông Ba có hai quãng thời gian dài nhất và đáng nhớ nhất, đó là trong địch hậu, nhưng lúc ấy thì ông không có bạn mà chỉ toàn là địch. Quãng thời gian đáng nhớ thứ hai là ông hoạt động ở Campuchia và sau đó trở về Thành phố Hồ Chí Minh, khi đó tất cả chúng tôi quây quần xung quanh, phục vụ ông và được ông dạy bảo, rèn giũa nên người.

Lúc đó chúng tôi đều chung cảm xúc hụt hẫng, mất mát. Những kỷ niệm về ông Ba ùa về đan xen trong mỗi chúng tôi.

Sáng hôm sau ngày ông Ba mất, tôi bảo cậu Chất:

- Mười mấy năm cậu phục vụ ông, giờ vào thay quần áo cho ông, rồi bế ông ra ngoài này chứ đừng để ông ra bằng băng ca.

Ông được Chất bế ra, chúng tôi đi theo sau, lúc đó chỉ có tôi và Tư Ẩn cùng gia đình và vài người thân.

Sau đó chúng tôi tiễn đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng.

Có một câu chuyện mất rồi mà ông vẫn làm tôi sửng sốt, bất ngờ. Sau khi làm lễ tang thì cậu Quang - con út của ông, đến đưa cho tôi phong thư bảo:

- Anh Năm ơi, bố gửi cho anh bức thư, bố dặn khi bố chết rồi hãy đưa cho anh.

Tôi cầm bức thư, tay run lên vì không biết ông trăng trối điều gì, lại còn dặn là chỉ khi chết mới được mở thì chắc là phải nghiêm trọng lắm. Bởi vì ông tỉnh cho đến phút cuối cùng, rồi cứ thế ra đi trong im lặng.

Khi tôi mở thư ra, ông viết:

"...Tôi còn tiêu chuẩn một suất đất 40 mét vuông, đề nghị cậu cấp cho chị Thương và làm thủ tục giúp tôi.

Ba Quốc".

Tôi quay sang than với Quang:

- Trời đất, ông già kỳ cục, không bảo tao một tiếng tao cấp cho liền, nói từ đầu chứ khi đi rồi mới bảo. Tưởng ông viết trăng trối gì hóa ra chuyện này.

- Không, bố dặn thế là em biết ý bố rồi.

Cuối cùng thì cũng hiểu, ông không muốn chúng tôi cấp cho chị Thương miếng đất khi ông còn sống, như thế

ông cảm thấy gây sức ép cho tôi. Nhưng có lẽ, lúc đó các con ruột của ông như chị Giang ngoài này, hay Quang trong kia cũng chưa có đất, nên việc ông cho con dâu đất sẽ gây khó xử trong gia đình. Bởi vậy nên ông mới viết dặn tôi, đấy là tôi nghĩ thế.

Một cử chỉ đẹp cuối cùng của ông là lo cho người con dâu, một người phụ nữ chỉ vì chống tham nhũng mà bị kẻ xấu thù hằn thuê côn đồ tạt axít nên cả đời chịu khổ.

❖ **Vĩ thanh**

Tôi đã đọc lại những trang ghi chép này không biết bao nhiêu lần. Mỗi lần đọc, tôi thấy vừa thiếu, lại vừa thừa. Điều quan trọng nhất muốn nói thì lại chưa đúng ý mình, đó là những bài học cuộc đời mà qua gần gũi với ông Ba Quốc, tôi đã thu nhận được để trui rèn bản thân trở thành người có ích trong quá trình phụng sự Tổ quốc, Quân đội và ngành Tình báo.

Nhưng rồi tôi ngẫm lại, viết về một con người như ông Ba Quốc vô cùng khó, chiêm nghiệm được những bài học từ ông lại càng khó hơn. Tôi quyết định không nói gì thêm, mà chỉ đơn giản kể lại những câu chuyện mà mình được biết, được nhìn, được nghe và được hiểu trong quãng thời gian tròn hai mươi năm được gần gũi với ông Ba.

Tôi nhớ tới câu nói cuối cùng của ông Ba trong cuốn sách "Tình báo không phải là nghề của tôi". Đối với ông, có hai điều quan trọng nhất trong cuộc đời, đó là tình yêu và lý tưởng. Tình yêu chỉ có một và lý tưởng cũng chỉ có một mà thôi. Tình yêu của ông Ba là tình yêu Tổ quốc, tình yêu

gia đình, tình yêu dành cho cái đẹp và lẽ phải. Lý tưởng của ông cũng vậy, điều cao nhất ông hướng tới là hy sinh tất cả những gì mình có để đất nước có độc lập và hòa bình, người dân được hưởng hạnh phúc.

Cuộc đời ông Ba Quốc - người thầy trân quý của tôi, là như vậy. Trí tuệ, bản lĩnh. Hy sinh vì lý tưởng và sống chết vì tình yêu. Một người thầy, một cuộc đời đức độ, nhân văn và rất đỗi bình dị.

Tháng Mười một năm 2022
NGUYỄN CHÍ VỊNH

KHOẢNH KHẮC VÀ CUỘC ĐỜI





Tư lệnh Mặt trận 719 Lê Đức Anh dự lễ trao tặng danh hiệu
Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Đoàn 817, năm 1982



Tư lệnh Mặt trận 719 Lê Đức Anh dự lễ trao tặng danh hiệu
Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Đoàn 817
tại Phnom Penh, Campuchia, năm 1982



Hội nghị mừng công Đoàn 817 tại Phnom Penh, Campuchia, năm 1982



Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Lê Khả Phiêu làm việc với Cục 12, năm 1992



Chủ tịch nước Lê Đức Anh làm việc với Đoàn 12, năm 1994



Phó Thủ tướng Phan Văn Khải gặp mặt các cán bộ tình báo, năm 1995



Tổng Bí thư Đỗ Mười làm việc với Cục 12, năm 1996



Chủ tịch nước Lê Đức Anh làm việc với Cục 12, năm 1996



Tổng Bí thư Đỗ Mười thăm đơn vị tình báo Khoa học công nghệ Cục 12, năm 1998



Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Đoàn Khuê thăm đơn vị tình báo Khoa học công nghệ, năm 1998



Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu gặp mặt các cán bộ tình báo phía Nam tại Cục 12, năm 1999



Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng cục II chụp ảnh cùng Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Phạm Văn Trà, năm 2001



Hội thi Điệp báo giỏi toàn Tổng cục II, năm 2003



Buổi gặp mặt của Phòng Tình báo Miền (J22) tại Thành phố Hồ Chí Minh



Các "ông già tình báo" tại 3A Bạch Đằng, Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1995
(từ trái sang, hàng ngồi: Tư Văn, Mười Hương, Trần Hiệu, Vũ Chính, Ba Quốc;
hàng thứ hai: Trường Tiến, Mười Nho, Sáu Trí, Năm Thủy, Hai Nhạ,
Trần Tiến Cung, Ông Tự (Cục 11);
hàng thứ ba: Hai Trung, Trí Anh, Sáu Cúc và một số cán bộ Cục 12)



Ông Ba Quốc tại căn cứ K4, Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1993



Cục phó Cục 2 Nguyễn Như Văn *(bên trái)* trao quyết định
giao nhiệm vụ Đoàn phó Đoàn 817 cho Thượng tá Đặng Trần Đức
tại Phnom Penh, Campuchia, năm 1981



Ông Ba Quốc và ông Vũ Chính



Thủ tướng Võ Văn Kiệt và ông Ba Quốc, năm 1995



Ông Sáu Nam và ông Ba Quốc, năm 1998



Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình và ông Ba Quốc, năm 1998



Ông Ba Quốc và Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Lê Văn Dũng



Ông Ba Quốc, ông Vũ Chính và tác giả
đến thăm, chúc sức khỏe Chủ tịch nước Lê Đức Anh



Đại tướng Lê Đức Anh chụp ảnh cùng tác giả
và Đại tá, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân
Nguyễn Ngọc Ẩn (Tư Ẩn) Đội Z



Ông Ba Quốc và ông Vũ Chính trên chiến trường Campuchia



Ông Ba Quốc và ông Ba Quang



Ông Ba Quốc
và bà Tư Trầu - giao thông
lưới H63



Bà Thanh và chị Giang tại
Nông trường Phú Thọ



Ông Ba Quốc
và bà Thanh
sau năm 1975



Ông Ba Quốc
và bà Thanh,
năm 1994



Ông Ba cùng gia đình ngoài Bắc



Ông Ba cùng gia đình trong Nam



Ông Ba và chị Giang
tại Hà Nội, năm 1994



Gia đình chị Giang, anh Sơn cùng ông Ba và bà Thanh tại Hà Nội



Anh Quang và hai con cùng ông Ba và bà Xuân



Ông Ba Quốc cùng ông Vũ Chính và tác giả tại Hà Nội, năm 1994



Ông Ba Quốc cùng bà Thanh và tác giả tại Hà Nội, năm 1994



Ông Ba Quốc cùng tác giả, Nguyễn Ngọc Ẩn (Tư Ẩn),
Nguyễn Văn Sị (Sị "đen") Đội Z



Tác giả cùng Nguyễn Ngọc Ẩn (Tư Ẩn) Đội Z



Thiếu tướng Đặng Trần Đức - Cục trưởng Cục 12 và Trung tá Nguyễn Chí Vịnh - Cục phó Cục 12, tại 3A Bạch Đằng, Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1994

MỤC LỤC

Lời giới thiệu 7

Lời nói đầu 9

Chương một

ÔNG BA QUỐC 13

Buổi chia tay 15

Hai mươi năm gắn bó 18

"Tình báo không phải là nghề của tôi" 24

Chương hai

CAMPUCHIA - NHỮNG BÀI HỌC ĐẦU TIÊN 33

Lần đầu tiên gặp ông Sáu Nam 35

Đơn vị mới 40

Bài học đầu tiên 53

Đội "z" 65

Chuyến công tác đầu tiên 78

Lớp tập huấn nghiệp vụ 28 96

Tôi làm ông Ba băn khoăn 99

Đi giữa hai mùa 113

Chương ba

ÔNG BA VÀ ĐỒNG ĐỘI 153

Cơ cán đi sâu - điệp viên Trần Văn Tá 155

Những câu chuyện trong hậu địch 180

Chuyện về các "ông già tình báo" 213

Kịch bản "Liên Xô tan vỡ 233

Chương bốn

NGHỀ TÌNH BÁO, NHỮNG ĐIỀU ĐƯỢC TRAO TRUYỀN 249

Những nẻo đường phía Bắc 251

Ký ức về những cố nhân 259

Ba người thầy 281

Chương năm

TẦM NHÌN MỚI, CHÂN TRỜI MỚI 309

Tiếp tục trả lời câu hỏi về Liên Xô và Đông Âu 311

"Bài toán" tự lực về vũ khí 322

Những nền móng cho tương lai 326

Chương sáu

TRỞ LẠI CAMPUCHIA 341

Campuchia thuở hồng hoang 343

Hiệp định hòa bình Paris 347

Tìm đường trở lại 353

Vượt qua những thử thách mới 363

Chuyến thăm Campuchia của ông Sáu Nam 372

Chương bảy

NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐỜI 377

Khi thầy làm cố vấn cho trò 379

Bà Thanh và gia đình 390

Bà Xuân và gia đình trong Nam 428

Ông Ba và gia đình tôi 438

Ngày chia tay 451

Chương kết

KHOẢNH KHẮC VÀ CUỘC ĐỜI 469